Thiền Tông Chỉ Nam (Thích Nguyên Giác dịch)

Thiền Tông — sách & giảng giải

Đức Phật đến như thế này .
Sùng Sơn đến như thế này .
Quý vị cũng đến như thế này.
“Như thế này ” là gì?
Thủ bút và chân dung Thiền sư Sùng Sơn (1927–2004)

NỘI DUNG

LỊCH ĐẠI TRUYỀN ĐĂNG
LỜI NGƯỜI DỊCH – Thích Giác Nguyên
LỜI GIỚI THIỆU – Mahahosananda
LỜI NÓI ĐẦU– Stephen Mitchell
LỜI BIÊN TẬP – Thiền sư Huyền Giác
LỜI TỰA –Thiền sư Sùng Sơn
1) ĐẠO PHẬT

Mục đích của Đạo Phật Phân loại Phật giáo Cơ cấu Phật giáo

2) PHẬT GIÁO TIỂU THỪA

Quán Vô thường (Bát Khổ)
Quán Bất tịnh
Quán Vô ngã
Duyên khởi
Mười hai Nhân duyên
Bốn Diệu Đế (Khổ, Tập, Diệt, Đạo)
Tám Con đường Chánh
Ba Pháp Ấn (Các hành vô thường. Các pháp vô ngã. Niết bàn tịch tịnh)
Ba pháp thực hành (Giới, Định, Tuệ)
3) PHẬT GIÁO ĐẠI THỪA

Kinh Kim Cương
Kinh Ma-ha Bát-Nhã Ba-la-mật-đa
Kinh Đại Bát Niết Bàn
Kinh Pháp Hoa
Kinh Hoa Nghiêm
Bài Ca Pháp Tánh
Luận Duy Thức – Sáu nẻo Luân hồi và thuyết Nhân quả
Nghiệp
Sáu Pháp Ba-la-mật
4) PHẬTGIÁO THIỀN TÔNG

Phân Loại Thiền

Tối Thượng Thừa Thiền
Không Vướng Mắc Chữ nghĩa
Truyền Riêng Ngoài Giáo Điển
Chỉ Thẳng Tâm Người
Thấy Tánh Thành Phật.
Công Án Và Cổ Tắc
Ngồi Thiền
Đại Ngộ
Tham Cứu Pháp
Ba Yếu Tố ThamThiền
Tinh Tấn Thiền
Vòng Tròn Thiền
Phật Tánh Là Gì?
Ba Điều Trí Giác
Cảnh Giới Như Thị
Hồi Quang Phản Chiếu
Đường Nhân Loại
Tánh Thấy Tức Như Lai
Bạn Đi Đâu?
Ba Cổng của Thiền Sư Đâu Suất
Câu Nào Sau Đây Là Sanh Tử Tự Tại?
Mặt Thật Nguyên Sơ
Ba Cổng của Thiền Sư Cao Phong
Tức Như Như Phật
5) KẾT LUẬN Chỉ đi thẳng – Không Biết

6) PHỤ LỤC: Mười cổng - Bữa Ăn Tâm
Cổng thứ nhất: Con Chó của Triệu Châu
Cổng thứ hai: Triệu Châu – “Rửa Bát”
Cổng thứ ba: Thụy Nham gọi “Ông Chủ”
Cổng thứ tư: Bồ-đề Đạt-ma Không Râu
Cổng thứ năm: Người Trên Cây của Hương Nghiêm
Cổng thứ sáu: Rơi Tro Trên Thân Phật
Cổng thứ bảy: Ba Cổng của Cao Phong
Cổng thứ tám: Đức Sơn Ôm Bát
Cổng thứ chín: Nam Tuyền Giết Mèo
Cổng thứ mười: Chuột Ăn Thức Ăn Của Mèo…
Ba Người Đi Bộ
Tiểu sử Thiền sư Sùng Sơn

THIỀN TÔNG CHỈ NAM Lịch Đại Truyền Đăng

Ấn Độ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni (Sakya Muni Buddha)

1. Tổ Ca-diếp: (Kasyapa)
2. Tổ A-nan (Ananda)
3. Tổ Thương-na-hòa-tu (Sanakavasa)
4. Tổ Ưu-ba-cúc-đa (Upagupta)
5. Tổ Đề-đa-ca (Dhrtaka)
6. Tổ Di-dá-ca (Miccaka)
7. Tổ Bà-tu-mật (Vasumitra)
8. Tổ Phật-đà-nan-đề (Buddhanandi)
9. Tổ Phục-đà-mật-đa (Buddhamitra)
10. Tổ Hiếp-Tôn-giả (Parsvika)
11. Tổ Phú-na-dạ-xa (Punyayasas)
12. Tổ Mã-Minh (Asvaghosha)
13. Tổ Ca-tỳ-ma-la (Kapimala)
14. Tổ Long-Thọ (Nagarjuna)
15. Tổ Ca-na-đề-bà (Kanadeva)
16.Tổ La-hầu-la-đa (Rahulata)
17.Tổ Tăng-già-nan-đề (Sanghanandi)
18.Tổ Già-da-xá-đa (Gayasata)
19.Tổ Cưu-ma-la-đa (Kumarata)
20.Tổ Xà-dạ-đa (Jayata)
21.Tổ Bà-tu-bàn-đầu (Vasubandhu)
22.Tổ Ma-noa-la (Manorhita)
23.Tổ Hạc-lặc-na (Haklena)
24.Tổ Sư-tử (Aryasimha)
25.Tổ Bà-xá-tư-đa (Basiasita)
26.Tổ Bất-như-mật-đa (Punyamitra)
27.Tổ Bát-nhã-đa-la (Prajnatara)
28. Tổ Bồ-đề-đạt-ma (Bodhidharma)

Trung Hoa

Bồ-đề-đạt-ma

29. Tổ Huệ Khả (Hui K'o) 487–593T.L 30. Tổ Tăng Xán (Seng Ts'an) 497 (?)–602 T.L 31. Tổ Đạo Tín (Tao Hsin) 580- 651 T.L 32. Tổ Hoằng Nhẫn (Hung Jen) 602-675 T.L 33. Tổ Huệ Năng (Hui Neng) 638-713 TL 34. Tổ Nam Nhạc – Hoài Nhượng (Huai Jang) 677–744 TL 35. Tổ Mã Tổ – Đạo Nhất (Ma-tsu Tao-i)709—788hoặc 688—763 36. Tổ Bá Trượng – Hoài Hải (Pai-chang Huai-hai) 720?/749?–814 37. Tổ Hoàng Bá – Hy Vận (Huang-po His-yun) 709 –788?–850 38. Tổ Lâm Tế – Nghĩa Huyền

(Lin-chi I-hsuan) ?–866/7 39.Tổ Hưng Hóa – Tồn Tương (Hsing-hua Tzun-chiang) 830–888 40. Tổ Nam Viện – Huệ Ngung (Nan-yuan Hui-yu) 930?/952? 41. Tổ Phong Huyệt – Diên Chiểu (Feng-hsueh Yen-chao) 896–973 42. Tổ Thủ Sơn – Tỉnh Niệm (Shou-shan Hsing-nien) 925/6–992/3 43.Tổ Phần Dương –Thiện Chiêu (T'ai-tzu Yuan-shan) 947–1024 44. Tổ Từ Minh – Sở Viên (Tz'u-ming Ch'u-yüan) 986–1039 45. Tổ Dương Kỳ – Phương Hội (Yang-ch'i Fang- hui) 992–1049 46. Tổ Bạch Vân – Thủ Đoan (Shou-tuan Pai-yun) 1025–1072 47. Tổ Pháp Diễn – Ngũ Tổ (Fa-yen Wu-tsu) 1024–1104 48. Tổ Viên Ngộ – Khắc Cần (Huan-wu K'o-ch'in) 1063–1135 49. Tổ Hổ Khiêu – Thiệu Long (Hsu-ch'iu Shao-lung) 1077–1136 50. Tổ Ưng Am – Đàm Hoa (Ying-an T'an-hua) 1103–1163 51. Tổ Mật Am – Hàm Kiệt (Mi-an Hsi-chieh) 1118–1186 52. Tổ Phá Am – Tổ Tiên (P'o-an Tsu-hsien) 1174/8–1249 53. Tổ Vô Chuẩn – Sư Phạm (). (Wu-chuan Shih-fan)11791249 54. Tổ Tuyết Nham – Huệ Lãng (Hsueh-yen Hui-lang) (?) 55. Tổ Cấp Am – Tông Tín (Jí-an Tsung-hsin) (?) 56. Tổ Thạch Ốc – Thanh Củng (Shih-shih Ch'ing-kung) 1272–1352

Triều Tiên (Hàn Quốc)

Thạch Ốc – Thanh Củng (Shih-shih Ch'ing-kung)

57. Tổ Thái Cổ – Phổ Ngu ( ) 1301–1382
58. Tổ Huyễn Am – Cổn Tu () 1320–1392
59. Tổ Hào Cốc – Giác Vân () (?)
60. Tổ Bích Khê – Tịnh Tâm () (?)
61. Tổ Bích Tòng – Trí Nghiêm () 1464–1534
62. Tổ Phù Dung – Linh Quán () 1485–1567/1571
63. Tổ Thanh Hư –Hưu Tĩnh (-) 1520–1604
64. Tổ Tiên Dương – Ngạn Cơ () 1581–1644
65. Tổ Phong Đàm – Nghĩa Kham () ?–1665
66. Tổ Nguyệt Đàm – Tuyết Tễ () ?–1704
67. Tổ Hoán Tinh – Chí An () ?–1729
68. Tổ Hổ Nham – Thể Tịnh () ?–1748
69. Tổ Thanh Phong – Cự Ngạn () (?)
70. Tổ Lật Phong – Thanh Cổ () ?–1823
71. Tổ Cẩm Hư – Pháp Triêm () (?)
72 .Tổ Long Nham – Huệ Ngạn () (?)
73. Tổ Vĩnh Nguyệt – Phụng Luật ( ) (?)
74. Tổ Vạn Hoá – Phổ Thiện ( ) ?–1879
75 Tổ Cảnh Hư – Tinh Ngưu ()1849–1912
76. Tổ Mãn Không – Nguyệt Diện () 1871–1946
77. Tổ Cổ Phong – Cảnh Dực () 1890–1961/2
78. Tổ Sùng Sơn – Hạnh Nguyện () 1927–2004

LỜI NGƯỜI DỊCH

Trải qua bốn mươi năm cất bước du phương nơi hải ngoại (1962 –2002),Thiền sư Sùng Sơn đã chứng minh thành lập hơn 120 Trung tâm và Trường Thiền Quan Âm khắp nơi trên thế giới. Xuất thân từ dòng Thiền Tào Khê của Lục Tổ Huệ Năng, ngài tỏ ngộ lúc 22 tuổi và được Thiền tổ Cổ Phong ấn chứng vào năm 1949, kế thừa Tổ vị đời thứ 78 từ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, trở thành một Thiền sư nổi tiếng với khả năng chuyển hóa Đạo Phật đến phương Tây rất trong sáng và rõ ràng. (Xin xem phần tiểu sử ở cuối sách) Tác phẩm "Thiền Tông Chỉ Nam" hay còn gọi là "La Bàn Thiền" này, chủ yếu dựa trên các cuộc Pháp thoại của Thiền sư Sùng Sơn qua sự trình bày giáo lý căn bản của Phật giáo. Nhất là sự đổi mới về Thiền để thích ứng với thời đại, nhưng không đánh mất phong cách đốn ngộ truyền thống. Nội dung rất phong phú, qua những lời khai thị tràn đầy trí tuệ, những mẩu chuyện mang tính Đạo đức Nhân văn, sâu đậm Tình Người của một Thiền sư hiện đại khả kính. Đây là cuốn sách "gối đầu giường" cho những Tăng ni tu tập tại Hàn Quốc, cũng như các môn sinh trực thuộc dòng Thiền Tào Khê do ngài lãnh đạo. Hy vọng quý độc giả khi xem qua cũng sẽ tìm thấy một hướng đi đích thực cho việc nghiên cứu và tu tập trong đời sống hằng ngày bằng khả tính trí tuệ sẵn có mà không bị vọng thức đánh lừa. Vì nhớ lời phát nguyện trước ân sư khi ngài còn hiện tiền, tôi xin được chuyển ngữ những tác phẩm tiếng Anh của ngài hoằng hóa Thiền tông tại hải ngoại, để báo đền công ơn khai thị và gieo chút Pháp duyên với toàn thể Phật tử Việt Nam trong cũng như ngoài nước. Do đó, tôi thực hiện dịch phẩm cuối cùng này của ngài trong sự cố gắng hết sức mình ở độ tuổi về chiều, thân mang nhiều nghiệp bệnh chi phối. Đặc biệt tri ân tấm lòng cố Giáo thọ Thích Giác Hoàng – Đại Nguyện, đã hướng dẫn tôi đến bái kiến, cầu pháp nơi Thiền tổ Sùng Sơn vào năm 1999 khi ngài sang thăm viếng VN. Và đại đệ tử của ngài là Thiền sư Đại Quang (Dae Kwang) người Mỹ, viện trưởng Trường Thiền Quan Âm tại Cumberland, quận hạt Providence, bang Rhode Island, trực tiếp bảo lãnh tôi sang Hoa Kỳ vào giữa năm 2002. Tôi cũng không quên ơn Sư cô Minh Nguyện đã cung dưỡng thực phẩm, thuốc men, trợ giúp duyệt lỗi văn bản trong khi chuyển ngữ và cư sĩ Nhuận Báu cùng cháu Phan quang Châu trình bày bìa. Thiết nghĩ việc làm này không được chuyên nhất, chắc chắn không sao tránh khỏi những sai sót. Ngưỡng mong quý độc giả và các bậc thiện hữu tri thức hoan hỷ bổ chính, để cho dịch phẩm này được hoàn thiện hơn. Xin chân thành cảm ơn tất cả.

Thành phố Soquel, California, Hoa Kỳ.
Chùa núi Dược Sư Phật giáo Tây Tạng,
Ngày vía Bồ tát Địa Tạng hóa thân, năm Quý Tỵ (2013)
Thích Giác Nguyên
Cẩn bút

LỜI GIỚI THIỆU

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni luôn luôn khai thị những giáo lý rất quan trọng về Nghiệp hay Luật Nhân Quả. Ngài thuyết minh luật này rất đơn giản qua Bốn Chân Đế: "Sự khổ– Nguyên nhân của khổ– Sự khổ có thể dứt trừ– Con đường dứt khổ".

Đời sống này được thánh thiện là do nơi thực hành Giáo pháp, nếu đã sống được như vậy, ắt sẽ sanh về cảnh giới an lành và người đệ tử chắc chắn sẽ vui hưởng dài lâu nơi đó. Dẫu cho không tin có thế giới bên kia, hoặc đời sau, thì ít nhất trong cuộc đời này, nếu ai biết nương về Pháp bảo, họ sẽ được tự do giải thoát những sự thù nghịch và phiền não.

Luật của nghiệp thực sự có hậu quả báo ứng rõ ràng, cho nên những người không tạo ác, không thể bị đau khổ. Dù luật của Nghiệp có quả báo như thế nào, nhưng đối với những người (xuất gia) có đời sống thanh tịnh, vẫn luôn luôn nhận được sự tôn kính từ các hàng thiện nam tín nữ sáng suốt của họ, và mang lại hạnh phúc trong cuộc sống này. Nếu bất cứ ai chấp nhận lời dạy của Pháp bảo, rồi thực hành, tất sẽ được thành tựu đạo quả giải thoát. Đây là Bốn Chân Đế được áp dụng tu tập cho hết thảy các hàng đệ tử của Đức Phật.

Lần đầu tiên tôi đặt chân đến Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ vào ngày 10 tháng 10 năm 1980. Đất nước Cam Bốt của tôi đã trải qua một cuộc xung đột, biến loạn khủng khiếp. Tôi đến làm công việc hòa bình ở đây, mục đích tham dự Hội nghị Thế giới về Tôn giáo và Hòa bình, được tổ chức dưới sự bảo trợ của Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc. Cam Bốt đã có nhiều vấn đề từ cuộc chiến tranh và xung đột dân sự (nạn diệt chủng), khiến cho nhiều người đã chết. Nhưng dường như không được mấy ai chú ý.

Khi mới đến Hoa Kỳ, tôi rất ngỡ ngàng và xa lạ, không chỗ nương thân, các nguồn tài trợ hầu như chẳng có. Bất chợt tôi gặp Thiền sư Sùng Sơn, sau đó tôi biết được ngài là vị Tổ sư đời thứ 78, trong dòng Thiền từ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đến Tổ Bồ-đề Đạt-ma và các vị Tổ sau này.

Ngài là một bậc thầy vĩ đại, xuất thân từ Hàn Quốc, nhưng lúc đó, tôi chỉ thấy ngài là một tu sĩ khiêm tốn, bình dị. Ngài đã cho tôi một chỗ dung thân và giúp làm công việc di trú của tôi, trong khi không ai có thể giúp đỡ hay ủng hộ tôi điều đó. Hầu như không mấy ai quan tâm. Tôi hết sức lo buồn, vì không biết làm cách nào có thể mang lại sự chú ý đến

tình hình trong nước tôi cho thế giới hiểu thấu. Mặc dù chúng tôi lúc ấy chưa quen biết nhau, nhưng Thiền sư Sùng Sơn liền ra tay giúp đỡ tôi. Tuy nhiên, tôi vẫn lo lắng đủ thứ. Ngài nói: "Bạn là một nhà sư, bạn không nên quá lo lắng." –Tại sao? Tôi hỏi. Ngài bảo: –Bạn là một nhà sư, vì vậy bạn đã có bốn triệu đô la rồi ! Tôi không thể tin những gì ngài đã nói. Nghe có vẻ một chút điên rồ đối với một tu sĩ Phật giáo Nguyên thủy như tôi. –"Ngài nói thế có ý nghĩa gì?" Tôi hỏi. –Vì bạn là một nhà sư, bất kỳ ngôi chùa nào trên thế giới đều là nhà của bạn, do đó, bạn đã có một triệu đô la rồi. Ngoài ra, bạn sẽ luôn luôn nhận được y phục từ các đệ tử Phật, đó là hai triệu đô la. Đối với toàn bộ cuộc sống của bạn, nhiều người sẽ luôn luôn cung cấp cho bạn thực phẩm để bạn có thể tu hành và dạy Giáo pháp cho người khác là ba triệu đô la. Tiếp theo, mọi người sẽ cho bạn thuốc men y tế khi cơ thể của bạn đau yếu, đó là bốn triệu đô la. Tất cả bạn phải làm là chỉ có tu hành và truyền bá Giáo lý cho người khác. Nó rất đơn giản. Bạn là một nhà sư, vì vậy bạn cũng là một triệu phú. Tại sao bạn phải lo lắng? Ha ha ha!

Thiền sư Sùng Sơn là một bậc thầy vĩ đại của tôi và là người bạn tốt nhất. Khi tôi ở Nữu Ước, ngài đã cung cấp nơi ăn chốn ở, thuốc men, và y phục. Ngài đã dành cho tôi tất cả lòng yêu thương tử tế thực sự. Thậm chí ngài còn yêu cầu tôi giảng dạy giáo lý Truyền thống Nguyên thủy cho các môn sinh của ngài tại Trung tâm Thiền Nữu Ước, nơi tôi tạm trú. Ngài cho phép tôi ở lại lâu dài miễn là tôi thích, để truyền bá Phật Pháp tại Hoa kỳ và giúp đỡ cho đất nước Cam Bốt của tôi. Tôi không bao giờ quên được ơn này.

Không biết – Đi th ng. Đây là nếp sống và sự giáo hóa của Thiền sư Sùng Sơn. Nếu chúng ta thực tập điều này, sau đó chúng ta không có vấn đề gì ở tương lai. Và khi không có vấn đề, tức nhiên không có sự căng thẳng.

Tất cả hành trạng về Thiền sư Sùng Sơn là giảng dạy về Thiền. Ngài luôn luôn gắn liền với vị trí là ở đây và bây giờ, trong từng giây phút hiện tại và trong tất cả các hành động của mình. Điều này rất trang trọng, rất quý hiếm. Khi đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, uống, nói chuyện, lắng nghe và làm việc – mọi khoảnh khắc, cuộc sống của Thiền sư luôn luôn rất sáng suốt. Đó là lý do tại sao ngài là một bậc thầy vĩ đại. Sự giảng dạy của ngài có thể nhìn thấy rõ ràng trong từng niệm niệm, tất cả bằng lời nói và hành động, thể chất lẫn tinh thần của Thiền sư. Ngài luôn luôn ứng dụng theo cách này, tôi biết rõ kể từ khi mới gặp ngài.

Thiền bao gồm tất cả giáo lý, trong đó có Phật giáo Nguyên thủy. Tám Con đường Chánh (Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh tinh tấn, Chánh mạng, Chánh niệm và Chánh định), tất cả đã nhận ra trong Thiền mà bạn sẽ thấy trong cuốn sách này. Đó cũng là Bốn Chân Đế (Khổ, Tập, Diệt, Đạo).

Vì vậy, chúng tôi nương theo Đại thiền sư Sùng Sơn như một bậc thầy và là người bạn thân quý nhất của chúng tôi. Hằng mong được như vậy. Với sự kính trọng và lòng biết ơn sâu sắc.

Tăng thống Phật giáo Cam Bốt
Samdech Preah Mahà GHOSANANDA,
Trung tâm Thiền Providence
Cumberland, Rhode Island. Hoa Kỳ
Ngày 24 tháng 04, năm 1997
Trung tâm Thiền Quốc tế Providence trong mùa Kiết Đông. Tại Cumberland, Rhode Island, Hoa Kỳ.

LỜI NÓI ĐẦU

Các vị Thiền sư khét tiếng là làm cho lông mày của mình rớt ra. Bởi vì lòng Từ bi rộng lớn, các ngài lao vào cỏ dại của chân lý tương đối. Các ngài quy định tánh dược, kê toa, sau đó hốt thuốc với những phương cách giải độc, cho đến khi môn sinh cuối cùng không còn nhầm lẫn, choáng ngợp bởi bệnh tham ái chẳng hạn, rồi thốt lên: "–A! Thì ra là như thế ! Cảm ơn ngài rất nhiều, tôi hoàn toàn khỏe hẳn rồi !"

Chân lý vượt ra ngoài phạm trù ngôn ngữ. Đó là điều mà trong Kinh Kim Cương Đức Phật đã huấn thị: "Ngay cả Chánh pháp còn bỏ, huống chi phi pháp." Thế thì tại sao

phải lắm lời như thế?

Vào thế kỷ thứ chín, Đại thiền sư Dược Sơn (745– 828) hoặc (750–834), ngài cho biết: "Trong cửa tiệm của tôi buôn bán tất cả các mặt hàng hóa. Khi có ai đến tìm kiếm phân chuột, tôi sẽ bán cho phân chuột. Họ đến tìm mua vàng, tôi sẽ bán vàng nguyên chất." Vàng nguyên chất có nghĩa là không vàng, không có gì để bán, không có gì để mua. Trong thực tế, cửa tiệm đóng, bắt tay khách hàng và đi ra ngoài uống trà.

Tăng hỏi Thiền sư Mã Tổ: – Tại sao ngài dạy tức Tâm, tức Phật? Mã Tổ nói: –Vì để làm cho đứa bé thôi khóc. Tăng hỏi: –Khi đứa bé thôi khóc rồi thì thế nào? Mã Tổ đáp: –Thì ta dạy chẳng phải Tâm, chẳng phải Phật.(Phi Tâm, phi Phật) Tăng hỏi: – Làm thế nào với người không bị vướng mắc cả hai thứ này? –Ta sẽ bảo hắn, chẳng phải chúng sanh. (Phi vật) Tăng hỏi: –Nếu gặp người không vướng mắc gì hết, ngài khuyên thế nào? Mã Tổ nói : –Ta sẽ để cho họ thể hội Đạo lớn.

Thiền sư Sùng Sơn là một vị thầy khai sanh, một nhà phát minh chuyên nghiệp đáng kinh ngạc, với phương tiện thiện xảo rất phong phú. Trong những ngày đầu, sau khi đến Hoa Kỳ, ngài muốn thay đổi tiêu chí dạy Thiền của ngài vài tháng một lần. Một tháng –“Chỉ đi th ng” mà ngài muốn lập lại thường xuyên, đến nỗi dường như nó là bài hát vĩ đại cho chủ đề toàn thể vũ trụ, ngay cả ở độ sâu thẳm trong những giấc mơ của chúng ta. Sau đó vài tháng – “Hãy làm ngay”.Rồi kế tiếp là – “Đừng kiểm tra tâm người khác. " Bạn chỉ nhận biết.

Tuy nhiên, tất cả những phương cách giảng dạy thật kỳ diệu này và tất cả những giáo lý bạn sẽ tìm thấy trong Thiền Tông Chỉ Nam là những biến thể trên một chủ đề duy nhất. Thiền sư Sùng Sơn đã từng nói cả vạn lần là tôi mang sự giáo hóa đến Hoa Kỳ chỉ với “Tâm Không Biết". Đó là tất cả những gì bạn cần biết: “KHÔNG BIẾT”.

Điều hiển nhiên là nếu bạn đang ở trong chợ tìm phân chuột, ngài sẽ bán cho bạn những viên chất lượng tốt nhất, và nếu bạn muốn có một chuyến du lịch mở rộng xuyên qua các miền cỏ dại, ngài sẽ là một hướng dẫn viên tuyệt vời. Đại lộ và hàng chục con đường phụ dẫn, tất cả có mặt trong Thiền Tông Chỉ Nam. Tuy nhiên, nếu bạn lỡ đánh mất phương hướng, kim la bàn này có thể giúp bạn tìm ra đường về, nó luôn luôn chỉ về trục Bắc – Nam thật chính xác. Bởi vì nó xuất phát trực tiếp từ trái tim Bồ tát của Thiền sư Sùng Sơn.

Stephen Mitchell

Thiền phái Thái Cổ xuất thân từ dòng thiền Tào Khê, Trung Quốc. do Thiền sư Phổ Ngu là vị Sơ tổ người Hàn Quốc sáng lập ( ) 1301–1382

LỜI BAN BIÊN TẬP

Trong những năm đầu thập niên 1970, vào một chiều Xuân, có Thiền sinh trẻ tên See Hoy, bước vội lên những bậc thang phía trước của Trung tâm Thiền tại Los Angeles. Cậu ta đi vào cửa chính, điều chỉnh tọa cụ (rakasu) của mình, và tự ngồi cùng với các môn sinh khác, chuẩn bị sẵn sàng cho phiên tọa thiền buổi tối. Sau đó mọi người lần lượt thỉnh nguyện (dokusan). Khi chuông reo, cậu bước vào phòng tham vấn và đảnh

lễ Đại lão Hòa thượng Thiền sư Kozan, rồi ngồi xuống chỗ của mình.Sau khi cậu trình bày thực hành Công án và cuộc tham vấn kết thúc. Trước khi lui ra, See Hoy kéo cuộn giấy đánh máy từ dưới tọa cụ của mình và trải phẳng trên sàn nhà phía trước mặt Hòa thượng. Cậu nói:

–Kính bạch Hòa thượng. Cách đây vài hôm, có người đã đưa cho con tập tài liệu này. Vị ấy bảo rằng nó sẽ làm tỏ rõ một số vấn đề về Phật giáo và Thiền tông. Con xin thầy cho biết ý kiến.

Các trang từ 15 trở đi, một số có chứa những dòng chữ Trung Quốc, viết tay với năng lực rất mạnh và rõ ràng. Mỗi dòng đều kèm theo một hàng chữ bên dưới đã được đánh máy và dịch sang tiếng Anh. Sau khi vuốt xấp tài liệu ngay ngắn chừng giây lát, cậu ta cầm hai tay và dâng đến cho Hòa thượng, ông chỉ nhận nó và để phía sau lưng mình rồi bấm chuông, báo hiệu chấm dứt của cuộc tham vấn. Thiền sinh đảnh lễ lui ra.

Vài tuần trôi qua, Hòa thượng chả nói gì đến See Hoy về sự tìm hiểu trong tập tài liệu ghi chép ấy. Rồi một ngày, như thường lệ, lúc kết thúc buổi tham vấn, Hòa thượng quay ra sau lưng lấy tập tài liệu. Lần này, thay vì cuốn lại như ông đã nhận được nó, tập tài liệu đánh máy được gấp cẩn thận vào một cái kẹp, ông mở ra xem vào trang đầu.Một hồi lâu, Hòa thượng vẫn giữ im lặng. Đôi mắt ông quét từng trang giấy từ trên xuống dưới. Sau đó, ông hắng giọng:

– Thật là hay, hay lắm. Ở đâu mà con có được tập tài liệu này? See Hoy trả lời:– Dạ thưa, con nhận được nó từ nơi Đại thiền sư Sùng Sơn, người Hàn Quốc, trong lần gặp mới đây tại Los Angeles. – Ừ! Im lặng trong giây lát, Hòa thượng nói:–Đây là tất cả những gì con cần biết về Phật giáo. Không phải là một từ duy nhất, hoặc nhiều hay ít . – Vậy thì, con có nên nghiên cứu nó chăng? See Hoy hỏi.

–Vâng, tốt lắm, bởi tất cả đều là phương tiện. Nghiên cứu trong này chắc chắn sẽ làm sáng tỏ sự hiểu biết của con về phương cách tu tập và giảng dạy về Thiền. Mấy năm sau, See Hoy được truyền Pháp và trở thành Thiền sư, ông kể lại câu chuyện về cuốn "Thiền Tông Chỉ Nam" thêm sâu sắc, và đánh giá cao sự trình bày về Phật giáo trong đó. Lúc bấy giờ ông chỉ là một môn sinh trẻ tuổi, đang cố gắng tìm ra phương cách tu tập của mình. Mà trong những phương pháp tu tập đó có rất nhiều giáo lý phổ biến tại Los Angeles vào những năm đầu thập niên 1970. Mặc dù qua tập tài liệu có khuôn khổ ngắn gọn, nhưng có lần ông đã nói với một nhóm Thiền sinh Quốc tế, tham dự khóa tu ba tháng Thiền thất rằng, La bàn này đã làm sáng tỏ tâm thức của ông về cốt lõi hoặc bản chất của lời Phật dạy hơn bất kỳ kinh sách khác mà ông từng đọc.

Hơn nữa, Pháp môn Thiền tại Hoa Kỳ vào những năm cuối 1960 và đầu thập niên 1970 đã rộng mở. Có rất nhiều bậc thầy, đạo sĩ châu Á thực hiện nhiều cuộc giáo hóa. Những Trung tâm Thiền định mới tạo lập, đại diện chính thức cho tất cả các truyền thống tâm linh phương Đông, đã mọc lên như nấm sau cơn mưa mùa Xuân ở các thành phố lớn và gần nhiều trường đại học. Trong số những người truyền giáo của thập niên 1960, đã có một sự tiến bộ, quan tâm chia sẻ trong cuộc sống cộng đồng tu viện. Và có một dòng chảy tư tưởng rất lớn của những cuốn sách mới, trình bày nhiều cách tiếp cận khác

nhau về Thiền – Con đường Giác ngộ .

Sự phô diễn này hơi choáng ngợp, đã trở thành mối lợi lạc cho ai nấy cứ phát triển các truyền thống tâm linh rời rạc để chiếm vị thế chủ đạo ở phương Tây. Tuy nhiên, số lượng những cơ hội này đã tạo ra một phong trào rầm rộ, nơi mà hầu hết các giáo lý được phơi bày quá dễ dàng, đường phân cách trong sáng từ những lời dạy không hiệu quả, (năng thuyết bất năng hành) do đó không phải lúc nào cũng rõ ràng, dễ hiểu. Ngày nay nước Mỹ đã trở thành trung tâm mua bán tâm linh, nó có những dãy kệ chất đầy nhiều sản phẩm tư tưởng (tôn giáo, thiền, triết học và thần học).

Thiền sư Sùng Sơn cũng cho biết về tình hình nước Mỹ thời đó, qua cuốn Thiền Tông Chỉ Nam, ngài nói: “Nước Mỹ giống như một cửa hàng bách hóa. Có rất nhiều bậc thầy tuyệt vời và nhiều phong cách giảng dạy khác nhau. Nhưng những người đó đã đưa ra sự giảng dạy thế nào về Chân lý của Đức Phật? Làm thế nào thiền sinh có thể khám phá theo cách của họ thông qua các cửa hàng này? Điều đó không phải lúc nào cũng rõ ràng, minh bạch. Vì hầu hết những môn sinh phương Tây không hiểu về Giáo lý Nguyên thủy của Đức Phật, cho nên nhiều người đã tin theo một cách sai lầm. Do vậy, La Bàn Thiền xuất hiện.”

Thiền Tông Chỉ Nam là tinh yếu cốt lõi của đạo Phật, bởi một bậc thầy tỏ ngộ nổi tiếng đáng kể. Nó đã được hình thành do Thiền sư Sùng Sơn trong những năm đầu của thập niên 1970. Mục đích làm sáng tỏ cho các môn sinh của ngài ở phương Tây, để họ dễ nắm bắt những nguyên tắc quan trọng nhất trong ba truyền thống Phật giáo. Không có dụng ý bác bỏ hoàn toàn việc tụng kinh bái sám, Thiền sư Sùng Sơn đã phát minh ra La bàn như là cách bổ sung cho các thiền sinh phương Tây. Nhằm giúp họ khám phá một cách dễ dàng giữa các truyền thống khác nhau, mà không cần phải lội qua các dòng sông chữ nghĩa của Tam tạng Kinh văn rộng lớn.

Có lần ngài từng bảo, Thiền Tông Chỉ Nam chỉ trình bày xương tủy của Đạo Phật, còn tất cả thịt da của Phật giáo được giảng dạy khác nhau một cách phổ quát. Ngày nay, ở phương Tây, bạn có thể tìm thấy thịt Tiểu thừa, thịt Đại thừa và thịt Thiền tông. Phật giáo Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Cam Bốt, Việt Nam, Trung Quốc, Tây Tạng, Hàn Quốc và Nhật Bản…..toàn là da thịt. Nhưng tiềm ẩn cốt lõi giáo huấn của Đức Phật là gì? Công việc tuyệt vời của Thiền Tông Chỉ Nam là để trình bày xương tủy này một cách đơn giản nhưng không phải quá giảm thiểu.

Thiền Tông Chỉ Nam không chỉ dành cho các môn sinh tu Thiền. Theo Thiền sư Sùng Sơn, nó được chuẩn bị khởi đầu với hai mục đích: Thứ nhất, để làm sáng tỏ cốt tủy của Đạo Phật cho bất cứ ai quan tâm hiểu biết Giáo lý Chân thừa. Thứ hai, để mở rộng quan điểm cho thiền sinh của mình, nghĩa là họ không thể chỉ chuyên biệt với phong cách tu Thiền. Chính vì vậy, nó nói lên rằng, vị Thiền sư này đã bỏ quá nhiều công sức hướng dẫn môn sinh của mình về Giáo cũng như về Thiền. Nhằm mục đích nâng cao tầm nhìn rộng rãi qua những lời giáo huấn của Đức Phật, không để bị tách biệt Pháp môn này với Pháp môn khác cho là thiết yếu, hoặc chỉ chú tâm đến việc chuyên tu Thiền. Do đó, có môn sinh hỏi ngài trong một buổi giảng thuyết bắt nguồn từ cuốn sách này: “Tại sao

ngài là một Thiền sư, lại trình bày giáo lý của Tiểu thừa và Đại thừa Phật giáo?" Ngài đã trả lời: "Hãy về nhà và tìm trong tủ thuốc của bạn, có bao nhiêu loại thuốc mà bạn đã có trong đó? Chỉ có một thứ thôi sao?" Ngài khuyến khích các môn sinh của mình hãy giữ quan điểm này để hiểu xương tủy của giáo lý Tiểu thừa và Đại thừa Phật giáo, cũng như họ sẽ hiểu được xương tủy của Thiền.

Hơn hai mươi năm, La bàn này được sử dụng trong dòng Thiền, được thành lập tại các Trường Thiền Quan Âm ở phương Tây do Thiền sư Sùng Sơn lãnh đạo. Khởi đầu án văn căn bản từ trang 31 đã được áp dụng cho những môn sinh vỡ lòng để khai tâm và là bản đồ đơn giản của giáo lý Đạo Phật. Nó cũng được dùng để đào tạo những vị Pháp sư Giáo thọ và kiểm tra môn sinh trong các cuộc tham vấn Công-án.

Mặc dù nó được phổ biến rộng rãi trong các Trường Thiền Quan Âm, nhưng người ta hiếm khi phát tán bên ngoài Tăng đoàn. Như những năm qua, môn sinh yêu cầu Thiền sư chú giải về các chủ đề khác nhau trong văn bản. Thiền sư Sùng Sơn chỉ cung ứng vài bài quan trọng của các cuộc tham vấn trong La bàn. Bắt đầu từ năm 1977, các Pháp sư Giáo thọ tại khóa tu Dõng Mãnh Tinh Tấn, được tổ chức ở Providence, Tiểu bang Rhode Island. Trong những cuộc thỉnh nguyện, tham vấn, ngài đã giải thích chi tiết hơn về các khía cạnh khác nhau của truyền thống Phật giáo.

Văn bản hiện nay là một quá trình biên soạn của một số buổi khai thị mà Thiền Sư Sùng Sơn đã đưa vào trong cuốn "Thiền Tông Chỉ Nam" từ năm 1977. Nó bao gồm các bài giảng mà ngài đề ra tại Trung tâm Thiền Providence (tháng 4 năm 1988), Trung tâm Thiền Lexington (tháng 5 năm 1988), Trung tâm Thiền Hong Kong (tháng 3 năm 1993), Trung tâm Thiền Quốc tế ở thủ đô Seoul tại Chùa Hoa Khê, Nam Hàn (khóa Kiết Đông 1993-1994), Trung tâm Thiền Xin-ga-po (mùa Xuân 1994), và Trung tâm Thiền Bồ Đề Đạt Ma, tại Los Angeles (tháng 12 năm 1995). Văn bản này cũng bao gồm các tài liệu được dịch lần đầu tiên từ các cuộc tham vấn mà Thiền sư Sùng Sơn đưa vào "Thiền Tông Chỉ Nam" chính nơi quê hương Hàn Quốc của ngài.

Những cuộc khai thị ban đầu được công bố trong hai cuốn sách tại Triều Tiên là Thanh Sơn Lưu Thủy (Núi Xanh Nước Chảy) và Nguyệt Hiện Thiên Giang (Trăng Hiện Ngàn Sông), ban biên tập độc quyền sử dụng trong văn bản này. Cuối cùng, các văn bản hiện nay bao gồm các tài liệu được cung cấp bởi Thiền sư Sùng Sơn, về những chủ đề khác nhau, có liên quan trong suốt các buổi vấn đáp Công án hằng ngày của ngài với môn sinh tại Trung tâm Thiền Quốc tế thuộc Tổ đình Hoa Khê ở thủ đô Seoul từ 1994 đến 1996.

Một trong những phẩm tính tuyệt vời của Thiền sư Sùng Sơn là năng lực trí tuệ của ngài tự nhiên lạ thường và gần như vô hạn. Đối với những người đầy đủ thắng duyên đã tham dự qua những buổi khai thị của ngài, rồi từ đó các trang sách này đã được thu thập, hoặc ít nhất là nhìn thấy các đoạn băng video, tức thì nhận ra rất sáng tỏ rằng, có cái gì đó hoạt dụng ngoài tầm của một bậc thiên tài thuần khiết. Nó không bị ngăn chặn bởi sự hiểu biết bằng trí não.

Các văn bản trong “Thiền Tông Chỉ Nam” hầu hết là những lời khai thị của Thiền sư Sùng Sơn. Nó kết hợp một sự tinh khiết, sáng tạo, tuệ giác. Với sự nắm bắt học thuật nghiêm túc của văn bản ở vào từng thời điểm và hầu hết mọi người đều hoan hỷ khả tín. Vì tất cả cùng một trọng điểm – cốt lõi – như nhau, nghĩa là làm thế nào để chúng ta tỉnh thức và giúp đỡ thế giới này trong từng sát na, từng khoảnh khắc. Văn bản này cố gắng gìn

giữ sự thanh thoát, tự nhiên bằng ngôn ngữ của Thiền sư Sùng Sơn, và phong cách giảng dạy độc đáo của ngài, qua các phương tiện thiết thực như là chất liệu chính nó.

Văn bản này không thể coi như là một luận đề học tập. Nó không cần thiết để cung cấp bất kỳ loại nghiên cứu hình thức của tính xác thực trong học tập, với các văn bản tương phản, hoặc phương thức truyền thống của Biểu thức (Duy thức). Cũng giống như tác giả đã cung cấp những cuộc hội thuyết. La bàn là biểu đồ trực tuyến. Nó chỉ thẳng tinh yếu uyên nguyên mà không dựa trên biểu hiện lịch sử. La bàn được ứng dụng trong giáo lý truyền thống (giáo ngoại biệt truyền) từ cái nhìn sâu sắc hoàn toàn Giác ngộ và không phụ thuộc quá nhiều về quy ước. Đây là phong cách giáo hóa của một Thiền sư.

Sau hết, điều nên biết về việc sử dụng thuật ngữ Tiểu Thừa (Hinayana: xe nhỏ) chứ không phải là thuật ngữ theo phương thức cổ điển Thèravàda để chỉ Phật giáo Nguyên thủy. Hẳn nhiên là không có ý miệt thị ở đây. Việc sử dụng thuật ngữ này đã được nghiên cứu suốt một quá trình lâu dài. Trong đề cương của ngài bằng văn bản ban đầu của “Thiền Tông Chỉ Nam”, cũng như trong các cuộc tham vấn được dựa theo cuốn sách này. Thiền sư Sùng Sơn sử dụng từ Tiểu thừa như thuật ngữ truyền thống để tham khảo giảng dạy Phật giáo trước khi rộ nở hoa trái của Phật giáo Đại thừa (Mahayana Buddhism).

Đối với hầu hết những độc giả thuộc hệ phái Thèravàda, cho thấy một truyền thống sống động của Phật giáo với nguồn gốc từ Đông Nam Á hơn là thời kỳ Nguyên thủy lúc Phật tại tiền. Đó là giai đoạn lịch sử chuyển tiếp của Phật giáo và những lời dạy được liên kết. Ngoài ra, trong việc truyền bá Thiền tông, ngài Sùng Sơn đặc biệt nhấn mạnh không vướng mắc hoàn toàn vào ngôn ngữ. Nó như một phương tiện chính của sự thoát khỏi những đau khổ gây ra do tâm ý khái niệm của chúng ta. Đó là phù hợp với tinh thần Thiền và việc sử dụng hệ phái Tiểu thừa vẫn được duy trì.

Bao gồm ở phần cuối của tác phẩm này là phụ lục trình bày mười Công án thiết yếu, mà Thiền sư Sùng Sơn đã chọn lọc để thay mặt cho toàn bộ 1.700 Công án Trung Quốc và Hàn Quốc. Nó đã được ứng dụng tại hai quốc gia này từ lâu và bây giờ đến phương Tây. Trong “Mười Cổng”, tác giả nhấn mạnh điểm thiết yếu nhất trong từng chi tiết của mỗi Công án. Không qua các văn thơ, luận giải mờ đục thông thường, hoặc học hỏi theo lối tầm chương trích cú, nhưng xuyên suốt trực tiếp qua cách trình bày tỉ mỉ về bản chất của tự thân Công án.

Phần văn bản này cũng có thể độc lập như là một cột mốc quan trọng trong lịch sử giáo hóa Thiền tông và sự truyền dẫn đến phương Tây. Nó đưa ra cách sử dụng của những

Công án, đó là tính cân nhắc kỹ lưỡng trong sự biểu hiện của tự thân Công án. Đặc biệt là cách giảng dạy nghiêm túc, đòi hỏi từng khoảnh khắc ứng dụng trực giác bén nhạy, và tự phát của tình huống Công án thay đổi trong cuộc sống hằng ngày. Điều đó có thể được nhìn thấy rõ ràng nhất trong phác họa của Thiền sư Sùng Sơn, với chức năng chính xác của chủ thể và đối tượng từ những Công án trong đời sống thường nhật. Cách ứng dụng được cân nhắc, thể hiện cho sự thích nghi thay đổi của một "núi" Công án tu tập theo truyền thống, dẫn đến vô số tình huống của cuộc sống hiện tiền trong xã hội đương đại.

Điều đó đã thực hiện đúng bốn năm để lắp ráp các phiên bản hiện hành của La bàn Thiền này, từ một mảng của các nguồn văn bản, tiếng Hàn, tiếng Trung và tiếng Anh. Trong thời gian đó, tôi đã được duyên may, với sự hỗ trợ của một Cộng đồng Bồ tát Quốc tế trải khắp ba châu lục.

Điểm đặc biệt phải nhắc tới với sự hướng dẫn của Thượng tọa Thiền sư Đại Quang (Dae Kwang), Viện trưởng Trường Thiền Quan Âm Providence, Cumberland, bang Rhode Island. Thiền sư Wu Bong, Trung tâm Thiền Quan Âm Parisien tại thủ đô Pháp và Giáo thọ Stanley Lombardo, giáo sư Văn học Cổ điển tại Đại học Kansas duyệt xét ở giai đoạn cuối.

Cũng xin cảm ơn sự sắp xếp của giáo thọ Do-Mun tại Trung tâm Thiền quốc tế Seoul; Ni sư giáo thọ Hương Nghiêm (Hyang-Um) tại Thiền Viện Tú Phong, Hồng-kong; Thầy giáo thọ Mu-Sang Sunim, tại Trung tâm Thiền Đạt Ma, Los Angeles; Thượng tọa Chong-An; Thượng tọa Hae-Tong (Lee, Jae-Gyun); Thượng tọa Myong, JW Harrington, của Trường Thiền Quan Âm; Kim Yong-Hyong của Konghang-Dong tại Seoul; Lee Hyong-Yong tại Paris và Seoul; Ji-Eun ở Đại học Georgetown và Apkujong-Dong tại Seoul; Park Song-Chol của trường Đại học Đông Quốc thủ đô Seoul; cũng như các vị: Lee Mun-Gyun, Kim Tae-Ok và Lee Jong-Hoon. Prakash Shrivastava (Mu Soeng) của Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo Barre và Richard Streifeld đã trình bày tài liệu này trong giai đoạn sớm nhất. Dyan Eagles, chủ tịch của Dharma Craff, như mọi khi, tích cực đóng góp rộng rãi, vô giá.

Nhất là xin kính dâng đến Hòa thượng Đại thiền sư Sùng Sơn, với lòng biết ơn sâu sắc không thể đo lường sánh kể.

Cuối cùng, cuốn sách này được hình thành từ sự sắp xếp của Thiền sư Su Bong (See Hoy Liau), cho đến khi ông thị tịch vào tháng 7 năm 1994. Ông làm việc ngày đêm rất chăm chỉ để duyệt xem văn bản giáo lý này trước khi cho xuất bản.

Tưởng cũng nên nhắc lại, trong thời gian ngắn trước đây, khi còn là một môn sinh vừa ở độ tuổi thanh niên, See Hoy Liau đã có được tài liệu Thiền Tông Chỉ Nam trong tay và rồi cách đây ba năm (1994), ông là một Thiền sư trẻ sớm nhập Niết bàn. Ông đã đi đâu?

Bây giờ bạn đang nắm giữ La Bàn Thiền trong tay của bạn. Hy vọng bạn sử dụng nó để tìm phương hướng riêng cho bạn, cũng là nơi ông đã đi và nơi mà tất cả mọi người chúng ta đều phải đi.

Sa môn Thích Huyền Giác (P. Muenzen)
Thiền viện Đồi Kim Cương.
Trung Tâm Thiền Providence,
Cumberland, Rhode Island. USA
Ngày 01 tháng 8, 1997
LỜI TỰA

Bạn đi đâu?

Từ thời xa xưa, thế giới này rất đơn giản. Ngày nay, nó trở nên phức tạp. Lý do chính, là có rất nhiều người sống trên hành tinh này. Dân số đã tăng lên quá nhanh. Vào năm 1945, có khoảng hai tỷ người sinh sống. Và như vậy, trải qua hàng ngàn, hàng ngàn năm lịch sử nhân loại, cho đến thời điểm đó, chỉ có hai tỷ người xuất hiện trên trái đất, như thế tạm đủ. Nhưng nếu so sánh ngày nay, thì tâm trí người dân lúc đó tương đối đơn giản và trong sáng rõ ràng. Tuy nhiên, khoảng hơn nửa thế kỷ trôi qua kể từ khi Chiến tranh Thế giới Thứ hai kết thúc, thêm ba tỷ người nữa đã xuất hiện, và bây giờ gần bảy tỷ người, cuộc sống càng trở nên phức tạp hơn.(*)

Một số nhà khoa học nói rằng trong ba mươi năm tới, thêm ba tỷ người nữa sẽ xuất hiện. Những sự thật này được kết nối trực tiếp đến sự gia tăng đột biến số lượng đau khổ mà con người và những chúng sanh khác đã, đang và sẽ trải qua. Chúng ta hãy nhìn thẳng vào vấn đề này thật nghiêm túc, để tìm hiểu tỉ mỉ hơn.

Ngày nay con người sống với nhau một cách lơi lỏng lệch lạc. Do đó, mối quan hệ của họ càng trở nên rắc rối. Lòng ham muốn của họ với những thứ tiện nghi vật chất, trở nên sâu sắc và mạnh mẽ hơn. Suy nghĩ và lối sống của họ phức tạp hơn. Chính vì vậy, có nhiều đau khổ hơn bao giờ hết. Ngay cả các loại đau khổ trên thế giới đã nhân rộng và trở nên khốc liệt hơn, khi con người đi lên với những vũ khí mới và tiếp cận mới, để làm tổn thương nhau nhiều hơn. Con người không chỉ làm đau khổ cho nhau, mà hiện tại chúng ta cũng mang lại đau khổ gấp bội cho tất cả những chúng sanh khác trong thế giới này. Chúng ta đã làm tổn thương không khí, đất nước, cỏ cây, tất cả mọi thứ. Con người phá hủy toàn thể những cánh rừng, núi non và lấy đi những vành đai xanh. Chúng ta gây ô nhiễm mặt đất, sông ngòi, biển cả, cây cỏ, không khí và triệt tiêu các loài sinh vật. Con người luôn luôn nói rằng họ muốn tự do, nhưng thực sự họ là số một trong những nhà độc tài trên thế giới. ---------- (*) Tính từ ngày 13 tháng 8 năm 2009, dân số trên trái đất được công bố bởi Cục Điều Tra Dân Số Thế Giới của Mỹ là 6,777.850.000 người. (ND chú thích)

Vì vậy, ngày nay, điều rất quan trọng là loài người cần phải tỉnh thức. Họ phải sớm đạt được công việc chính xác của họ. Tại sao bạn sống trong thế giới này? Bạn đang làm gì trong thế giới này? Lúc sinh ra, bạn từ đâu đến? Khi chết rồi, bạn đi về đâu? Mọi người đều nói: “Tôi không biết". Đó là phẩm tính Con Người.

Ai cũng nghĩ rằng con người là loài động vật rất thông minh. Nhưng bất chấp tất cả tình huống của họ, nếu bạn nhìn kỹ vào những gì đã và đang xảy ra trên thế giới, bạn thấy rằng con người thực sự là loài động vật si mê lầm lẫn nhất. Bởi vì con người không

hiểu con người. Nhưng các loài động vật khác như loài chó hiểu những gì chó nên làm, và loài mèo hiểu những gì mèo nên làm… Tất cả các loài thú vật đều hiểu công việc của chúng và chúng chỉ làm điều đó. Nhưng chúng ta không hiểu công việc chính xác của chúng ta, và cách sống chính xác trong thế giới này. Thay vào đó chúng ta chỉ sống cho riêng mình. Vì vậy, khi thời gian trôi qua, tất cả mọi người đều phải già, bệnh và chết. Khi chết, bạn đi về đâu? Mặc dù tất cả trí thông minh và khôn ngoan sẵn có, nhưng con người không thể trả lời cho câu hỏi rất quan trọng này.

Nếu chúng ta muốn hiểu bản thân mình và giúp đỡ tất cả chúng sanh ra khỏi khổ đau, điều đầu tiên, chúng ta phải hiểu sự đau khổ của thế giới này từ đâu đến. Đức Phật dạy: "Tất cả do tâm tạo". Tất cả mọi thứ xuất phát từ nguyên nhân – điều kiện duyên –dẫn đến kết quả. Điều này có nghĩa là một số nguyên nhân, khi nó xuất hiện theo một điều kiện nhất định, sẽ luôn luôn tạo ra một kết quả nhất định. Cho nên tại sao có rất nhiều chúng sanh xuất hiện trong thế giới này, và kết quả của nó là gì? Tại sao có quá nhiều đau khổ, và nỗi khổ niềm đau dường như cứ tăng lên mỗi ngày? Có lẽ lý do quan trọng nhất, việc gia tăng số lượng đáng kể về đau khổ trong thế giới này là sự gia tăng số lượng giết hại và ăn thịt mà con người gây ra. Trước Chiến tranh Thế giới Thứ hai, con người ít hơn và không ăn thịt nhiều.

Tại châu Á, phần đông nhiều người trước kia thường giết mổ thú vật chỉ vài ba lần trong một năm, nhất là trong những ngày lễ lớn như lễ cưới, giỗ chạp, Tết truyền thống. Ngày nay, người châu Á đôi khi ăn thịt nhiều lần trong một ngày, thực sự cũng giống như các thế hệ ở phương Tây. Trong thế kỷ hai mươi này đã cho thấy sự gia tăng rất lớn về số lượng ăn thịt đáng kể trên khắp hành tinh. Nhưng làm thế nào sự kết nối này với sự đau khổ gia tăng đáng kể trên toàn thế giới?

Trong nhiều thế kỷ trước, nếu một người muốn ăn thịt, thì người ấy giết một vài con vật họ nuôi, hoặc đi vào rừng săn bắn muông thú với cây cung và mũi tên. Sau đó, họ mang nó trở về nhà xẻ thịt nấu nướng và cùng ăn với gia đình. Con vật này đã chết, nhưng có vài

mối quan hệ giữa nó với người đã giết và ăn nó. Nghiệp của họ đã biểu hiện rõ ràng. Khi con vật chết, nó có thể cảm nhận về những gì đã xảy ra: " Ôi! Hắn đã giết ta! Ăn thịt ta, uống máu ta! Trong cuộc sống tới, ta sẽ gặp lại hắn để báo thù". Vì vậy, nghiệp rất đơn giản: đó là sự nối kết giữa con người và con vật bị giết này. Nó có thể được giải quyết với nhau, và cuối cùng mang lại một sự cân bằng thông qua tác dụng đơn giản của Nhân Quả (vay và trả).

Hơn nữa, trong thế kỷ hai mươi, sức người tạo nên công nghệ phát triển cực kỳ nhanh chóng. Nhiều loại vũ khí đặc biệt và kỹ thuật máy móc tối tân đã được chế tạo ra. Nó có thể hủy diệt hàng loạt trong phạm vi rộng lớn hơn, và con số các loài động vật bị chết nhiều hơn. Mỗi ngày, tất cả các nơi trên thế giới cộng lại hàng triệu, triệu động vật thường xuyên phải vào lò sát sanh, chỉ để thỏa mãn cái tâm tham ăn, háo uống của con người. Bây giờ, một cỗ máy có thể giết chết nhiều ngàn động vật rất nhanh chóng. Chỉ một người đàn ông đứng cách xa chuồng thú tập trung, nhấn nút trong một nhà máy,

hàng loạt, hàng loạt thú vật vào lò trở thành núi thịt. Khi những con vật này chết, ý thức oán hận phát sinh đột ngột dữ dội tỏa ra từ các cơ quan trong thân thể của chúng bị giết. Ý thức của những con vật này sau đó đi lang thang vòng quanh, và tìm kiếm một cơ thể mới để báo thù. Đi đến đâu, chúng không biết.

Đức Phật dạy, tất cả mọi thứ xuất phát từ nguyên nhân, điều kiện duyên, và kết quả. Khi hàng triệu triệu, hàng tỷ tỷ các loài động vật bị giết theo cách này mỗi năm, một số thần thức của chúng chắc chắn tiến hóa, được tái sinh làm người. Có thể tỷ lệ là một phần ngàn trở thành con người. Điều đó cho thấy rất nhiều người biểu hiện một số hành động bên ngoài mang chất thú tính dã man.

Thực vậy, nếu nhìn vào con người trong thế giới ngày nay, bạn sẽ thấy rằng trên một số các khuôn mặt và cơ thể họ là người, nhưng tâm thức của họ không hoàn toàn là Con Người. Một số người có dạng ý thức thú vật như con chó, con mèo. Những người khác có ý thức như con thỏ hoặc con rắn. Như vậy, ý thức trâu, bò; trí óc gà, lợn; tâm địa sư tử, sói, cọp, rắn, rít, v.v... nhằm nói lên điều đó, tất cả chúng đều được pha trộn lẫn nhau.

Đa số loài người có khoảng chừng năm hay mười phần trăm là có cuộc sống của ý thức nguyên sơ thánh thiện, và phần còn lại là một số ý thức thú vật kiểm soát tâm trí của họ. Thay vì bản chất ban đầu của con người là hợp tác thân thiện, vì Tình yêu thương và lòng Từ bi. Con người ngày nay phần nhiều chỉ thích chiến đấu với nhau và tàn phá thế giới này. Họ không thể cùng nhau nối vòng tay lớn, hành động đúng với chính danh "Nhân loại chúng sinh" (Loài người sống chung nhau).

Điều này không phải chỉ nói lên rằng, không có một cái gì đó khác biệt giữa con người với động vật. Nhưng khi bạn nhìn vào thế giới này, bạn thấy rằng động vật có xu hướng hành động phục vụ với nhau chỉ với các loài của riêng mình, và không thích sống chung với các loài động vật khác. Ý thức con chó, chúng không hành động như ý thức con mèo. Rắn, sư tử và thỏ không hòa hợp với nhau. Một ý thức con rắn chỉ truyền dẫn theo ý thức con rắn khác, và không thể có hành động Từ bi kết nối nó với những nỗi đau khổ mà các con khác bị nó ăn nuốt đang trải qua. Loài chim cũng không thích các loài chim khác. Do đó, chúng tạo thành đàn với chủng loại riêng của mình và bay nhảy xung quanh với nhau. Nếu ai đó tấn công một trong số chúng, thường là cả nhóm sẽ tấn công trở lại, hoặc sợ hãi chạy bay tán loạn. Đó là bản chất của tâm động vật này.

Tình hình thế giới hiện nay khá giống nhau như thế. Bây giờ loài người sống đầy khắp hành tinh, với nhiều quốc gia lớn nhỏ khác nhau và các thành phần chính trị, chủng tộc, dân quân riêng lẻ, tất cả đều thích chiến đấu nhau, hoặc bảo vệ, hoặc tranh giành, xâm lấn. Trẻ em tham gia quân đội với súng đạn và hình thức bạo lực sớm hơn và nhiều hơn trước đó, chúng làm những việc như thế đối với con người và chủng loại khác, mà khoảng từ đầu thế kỷ hai mươi trước đây ít khi nghe thấy.

Tất cả điều này xuất phát từ việc có quá nhiều ý thức động vật chi phối tâm trí của chúng ta. Ngày nay, đại đa số con người là như vậy. Họ có một số ý thức của các loại động vật bên trong, do đó, có rất nhiều đau khổ. Bởi vì họ không thể kết nối ý thức của

họ, với đời sống con người trong một thế giới đông đúc. Hầu hết mọi người chỉ nhìn vào những lợi ích riêng của họ. Có xu hướng cho một số tâm chống đối xuất hiện. Họ chỉ làm theo những ý tưởng và định kiến riêng của họ, như không có vấn đề gì liên quan đã và đang xảy ra xung quanh họ. Như vậy cái gì khiến mất cân bằng, vốn dĩ làm cho khổ đau xuất hiện?

Tôi có một cô thiền sinh người Mỹ, trong những năm đầu thập niên 1970, là người sở hữu một số rắn nuôi kỳ lạ. Cô ấy rất yêu mến những loài rắn này. Cô ấy cho chúng quấn xung quanh cổ của cô và đi bất cứ nơi nào. Nhiều người sợ chúng, nhưng cô rất tự nhiên, thậm chí chúng ngủ chung trên giường với cô vào ban đêm. Một ngày nọ, cô đến Trung tâm Thiền. Tôi hỏi : – Cô có tham dự khóa tu ba ngày cuối tuần này không? –Dạ không. Cô nói. – Tại sao? –Vì con không thể tìm người nào để chăm sóc những con rắn của con, con yêu thương chúng lắm. Nhưng không ai có thể chăm sóc tốt cho chúng trong suốt thời gian con ở Trung tâm Thiền. Thế nên, con không thể tham dự khóa tu này được.

Tôi nói với cô ấy: –Không sao cả. Cô cứ đến Trung tâm Thiền và thực hành tinh tấn. Cô có thể mang theo những con rắn đó lại. Tôi sẽ nói với người quản lý Trung tâm, cung cấp cho cô một phòng riêng biệt. Rồi cô có thể ngồi thiền và chăm sóc những con rắn của cô. Cô có thích điều đó không? Cô ấy rất vui mừng: – Dạ vâng. Như thế thật là tuyệt! Sau đó, cô đến Trung tâm Thiền và tham dự khóa tu. Ngày đầu tiên, em trai của cô gọi tới Trung tâm. Anh ta nói trong lo lắng: –Chị có ở đó không? Chị đó hả? Mẹ của chúng ta đã bị bệnh rất nặng. Bà hiện được đưa vào trong một bệnh viện khá xa. Chúng ta phải đi gặp bà càng sớm càng tốt. Thay vì lo buồn cho bệnh tình của mẹ mình, người phụ nữ này nổi cáu quát: –Không, tao không thể đi đến đó. Ai sẽ chăm sóc loài rắn quý của tao? Nếu tao đi khỏi, chúng sẽ nhịn đói và chết mất! Rắn là loài động vật hay trở chứng bất thường, mày biết chứ ?

Cô ấy đã trả lời cho em trai mình bằng những ngôn ngữ táo tợn như vậy. Nhưng cậu ta cũng không lấy gì ngạc nhiên khó chịu. Bởi vì cậu ta đã biết tánh khí của chị mình trong nhiều năm như vậy. Cậu liền cúp máy điện thoại. Hôm sau, một trong những con rắn bị ốm, nó bỏ ăn và chỉ nằm trong xó góc. Người phụ nữ đột nhiên hết sức lo lắng. Cô tạm ngưng những buổi ngồi thiền và gọi rất nhiều cuộc điện thoại đến các bác sĩ thú y địa phương, để tìm kiếm một người thực sự hiểu về rắn. Cuối cùng, cô đã bỏ khóa tu, mang những con rắn của mình đi gặp bác sĩ.

Điều đáng nói ở đây là cô ấy không rời Trung tâm Thiền để đi thăm mẹ cô trong bệnh viện, nhưng khi con rắn của cô bị ốm, tâm cô ngay lập tức bị bối rối, đau khổ và bỏ tu. Điều này rất khác thường. Vì vậy, tâm thức của người phụ nữ này cảm thấy đối với loài rắn hơn những con người khác. Chứng tỏ tình thương của cô đối với rắn hơn cả mẹ mình! Ý nghĩa đằng sau của câu chuyện này là tâm thức của người phụ nữ này có một phần người, và một phần rắn. (Có thể kiếp trước cô là rắn biết tu chuyển hóa làm người trong kiếp này).

Cô không thể cùng thực hiện hành động như vậy đối với nhân loại chúng sanh, nhưng cô hoàn toàn dễ dàng tự phát mối quan hệ với tình huống của loài rắn. Cô ấy không có lòng Từ bi rộng lớn cho bất cứ những loài khác hoặc bất cứ ai, ngoài trừ rắn. Thật là điên rồ! Tuy nhiên, ngày nay nhiều người cũng đang có một số biểu hiện như thế, và vì vậy nó không được coi là điên rồ nữa. Nó là nghiệp thức của chúng sanh. Đó là một câu chuyện đáng suy gẫm.

Ý thức của loài động vật không tốt cũng không xấu. Nhưng con người có rất nhiều vọng tưởng và ham muốn mạnh mẽ. Do đó, có một số ý thức động vật ẩn tàng trong tâm không được tốt lắm, bởi vì họ không thể kiểm soát được chúng. Khi con vật đói, nó ăn. Khi mệt, nó ngủ. Điều đó rất đơn giản. Nhưng con người khi có miếng ăn, vẫn không thỏa mãn. Mặc dù dạ dày của họ no đủ, họ vẫn đi ra ngoài tìm kiếm và thậm chí làm nhiều điều xấu tệ cho cộng đồng xã hội và thế giới.

Họ giết thú vật để vui chơi, để trang trí. Một số người cho việc săn thú, câu cá là môn thể thao. Khi bắt được con cá thật lớn, tất cả mọi người vỗ tay reo hò: “A! Thật tuyệt vời !” Họ vui cười, vỗ lưng nhau và bắt tay tỏ vẻ rất vui sướng, rồi chụp ảnh lưu niệm, coi như là một ngày rất thành công. Họ còn nhận được tiền thưởng từ một nhóm tổ chức nào đó. Nhưng nhìn vào con cá này, nó không vui sướng như các người đó. Bạn biết không? Cá được con người vỗ xung quanh mình nó, nhưng nó rất đau đớn khổ sở! “Nước ở đâu? Tôi cần nước? Xin vui lòng thả tôi xuống nước." Họ nào lóng nghe sự van nài cầu khẩn của nó, và chỉ cười trên nỗi đau khổ của con cá đang ngoắc ngoải chờ chết ngay trước mặt họ. Hầu như con người vô cảm với những nỗi đau khổ lớn do chính họ gây ra. Loại tâm này tầm thường và khá phổ cập hiện nay chả có gì kỳ lạ. Tâm họ chỉ sống ích kỷ mà không có lòng Từ bi đối với những nỗi khổ niềm đau của thế giới này.

Con người giết muông thú không chỉ vì dành cho thực phẩm, họ còn lấy lông, da của chúng để làm giày dép, nón, ví và quần áo. Và ngay cả điều đó cũng chưa đủ, họ lấy xương, răng, móng của các con vật để làm đồ trang sức đeo vào cổ, vào tai, hoặc tay chân... Trong thời gian ngắn, họ giết nhiều loài động vật rồi đem bán các bộ phận để kiếm tiền, như săn voi lấy ngà, săn gấu lấy mật chẳng hạn. Bởi vì lòng ham muốn và tâm thức động vật này rất mãnh liệt, con người chiến đấu với nhau, và tàn phá thiên nhiên, môi trường sinh thái. Họ làm không phải vì bảo đảm hoặc nâng cao giá trị cuộc sống. Vì vậy, bây giờ toàn thể thế giới này tương tàn tương sát lẫn nhau, có nhiều giống loại hầu như tuyệt chủng và có nhiều biến động về đất, nước, không khí và thực phẩm. Tất nhiên có nhiều vấn đề, nhiều thảm họa, nhiều hiện tượng mới xuất hiện mỗi ngày.

Mặc dù những vấn đề này không xảy ra bởi tai nạn, mà chính con người, mỗi cá nhân tạo ra nó. Chó, mèo, cọp, sói, sư tử, hoặc rắn rít, không có động vật nào gây ra nhiều nguy hiểm cho thế giới như là loài người. Con người không hiểu bản chất thật sự của họ. Do đó, họ sử dụng vọng tưởng điên đảo và lòng ham muốn vô biên của họ, gây quá nhiều đau khổ khắp toàn cầu. Đó là lý do tại sao một số người cho rằng con người là loài động vật xấu xa nhất trong những động vật sống trên hành tinh này. Một số truyền thống tôn giáo gọi đây là tình huống “tận thế."

Nếu nói tận thế, đó chỉ là sự tận cùng của dòng tâm thức nhân loại. Bản chất con người nguyên thủy không có vấn đề này. Trong giáo lý đạo Phật không chủ trương có tận thế, chúng tôi cho rằng tất cả mọi thứ duyên khởi bây giờ hoàn toàn chín muồi. Nó cũng giống như trái chín trên cây. Lúc đầu, hoa xuất hiện, thời gian trôi qua, hoa kết ra một nụ nhỏ rồi rụng đi, nụ dần dần lớn lên trở thành quả. Quả non này có màu xanh như lá, ít lâu sau, phần quả ở phía đối diện với mặt trời nó hấp thụ diệp lục tố, bắt đầu chuyển đổi sắc màu tươi đẹp. Tại thời điểm này, chỉ có một mặt của quả ngã màu, trong khi những chỗ khác vẫn còn xanh mướt. Thêm một thời gian nữa, cả quả mới ửng chín tuyệt vời, nhưng chưa tỏa mùi thơm, bởi vì nó chưa thật chín. Phải ít ngày nữa nó mới hoàn toàn chín muồi.

Từ trước tới nay, trái cây này đã trải qua một thời gian dài để phát triển, từ đơm hoa đến kết nụ và ra quả. Tất cả năng lượng của cây đi lên từ rễ và tỏa ra từ những chiếc lá thu thập năng lượng mặt trời. Nó đã đi vào giai đoạn sản sinh ra quả trưởng thành. Quá trình này biến dịch theo thời gian, dẫn đến một sự thay đổi và tăng trưởng của cây, hoa, nụ và quả. Cho đến khi năng lượng chảy từ thân cây vào các loại quả bị hái xuống. Từ điểm này, một khi quả xanh đã biến đổi hoàn toàn chín muồi, những thay đổi của nó bắt đầu diễn biến rất nhanh chóng. Chỉ vài ngày, hình dáng của nó không còn tươi xanh và màu sắc của nó không còn tốt đẹp như trước nữa. Nhưng bên trong nó có hương vị rất ngọt ngào, và quả bắt đầu tỏa mùi thơm ngát, nó đã chín. Rồi chẳng bao lâu nó xuất hiện một vài lốm đốm đen trên vỏ, chỉ ra rằng quả đã chuyển mình hư thối. Một khi những vết thâm xuất hiện đầy trên quả, quá trình thối rữa không thể chậm hoặc dừng lại. Khi trở nên thối, nó không thể ăn được. Nhưng bên trong quả thối này có hạt chắc và sẽ tiếp tục nẩy mầm.

Tình hình trên thế giới hiện nay cũng giống như trái cây này. Nhiều thế kỷ, nhiều con người, nhiều chủng loại phát triển như trái cây này. Qua thời gian lâu xa, bông hoa đơn độc là chỉ đặt đức tin ở một số linh thần hay quyền lực ngoại giới. Sau đó, trái cây xuất hiện và phát triển. Tuy nhiên, chỉ có một bên chín trước nhất, có màu sắc tốt đẹp và hương vị thơm ngon, trong khi phần còn lại thì không được như vậy. Điều này nói lên sự xuất hiện của các học thuyết, tư tưởng tôn giáo, ý thức hệ, hoặc chủ nghĩa sai lầm trong thế giới này, khiến dẫn nhân loại biến thái, xung đột, chiến đấu lẫn nhau. Như loại trái cây biến thái rất nhanh chóng. Và bây giờ toàn cả quả chín rục cùng một màu sắc và hương vị là Tiền. Ngày nay, không có bất cứ hệ tư tưởng nào bền vững vì niềm tin riêng biệt. Cả thế giới này chỉ tham muốn tiền và năng lực của tất cả mọi người rất mãnh liệt, đổ dồn theo xu hướng đó.

Thế giới ngày nay khó mà thực hiện Công đạo, Chánh đạo, mà chỉ là bá đạo và ma lực của đồng tiền. Có nhiều điểm thối rữa đã xuất hiện như các nước Trung Đông, U Răn Đa, Nam Tư, Bắc Triều Tiên, ngay cả bây giờ ở các nước châu Âu, Mỹ, Nga, Trung Quốc, và

Nhật Bản cũng vậy. Kể từ khi thế giới chấm dứt chiến tranh lạnh, chúng ta thấy sự xuất hiện của nhiều nhóm và các quốc gia nhỏ hơn, tất cả gây chiến với nhau. Ngoài ra còn có nhiều thành phần dân quân nỗi dậy riêng lẻ và những sự chế tạo, những cuộc mua

bán các loại vũ khí hủy diệt hàng loạt. Cũng thế, loại quả này phát triển qua một thời gian khá lâu dài và một khi nó trở nên chín muồi sẽ thối rữa rất nhanh chóng. Bất kỳ trái cây nào thối rữa thì không thể ăn được. Tuy nhiên, bên trong nó có những hạt giống. Những hạt giống này sẵn sàng nẩy mầm, tạo ra vô số cây và quả khác, có nghĩa là họ có thể kế tục làm bất cứ điều gì (cho thế giới hôm nay và mai sau).

Vì vậy, con người phải sớm tỉnh thức và tìm lại hạt giống ban sơ, đó là bản lai diện mục của chính mình. Nhưng làm thế nào để chúng ta trở lại bản chất nguyên sơ của chúng ta? Khoảng hơn hai ngàn năm trăm năm trước đây, Đức Phật đã có một tình huống khá tuyệt diệu. Ngài là thái tử Tất Đạt Đa, và có tất cả mọi thứ tiêu khiển, hưởng thụ. Nhưng Ngài không hiểu được chính mình. –Ta là gì? Ta không biết. Trong thời kỳ này tại Ấn Độ, đạo Bà La Môn của Ấn giáo là tôn giáo chính. Tuy nhiên, Bà La Môn giáo không thể cung cấp cho vị thái tử này những đáp án qua các câu hỏi của Ngài về bản chất thực sự của sanh tử. Vì vậy, Tất Đạt Đa từ bỏ cung điện, đi vào núi rừng, và thực hành các lối tu khổ hạnh khác nhau trong sáu năm. Ngài đã tìm ra con đường Trung đạo giữa sự sa ngã thái quá và khổ hạnh cực đoan. Vào lúc canh khuya gần sáng, trong khi thiền định dưới cội Tất bát la, Ngài chợt nhìn thấy ánh sao mai lấp lánh trên vòm trời phương Đông. Lúc đó, tâm thức Ngài bùng vỡ! Vị thái tử trẻ Tất Đạt Đa đã Giác ngộ hoàn toàn và trở thành một vị Phật. Ngài thấu đạt chân lý, liễu ngộ tự tánh mà không phụ thuộc vào một số quyền năng bên ngoài của các thần linh tôn giáo, hoặc thượng đế.

Hầu như tất cả con người duy nhất sống trên thế giới ngày nay không hiểu những gì họ đang có. Đức Phật chỉ đơn giản là một người có ý chí dõng mãnh và tâm kiên cố, mà Ngài đã dạy chúng ta cần phải giải quyết nghi vấn đó. Trước khi bạn chết, bạn phải biết rõ hướng đi của bạn. Bạn phải thấu đạt những gì bạn đang có. Nếu bạn tụng đọc nhiều Kinh điển, hoặc niệm danh hiệu Đức Phật A Mi Đà, sẽ trợ duyên cho bạn phần nào. Điều đó không tốt, cũng không xấu. Nhưng tại sao bạn tụng đọc nhiều Kinh điển? Tại sao bạn cố gắng niệm A Mi Đà Phật? Vì điều đó rất cần thiết, làm cho phương hướng của bạn thêm rõ ràng để quay về.

Đức Phật dạy chúng ta tầm quan trọng trong việc tìm kiếm phương hướng đúng trong cuộc sống này. “Ta là gì? Ta phải nhận ra được Chân ngã hoặc Tự tánh của mình là điều thiết yếu mà ta có thể làm”. Nếu bạn nhận ra Con Người Thật (Chân ngã) của bạn, tức thì bạn đạt được tính chính xác của bạn. Khi sanh ra, bạn từ đâu đến? Khi chết rồi, bạn đi

về đâu? Ngay bây giờ, công việc chính xác của bạn là gì? Mọi người đều hiểu công việc của bản thân này biểu hiện danh phận bề ngoài, chẳng hạn như họ là luật sư, bác sĩ, y tá, công nhân, hoặc tài xế, sinh viên, hoặc công việc làm chồng, làm vợ và những công việc trẻ em…. Đây là những công việc cơ thể của chúng ta, công việc bên ngoài của chúng ta, còn công việc bên trong con người thật của bạn là gì?

Đức Phật cũng dạy chúng ta đời đời phải thường thực hành hạnh Bồ tát để cứu độ tất cả chúng sanh thoát khỏi khổ đau. Muốn cứu độ tất cả chúng sanh, điều quan trọng trước nhất bạn phải tự cứu độ “chúng sanh tâm” của mình. Nếu bạn không thể tự cứu

độ mình, thì làm sao bạn có thể cứu độ cho kẻ khác? Vì vậy, đây là lý do tại sao chúng ta cần phải thấu rõ Tự tánh, Chân ngã, hoặc Bản lai diện mục của chúng ta. Cái đó không thể tìm thấy trong kinh sách, hoặc tư duy, khái niệm. Một học vị tiến sĩ, không có gì là tuyệt vời, không thể đối kháng với sức mạnh vô thường, ngay cả trong khoảnh khắc của sự quán sát nội tại một cách sáng suốt vào Bổn nguyên Tự tánh của chúng ta. Và con đường trực tiếp, ngắn nhất để trải nghiệm điều đó chính là Thiền định. Đây là điểm quan trọng.

Thiền đúng có nghĩa là sự hiểu biết về Chân ngã, Tự tánh của mình. Con đường này bắt đầu và kết thúc bằng câu hỏi: “Ta là gì ?" Đó là cách giáo hóa rất đơn giản, và không có gì đặc biệt. Khi bạn khởi “Nghi tình” của câu này một cách mãnh liệt, với đáp án duy nhất là “Không Biết". Tất cả mọi suy nghĩ hoàn toàn cắt đứt, và bạn quay về “Tâm ban đầu” trước suy nghĩ. Nếu bạn thấu đạt không-biết, bạn sẽ thấu đạt Chân ngã của bạn. Bạn đã trở về bản lai tự tánh của bạn, đó là “Sơ tâm” trước khi suy nghĩ phát sinh. Bằng cách này, bạn có thể biểu đạt và thấu tỏ Chân lý, và các chức năng sống của bạn một cách chính xác, để cứu độ tất cả chúng sanh khỏi đau khổ. Tên đó là sự Tỉnh thức, hoặc Chánh định.

Tại sao cuốn sách này có tiêu đề Thiền Tông Chỉ Nam hay còn gọi là La Bàn Thiền? Đạo Phật chỉ ra cho chúng ta thấy rằng thế giới này là một đại dương đau khổ. Tất cả mọi người đều sanh ra, rồi già, bệnh và chết. Chúng ta được tái sanh, chúng ta đau khổ, và sau đó chúng ta lại chết. Mỗi chúng sanh được tái sanh đi, tái sanh lại nhiều lần và có khi bất tận. Bởi vì lòng ham muốn trói cột chúng ta từ vô thủy. Tên tiếng Phạn gọi là Samsara (Luân hồi). Tất cả mọi chúng sanh cứ mãi xoay vòng, xoay vòng trong“đại dương đau khổ”, mẫu tự Trung-Hàn gọi là “Go hae”(Khổ hải).

Đức Phật dạy rằng chúng ta phải bơi thuyền vượt qua đại dương sanh tử này. Đó là “Thuyền trí tuệ”(Pràjnã-ship) cũng giống như tất cả các con tàu đi biển, con tàu này cần có một la bàn. Chúng tôi có thể nói rằng, nếu bạn muốn thực hiện chuyến hải hành từ Los Angeles đến Hàn Quốc. Trên tàu, bạn đã tích chứa rất nhiều thức ăn, nước uống, quần áo

và thuốc men. Đây là những đồ dùng cần thiết cho cơ thể của bạn được sống còn. Nhưng làm thế nào để bạn tìm thấy điểm đến của cuộc hành trình này? Điều quan trọng nhất phải nắm rõ phương hướng. Nếu phương hướng không rõ ràng, bạn sẽ đi lang thang nhiều năm trên các đại dương thăm thẳm. Bạn sẽ dễ dàng bị lạc mất hoặc chìm đắm giữa biển khơi. Trong khi đó, bạn sẽ hết thực phẩm, hoặc bị mắc kẹt trên một số hoang đảo. Vì vậy, không có bất cứ điều gì quan trọng hơn trên cuộc hành trình của bạn, đó là phương hướng.– “Làm thế nào tôi có thể tìm ra hướng đến Hàn Quốc? Làm thế nào để đạt được điều đó? Hàn Quốc ở đâu? "

Muốn tìm hướng đi chính xác, bạn cần có một la bàn hoặc hải bàn. Nếu thủy thủ không có la bàn, mặc dù họ có sắm con tàu thật to, có bản đồ chỉ rõ và thời tiết tuyệt vời, nhưng họ sẽ không nhận thức được hướng đi chính xác của họ. Họ chắc chắn sẽ mất phương hướng và không đạt đến đích. Khi sử dụng la bàn của con tàu này một cách

chính xác, bạn có thể tìm thấy Chánh đạo. Sau đó, bạn có thể cảm nhận thực tế trong hiện tại những gì luôn luôn ở ngay trước mắt bạn.

Do vậy, nếu bạn muốn hiểu con người thật của bạn, bạn phải thực hành thiền. Chỉ giữ câu hỏi này một cách miên mật: Ta là gì? Không Biết... Nhưng có nhiều loại Giáo lý bạn có thể mang theo dọc đường. Có Giáo lý Phật giáo Tây Tạng, Thiền Hàn Quốc, Thiền Nhật Bản và Liên Hoa Tông với câu niệm Namu myoho Renge-kyo, có Thiền Minh sát Vipassana, Thiền Siêu việt, và Thiền Tịnh quang. Có pháp môn Tịnh Độ, Phật giáo Mật tông, và Phật giáo bí truyền v. v...

Đặc biệt ngày nay ở phương Tây, có rất nhiều, rất nhiều pháp môn, nhiều giáo lý. Nhưng một giáo lý sáng tỏ là gì ? Và chức năng của nó ra sao? Làm thế nào chỉ thẳng tâm người? Làm thế nào để giúp chúng ta tìm thấy Chánh đạo, thấu tột Chân lý và sống an nhiên tự tại, đầy lòng Từ bi cho tất cả chúng sanh? Đó chính là trọng tâm của La bàn này để giúp tìm xương tủy thực sự của giáo lý Phật đà trong ba bộ phận Phật giáo chính thống. Y lý phương Đông của người xưa từng bảo: “Nhiệt tắc hàn chi, Hàn tắc ôn chi”. Nghĩa là đối với bệnh sốt thì sử dụng thuốc hàn. Đối với bệnh cảm lạnh thì sử dụng thuốc ôn nhiệt. Con người phải chịu bệnh hoạn từ lời nói và suy nghĩ của mình, vì vậy đôi khi lời nói và suy nghĩ của y học có thể giúp họ. Đó là lý do tại sao chúng tôi làm ra La bàn Thiền. Nếu bạn không vướng mắc bởi lời nói và chữ nghĩa trong La bàn này, và chỉ giữ tâm không biết, hoàn toàn quét sạch mọi vọng tưởng, sau đó thuốc chữ nghĩa và lời nói trên các trang này có thể giúp bạn tìm ra Chánh đạo. Bạn có thể tìm thấy tinh yếu lời giáo huấn của Đức Phật. Nhưng nếu bạn vướng mắc, dù là lời Phật dạy, cũng sẽ đưa bạn thẳng đến địa ngục.

Vì vậy, những gì được trình bày như dưới đây với nhiều loại ngôn từ giáo hóa tuyệt vời: có ngôn từ Tiểu thừa, ngôn từ Đại thừa, ngôn từ Thiền, tiếng Trung Quốc, tiếng Phạn, tiếng Hàn, tiếng Nhật, tiếng Mỹ, tiếng Ba Lan.... Có lời thật, lời hư ; có lời tốt, lời xấu. Có rất nhiều, rất nhiều loại từ. Đôi khi vô ngôn, không có lời nào. Nếu bạn muốn thấu đạt Chân ngã, liễu ngộ Tự tánh, thì không nên dính mắc bất kỳ những lời giảng thuyết nào. Nếu bạn cho rằng Tiểu thừa Phật giáo là giáo lý Đạo Phật Nguyên Thủy đúng nhất, bạn sẽ có vấn đề (câu nệ, bảo thủ). Nếu bạn nói rằng Phật giáo Đại thừa là chính xác, bạn sẽ có vấn đề lớn hơn (chấp trước, vướng mắc). Và nếu bạn nói Thiền là trên hết, (thì bạn không thấu hiểu được Tâm Phật), bạn sẽ đi thẳng xuống địa ngục như tên bắn. Không giữ ngôn từ trong La bàn này. Chỉ có lãnh hội được những gì nó đang giúp cho bạn tìm ra phương hướng, và sau đó bạn chỉ thực hành.

Điều quan trọng nhất là làm cách nào bạn có thể giữ một câu hỏi lớn (Đại Nghi Tình) thật mãnh liệt.“TA LÀ GÌ?"Luôn luôn giữ mãi câu hỏi này với quyết tâm vĩ đại, những gì xuất hiện chỉ duy nhất “KHÔNG BIẾT". Không có suy nghĩ. Không có bất kỳ chữ nghĩa hay lời nói, bởi vì tất cả mọi suy nghĩ, mọi vọng tưởng hoàn toàn được quét sạch. Tên “không biết" này còn gọi là Chân ngã hoặc Tự tánh. Đôi khi nó cũng được gọi là Tỉnh thức, Sáng tỏ, Ngộ (Satori) hoặc Kiến tánh (Kensho). Nhưng bổn lai vốn không danh, không tướng. Nếu bạn lãnh hội được điều đó, tất nhiên bạn thấu đạt được Phật giáo Tiểu thừa, thấu đạt được Phật giáo Đại thừa, và tỏ ngộ Thiền. Như vậy, Tiểu Thừa,

Đại Thừa và Thiền tất cả cùng một điểm,“Ta là gì? –Không biết."

Vì vậy, tôi hy vọng bạn đọc qua những lời này, nhưng không vướng mắc chúng, sau đó chỉ đi thẳng – không biết, cố gắng, cố gắng, cố gắng, mười ngàn năm không thôi nghỉ, được tỏ ngộ, và cứu độ tất cả chúng sanh khỏi khổ đau.

Sơn tăng Sùng Sơn,
Tổ đình Hoa Khê, núi Viên Giác
Thủ đô Seoul, Nam Hàn
Ngày 01 tháng 8 năm 1997
ĐẠO PHẬT (Buddhism)

MỤC ĐÍCH CỦA ĐẠO PHẬT. (The Purpose of Buddhism)

Trước Cầu Giác Ngộ () (First attain enlightenment)

Sau Độ Chúng Sanh () (then instruct all beings)

Cách đây khá lâu, đã trải qua hơn 2.500 năm, Socrates là một Triết gia nổi tiếng người Hy Lạp, (470/469 BC – 399 BC) ông đã đi bộ qua các đường phố và các khu chợ ở thành Athens với công việc dạy học. Ông nói với những học trò của mình: “Các bạn cần phải hiểu biết chính các bạn! Các bạn cần phải hiểu biết chính các bạn! Các bạn cần phải hiểu biết chính các bạn!“ Ông thường lập đi lập lại như thế.

Rồi một ngày nọ, có một sinh viên hỏi ông: –Thưa thầy, thầy luôn luôn dạy chúng con cần phải hiểu biết chính mình. Nhưng còn thầy thì sao ạ! Thầy có hiểu biết chính mình chưa? Socrates trả lời: –Không. Tôi không biết chính tôi, nhưng tôi hiểu cái không biết này. Đây là lời dạy rất thú vị. Tu tập theo đạo Phật chứng tỏ cùng một trải nghiệm giống nhau. Bởi vì hầu như con người ai cũng đi qua cuộc sống của họ, mà họ không cảm nhận được một chút ý nghĩa của những gì mà họ đang có.

Chúng ta hiểu rất nhiều về thế giới này, nhưng chúng ta không hiểu chính chúng ta. Thế thì con người có mặt trên thế giới này để làm gì? Tại sao chúng ta phải sống trên thế giới này? Vì tình yêu? Vì tiền bạc? Vì sự tôn vinh hay nổi tiếng? Bạn có sống vì vợ, chồng, hay con cái của bạn không? Tại sao bạn sống trên thế giới này? Nếu một ai đó hỏi bạn

những điều như vậy thì có lẽ bạn khéo trả lời rằng: “Tôi sống cho những đứa con của tôi. Tôi sống để làm kiếm tiền nuôi chúng, hoặc có thể có được cuộc sống tốt đẹp.” Hầu như mọi người đều nghĩ như vậy. Họ sống chỉ vì gia đình họ, cho một thoáng phù du mà xã hội tôn trọng. Ngoài ra là chỉ để hưởng thụ, thưởng thức nghệ thuật hay tạo một số thế lực mạnh mẽ. Mọi người đều muốn có một địa vị tốt cho bản thân họ. Nếu chúng ta nhìn vào thế giới này thật gần hơn nữa, thì dễ dàng sẽ thấy mọi người ăn, ngủ và sống đơn thuần cho hạnh phúc cá nhân. Nhưng những điều này không phải là mục đích thật sự của con người. Chúng chỉ là phương tiện tạm thời để sống trong cõi đời. Nếu con người không nhận thức được Ta là ai thì làm sao họ có được niềm an vui vĩnh cửu?

Đức Phật sanh ra từ một hoàng gia ở Ấn độ cách đây hơn 2.600 năm (khoảng 623 trước Tây lịch). Ngài là thái tử, con vua Tịnh Phạn và Hoàng hậu Ma-da, với tên gọi Cồ-đàm – Tất-đạt-đa (Gautama – Siddhartha). Sống trong cung điện, Ngài được cung phụng đủ thứ, nào thực phẩm ngon bổ, quần áo sang trọng, nhiều cung phi mỹ nữ, địa vị tối tôn và rất nhiều thuận duyên tốt đẹp. Ngài là con vua, và trong tương lai sẽ kế thừa một vương triều uy lực. Điều đó thật tuyệt vời! Nhưng trong lòng Tất Đạt Đa không được thỏa mãn lắm, bởi vì Ngài không hiểu Ngài là ai? Ngài không hiểu được vấn đề sanh tử. Ngài rất buồn cho mọi loài chúng sanh cuối cùng rồi cũng phải bệnh, già, và chết. Điều này đã tạo cho Ngài một nghi vấn lớn về bản chất chính mình và của tất cả chúng sanh: "Ta là gì? – Không biết..."

Lúc bấy giờ ở Ấn Độ, tôn giáo Bà-la-môn hay còn gọi là Ấn giáo chủ đạo, hầu hết được mọi người tin theo. Nhưng Bà-la-môn giáo đã không có thể cung cấp cho vị thái tử trẻ chính xác những câu trả lời đang nung nấu trong lòng. Sau khi du ngoạn bốn cửa thành, chứng kiến những cảnh: già – bệnh – chết, do đó, Ngài càng ưu tư nhiều hơn... "Tại sao con người có mặt ở thế giới này? Tại sao chúng ta ăn mỗi ngày? Ta là gì?" Ngài đã ăn, nhưng không còn hương vị. Ngài nghe nhạc, nhưng không thấy niềm vui. Cung điện xinh đẹp giống như một nhà tù giam lỗng.

Vào một đêm Xuân, Tất-đạt-đa lên ngựa, rời bỏ cung điện, từ giả hoàng gia, xa lìa vợ đẹp, con xinh bé bỏng. Đến bờ sông A-nô-ma, Ngài đã cắt tóc trở thành thầy tu, sau đó đi vào núi rừng u tịch tìm cầu Chân lý Giác ngộ Giải thoát. Trong sáu năm thực hành khổ hạnh, Ngài tự hỏi: "Ta là gì? –Ta Không biết"... Ngài cương quyết giữ "Câu hỏi" (Nghi tình) này một cách mãnh liệt và ngồi thiền dưới gốc cây Tất-bát-la suốt bốn mươi chín ngày đêm ròng rã. Thế rồi một hôm, vào lúc canh khuya gần sáng, Ngài hé mắt nhìn về phương Đông, trông thấy ánh sao mai rực chiếu. Ngay lúc ấy, tiếng vỡ – BÙM!– Tất Đạt Đa và ngôi sao này hoàn toàn trở thành Một. Ngài khám phá ra bản lai tự tánh của mình thể nhập với vũ

trụ vô hạn, vô biên, trùm khắp pháp giới không gian và thời gian. Toàn thể vũ trụ này không có gì khác hơn là tâm mình.

Ngài đã chứng quả vô sanh bất diệt. Không đến, không đi. Chúng ta tôn vinh Ngài là Phật, bậc Tỉnh thức đã tỏ ngộ Tự tánh. Ngài đã thấu tột Nhân sinh quan, nhận ra rằng, khi vô minh xuất hiện thì tâm sanh. Khi tâm sanh thì dục vọng sanh. Khi mọi thứ dục vọng sanh thì sống chết, đến đi, vui buồn tất cả đều phát khởi. Bởi hoàn toàn giữ tâm không biết một trăm phần trăm, chỉ Đi thẳng – Không biết, Đức Phật nhìn thấy phải làm cách nào để chận đứng chu kỳ vô tận này. Ngài đã thoát khỏi vòng cạm bẫy sanh tử, mà hết thảy chúng sanh đều mắc phải. Ngài hoàn toàn thực chứng hướng đi đúng của mình, thấu đạt Chân lý, khám phá chân tánh của sự sống mà Ngài cần phải hướng dẫn. Đó là Con đường Giác ngộ.

Nhưng, Chân lý mà Đức Phật đã thấu đạt rất cao siêu tuyệt diệu. Làm thế nào Ngài có thể tác dụng nó để cứu giúp thế giới khổ đau này? Khi Ngài hoàn toàn giác ngộ đã nhận thấy rằng tất cả các chúng hữu tình sanh ra, đau khổ, và chết; rồi lại sanh ra, đau khổ,

và chết; rồi cũng được sanh ra, đau khổ lần nữa,và chết lần nữa trong sự đau khổ ngút ngàn vô tận. Ngài đã thấy hàng tỷ, tỷ, tỷ chúng sanh kể từ vô thủy bị vướng mắc trong cái vòng lẩn quẩn: sanh–già–bệnh–chết cứ mãi trôi lăn, trôi lăn, trôi lăn không ngừng nghỉ, chỉ vì chạy theo lòng tham dục, giận hờn và mê muội. Nó được gọi là sanh tử luân hồi.“Tôi muốn cái này. Tôi thích cái đó. Tôi ưa cái này. Tôi ghét cái đó v.v…”

Lúc Đức Phật thành đạo, Ngài cảm nhận mỗi chúng sanh trong mỗi quốc độ đều có sự khủng hoảng của khổ đau. Đó là một điều mà đối với mọi người cho là quá quen thuộc và trở nên bình thường. Ngài nghĩ: “Làm cách nào để mọi người tin rằng Ngài đã chứng ngộ? Làm thế nào ta có thể truyền dạy sự Giác ngộ cho người khác?” Nó giống như một người đàn ông với bằng Tiến sĩ cao cấp, đang dạy thực tập cho những đứa trẻ nhỏ mới học vỡ lòng với những kiến thức uyên bác mà ông ấy đã thấu đạt. Như vậy làm sao các trẻ nhỏ này có thể lãnh hội hay hiểu nỗi?

Cũng thế, chúng sanh bị điều khiển bởi tâm ham muốn và gắn bó với nỗi đau khổ của họ, Ngài tự hỏi, ai có thể tiếp nhận với giáo lý thậm thâm vi diệu này. Một số Kinh điển cho rằng, nhiều lúc Đức Phật e dè liệu Ngài có nên nỗ lực chỉ dạy Chánh pháp mà Ngài đã thấu đạt? Có thể mọi người sẽ cười Ngài, hay tệ hơn, giết Ngài qua cái nhìn dị giáo. Đức Phật cũng đã nhận ra được điều đó. Với sự Giác ngộ viên mãn, Ngài có thể an trú trong trạng thái Niết bàn, tĩnh lặng vô hạn của Chân hạnh phúc và sẽ không bao giờ xuất hiện. Nhưng vì lòng Từ bi rộng lớn đối với tất cả chúng sanh. Ngài đã đứng dậy, rời chỗ ngồi của mình dưới gốc cây Bồ Đề, đi đến những thành phố ồn náo, những thị trấn và

những làng quê thanh bình, để giáo hóa nhân loại chúng sanh. Ngài đã bỏ lại “vị trí tối thượng”, không màng đến Chân hạnh phúc của riêng mình. Ngài không an hưởng Niết bàn, nơi mà không có sanh tử khổ đau. Đức Phật đã trở về nơi thế giới trần tục bất kham để cứu chúng sanh thoát khỏi đau khổ, bằng cách cho họ thấy rằng “Ta là Phật đã thành. Chúng sanh các ngươi là Phật sẽ thành”. Trải nghiệm giác ngộ của Ngài không phải chỉ cho riêng Ngài. Các đức tính Đại từ, Đại bi, nói lên tình yêu bao la và lòng thương rộng lớn của Ngài đã sẵn sàng rộng mở. Đức Phật Giác ngộ hoàn toàn, Ngài đã đạt được vị trí tối thượng đối với tất cả chúng sanh. Đây là sự khởi đầu có mặt của Phật giáo trên thế giới.

Do đó, nói chung về Phật giáo, nghĩa là toàn bộ giáo lý của nhân vật lịch sử khai sáng có tên Phật Thích ca Mâu ni. Nhưng chính xác hơn thì Phật là gì? Thật sự Phật không có gì đặc biệt. Chữ Phật xuất phát từ một động từ tiếng Phạn (Bud) có nghĩa là “Phủi bỏ, Tỉnh thức”. Nếu bạn thấu đạt tâm mình, tức bạn thấu rõ Chân ngã, Tự tánh và bạn thức tỉnh từ những mê mộng khổ đau. Thiền sư Mã Tổ đã nói: “Tâm tức Phật; Phật tứcTâm”. Nếu bạn được minh tâm, kiến tánh, tức bạn trở thành Phật. Do đó giáo lý Đạo Phật giãng dạy rất đơn thuần, có nghĩa là Đức Phật Thích ca Mâu ni đã thấu đạt chính mình, Ngài hoàn toàn làm chủ tâm mình cũng như thấu hiểu được tâm chúng sanh. Ngài đã đạt được chính xác khả năng của tâm này, nhằm để phụng sự tất cả muôn loại chúng sanh khác. Đó là điều vô cùng quan trọng.

Bởi vậy Đạo Phật rất đơn giản: Chỉ tự hỏi mình thật thẳm sâu, Ta là gì? –Không biết…Đức Phật đã ngồi sáu năm chỉ giữ tâm không biết. Tổ Bồ-đề-đạt-ma, vị Thiền sư tuyệt vời đã ngồi chín năm trong hang động Tung sơn, gần chùa Thiếu Lâm, cũng chỉ giữ không biết. Thế thì tôi hỏi bạn, bạn là ai? Khi sanh ra, bạn từ đâu đến? Khi bạn chết, sẽ đi về đâu? Nếu bạn thấu đạt những câu hỏi này, thì bạn làm chủ chính bạn và bạn trở nên hạng siêu đẳng trong các loài động vật. Nhưng nếu bạn không hiểu thì cũng như những động vật bình thường khác. Những sách vở không thể cung cấp cho bạn đạt được điều này. Tiền bạc không thể tạo cho bạn có được sự hiểu biết này. Ngay cả Phật, Trời hay Thượng đế cũng không thể giúp bạn nhận rõ được điều này. Đây là lý do tại sao thực hành thiền chính xác là điều rất quan trọng: Làm thế nào tôi có thể thấu rõ con người thật của tôi, và hoàn toàn đạt đến chân lý và cuộc sống đúng ý nghĩa?

Có nhiều con đường mà một người nào đó có thể đi theo để đạt đến đích. Chúng ta có nhiều tôn giáo và nhiều nẽo về tâm linh. Nhưng thông thường thì có hai loại tôn giáo trên thế giới: Tôn giáo chủ thể và Tôn giáo đối tượng. Theo Tôn giáo đối tượng, nghĩa là con người do trí tưởng tượng họ tạo ra Thượng đế, hoặc một số thần linh bên ngoài đối ngược lại bản thân. Điều đó, họ tin vào một số quyền lực điều khiển vũ trụ và con người

trong thế giới này. Mọi người nghĩ rằng nếu họ tin vào Thượng đế hay quyền lực thần linh nào đó thì họ sẽ có được những mặc khải. Chẳng hạn như nhận được ơn cứu rỗi, được hạnh phúc hay một số cảm giác tốt đẹp. Có thể họ sẽ có năng lượng đặc biệt về pháp thuật, hoặc được phong thánh. Có thể họ sẽ được lên thiên đường. Một số môn sinh trong giới Chính thống giáo đã nói với chúng tôi rằng họ muốn “trở thành một“ với Thượng đế và họ có thể thực hành thiền để làm điều đó. Nhưng vấn đề này vẫn còn tạo ra một số đối tượng để trở thành một, vì vậy đó là loại Tôn giáo đối tượng.

Đạo Phật là đạo của Tôn giáo chủ thể. Truy tìm trực tiếp vào bản tính nội tại của cuộc sống chính mình, bắt đầu từ cái nhìn sâu sắc vào bản thể của con người chúng ta.“Ta là ai?” “Cái Ta này là gì?, và Nó từ đâu đến?” “Tại sao ta sinh ra, từ đâu ta đến đây? Khi ta chết, sẽ đi đâu?” Bạn chỉ cần tự hỏi bạn những câu hỏi này, thì lúc đó mọi vọng tưởng, suy nghĩ hoàn toàn bị quét sạch. Trong và ngoài trở thành một. Đồng thời, chủ thể và đối tượng hoàn toàn cũng trở thành một. Bởi vì, nếu không suy nghĩ thì sẽ không có chủ thể và đối tượng. Khi bạn đặt nghi vấn “Ta là gì?” “Chỉ không biết”– tức thì bạn cùng vũ trụ, và mọi thứ bùng vỡ – BÙM! Hoàn toàn thành một. Do đó, Đạo Phật luôn luôn chỉ thẳng bản thể của tâm bạn. Nhân loại chúng sanh là như thế này, thế này. Đây là nguyên nhân gây ra đau khổ, và bạn phải làm sao để trừ bỏ hoặc chuyển hóa nó đi. Điều này không thể dựa vào sách vở hay sự học hỏi. Nó không dựa vào thần thánh hay một số sức mạnh quyền năng bên ngoài để giải quyết vấn đề cho chúng ta. Toàn bộ giáo lý của Đạo Phật cho thấy làm thế nào, bằng cách hỏi “Ta là gì?” Bạn sẽ đạt đến Không biết. Cái gì là tự tánh của bạn, con người thật của bạn? Giáo lý Đạo Phật luôn luôn chỉ cho bạn một sự trải nghiệm trực tiếp về Thật tánh của bạn, để rồi bạn sẽ nhận ra được Con Đường–Chân Lý–và Sự sống. Vì vậy, bạn có thể thấy cách giáo hóa của Đức Phật không phải đích thực là một tôn giáo như tất cả các tôn giáo khác. Vì Đạo Phật là

Con đường Tỉnh Thức.

Mục đích của Đạo Phật là: “Thượng cầu Giác ngộ. Hạ hóa chúng sanh”. Nghĩa là trước hết bạn phải đạt được sự Giác ngộ, sau đó mới hóa độ tất cả chúng sanh“. Cũng giống như hai bánh xe trong một cỗ xe bò. Bạn không thể nào sử dụng nó để đi mọi nơi, nếu thiếu hai bộ phận dính liền đó. Một khi bạn hoàn toàn không quan tâm đến những cuộc sống đời thường, thì bạn không thể nào tìm được Con đường cho mình. Và, nếu bạn không mạnh mẽ cố gắng hiểu thấu chính bạn thì bạn không thể nào trở thành một vị Phật. Đó là tại sao chúng tôi nói sự tỏ ngộ và phụng sự chúng sanh, giống như hai bánh xe bò kia vậy. Cùng cưỡi chung với chúng, chúng ta sẽ đi đến được cảnh giới của Phật. Ngay cả khi bạn nghiên cứu hết tám mươi bốn ngàn pháp môn trong Ba tạng Giáo điển của Phật giáo. Nếu bạn không hiểu chính bạn, và không đem ra thực hành, bằng cách giúp đỡ những người khác trong việc làm hằng ngày của bạn, thì tất cả những sự hiểu biết đó hoàn toàn

vô dụng. Vào một giây phút nào đó, cơ thể của bạn chết đi, ngay cả một trăm bác sĩ sẽ không thể giúp bạn để tìm thấy con người thật của bạn theo cách nhìn như vậy.

Một vị Tổ sư nổi tiếng từng nói: “Một hành động tốt hơn so với mười ngàn lời nói”. Điều đó cũng giống như nói Đại Từ, Đại Bi và Đại Bồ tát Đạo, nhưng phải làm cách nào mở rộng tâm hồn chúng ta với chức năng Đại Từ, Đại Bi đó chính xác, ngõ hầu cứu vớt chúng sanh thoát khỏi mọi khổ đau. Để đạt được mục đích của Đạo Phật, trước hết bạn phải thực sự Giác ngộ. Bạn phải Tỉnh thức, thấu tỏ chân lý và bạn phải thành tựu Tự tánh Bát nhã, hoặc Trí tuệ Siêu việt. Bạn phải đạt được hướng đi chính xác trong cõi đời này. Sau đó bạn mới cứu chúng sanh thoát khỏi đau khổ. Cứu thoát đau khổ là một việc làm đúng đắn của chúng ta đối với tất cả nhân loại chúng sanh. Bởi vì khi bạn đạt được Chân ngã, tức thì bạn đạt được bản thể của vũ trụ. Điều này có nghĩa là bạn thật sự thấu rõ toàn thể vũ trụ này với bạn không thể tách rời ra. Bạn và hết thảy chúng sanh thống thuộc cũng không thể tách rời nhau. Vì tất cả mọi sự vật trong vũ trụ này thật sự vốn đồng một thể. Cho nên, khi bạn thấu đạt tình huống toàn thể thế giới vạn hữu: thật có rất nhiều chúng sanh vô cùng đau khổ, trong mọi lúc, mọi nơi. Và họ cũng không khác tâm bạn bao nhiêu. Đây là sự trải nghiệm vô cùng thú vị.

Đức Phật dạy rằng trong tất cả vô số kiếp, các sự tái sanh của chúng ta trước đây, mỗi chúng sanh dù đơn phương nhỏ nhít nào cũng đã từng làm cha hoặc mẹ của chúng ta ít ra một lần. Bằng kinh nghiệm của tầm nhìn này, bạn có thể làm gì? Nếu bạn luôn luôn giữ tâm không biết ở khắp mọi nơi, công việc thật sự của bạn sẽ rõ ràng hiện ngay trước mắt. Để thấu đạt con người thật của tôi, thì điều đơn giản là từng niệm niệm, tôi phải giữ hành động đúng, quan hệ đúng, và vị trí đúng trong cõi đời này. Tôi có chức năng rõ ràng trong cõi đời thì mới giúp ích cho tất cả chúng sanh. Do đó được tỏ ngộ và giáo hóa chúng sanh không phải là hai điều tách biệt. Bởi vì khi bạn trở về tâm của bạn trước suy nghĩ phát sanh, ngay tức khắc, tất cả vạn pháp đều trở thành Một. Khi đó, bạn làm gì mà không giúp đỡ mọi chúng sanh? Hành động đúng, quan hệ đúng, vị trí đúng của bạn sẽ hiện ra rõ ràng trước mắt bạn. Giúp đỡ mọi người khác là công việc tỏ ngộ chính xác. Thực sự không có gì đặc biệt cả. Đó là mục đích thiết thực của Đạo Phật.

PHÂN LOẠI PHẬT GIÁO (The Division of Buddhism)

Phật giáo Tiểu thừa (Hinayana Buddhism)

Phật giáo Đại thừa (Mahayana Buddhism)

Phật giáo Thiền tông (Zen Buddhism)

Đạo Phật có thể được chia thành ba truyền thống giáo lý chính: Phật giáo Tiểu thừa, Phật giáo Đại thừa và Phật giáo Thiền tông. Nhưng Phật giáo thật sự không phải là Phật giáo. Nó không phải là một số "tín lý" gì đó. Điều đơn giản của Đạo Phật là nhận thức trực tiếp của thực tại, chỉ có thế thôi. Đã lâu lắm rồi, có một số người đã hỏi Thiền sư Triệu Châu: "Tại sao Bồ-đề-đạt-ma đến Trung Quốc?" Nói cách khác, người ấy đã hỏi: "Đạo Phật nghĩa là gì?" Triệu Châu trả lời: "Cây bách trước sân." Và một lần nọ, có vị Tăng đã hỏi Thiền sư Mã tổ: "Phật là gì?" Thiền sư trả lời: "Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật" (phi tâm phi Phật).

Vì vậy, khởi thủy không có Phật giáo Tiểu thừa, không có Phật giáo Đại thừa, và không có Phật giáo Thiền tông. Đạo Phật chỉ là cái tên gọi cho một Con đường mà Đức Phật đã thực chứng và tế độ tất cả chúng sanh. Nhưng điều đó thật khó cho nhiều người thực hành. Do đó Đức Phật đã thị hiện trong thế giới này, thành tựu Giác ngộ và đã giáo hóa trong bốn mươi lăm năm. Trước hết, Ngài phương tiện khai mở Phật giáo Tiểu thừa. Ngài dạy Bốn Chân đế, (Khổ, Tập, Diệt, Đạo). Các pháp vô thường, khổ não và vô ngã. Làm thế nào để thoát khỏi sự đau khổ. Ngài dạy Lý duyên khởi (Mười hai Nhân duyên) và quán niệm thực hành theo những hiểu biết khác nhau.

Khi tâm đệ tử của mình thăng tiến, thuần thục, Ngài bắt đầu khai mở thêm về Phật giáo Đại thừa. Đây là con đường của Tánh Không, còn được gọi là Đại Bồ tát Đạo. –Tôi nguyện không nhập vào sự tĩnh lặng vô hạn và hạnh phúc của Niết bàn, cho đến khi chúng sanh cuối cùng chưa được thoát khỏi đau khổ. Và sau hết, khi các đệ tử của mình đã hoàn toàn chín muồi, Ngài khởi sự dạy Thiền.

Trong một pháp hội, gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ Khưu (Bhikkhu) vân tập tại đỉnh non Linh Thứu (Vulture's Peak) để chờ nghe Đức Phật tuyên dương diệu Pháp. Nhưng Ngài vẫn ngồi bất động và im lặng thật khá lâu. Các hàng đệ tử nhìn chăm chú vào Đức Phật, tỏ vẻ kinh ngạc và coi như một chuyện lạ thường. Họ cho rằng, "Có lẽ đức Bổn sư của chúng ta hôm nay thân thể bất an? Không biết lúc nào Ngài giảng thuyết?" Cuối cùng, Ngài vói tay cầm lấy một cành hoa sen và đưa lên. Hội chúng ngơ ngác nhìn nhau, không ai hiểu rõ yếu chỉ gì và tất cả vẫn đang chờ đợi Ngài khai thị. Bỗng nhiên, dưới hàng thính chúng, chỉ có một mình Ngài Ma-ha Ca-diếp mỉm cười "A ha!". Sau đó, Đức Phật phán bảo: "Ta có Chánh pháp Nhãn tạng, Niết bàn Diệu tâm, Thật tướng, Vô tướng, nay trao truyền cho Ma-ha Ca-diếp."

Như vậy, Ngài Ma-ha Ca-diếp được truyền thừa Chánh pháp Nhãn tạng, làm vị Tổ sư đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Thiền tông, thắp sáng ngọn đèn thiền tiếp tục cho đến ngày nay. Đó là phương pháp "Không dùng chữ nghĩa. Truyền ngoài giáo điển. Chỉ thẳng tâm người. Thấy tánh thành Phật" (Bất lập văn tự. Giáo ngoại biệt truyền. Trực

chỉ nhân tâm. Kiến tánh thành Phật).

Vì vậy, phương pháp giảng dạy của Phật giáo Tiểu thừa, Phật giáo Đại thừa và Phật giáo Thiền tông hoàn toàn khác nhau. Tôn chỉ của mỗi hệ phái khác nhau. Tuy nhiên, sự chỉ đạo và mục đích đều giống nhau, đó là làm thế nào chúng ta có thể Giác ngộ, Tỉnh thức và giúp đỡ muôn loài vạn vật trên thế giới này.

Phật giáo Tiểu thừa dạy rằng, khi suy nghĩ xuất hiện, thì “Tôi” xuất hiện. Khi Tôi xuất hiện thì toàn thể thế giới được chia thành các cặp đối đãi. Triết gia René Descartes cũng từng nói: “Tôi suy tư, nên tôi hiện hữu". Điều đó cùng một quan điểm. Nếu bạn có cái tôi, bạn cũng không phải là tôi. Sự còn và mất, sống và chết, tốt và xấu, tất cả đều phát xuất từ suy nghĩ đối đãi. Suy nghĩ cũng gây ra đau khổ. Vì vậy, khi tâm sanh thì các pháp sanh. Khi pháp sanh thì tên gọi (Danh) và hình thức (Sắc) cũng sanh. Khi danh và sắc hiện hữu thì thích và không thích, tốt và xấu, đến và đi, sống và chết, vui và buồn thảy đều xuất hiện.

Quan điểm Tiểu thừa gọi lãnh vực này đã khiến tất cả chúng ta sống trong một thế giới đau khổ. Cuộc sống là khổ đau, và đau khổ là cuộc sống: Đó là luân hồi sanh tử. Giáo lý Phật giáo Tiểu thừa giải thích rằng chúng ta đang sống trong thế giới vô thường, khổ não. Do vậy làm cách nào chúng ta có thể khắc phục vượt qua được nó. Thế giới khổ đau này được tạo ra hoàn toàn bằng cách nhìn, lối nghĩ riêng của mỗi chúng ta. Thông qua giáo lý này, chúng ta được hướng dẫn như thế nào từ thế giới đối diện của sanh tử để đạt được trạng thái Tuyệt đối, hoặc Niết bàn. Trong Niết bàn không có sanh tử, không đến hoặc đi,

không lên hoặc xuống. Nó là trạng thái của sự tĩnh lặng hoàn toàn và thật hạnh phúc. Đạt tới trạng thái hoàn toàn rỗng lặng (Không) của Niết bàn là mục tiêu cuối cùng của Giáo lý Phật giáo Tiểu thừa.

Giáo lý Phật giáo Đại thừa bắt đầu vào thời điểm của Không và Vô ngã này, nơi mà giáo lý Tiểu thừa dạy nếp sống lìa bỏ (viễn ly). Nó cho thấy làm thế nào chúng ta có thể khởi đầu với sự trải nghiệm của “Không”để đạt đến trạng thái hoàn toàn. Điều này nói lên rằng, nếu tâm bạn vốn đầy đủ toàn vẹn, tức thì các pháp cũng đầy đủ toàn vẹn. Mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, tất cả mọi thứ toàn vẹn. Đau khổ cũng toàn vẹn. Hạnh phúc cũng toàn vẹn. Như vậy cái gì bất toàn?

Có hai câu thơ nổi tiếng nói lên ý nghĩa này:

“Một bằng một, mỗi thứ toàn vẹn. Một bằng một, mỗi thứ xuất hiện.”

Nếu bạn giữ tâm này [Thiền sư cầm gậy thiền đánh xuống bàn], thời điểm đó không có bên trong và bên ngoài. Nó không có chủ thể hoặc đối tượng. [Đánh] Bạn là vũ trụ; vũ trụ là bạn. Đôi khi chúng tôi cũng gọi là cứu cánh. [Đánh] Cứu cánh nghĩa là “Toàn vẹn đầy đủ".Thế giới “toàn vẹn” này là Chân lý. Khi tâm bạn đã cắt đứt mọi vọng tưởng đảo điên, không suy nghĩ. Không suy nghĩ có nghĩa là không có “Tôi". Khi không có “Tôi”, tức thì tâm bạn sáng suốt như không gian, cũng giống như một tấm gương trong. Nó phản ánh tất cả mọi thứ xuất hiện phía trước nó một cách chính xác: bầu trời xanh lơ,

cây lá xanh biếc; chó sủa “gâu gâu"; đường ngọt, muối mặn… Khi bạn thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và nhận thức– tất cả mọi thứ, chỉ như vậy, đó là Chân lý Như thị. Chúng tôi gọi là “Thế giới hoàn toàn viên mãn."

Vì vậy, thấu đạt thế giới này tròn đủ, tức là hoàn toàn thấu rõ sự thật. Tuy nhiên, Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy rằng chúng ta không thể dừng lại ở đây. Thật vậy, tất cả mọi thứ là toàn vẹn đầy đủ, chính nó như vậy – Tất cả mọi thứ là chân lý. Trời xanh, đó là chân lý. Đường ngọt, đó là chân lý. Gió thổi qua cây lá bên ngoài ngay lúc này, đó cũng là chân lý. Nhưng chúng ta phải bước thêm một bước nữa. Nếu bạn thấu đạt chân lý, tiếp đó làm thế nào để bạn thực hiện tác dụng chân lý một cách chính xác, và làm cho cuộc sống của bạn được hoàn hảo? Nói một cách khác, làm thế nào để bạn giúp đỡ mọi chúng sanh?

Phật giáo Đại thừa nhận thức rằng tất cả các pháp đều Không, và sau đó, từ trải nghiệm “Tánh Không” cơ bản này, thấu đạt Chân lý như thế nào có thể phụng sự tất cả

chúng sanh đời này qua đời khác. Đôi khi chúng tôi gọi đó là Đại từ, Đại bi, Đại Bồ tát Đạo. Từng giây phút, từng khoảnh khắc cuộc sống này không chỉ của mình mà dành phụng sự cho tất cả chúng sanh.

Sau cùng, Phật giáo Thiền tông là gì? Thiền không bao giờ nói về tuyệt đối, hoặc đảo ngược lại thế giới. Thiền không cố gắng để giải thích Tánh không, hoặc giải thích Chân lý hay thế giới toàn vẹn. Việc thực hành Thiền không giải thích bất cứ điều gì. Thiền đơn giản chỉ thẳng vào tâm chúng ta, Tự tánh của chúng ta, để chúng ta có thể trực tiếp đạt được Giác ngộ và phổ độ tất cả chúng sanh. Vì vậy, không có sự nhấn mạnh đánh giá vào ngôn ngữ hoặc học hỏi nơi Thiền – chỉ đơn giản là cứ việc thực hành Thiền. Giáo lý Thiền tông không bao giờ tra xét thế giới đảo ngược, không bao giờ tra xét cái Tuyệt đối, và nó không bao giờ nói về thế giới toàn vẹn. Tất cả giáo lý Thiền tông đơn giản là chỉ thẳng vào Tâm bạn, ngay tại thời khắc này. Bây giờ bạn đang làm gì ? Giáo lý Thiền luôn luôn nhắc chúng ta quay về với “Thế giới nhất niệm, hay còn gọi là Thế giới khoảnh khắc”. Nhất niệm, khoảnh khắc này rất quan trọng.

Trong nhất niệm, khoảnh khắc có tất cả mọi thứ (có các pháp hiện tiền). Trong nhất niệm, khoảnh khắc, có thời gian vô hạn và không gian vô biên. [Đánh gậy thiền xuống bàn] Trong khoảnh khắc có Chánh đạo, Chân lý, và Sự sống chính xác. [Đánh]. Trong khoảnh khắc có tất cả vạn pháp [Đánh], và trong khoảnh khắc không có gì [Đánh]. Vì vậy, nếu bạn thấu đạt khoảnh khắc, bạn trực tiếp thấu đạt được tất cả vạn pháp. Đó là Phật giáo Thiền tông. Không Tâm, [Đánh] không Phật, [Đánh] không Chúa, [Đánh] không có gì! [Đánh] Nhưng nơi đó là Tâm, [Đánh] là Phật, [Đánh] là Chúa [Đánh], là tất cả mọi thứ! Những sự trải nghiệm đó đều là Phật giáo Thiền tông.

Vì vậy, một trong ba truyền thống của Phật giáo đều sử dụng các kỹ thuật khác nhau để tiếp cận những kinh nghiệm tương tự. Chúng tôi thí dụ, nếu bạn chưa từng ăn dưa hấu và không hiểu hình dung một quả dưa hấu ra sao? Bạn đi hỏi người tu theo Phật giáo Tiểu thừa, họ sẽ cho bạn biết dưa hấu bắt đầu từ một hạt giống nhỏ màu nâu đen hình bầu dục, gieo trong đất theo thời gian và điều kiện duyên như ánh nắng, phân,

nước…Sau đó nó nẩy mầm, trở thành một cây nhỏ. Chẳng bao lâu cây nhỏ phát triển thành nhánh dây bò dài ra. Vài bông hoa xuất hiện trên nhánh dây, rồi bắt đầu kết nụ. Nó lớn dần, lớn dần cho đến khi thành một quả dưa tròn chín. Sau đó, có ai ăn nó hoặc tự nó thối rữa và những hạt giống trở lại mặt đất. Rồi một chu kỳ mới xoay vòng thêm nữa…Cứ như thế liên tục luân chuyển mãi mãi. Điều này còn gọi là Mười Hai Nhân Duyên (Twelve Links of Dependent Origination). Một hạt giống dưa hấu, và sau đó là trái dưa, rồi hạt giống và trái dưa, hạt

giống – trái dưa lưu chuyển không ngừng. Lối giảng dạy này là sơ đẳng liên quan đến sự quán sát thời gian, hoặc một cái gì thay đổi theo thời gian.

Phật giáo Đại thừa mặc dù không nói về thời gian, nhưng chúng ta có thể khẳng định nó là phương pháp sơ đẳng liên quan với không gian, hoặc "hình sắc". Vì vậy, nếu bạn hỏi một Phật tử tu theo Đại thừa về quả dưa hấu, có thể họ sẽ diễn tả: "Vâng, quả dưa hấu tròn lớn, có vỏ da màu xanh lá cây, với những vạch tối và sáng bao phủ chung quanh. Nó khá nặng. Dưa hấu trồng ở phương Tây trái hơi dài, trông giống như một quả bóng bầu dục, còn trồng ở Hàn Quốc, nó có hình dạng tròn như một quả bóng đá. Dưa hấu có vỏ cứng bên ngoài, ruột mềm bên trong. Khi chín, ruột thường là màu đỏ, hoặc vàng có nhiều nước, chứa những hạt đen nhỏ. Phần ruột đỏ của dưa thì ngọt thanh, nhưng phần màu trắng thì lạt lẽo và phần vỏ xanh thì hơi có vị chua"… Như vậy, theo quan điểm Đại thừa, một sự vật có liên quan với hình sắc và thực chất của nó, giống như cái nhìn quả dưa hấu. Phật giáo Đại thừa cũng có thể giải thích rằng tất cả những đặc điểm màu sắc, trọng lượng, hương vị và hình thức, cuối cùng cũng rỗng không.

Đối với Thiền có một phong cách rất đơn giản và giáo hóa trực tiếp. Nghĩa là nếu bạn muốn thấu hiểu những gì về dưa hấu, bạn hãy lấy một quả dưa, cầm con dao và cắt nó ra. Sau đó, bạn lấy một miếng cho vào miệng – sự bùng nổ thẩm thấu của bạn! Sự trải nghiệm của bạn tuôn ra! Những ngôn từ giảng thuyết và sách vở học tập không thể cung cấp thời điểm này. Thậm chí nếu bạn đọc hàng trăm cuốn sách về dưa hấu, và nghe hàng trăm bài giảng, chúng không thể dạy tốt như cái cắn duy nhất. "Dưa hấu là gì?" BÙM ! "A! Đã quá ! Đó thật là dưa hấu". Sau đó, bạn thấu đạt được dưa hấu và rõ suốt điều này mãi mãi! Đây là lý do tại sao Giáo lý Thiền được mô tả "Không phụ thuộc vào chữ nghĩa và lời nói, một lối biệt truyền ngoài Kinh điển, chỉ thẳng vào Tâm, tỏ ngộ tự tánh, thành Phật". Như vậy, tìm hiểu về một quả dưa hấu, không cần chữ nghĩa và lời nói. Thậm chí là một đứa bé cũng hiểu được điều này! Đây là phong cách của Giáo lý Thiền tông.

CƠ CẤU PHẬT GIÁO (The Structure of Buddhism)

Tam bảo là Ba viên ngọc quý.

Viên ngọc quý thứ nhất: PHẬT BẢO :-- Đối tượng tín ngưỡng Thiện cảm, Lìa khổ được vui --- Định --- Mỹ ---Tín

Viên ngọc quý thứ hai: PHÁP BẢO : ---Thuộc Minh Triết --- Thuộc Tri thức Chuyển mê khai ngộ--- Trí tuệ---Chân lý--- Liểu giải

Viên ngọc quý thứ ba: TĂNG BẢO:--- Thuộc Luân lý--- Thuộc Ý chí, Yếu chỉ Tu Thiện--- Giới---Thiện---Hành

Nói chung, ý thức con người bao gồm ba phần: cảm xúc, tri giác và ham muốn. Mọi nỗi khổ hay niềm vui đến từ bản chất tình cảm của chúng ta. Sự hiểu biết đến từ bản chất tri giác, và hành động xuất phát từ sự ham muốn. Nhưng làm thế nào để chúng ta thực hiện ba chức năng này một cách hài hòa hầu giúp đỡ thế giới này? Đó là điểm thiết yếu. Vì vậy, Phật giáo cũng có ba loại thuốc chữa bệnh cho ý thức của con người. Những loại thuốc này giúp con người lấy đi bệnh tật suy nghĩ của mình mà nó từng làm cho ta quá nhiều khổ đau. Vì vậy chúng ta có thể quay về bổn nguyên của chúng ta. Tên cho các loại thuốc này là Phật, Pháp, Tăng. Cũng còn gọi là Tam bảo.

Không gian, thời gian và nhân quả, tạo thành thế giới này. Chúng là lực lượng mạnh nhất trong cuộc sống mật thiết của mỗi chúng sanh và con người. Tuy nhiên, không ai

trong số những điều này thực sự tồn tại. Chúng được tạo ra tất cả bởi suy nghĩ, như chúng ta sẽ thấy sau này. Thế thì làm thế nào mà chúng có thể gây ra ảnh hưởng mạnh mẽ hơn chúng ta? Tâm con người được tạo thành từ cảm xúc, tri giác, và ham muốn. Chúng giống như ba đám mây, bởi vì nếu bạn không thể kiểm soát cảm xúc, tri giác của bạn, thì chúng sẽ không hoạt động hài hòa, chúng bao phủ chân tánh của bạn. Sự mất cân bằng về tình cảm, tri giác, và ham muốn đánh lừa chúng ta tin vào thời gian và không gian tồn tại, bạn được kiểm soát bởi nhân và quả. Sau đó, bạn bị mất phương hướng trong thế giới này. Điều này gây ra nhiều đau khổ cho chính mình và cho người khác. Do ba đám mây này, Phật giáo có ba báu vật đó gọi là Phật, Pháp, Tăng –Tam bảo.

PHẬT BẢO

Nhân vật lịch sử chúng ta đã biết qua phần trước là Đức Phật Thích ca Mâu ni, ở đây tìm hiểu ngữ nghĩa Phật là gì? Chữ Phật từ một động từ gốc trong tiếng Phạn “Bud” có nghĩa là tỉnh thức. Nói cách khác là “thấu đạt được Chân ngã, Tự tánh". Khi bạn thấu đạt tự tánh, bạn trở thành Phật. Nhưng Phật không phải là một cái gì đó đặc biệt, và cũng không phải ở bên ngoài bạn. Nếu bạn thấu đạt Chân ngã, tức bạn đạt được Tự tánh, như vậy bạn là Phật. Thiền sư Mã Tổ từng nói: “Tâm tức Phật, Phật tức Tâm”. Vì vậy, làm thế nào bạn có thể thấu đạt Chân ngã của bạn? Chức năng đầu tiên của Tam bảo là kết nối kinh nghiệm tình cảm của chúng ta với sự thực hành tâm linh và tìm kiếm cho sự giác ngộ.

Trước hết, khi bạn bắt đầu thực hành, bạn chỉ tin vào Đức Phật Thích ca Mâu ni và toàn bộ giáo lý của Ngài. “Tôi kính yêu Đức Phật. Tôi muốn giống được như Phật”. Đây là cảm xúc của bạn kết nối với Phật giáo qua Ba ngôi báu. Khi bạn tiếp tục thực hành, suy nghĩ của bạn lắng xuống và trở nên ít phức tạp hơn. Điều này cho phép bạn nhận ra bạn thực sự có thể cân bằng giữa suy nghĩ và cảm xúc, giữa lý trí và tình cảm của bạn, cũng như tâm bạn trở nên trong sáng rõ ràng hơn. Khi bạn cân bằng suy nghĩ và cảm xúc theo cách này, bạn có thể chuyển hóa đau khổ và có được hạnh phúc.

Kết quả là, tâm bạn không di chuyển theo các điều kiện bên ngoài liên tục thay đổi. Bạn có thể thấy rõ, nghe rõ, ngửi rõ, nếm rõ, cảm giác xúc chạm rõ, tất cả mọi thứ tốt

đẹp tuyệt vời cũng như chính nó đang là. Sau đó, bạn có thể tin rằng trời xanh, cây xanh, chó sủa: Gâu! Gâu! Bạn có thể tin tưởng vào tất cả mọi thứ.

Một hôm, Thiền sư Vân Môn đang đi ngang qua nha xí, một vị Tăng hỏi: “Phật là gì?" Ngay lúc ấy, Thiền sư đang nhìn vào một cái dầm giống như mái chèo, được sử dụng làm sạch hố xí, nó được treo lên phơi khô dưới ánh nắng mặt trời. Vì vậy, khi vị Tăng hỏi, Vân

Môn đáp: “Que cứt khô”. Tất cả là như thế. Nhận thức sự thật cùng một thời điểm ngay bây giờ (Đương cơ tiện thị). Đây là sự sống tỉnh thức trong từng khoảnh khắc. Chúng tôi gọi là Phật.

Trong Phật bảo, vẻ đẹp thể hiện là khi tâm bạn bất động, tất cả mọi thứ đều hoàn hảo, bởi vì tất cả các pháp đều như thật. Nhưng vẻ đẹp này không đến từ sự xuất hiện bên ngoài hoặc sức hấp dẫn của sự vật. Tôi đã giảng dạy ở Paris những năm trước đây, có người tại Trung tâm Thiền mời tôi đi xem một cuộc triển lãm tranh trong một viện bảo tàng cao cấp. Nơi đó có rất nhiều công trình nghệ thuật thật thú vị. Nhưng có một bức tranh quan trọng được treo duy nhất trên một bức tường lớn. Ngang qua đại sảnh, bạn không thể nói hoặc hiểu gì về bức tranh này cả. Khi tôi đi bộ đến đó, bức tranh này nhanh chóng hiện ra rõ ràng, đó chỉ là hai chiếc vớ mòn và cũ rách với những lỗ hổng, nó được lồng trong một khung mạ vàng lớn! Hai chiếc vớ quá dơ bẩn, nhưng nó đã được coi là hình ảnh đẹp nhất trong toàn bộ tranh triển lãm. Mọi người trong viện bảo tàng đã nói: “Ồ! Bức tranh đó là số một, bạn biết không?" Có người nói với chúng tôi rằng viện bảo tàng đã trả khá nhiều tiền để mua lại bức tranh đó.

Nhưng ai là người yêu thích những chiếc vớ dơ bẩn, rách bươm và cũ kỹ này, lại đem treo chúng trên chiếc khung đắt tiền trong một viện bảo tàng cao cấp như thế? Những chiếc vớ này nói lên điều gì? Ẩn ý của chúng là gì?

Ý nghĩa bên trong của hình ảnh này là có một người đã thực hiện đi bộ khá lâu với đôi vớ này. Người đó đã phát ra rất nhiều năng lượng và nỗ lực khi sử dụng chúng. Với thời gian trôi đi, những chiếc vớ này mòn cũ và đầy lỗ rách, cho thấy họ trải qua nhiều gian khổ, tiết kiệm. Vì vậy, hình ảnh đôi vớ cũ này tạo ra một điểm rất quan trọng: Nó dạy chúng ta điều gì đó về cuộc sống của một con người. Đôi vớ chính như chúng hiện hữu. Chúng là những biểu mẩu của cuộc sống đời thường, mà hầu hết mọi người lờ đi. Vì vậy, mặc dù nó rất dơ bẩn, nhưng có ý nghĩa truyền tải vẻ đẹp. Phật là gì? " – Que cứt khô". Thiền Sư Vân Môn đã dạy điểm giống nhau như những chiếc vớ này truyền đạt. Nhưng kể từ khi nó chưa xuất hiện trên khung ảnh với chính nó thì đâu được coi là đẹp, vậy nơi hiện lên vẻ đẹp này từ đâu đến?

Vẻ đẹp thật sự đến từ tâm bất động của chúng ta. Trong tiếng Phạn, nó được gọi là Samadhi, có nghĩa là thiền định, bất động. Samadhi là đơn giản, tự nhiên, tinh khiết, uyên nguyên của chúng ta. Nếu tâm bạn bất động, tất cả mọi thứ đều đẹp chỉ vì nó hiện hữu. Nếu tâm của bạn lay động, bất an, thì ngay cả một hình ảnh đẹp, cảnh quang đẹp, và những vẻ đẹp khác xuất hiện trước mặt bạn, nó cũng nhanh chóng thay đổi trong tâm bạn,

và chả có gì là đẹp cả. (Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ). Tất cả mọi người đã có kinh nghiệm này trải qua ít nhất một lần. Ví dụ, khi bạn đang tức giận, hay buồn phiền, chán nản một điều gì, thì dù lúc đó có tiếng chim hót líu lo, gió vi vu thổi bên ngoài cửa sổ, bạn cũng cảm thấy những âm thanh đó ồn ào và khó chịu. Bởi vì bạn dính mắc theo cảm giác hay tình huống bên ngoài. Khi những cảm giác hoặc những tình huống đó thay đổi, tức thì tâm bạn liên tục thay đổi, thay đổi, thay đổi. Bạn sẽ đánh mất đi trung tâm của bạn. Với loại tâm này, ngay cả một cảnh quang đẹp, có thể làm cho bạn toát lên vẻ u buồn và xấu xí. Thức ăn dẫu ngon, bạn cũng chẳng quan tâm: "Tôi không thích như thế!" Do vậy, điều quan trọng là luôn luôn giữ tâm bất động. Cho dù đi, đứng, ngồi, nằm, lái xe, ăn, nói,suy nghĩ bất cứ điều gì. Đó là ý nghĩa thực sự của Chánh định. Khi bạn giữ tâm bất động trong bất kỳ hoạt dụng nào, bạn có thể cảm nhận được vẻ đẹp thực sự của thế giới này một cách bình thường, vì bạn có thể nhìn thấy chính xác như chúng đang hiện hữu. Bạn có thể tiêu hóa sự hiểu biết đó để thành tựu Trí tuệ.

Một tâm bất động cho sự phát khởi niềm tin. Khi tâm bạn không dời đổi, bạn có thể tự tin vào vẻ đẹp của thế giới này. Bạn có thể tin rằng toàn thể thế giới này là chân lý rồi. Đó gọi là niềm tin. Vì vậy, không giống như các Tôn giáo khác, bạn chỉ tin vào Thiên Chúa như một đối tượng của đức tin thực sự. Ngược lại nó rất đơn giản, bạn tin Phật tức là bạn tin vào Chân ngã hay Tự tánh của bạn, vì bạn vốn sẵn có Phật! Sau đó, bạn có thể tin rằng mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và tâm này của bạn. Bạn tin rằng cây cỏ, bầu trời, Phật, Chúa tất cả mọi thứ đều hiển hiện nơi tâm bạn!

Có người đã từng hỏi tôi: "Thưa thầy! Thầy có tin vào Thiên Chúa không?" Tôi nói: "Dĩ nhiên!" Nhiều người quá đỗi ngạc nhiên bảo: "Thầy là một Thiền sư, làm thế nào thầy có thể tin vào Thiên Chúa?" Tôi đáp: –Tôi tin vào mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và tâm này của tôi thì tại sao không tin tất cả mọi thứ? Tôi tin cây này xanh, bầu trời xanh, chó sủa, hương thơm thì tại sao không tin vào Phật hay Chúa?

Vì vậy, bạn có thể tin vào tất cả mọi thứ. Tin tất cả mọi thứ có nghĩa là bạn nhận ra bạn và tất cả mọi thứ là cùng chung một bản thể, không bao giờ tách biệt. [Đưa gậy thiền đập lên bàn]. Điểm đó, bạn và vũ trụ không hai, và không bao giờ tách biệt. Thử nghĩ tưởng một cặp vợ chồng đều tin vào tự tánh của họ. Như vậy mặc dù cơ thể, giới tính của vợ và chồng có khác nhau, nhưng tâm họ luôn luôn trở thành một, là mẫu số chung trong cuộc sống gia đình. Nếu bạn tin vào con người thật của bạn, sau đó bạn có thể tin tưởng vào tất cả các pháp: Bạn và tất cả các pháp trở thành Một. Đó là niềm tin.

Nhiều tôn giáo dạy rằng Thiên Chúa và con người là hai thực thể tách biệt. Con người "Tôi" ở đây và Thiên Chúa ở trên cao kia. Trong loại tình huống này gọi là đức tin, có nghĩa là phải tin vào một cái gì đó ngoài bạn mà bạn không thể nhìn thấy. Đây là cách hầu hết mọi người sống với đức tin. Chúng tôi gọi đó là Tôn giáo đối tượng, bởi vì chính tâm này tạo ra một số đối tượng và tin rằng những đối tượng đó tồn tại qua đức tin. Đó không phải là một giáo lý hoàn chỉnh.

Tuy nhiên, như trên chúng tôi đã trình bày, Phật giáo là một Tôn giáo chủ thể, nhưng thực sự Phật giáo không có chủ thể và không có đối tượng. Trên thực tế, Đạo Phật thậm

chí không phải là một tôn giáo. Vì vậy, Thiền sư Mã Tổ nói: “Tâm tức Phật, Phật tức Tâm”.“Tất cả như thị”. Tin Phật, đó chỉ là một cách hiển thị cho bạn nhận ra là tin vào bản tánh chân thật của chính bạn. Bạn là Phật, Phật là bạn. Khi bạn thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và nhận thức vào tất cả mọi thứ đều là sự thật, là vẻ đẹp, là Phật đang hiện hữu. Với tâm bất động, ngay cả que cứt khô vẫn đẹp. Tại sao không? Khi sự trải nghiệm này trở nên rõ ràng đến với bạn, Chánh đạo sẽ xuất hiện ngay trước mắt bạn. Vì vậy, ngôi Phật bảo mang ý nghĩa từng sát na, từng khoảnh khắc, bạn giữ tâm “như như bất động” trong bất kỳ điều kiện và bất kỳ tình huống nào.

PHÁP BẢO

Đức Phật dạy rằng mọi nỗi khổ, niềm đau xuất phát từ tâm suy nghĩ của chúng ta. Nhân loại chúng sanh có quá nhiều hiểu biết, cho nên mới có quá nhiều vấn đề. Nếu chúng ta có ít hiểu biết, thì chúng ta có ít vấn đề. Nhưng nếu chúng ta hoàn toàn giữ tâm không biết thì tất cả mọi thứ không có vấn đề. Chỉ giữ không biết một cách mãnh liệt, tức là quay trở lại nguyên điểm (primary point), nơi tâm ban đầu, trước khi suy nghĩ phát sanh.

Tư duy tạo thành hiểu biết, và tất cả sự hiểu biết của bạn chỉ đơn thuần là ý tưởng của người khác. Nếu bạn không hoàn toàn tiêu hóa ý tưởng này, thì toàn bộ cuộc sống của bạn bị cuốn theo phương hướng của người khác. Ví dụ, có người nói: “Bầu trời xanh dương". Người khác nói: “Cây lá xanh lục”. Nhưng bầu trời không bao giờ nói “Tôi màu xanh dương”. Cây cũng không bao giờ nói “Tôi màu xanh lục". Chỉ do con người đặt bày nói là “Trời xanh dương, cây xanh lục” mà thôi.

Như một lần trong đời, từ lúc sanh ra mới tập nói, ai đó đã dạy cho bạn “Bầu trời xanh dương". Rồi kể từ đó, bạn ôm giữ ý niệm này mãi bên mình. Con chó không bao giờ nói “Bầu trời xanh dương". Mèo không bao giờ nói “Cây lá xanh lục". Con chó cũng không bao giờ nói “Tôi là chó". Mèo cũng chẳng bao giờ tin rằng chúng là mèo. Con người tạo ra

mọi thứ, rồi cố chấp nó. Quan điểm của họ là một loại quan điểm sai lầm. Họ tạo ra màu sắc, kích thước, dáng vẻ, không gian, thời gian, tên gọi và hình thể. Nhân loại chúng sanh tạo ra nhân và quả, sống và chết, đến và đi. Nguyên lai những điều này vốn không thực có. Tất cả xuất phát từ cách nhìn, lối nghĩ của chúng ta tạo ra mọi thứ. Đó chỉ là ý tưởng của mỗi giống dân, sắc tộc khác nhau. Người Mỹ có ý tưởng của người Mỹ, họ nói con chó là “dog". Tuy nhiên, người Hàn Quốc có ý tưởng của người Hàn Quốc, họ không gọi đó là “dog”, mà nói nó là “gye”. Cái nào đúng?

Để được hoàn toàn chắc chắn, bạn có thể đi hỏi một con chó: “Mi có phải là con chó không?" Chúng ta sẽ có một câu trả lời thật thú vị. Vì vậy, nếu muốn tiêu hóa tất cả mọi hiểu biết của chúng ta để làm cho trí tuệ phát sanh, trước hết chúng ta phải quay trở lại tâm ban đầu trước suy nghĩ. Thời điểm đó không danh, không sắc. Người ta gọi nó là Tâm, hoặc Thể tánh, Thượng đế, Chúa, Phật, linh hồn, hoặc tinh thần v.v... Tuy nhiên, thời điểm nguyên sơ đó không có danh xưng, không có hình thể, bởi vì nó có trước suy nghĩ, nếu bạn mở miệng để gọi nó bất cứ tên gì thì quả là một sai lầm lớn!

Về mặt trí giác (intellectual) của con người rất quan trọng đối với cuộc sống của họ. Descartes nói: “Tôi suy tư, nên tôi hiện hữu". Đó là con người. Trước suy nghĩ, không tốt cũng không xấu. Nhưng mọi người dính mắc với suy nghĩ của họ, vì vậy mới có vấn đề. Ai cũng cho rằng suy nghĩ của mình đúng, còn suy nghĩ của những người khác thì sai. Đây là nguyên nhân chính gây ra đau khổ trong thế giới này. Vậy làm cách nào để cho sự suy nghĩ và tâm thức của chúng ta thực hiện đúng chức năng để giúp đỡ những người khác? Đó là điểm then chốt.

Nếu muốn hiểu biết về thế giới này, chúng ta phải vận dụng tư duy của mình một cách chính xác. Do vậy, trí giác của chúng ta rất là quan trọng, khi chúng ta đang tu tập, cần phải biết sử dụng nó thật sáng suốt. Mọi người đều có một số bảo thủ chấp trước dai dẳng với những gì họ muốn. “Tôi muốn cái này”,“Tôi thích thứ kia" v.v...“Có lẽ tôi hút thuốc sẽ cảm thấy tốt hơn". “Chỉ cần được uống rượu, sau đó tôi sẽ bỏ thuốc lá". Đôi khi chúng ta không nhận thức về chúng, thậm chí sau một vài năm tu tập, chúng ta hay có một số thói quen tâm lý cứng nhắc liên tục che khuất con đường của chúng ta đang đi. Và thường thì chúng không xuất hiện lâu dài.

Khi chúng ta đang tu tập, bỗng dưng sự chấp trước này xuất hiện, nếu trí giác của chúng ta không quán chiếu một cách chính xác kịp thời, chỉ chạy theo tâm ham muốn sẽ biến thành một số cảm giác hoặc xung lực tưởng chừng như vô hại. Nhưng nếu trí giác của chúng ta đang làm việc một cách chính xác, và nhận thức rõ ràng, sau đó chúng ta có thể

biết được nguyên nhân và kết quả dẫn đến mù quáng theo cảm giác này.“A! Đó chỉ là cảm giác của tôi. Cảm giác trống rỗng, bạn biết không? Nếu tôi chạy theo cảm giác đó sẽ dẫn đến khổ đau. Nó không giúp đỡ tâm tôi, không giúp đỡ cho sự tu tập của tôi, không giúp đỡ cuộc sống của tôi". Chúng ta có thể thực sự cảm nhận được những gì thế giới này đang có mặt, trong thực tế, mặc dù ngay cả trong tâm chúng ta có một số ham muốn mãnh liệt, hoặc một vài cảm giác nào đó. Cảm giác không kiểm soát chúng ta, bởi vì sự nhận thức rõ ràng của chúng ta cho thấy nguyên nhân và kết quả sẽ đến theo nó. Vì vậy, trí giác này rất quan trọng. Một số người gọi là “cái thấy đúng” tức Chánh kiến.

Đức Phật dạy rằng vô minh gây nên đau khổ. Nhưng vô minh là gì? Vô minh chỉ đơn giản có nghĩa là si mê (sự thiếu hiểu biết), do đó bạn không nhận ra thế giới này là vô thường. Tuy nhiên, nếu bạn chỉ hiểu điều này một cách khái niệm, đơn thuần là một cái nhìn tri giác, thì nó không thể giúp ích cuộc sống của bạn. Nếu bạn không đạt được Chân ngã, Tự tánh, bạn không thực sự hiểu biết sanh tử là gì. Vì vậy, nó rất quan trọng, bạn phải quét sạch vô minh để thành tựu Giác ngộ.

Làm thế nào bạn thực hiện điều này? Trước tiên, phải tiêu hoá sự hiểu biết của bạn. Khi bạn thực sự tiêu hóa hiểu biết của bạn, tức thì “trời xanh",“cây xanh" trở thành của bạn. Theo thời gian trải nghiệm, sự hiểu biết của bạn sẽ chuyển thành Chánh biến tri. Vô minh chuyển thành Trí tuệ, tâm hồn bạn sẽ mở toang ra. Khi bạn hoàn toàn tiêu hóa sự hiểu biết, chúng tôi nói rằng bạn đã Giác ngộ, hoàn toàn tỉnh thức. Trí tuệ xuất hiện bởi quá trình tự nhiên, khi bạn tiếp tục tu tập và tiêu hóa sự hiểu biết của bạn.

Đây là cách tiếp cận giáo lý Đạo Phật kết nối với bề mặt trí giác của chúng ta. Đó là chức năng của Pháp – Pháp bảo.

TĂNG BẢO Tăng già là phương diện đạo đức của sự tu tập (trong Tăng đoàn hay Tăng thân), hàm nghĩa nuôi dưỡng một đời sống hoàn thiện. Một số người gọi nó là giá trị đạo đức tâm linh. Cuộc sống chính xác xuất phát từ ý chí, nguyện lực của chúng ta, từ trong tâm của chúng ta. Điều này có nghĩa là chúng ta cố gắng tránh và loại bỏ những thói hư tật xấu, làm theo những hạnh lành, phụng sự tất cả chúng sanh. Nếu trong tâm của bạn không dời đổi, sống một cách rõ ràng vì phúc lợi của người khác, chúng tôi gọi đó là phương hướng chính xác. Đây là lời dạy cơ bản của Đức Phật, từng khoảnh khắc bạn luôn luôn giữ vị trí đúng trong cuộc sống là phụng sự chúng sanh. –Tại sao tôi làm điều này?–Tại sao tôi muốn làm điều đó? Hành động này chỉ riêng cho tôi hoặc cho tất cả? Tăng thân giúp chúng ta giữ gìn quy củ, theo phương hướng "thượng cầu giác ngộ, hạ hóa chúng sanh."

Để thực hiện đúng lý tưởng, chúng ta cần một số hướng dẫn cơ bản cho cuộc sống. Những chỉ dẫn này còn gọi là Giới luật, luôn luôn bảo hộ chúng ta nhằm hướng đến cứu khổ độ sanh. Tiếng Phạn gọi là Si-la (Silà). Giới có nghĩa là cấm ngăn, tuân thủ sinh hoạt một cách đúng đắn, cũng gọi là Pháp, bởi vì ý nghĩa chân thực của Pháp là "Chánh đạo". Vì vậy, Chánh đạo là nếp sống thanh tịnh, từng khoảnh khắc luôn luôn phụng sự tất cả chúng sanh. Nó rất đơn giản. Khi mọi người chính thức phát nguyện tu tập theo đạo Phật, họ nương về ba ngôi báu: Phật – Pháp – Tăng.

Có một buổi lễ quy y và truyền thụ năm giới cấm đã được thành lập bởi chính Đức Phật. Những giới luật này kêu gọi chúng ta:

1– Không được vô cớ giết hại bất kỳ sinh vật nào và phải tôn trọng sự sống. 2 –Không được gian tham trộm cắp. 3 –Không tham gia vào hành vi tình dục sái quấy. 4–Không được nói dối, mắng nhiếc, đâm thọc, nói lời hung ác. 5–Không được uống rượu, mua bán và tiêu thụ các chất kích thích.

Năm giới ấy phổ biến cho tất cả các truyền thống Phật giáo. Chúng đơn giản là hướng dẫn chúng ta gìn giữ Thân–Miệng–Ý trong sạch và sống đúng nghĩa.

Rất ít người trong chúng ta có được một cuộc sống đúng cho chính mình, vì vậy cần phải có những giới luật để hướng dẫn. Khi Đức Phật sắp nhập diệt, các hàng đệ tử vân tập chung quanh Ngài. Đương nhiên ai nấy trong Tăng đoàn đều quan tâm về người lãnh đạo kế thừa sau khi Ngài vào Niết bàn. Thấy vậy, Tôn giả A Nan bèn bạch với Phật: –Bạch Đức Thế tôn, sau khi Đức Thế tôn vào Niết Bàn, chúng con biết nhận ai làm thầy dẫn dắt? Đức Phật phán bảo: –A Nan, sau khi ta vào Niết bàn, các ngươi hãy lấy Giới Luật làm thầy hướng dẫn. Giới luật không có gì đặc biệt. Chúng chỉ đơn giản là những quy tắc tự nhiên có thể giúp cho sự tu tập của chúng ta càng thêm tinh tấn, đó là lý do tại sao chúng tôi gọi Giới luật là Pháp. Ví dụ, mùa Xuân trên cây có nhiều hoa nở; rồi sang Thu, chúng ta thu hoạch nhiều loại quả. Đó là một quy luật của tự nhiên. Nếu bông hoa không xuất hiện trên cây trong mùa Xuân, chúng ta không thể có được bất kỳ quả nào.

Xuân qua, Hè lại, Thu tới, Đông sang. Bốn mùa luôn luôn xoay vần. Đó là Pháp giới. Vào mùa Đông có rất nhiều tuyết. Nếu tuyết rơi vào mùa Hè, chúng ta sẽ có một vấn đề lớn! Tuyết có thể rơi ở Nam Mỹ khi nó là mùa Hè ở Hoa Kỳ. Nhưng tại Bắc Mỹ nếu tuyết xuất hiện vào mùa Hè thì không đúng. Vì vậy, nguyên tắc này, hoặc quy luật của thiên

nhiên rất đơn giản và quả quyết rằng thế giới tự nhiên luôn luôn có chức năng vận hành một cách chính xác. Mùa Xuân mà không có hoa nở, mọi người đều biết điều đó không đúng! Mùa Thu không có trái cây cho thu hoạch, đó là chẳng phải! Suốt mùa Đông mà không có một đóm tuyết, hoặc giá lạnh, chỉ rực ánh nắng mặt trời, điều đó cũng không đúng! Thời tiết mà như thế thật là kỳ lạ, mùa Đông này không có một chút tuyết –"Ha ha ha!" Bởi vậy đó là một quy luật, Đông: tuyết, Xuân: hoa, Hạ: nóng, Thu: trái chín. Thiên nhiên có những quy luật riêng của nó, và luôn luôn giống nhau. Không ai thắc mắc các quy luật này.

Tuy nhiên, đối với con người thế gian không thể giữ những quy luật toàn vẹn. Một điều luật dạy rằng nếu chúng ta muốn tu tập thiền định để thành tựu hoa trái trí tuệ, thì chúng ta không nên uống những chất gây say. Nhiều người nói rằng, "Tại sao không? Tôi thích uống rượu. Tôi thích thuốc lá, cần sa. Tôi tự do". Sau đó có ai khuyên nhủ cho họ biết, làm như thế là xấu, không thể giúp cơ thể bạn khỏe mạnh, không thể giúp tâm trí bạn sáng suốt, nó không thể giúp bất cứ điều gì. Thế nhưng họ vẫn cả quyết: "Tôi không quan tâm! Tôi không cần chú trọng về cơ thể của tôi! Tôi tự do".

–Ha ha ha! Sau đó, họ tự hỏi tại sao sự tu tập thiền định của họ không dõng mãnh tiến bộ. Họ tự hỏi tại sao sức khỏe của họ xấu đi và tâm trí của họ không sáng suốt. Vì vậy, loại "tự do"này tạo ra sự giải đãi buông trôi, họ không tuân giữ quy luật tự nhiên nhất định, họ không thể giữ tâm trong sáng. Do đó, họ gây rất nhiều đau khổ cho mình và cho người khác. Thực vật cỏ cây không làm đau khổ. Nước không làm đau khổ, tất cả mọi thứ trong thế giới này không gây ra đau khổ cho chính nó. Ngay cả một con chó hay mèo không có quá nhiều đau khổ và chúng cũng không tự than trách như chúng ta. Tất cả các loài động vật chỉ duy nhất chấp nhận theo tình huống của chúng, có nghĩa là chúng tuân theo quy luật tự nhiên. Nếu chúng không giữ những quy luật này, tất chúng không thể sống còn. Nếu chúng không tìm được thức ăn, chúng sẽ phải nhịn đói. Nếu chúng không trú ngủ mùa Đông, chúng không thể sống sót qua thời kỳ băng giá. Nếu chúng không hành động theo bản năng của chúng thì chúng sẽ chết. Vì vậy, chúng chỉ làm theo tình huống của chúng.

Đối với con người lại khác hẳn. Con người là những sinh vật tự nhận mình thông minh nhất, nhưng họ làm khổ đau cho chính mình và thế giới này nhiều nhất. Điều này dễ hiểu, bởi vì hầu hết con người không thể sống theo tình huống của họ. Chúng ta bị dính mắc với một số khái niệm về Tự do, vì vậy chúng ta không tuân thủ những luật định giúp chúng ta. Chúng ta có một tình huống bị đổ vỡ. Con người chỉ nghĩ về cảm giác của "tôi", điều kiện của "tôi", và tình huống của "tôi". Cảm giác này thường không phù hợp hài hòa

với phương cách tuần hoàn của vũ trụ, do đó, nó là một tình huống đổ vỡ. Có một số tình huống bị đổ vỡ xuất phát từ việc không tuân giữ theo quy luật tự nhiên, hoặc giới cấm.

Con người chỉ muốn một cảm giác thỏa mãn, một thời gian tuyệt vời, một vị trí tốt đẹp. Đây chỉ là dục vọng. Nhưng những dục vọng này từ đâu đến? Bạn phải quyết định một cái gì đó, và chỉ làm điều đó, trong từng khoảnh khắc. Nếu bạn tu tập theo cách này, thì việc áp dụng giới luật như là sự hướng dẫn tâm năng lượng của bạn trở nên sáng suốt hơn và vững chãi hơn. Khi tâm của bạn vững chãi, thì một tình huống tốt không làm bạn lay chuyển, cũng như một tình huống xấu không làm bạn chán nản thối lui. Bạn có thể trải nghiệm và làm cho nó đúng trong từng giây phút.

Nhưng nếu bạn không thể tiêu hóa kinh nghiệm của bạn thì khi một tình huống xấu xuất hiện, bạn nhận lãnh đau khổ và không thể hành động sáng suốt với những người khác. Khi một tình huống tốt xuất hiện, bạn cảm thấy một chút hạnh phúc, nhưng nó sẽ làm bạn mất phương hướng và ngưng sự tu tập, sanh tâm giải đãi rất nhiều, rồi sau đó bạn cũng gánh chịu đau khổ khi tình huống này thay đổi. Vì vậy, tâm bạn luôn luôn thay đổi theo điều kiện bên ngoài đổi thay.

Điều quan trọng nhất là để giữ hướng đi chính xác của bạn đối với tất cả chúng sanh, bất kể cho dù bạn có một tình huống tốt hoặc xấu, bạn không nên chấp vào nó. Bạn phải luôn luôn nhận thức làm thế nào để tạo ra một tình huống xấu hoặc tốt thật chính xác, để bạn có thể sử dụng nó nhằm giúp đỡ mọi người, mọi chúng sanh. Sau đó, một tình huống tốt thực sự xuất hiện sẽ đem đến cảm giác tốt, điều kiện tốt và hạnh phúc thật sự. Đó là Đại từ, Đại Bi, và Đại Bồ tát.

Giới luật không phải chỉ dành riêng cho các đệ tử của Phật mà cốt để làm cho cuộc sống của mọi người được bình an hạnh phúc tốt đẹp. Trong Đại thừa và Thiền, đặc biệt là giới luật được sử dụng để chúng ta có thể phụng sự người khác. Có câu chuyện rất nổi tiếng về một vị thầy trở thành Quốc sư của Hoàng đế Trung Quốc, vì lòng Đại bi cho thấy trong việc giữ giới như sau:

Thuở xưa ở Trung Quốc, có một vị sư già tên là Hae Chung (Hải Trọng?). Sư là một tu sĩ rất nghèo, sống cuộc đời thanh đạm và đơn giản. Sư đã từ bỏ những tiện nghi chùa viện để vào núi ẩn tu. Sư luôn luôn giúp đỡ người khác mà không cần trả ơn, người ta được biết đến sư như một vị có tinh thần Từ bi phụng sự và Tình yêu phi thường cho tất cả những loài chúng sanh dù bé nhỏ nhất.

Một ngày nọ, vào cuối Thu, Lão sư đi xuống núi khất thực theo như thường lệ. Bởi vì sống ở vùng rừng núi thâm u, cách xa làng mạc, sư phải cố gắng đi xin đặng gom nhiều thực phẩm dành cho suốt mùa Đông băng giá. Khi Đông đến, tuyết phủ ngập tràn, sư chỉ ở trong hang động của mình, vì sư không thể dầm mình trong tuyết đi xa xin thực phẩm hoặc quần áo. Do đó, sư chăm chỉ hóa duyên để có được nhu cầu cần thiết cho mình càng sớm càng tốt. Đôi bàn chân sư bấy giờ bị nứt nẻ sưng lên, vì cuốc bộ chân trần, trên con đường khá xa mà sư đã từng đi qua. Với bình bát trong tay, lần này sư khất thực những thức ăn, thuốc uống, vật dụng và nhận được tấm chăn mới cho mùa

Đông. Cuối cùng sư quay về và bắt đầu băng qua thung lũng bạt ngàn lộng gió, trước khi bước lên những dốc đèo heo hút cheo leo.

Khi đi được nửa quãng đường về hang động của mình, Lão sư bị vây chặt bởi một băng cướp đáng sợ. Năm người đàn ông hung tợn bao quanh sư, tay chúng vung dao gậy dọa nạt: “Hãy nhìn đây! Này gã Sư già! Ông đang mang cái gì thế hả? " Lão sư đáp: –Ô ! Đó chỉ là một ít thức ăn vật dụng tôi xin được để dành cho mùa Đông ... –Ông là người ăn xin ư ! Tốt lắm, bọn này cũng là những kẻ ăn xin đây. Vậy tại sao ông không giao tất cả các đồ vật đó cho chúng ta ngay bây giờ? Ha ha ha! Tất cả bọn chúng đều cười rộ lên, trong khi chúng thắt chặt vòng tròn chung quanh sư, vài người trong bọn túm lấy vai sư. Nhưng sư không hề nao núng sợ sệt, đôi mắt của sư chứa đầy nỗi buồn thương cho những gã đàn ông đã tạo ra ác nghiệp. Sư nói: –Không sao cả, nếu muốn thì các người cứ lấy hết đi.

Những tên cướp lục soát lấy hết chút ít tiền trong người Sư. Chúng lại chiếm giữ toàn bộ thực phẩm dành cho mùa Đông, và thậm chí lấy hết thuốc men và tấm chăn duy nhất mà Sư vừa mới xin được. Chúng chẳng chịu dừng tay, vì thấy rằng Lão sư không hề kháng cự, chúng tiến hành lột hết cả quần áo của sư. Chỉ trong thoáng chốc, sư đã hoàn toàn trần truồng trơ trụi. Chúng còn sợ rằng sau khi chúng rút lui, sư sẽ chạy xuống làng báo tin cho quan binh biết. Những tên cướp cũng nhận ra rằng sư là một tu sĩ già ốm yếu, có nét mặt rất trầm tĩnh an nhiên, nên chúng không nỡ giết sư. Vì vậy, muốn an toàn cho chúng đi thật xa, do đó, chúng vật sư nằm dài trên đất lạnh, nghiêng mặt lên trời, rồi chúng cột trói hai cổ tay và đôi bàn chân sư bằng những buội cỏ được bện lại, mọc hoang ở miền rừng núi. Sư không vùng vẫy. Bọn chúng cười và nói: –Ha ha ha! Nhà sư già ngu ngốc này không muốn làm tổn thương một vật, ngay cả cứu độ mạng sống của mình. Một gã điên. Ha ha ha!

Chúng đứng xung quanh sư cùng nhau cười đắc ý, và sau đó chúng rút đi xuống núi, mang theo tất cả những thứ vừa mới cướp được từ nơi sư. Bấy giờ vị sư già bị những buội cỏ này trói cột, tuy không lấy gì chắc chắn, và sư có thể dễ dàng bật gốc và tháo cởi cho mình được tự do, nhưng sư tuân giữ giới luật thật mãnh liệt. sư tự nghĩ : “Đức Phật dạy chúng ta không nên giết hại sự sống. Vì vậy, ta cũng không nên giết hại cỏ cây vô cớ". Sư chỉ nằm đó giữa đồng không mông quạnh. Thời tiết lúc ấy khá lạnh!

Ngày hôm sau, sư bị đánh thức bởi tiếng vó ngựa từ xa dồn dập đến thung lũng. Hình như có một đội quân đang tiến lại gần. “Ồ! Có chuyện gì xảy ra?” Sư tự nghĩ. Thật không có gì khác hơn là Hoàng đế thân chinh đi săn với một đoàn quan quân hộ giá theo ông. Khi Hoàng đế từ xa nhìn thấy vị sư già này trần truồng nằm nghiêng mặt trên cỏ, ông cảm thấy khó chịu.Theo phong tục Đông phương, sự phô bày hình ảnh lõa thể ngay cả trước những người dân thường, đã là một hành vi phạm tội nghiêm trọng. Huống chi với sự phô bày lõa thể của một người như thế đối trước tự thân Hoàng đế, không thể tưởng tượng được, ắt sao tránh khỏi tội khi quân.

Hoàng đế nỗi cơn thịnh nộ, ra lệnh cho viên tướng hộ giá : –Tướng quân! –Vâng, muôn tâu bệ hạ! Có hạ thần.Tướng quân đáp. –Ngươi có nhìn thấy cái gì trước mắt trẫm

không? –Vâng, thưa bệ hạ, dạ thấy! – Giết hắn ngay lập tức cho ta, ngươi biết chăng? –Vâng, muôn tâu bệ hạ, thần xin tuân lệnh! Viên tướng quân phi ngựa nước đại, xông đến vị sư già, con ngựa dũng mãnh của ông ta có thể dày đạp sư chết ngay tức khắc. Nhưng ông ta ghì lấy dây cương, xuống ngựa và rút gươm ra khỏi vỏ. Viên tướng quát: –Ngươi đã xúc phạm đến Hoàng thượng, vậy ngươi phải bị tội chết! Khi viên tướng giơ thanh kiếm của mình lên, ông ta thấy vị sư già ốm yếu, không hề có một chút sợ hãi, mà thay vào đó, đôi mắt nhà sư thật bình tĩnh, trong sáng và đầy lòng Từ bi.

Lão sư dịu dàng nói: –Tướng quân, xin vui lòng nương tay trong giây lát, mạng sống của bần tăng không thành vấn đề nếu ông muốn giết bần tăng. Nhưng trước hết, xin ông tháo gỡ giùm những dây cỏ này, bần tăng e phải vùng vẫy khi chết, nên không muốn những buội cỏ này vô tội mà bị giết hại lây.

Tướng quân nhìn chằm chằm xuống nhà sư. Ông không thể tin vào tai mình. Đôi mắt của vị sư già tràn đầy tình xót thương trìu mến. Lão sư lại van nài: –Tướng quân, xin ngài hãy tháo giùm cỏ cho bần tăng.

Viên tướng này đã giết chết hàng trăm quân địch trong trận chiến chả ra gì, và chưa bao giờ tâm ông lay động. Tuy nhiên, trước gương mặt bình thản của sư và tiếng nói Từ bi xuyên qua tâm vị tướng quân như một mũi tên bắn, ông đã bị động và hạ thấp thanh kiếm xuống. Ông không thể giết chết vị sư già này.Thay vào đó, viên tướng quỳ xuống một gối và hỏi nhà sư: –Tại sao ông quá quan tâm cho các loài cây cỏ vô tri không có giá trị này? Lão sư ôn tồn đáp: –Đức Phật dạy rằng chúng ta không nên cướp đoạt sự sống của bất kỳ sinh vật nào. Vì vậy, bần tăng không thể vô cớ giết hại, ngay cả những loài cỏ dại này. Nó chỉ đơn giản là lời giáo huấn của Đức Phật: “Hữu tình, vô tình, đồng thành Phật đạo."

Khi Hoàng đế nhìn thấy họ nói chuyện, ông lớn tiếng nỗi giận: “Tướng quân! Ngươi không tuân lệnh trẫm hả! Tại sao ngươi lại nói chuyện với hắn? Ngươi phải giết hắn, nếu không, ta sẽ giết ngươi."

Nhưng viên tướng cũng không hề sợ sệt, từ từ bước đến Hoàng đế và bỏ cuộc nói chuyện với vị sư già. Khi nghe lại lời trình tấu của quan tướng cận thần, Hoàng đế cũng bị ấn tượng với sự sửng sốt khác lạ: “Ồ! Ông ấy nói thế à! "

Lời pháp thoại này đánh mạnh vào tâm trí của Hoàng đế, bởi vì ông vừa trải qua nhiều ngày săn bắn và đã bao lần ở vùng rừng núi với đoàn tùy tùng của mình. Ông mang nhiều loài động vật đã bị giết hại trở lại cung điện để xẻ thịt ăn và làm đồ trang trí. Ông tự nghĩ: “Ta đã giết chết các loài động vật cho mục đích thể thao thưởng ngoạn, còn vị tu sĩ nghèo này không giết hại, ngay cả một ngọn cỏ cũng muốn cứu sống!"

Hoàng đế đến gần sư. Ông nhìn thấy khuôn mặt của vị sư già này an nhiên tự tại, thậm chí toát lên niềm hoan hỷ không lấy gì sợ hãi, mặc dù tất cả các chấn động xung quanh lão sư coi như vô ngại. Hoàng đế bèn hỏi lão sư: –Chuyện gì đã xẩy ra cho ngươi?. Khi nghe lão sư giải thích vụ cướp, Hoàng đế thậm chí còn xúc động sâu sắc hơn, và nghĩ đến tình huống của vị tu sĩ già ốm yếu, thân thể trần truồng suốt cả đêm chịu lạnh buốt, chỉ vì ông không muốn kéo bứng những gốc cỏ lên để nó bị chết. Lòng Đại từ, Đại

bi như thế quả thật phi thường !

Lão sư lại nói: –Bần tăng rất lo lắng, muôn tâu Hoàng thượng, xin tháo giùm cỏ ra, không khéo nó sẽ chết. –Ồ! Vâng, ta sẽ làm. Mặc dù ở địa vị cao sang của mình, Hoàng đế vẫn khom mình cúi xuống và từ từ tháo mở cỏ ra khỏi thân thể của vị sư già. Không chỉ như vậy, ông ban cho vị sư già này chiếc áo long bào mà ông đang mặc và ra lệnh cho một cận thần giao chiếc quần của mình cho Lão sư. Hoàng đế nói: –Trẫm xin lỗi, bậc thầy tôn kính.Trẫm đã săn bắn trong ba ngày nơi đây, và đã giết chết khá nhiều thú vật chỉ vì mục đích tiêu khiển. Còn thầy không nỡ giết hại dù là một ngọn cỏ chỉ để cứu độ sự sống không cho chính riêng mình. Trẫm xin thụ giáo nơi ngài. Hãy cùng ta về triều đàm đạo! Lão sư được dìu đứng dậy và đi cùng Hoàng đế về đến kinh thành. Sau đó trở thành vị Quốc sư cho tất cả đất nước Trung Hoa thời ấy.

Vì vậy, giới luật không phải chỉ đơn thuần là quy tắc để ngăn cản hành động sái quấy của chúng ta. Hầu hết mọi người, đặc biệt là ở phương Tây, có xu hướng nghĩ về giới luật như những hạn chế cuộc sống tự do, nhưng trên thực tế, giới luật có nghĩa là hướng đi chính xác. Nếu bạn tuân theo những giới luật này, bạn đạt đến minh triết toàn hảo. Hành động đúng xuất hiện bởi chính nó, bạn không cần phải kiểm tra bên trong hoặc bên ngoài. Từ mỗi giây phút, mỗi khoảnh khắc hiện tiền nên làm điều đó, bởi vì giới luật chỉ ra con đường chính xác cho chúng ta hành động nhằm cứu giúp tất cả chúng sanh. Sau đó, bạn có thể tin tưởng vào Tự tánh của bạn một trăm phần trăm. Nó còn có tên là Tự do, Tự tại, hay là sự Thánh thiện, cũng được gọi là “Phật". Bạn có thể sống vô ngại: Tâm bạn trống rỗng như hư không. Do đó, hành động của bạn cũng trống rỗng. Chỉ làm với tâm vô ngại. Đó là Tăng bảo.

Vì vậy, như chúng ta thấy, Phật giáo có một cơ cấu giảng dạy rất rõ ràng, đó Là Phật, Pháp và Tăng. Tiếng Trung Quốc gọi là Sam bo (Tam Bảo). Có ba thành phần Tam bảo: Nguyên thủy Tam bảo, Hình thức Tam bảo, và Chân thực Tam bảo. Chúng ta hãy tìm hiểu những thành phần Tam bảo này kỹ hơn.

Đối với Nguyên thủy Tam bảo, thì Phật bảo, tức Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, là nhân vật lịch sử có thật. Pháp bảo là Giáo pháp chân thật của ngài nói ra trong khoảng 45 năm ở nhiều nơi khác nhau trên đất nước Ấn Độ cách đây hơn 2.550 năm, trước khi kết tập thành

kinh điển. Tăng bảo là hàng thánh tăng, những đệ tử xuất gia của Phật sống chung hòa hợp, mẫu mực để cho hàng cư sĩ tin kính, nghe và làm theo lời dạy của Ngài. Vì vậy, ba ngôi báu này là: Đức Phật Nguyên thủy, Giáo Pháp Nguyên thủy và Tăng già Nguyên thủy. Gọi chung là Tam bảo Nguyên thủy.

Hơn hai mươi lăm thế kỷ đã trôi qua, kể từ khi Tam bảo Nguyên thủy xuất hiện trên thế giới này, giờ đây chỉ còn lại là “Hình thức Tam bảo”. Như vậy, Đức Phật Nguyên thủy, Giáo pháp Nguyên thủy, Tăng già Nguyên thủy đã biến mất, và những gì là Phật, Pháp, Tăng mà chúng ta nhìn thấy ngày nay đó là hình thức Tam bảo. Mỗi ngôi chùa đều có tượng Phật. Trong những chùa ở Trung Hoa và Hàn Quốc, tượng Phật được làm bằng đồng hoặc gỗ thếp vàng. Nhiều ngôi chùa ở Tích Lan và Thái Lan, có tượng Phật

bằng đá trắng. Ở những ngôi chùa Nhật Bổn, tượng Phật không phải sơn thếp tỉ mỉ. Tượng Phật vàng, tượng Phật trắng, tượng Phật sơn, đều là hình thức của Phật được tạo ra từ những vật liệu, thay thế cho Đức Phật nguyên thủy.

Hôm nay, chúng ta có kho tàng Pháp bảo đồ sộ, đến 84.000 loại kinh điển, những tư liệu bằng văn bản của giáo lý Đức Phật được kết tập lại lời giáo huấn từ chính Ngài tuyên nói. Ngoài ra còn có nhiều sách vở luận nghị và ngữ lục, các sự kiện xảy ra từ cuộc sống của các vị Tổ sư nổi tiếng. Đây là tất cả những hình thức Pháp bảo mà ban đầu được Đức Phật hoằng truyền.

Và,Tăng bảo Nguyên thủy, nghĩa là chỉ cho những đệ tử xuất gia sống vào thời Phật, nghe lời dạy của Ngài rồi đem ra thực hành tu chứng thánh quả. Nhưng ngày nay có rất nhiều cộng đồng Phật giáo trên khắp thế giới. Có Tăng già Cam Bốt, Tăng già Thái Lan, Tăng già Việt Nam, Tăng già Tích Lan,Tăng già Miến Điện, Tăng già Ấn Độ, Tăng già Trung Quốc, Tăng già Hàn Quốc, Tăng già Nhật Bản, Tăng già Tây Tạng v.v... Hiện tại cũng có nhiều Tăng thân Phật giáo mới xuất hiện ở phương Tây: Tăng thân Mỹ, Tăng thân Canada, Tăng thân Ba Lan, Tăng thân Đức, Tăng thân Pháp, Tăng thân Nga, Tăng thân Tây Ban Nha, Tăng thân Lithuania. Đây là những Tăng đoàn Phật giáo, hình thức mà chúng ta thấy ngày nay từ Tăng già nguyên thủy, cùng chung lý tưởng như nhau. Ba dạng này gọi là Hình thức Tam bảo.

Như chúng ta đã biết, Đức Phật nguyên thủy, Giáo Pháp và Tăng đoàn nguyên thủy tất cả đã biến diệt. Và hình thức Phật, Pháp, Tăng mà chúng ta thấy bây giờ rất khác nhau, từ nơi này đến nơi khác, từ mỗi quốc độ và từ các đền thờ đến chùa viện. Vậy thì cái gì là Chân thật Phật Pháp Tăng –Tam bảo? Trong từ ngữ tiếng Hàn và tiếng Trung Quốc, chúng tôi gọi đây là “il che sam bo”, có nghĩa là “Nhất thể”hoặc “Đồng thể Tam bảo”. Tâm thanh tịnh là Phật. Tâm sáng suốt là Pháp. Tâm vô ngại là Tăng. Vì vậy, nếu bạn luôn luôn giữ

được tâm thanh tịnh, tức bạn là Phật. Nếu tâm bạn luôn luôn sáng suốt rõ ràng, tức bạn là Pháp, và tâm bạn an nhiên tự tại, không ngăn ngại, luôn luôn vì lợi ích của tất cả mọi chúng sanh, tức bạn là Tăng. Đây là những ngôn từ rất tuyệt vời. Nhưng chân thực tâm thanh tịnh là gì? Tâm sáng suốt là gì? Và Tâm vô ngại là gì?

Thuở xưa, có vị Tăng hỏi Thiền sư Triệu Châu: “Phật là gì? " Triệu Châu trả lời: “Đi uống trà!". Một lần khác, có người hỏi Triệu Châu: “Pháp là gì ?" Triệu Châu đáp: “Đi uống trà!" Rồi lại hỏi: “Tăng là gì?" Ngài cũng đáp: “Đi uống trà!” Trong từ ngữ Trung Quốc, chúng ta gọi điều này Shil yong sam bo, có nghĩa là ba báu vật thực tế. Nếu bạn uống trà với một tâm thanh tịnh, sáng suốt và an nhiên tự tại, tức thì trong giây phút đó, bạn trở thành Phật thực tế, Pháp thực tế, và Tăng thực tế. Điều này rất đơn giản, đó là Tâm Thường Nhật. Triệu Châu trả lời “Đi uống trà" với nhiều loại câu hỏi. Nếu bạn không hiểu được điều này, bạn phải uống trà ngay bây giờ. Nếu bạn không thích trà, bạn có thể uống Côca-Côla hoặc một ly kem sữa. Ha ha ha! Dù bằng cách nào, bạn sẽ thấu đạt lời giáo hóa chân thực của Thiền sư Triệu Châu. Bạn sẽ tỏ ngộ lời khai thị tối hậu của Đức Phật và tất cả các vị Tổ sư. Sau đó, bạn sẽ đạt được Chân thực Phật–Pháp–Tăng. Nó

rất rõ ràng!

Cuối cùng, trong sự trình bày trước của chúng tôi có nói rằng Phật bảo là Mỹ (Vẻ đẹp), Pháp bảo là Chân (Sự thật), và Tăng bảo là Thiện (Đạo đức). Các từ ngữ Trung-Hàn chỉ cho điều này là "jin song mi" (Chân–Thiện–Mỹ). Nhưng để đối xứng với Phật–Pháp–Tăng phải gọi là Mỹ–Chân–Thiện? Loại vẻ đẹp gì mà chúng ta đang nói ở đây? Cái gì là mối quan hệ thống thuộc giữa Mỹ–Chân–Thiện?

Có lẽ mọi người ai nấy đều đã thấy cuộc thi sắc đẹp trên truyền hình. Nhiều cô gái khắp nơi đến với nhau và để được thẩm định xem ai là người đẹp nhất. Ban giám khảo quan sát, thẩm định rồi chấm điểm cho mỗi người đẹp. Nhưng họ chỉ nhìn khuôn mặt và cân đo vóc dáng của cô gái. Nếu khuôn mặt và vóc dáng của cô gái đúng tiêu chuẩn là đẹp, cử chỉ của cô ta duyên dáng và hành động ứng xử rất thông minh, thì ngay sau đó cô gái này sẽ thắng cuộc thi và trở thành hoa hậu. Tuy nhiên, vẻ đẹp thật sự không chỉ xuất hiện trên vóc dáng hoặc khuôn mặt của các cô gái. Vẻ đẹp thật sự được tìm thấy trong tâm của chúng ta, tâm chúng ta giống như cái gì? Loại suy nghĩ gì làm chúng ta hiện hữu? Loại hành động gì đi ra khỏi tâm của chúng ta?

Thông thường tâm chúng ta được lấp đầy với nhiều loại vọng tưởng vô minh, thiếu hiểu biết, thích và không thích, và điều này làm cho tâm dường như xấu đi, nhưng nếu bạn tu tập tinh cần và dần dần chuyển hóa vô minh, bạn sẽ thành tựu Giác ngộ. Sau đó, trí tuệ xuất hiện đó là Mỹ–Chân–Thiện. Tất cả mọi người đều có sự thánh thiện trong tâm của họ.

Nó vốn hiện hữu và không cần có nhu cầu tu dưỡng đặc biệt. Một lối nhận định về điều này khá dễ hiểu, bằng cách đi xem phim. Hầu hết các phim nói về những cuộc chiến đấu giữa một phe tốt và một phe xấu. Tại một số đoạn trong phim, người tốt hay bị đánh bại khá nặng, có thể người đó sắp chết. Còn kẻ xấu in như là sẽ giành chiến thắng sau cùng, như vậy không tốt. Cho nên, trong khi những người tốt bị đánh đập dã man, tất cả mọi người xem phim ở trong nhà hát đều suy nghĩ: "Tệ ác quá! Thật không tốt! Cút xéo đi ! Dẹp bọn xấu đi !" Nếu nhân vật tốt và những người vô tội khác trong phim phải chịu rất nhiều đau khổ vì bọn xấu, thì mọi người đang theo dõi bộ phim cảm thấy bực tức, bức xúc, buồn bã, ray rức. Ai nấy đều có chung một tâm niệm, một nỗi thương cảm ngậm ngùi. Không ai muốn người tốt bị thiệt hại hoặc chết mất. Cuối cùng, khi bộ phim kết thúc, tất nhiên người tốt, người hiền hầu như luôn luôn chiến thắng kẻ dữ, và như vậy tất cả mọi người trở về nhà với một cảm giác hả dạ an bình. Tại sao tâm lý này luôn luôn như thế?

Nỗi lo âu, niềm ước vọng, lòng thánh thiện, tất cả chúng ta đã trải nghiệm trong những thể loại này, vốn có sẵn trong chúng ta ở mọi lúc. Tất cả nhân loại chúng sanh đều có lòng trắc ẩn giống nhau cùng cất lên tiếng gọi: "Hãy đứng dậy! Vùng lên! Loại trừ kẻ xấu ác". "Hãy dẹp bỏ thành phần bất hảo!" Tâm này xuất hiện sự phản ứng thông thường mà mọi người đều có, đó là bằng chứng Tâm lành vốn từ bẩm sinh của con người (Nhơn chi sơ tánh bản thiện). "Chúng ta muốn thuyết phục". "Chúng ta muốn thấy lẽ công bằng". Sự tốt đẹp này không nhất thiết phải là một cái gì đó đặc biệt, mà là

kết quả từ nhiều năm, nhiều kiếp tu hành gian khổ – Đó là bản thể chân thật của chúng ta luôn luôn chói sáng. Tự thể chúng ta không có gì khác là thanh thoát, hoàn thiện.

Bản tánh Từ bi bao la này luôn luôn muốn phụng sự giúp đỡ tất cả chúng sanh. Chúng ta thực hiện nó quanh mình trong mỗi lúc. Bản thể của ta và tất cả chúng sanh không sai khác và chẳng bao giờ tách biệt. Tất cả chúng ta đều có cùng một bản chất: Mình không muốn khổ đau và cũng không muốn người khác phải chịu đau khổ. Nếu bạn hoàn toàn nhận ra điểm này, bạn có thể thấy lý do tại sao tính Thiện Mỹ được thực hiện trong Tăng đoàn. Bởi vì nó là điểm chủ yếu xuyên qua các hành động của chúng ta với những chúng sanh khác. Chúng ta nhận ra điều Thiện Mỹ vốn đã có bên trong chúng ta ở mọi lúc. Với những người khác trở thành đối tượng, là tấm gương soi hành động của ta. Một số Tôn giáo nói về “Tội tổ tông”. Sự thật đó là khi chúng ta sinh ra với những bản năng chủ đích thường gây đau khổ. Tuy nhiên, điều này chỉ là nghiệp, và nghiệp có thể được kiểm soát hoặc thậm chí hóa giải nó. Nếu chúng ta thấu rõ nghiệp của chúng ta, và nhận thức rằng, bản thể các pháp vốn không cố định, sau đó chúng ta có thể sử dụng nghiệp cụ thể của chúng ta để giúp đỡ mọi người. Bởi vì quan điểm này, Phật giáo không đòi hỏi bất cứ điều gì như “Tội Tổ tông". Phật giáo chỉ dạy Phật tánh là Bản thể tự tánh chúng ta và tự tánh

của tất cả mọi người. Đó là điểm quan trọng. Vì vậy, Chân–Thiện–Mỹ có nghĩa là phương hướng đúng. Con đường dẫn đến trải nghiệm này là Giới luật.

Một số người vẫn có thể không hiểu ý nghĩa Chân–Thiện–Mỹ này là gì ? Có đệ tử đã từng hỏi tôi: “Bạch sư phụ, Thầy luôn nói về Chân–Thiện–Mỹ, nhưng ngày nay trong xã hội hiện đại quá phức tạp, kinh tế thị trường cạnh tranh, nếu thầy có một bản tánh tốt đẹp (Từ bi thương người), thì nhiều kẻ sẽ lợi dụng thầy, và thầy luôn luôn nhận được rất nhiều đau khổ. Lúc đó thầy phản ứng ra sao?".

Đó là một câu hỏi rất thú vị. Vì vậy, điều quan trọng phải hiểu rằng lòng tốt mà chúng ta thực thi phải được xét kỹ, không có “tôi, của tôi, thuộc về tôi", nó không có ý nghĩa riêng biệt giữa mình và người khác. Nếu bạn có lòng tốt thật sự, thì ngay cả nỗi khổ của bạn là chính xác, bởi vì tất cả muôn loại chúng sanh trong thế giới này luôn luôn có nỗi khổ niềm đau rất lớn, không chỉ riêng loài người. Vì vậy, khi tất cả chúng sanh đau khổ, các vị Bồ Tát luôn luôn động lòng thương xót. Bởi vì các vị Bồ Tát thật sự cảm thấy nỗi khổ của tất cả chúng sanh, trong mọi lúc, mọi nơi, như thể là nỗi khổ chính mình. Đó là niềm riêng của các ngài. Tuy nhiên, khi Bồ tát buồn, sự đau khổ này không phải là vì bản thân Bồ tát. Đó không phải là nỗi buồn của tôi và vấn đề của tôi. Nỗi buồn này cảm ứng trực tiếp đến hành động Từ bi cứu giúp những người khác, bởi vì khi bạn buồn cho những chúng sanh, thiện tâm sẵn có trong bạn đều trỗi dậy, chỉ muốn giúp vượt thoát những nỗi khổ niềm đau mà người khác mắc phải.

Mọi người ít nhiều đều biết về Bồ tát Địa Tạng (Ksitigarbha Bodhisattva). Đây là một vị Bồ tát có thệ nguyện không cùng tận. Ngài luôn luôn biểu hiện trong tay cầm tích trượng dài có sáu chiếc khoen tròn. Bồ tát Địa Tạng thề cứu thoát hết thảy chúng sanh khỏi đau khổ, ngay cả phải vào các địa ngục để giải thoát họ. Hầu hết các truyền thống

tâm linh, những người chịu hình phạt trải qua một số trạng thái địa ngục bị đày đọa và lãng quên.

Trong Phật giáo, chúng tôi nguyện cứu giúp tất cả chúng sanh, ngay cả những người sống trong địa ngục. Vì vậy, tiếng Trung Quốc, danh hiệu này được gọi là Đại nguyện Bổn tôn Địa Tạng Bồ tát. (Dai won Bon jon Ji Jang Bosal). Đại nguyện là lời thệ nguyện rộng lớn. Nói lên ý nghĩa khi tất cả chúng sanh được cứu thoát hết đau khổ, sau đó tôi mới lên ngôi Phật. Tôi thề rằng, nếu ngay cả một chúng sanh chưa thành Phật, và vẫn còn đọa đày trong đau khổ, tôi sẽ không nhập Niết bàn. Tôi nguyện mãi mãi tái sanh trở lại thế giới này cho đến khi một chúng sanh cuối cùng được cứu độ. Đây cũng là đại nguyện của chúng tôi. Phần thứ hai của tên này là Bổn tôn. Bổn là nguồn gốc, bổn thể, nói khác là bản lai tự tánh. Đại nguyện này luôn cứu độ tất cả chúng sanh khỏi đau khổ, đó là bản thể uyên

nguyên, hoặc chân tánh của chúng ta. Có đại nguyện, không phải là chúng ta làm một cái gì đó, mà đó là cái gì chúng ta sẵn sàng làm. Lời thệ nguyện luôn luôn giúp đỡ những người khác, chỉ là một sự phản ánh bản thể uyên nguyên của chúng ta, cũng như bổn thể uyên nguyên của tất cả chúng sanh – nó không gì đặc biệt. Nó là sự Thiện Mỹ mà chúng tôi đã nói trước đó, mọi người đều luôn luôn có sẵn nơi chính mình. Vì vậy, Phật, Pháp, Tăng— Tam bảo, dẫn đến sự “thánh thiện, tự tại, giải thoát". Nếu bạn quán sát kỹ, Tam bảo không có gì đặc biệt. Phật không đặc biệt, Pháp không đặc biệt, Tăng cũng không đặc biệt. Công việc chính yếu đó là gì? Chức năng tối hậu của Tam bảo là gì? Tại sao mỗi Phật tử, không phân biệt truyền thống, hệ phái, cần nương về Tam bảo?

Như chúng tôi đã trình bày ở trên, khi bạn thực sự đạt được hoàn hảo tuyệt đối, bạn trở thành Phật: Tất cả mọi thứ mà bạn thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm, và suy nghĩ đều là Thiện mỹ, cũng giống như chính nó đang là. Khi bạn đạt được Chân lý và Chánh đạo, bạn đạt đến Pháp. Và khi bạn thể nhận cuộc sống đúng của bạn, và hành động vô ngại để cứu giúp tất cả chúng sanh ra khỏi cảnh giới khổ đau, bạn đạt đến phẩm vị Tăng. Vì vậy, đó là lý do tại sao chúng tôi nói rằng Tam bảo dẫn đến sự thánh thiện. Tuy nhiên, sự thánh thiện này không phải thánh thiện. Tâm bạn vốn có bản thể tinh khiết và rõ ràng: Đó là chân thánh thiện, đó là bản nguyên tự tánh của bạn. Đức Thánh thiện chỉ là một tên gán cho một cái gì đó mà không có tên. Bổn nguyên các pháp hoàn toàn rỗng không. Không danh, không sắc (không tên gọi, không hình thể). Thấu đạt các pháp đều không, thì tốt hơn so với một số ý tưởng đặc biệt cho là thánh thiện. Có bài thơ được viết bởi một tín hữu Ki-tô giáo thần bí, người Đức tên Angelus Silesius nói: “Thượng đế vốn thuần khiết rỗng không. Được sáng tạo như hình thức: Trở thành thực chất, sáng và tối. Tịnh và động”. (The God who is pure emptiness Is created as form: Becoming substance, light and darkness. The stillness and the storm.)

Vì vậy, “Thượng đế vốn thuần khiết rỗng không”, là sự thánh thiện. Sự thánh thiện này không phải là một cái gì đó đặc biệt. Được chứ? Đức thánh thiện chỉ là một tên tạm thời chỉ đến một sự rỗng không hoàn toàn tinh khiết và rõ ràng, đó là bản thể của chúng ta và bản thể vũ trụ. Nếu bạn đạt đến sự rỗng không đó, bạn được tự do tự tại.Trong Phật

giáo Nguyên thủy gọi là Giải thoát hoặc "hoàn toàn tự do". Chức năng chính xác của Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng là để dẫn bạn đến sự thấu đạt trực tiếp của Tánh Không. Sau đó, bạn có thể giúp đỡ tất cả chúng sanh. Đây là Chân giải thoát.

Phật giáo Tiểu thừa (Hinayana Buddhism)

1.Quán Vô thường (Insight into impermanence)

2.Quán Bất tịnh (Insight into impurity)

3.Quán Vô ngã (Insight into nonself)

Đức Phật thành tựu Giác ngộ dưới cội Bồ đề tại Ấn Độ. Sau đó, Ngài đứng dậy và bắt đầu tuyên dương Diệu pháp. Ngài thuyết minh về Bốn Diệu Đế, Tám Con Đường Chánh và Mười Hai Nhân Duyên. Ngài dạy rằng đời là khổ, và đau khổ là cuộc đời. Làm thế nào để thấu rõ được điều này? Đó là Giáo lý Nguyên thủy của Đức Phật, còn gọi là Phật giáo Tiểu thừa.

Quán vô thường là phương pháp giáo hóa cơ bản nhất của Đức Phật. Ngài đã dạy điều này đầu tiên, bởi vì vô thường là nền tảng của sự đau khổ mà chúng ta ai cũng phải trải qua. Nhìn vào thế giới này: tất cả mọi thứ luôn luôn thay đổi, thay đổi, thay đổi. Đây là thực chất cơ bản của toàn thể vũ trụ.

Thí dụ, bạn đi đến một con sông lớn, và qua cầu vào lúc 8 giờ sáng. Bạn trở lại một giờ sau đó và băng qua cầu một lần nữa, bạn không vượt qua cùng một dòng sông. Lưu lượng nước hoàn toàn khác nhau, nó không phải đứng yên trong dòng chảy.Thể nước bạn nhìn thấy lúc 8 giờ tất cả đã trôi đi, và nước mà bạn nhìn thấy lúc 9 giờ không phải là nước trước đó. Nước liên tục chảy và chảy mãi. Bạn nói với bạn bè của mình, “Ồ!, đó là con sông Hudson." Sau đó một giờ, bạn quay trở lại vẫn gọi con sông Hudson. Điều đó thực sự không đúng. Sông Hudson ở 8 giờ không phải là cùng một dòng sông nữa. Vâng, hình thức bên ngoài như nhau, nhưng nước đã chảy đến đại dương. Vì vậy, con sông này luôn thay đổi từng giây, từng phút.

Khi bạn thức dậy vào buổi sáng, cơ thể của bạn hơi khác hơn đêm hôm trước. Trong nhiều khía cạnh, bây giờ bạn có một cơ thể mới. Thay đổi đã xảy ra vô cùng tinh tế nơi sức khỏe và ngoại hình của bạn trong lúc ngủ. Hình dáng bên ngoài cơ thể của bạn có vẻ giống nhau, nhưng bên trong, thực phẩm bạn ăn hôm qua, trước khi được tiêu hóa, nó thẩm thấu trong máu, lên mặt, răng và da. Sau đó, tất cả chất thải đi xuống biến thành nước tiểu và phân. Ngay bây giờ, vào buổi sáng, khuôn mặt của bạn đã già hơn hôm qua, mặc dù bạn không nhận ra bất kỳ sự khác biệt có thể nhìn thấy. Và mỗi bảy năm bạn có một cơ thể hoàn toàn đổi khác, bởi vì mỗi tế bào của bạn đã được thay đổi.

Nhưng ít ai hiểu điều đó. Không ai nhận ra rằng cơ thể của họ liên tục thay đổi, từ giây phút này sang giây phút khác. Có người nào đó nói, “Cách đây mười năm, tôi đã đi đến Paris." Đó là lời nói thiếu chính xác. Mười năm trước, thân thể tôi lúc đó (trẻ hơn) đã đi đến Paris, nhưng nó không phải giống như thân thể ngay bây giờ mà tôi tuyên bố. Sự biến chuyển này gọi là vô thường.

Và điều này không chỉ xảy ra với nhân loại chúng sanh. Từ thuở xa xưa, hằng tỷ năm về trước, trái đất này hình thành do năng lượng từ mặt trời, còn mặt trăng từ năng lượng trái đất. Vì vậy, mặt trăng xoay quanh trái đất, trái đất và mặt trăng xoay quanh mặt trời. Một ngày nào đó, có thể rất nhiều nhiều kiếp trong tương lai, năng lượng của mặt trời sẽ tuột giảm và sức nóng sẽ dần dần trở nên nguội lạnh. Khi năng lượng của mặt trời đến thời điểm dừng lại, toàn bộ trái đất cũng trở nên băng giá. Sau đó, tất cả các loài động vật sẽ chết. Tất cả hoa màu cây cỏ sẽ bị hủy diệt. Nhân loại chúng sanh cũng sẽ chết. Tất cả những gì mà chúng ta cho là vĩnh viễn, bây giờ sẽ hoàn toàn tung vỡ, tan biến theo thời gian và không gian trống rỗng.

Vì vậy, vạn vật trong vũ trụ luôn luôn đổi thay, thay đổi không ngừng. Tất cả mọi người đều bị đánh lừa bởi danh và tướng. Chúng ta tin rằng danh và tướng là thường hằng, do đó chúng ta đau khổ. Nguyên do đau khổ nằm trong tâm chúng ta, nơi mà thói quen bị dính mắc với danh và tướng, nó bao gồm bản chất thực sự của thế giới này. Nếu bạn có thể cảm nhận được bản chất thực tế của thế giới hiện tượng, và thấu hiểu mọi thứ luôn luôn thay đổi, sau đó tâm ham muốn của bạn và nỗi khổ niềm đau mà nó gây ra cũng tan biến.

Có thể nhận thấy ngay rằng bất cứ điều gì mà bạn ôm giữ sẽ sớm qua mau. Tất cả những gì bạn ham muốn và nhận được, cuối cùng cũng hủy diệt, bởi vì tất cả mọi thứ luôn luôn thay đổi, đổi thay không ngừng. Với nhận thức này, tâm ham muốn của bạn và sự đau khổ kéo đến, khiến cho bạn không kiểm soát được. Bạn phải hiểu rằng nỗi khổ niềm đau

đến từ sự dính mắc với các pháp vô thường. Một số người nghĩ rằng: “Ồ! Cuộc sống của tôi hanh thông, chả có vấn đề gì. Tôi có tất cả mọi thứ. Tôi sẽ sống đến 100 tuổi." Vâng, có lẽ những người này không gặp sự khó khăn trở ngại lớn. Nhưng ngay cả khi bạn đạt kết quả sống qua 100 năm, sau đó là gì? Bạn vẫn phải chết. Tất cả mọi người cuối cùng rồi cũng chết. Lúc đó bạn cảm thấy thế nào? Sẽ làm gì?

Tuy nhiên, hầu hết mọi người không hiểu điểm này. Họ không hiểu thế giới này vô thường, vì vậy họ bám chặt lòng tham sân nhiều quá. “Tôi thích điều này.Tôi không thích điều đó." Con người sống suốt cuộc đời của họ như vậy với rất nhiều đam mê dục vọng cho những thứ vô thường, luôn luôn kiểm tra tâm mình và người khác cũng như thế giới này. Họ cố chấp những ý kiến nhỏ mọn của họ về những gì họ thích và không thích, nắm giữ những gì tưởng là thật. Chúng tôi gọi đây là sở tri chướng. Nhưng nếu bạn cảm nhận một cách chính xác được sự vô thường của thế giới này, bạn không quá dính mắc với mọi thứ. Vì vậy bạn không bị khổ đau quá lắm, khi những thứ này cuối cùng thay đổi. Tất cả mọi thứ mong manh sớm tan biến như thế, vậy tại sao lại dính mắc với nó? Ngay cả khi bạn nhận được ít nhiều hạnh phúc có thể giữ nó được bao lâu?

Ví dụ, hai người kết hôn, lúc ban đầu họ nghĩ rằng “Ô! Bây giờ tôi có được hạnh phúc. Cuối cùng tôi đã tìm thấy một người mà tôi chờ đợi. Thật là tuyệt vời!" Và nó trải qua một thời gian rất đẹp. Nhưng chừng nào niềm hạnh phúc này thực sự chấm dứt? Bao

lâu? Một năm, hai năm, hay ba năm? Nếu bạn có thể giữ được nó hơn ba năm, phải nói thật là không bình thường! (Những tiếng cười từ giảng đường) Nhiều người có thể giữ được như thế trong ba năm, sau đó, những chuyện lục đục xảy ra, họ bắt đầu suy nghĩ, “Tôi không còn yêu anh nữa”. “Tôi không thích em nữa." Họ chia tay và đau khổ xuất hiện trong cuộc sống của họ. Đó là bởi vì con người không thể nhận được bất cứ điều gì và không thể nắm giữ được bất cứ thứ gì, vì tất cả các pháp trong vũ trụ này luôn luôn thay đổi. Do vậy, trước tiên bạn phải hiểu thế giới này vô thường, và sau đó bạn có thể sẵn sàng buông xuống, không chấp giữ, khi đã hết duyên.

Một số nhà sư thuộc truyền thống Tiểu thừa và Tây Tạng, thường vào trong các nghĩa trang thực hành thiền, để giúp họ có một trải nghiệm sâu sắc về việc quán thân vô thường. Sau đó, họ có thể buông bỏ bất kỳ loại dục vọng phát sinh từ cơ thể trong chốc lát. Đây là phép quán vô thường.Tiểu thừa Phật giáo dạy thực hành thiền định dựa trên phép quán bất tịnh. Nhưng bất tịnh là gì? Cho phép chúng tôi dẫn dụ một người con gái xinh đẹp xuất hiện, có thể là một người mẫu, hoặc diễn viên rất nổi tiếng. Cô ấy trang điểm thật diễm lệ, quý phái, với mái tóc thời trang, quần áo đẹp đẽ và sức nước hoa đắt tiền. Cô có một chiếc vòng cổ kim cương lớn mười ca-ra. Mọi người đều nhìn thấy cô và trầm trồ khen

tặng, “Ồ! Giai nhân tuyệt sắc! Đẹp ơi là đẹp!" Có thể một số người đàn ông sẽ khát vọng theo đuổi, tranh giành hoặc sát hại nhau để muốn chiếm hữu cô ấy. Nhưng quán sát kỹ, chín cửa ngõ (cửu khiếu) từ mắt, tai, mũi, miệng, tiểu tiện, đại tiện của cô ấy thường bài tiết những vật bất tịnh hôi hám, nếu không siêng tắm rửa lau chùi. Cho nên, trông bề ngoài cô ấy thực sự rất đẹp, nhưng bên trong, chúng ta phải hiểu rằng chỉ là một túi da bao bọc những vật hôi hám, điều đó không có gì là đẹp cả.

Bạn biết không? Mọi người đều nhìn vẻ đẹp bề ngoài, sanh lòng ham muốn và họ quên đi những lúc các thứ nhơ uế bên trong chảy ra. Họ bị đánh lừa bởi sự xuất hiện tạm thời của vóc dáng cơ thể và sự trang điểm lộng lẫy, nhưng họ không thấy rằng những gì họ thèm khát sâu sắc, đánh dấu sự giả tạo tiềm ẩn nội tại. Đây là sự mê lầm cơ bản của con người: Dục vọng và cố chấp dẫn chúng ta luôn luôn thèm khát những điều mà không thể giúp ích cho cuộc sống của chúng ta được hoàn thiện rốt ráo.

Vì vậy, nếu chúng ta thật sự nhận ra tình huống này trong một phút giây bừng tỉnh nào đó, chúng ta sẽ nói: “Ồ ! Thật là lầm lẫn. Bạn biết không? Điều đó không đúng. Có cái gì trong đó không thích hợp". Chúng ta hơi chùn xuống vì ai cũng hiểu bên trong tiềm ẩn những thứ gì thực sự bất tịnh. Và điều này không chỉ là một số phương thức quán sát người khác – mà bạn phải trải nghiệm với chính mình trong mọi lúc.

Chúng tôi xin nói rằng nếu một hai ngày mà bạn không tắm, trong khi tất cả mọi người đều tắm mỗi ngày, thì chuyện này không có gì kỳ lạ. Nhưng nếu bạn không tắm trong năm, bảy ngày trở đi, bạn đi vào thiền đường này, những người khác sẽ nhanh chóng nhận ra mùi hôi hám của bạn.–Ha ha ha! Bạn không sạch sẽ. Thân sắc bạn trông không tốt, và làn da cũng xấu đi. Sau đó tất cả mọi người xung quanh bạn ngay lập tức đánh giá thiếu thiện cảm, nếu bạn lại là một Thiền sư. Không ai thích xúc tác sự bất tịnh, nếu

chúng ta không cẩn thận về cách ăn ở sạch sẽ tất cả mọi lúc mọi nơi. Chúng ta luôn luôn phải trả giá rất nhiều về sự chú ý đến thân thể này, chỉ để tránh vi phạm bản thân và những người khác với những bất tịnh cơ bản của nó. Thật là thú vị! Vì vậy, cơ thể con người rất dơ bẩn, và đây chính là điều mà tất cả chúng ta đều phản ứng. Tự thể nó không tốt và cũng không xấu, nó chỉ là điều kiện của chúng ta trong hình dạng con người: Đó là sự bất tịnh.

Nhưng ban đầu, bất tịnh không phải là không tinh khiết trong sạch. Quan niệm của mọi người về tịnh và bất tịnh đến từ tâm phân biệt và được xác định bằng lối suy nghĩ của chúng ta. Con người không thích mùi phân. Tuy nhiên, có nhiều loại động vật thực sự thích ăn phân, như ruồi, giòi, bọ hung và các loại côn trùng khác. Ngoài ra, nhiều con chó cũng thích ăn phân. Ngựa không ăn cỏ có dính chất thải của chúng, nhưng loài cừu thì vẫn thích

xơi cỏ dù có bị vấy bẩn phân tiểu của chúng. Có một số thịt heo châu Á được nuôi bằng phân người. Sau đó, họ giết mổ lấy thịt phân phối cho các chợ và nhà hàng, người mua vô tình không biết, vẫn phải trả nhiều tiền để mua thịt này. Vì vậy, các động vật và côn trùng có một số loại ý thức sở thích, và ý thức này như phân. Cảm giác bất tịnh của chúng không giống như chúng ta.

Nếu nói thế thì cái gì mới thực sự là bất tịnh? Chỉ suy nghĩ : “Tôi không như phân, thì cũng là bất tịnh". Sự suy nghĩ đó làm cho tịnh và bất tịnh có mặt. Đó là một số ý tưởng của con người. Tuy nhiên, các loài động vật khác không coi đó như phân. Cái nào đúng? Câu trả lời là đừng tạo ra tịnh và bất tịnh.

Vì vậy, bằng cách này chúng ta có thể nhận ra rằng tư duy là nguồn gốc của sự bất tịnh. Đức Phật dạy những gì dẫn đến khổ đau là sự bất tịnh, chúng được tạo ra trong tâm của chúng ta. Nếu bạn có nhiều ham muốn, tâm bạn trở nên dơ bẩn. Cho nên chúng ta đôi khi nghe một người nào khét tiếng tham nhũng, ham muốn tiền bạc, ham muốn tình dục, ham muốn quyền lực, thì tự nhiên ta âm thầm trách mắng họ:“Đồ bẩn thỉu!". Nếu bạn có nhiều dính mắc và niềm đam mê, bản tính của bạn lại che giấu và làm nhơ nhiễm với ý nghĩ đen tối đó, cho nên bạn có quá nhiều dục vọng, thì đó là bất tịnh, bởi vì bản lai tự tánh của bạn vốn hoàn toàn tinh khiết và rõ ràng. Khi bạn chấp trước một cái gì đó, hoặc mong muốn quá nhiều cho một cái gì đó, sau đó sự suy nghĩ của bạn trở nên ô uế. Tuy nhiên, khi thực hành thiền định, bạn có thể cảm nhận được điều làm sai hỏng tâm trí của mình, và ngay sau đó có thể chuyển hóa chúng.

“Quán Vô Ngã" nghĩa là ban đầu chúng ta không có tự ngã. Khi bạn đang suy nghĩ, tức bạn có mặt cái “Tôi". Nhưng Đức Phật cho rằng cái Tôi này không tồn tại: Bạn không thể tìm thấy nó bất cứ nơi đâu. “Cái tôi này" xuất hiện thông qua suy nghĩ. Triết gia Descartes đã nói: “Tôi suy tư, nên tôi hiện hữu”. Khi bạn hoàn toàn quét sạch mọi vọng tưởng, thì cái “Tôi” này ở đâu? Vì vậy, tu tập pháp “Quán Vô ngã" là quán sát theo dõi tâm rất chặt chẽ cẩn thận. Phải nhận diện như thế nào khi mỗi ý niệm xuất hiện trong tâm của chúng ta, với điều kiện hoặc được hình thành bởi những suy nghĩ người khác. Những gì chúng ta tin là “Ngã", chỉ đến với nhau từ các nguồn năng lượng thói quen

khác nhau. Ở đó không cụ thể, bất động, “Ngã" ẩn đằng sau nó. Suy nghĩ luôn luôn sinh diệt thông qua sự tương tác liên tục trong năm uẩn. Những gì chúng ta nghĩ là bản thân của chúng ta, đó chỉ là bao gồm năm hợp thể: hình sắc, cảm thọ, tư tưởng, tâm hành và nhận thức, liên tục được xoay vần và bao quanh ta.

Vì vậy, nếu bạn đạt được ba phép quán cơ bản của Phật giáo Tiểu thừa, bạn nhận thức được rằng nhân loại chúng sanh không có ý nghĩa, không có lý do, và không có sự lựa chọn. Ý tưởng này có vẻ làm hoảng sợ hầu hết mọi người. Nhưng tại sao bạn sanh vào thế giới này? Bạn có thực sự quyết định điều đó không? Bạn có thực sự cảm thấy mình làm chủ, tự lựa chọn về cách sống mà bạn đang có mặt và những điều bạn đã được ban tặng chưa? Tại sao bạn tạo ra những gì mà bạn đang sống trong thế giới này? Vì cái gì? Nghiệp dẫn hay ý muốn? Bạn thực sự thấu hiểu điều gì? Nếu bạn nhìn thấu bản chất thực sự của thế giới khổ đau này, ngay lập tức, bạn buông xuống tất cả mọi thứ, từ bỏ tình huống tốt, cạo tóc, và trở thành tu sĩ. Nhưng mọi người đều e sợ, vì vậy họ chấp nhận tình trạng đau khổ trong đời.

Hầu hết nhân loại chúng sanh thật sự không có ý nghĩ tại sao họ sanh vào thế giới này. Và hầu hết mọi người không biết những gì họ mong muốn. Có lẽ họ mong muốn nhất là tiền bạc hoặc danh vọng, địa vị trong xã hội. Nhưng đây chỉ là ý tưởng mà họ đưa ra để tồn tại dưới những điều kiện mà dường như đe dọa họ từ nhiều mặt. Tôi có một người bạn chuyên về giáo dục. Ông luôn luôn rất bận rộn. Ông lấy bằng Tiến sĩ từ một trường đại học danh tiếng tại Hoa Kỳ, và kiến tạo nhiều ngôi chùa ở đó. Bởi vì ông lập nhiều chùa, nên ông có niềm tự hào, vì vậy, sau đó ông đã phác họa kế hoạch thậm chí còn to lớn hơn. Ông nói: “Tôi muốn xây dựng một ngôi chùa thật đẹp đẽ, uy nghiêm, và hoành tráng. Sau đó, tôi có thể mở một trường đại học Phật giáo. Đương nhiên, tôi sẽ là Viện trưởng.” Mọi người xung quanh nói với ông ta: –Ồ, bạn thật là tuyệt vời! Một người đàn ông phi thường. Ông trở nên nổi tiếng, và luôn luôn bận rộn với các kế hoạch lớn của mình. Chính vì vậy ông ta thường có cuộc phấn đấu với thời gian để tu tập thiền định. Tôi đã từng nói với ông ta: “Thầy à, thầy muốn sớm làm nên một trường đại học Phật giáo vĩ đại. Thật tuyệt vời! Nhưng chỉ có tham thiền mới giúp thầy khám phá ra Chân tánh của thầy. Hãy cố gắng nhé !” Ông trả lời: “Tôi biết. Tôi sẽ hoàn tất công việc này sớm, và sau đó tôi có thể tịnh tu nhập thất lâu dài.” Tuy nhiên, ông đã không bao giờ thực hiện được điều đó. Vì cách đây một tháng, ông được đưa vào bệnh viện với một cơn đột quỵ tim mạch! Bây giờ ông bị liệt một nửa cơ thể của mình. Vậy thì thế nào? Bạn muốn làm gì? Bằng Tiến sĩ thực sự cần thiết nữa không? Nó có cần tốn kém quá nhiều thời gian và kinh phí để thành lập trường đại học Phật giáo cho mình làm Viện trưởng hay không? Hoặc kiến tạo một ngôi chùa vĩ đại uy nghiêm đẹp đẽ có thể giúp bạn vượt khỏi đại dương sanh tử chăng? Những gì thật sự cần thiết trong cuộc sống ngắn ngủi phù du này? Khi cơ thể của bạn chết đi, bạn có thể thực hiện điều gì cho chính bạn? Những gì bạn có thể mang lại?

Một vần cổ thi thiền Trung Quốc nói:
“Đến tay không – Đi tay không – Đó là con người ".
Và câu thơ Cơ Đốc Giáo (Christian) nói:

“Tấm vải liệm không bao giờ có túi."
Như vậy cùng chung một quan điểm. Vì thế, bạn đi vào thế giới này với “hai bàn tay trắng”, và bạn cũng để lại nó với “sự nghiệp trắng tay”, không có chuyện bạn nắm giữ được bao nhiêu thành quả. Thậm chí bạn không thể giữ được thân mình và hơi thở của mình. Vì vậy, chí hướng khác là cần thiết.

Lý do tại sao con người không có ý nghĩa, không có lý do, và không có sự lựa chọn? Trên thực tế, chúng có ý nghĩa rất lớn, lý do lớn, và sự lựa chọn lớn để giúp đỡ thế giới này. Nhưng để đạt đến điều đó, đầu tiên bằng đường lối tu thiền, bạn phải tìm hiểu một cách chính xác nhân loại chúng sanh là gì? Nếu bạn hiểu đúng nhân loại chúng sanh, sau đó bạn đạt đến mục tiêu cuối: quán chiếu vô ngã.

Mọi người đều nói Ta, Tôi. "Nhưng cái Ta, Tôi này ở đâu?” Lớn cỡ nào? Hình dạng ra sao? Màu sắc gì? Bạn cất giữ nó nơi đâu? Nếu bạn hoàn toàn thể hội được tâm mình, và nhận thức rằng, trong thực tế, không có “Tôi" tức là không có gì. Đó là mục tiêu của Phật giáo Tiểu thừa. Mục tiêu đó là Niết bàn, bước vào trạng thái tịch diệt, rỗng không và chân hạnh phúc. Khi bạn nhận ra rằng, khởi nguyên tâm của bạn hoàn toàn rỗng lặng, bạn có được hạnh phúc. Vào thời điểm đó, không đến, không đi, không sanh, không tử, không có niềm vui hay nỗi buồn. Đó là vô ngã, vượt xa tất cả mọi thứ. Khi bạn đạt đến đó sẽ thấu đạt Tiểu thừa Phật giáo.

Loại giảng dạy này rất thú vị. Chúng ta hãy mở rộng tầm nhìn thấu đáo hơn vào ba pháp quán của Phật giáo Tiểu thừa.

Quán Vô Thường (Insight Into Impermanence)

Tám Khổ:

1) Sanh (Birth)
2) Già (Old age)
3) Bệnh (Sickness)
4) Chết (Death)
5) Thương yêu xa lìa (Being separated from those you love)
6) Thù ghét gặp gỡ (Being in the presence of those you dislike)
7) Cầu muốn không được (Not getting what you desire)
8) Năm hợp thể mất cân đối (The imbalance of the five skandhas)
Bài pháp thoại đầu tiên của Đức Phật sau khi Giác ngộ nói về Tứ Đế, trong đó Ngài dạy cuộc đời là bể khổ, các pháp vốn vô thường, và không bao giờ ở mãi trong cùng một hình thể. Do vậy, tất cả mọi thứ luôn luôn đổi thay, thay đổi không ngừng. Bởi vì tất cả các pháp là vô thường, con người liên tục trải nghiệm Tám thứ Khổ:

Trước hết, sanh, già, bệnh, chết là nền tảng mọi nỗi khổ niềm đau về thân.

1) Sanh Sanh có nghĩa là bắt đầu có mặt trong cuộc đời qua giai đoạn sống từng ngày. Tất cả chúng sanh đều có trải nghiệm này và nó là sự khởi điểm của tất cả các nỗi khổ khác. Khi con người mới sanh ra liền cất lên tiếng khóc “Oa! oa!” Hãy quán sát điều này

cho giai đoạn đầu tiên là chúng ta bước vào thế giới khóc! Đó là một thời điểm quan trọng. Ở Hàn Quốc, chúng tôi gọi âm thanh tiếng khóc của bé sơ sinh như “Kuahhhh". Ku có nghĩa là Cứu độ và ah có nghĩa là Tôi. Vì vậy, tiếng khóc đầu đời của tất cả mọi đứa bé mới sanh trong thế giới này là “Xin cứu tôi !” “Aaaa!” “Hãy cứu tôi!”– Ha ha ha! –“Ô, xin giúp tôi !” "–Ku ahhhh!"– Ha ha ha! (Những tiếng cười từ giảng đường).

Theo kinh nghiệm riêng của chúng tôi cho thấy rằng lúc sanh ra là đã bắt đầu tiếp xúc với một số loại đau khổ. Và điều này không chỉ là tư tưởng của Phật giáo. Có em bé nào mới chào đời lại mỉm cười hay ca hát: “Ô, ha, ha, ha! La lá la! Nơi đây thật là đẹp!” Không bao giờ! Những đứa trẻ đều cất tiếng khóc đầu đời, trong trạng thái tiếp xúc một số loại đau đớn, lạnh rát và ẩm ướt. Bác sĩ tát em bé và cắt dây nhao nối kết với mẹ, máu chảy đầm đìa. Chúng tôi cũng đã gây ra rất nhiều nỗi đau đớn cho mẹ của chúng tôi khi được sanh ra. Tất cả những điều này không phải là tuyệt vời. Nhưng đó là đường nhân loại.

Đây chỉ là sự khởi đầu, có nhiều mối quan tâm và lo lắng nối kết trong việc nuôi dạy con cái. Tạo ra một đời sống trong thế giới này với môi trường có tính cạnh tranh cao của nó, là một nguồn xung lực liên tục khiến cho tất cả các bậc cha mẹ chịu nhiều trở trăn đau khổ. Tuy nhiên, hầu hết mọi người tin rằng con cái là một phần cuộc sống mở rộng của họ. Chúng được khôn lớn trong sự nâng đỡ dắt dìu của cha mẹ với ước mong con cái được thành đạt, do đó họ không thấy nỗi đau khổ nhọc nhằn này cho lắm. Đây là thiên chức tự nhiên và rất tuyệt vời.

Nhưng trong tâm trí sâu thẳm của họ, hầu hết mọi người chỉ tham gia trong việc đưa trẻ em vào đời và nâng cao cuộc sống của chúng, vì vậy mà các ‘gzen’ của họ sẽ tiếp tục truyền lưu mãi mãi. Họ nghĩ: “Tôi dành hết tình thương và mọi thứ cho chúng càng nhiều chừng nào, thì khi tôi già, các con tôi sẽ tưởng nhớ bảo hộ, hoặc chúng sẽ chăm sóc tôi chừng nấy." Nguồn cung cấp liên tục về thực phẩm, quần áo, nhà ở, tiền bạc, đầu tư lớn cho sự học hành, và các chi phí bảo hiểm y tế thật khá tốn kém. Các bậc cha mẹ đã phải gánh chịu quá nhiều nỗi khó nhọc, vật lộn với đời mà không bao giờ nghĩ đó là khó nhọc, dù họ phải trải qua những chuỗi ngày cực khổ mưu sinh.

Các bậc cha mẹ Hàn Quốc cũng như Nhật Bản nói riêng, phải chịu đựng những khó khăn bất thường để nuôi dạy con cái của họ và chọn cho chúng vào các trường học tốt. Bởi vì sự mong đợi vô bờ, gắn liền với con cái của họ, các bậc cha mẹ sẵn sàng hy sinh rất nhiều đau khổ. Họ chấp nhận đau khổ này trong cuộc đời họ. Vì vậy, khi chúng ta nhìn lại cuộc sống của riêng mình có một số niềm vui, nhưng sống chủ yếu là sự trải nghiệm của các loại đau khổ khác nhau. Chúng ta phải phấn đấu để có phẩm vật đủ ăn, duy trì một nơi để ngủ, có được quần áo để mặc, và cung cấp chăm sóc y tế cho cơ thể này. Nói như vậy thì rất dễ, nhưng thực sự điều đó có dễ dàng không? Nhiều người Châu Á đến định cư tại Hoa Kỳ làm việc rất chăm chỉ. Họ làm thật nhiều giờ để hoàn trả vốn vay rất lớn (cho nhà cửa, xe cộ, và bảo hiểm), cố gắng tích lũy nhiều vật chất để họ có thể chứng minh với mọi người rằng, công việc nhọc nhằn và nhân phẩm của họ đã phải trả giá khá đắt. Tuy nhiên, trong nhiều năm qua, họ dành dụm tiết kiệm, không ăn nhiều, không ngủ nhiều, không

mua sắm nhiều, họ làm việc rất cực nhọc để có được thu nhập. Sức khỏe của họ bắt đầu xấu đi. Khi họ nằm trong bệnh viện, họ nghĩ rằng, “Chung cuộc rồi là gì? Tất cả nó là gì?" Tôi đã gặp nhiều người như thế. Có một người bạn là doanh nhân giàu có, rất thành công và nổi tiếng ở Hàn Quốc. Ông đã đạt được tất cả mọi thứ, giao tiếp với nhiều nhà lãnh đạo chính trị và kinh doanh nổi tiếng. Con cái của ông đã theo học và tốt nghiệp tại các trường đại học lừng danh nhất ở Mỹ. Tất cả đều thành tựu, có gia đình và cuộc sống thoải mái, họ đã có các cháu khỏe mạnh. Ông cũng đã từng đi du lịch,làm ăn lớn và có nhiều kinh nghiệm quý báu. Một hôm, khi chúng tôi đang ngồi uống trà, tôi nói với ông ta: –Này bạn Lee, bạn đã tạo ra sự nghiệp như vậy. Bạn đã có kinh nghiệm đi đó đi đây. Các con của bạn thành tài và hạnh phúc. Bây giờ bạn đã già yếu, bệnh tật liên miên, đi đứng khó khăn, cuộc sống cô đơn, cái gì để bạn đạt đến, thông qua tất cả những điều này? Không chút do dự, ông ta đáp: –Không có gì ! Kể cũng lạ, nhưng đây là cơn đau thông thường của sự sống, và cũng là nỗi buồn của cuộc đời. Tuy nhiên, nhiều người đấu tranh, sát phạt và gây ra đau khổ cho mọi thứ, bạn không thể giữ được bất cứ điều gì. Nó thực sự rất phổ biến và được coi là chuyện bình thường. Đây là những hoa trái đầu tiên của sự ra đời và cũng là lý do tại sao Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy rằng bản chất cuộc đời: Sanh là khổ.

2) Già Sau đó mọi người lần lượt già đi, dần dần bị lão hóa và suy nhược. Tại sao vậy? Khi bạn già, bạn không còn sức mạnh, mọi người bắt đầu coi thường bạn. Chúng ta đôi khi nhìn thấy những người già làm việc cùng với giới trẻ, họ thường chậm chạp, khiến có một vài lầm lẫn làm cho lũ trẻ cười nhạo. Giới trẻ thường đối xử với người già thiếu kính trọng, không nhã nhặn, coi như tầm cỡ ngang nhau. Do đó người già thấy vậy liền tức giận: “Bây nghĩ rằng ông không thể làm điều này, chỉ vì ông già rồi ư? " Đó là nỗi buồn của tuổi già.

Khi bạn già, hãy cố gắng làm những gì bạn có thể làm được, bạn không thể làm mọi thứ như hồi còn trẻ. Nó rất dễ bực bội, chán nản, bạn không đủ sức lực. Bởi vì khi bạn già đi, đôi mắt mờ chảy xệ. Mũi hở mỏng dánh. Lưỡi cũng sậm màu, không linh hoạt. Đôi tai lãng điếc. Có rất nhiều nếp nhăn trên trán và đôi khi phải chống gậy. Tuổi già thực sự suy yếu, vì vậy, ngay cả trẻ con cũng thích chọc ghẹo ở giai đoạn già này.

Bạn nghĩ rằng tuổi trẻ của bạn sẽ kéo dài mãi mãi ư? Nhưng ngay sau đó, bạn nhận ra mái tóc của bạn pha sương rồi bạc trắng. Khi răng của bạn lần lượt lung lay rụng, thậm chí nhai nuốt trở nên khó khăn kỳ lạ, và khi bạn cười còn có vẻlàm khôi hài cho những

người khác. Vì vậy, bạn sẽ buồn và ôm niềm thất vọng. Đây là lý do tại sao bạn thấy đời mình mất vui khi tuổi đã già.

Một số người nghĩ rằng họ có thể ngăn chặn quá trình lão hóa, nhưng không thể được. Khoảng ba mươi năm trước đây, khi tôi giảng dạy tại Tokyo Nhựt Bản, một trong những môn sinh của tôi là bà Kim, dẫn cô con gái của mình đến thăm tôi. Con gái bà sắp bước qua tuổi bốn mươi, cô cứ mãi phàn nàn về chuyện nhan sắc tàn phai. Cô ấy nói: “Ô! Khuôn mặt của tôi sao già quá! Buồn chán thật!" Cô đến chùa, nhưng không tụng kinh. Mọi người ai nấy vào thời khóa, đồng thanh niệm danh hiệu “Quan Thế Âm

Bồ tát, Quan Thế Âm Bồ tát, Quan Thế Âm Bồ tát", ngay cả những người già lớn tuổi hơn cô thật nhiều. Thế nhưng đối với cô chả tụng niệm gì. Cô chỉ cúi đầu, ngồi trong góc chánh điện, rồi nhìn vào gương soi và nói một mình: “Khuôn mặt mình xấu quá hà!" Cô ấy đã gần bốn mươi tuổi, do đó, một vài nếp nhăn bắt đầu xuất hiện. “Ôi ! Tôi không thích khuôn mặt này. Tôi muốn có một khuôn mặt đẹp hơn"(Cười).

Sau đó, khoảng một tháng, cô không đến chùa. Không ai màng nghĩ tới chuyện gì đã xảy ra với cô. Sáu tháng sau, bà Kim đến thăm tôi một lần nữa, và dẫn theo một cô con gái trẻ hơn. Tôi hỏi: “Ai vậy? " Bà Kim đáp: “Ô! Thưa thầy, đó là con gái của con." –Con gái của bà ư? Tôi chưa từng gặp cô này. – Dạ thưa, thầy đã gặp qua rồi. Đây là đứa con gái duy nhất của con. Thầy đã gặp nó cách mấy tháng trước. Nhưng tôi không thể nhận ra cô ấy, vì cô ấy trông trẻ hẳn như là cô gái 25 hoặc 28 tuổi. Vì vậy, tôi hỏi: – Cô là ai? – Dạ, con là con gái của bà Kim. Cô đáp. – Ô, sao mà cô trẻ quá vậy? – Dạ con đã đi giải phẫu thẩm mỹ. – Giải phẫu thẩm mỹ à? Vào thời điểm đó, tôi không biết gì về các loại giải phẫu thẩm mỹ tân tiến đặc biệt này. Rồi cô kể: “Dạ, nó được gọi là khoa phẫu thuật tạo hình, nghĩa là bác sĩ cắt bỏ những lớp không cần thiết trên khuôn mặt và khâu nó lại, sau đó, kéo da căng ra, dồn vào những chỗ ẩn kín phía sau, độn mũi cao lên, họ làm đủ thứ. Vì vậy, rất đau đớn và chi phí thật nhiều tiền”. Cô ta đã giải phẫu thẩm mỹ, làm cho tất cả các nếp nhăn và những chỗ chảy xệ trên khuôn mặt biến mất. (Ha ha ha!)

Nhưng ngay cả khi khuôn mặt của bạn hoàn toàn thay đổi, bạn không thể kéo giảm độ tuổi của bạn, dĩ nhiên bạn vẫn phải già. Trong khi người phụ nữ này hy vọng cảm nhận niềm vui hạnh phúc trong chừng vài năm, cuối cùng các nếp nhăn cũng sẽ xuất hiện một lần nữa. Và có lẽ cô ấy sẽ thấy sợ hãi, thậm chí thất vọng nhiều hơn khi “trở lại” của tuổi già! Tuổi già là một yếu tố khác của khổ. Khi chúng ta già đi, cơ thể của chúng ta bị đau nhức đủ thứ. Nhưng tâm của chúng ta bắt buộc phải chịu đựng, vì không ai muốn già, và không ai muốn chết. Mọi người đều rất lo sợ điều này, do đó, họ càng cảm thấy thêm nhiều đau khổ khi nói tới cái chết. Tuổi già chỉ là một dấu hiệu sắp chết, khiến bạn bắt đầu lo sợ việc sẽ xảy ra cho bạn, rồi bạn cũng phải chết, giống như tất cả bao người khác.

Khi chúng ta nghe một người nào đó sống đến trăm tuổi, chúng ta ganh tị với họ. Một trong những đệ tử của tôi có lần cho tôi xem đoạn phim tài liệu về một ông cụ đã sống đến 120 tuổi. Mọi người đều nói, “Ồ! Cụ ấy thật là may mắn! Cụ ấy đang chiến thắng với thần chết!" Nhưng khi cụ già này xuất hiện trên truyền hình, cụ tỏ vẻ rất buồn. Cụ giống như một con khỉ già. Mắt cụ không ngừng chảy nước và mũi của cụ thở hổn hển không kiểm soát được hơi thở lâu dài. Hàm dưới của cụ khua lập cập và nhô ra gần như lên đến chóp mũi. Các trẻ em không thể khiến chúng cười được khi nhìn thấy cảnh tượng này. Trong khi đó, ai đã từng trải nghiệm những gì vui buồn trong cuộc sống, họ cảm thấy mềm lòng trong nỗi lo sợ, khi nhìn thấy hiện tượng tuổi già xảy ra như vậy. Mọi người đều biết rằng, điều kiện thể chất của chúng ta khó cải thiện sau một thời điểm biến dịch, và càng bị thoái hóa hơn nữa và hơn nữa. Vì vậy, đây là lý do tại sao Đức Phật đã từ bỏ cung điện nguy nga tráng lệ, cắt đứt tình huống tốt đẹp của mình, và trở thành một tu sĩ giác ngộ hoàn toàn, lý do tại sao điều này đã xảy ra cho tất cả chúng

sanh. Ngài huấn thị: Già là khổ.

3) Bệnh Bất kể tuổi tác, mọi người chúng ta ai cũng đều mắc phải bệnh tật, và không một ai thích điều đó. Chúng tôi có thể khẳng định tức khắc: “Được! Tôi có thể chấp nhận sự thật như thế." Nhưng tại sao lại có cơn đau thể xác rất nhiều trong mỗi bộ phận của cơ thể, đặc biệt là khi chúng ta về già? Lưng đau, gối mỏi, tay chân nhức nhối, và bạn không thể thực sự nín tiểu được khi mắc tiểu. Bạn dễ bị táo bón, khó tiêu là chuyện thường xuyên. Hơi thở của bạn ngắn, chỉ làm những chuyệt lặt vặt đơn giản nhất. Đi ra ngoài hoặc tản bộ là cả một vấn đề, nhưng nhiều người già thậm chí bị đau nằm liệt giường! Tất nhiên, không chỉ người già bị bệnh, đôi khi những trẻ sơ sinh cũng bị sốt tê liệt, bị dị tật bẩm sinh, mắc bệnh di truyền. Có những thiếu niên nghiện ngập ma túy hoặc mắc bệnh nan y. Ngay cả những thanh niên trẻ tuổi, mạnh khỏe cũng đã phải nhập viện và chịu mổ xẻ trầm trọng, mất nhiều năm mới trả hết nợ. Đôi khi người ta nhận được một số loại virus truyền nhiễm.

Chúng tôi thường gặp những loại bệnh về mắt, tai, mũi, và phổi. Có quá nhiều bệnh tật trong cuộc sống của chúng ta. Khi chúng ta đến một bệnh viện. Tại đó, bạn có thể thấy nhiều người ra vào có vẻ như ai nấy đều là bệnh nhân, thậm chí cả những người đến thăm. Bởi vì cảm giác buồn lo bệnh tật của mình. Hầu như khuôn mặt của mọi người với cái nhìn bị ám ảnh cho rằng, “Tại sao điều này lại xảy ra với tôi? "Hoặc chỉ cần đi bộ xuống các con đường ở một thành phố lớn như Nữu Ước chẳng hạn, khắp mọi nơi bạn nhìn thấy có rất nhiều hình ảnh khổ đau về thể xác. Và cuối cùng, một số bệnh nhân lang thang thường dẫn đến cái chết ngoài đường. Ngày nay có rất nhiều bệnh mới lạ xuất hiện trên thế giới mà không thể chữa khỏi. Chẳng hạn như ung thư, HIV, AID, chưa có thuốc đặc trị, tuy cũng có những loại thuốc và rất nhiều kỹ thuật để hỗ trợ sự sống tạm bợ này. Nhưng vấn đề làm thế nào bạn mở rộng đôi mắt, để bạn có thể nhìn thấy một người nào đó không thể kéo dài cuộc sống của họ ngoài một điểm chắc chắn nhất định. Đây là những gì mà Đức Phật từng khai thị: Bệnh là khổ.

4) Chết Đức Phật đã lìa bỏ địa vị cao sang của mình để thực hành khổ hạnh, tìm hiểu được nguồn gốc của hết thảy khổ đau. Tuy nhiên, kết quả những nỗ lực tu hành của Đức Phật có làm cho Ngài sống mãi chăng? Thưa không, cơ thể của Ngài cũng bị hủy diệt. Nhưng Ngài thấu hiểu quá trình lão hóa của cơ thể này và dẫn đến cái chết. Ngài đã Giác ngộ, nghĩa là Ngài nhận thức rằng thân tứ đại chi phối bởi thời gian có sanh tử, nhưng bản thể vốn vô sanh bất diệt. Ngài đã thấu đạt Chân lý này. Mọi hiện tượng sự vật chỉ là ảo ảnh, được tạo ra do mộng tưởng điên đảo của chúng ta. Bản thể tự tánh của chúng ta vốn chẳng sinh, chẳng diệt.

Cuộc đời của Đức Phật sở dĩ thật tuyệt vời, là chỗ Ngài thấu đạt điểm này, ngay giữa của cuộc sống tạm bợ vô thường. Sanh, lão, bệnh, tử... những ai đau khổ về thể chất khó có thể vượt qua. Ngay cả những người đàn ông mạnh mẽ nhất trên thế giới cũng không thể làm được điều đó, chỉ vì cơ thể này vô thường, biến diệt. Nhưng Đức Phật thấu đạt rất rõ ràng, chỉ cho chúng ta có thể sử dụng tình trạng vật chất vô thường này để quán chiếu vào bản thể tự tánh của chúng ta, trong đó không có sanh, già, bệnh, chết. Nếu bạn hiểu đúng bản chất cơ thể của bạn, và nhận ra nó thực sự là vô thường

như thế nào, sau đó tuổi già kéo đến cũng được, và thậm chí chết cũng không trở ngại.

Thân này giống như một chiếc xe cho thuê. Một ngày nào đó, bạn sẽ phải thay đổi chiếc xe khác. Xe của tôi đã được sản xuất tại Hàn Quốc và cho thuê từ bấy lâu nay, trong khi một số người khác có xe cho thuê tại Mỹ hay Trung Quốc hoặc ở Pháp… các nước khắp nơi trên thế giới. Có lẽ chiếc xe Hàn Quốc của tôi bây giờ vẫn còn cho thuê không được tốt

lắm, và một ngày nào đó tôi sẽ phải thay đổi nó. Có thể tương lai tôi là một chiếc xe tại Đức để cho thuê chẳng hạn. Ha ha ha! (Tiếng cười từ giảng đường)

Vì vậy, việc thay đổi xe cho thuê này không phải là vấn đề. Cho thuê xe không quan trọng. Điều quan trọng nhất, Ai là người tài xế chiếc xe của bạn cho thuê? Bạn có hiểu được người tài xế của bạn chính là thể tánh uyên nguyên của bạn chăng? Hầu hết mọi người chỉ dính mắc với chiếc xe của họ tạo ra, và chẳng bao giờ bận tâm để tìm hiểu người lái xe này. Lão hóa, bệnh tật, và sự chết là vấn đề lớn đối với tất cả mọi người, bởi vì không ai cố gắng nỗ lực để truy nguyên và nhận diện người tài xế này. Mọi người đều chỉ sợ mất chiếc xe của họ thôi. Nhưng nếu bạn thấu đạt "người tài xế" của bạn, sau đó ngay cả khi thời gian biến dịch trong cơ thể của bạn, bạn không bị ảnh hưởng khổ đau. Bạn hiểu rằng chiếc xe cho thuê này kết hợp tạm thời của bốn yếu tố (tứ đại): đất, nước, gió, lửa, chi phối bởi sinh, già, bệnh, chết. Nhưng người tài xế của bạn không bao giờ sinh, già, bệnh, chết. Đó là điểm rất quan trọng. Vì vậy, bạn phải tìm hiểu người tài xế của bạn. Đây là phương thuốc tốt nhất, nó chỉ là tánh dược. Do đó Phật dạy: Chết là khổ.

Sau đây là bốn trạng thái khổ đau về Tâm:

5) Thương yêu xa lìa –khổ Bốn loại đau khổ mà chúng tôi vừa nêu trên, chính là kinh nghiệm đau khổ nơi thân, chúng làm chủ dính mắc các giác quan của chúng ta. Ngoài ra còn có bốn loại đau khổ về tâm. Trên thực tế, những nỗi đau cơ thể vật lý tuy lớn mà nhẹ, không đáng kể, so với nỗi khổ niềm đau tinh thần do chúng ta vọng khởi gây ra. Ở cấp độ vi tế nhất, tất cả mọi suy nghĩ là dục vọng, dục vọng là đau khổ. Tâm suy nghĩ của chúng ta tạo thành một sự đau khổ khủng khiếp cho chính chúng ta và những người khác.

Trước đây tôi có quen một cậu sinh viên ở Nữu Ước là người Hàn Quốc và đã có một người yêu tại quê hương mình. Một hôm, cậu quyết định từ giã cô ta trong một vài năm để đi đến Hoa Kỳ tiếp tục nghiên cứu học tập. Khi họ chia tay trong ngôi làng nhỏ, và tuyên bố sẽ kết hôn với cô ta sau khi hoàn tất con đường học vấn. Họ đã có nhiều giọt lệ đầm đìa tiễn đưa trong niềm lưu luyến. Cậu ta nói: "Anh sẽ cố gắng học tập thật chăm chỉ để có được học vị tốt và trở thành giáo sư, chúng ta có thể mua một căn nhà. Chẳng bao lâu anh sẽ trở về cưới em."Vì vậy, cả hai người đều tin tưởng nhau và ngập tràn niềm hy vọng. Họ yêu nhau tha thiết và viết thư cho nhau hằng tuần. Trái tim của họ đập nhanh hơn bất cứ lúc nào khi họ mở hộp thư ra và nhận được thư của nhau.

Những năm dài chầm chậm trôi qua, cả hai người đều hy vọng kế hoạch dự tính của mình. Cậu thanh niên này mỗi ngày đi học đều đặn và đi làm rất chăm chỉ để chuẩn bị

cho cuộc sống mới của họ. Cậu đã tốt nghiệp bằng cử nhân, rồi thạc sĩ và tiến sĩ. Cậu làm việc với chức năng như một giáo sư. Ngoài ra, cậu làm thêm công việc lặt vặt để dành tiền cho việc mua trả góp một căn nhà nhỏ. Nhưng rồi sau đó, cậu đã gặp một người phụ nữ giàu có, cũng là giáo sư dạy chung trường đại học với cậu. Họ yêu nhau cuồng nhiệt. Mối quan hệ mới rất sâu đậm, họ không thể xa nhau dù là một ngày. Khoảng vài năm như vậy, cậu vẫn tiếp tục viết thư gởi đến vị hôn thê của mình ở Hàn Quốc, cho dù cậu đang sống với người yêu mới tại Hoa Kỳ. Trong khi đó, vị hôn thê của cậu vẫn miệt mài làm việc và âm thầm chờ đợi cậu. Cậu từng cho cô ấy biết mọi thứ đã được chuẩn bị sẵn sàng đón cô sang Mỹ.

Vào ngày nọ, có một người bạn cho cô biết rằng chính phủ Hàn Quốc vừa công bố một chương trình hợp tác lao động mới rất chính xác, sẵn sàng tiếp nhận mọi người đến xin cấp giấy phép di trú làm việc tại nước ngoài một cách dễ dàng. Người bạn cô ta bảo: –Tại sao chị cứ ngồi chờ đợi ? Hãy đi ngay đi chứ! Cô ta trả lời: – Bạn nói đúng lắm, tôi sẽ làm tất cả các thủ tục giấy tờ mà không viết thư cho anh ấy biết. Và một ngày nào đó tôi sẽ làm cho anh ấy ngạc nhiên khi tôi đến được nước Mỹ. Tôi sẽ nhảy vọt tới trước mặt ôm anh ta và gây cho anh ta cảm giác xúc độngmãnh liệt. Ồ ! anh ấy sẽ rất sung sướng! Vì vậy, ngay lập tức, cô bắt đầu thực hiện theo kế hoạch của mình. May mắn thay, tất cả mọi thứ đều suông sẻ, cô đã được chọn trong nhóm nhập cư đầu tiên. Trái tim cô đập rộn rã phấn khích, khi cô tưởng lại hình ảnh ấy trong đầu với niềm vui khó tả. Cô muốn mùa Xuân về trong sự yêu dấu của người thương. “Ồ! Các bạn, anh ấy sẽ ngạc nhiên lắm khi gặp lại mình”. Cô muốn kể với bạn bè cô như thế. Cô đi mua sắm quần áo mới với chút ít tiền cô đã dành sẵn. Cô cắt tóc ngắn và mua giày đẹp để trang điểm cho cuộc họp mặt đầu tiên của họ. Niềm hy vọng của cô thêm tăng trưởng và phát triển từng ngày trôi qua.

Rồi một hôm, khi cô đến nhà của người yêu của cô ở Hoa Kỳ vào lúc 06 giờ sáng. Với sự giúp đỡ của người tài xế taxi, cô nhận ra địa chỉ căn hộ. Dĩ nhiên cửa đã khóa chặt, và cô ấy quá nôn nóng không thể chờ đợi cho đến khi cậu ta đi ra ngoài làm việc. Vì vậy, cô gọi tên người yêu: “Anh! Anh!...Mở cửa! Mở cửa!" Bên trong vẫn im lặng, cuối cùng cậu ta nghe tiếng động liền thức giấc và bước ra mở cửa cho cô vào. Nhưng có điều gì bất ổn ở đây, cô nhận ra rằng, thay vì biểu lộ niềm vui khôn xiết, khuôn mặt người chồng chưa cưới của cô lại có một cái nhìn đột nhiên hoảng sợ. Cậu đứng ngăn cản không để cho cô đi vào

phòng ngủ. – “Có chuyện gì đang xảy ra?" Cô hỏi, và đẩy cánh cửa bước vào phòng ngủ. Trên giường của cậu ta, dưới tấm chăn đắp, đã có một người phụ nữ trần truồng nằm đó. Dễ hiểu, cô lên cơn thịnh nộ quá gắt, liền chạy vào nhà bếp và lấy ra một con dao phay, cô đã bị khích động do nổi ghen hờn căm tức, bèn tóm lấy cậu ta làm cậu vô cùng sợ hãi. Lúc đó cô muốn chặt cậu làm hai mảnh. Cậu ta và người tình mới của mình liền quỳ xuống trước mặt cô, họ không kềm chế niềm thổn thức, nức nở van xin tha thứ.

Nhưng nỗi buồn của cô không khoan nhượng. Cô giữ họ tại hiện trường khá lâu, trong tư thế trần truồng và thật đáng xấu hổ. Ngay lúc đó, sự lớn tiếng la hét của cô, một người hàng xóm nghe được liền thông báo cho cảnh sát và cô bị bắt giữ. Nhưng người

đàn ông này cùng người yêu mới của mình không chỉ trước đó đã bị xấu hổ và nhục nhã như vậy, mà nó sẽ còn in đậm dấu ấn sâu sắc trong cuộc đời họ mãi mãi.

Chúng tôi gọi đây là “nỗi khổ thương yêu bị xa lìa.” Một sự ham muốn thuộc về tinh thần gây ra bởi dục vọng đam mê và luyến tiếc. Loại khổ đau này rất phổ biến. Mỗi người đã có những trải nghiệm như thế ít ra một vài lần. Còn đại đa số, loại đau khổ này quá nhiều trong một phần đời họ, nó được xem như lẽ sống bình thường. Nó không chỉ biểu hiện cho các đối tượng đam mê lạc thú mà cũng xảy ra với hầu hết mọi người.

Tôi cũng có bà đệ tử sở hữu vài món đồ trang sức rất đắt tiền, bao gồm một viên kim cương lớn 12 ca-ra. Vào hôm nọ, bà ấy đã phải nhập viện cho một cuộc giải phẫu quan trọng. Vì vậy, bà bỏ viên kim cương trong một chiếc hộp để trong phòng ngủ của bà trước khi rời khỏi nhà. Tuy nhiên, suốt thời gian nằm viện, bà chỉ nghĩ về viên kim cương của mình: “Không biết viên kim cương của tôi như thế nào nữa. Nó có an toàn chăng? Có ai rình đánh cắp nó không?" Mặc dù cơ thể của bà bị đau nặng, bà chỉ nghĩ đến sự an toàn của viên kim cương quý giá của mình mà thôi. Đó là một loại hình đau khổ về tinh thần, cộng thêm với nỗi đau đớn của cơ thể. Khi bà xuất viện trở về, bà phát hiện ra rằng ngôi nhà của mình đã bị kẻ gian đột nhập và viên kim cương thực sự biến mất.“Ai đã lấy kim cương của tôi ?" Bà ấy thốt lên với tâm trạng buồn thảm, đến nỗi bà bắt đầu biểu hiện một chút điên dại . “– Viên kim cương của tôi đâu rồi? Tôi muốn tìm viên kim cương.K.i.m c.ư.ơ.n.g của tôi đâu?"(Tiếng cười từ giảng đường) Bà đã bỏ ăn trong vài ngày và cảm thấy rất đau khổ, bà bắt đầu uống thật nhiều rượu, mặc dù cơ thể của bà vẫn còn bị bệnh. Hành động như vậy là không đúng, kim cương không quan trọng, đặc biệt là khi so sánh với giá trị vô lượng kiếp được tái sinh làm người thật quý báu này. Kim cương và các tài sản đáng giá khác dẫu có mất đi, thì đâu phải lý do để bà ấy phát điên? Nhưng hầu hết mọi người đều như vậy, bởi vì suy nghĩ, ham muốn, chấp giữ dù là các đối tượng vô thường. Hầu hết mọi người tự làm đau khổ trong cuộc sống chính họ và trong cuộc sống mọi chúng sanh.

Họ muốn giết hại người khác, hoặc thu lợi cho bản thân, hoặc bảo vệ những điều mà cuối cùng cũng tan biến hủy diệt . Nó không chỉ có trong trường hợp cực đoan như thế. Chúng tôi đều biết tất cả các thói quen đau khổ hằng ngày mà con người lãnh thọ, khi họ rơi vào ái dục với một kẻ khác, nhưng không thể ôm giữ với chỉ một người. Đàn ông và đàn bà gặp gỡ và đam mê trong tình yêu. Họ có một cảm giác rất mạnh mẽ cho nhau, một cảm giác lãng mạn tuyệt vời: “Ồ! Anh yêu em, em yêu anh! Chúng ta đã dành cho nhau tất cả." Nhưng có thể một ngày nào đó người phụ nữ nói: “Tôi không còn yêu anh nữa, anh ơi !" Sau đó, cô chia tay với người chồng của cô, vì vậy anh ta sẽ cảm nhận sự đau khổ khủng khiếp.

–Ôi ! Em. Anh muốn em quay về với anh. Đời vắng em rồi còn vui với ai !? Sau đó, anh ta mất ngủ, biếng ăn, nhịn đói, cảm thấy nó không còn hương vị cuộc sống và chỉ làm cho đau lòng xót dạ mà thôi. Rồi anh ta lâm cơn bệnh nặng.

Một số người trong loại tình huống này chịu ảnh hưởng tâm lý rất nhiều, thậm chí họ có thể quyên sinh, tự sát, bởi vì bị chướng ngại từ sự trải nghiệm qua cảm giác yêu đương tạm bợ với nhau. Dục vọng đích thực là đau khổ, nhưng hầu hết mọi người thích dục vọng luôn có mặt trong cuộc sống của họ. Có một câu chuyện nổi tiếng ở Hàn Quốc cách đây vài năm. Một cậu thanh niên trẻ cùng một cô gái gặp gỡ và yêu nhau say đắm. Nhưng cha mẹ của họ nói rằng họ đã có huyết thống trong dòng bà con. Họ đã phân tích một số mối dây quan hệ này từ khoảng 500 năm trước đây. Trong bất kỳ quốc gia nào khác, điều này coi như chuyện bình thường chả sao cả, nhưng ở Hàn Quốc quy tắc truyền thống về việc này rất coi trọng. Vì vậy, cha mẹ cấm kết hôn. Người thanh niên và cô gái trẻ đó rất buồn khổ, nếu họ không thể ở bên nhau, họ sẽ không có mặt trên cõi đời này. Và một ngày nọ chuyện đáng tiếc xảy ra, họ đã quyết định cùng nhau tự tử.

Tuy nhiên, đối với luật vô thường thì tất cả mọi hiện tượng sự vật cuối cùng cũng tan biến, vì không gì có thể ở trong trạng thái cố định mãi mãi. Cho nên mọi hình tướng đều là hư dối và tất cả mọi thứ sớm muộn đều bị hủy diệt. Nếu bạn không hoàn toàn hiểu được điểm này, thì khi bạn yêu mến một cái gì đó quá cuồng nhiệt rồi cuối cùng nó cũng phải ra đi. Khi bạn không thể giữ nó, bạn gặp rất nhiều đau khổ. Và nếu bạn không thể có được những gì bạn mong muốn, bạn cũng bị đau khổ. Đây là Đường Nhân Loại.

6) Thù ghét gặp gỡ – khổ Nếu bạn nhìn vào thế giới này, bạn có thể nói rằng có nhiều người thù ghét nhau hơn là thương yêu nhau. Ở Hàn Quốc có một câu nói: “Các bạn sẽ luôn luôn gặp kẻ thù lớn

nhất đang đi bộ về phía đối diện các bạn trên một cây cầu treo nhỏ hẹp". Hãy tưởng tượng cây cầu dây treo trên một vực thẳm. Các bạn bước xuống dốc cầu, và ra khỏi màn sương, đến từ hướng ngược lại là một kẻ thù lớn nhất của bạn hiện ra cản lối. Không một ai có thể tránh né, dù các bạn cố leo qua chỗ khác, vì cây cầu quá chật hẹp và không thể quay trở lại, nhưng bạn cần phải tiếp tục trên con đường của mình. Đây là nỗi đau khổ của nhân loại khó tránh khỏi, do con người bị dính mắc đến tâm thương và ghét của họ. Cuối cùng, họ tìm thấy chính mình trong sự hiện diện của những người mà họ ghét, vì vậy họ chắc chắn nhận lãnh một loại đau khổ. Đó là một kinh nghiệm khá phổ biến hầu hết tất cả mọi người sống trong thế giới này.

Mọi người đều có thương và ghét, thích và không thích. Nếu bạn ôm giữ ý tưởng của bạn về người khác, sau đó bạn sẽ nhận lãnh sự đau khổ, nhân quả luôn luôn rất rõ ràng. Ở Mỹ, giải quyết tình huống này là rất đơn giản. Ai đó có thể nghĩ rằng, ”tao thù ghét mày" tức thì họ sẵn sàng thanh toán nhau. –Ha ha ha! Ở Hàn Quốc, hầu hết người ta không làm như thế. Tuy bên trong lòng họ có thể nghĩ rằng: “Thấy ngươi phát ghét", nhưng bên ngoài, họ phải giữ vẻ vui tươi trên nét mặt. Vì vậy, từ điểm đó, họ chỉ nghĩ xấu về người đó. Họ ôm chấp ý tưởng này rất sâu đậm. Đôi khi họ mách lẽo chuyện người này cho người khác nghe: “Nó như thế, như thế !” Bất cứ lúc nào có dịp, họ cãi nhau và đấu tranh không ngừng nghỉ. Tất cả điều này là đau khổ, và đau khổ xuất hiện vì một vài ý kiến nhỏ nhặt mà mọi người ôm giữ giống như một kho tàng quý giá. Đây là toàn thể khối lượng lớn đau khổ xuất hiện do bởi sự vướng mắc của tâm thương và

ghét. Nhưng người Mỹ rất đơn giản: “Tao thù ghét mày” Sau đó ... giết! Đó là một loại Thù ghét mà gặp gỡ là khổ rất rõ ràng.

7) Cầu muốn không được – khổ Hầu hết những người đến chùa hay nhà thờ để cầu nguyện cho có được một cái gì đó. Họ đến vì lòng mong muốn được ban cho thứ gì khá hơn, chứ không phải là để tìm hiểu bản thể tự tánh và thế giới này. Họ muốn danh vọng, tiền bạc, nhà ở, công việc, con cái, hoặc một người yêu tốt hơn. Nhưng trên thực tế không ai có thể có được những thứ như vậy xuyên qua bất kỳ hình thức nào của lời cầu nguyện, vũ trụ vận hành, không thực sự làm việc theo cách đó.

Ở Hàn Quốc, có một cuộc bầu cử Quốc hội thật rầm rộ. Trong mỗi huyện ai cũng có quyền ứng cử, đôi khi lên đến bảy, tám, hoặc thậm chí mười hai người chạy cùng một chiếc ghế trong Hội đồng Lập pháp. Tuy nhiên, kết quả chỉ có một người trong số họ có thể được đắc cử. Chỉ có một người sẽ được hạnh phúc sau cuộc bầu cử, còn rất nhiều người khác ôm nỗi buồn thất vọng. Họ làm việc rất chăm chỉ trong nhiều năm, mất rất nhiều tiền, tốn nhiều thời gian ra khỏi nhà, làm cho tâm trí của họ bận rộn, và chả nhận được gì. Bởi vì

họ muốn điều này rất nhiều, khi họ không thể đạt được nó, họ cảm thấy khổ đau. Thật là điên rồ! Trong một cuộc bầu cử gần đây, một ứng cử viên khá tốt, không có tiền cho chiến dịch tranh cử của mình, ông đến người thân nhờ vận động gây quỹ, vay tiền với lãi suất khá cao từ những người khác. Nhưng ông bị thất bại trong cuộc bầu cử, chỉ thiếu có năm phiếu bầu, khoảng cách rất ngắn trước chiến thắng đối thủ của mình. Ông bị điên, bởi vì không được bầu là một chuyện, nhưng tất cả chủ nợ đến la hét yêu cầu phải được hoàn trả tiền cho những nỗ lực thất bại của ông. Ông muốn tự tử bằng số thuốc quá liều, nhưng điều đó chỉ thêm chi phí một khoảng tiền mà ông không có. Vì vậy, ông tự nghĩ: “Tại sao phải tốn thêm tiền mà hiện tại ta không có một đồng dính túi ?" Thế rồi ông đã nhảy từ một tòa nhà cao tầng và mong muốn của ông: Chết mà chả tốn xu nào!

Những người thất bại trong các kỳ thi tuyển, các sự kiện thể thao lớn, trong kinh doanh, tất cả các nỗi đau của họ như nhau. Nhiều người mắc phải trạng thái tâm lý này, họ không nhận được những gì khi họ đã cá độ, đặt cược cuộc sống của họ, và chỉ ham sống lại vì họ không thể tự sát. Chính tự thân đau khổ là không tốt cũng không xấu. Có nhiều loại đau khổ khác nhau. Có khổ đau làm tổn thương chúng ta, và cũng có những loại đau khổ thực sự giúp chúng ta, nếu chúng ta có một tâm cố gắng mạnh mẽ.

Một môn sinh từng nói với tôi: –Thưa sư phụ, con chưa được điều gì. Con đang đau khổ rất nhiều! –Cái gì mà cậu chưa được? Tôi hỏi. Cậu ta nói: “Con muốn có một người bạn gái tốt, nhưng con chưa tìm thấy được một ai, đây là điều đầu tiên. Con cũng không thể kiếm được nhiều tiền, đó là sự đau khổ kế tiếp. Và con chưa có được một công việc ổn định tốt đẹp, đó là sự đau khổ cuối cùng. Khi con đang ngồi thiền, tâm trí của con chỉ nghĩ: Bạn gái, tiền bạc, việc làm! Bạn gái, tiền bạc, việc làm! Bạn gái, tiền bạc, việc làm! Luôn luôn vọng khởi đến – đi, đến – đi như thế. Con không thể ngồi yên, thầy biết không? Khi trì tụng thần chú, chỉ có miệng của con niệm, nhưng bên trong, tâm trí của

con nói rằng: Bạn gái, tiền bạc, việc làm! Bạn gái, tiền bạc, việc làm! không bao giờ dừng lại. Chợt đến rồi đi, nó cứ ám ảnh làm con đau khổ nhiều lắm. Điều này gây ra chướng ngại khiến con không thể hành thiền. Con không muốn làm gì hết, bởi vì sau đó sự suy nghĩ này có vẻ lớn hơn và nhiều hơn. Đó là lý do tại sao con mong thầy ban cho con lời khuyên. Con phải làm gì bây giờ? "

Đôi khi bạn không thể đưa ra phong cách giảng dạy thông thường về Thiền cho một người nào đó trong tình huống này. Tâm trí của họ bị dính mắc với một số mong muốn mãnh liệt, nhưng họ vẫn chưa đạt được bản chất của mong muốn này và nỗi đau khổ mà nó gây ra cho họ. Họ cố ôm giữ những đau khổ của họ như một kho báu. Vì vậy, tôi trả lời:

“ Đau khổ nhiều là cần thiết. " –Không, không! Cậu ta nói. Tại sao con cần phải có thêm đau khổ nào nữa chứ? Con đã có quá nhiều rồi thưa thầy. –Nếu con có thêm đau khổ, con sẽ nhận được tất cả mọi thứ. –Nếu con chịu đau khổ nhiều hơn, con sẽ nhận được tất cả mọi thứ ư? Nó có nghĩa là gì? Có phải điên không ? Vì vậy, tôi nói với cậu ta: “Con hãy lắng nghe thầy, nếu con có thêm chút khổ sở nữa và cố gắng, thì sau đó con có thể có được sự bù trừ, nghĩa là sẽ có một người bạn gái, làm được nhiều tiền, và một công việc khá tốt đẹp.” – Thế thì được. Dạ vâng. Vậy thì loại khổ sở gì thưa thầy? –Mỗi ngày, con phải thực hiện một ngàn lạy, và niệm Quan Thế Âm Bồ tát mười ngàn lần. Con cố gắng như thế được chứ? –Nhưng điều đó có gì làm cho thêm đau khổ. Tại sao con phải làm như thế? Tôi bèn nói với cậu ta: – À! Đó không phải là làm cho thêm đau khổ, mà bằng cách sử dụng cực khổ để lấy đi đau khổ. Y học Trung Quốc dạy rằng, đối với bệnh sốt nhiệt, sử dụng thuốc sốt. Còn bệnh cảm lạnh, sử dụng thuốc cảm lạnh. Nếu con mắc bệnh đau khổ, nên sử dụng thuốc đau khổ. Con đang đau khổ, nhưng đau khổ này không sáng suốt. Con phải trị dứt nó đi với thuốc cực khổ – sáng suốt. Sau đó, con có thể thay đổi sự đau khổ của con. –Thưa được, cậu ta nói. Con sẽ cố gắng thực hiện điều đó thường xuyên. Trải qua 100 ngày, người thanh niên này mỗi ngày đã lạy một ngàn lạy và niệm Quan Thế Âm Bồ tát mười ngàn lần. Sau đó, cậu ta đã có một người bạn gái tuyệt vời, một công việc mới xuất hiện, và kiếm đủ tiền để được vui sống hạnh phúc.

Câu chuyện loại này có thể không thuộc về thực hành thiền cao cấp. Nhưng Đức Phật đã tuyên thuyết về những dược tính khác nhau cho 84.000 loại bệnh tật. Chúng tôi gọi cách thực hành mà người thanh niên này đã làm là một loại kẹo Pháp bảo. Cậu ấy tu tập khổ nhọc để có được một cái gì đó mà cậu ấy muốn. Trên đường thực hành, cậu ấy cũng có một số trải nghiệm của bản chất tu tập và bản chất của sự suy tưởng về tâm đau khổ. Rồi khi cậu ấy bắt đầu tập luyện, nó có thể để cho cậu ta trải nghiệm đúng sự thật về tích cực tu tập đúng đắn. Bạn sử dụng bệnh tật của mình để lấy đi bệnh tật chính mình. Bạn có thể nói với cậu ấy: “A, này bạn! Lối tu tập của bạn bây giờ không tốt cũng không xấu. Cần một loại tu tập cao cấp hơn là khám phá ra Chân tánh của bạn”. Loại ngôn ngữ này có thể để cậu ấy rút ra một số kinh nghiệm thực hành thăng tiến hơn.

Vì vậy, nếu bạn chỉ cần cố gắng làm một điều gì và chỉ làm điều đó, sau đó bạn có thể có được tất cả mọi thứ. Nhưng nếu bạn không thể có được một cái gì đó, dĩ nhiên bạn

bị khổ đau một cách vô nghĩa. “Tôi muốn, nhưng tôi không thể có được. Cho nên tôi rất buồn." Đây là loại đau khổ thông thường mà chúng ta thấy. Trong thế giới này, tất cả chúng sanh đều mong muốn thành tựu một thứ gì. Nhưng họ không chịu tu tập, và không cố gắng nỗ lực. Họ chỉ muốn, muốn, muốn, mà không có chủ đích, phương hướng. Vì vậy, cuộc sống của họ luôn luôn đau khổ, và những đau khổ này không được chỉ dẫn ở bất cứ nơi nào hoặc chuyển đổi thành một số hiểu biết sâu sắc hơn về chính mình và thế giới này. Tuy nhiên, thiền sinh có thể tu tập khổ nhọc, đạt được chân tánh của họ, và hoàn toàn kết nối với những người khác. Nếu bạn đạt được chân tánh, bạn sẽ có sẵn mọi thứ. Cái nào bạn thích?

8) Năm hợp thể (ngũ uẩn) mất cân đối — khổ Đức Phật dạy rằng Nhân loại chúng sanh không có cái “Tôi” (Ngã). Những gì chúng ta thường gọi "Tôi”, hoặc “Tâm" chỉ là một sự kết hợp phù du của các nguồn năng lượng thay đổi, cấu thành năm hợp thể: hình sắc, cảm thọ, suy tưởng, tâm hành, và nhận thức. Trong tiếng Phạn, được gọi là pañca-skandha—Ngũ uẩn ( ), hoặc Ngũ ấm ( )—Năm khối kết ngăn che. Ban đầu chức năng năm uẩn này vốn hài hòa. Do đó, cuộc sống của bạn trong sáng và bạn không tạo ra quá nhiều đau khổ cho chính mình. Nhưng khi chúng không cân bằng, tự động bạn sẽ có nhiều đau khổ kéo đến.

“Sắc uẩn” là nói về hình thể con người. Đôi khi bạn nhìn thấy một người rất béo phì. Chân tay và đầu thì nhỏ, nhưng cơ thể của họ quá to lớn, do đó, họ lúc nào cũng thấy chậm chạp khó nhọc cho dù làm những thứ gì. Điều này có nghĩa là hợp thể Sắc uẩn không được cân bằng. Bất cứ lúc nào cũng có thức ăn, nên họ ăn quá nhiều, vì vậy cơ thể của họ trở nên mập mạp béo phì. Lưỡi của họ nói: “Tôi muốn sô-cô-la, tôi muốn kem", nhưng cơ thể thực sự không muốn dung nạp nó! Lưỡi và cơ thể bắt đầu chiến đấu, vì nghiệp của họ mạnh, lưỡi thắng, cho nên họ tiếp tục ăn! Trong trường hợp này, bốn uẩn: “sắc,thọ, tưởng, hành” không thể hoạt động với sự hài hòa. Đây là sự mất cân bằng của bốn uẩn, và nó làm cho đau khổ. “Nghiệp tạo ra cơ thể và cơ thể tạo ra nghiệp." Điều này rất quan trọng, bởi vì nó chỉ trực tiếp đến sự tương tác liên miên của nghiệp và sự tập hợp của hình thể.

“Thọ uẩn” là sự thu nạp của cảm thọ, chỉ đơn giản là một hỗn hợp tất cả các cảm giác khác của chúng ta, cả về thể chất lẫn tinh thần. Ví dụ, một em bé được sanh ra trên cõi đời. Bắt đầu cuộc sống của nó chỉ là cảm giác. Ý thức đầu tiên của nó chỉ đơn thuần là kinh nghiệm nhận được qua mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Cảm giác của em bé này muốn tiểu, nó chỉ tiểu. Sau đó, khi tã bị ướt, cảm giác nó không thấy dễ chịu, do đó, em bé khóc,”Oa, Oaa!"Mẹ đến thay đổi tã, và em bé có một cảm giác dễ chịu trở lại không còn khóc nữa.

Khi em bé đói, cảm giác này không tốt, do đó, nó khóc “Oa, Oaa ! "Sau đó, mẹ cho nó bú, bé hài lòng. Trẻ con chỉ có loại cảm giác – tri giác – và ý thức như thế. Đó là tâm đơn giản.

Nhưng một số người vẫn còn dính mắc rất mãnh liệt với loại tâm này bao trùm suốt cuộc đời của họ. Khi họ tưởng đến muốn ăn, họ ăn, và giữ thức ăn một thời gian sau khi

cơn đói của họ được thỏa mãn. Điều này được thực hiện chỉ để kéo dài cảm giác của miệng và lưỡi. Khi họ tưởng đến thích quan hệ tình dục, họ quan hệ tình dục, mặc dù có thể là không phải tình yêu đằng sau nó. Khi họ tưởng đến thích ngủ, họ ngủ bất cứ lúc nào. Khi họ cảm thấy thích mua sắm, họ đi mua sắm, họ có thể chọn lấy những thứ mà họ không cần. Tuy nhiên, ý thức cảm giác này không sáng suốt, và gần như luôn luôn tạo ra một số loại trải nghiệm đau khổ cho họ và cho những người khác. Chạy tới chạy lui từ cảm giác này sang cảm giác khác, chúng ta tạo ra thói quen mạnh mẽ hoặc xung lực cho mình, để rồi kiểm soát toàn bộ cuộc sống của chúng ta.

“Hành uẩn” là xung lực, một tên khác của Nghiệp. Bạn muốn thứ gì? Điều đó trở thành ý thích của bạn. Vì vậy, tôi thường kể câu chuyện này: Trong cuộc chiến tranh Triều Tiên, tôi đã được gọi đi quân dịch giống như tất cả thanh niên Hàn Quốc khác. Trong quân đội, tôi có một người bạn rất tốt, ông Song. Chúng tôi luôn luôn cùng làm việc với nhau. Bất cứ khi nào tôi có một ít tiền, tôi sẽ đưa anh ta đến nhà hàng hoặc chúng tôi sẽ đi chùa với nhau. Anh ta không biết rằng ngoài quân đội, tôi là một tu sĩ. Hàng ngày, tôi chỉ cố gắng để giúp anh ta. Anh ấy thường nói lời cảm ơn với tôi: “Ô! Cảm ơn bạn rất nhiều. Bạn luôn luôn giúp đỡ tôi, nhưng tôi chẳng bao giờ có tiền để đãi bạn. Xin lỗi nhá !"

Một ngày nọ, ông Song nói: “Hôm nay đến lúc tôi muốn đưa bạn đến một nhà hàng cao cấp tuyệt vời trong thành phố Taegu để ăn trưa " Tôi nói với anh ta: “Nhưng bạn không có tiền, làm thế nào bạn có thể trả phí tổn cho điều đó?" –Ô! Không sao, đừng lo lắng. Tôi sẵn có một ít đây. Vì vậy, chúng tôi đã đáp tàu lửa đi đến ga Taegu. Nó là một trạm ga rất lớn, nhiều người tấp nập đến và đi. Khi đến nơi, chúng tôi bước vào bên trong một ngôi nhà, ông Song huýt sáo ba lần rất to. Đột nhiên, ba chàng trai chạy đến anh ta cúi đầu chào lễ phép và nói: “Xin chào, thưa quý ông từ đâu đến?” Anh ta nói: “Chúng tôi đến từ Pusan. Có biết ông Lee và ông Kim ở đâu không? Tôi muốn nói chuyện với họ." Các chàng trai cúi đầu lui ra. Trong vòng vài phút hai người đàn ông ăn mặc tề chỉnh xuất hiện. Họ ngạc nhiên thốt lên:

– Ôi chao! Người anh em, các vị vừa mới đến hôm nay ư? Thật hân hạnh gặp lại anh. Lâu nay có khỏe không? Họ rất lấy làm vui mừng và tỏ ra lịch sự với ông Song. Ông Song chỉ vào tôi rồi giới thiệu với họ: – Anh này là người bạn tốt của tôi. Anh ấy là một viên sĩ quan đại úy Tuyên úy. Chúng tôi đi ăn trưa với nhau. Bạn có thể sẵn sàng giúp cho chúng tôi không? –Vâng! Được, thưa anh. Họ nói. Rồi hai người đàn ông lấy một chiếc xe ô tô đưa chúng tôi đến một nhà hàng cao cấp thật sang trọng. Mặc dù tại đây đã có một cuộc chiến vừa chấm dứt, nhưng nhà hàng vẫn có nhiều món ăn ngon nổi tiếng. Trong khi đó tôi không thể hiểu những gì đã xảy ra, vì anh bạn tôi không có tiền! Nhưng điều đó không quan trọng, chúng tôi cùng nhau dùng bữa trưa ngon lành và ông Song rất vui. Sau khi ăn trưa, tôi hỏi anh ta: – Chuyện gì diễn ra thế này? Làm thế nào có thể ăn xong mà không phải trả tiền? – Ôi, đó là một câu chuyện khá dài, ông nói. –Xin vui lòng cho tôi biết được không ? –Được thôi. Trước khi vào quân đội, tôi là một tên trùm móc túi có hạng. Tôi là chủ, và những người đàn ông đó là đàn em giúp việc cho tôi. Một ngày nọ, tôi nhận ra rằng chuyên đi móc túi kẻ khác là hành động rất xấu

xa bỉ ổi. Vì vậy, khi chiến tranh xảy ra, tôi bắt đầu ăn năn, rửa tay vĩnh viễn không làm chuyện đó nữa, rồi tham gia vào quân đội. Nhưng suốt thời gian vừa qua, bạn đã giúp đỡ tôi và tôi chưa có dịp đền ơn bạn, vì tôi không có tiền. Hôm nay tôi trở lại với một đặc ân: ăn năn hối lỗi là điều cần thiết, vì vậy tôi gọi các bạn cũ của tôi khoản đãi chúng mình. –Ồ! xin cảm ơn bạn rất nhiều về sự ưu ái của bạn đã dành cho tôi. Tôi nói. Tuy hành vi đó không đúng với lương tâm! Nhưng nếu bạn đã rửa tay gác kiếm, thì chuyện đó thực sự không còn nữa! –Phải ! Phải lắm! Tôi không còn làm điều xằng bậy này nữa, tự hứa lấy lòng rồi mà. Song nói.

Anh ta đã luôn luôn giữ đúng phong cách trong quân đội, và đã trở thành một đại úy đại đội trưởng giống như tôi. Chúng tôi làm việc với nhau rất nhiều, và tôi thấy rằng các hành động của anh ta luôn luôn rất cẩn trọng và đúng đắn. Vì vậy, việc móc túi này như một thói cũ đã qua, và ông đã làm việc chăm chỉ để thay đổi nó. Nhưng sự thúc đẩy hoặc xung lực của nghiệp thì rất mạnh; nghiệp không thể thay đổi với một vài quyết định đơn phương. Do đó tu Thiền là điều cần thiết.

Một ngày nọ, ông Song và tôi cùng nhau đi tham quan tại dãy núi Sorak, một cảnh quang rất đẹp và nổi tiếng tại Nam Hàn. Thời tiết khá tốt. Nhiều người đến từ khắp nơi để

du ngoạn non nước hữu tình. Do đó, trạm xe buýt rất đông khi chúng tôi đến. Có rất nhiều người chờ đợi xếp thành hàng dài. Chúng tôi đang đứng phía sau một ông già, thật hết sức bất ngờ, một bàn tay đột ngột của ông Song đưa ra, thọc vào túi quần phía sau của ông già này một cách chớp nhoáng và móc lấy chiếc bóp. Một hành động táo tợn giữa ban ngày, nhưng xung quanh không ai nhìn thấy, ngay cả ông già trước mặt chúng tôi không hề hay biết. Riêng tôi đứng đằng sau ông Song và đã chứng kiến tất cả mọi chuyện đã xảy ra, vì vậy tôi đánh anh ta một cái, tôi nói: – Bàn tay bạn không tốt! Ông Song cũng rất ngạc nhiên: “Ô! Đó là thói quen cũ của tôi. Tôi không muốn, nhưng nó tự động làm bởi chính nó mà thôi!” Rồi anh ta xin lỗi một cách chân thành. Anh không muốn lấy chiếc bóp này, và cũng không muốn trở thành một tên móc túi và ăn cắp tiền của người dân nữa.

Tuy nhiên, anh ta nhìn thấy chiếc bóp và cánh tay tự động của anh ta vươn ra lấy nó. Đó là thói quen phản ứng tức thời. Nó được gọi là “Nghiệp”. Anh ta đã có sẵn nghiệp này rất mạnh, vì vậy đôi khi những hành động đó chỉ đơn phương xuất hiện, vượt ra ngoài thói quen tâm trí của mình, cho dù anh ta có thích hay không thích. Tôi nói với anh ta:“–Bạn phải trả lại cái bóp đó!" –Vâng! Được. Sau đó, anh ta vỗ vai ông già đứng trước mặt mình. “–Xin lỗi, thưa ông. Có phải cái bóp của ông không? Tôi đã tìm thấy nó trên mặt đất." Ông già quay lại và thấy Song giữ cái bóp của mình. –Ôi, tốt quá! Đúng là bóp tiền của tôi! Cảm ơn bạn, cảm ơn bạn rất nhiều! Tôi đang trên đường đi chợ mua bò với số tiền này. Nếu tôi đánh mất nó, tôi sẽ không thể mua bò cho trang trại của tôi. Ôi! cảm ơn bạn rất nhiều. Rồi ông lấy ra một ít tiền để biếu cho ông Song như là một phần thưởng.Tuy nhiên, ông Song chỉ vẫy tay một cách khiêm nhường: –Ô! Không, không. Tôi không dám! Ông già tiếp tục nài nĩ: –Không, bạn rất tốt. Tôi phải cảm ơn bạn. –Dạ không, không, không dám ... Sau đó, tôi huých khuỷu tay ông Song qua một

bên và nói: –Thôi được, cứ lấy một ít tượng trưng đi ! Ngay bây giờ mới chính là công việc của bạn. Ông Song nhận ít tiền. Sau đó, mọi người đều vui vẻ. (Tiếng cười từ giảng đường)

Vì vậy, như chúng ta thấy, xung lực này của ông Song thôi thúc rất mạnh. Mặc dù tư duy – ý thức của mình đã rút ra bài học được rằng, trộm cắp là một hành động xấu tệ, xung

lực này không đúng và anh đã dừng lại việc đó. Đôi khi cùng một loại xung lực xuất hiện, và anh ta ngay lập tức đi theo sau nó. Nếu chúng ta lập lại một số hành động nhiều lần, nhiều lần, nó trở thành một xung lực. Một tên khác gọi là “Nghiệp”. Nó chỉ đơn giản hành động tự phát của ‘tâm thói quen’(habit-mind) chúng ta. Khi chúng ta không thể kiểm soát được sự thúc đẩy này, rồi sau đó nó không cân bằng với những gì ý thức chúng ta hiểu được hành vi chính xác hay không chính xác. Do đó, nó làm đau khổ cho chính mình và cho người khác. Đây là loại đau khổ dẫn đến từ năm uẩn không hòa hợp với nhau. Một trong các uẩn quá mạnh hoặc không thể hoạt động một cách chính xác với những người khác.

Sau cùng là “Thức uẩn”. Phật giáo dạy rằng những gì chúng ta gọi là ý thức, thực sự chia ra chín thức riêng biệt. Chúng tôi sẽ nói về điều này chi tiết hơn sau khi chúng ta tìm hiểu về Phật giáo Đại thừa. Khi được sinh ra, chúng ta có sáu thức cơ bản, đó là những cái biết của sự thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và suy nghĩ. Sau một thời gian, khi một em bé khoảng hai tuổi, một loại nhận thức rất đơn giản của sự phân biệt đối xử xuất hiện. Trẻ con nhớ tất cả các hiển thị mà nó đã nhận được thông qua sáu thức của nó, nó thích cái này, người này, và không thích cái khác, những người khác. Đây là sự xuất hiện của thức thứ bảy, gọi là mạt-na thức, ví như bộ nhớ ghi chép những điều mà nó thích và không thích. Chúng tôi thường gọi là ý thức phân biệt, bởi vì nó phân tách tốt và xấu, tăng và giảm, lên và xuống. Tôi thích cái này, tôi không thích cái kia. Có lẽ trẻ con Mỹ phát triển cái thức phân biệt đối xử rất mạnh mẽ trong học tập. Cái gì chúng không thích liền nói: “–No !” (Không). Cha mẹ bảo: “ Con nên làm điều này”."–No! ". “ Hãy đến đây!" “–No!". Ha ha ha! Trẻ con Mỹ tìm học điều này rất sớm. Chúng chỉ hiểu: “Không, tôi không thích điều đó." Đó là sự xuất hiện của thức thứ bảy với tâm thích và không thích.

Còn tâm mà ghi nhớ tất cả các hành động và trải nghiệm của chúng ta là thức thứ tám. Nó có tên là a–lại–da thức, hay là hàm tàng thức. Bởi vì thức này chuyên thu nạp, gom chứa những gì chúng ta đã suy nghĩ, tạo tác, hoặc trải nghiệm. Cũng giống như một ổ đĩa cứng của máy vi tính, nó lưu giữ lại tất cả mọi thứ mà chúng ta đã từng thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và suy nghĩ, không những kiếp này mà vô số kiếp trước của chúng ta. Vào ban đêm, khi chúng ta có những giấc mơ, đó là sự hoạt động của thức thứ tám. Nói khác hơn, cái biết thứ sáu là ý thức của chúng ta. Cái biết thứ bảy là cái biết của cảm tính, vì đây là những gì phân biệt đối xử tạo ra thích và không thích. Ngoài ra khi chúng ta tỏ ngộ, thức thứ tám (A-lại-da) trở thành Bạch tịnh thức, còn gọi là Bát-nhã thức và thức thứ chín là Phật–pháp thức, tức là Pháp-thân (Dharmakaya).

Chúng tôi cũng gọi nó là Tự tánh, Chân tánh, Nguyên tánh, Thật tánh, hay Phật tánh. Tuy có rất nhiều tên như thế, nhưng bản lai vốn không danh, không tướng.

Vì vậy, chúng ta có sáu thức kết nối với mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý của chúng ta. Thêm thức “mạt–na” thứ bảy, phân biệt đối xử tốt xấu…. Và thức thứ tám “A–lại–da” lưu trữ tất cả các trải nghiệm và suy nghĩ của chúng ta. Sự mất cân bằng có nghĩa là các thức tách biệt, chúng không hoạt động hài hòa, hoặc dung thông nhịp nhàng hành động với một thức khác. Vì vậy, một số người có vấn đề mạnh mẽ tinh thần hơn thể xác, thực sự có sự mất cân bằng giữa tám thức này. Vào lúc ăn, họ có thể ngồi đó, suy nghĩ, “Ăn?” “Không ăn?” “Biếng ăn?” “Không thèm ăn?" Hoặc suy nghĩ chuyện này, chuyện nọ, không chú tâm vào ăn. Đây là loại tâm bệnh xuất hiện. Có lẽ bạn từng thấy một người nào đó trên đường phố, nói chuyện la hét lớn tiếng, nhưng không có ai khác ở đó. Anh ta đang có một cuộc trò chuyện với chính mình. –Ồ !Tôi thích điều đó. –Anh là cậu bảnh trai lịch sự. –La la-la la, li li-li li. –Tại sao bạn lại nói thế? –Suỵt suỵt!... Anh ta vẫy tay và nhìn xung quanh, đôi khi nổi cơn tức giận, rồi đột nhiên cất tiếng cười tuy không có ai ở bên anh. Những người có động tác, cử chỉ như vậy, cơ thể của họ tuy vẫn hiện hữu, nhưng ý thức của họ đã tách ra và được giao tiếp với một cái khác. Đó là sự mất cân bằng giữa thân và tâm.

Tất cả mọi người đều có kinh nghiệm của sự mất cân bằng ở dưới dạng thức này hay hình thức khác. Trong lúc tụng kinh, miệng bạn tụng kinh, hoặc niệm Quan Thế Âm Bồ tát, Quan Thế Âm Bồ tát, Quan Thế Âm Bồ tát, nhưng suy nghĩ trong đầu của bạn đi tới Nữu Ước, Ba Lan vào những năm tới, hoặc một số vấn đề khác. Sau đó ý niệm trở lại chánh điện, rồi lại liên tưởng đến ngày hôm qua, nghĩ tới gia đình thân quyến, trường học, bạn bè, người yêu v.v….. vọng tưởng cứ lăn xăn, nghĩ ngợi lung tung. Đó là một loại đơn giản của sự mất cân bằng. Sau đó một lúc, ý thức của bạn chợt tỉnh ra nói: “Hãy trở về thực tại, được chứ ? Đây là thời gian tụng niệm tại sao phân tâm tán loạn?".

Vì vậy, tâm lang thang và trải nghiệm của tất cả mọi người chỉ là ba “biểu thức” làm việc khác nhau, mỗi thức thực hiện một hành động riêng biệt. Miệng tụng, tai nghe tụng, là thức thứ sáu. Tâm chạy lòng vòng là bộ nhớ thức thứ tám. Và trí nói “Hãy trở về thực tại đang tụng kinh" là thức thứ bảy. Chúng đang chiến đấu với nhau bên trong từng ngày, từng phút, từng sát na, đôi khi chỉ một thoáng hoặc đôi khi rất lâu dài.

Khi các thức của bạn đang chiến đấu bên trong, gọi là sự mất cân bằng của năm uẩn. Nó có nghĩa là bạn không thể quyết định bất cứ điều gì. Đôi khi chúng ta bị mắc kẹt: “Ôi ! Tôi nên làm gì? Tôi có nên làm điều này, hay tôi nên làm điều đó? Tôi không biết”. Chúng ta gặp sự nhầm lẫn bên trong. Nếu cuộc đấu tranh này trở nên mãnh liệt hơn, tức thì mọi người cho rằng bạn bị điên. Tất cả chúng ta đã từng nghe nói “stress”, tinh thần căng thẳng, tâm thần phân liệt, trầm cảm cùng một điểm như nhau. Nhưng nếu ý thức của bạn được cân bằng thì sự bùng nổ “BÙM!” Bạn trở thành Phật. Và ngay đó từng khoảnh

khắc, khoảnh khắc, bạn chỉ làm điều đó. Tuy nhiên, nếu có sự mất cân bằng, thì bạn không thể quyết định một cái gì và bạn không thể làm bất cứ điều gì.

Tóm lại, tất cả mọi nỗi khổ, niềm đau này tổng hợp trong Tám Khổ. Đây là thế giới thu hẹp mà hầu hết mọi người tạo ra cho chính mình. Toàn bộ cuộc sống của chúng ta như con ruồi vo ve xung quanh trong ruột một chai thủy tinh nhỏ hẹp, trong đó có chứa mật ngọt. Nó đã theo mùi ngọt mà vào chai, nhưng bây giờ nó không thể thoát khỏi. Nó đang cố gắng tìm cách bay ra ngoài. Nó mãi vo ve lòng vòng áp sát vào mặt bên trong chai thủy tinh, mà nó cho là tự do và nhìn thấy không gian bên ngoài trống rỗng không xa. Hầu hết mọi người đều như thế. Những gì họ đã và đang thực hiện trong tâm họ nhiều hơn và mạnh mẽ hơn, chỉ làm ngăn cản cuộc sống của họ vốn sẵn đầy đủ toàn vẹn. Họ đang cố gắng để thoát ra khỏi cảnh giới khổ đau mà họ đã gây ra cho mình một cách mù quáng, dính mắc bởi các cảm giác. Nhưng nó không là chuyện dễ dàng. Lý do đơn giản cho những khó khăn của họ là vì không hiểu định luật vô thường. Đây là con đường dẫn tới đau khổ của con người. Mọi hiện tượng sự vật trong thế giới này xảy ra bởi quá trình tự nhiên. Bạn tạo ra tất cả mọi thứ, do đó, bạn có tất cả. Nghĩa là bạn sẽ nhận lãnh một số hệ lụy đau khổ mang vào mình. –Tôi không muốn già. –Ôi ! mối quan hệ của tôi với anh ta chấm dứt.–Tôi cảm thấy rất buồn.–Tôi ghét bị bệnh như vậy.–Tôi không thích anh ấy. –Tôi không thể tin bà tôi qua đời….Vô số động từ và những chuyện như vậy đều là khổ đau. Nhưng nếu bạn thấu đạt một cách chính xác về Quán Vô thường, sau đó, bạn có thể chuyển hóa Tám Khổ. Nếu bạn không hiểu rằng các pháp đều vô thường, dĩ nhiên, bạn trở nên dễ dàng dính mắc vào các pháp mà cuối cùng không thể vượt qua. Kết quả là, bạn không thể dứt trừ đau khổ của bạn, và bạn chỉ tiếp tục tạo thêm đau khổ cho chính mình và cho cả thế giới này.

Quán Bất Tịnh (Insight into Impurity)

Con người có năm thứ tham muốn: (The Five Human Desires)

1) Tham tiền (Tài dục).
(Desire for material wealth)
2) Tham sắc (Sắc dục).
(Desire for sex)
3) Tham danh (Danh dục).
(Desire for fame)
4) Tham ăn (Thực dục).
(Desire for food)
5) Tham ngủ (Thùy dục).
(Desire for sleep)

Chúng ta hãy cùng tìm hiểu pháp “Quán bất tịnh” chặt chẽ hơn. Một số người cho rằng thân này không tinh sạch. Nhưng những người khác thì rất quan tâm yêu thích nó. Đường lối tu tập của Tiểu thừa là quán sát tỉ mỉ thân bất tịnh, và từ đó để xem những vật bất tịnh được tạo ra do tâm suy nghĩ của chúng ta. Trong da thịt của bạn có máu chảy tuần hoàn. Nếu bạn có thể nhìn sâu hơn, bạn sẽ thấy các bộ phận tim, gan, bao tử, phổi, thận, ruột già, ruột non, phân và nước tiểu v.v…. Tất cả mọi thứ được chống đỡ bằng những xương gân và được bao bọc bởi lớp da và những thớ thịt. Toàn thân có

chín lỗ bài tiết. Mỗi ngày, thông qua chín lỗ này, chúng ta không ngừng thải ra những thứ bất tịnh. Khi bạn quán tưởng được như vậy, làm sao bạn có thể nói rằng thân chúng ta tinh sạch? Mọi người nghĩ rằng họ đẹp, đó chỉ là vẻ đẹp hình thức bên ngoài, vì họ trau chuốt, trang điểm, nào kem, son, phấn, và nước hoa. Khoác vào mình với những vải vóc tơ lụa thời trang và đeo những vật trang sức lộng lẫy trên đầu, trên cổ, trên tay của họ, tạo thành sức hấp dẫn để những người khác chú ý bị thu hút vì họ. Nhưng khi bạn thực sự nội quán, thân chúng ta chỉ là một cái bao đãy đựng toàn máu mủ và phân tiểu dơ uế. Nhận thức được điều này là sự tu tập quan trọng theo các truyền thống Tiểu thừa.

Bổn nguyên không có bất tịnh. Con người trở nên dính mắc với những tâm ham muốn của họ, và sự dính mắc này làm cho tâm hồn nhơ nhiễm. Phật giáo Tiểu thừa và bất kể truyền thống Phật giáo nào cũng đều nhấn mạnh những bất tịnh trong tâm chúng ta. Tuy nhiên, những thứ bất tịnh này được gây ra bởi sự dính mắc của những cảm giác đối với cơ thể chúng ta. Như tôi đã nói, Phật giáo dạy rằng "Nghiệp tạo ra thân này, và thân này tạo ra nghiệp". Vì vậy, sự ham muốn thân này là chỉ khao khát những cảm giác xúc tác làm cho ô uế tâm trí, bởi vì những ham muốn tạo ra nghiệp, gây cản trở khả năng của chúng ta để cảm nhận thế giới này một cách sáng suốt rõ ràng như nó đang là. Một con vật không thể kiểm soát lòng ham muốn của nó. Nếu nó muốn quan hệ tình dục, nó chỉ có quan hệ tình dục. Nếu nó cảm thấy đói, sẽ tự tìm kiếm thức ăn. Hầu hết nhân loại chúng sanh cũng thường hành động giống như vậy. Mặc dù con người có tầm hiểu biết khác nhau, thể hiện tình cảm và hành động khác nhau. Nếu họ chỉ làm theo tâm ham muốn của họ, họ nhận lấy đau khổ. Đây là một loại bất tịnh.

Không chỉ trong lúc bạn đang còn sống, mà ngay cả sau khi bạn qua đời, thân xác của bạn càng thêm ô uế. Cho nên bạn bè, thân quyến, những người yêu thương bạn thắm thiết trong đời, cũng sẽ đem bạn đi vứt ngoài bãi tha ma, hoặc chôn xuống đất, hoặc thiêu xác chết của bạn càng nhanh càng tốt. Thậm chí cả con chó cũng không muốn đến gần thi thể của bạn. Điều này là lý do tại sao nhiều kinh điển Tiểu thừa thường nói về sự bất tịnh như vậy. Trong Kinh diễn tả chín cửa ngõ bất tịnh, hoặc những dấu chỉ của một xác chết vứt bỏ ngoài bãi tha ma: Sự căng sình của cơ thể do gió và mặt trời, nó dần dần biến sắc rồi phân hủy. Vào lúc này, máu mủ chảy ra theo các cơ quan tự nhiên của nó. Nó sẽ trở thành hôi hám, thối rữa và tan rã. Các loài chim muông, động vật và côn trùng sẽ bu lại ăn nó. Thịt, da, phèo phổi, ruột gan, và các phần phụ khác sẽ bị tiêu mất, còn lại những đốt xương trắng và chiếc đầu lâu khô hóp. Nếu xác được đem đi hỏa thiêu thì sau đó, chỉ còn lại một nắm tro tàn ném vào trong gió.

Nhiều lối tu tập của Phật giáo Tiểu thừa thường nhấn mạnh phương pháp thiền quán trên sự bất tịnh. Những lối tu này cho thấy sự sinh ra của chúng ta, chỉ đơn giản là kết quả của nghiệp từ những đời trước. Quan điểm này dạy cho chúng ta một nhận thức cơ bản của sự bất tịnh có mặt ở mỗi giai đoạn cuộc sống chúng ta. Khởi đầu mang thai, chúng ta ở bên trong tử cung của mẹ vốn không tinh khiết, bởi vì kế chỗ ấy, dung chứa đầy đủ sự nhớp nhúa của máu, phân và nước tiểu. Sau khi sinh ra, các chất bẩn thỉu liên tục được tiết ra bởi chín lỗ trên cơ thể của chúng ta. Trong khi đó, ba mươi sáu loại

bất tịnh đang tiếp tục lưu hành khắp toàn thân này. Cuối cùng cũng phải chết, thối rữa và tan rã.

Tuy nhiên, trong khi còn sống, chúng ta rất quan tâm săn sóc và yêu mến thân bất tịnh vô thường này. Chúng ta tẩm bổ món ngon vật lạ, đặt dành những thứ xa xỉ tốn kém về nó. Chúng ta muốn thơm sạch, phải siêng tắm rửa, trau chuốt nước hoa, thoa son, đánh phấn. Chúng ta đã phải tốn kém rất nhiều và nỗ lực để giữ cho thân thể tươi trẻ khỏe mạnh và làm việc tốt hơn. Nếu không như thế, chúng ta chẳng khác gì đời sống súc vật. Tiểu thừa Phật giáo đặc biệt nhấn mạnh năm loại bất tịnh. Chúng ta hãy đi vào chi tiết.

Năm loại bất tịnh đó là: Tham tài, tham sắc, tham danh, tham ăn và tham ngủ. Nó còn được gọi là năm độc, hay năm sự tham muốn của con người. Nếu bạn nhìn vào thế giới này, bạn sẽ thấy rằng hầu hết người ta tạo ra đau khổ là do chạy theo ngũ dục. Và tất cả mọi người ít nhiều cũng hiểu được điều này. Đó là lý do tại sao, khi một người có quá nhiều tham muốn, họ sẽ bị lên án: “Người gì quá bẩn thỉu! Cái thứ Tham tài! Tham sắc! Tham danh! Tham ăn! Tham ngủ!" Nếu có quá nhiều tham muốn như thế, khiến tâm trí bạn trở nên nhơ nhiễm. Nó chạy theo thói quen của nghiệp. Như vậy phong cách tâm này xuất hiện tùy trường hợp mê đắm.

Trước hết, tham tài. Tiền bạc, của cải vật chất là sức mạnh rất quan trọng đối với đời sống của chúng ta. Tự thân nó không tốt hay xấu. Nhưng nếu bạn dính mắc với tiền bạc, tâm trí của bạn trở nên che mờ bởi sự tham muốn này. Ngày nay nhiều người muốn trở thành triệu phú, tỷ phú. Cho nên đôi khi họ có thể thực hiện các hành động táo bạo gây ra tự bản thân họ và khiến những người khác phải chịu nhiều đau khổ chỉ vì Tiền. Một trong những môn sinh của tôi là giáo sư người Hàn Quốc, từng làm nghiên cứu sinh tại Đại học Yale. Cha cậu đã kết hôn hồi mười tám tuổi. Sau khi ông sanh ra cậu, ông nói với vợ ông không muốn có con nữa, bởi vì ông nghĩ rằng ông sẽ không thể để dành nhiều tiền nếu ông ta có con đông. Bất cứ khi nào ông chi trả điều gì, ông chỉ đưa tiền rất miễn cưỡng với vợ con ông. Ông để dành tất cả tiền bạc của mình trong tủ có khóa cẩn thận và ông đếm nó mỗi ngày một lần. Đếm và sắp xếp tiền kỹ lưỡng là niềm vui thật sự của ông trong cuộc sống. Ông không bao giờ ăn bất cứ nhà hàng nào và không bao giờ uống một tách cà phê ngoài đường. Ông làm như vậy chỉ để tiết kiệm. Nếu trong sự tiết chế điều độ dung hòa, tâm này được gọi là đạo đức, nhưng vượt quá giới hạn nó trở thành tham lam keo kiệt.

Một hôm, vợ ông nói với ông: “Tôi không thể sống với ông được nữa. Cả đời tôi vẫn chưa bao giờ có dịp ăn trong nhà hàng với ông dù chỉ một lần, nếu tôi còn sống chung với ông". Nhưng lời than trách này dường như chả đánh động làm phiền gì đến ông ta. Ông nói: “Nếu bà nghĩ như vậy, thì chúng ta chỉ có cách phải chia tay thôi". Vì vậy, họ đã ly dị vào lúc sáu mươi tuổi. Thật là điên rồ! Sau đó, vợ của ông được hưởng trợ cấp tiền hưu, bà có thể sống mà không cần ông giúp đỡ.

Rồi ngày kia, cậu con trai hỏi cha mình: “Thưa cha, cha đang sống quá tiết kiệm cho những niềm vui của việc tích lũy, đếm và xếp tiền của cha mỗi ngày. Tại sao cha phải làm như thế? Cha sẽ làm gì sau khi chết?"

Người cha đáp: “Ta không biết mình sẽ làm gì sau khi chết. Nhưng ta chỉ biết sống với niềm vui hiện tại này. Thật không ích lợi gì cho ta có một đứa con trai hay một người vợ luôn luôn càm ràm như thế ”.

Thời gian trôi qua, khi cha cậu qua đời, người con trai mở khóa tủ đựng tiền của cha mình, trong đó đã có hàng trăm ngàn đô la. Tiền được xếp gọn gàng, ngăn nắp cẩn thận như ở trong ngân hàng. Khi cậu nhìn vào số tiền ngay ngắn trong học tủ, cậu bật lên tiếng khóc nức nở. Cậu nhận ra rằng, cha cậu đã hy sinh tất cả mọi thứ trong cuộc sống của mình cho một cái gì đó, mà ông không bao giờ có thể mang theo cùng ông ta.

Chính tiền bạc tự thân không phải là tốt hay xấu. Tiết kiệm để dành tiền cũng không phải là tốt hay xấu. Thực sự đến lúc chết, tiền bạc không thể kéo dài tuổi thọ của chúng ta, dù chỉ một khoảnh khắc. Trên thực tế, những niềm vui về tiền bạc nằm trong việc sử dụng nó hợp tình, hợp lý là đúng cách. Nhưng nếu chúng ta theo đuổi nó chỉ đơn giản là để thỏa mãn lòng tham muốn của chúng ta đi qua, để rồi rốt cuộc các nghiệp quả của loại tư duy này sẽ đầu độc tâm trí chúng ta. Chúng ta mất phương hướng và gây ra đau khổ cho thế giới này. Đó là điểm rất quan trọng. Vì vậy, lý do tại sao chúng tôi gọi tham tiền tài là một sự bất tịnh.

Kế đến tham sắc. Tình dục tự nó cũng không tốt hay xấu. Tất cả mọi thứ nợ duyên chính nó sinh ra và sống với nhau với năng lượng tự nhiên của nam và nữ. Nhưng một số người tạo ra điều này nhằm thu hút kho tàng tâm thức bị lừa dối của họ. Một hôm, có người phụ nữ Mỹ đến gặp tôi tại Trung tâm Thiền Providence. Cô là sinh viên tốt nghiệp từ một trường Cao đẳng (College) ở Nữu Ước. Cô kể rằng cô đã có rất nhiều bạn tình và cô đang hẹn hò với người bạn trai thứ bảy mươi bảy (77) của mình tại đây. Cô ấy hỏi tôi: “Tình dục là niềm vui, là nguồn sống của con người, Thầy sẽ nghĩ gì nếu con muốn kết hôn với người bạn trai thứ một trăm của con?"

Ở phương Tây, nhiều người có những mối quan hệ tình dục bừa bãi trước khi kết hôn. Nó không giống như phương Đông, nơi mà đàn ông và phụ nữ ngày xưa quen nhau có thể kỳ hẹn nhiều năm, mà không có bất cứ cuộc tiếp xúc thân mật nào, hoặc với ai khác. Khi tôi biết được rằng đây là người bạn tình thứ bảy mươi bảy của cô, tôi kể cho cô ấy nghe về vị Bồ tát “Vạn Nhơn Mê” trong Phật giáo.

“ Trong Kinh Hoa Nghiêm (Avatamsaka-Sutra) có một câu chuyện rất nổi tiếng về một người phụ nữ chứng đắc thần thông, hiện thân bóng sắc yêu kiều diễm lệ, sử dụng tình dục nhằm mục đích cảm hóa người khác. Kinh nói về năm mươi ba vị thầy tuyệt vời của những phương tiện thiện xảo (skillful means) mà Thiện Tài đồng tử đã trải qua tham học. Vị thầy thứ ba mươi sáu của cậu có tên là Bà-Tu-Mật-Đa còn được gọi là Vạn Nhơn Mê. Cô ấy là một người phụ nữ khả ái, rất đẹp, và đa số người ta tin rằng cô đã tỏ ngộ, chứng được thánh quả. Mỗi ngày, nhiều người đàn ông đến với cô chỉ mong hưởng lạc, nhưng khi gặp cô một lần rồi thì không bao giờ còn ham muốn tình dục nữa. Nhiều, rất nhiều người thương yêu cô bỏ tục xuất gia, tu tập hạnh giải thoát và tỏ ngộ trở thành những bậc thầy tuyệt vời.

Mỹ nữ Vạn Nhơn Mê không bao giờ quan hệ tình dục cho niềm hứng thú riêng mình. Thay vào đó, cô làm cho những người khác chợt tỉnh cơn mê. Cô vẫn giữ tâm sáng suốt, và chỉ đơn giản bằng phương tiện khéo léo để giải trừ tâm tham đắm ái dục của những chúng sanh mê muội. Vì vậy, khi họ đến với cô, cô tìm cách thuyết giáo giúp họ thức tỉnh, giác ngộ. Câu chuyện nổi tiếng này chỉ ra rằng, ngay cả quan hệ tình dục nam nữ, (không phải hàng Thanh văn xuất gia) thậm chí đôi khi có thể được sử dụng nó để giúp đỡ những người khác, nếu phương hướng rõ ràng và tâm lực sáng suốt.

Có nhiều câu chuyện khác về việc sử dụng các phương tiện khéo léo như trong Kinh đã dẫn dụ. Đối với tự chính nó, tình dục không phải là tốt hay xấu. Điều quan trọng là phải hiểu tại sao bạn làm điều đó? Vì dục vọng vô minh, nhằm thỏa mãn thân xác cho chính mình, hoặc vì nguyện lực cảm hóa quần sanh? Mỹ nữ Vạn Nhơn Mê là một vị Bồ tát dấn thân hành động mà không chướng ngại. Việc làm của cô không vì vọng tâm điên đảo, mà là niềm an vui giải thoát của tất cả chúng sanh.(*) _____ (*) Câu chuyện này trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm thứ 39C –"Nhập Pháp Giới". Người dịch xin dẫn chứng cho được rõ ràng hơn: "Trên con đường tầm đạo để thực hành Hạnh Bồ tát, Thiện Tài đồng tử đi lần đến nước Hiểm Nạn, thành Bảo Trang Nghiêm tìm cô gái Bà Tu Mật Đa (Vasumità) là vị thầy thứ 36 của mình do vị ân sư trước đó giới thiệu. Khi Thiện Tài đồng tử đến nơi, nhìn thấy nhà này rộng rãi, đẹp đẽ, có nhiều kỳ hoa dị thảo, vô lượng trân châu, mã não, đá quý, dùng để trang hoàng, những sự nghiêm lệ không thể tả hết. Thiện Tài vẫn còn e dè, vì nghe nói cô gái này là một dâm nữ, sắc nước hương trời, hoa nhường nguyệt thẹn, khiến hằng vạn người say mê đắm đuối, nên cậu coi thường, chẳng muốn vào bái kiến, bèn tự nghĩ: Ta là một thiếu niên trong trắng, chẳng bị nhiễm ô. Không nên để cho nữ sắc cám dỗ. Chẳng làm hạnh ma, chẳng vào cảnh ma, chẳng đắm chìm trong nước bùn ái dục, chẳng bị ma trói. Sao ta lại tìm chi cô gái này?

Có người đã biết công đức trí tuệ của Mỹ nữ Vạn Nhơn Mê, bèn bảo Thiện Tài rằng: "Lành thay, lành thay! Này Thiện nam, nên đến gặp cô gái Bà Tu Mật Đa sẽ được lợi lành rộng lớn. Cậu hãy nên quyết định cầu quả vị Phật, cho chúng sanh làm chỗ dựa nương, nên quyết định nhổ mũi tên độc tham ái cho tất cả chúng sanh, nên quyết định muốn làm trong sạch những ý tưởng tham dục đối với nữ sắc của tất cả chúng sanh." Thiện Tài đồng tử vui mừng hớn hở liền vào tìm gặp cô gái Bà Tu Mật Đa. Cô xuất hiện với dung mạo đoan nghiêm, sắc tướng xinh đẹp, da màu chân kim, tóc xanh, mắt biếc, thân chẳng cao thấp, tay chân chẳng thô kệch, tất cả hàng trời người trong cõi Dục không ai sánh bằng. Tiếng nói thanh thoát hay hơn giọng trời Phạm thế. Tất cả ngôn ngữ, sinh ngữ khác biệt của mọi chúng sanh cô đều hiểu biết. Thấu rõ chữ nghĩa và khéo luận đàm. Chứng được "Trí như" nhập môn phương tiện. Trên thân của cô gái này trang sức bằng những chuỗi ngọc báu anh lạc. Đầu đội mão như ý bảo châu. Lại có vô số quyến thuộc vây quanh, ai cũng đều có căn lành, đều đồng hạnh nguyện, phước đức vô tận. Cô gái Bà Tu Mật Đa từ trên thân phóng ánh quang minh rộng lớn chiếu khắp cả nhà và tất cả cung điện. Người tiếp nhận ánh sáng này soi đến thì thân tâm mát mẻ. Thiện Tài đồng tử bèn đến đảnh lễ quỳ sát dưới chân cô gái Bà Tu Mật Đa, chắp tay cung kính thưa rằng: "Bạch Đức Thánh thiện! Tôi đã phát tâm Vô thượng Bồ

đề mà chưa biết thế nào học hạnh Bồ Tát? Thế nào là hành đạo Bồ Tát? Tôi nghe đức Thánh thiện khéo giáo hóa, xin Từ bi khai thị cho.” Bà Tu Mật Đa nói: “Này Thiện nam! Ta thân chứng được Pháp môn Bồ tát Giải thoát tên là “Ly Tham Dục Tế ”, tùy chỗ sở thích của chúng sanh mà hiện thân. Nếu chư Thiên thấy ta, thì ta là Thiên nữ xinh đẹp sáng chói. Như vậy, nhẫn đến loài người hay quỷ thần muốn thấy ta, thì ta hiện ra là người nữ hay quỷ thần nữ để tiếp cận giáo hóa họ. Nếu có người vì lòng dục mà đến tìm ta, gặp ta giáo hóa, họ nghe pháp ta rồi thì dứt hết tham dục, đạt đến cảnh giới Chánh định Vô sở chấp của bậc Bồ tát. Nếu có người thấy ta, tức thì lìa tham dục mà được Định lực Hoan hỷ của Bồ tát. Nếu có người muốn cùng ta trò chuyện, tức thì lìa tham dục mà được Chánh định Vô ngại Âm thanh Bồ tát. Nếu có người cầm tay ta, tức thì lìa bỏ tham dục mà được thành tựu pháp Chánh định Bồ tát đến khắp tất cả cảnh giới Phật đà. Nếu có người ngồi gần ta, tức thì lìa tham dục mà được Chánh định Quang minh Bồ tát Giải thoát. Nếu có người nhìn ngắm ta, tức thì lìa tham dục mà được Chánh định Tịch tịnh Trang nghiêm Bồ tát. Nếu có người liếc mắt đưa tình với ta, tức thì lìa bỏ tham dục mà được Chánh định Cảnh giới Phật Quang Minh Bồ tát. Nếu có người ôm ta, tức thì lìa bỏ tham dục mà được Chánh định của Bồ tát nhiếp phục tất cả chúng sanh chẳng hề lìa bỏ. Nếu có người hôn ta, tức thì xa lìa tham dục mà được Chánh định Tăng trưởng Kho tàng Phước đức Bồ tát cho tất cả chúng sanh. Phàm có chúng sanh nào thân cận ta, tất cả đều dứt tuyệt tham dục mà được thể nhập Trí Bát nhã Bồ tát hiện tiền, Giải thoát vô ngại.”

Thiện Tài thưa: “Bạch đức Thánh thiện, ngài gieo căn lành gì, tu phước nghiệp gì mà được thành tựu tự tại như vậy?”

Mỹ nữ Bà Tu Mật Đa nói: “Này Thiện nam! Ta nhớ thuở quá khứ có Đức Phật danh hiệu Cao Hạnh. Chủ kinh thành của vua nước ấy tên là Sa Môn. Đức Cao Hạnh Như lai vào thành Sa Môn khất thực, chân Phật vừa bước lên ngạch cổng thành. Liền đó cả thành đều chấn động, cõi đất bỗng trở nên rộng rãi, trang nghiêm với những châu báu, vô lượng ánh quang minh rực chiếu thấu suốt lẫn nhau. Những hoa quý rải khắp mặt đất. Trầm thủy chiên đàn xông ngát hương. Các vị Thiên thần âm nhạc đồng thời hòa tấu với sự có mặt tất cả Thiên chúng đầy khắp hư không.

Thuở ấy ta là vợ của ông Trưởng giả Thiện Huệ, chứng kiến thần lực của Phật như thế, tâm ta liền Giác ngộ. Vợ chồng ta đến chỗ Phật, dâng cúng ngài một nén tiền xưa quý hiếm. Văn Thù Sự Lợi đồng tử đang làm thị giả của Đức Phật Cao Hạnh, vì ta mà thuyết pháp, khiến ta phát tâm Vô thượng Bồ đề. Bởi gieo duyên phước ấy mà ta có được thân sắc đẹp đẽ, đức tướng trang nghiêm, tu mật hạnh Bồ tát, vì chúng sanh tham ái mà thị hiện tướng người nữ để hóa độ mọi người phản vọng quy chơn, thấu triệt Thật tánh Bát nhã hiện tiền, không còn dục vọng khổ đau, luân hồi sanh tử nữa.”

Sau khi kể câu chuyện này cho cô gái đến từ Nữu Ước đó, tôi hỏi cô ấy: “Tại sao con thích quan hệ tình dục? Cho ai? " Cô ta trả lời: “Con muốn chongười con thương và cho chính bản thân con." – Con vẫn chấp vào cái ngã chủ thể “Tôi, Con"như vậy là không tốt. Con phải hoàn toàn buông bỏ “Tôi" đi. Sau đó con chuyển hóa “Ái dục” của con thành “Từ dục” của Bồ tát”. Cuối cùng tôi khuyên bảo: “Cuộc sống của con đã đi qua

hơn nửa đời người rồi. Ngay từ bây giờ, con không nên đi tìm thỏa mãn “dục vọng” riêng chính mình. Hãy phát khởi “nguyện vọng” giúp đỡ thế giới này, và phụng sự tất cả chúng sanh."

Khoảng một năm sau, chúng tôi nhận được thư cô ấy gởi đến cho biết cô đã kết hôn với người bạn trai thứ 77 và sanh một đứa con kháu khỉnh. Cô trở thành một người vợ tốt và một bà mẹ hiền. Như vậy, đàn ông và phụ nữ một khi đã yêu nhau, nên là đối tác cùng nhau trong cuộc sống, không phải là dụng cụ hưởng thụ sinh lý, vật lý của nhau. Họ có thể là những người bạn tốt trong Giáo pháp, nếu họ đang giúp đỡ nhau để thấu hiểu thật tánh của họ, và phải hết lòng tận tụy bằng mọi cách. Không nên suy nghĩ cho bản thân, sau đó quan hệ tình dục không thành vấn đề. Người đó cũng có thể là một Pháp hữu, hoặc là Bạn đạo (Companion on the Path).

Nhưng điều này thực tế vô cùng khó khăn đối với hầu hết mọi người. Những ai quan hệ tình dục với người khác với mục đích chỉ để hưởng thụ khoái lạc cho riêng họ thì

đây là hành động bất tịnh. Đó là lý do tại sao chúng ta gọi một người nào như thế là “bẩn thỉu, tồi tệ”. Bởi vì họ chỉ có quan hệ tình dục một cách vô thức, vô cảm, có khi bạo dâm, cuồng dục, hành hạ đau đớn thân xác phụ nữ hơn thú vật. Điều quan trọng nhất là làm thế nào để bạn quán chiếu sự quan hệ tình dục làm cho nó trong sạch hoặc ô nhiễm.

Tham danh là một điều rất thú vị. Thậm chí tham danh nhiều hơn so với tham dục, nó tiêu biểu cho tiềm năng lớn nhất để làm cho tâm hồn nhơ nhiễm. Hầu hết mọi người bị dính mắc danh và sắc. Mọi người ai cũng tin vào “cái ngã”. Đây là một ảo tưởng cơ bản. Danh và sắc không có tự-tánh, và cái“Ta” này cũng không tồn tại. Chúng được tạo ra hoàn toàn bởi suy nghĩ. Nhưng con người không bằng lòng với điều đó. Họ cũng muốn ảo tưởng của “Ta là" luôn luôn được xưng tụng lớn hơn và nhiều hơn. “Ta đây này”. “Chính tôi đó ". “Tôi là một giáo sư xuất sắc". “Tôi là một diễn viên nổi tiếng". “Tôi là ông bà gì gì đó v.v.." Và họ lấy làm hài lòng tưởng rằng được vinh hạnh, cho đến khi người khác nhận ra “Cái Tôi” giả tạo này bằng cách nào đó được khống chế điều khiển bởi hư danh.

Tại Bắc Hàn, một người đàn ông tin tưởng mãnh liệt vào “bản ngã” của mình, có thể hoàn toàn kiểm soát tâm trí của hằng triệu người dân, thậm chí nhiều năm sau khi ông ta qua đời ! Nếu bạn không tin vào quyền uy bản ngã của ông ta, có thể bạn sẽ phải đi tù hoặc chịu chết. Thật là điên rồ! Mỗi ngày, trên thế giới này người ta tranh giành quyền lực, giết người khác chỉ đơn giản là để bảo vệ tên tuổi và danh tiếng của họ. Những nỗi đau khổ được tạo ra từ sự bất đồng tư tưởng, bất đồng chính trị, bất đồng tín ngưỡng không chỉ giới hạn cho những kẻ độc tài mà những tội phạm đơn phương giấu mặt trong hầu hết các trường hợp.

Tất cả mọi người đấu tranh nhau, dùng mọi cơ mưu, thủ đoạn một cách tàn nhẫn trong cuộc sống hằng ngày, chỉ để đề cao bản ngã của mình với những người khác. Chúng ta nói dối và lừa đảo. Chúng ta tranh luận và bêu xấu nhau không chỉ muốn cho mình danh thơm tiếng tốt mà còn để hiển thị một cái khác, đó là Bản ngã của tôi cao quý hơn

những người khác. Tất cả nỗi khổ niềm đau xuất phát duy nhất từ tư tưởng hão huyền mà mọi người dính mắc vào cái “Tôi" này. Người ta dấn thân qua những khó khăn khủng khiếp để có được danh chức và duy trì vị trí cao trong xã hội. Có khi họ làm những điều xấu ác, thật đáng xấu hổ vì dính mắc tư tưởng hoàn toàn rỗng không này.

Có lần, một người phụ nữ Hàn Quốc là mệnh phụ phu nhân, với địa vị khá cao trong xã hội mà lại có một mối tình lãng mạn rất nổi tiếng. Chồng bà là một bộ trưởng cao cấp trong chính phủ. Bà đã phải lòng với một thanh niên có nhiều tiếng tăm như là Don Juan vậy. Ban đầu, bà dành thời gian lui tới với chàng thanh niên này. Sau đó, anh ta đưa ra yêu

sách buộc bà phải chi tiền, mua xe ô tô và nhẫn kim cương cho anh ta. Anh ta đe dọa rằng, nếu bà không đáp ứng, anh ta sẽ đi loan báo công khai về mối quan hệ bất chánh giữa hai người. Bởi vì bà ấy rất sợ mất danh dự, cho nên bà đã đáp ứng những đòi hỏi của anh ta. Bà để cho anh ta hoàn toàn kiểm soát mình, bởi vì anh ta biết nhược điểm là nỗi sợ hãi lớn nhất của bà về hành vi sai trái này.

Cuối cùng, bà bị phá sản, hậu quả mối tình vụng trộm tiết lộ ra ngoài, mang nhiều tai tiếng. Danh dự của bà đã bị hủy hoại, và chính vì điều này, bà cảm thấy cuộc sống của mình đã đến hồi kết thúc, do đó nhiều lần bà nghĩ đến quyên sinh tự tử. Tất cả đây là kết quả của sự dính mắc sai lầm để những niềm vui tạm bợ thống trị và hoàn toàn trống rỗng từ khi có sự nhìn nhận xúc tác với người khác.

Khi nói tới tham danh, chúng ta không chỉ nói về sự khao khát được trở nên nổi tiếng bởi nhiều người. Hầu hết mọi người khi nghe về từ “tham danh" này, thì phải nghĩ rằng nó chỉ là một thứ tâm “bất tịnh danh" của con người. Nhưng trên thực tế, điều này cũng có nghĩa là tham muốn cho một số loại hình xác nhận, hoặc tán thành của xã hội, được tôn trọng hoặc phổ biến với mọi người. Sự tham muốn này gây ra đau khổ liên tục trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Chúng ta đau khổ khi những người khác không nghĩ tốt chúng ta. Chúng ta ganh tị khi họ chấp nhận một người nào đó mà chúng ta không thích. Có thể chúng ta tạo ra sự bêu xấu hoặc “đả đảo” về người này để lôi kéo họ xuống. Chúng ta ủng hộ và dối gạt để đạt được sự “hoan hô” của người khác chỉ vì chúng ta không muốn bị “chối bỏ.".

Ở châu Á, nhiều người ăn mặc thật đẹp và cố gắng thể hiện cho người khác biết phong cách cao sang của họ, ngay cả họ thuộc thành phần nghèo. Nó cũng giống như một “cái Tôi” cạnh tranh. Tôi biết một người đàn ông có lần lái chiếc xe ô tô rất đẹp và mặc quần áo thật bảnh bao xuất hiện nơi công cộng. Mặc dù ông đã làm việc trong một văn phòng nhỏ và không kiếm được nhiều tiền. Ông muốn những người khác tin rằng ông là một người thành đạt. Ở nhà, ông đã phải từ chối chi trả những món tiền lặt vặt của gia đình, và các con của ông buồn khổ cho thân phận của ông. Ngoài ra nhiều người ở Nhật Bản và Hàn Quốc thúc ép con em họ sống vô cùng khó khăn gian khổ. Kể từ khi chúng được sinh ra, cho đến lúc chúng muốn vào trường đại học tốt, chỉ vì cách sống này nói lên những gì về các bậc cha mẹ đã làm khiến chúng bất mãn. Do vậy, hằng năm có một số sinh viên Nhật Bản hay Hàn Quốc tự sát bởi vì chúng không nhận được

vào các trường đại học hàng đầu và chúng cảm thấy xấu hổ với cha mẹ của chúng. Tất cả điều này xuất phát từ ảo tưởng cơ bản của tâm hẹp hòi về tự ngã “Tôi". Một sự lừa dối cho rằng mọi người cứ tự lực vươn lên trên chính mình và những người khác mà không cần bất cứ sự trợ giúp nào.

Nếu bạn thiền định một cách chính xác, bạn có thể cảm nhận được rằng “cái Tôi” (tự Ngã) này thực sự không tồn tại. Nếu cái Tôi không tồn tại, thì cái gì trở thành danh tiếng, hoặc chính những người khác tìm kiếm được? Nếu mọi người nhận ra rằng “cái Tôi" không tồn tại, họ sẽ không bị hệ lụy quá nhiều và làm người khác phải đau khổ. Chỉ vìdính mắc một số hư vị nổi tiếng cho cái danh “Tôi” này. Ngoài ra họ sẽ không quan tâm khi những người khác dường như tốt hơn, yêu thích hơn so với họ. Do đó lòng ganh tị của những người khác sẽ không xuất hiện vì họ. Tự ngã này chỉ đơn giản là không tồn tại bất cứ nơi nào. Đó là lý do tại sao nếu bạn thiền định, bạn thấu đạt tham danh là một sự nhơ nhiễm.

Tham ăn là thứ dục vọng mà tất cả chúng ta đều thấy rõ. Nó rất mãnh liệt, bởi vì nghiệp của lưỡi hoàn toàn kiểm soát bạn. Trong các ngôi chùa Phật giáo ở phương Đông, như Hàn Quốc chẳng hạn, khi ai đó qua đời, có một buổi lễ cầu siêu hoặc cúng giỗ tưởng niệm quan trọng hàng năm. Sau buổi lễ, luôn luôn có thức ăn ngon của gia đình tại nhà riêng hoặc trong chùa thiết đãi. Ngày và địa điểm của những nghi thức này thường được công bố trong các khu phố mà người quá cố đã từng sinh sống.

Tôi có một môn sinh ở Hàn Quốc, mà người cha của cậu đã có thói quen rất kỳ lạ. Ông luôn luôn mang theo trong túi của mình hai cuốn sổ nhỏ, một cuốn ông viết ngày giỗ kỵ những người đã mất thường tổ chức các buổi lễ cầu siêu tại những ngôi chùa trong khu vực ông ở. Và cuốn sổ kia, ông ghi những ngày mừng sinh nhật mọi người khác nhau. Vì vậy, cứ mỗi tuần ông kiểm tra các cuốn sổ đó. Coi có cha hoặc mẹ, những người thân của ai qua đời vào ngày nào thì ông sẽ đi tới tham dự lễ cúng, hoặc đến lúc vừa kết thúc buổi cầu nguyện. Do vậy, ông luôn luôn được dùng những bữa cơm chay ngon miệng. Điều tương tự khi mừng sinh nhật cũng thế, ông nghĩ: “A!, hôm nay là sinh nhật ông Kim, bữa kia sinh nhật của ông Pak, sau đó sinh nhật của ông Song..." Ông sẽ đi qua nhà họ dự tiệc, ngồi ăn uống rất tự nhiên. Bởi vì lễ lượt như vậy luôn luôn có rất nhiều món ăn ngon và tất cả đều miễn phí. Cho nên ông cứ kiểm tra mấy cuốn sổ, rồi thực hiện ý định “ăn chực” các bữa tiệc mà gia chủ khoản đãi. Hôm nay đến phiên ai? Ngày mai, ngày mốt, có tiệc gì? Cuối tuần này là buổi lễ gì? Ha ha ha!Ha ha ha! (Tiếng cười từ giảng đường).

Lưỡi của ông hoàn toàn kiểm soát ông: “Tôi muốn có được những món ăn ngon mỗi ngày". Vì vậy, ông luôn luôn giữ hai cuốn sổ này. Đó không phải là phong cách tốt đẹp để giữ cho tâm bạn được sáng suốt. Bạn biết không? Tuy vậy ông ta đã không lấy gì thỏa mãn hoặc chịu từ bỏ thói xấu lạ đời này. Mặc dù vợ ông cũng là người đầu bếp khá giỏi, nhưng ít khi ông dùng cơm tại nhà. Thỉnh thoảng, ông cũng đi đến một vài nhà hàng khác nhau để ăn, có khi là nhà hàng Trung Quốc, hoặc nhà hàng Mỹ. Nếu ông ăn cùng những người bạn

khác thì ông vẫn luôn thèm những thức ăn trên đĩa của họ, hoặc phớt lờ đi đĩa thức ăn của mình và để mắt tới các bàn chung quanh người khác. Tính thèm ăn này trong Phật giáo gọi là ngạ quỷ (loài quỷ đói).

Tất cả như thế bắt nguồn từ việc tham muốn quá nhiều trở thành nghiệp. Trên thực tế, trong một số loài động vật có cái tâm rất đơn giản: khi đói nó ăn và khi no nó dừng lại. Nó không phải dính mắc với sự tham ăn, hoặc chấp vào mùi vị. Nhưng con người quá dính mắc vào cái lưỡi của họ, do đó, ngay cả sau khi no đủ, nếu họ thích mùi vị của thực phẩm, họ vẫn tiếp tục thèm ăn. Chính nhiều người sau bữa ăn quá no đầy, thường xảy ra đau bụng hoặc nôn mửa khó chịu do ăn nhậu quá nhiều. Rõ là tham thực cực thân. Nhưng chúng ta cần phải biết điểm chính yếu là ăn để mà sống, chứ không phải sống để mà ăn. Do vậy chúng ta có thể sử dụng việc tái sinh làm người hiếm có này để tu hành đạt tới Giác ngộ. Nếu chúng ta phục vụ cho cơ thể chỉ vì có những ham muốn phù du, tức là chúng ta trở thành nô lệ cho nó. Đó là điều bất tịnh cơ bản: Tham ăn.

Cuối cùng là tham ngủ. Thông thường, hầu hết mọi người trong một ngày, một đêm, ngủ từ 6 đến 8 giờ là quá đủ. Nhưng chúng ta luôn luôn nhìn thấy có những người ngủ gục trong Thiền đường, trong lớp học hay trong văn phòng. Mặc dù họ đã ngủ được 8 giờ vào đêm hôm trước, nhưng khi khởi sự cho khóa tọa thiền với những âm thanh của thiền bảng báo hiệu, họ bắt đầu ngủ gục trên tấm nệm ngồi của họ. Tại sao như vậy? Tham ngủ cũng là một loại ma nghiệp, giống như bất kỳ những thứ khác. Càng ngủ nhiều, bạn càng thèm khát nó.

Trong chùa hay tại Trung tâm Thiền, hằng đêm chúng tôi thức dậy rất sớm để hành thiền. Bởi vì Phật có nghĩa là “tỉnh thức”. Nhiều người đến Trung tâm thiền, nhưng họ không muốn thức dậy sớm với đại chúng, Họ nghĩ: “Không, không. Tôi chưa muốn thức, tôi muốn ngủ. Tôi phải có được tám giờ để ngủ!" Sau đó vị Sư trưởng nói: “Phật có nghĩa là Tỉnh thức. Vì vậy, bạn phải thức dậy ngay đi !" Tuy nhiên, có nhiều người khi ra khỏi trung tâm Thiền về nhà, họ vẫn thức dậy vào lúc 05 giờ sáng để thực hành Thiền. Họ muốn giữ quy luật tại chùa cũng như ở nhà. Thật là tuyệt vời! Thế nhưng có người tuy nói: “Mỗi ngày tôi sẽ thức dậy lúc 05 giờ sáng." Rồi họ đặt đồng hồ báo thức. Đúng 05 giờ, chuông reo– Brrring, brrring, brrring! Làm ồn ào. Rồi tâm họ nghĩ, “Ồ! Giấc ngủ là cần thiết hơn". Sau đó, họ nhấn nút tắt chuông và đi ngủ trở lại. Nếu bạn muốn thức dậy lúc 05 giờ để ngồi thiền, thì khi đồng hồ reo lên, bạn phải thức dậy ngay. Tại sao nhấn nút tắt cho là quá ồn ào để ngủ lại? Làm như vậy có được không? Hoặc nghĩ hôm nay tôi bị mệt, vì vậy nên ngủ thêm, ngủ bù là cần thiết. Đó là động thái không tốt, nó trở thành tật xấu.

Mọi người đều muốn ngủ, và ngủ nhiều, nhiều hơn nữa. Bạn ngủ nhiều thì bạn càng thèm ngủ. Đó là điểm rất quan trọng. Nhưng Đức Phật dạy rằng cuộc đời này là một giấc mơ dài, khi nào bạn mới thực sự tỉnh thức? Nhiều người cho rằng, do họ thường buồn ngủ trong Giảng đường, hay Thiền đường, cho nên họ sẽ không bao giờ có thể tu tập một cách chăm chỉ được. Nhưng điều này không hẳn vậy.

Thuở xưa tại Hàn Quốc, có một nhà sư có tên gọi là Thiền sư Cối Đá (Millstone Master). Trước khi tỏ ngộ, ông không thể kiểm soát hoặc tự chủ giấc ngủ của mình. Cho dù ngồi thiền, hoặc làm việc, hoặc đi bộ, hoặc ăn uống, ông luôn luôn thèm ngủ. Mỗi lần sư phụ đánh thiền bảng báo hiệu bắt đầu thời khóa tọa thiền, sau đó ông lại rơi vào giấc ngủ mê say. Cuối cùng, ông không thể cùng chúng tu tập nơi thiền đường nữa.

Một ngày nọ, trong khi đi bộ trên đường phố, tâm ông mê ngủ mà chân vẫn bước quờ quạng như người say rượu, do đó ông đập đầu trên một thân cây lớn đã bị ngã nằm vắt lơ lửng trên đường. Một vài phụ nữ đứng gần đó nhìn thấy phong cách của ông như thế bèn cười khúc khích cho tình huống rủi ro của ông ta. Ông tự hổ thẹn chính mình. Vì vậy, ông đã quyết định sửa chữa thói xấu này không để cho tái diễn. Ông lấy một sợi dây thừng buộc vào phần trên chiếc cối xay bằng đá khá nặng, mang sau eo lưng ông. Cho dù đi bộ, tu tập hoặc làm việc, ông luôn luôn đeo chiếc cối đá này trên mình. Nếu ông bắt đầu cảm thấy buồn ngủ, ắt sẽ bị té xuống. Cối đá nặng đè lên người làm ông thức tỉnh. Hằng ngày ông đã nỗ lực thực hiện điều này hết sức mãnh liệt. Nhờ vậy, ông đã chinh phục thói quen mê ngủ của mình. Một ngày nọ, sau thời gian tinh tấn hành trì rất chăm chỉ, ông đã tỏ ngộ và trở thành Thiền sư. Đây là câu chuyện của Thiền sư Cối Đá, người đã chiến thắng bệnh tham ngủ ma quái của mình.

Tóm lại, hầu hết mọi người bị hạn chế bởi lòng tham đắm năm món dục của thế gian. Nhưng nếu bạn tỏ ngộ, trở thành một người đàn ông vĩ đại hoặc người phụ nữ siêu tuyệt, thì những thứ tham muốn này không cần dính mắc ràng buộc bạn. Bạn không sử dụng chúng để thưởng thức hoặc hưởng thụ cho chính mình. Bạn có thể hành động với tâm không chướng ngại, chỉ vì mục đích tối hậu cứu độ tất cả chúng sinh. Điều quan trọng nhất cần ghi nhớ là, làm thế nào bạn sử dụng những tham muốn này giúp đỡ người khác?

Quán Vô Ngã (Insight into Nonself)

VẠN TƯỢNG TÂM TƯỚNG (The Characteristics of all external phenomena) (Aspects of the mind)

THÀNH SANH (Arising) (Arising)

TRỤ TRỤ (Stability) (Stability)

HOẠI DỊ (Decline) (Differentiation)

KHÔNG DIỆT (Dissolution) (Extinction)

NHÂN — QUẢ — LUÂN HỒI (Cause) (Effect) (Samsara)

NGUYÊN NHÂN DUYÊN KHỞI KẾT QUẢ (Primary cause) (Dependent origination) (Result)

THIỆN NHÂN —> THIỆN QUẢ ÁC NHÂN —> ÁC QUẢ (Agood cause leads to a good result) (A bad cause leads to a bad result)

Hiện tượng các pháp biểu hiện: Thành – Trụ – Hoại – Không . Nói cách khác, các đặc tính của hiện tượng bên ngoài là: sinh khởi – ổn định – thoái hóa – giải thể.

Vạn vật trong vũ trụ mà chúng ta trải nghiệm qua bốn thời kỳ: Thành – Trụ – Hoại – Không. Đây là thật tướng của các pháp. Bạn nhìn vào cơn mưa hoặc tuyết rơi, nó xuất hiện trong một thời gian và một số hình thức nhất định: rơi xuống, lưu lại, sau đó tan chảy hoặc bốc hơi, và cuối cùng nó đã tan biến.

Con người bắt đầu hiện hữu trong thế giới này là sanh – già – bệnh – chết. Điều này thật sự cũng giống như non núi, sỏi đá, cây cối, động vật, mặt trời, mặt trăng, tất cả mọi thứ xoay chuyển vận hành như vậy. Chúng ta đã từng nghe nói như thế nào về trái đất và mặt trăng xuất hiện chung quanh quỷ đạo mặt trời hằng trăm triệu năm trước, và bây giờ chúng vẫn xoay trong không gian. Kể từ bây giờ trải qua vô lượng kiếp về sau, mặt trời cũng sẽ từ từ nguội lạnh, nổ tung và biến mất. Trái đất cũng sẽ lạnh dần, rồi cả hai mặt trăng và trái đất sẽ tan vở và hủy diệt. Trên toàn thể vũ trụ, thế giới này xuất hiện từ “Không”(Emptiness) và cuối cùng cũng trở về Không. Nó có thể xảy ra trong khoảnh khắc đơn độc, kéo dài như hạt sương, hoặc có thể mất hằng trăm kiếp. Nhưng cuối cùng tất cả các pháp đều như nhau. Tất cả mọi thứ đều trải qua: sanh – trụ – dị – diệt. Đây không chỉ là ý tưởng của Phật giáo mà là định luật tự nhiên trong vũ trụ, bạn có thể quan sát nó ở khắp mọi nơi, mọi lúc. Nhưng có một điều không bao giờ sanh và không bao giờ diệt. Bạn có thể tìm thấy nó chăng? Một trong những môn sinh của tôi đã từng nói: “Hư không là như vậy". Nhưng hư không luôn luôn trống rỗng, phải vậy không? Hư không đến từ đâu? Ha ha ha ha! Vì vậy, chúng ta phải khám phá ra điều đó, không khéo bị sai lầm. Đó là một điểm rất quan trọng.

Các khía cạnh của tâm: Sanh khởi – ổn định – biến thái – hủy diệt. Hoặc theo thuật ngữ Phật học là Sanh – Trụ – Dị – Diệt. Điều này dạy rằng, tâm chúng ta giống như các pháp trong vũ trụ. Nó hoạt động theo những quy luật giống nhau, hàm chứa các loại đất đá, cây cối, mặt trăng và các ngôi sao. Những suy nghĩ của chúng ta liên tục đến và đi. Một ý niệm có thể kéo dài chừng vài giây hoặc vài phút, nhưng tâm ta luôn luôn thay đổi. Tất cả mọi thứ có tên và hình thể sinh ra, duy trì một thời gian, rồi biến thái, và hủy diệt trở về không. Trước đây tâm chúng ta cũng như toàn thể vũ trụ này, đều có bản chất giống nhau như vậy. Mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, núi, sông, cây cối, tất cả mọi thứ chúng cùng tuân theo các định luật. Tâm sanh–trụ–dị–diệt. Điều này thường xảy ra rất nhanh chóng.

Có một ông lão nói rằng, tâm của người phụ nữ Á đông thay đổi mười hai lần giữa nhà bếp và phòng ăn. Thời xa xưa, khi người phụ nữ phục vụ bữa ăn tối cho cha mẹ hoặc cho chồng, cô phải mang một cái bàn nhỏ thấp đến phòng ăn để những thực phẩm từ nhà bếp. Cô tự nghĩ: “Có lẽ cha mẹ sẽ không thích thức ăn này, họ sẽ thích món kia. Có thể sửa soạn cho phần này là hợp khẩu vị. Món đó chưa chắc vừa ý ông bà. Có lẽ mình nấu quá nhiều hoặc quá ít cho món này. Có thể nhiều món ăn, hoặc thức ăn không đủ v.v..” Cứ thế thay đổi, đổi thay, thay đổi, kiểm tra, kiểm tra, kiểm tra, suy nghĩ, suy nghĩ, suy nghĩ. (Cười) Ha ha ha!

Đó là một câu nói của các cụ diễn tả tâm lý của người vợ Á đông ngày xưa, nhưng thực sự nó có thể xảy ra cho tất cả tâm của chúng ta ngày nay. Nếu tâm bạn thay đổi, thì sắc mặt của bạn cũng thay đổi. Đôi khi mặt bạn đỏ, hay vàng, hoặc tối, đôi khi xanh – màu

sắc luôn luôn thay đổi khi suy nghĩ của bạn thay đổi. Khi tâm thay đổi thì sắc mặt cũng thay đổi, bởi vì tâm và vũ trụ này tuân theo quy luật giống nhau. Bạn nhận được "năng lượng" lên cao thì mặt bạn trở thành đỏ ửng; khi năng lượng xuống thấp thì nó trở nên xanh xao lợt lạt. Nếu bạn suy nghĩ quá nhiều, hoặc dính mắc một số cảm giác mạnh mẽ, khuôn mặt bạn trở nên đen tối. Sắc diện này luôn luôn thay đổi. Vì vậy, tâm chúng ta trải qua chu kỳ sanh – trụ – dị – diệt. Nó liên tục xảy ra thật nhanh chóng.

Tất cả mọi thứ có tên (Danh) và hình thức (Sắc) luôn luôn thay đổi vì danh và sắc không có tự tánh. Nếu bạn hoàn toàn thấu được điểm này, thì bạn cũng thấu được tâm này cũng không có tự tánh. Đây là Quán Vô Ngã. Bạn đạt được vô ngã. Vì vậy, Quán Vô Ngã là sự tu tập rất quan trọng để thành tựu quả vị Niết bàn: "A! Thân tôi có sanh và diệt. Đây là bàn tay tôi, đó là bàn chân tôi, kia là đầu của tôi, cái này là cơ thể của tôi. Thế nhưng, thân này đâu phải Tôi. Thân này chỉ đơn thuần là một chiếc xe cho thuê. Chiếc xe của người cho thuê được sản xuất tại Mỹ, những chiếc xe người khác làm tại Hàn Quốc, hoặc tại Nhật Bản…." Nếu bạn đạt được một cách chính xác thân này chỉ là chiếc xe cho thuê, sau đó đạt tới Niết bàn không còn là vấn đề gì, bởi vì bạn thấu đạt sự vô thường của cơ thể này. Xe cho thuê của tôi là vô thường, nó luôn luôn thay đổi, thay đổi, thay đổi. Từ đó tỏ ngộ Chân tánh của tôi là vô ngã.

Nhân–Quả–Luân hồi. Nguyên nhân–Duyên khởi–Kết quả.

Toàn thể khắp pháp giới được hình thành bởi nhân và quả. Mỗi vật đơn độc chúng ta từng trải nghiệm là kết quả của một số nguyên nhân, và kết quả này làm nhân cho một số kết quả khác, do đó nó lại trở thành nhân. Một ngày nọ, Đức Phật đi bộ chân trần trên một con đường đất sỏi với thị giả A Nan. Bỗng dưng Ngài bảo A Nan hãy nhặt lên một bó rơm để trải cho Ngài nằm nghỉ bên vệ đường. Cầm bó rơm trong tay, A Nan ngửi thấy một mùi tanh tanh của cá. Tôn giả nhận ra rằng đống rơm này đã từng được sử dụng phơi cá cung cấp cho thị trường, do đó, Tôn giả đã ném nó đi. Đức Phật nhìn biết bèn hỏi A Nan: –Ông đã ngửi thấy mùi gì đó hả A Nan? –Vâng, bạch đức Thế tôn. Nó có mùi rất tanh của cá, vì vậy con đã vứt nó đi. –Thế à! Ông nghĩ rằng rơm này nguyên thủy có mùi cá hả? –Bạch đức Thế tôn, không. Bởi vì nó đã có lúc dùng trải ra để phơi cá, đó là lý do nó có mùi tanh của cá.

Cả hai tiếp tục bước đi một quãng nữa, gặp một chiếc khăn trắng trên đường phố. Đức Phật bèn bảo: "A Nan! Hãy nhặt lên và xem nó là gì?" A Nan cúi xuống và nhặt nó lên. Phật hỏi: "A Nan! Ông có ngửi thấy mùi gì không? –Dạ thưa Thế tôn, con ngửi thấy một mùi thơm ngát như loại hương đắc tiền. –Ông có nghĩ rằng tấm khăn đó, nguyên thủy có mùi thơm chăng? –Dạ không, thưa Thế tôn. Sở dĩ nó có mùi thơm như vậy là bởi vì có một thời gian nó đã dùng để bọc hương. Đức Phật nói: "Đúng thật như thế, A Nan ! Bây giờ ông đã biết rằng tất cả các pháp trong thế gian này, không có vấn đề nhỏ nhặt nào xảy ra mà không có tác dụng liên tục của nhân và quả."

Tôn giả A Nan thấu hiểu và cảm ơn lời Đức Phật dạy. Nhưng A Nan đã đạt được gì? Ông hiểu rằng luật nhân quả không đến từ một nơi xa xôi nào. Nó không gì đặc biệt. Nguyên nhân và kết quả đến từ điều kiện duyên gần nhất, mối quan hệ gần nhất với

chúng ta trong từng giây phút và trong mọi tình huống. Vì vậy, nó rất quan trọng, mà bạn hoàn toàn hiểu được bản chất thực sự của nhân quả này. Bạn được sinh ra tại nước Mỹ, tôi sinh ra tại Hàn Quốc. Tại sao có một số người tái sinh ở Hoa Kỳ, trong khi những người khác tái sinh tại Hàn Quốc hoặc các quốc gia khác? Một người phụ nữ được sinh ra thiếu một bộ phận nào đó trong cơ thể, một người đàn ông sinh ra bị mù, và một người khác được sinh ra trong một gia đình giàu có, hoặc nghèo nàn. Một người nào đó sinh ra thuộc chủng tộc da đen hoặc da trắng, tín ngưỡng Thiên Chúa giáo hay Do Thái. Có người rất thông minh, hoặc có máu nghệ sĩ. Có phải là một số nguyên nhân tạo nên như vậy. Sự hiểu biết đó rất quan trọng đối với cuộc sống của bạn.

Làm thế nào giữa đất trời bao la, người ta vô số mà một người thanh niên và một cô gái gặp nhau trở thành vợ chồng? Trong số hàng triệu người dân, có nhiều người kết hôn qua mai mối, trong khi những người khác chỉ tự gặp gỡ, rồi yêu nhau và kết hôn. Bất kể các điều kiện (duyên) của mối quan hệ giữa họ, cuộc tác hợp của họ xảy ra như là động lực của nhân và quả. Chuyện đã được rõ ràng rằng thời gian đó và ở nơi chốn đó, người đàn ông và người phụ nữ được nối kết gặp gỡ. Họ đã tạo ra một số nhân với nhau thông qua các hành động trong đời sống tiền kiếp, và khi một số điều kiện nhất định đến với nhau, thì nguyên nhân này dẫn đến kết quả các cuộc gặp gỡ của họ hôm nay. Nó rất đơn giản! Trong thế giới này không có gì xảy ra một cách tình cờ. Tất cả mọi thứ đã được quyết định bởi do các hành động chúng ta đã làm trong cuộc sống kiếp trước của chúng ta. Đức Phật dạy rằng nếu bạn chỉ đơn thuần chạm nhẹ phải một người đi trên đường phố, nó là kết quả của hàng ngàn kiếp sống mà bạn đã tạo ra mối quan hệ với người đó. Bây giờ thử nghĩ có bao nhiêu đời kiếp của sự tác dụng với nhau như vậy, khiến cho bạn rơi vào tình yêu hoặc kết hôn với một người nào đó!

Tất cả các pháp xuất hiện trong lĩnh vực này của mọi chúng sanh, vì một số nguyên nhân chủ yếu hoạt động trong điều kiện nhất định để tạo ra một kết quả. Chúng ta thường gọi là Nghiệp (Karma). Nghiệp tạo do thói quen từ tâm thức của chúng ta. Nếu bạn nghĩ rằng làm một điều gì đó lập đi lập lại rất nhiều lần, tức là bạn tạo ra một thói quen tâm thức. Có nghĩa là bạn có năng lực rất tốt, có thể làm điều đó thêm một lần nữa, một lần nữa, và một lần nữa, cho những điều kiện (duyên khởi) giống nhau. Vì vậy, sự suy nghĩ và hành động chúng ta tạo ra Nghiệp của chúng ta. Xuyên qua tư duy của chúng ta và thông qua các sự lựa chọn, chúng ta đã tạo ra nhiều thật nhiều nghiệp, chúng ta tự mình tác động theo phương cách do nghiệp dẫn: Đây là giáo lý cơ bản của Phật giáo.

Trước đây tôi là người Hàn Quốc, vì vậy tôi đã tạo nghiệp nhất định với người dân và xứ sở Hàn Quốc. Do đó, không phải ngẫu nhiên mà trong cuộc sống này tôi tái sinh ở Hàn Quốc. Tất cả những điều này xảy ra bởi quá trình tự nhiên mà Phật giáo gọi là Nhân quả hoặc Nghiệp. Sanh tiền bạn đã tạo ra nghiệp Mỹ, hoặc nghiệp Ba Lan, hay nghiệp Đức. Đến lúc chết, cơ thể bạn bị hủy diệt, nhưng bạn vẫn mang theo nghiệp này. Sau đó, khi bạn tái sinh, nghiệp này tìm các điều kiện (duyên khởi) và một lần nữa bạn sẽ mang thân của người Đức, hoặc một người Mỹ, hoặc thân người Ba Lan. Tất cả phụ thuộc vào tác dụng của nghiệp mạnh mẽ như thế nào, và những điều kiện duyên

đáp ứng.

Đôi khi một đứa trẻ ở độ tuổi còn thơ có thể chơi đàn rất tốt. Mọi người đều quen thuộc với câu chuyện của Mozart, ông có thể chơi đàn và viết nhạc tuyệt vời từ thuở nhỏ. Làm thế nào được như thế ? Trong kiếp trước, có thể ông đã từng là nhạc sĩ tài danh, chơi những nhạc cụ quá nhuần nhuyễn và rất điêu luyện. Điều đó tạo ra một loại tâm thức mạnh mẽ của thói quen, hay nghiệp. Khi người ấy qua đời, thần thức này đi xung quanh, xung quanh tìm chỗ tái sanh. Rồi sau đó, gặp một người phụ nữ mang thai, có lẽ bản thân cô là giáo viên dạy nhạc. Hoặc là học trò của người đã mất. Hoặc chồng cô thích nhạc. Họ có một mối quan hệ mạnh mẽ trong những hoạt động mà người này đã từng nối kết trước khi họ chết. Thần thức lang thang đáp ứng những nghiệp duyên và kết quả xuất hiện. Đứa trẻ được sinh ra, với bẩm chất thông minh và tài năng siêu tuyệt để chơi violon, hoặc piano trở thành thần đồng rất nhanh chóng. Đứa trẻ đã có nghiệp âm nhạc rất mạnh mẽ, và khi nó gặp gỡ các điều kiện tương tự trong thân thể mới, năng lực thói quen tâm thức này hình thành một kết quả tương đồng thêm một lần nữa.

Chúng tôi cho rằng, bạn có thể kiểm soát nghiệp của bạn. Một số người lại nói bạn có thể kiểm soát số phận của bạn. Điều đó giống hay khác nhau? Một thí dụ để biểu hiện điều này, bạn có thể ngồi dưới một cây táo và chờ đợi một quả táo rơi. Nếu bạn chỉ ngồi đó dù lâu hay mau, đợi một quả táo rơi ngay vào lòng của bạn. Và trong một cách khác,

bạn có thể lắc thân cây hoặc một nhánh táo và gây ra những quả táo rơi, chắc chắn táo sẽ có trong tay của bạn. Dù bằng cách nào, bạn có thể nhận được một quả táo. Cách thứ nhất chỉ đơn thuần là một loại vận mệnh hay số phận, bằng cách ngồi đợi dưới gốc cây này, bạn đã được an bài (destined) mong sẽ có một quả táo cuối cùng rơi vào lòng bạn. Loại số phận này hầu hết mọi người thường được hiểu như vậy. Bạn chờ đợi kết quả của một số hành động để tạo ra một hành động hay sự kiện. Nhưng khi bạn lắc cây táo, đây là đang kiểm soát mối quan hệ nhân và quả của bạn với thế giới này. Hành động của bạn là cái nhân tạo ra cái quả, và quả này trở thành nhân của các hành động hay những suy nghĩ khác. Vì vậy, khi bạn được sinh ra, tất cả mọi thứ đã quyết định cho bạn bởi do “tâm-thói quen” mà bạn đã tạo ra trong vô số kiếp trước. Theo cái quả của bạn trong đời này, bạn có thể kiểm soát cái nhân và quả của bạn, hoặc được kiểm soát bởi chính nó. Nếu bạn muốn thay đổi nghiệp, bạn phải chuyển đổi tâm ý của bạn với quyết chí lớn. Mỗi ngày bạn phải ngồi thiền, tụng kinh và lễ sám. Hoặc trì tụng thần chú (Mantra) cũng rất quan trọng. Sau đó, tâm bạn lắng xuống quay về Bản tánh (Original Nature) của bạn, và bạn có thể kiểm soát những kết quả của nghiệp nơi mình. Bạn cũng có thể ngăn ngừa nghiệp xấu xảy ra nhiều. Đừng đổ lỗi nghiệp xấu của bạn cho những thứ gì. Chỉ cần tu tập tinh tấn. Cắt đứt tâm lười biếng của bạn, và chỉ đi thẳng –không biết.

Lời Phật dạy về nguyên nhân, duyên khởi, và thời điểm kết quả đều tương tự. Ví dụ đây là một que diêm. Que diêm này đóng vai trò cho một số nguyên nhân mà mỗi người nắm giữ bên trong. Dưới những điều kiện (duyên) nhất định, nó có thể trở thành một ngọn lửa, và trong hầu hết các điều kiện khác, nó không thể là lửa. Bao diêm này tiêu

biểu cho một số điều kiện. Khi nguyên nhân chủ yếu gây ra đáp ứng điều kiện duyên này, bạn sẽ có được một kết quả nhất định là cháy. Que diêm có lực đẩy bằng tay của tôi quẹt với bao diêm, và xẹt ra ngọn lửa. Nếu duyên không xuất hiện thì que diêm sẽ không tạo ra kết quả này. Xin nói thêm, một mảnh giấy xuất hiện, sau đó, que diêm này tiếp xúc với giấy nhưng không tạo ra kết quả lửa vì thiếu tác dụng của duyên. Hoặc que diêm và bao diêm cùng có mặt, nhưng tay tôi không tác dụng chúng.

Cũng như thế, Phật giáo dạy rằng mọi người đều có một số nguyên nhân chính trong ý thức của họ. Suy nghĩ của chúng ta tạo ra nguyên nhân này. Nếu nguyên nhân này tiếp tục gặp gỡ một số điều kiện nhất định, nó tạo ra kết quả nhất định. Hết lần này đến lần khác, không có vấn đề mà người ta suy nghĩ hoặc quyết định có thể làm thay đổi nó. Nguyên nhân tạo ra sâu đậm hơn và mạnh mẽ hơn như một kết quả. Nhưng nếu những duyên này không được hội tụ, thì nócó thể chuyển hóa nguyên nhân của chúng ta. Dần dần, theo thời gian, nguyên nhân chính nó tụt giảm xuống thông qua quá trình tự nhiên. Thí dụ một người nghiện rượu. Tham muốn rượu là một nguyên nhân. Rượu –và các cơ hội

để có được nó là duyên. Bất cứ khi nào họ uống rượu, họ làm đau khổ cho bản thân mình, và thói quen của họ trở nên mạnh mẽ hơn. Nhưng nếu có một lý do nào đó, họ mạnh dạn quyết định bỏ rượu – với điều kiện duyên này – sau đó nguyên nhân thèm rượu có thể dần dần giảm xuống. Rượu chính nó không phải là tốt hay xấu. Nếu là nguyên nhân của lòng tham muốn tiếp nhận những điều kiện duyên, sẽ luôn luôn là những kết quả khổ đau. Nó rất quan trọng để nhận ra điều này.

Một nhân tốt dẫn đến một quả lành. Một nhân xấu dẫn đến một quả dữ.

Nếu bạn gieo hạt giống đậu trắng vào mặt đất, bạn sẽ nhận được đậu trắng. Khi bạn trồng đậu xanh, bạn sẽ có được đậu xanh. Bạn không bao giờ có được hạt đậu trắng bằng cách gieo hạt giống đậu xanh. Đậu xanh không bao giờ xuất hiện từ những hạt màu trắng. Giáo lý của Đạo Phật rất đơn giản, và không có gì đặc biệt: Tất cả mọi hiện tượng sự vật xảy ra bởi quá trình tự nhiên. Nếu bạn gieo một nhân tốt, bạn sẽ có được một kết quả lành, hoặc bạn gieo một nhân xấu, ắt phải gặt một kết quả dữ. Tất cả mọi thứ xuất hiện từ chính tâm của chúng ta.

Vì vậy, nếu bạn muốn thấu hiểu nghiệp của bạn và cuộc sống này, bạn chỉ cần nhìn vào bên trong: Làm thế nào để giữ cho tâm tôi hiện tiền? Chính Tâm hiện tiền (Just-now mind) của bạn tạo ra toàn bộ cuộc sống của bạn, như một tia mở rộng ra từ một điểm duy nhất. Khi bạn tạo ra một số hành động tốt, bạn sẽ có được hạnh phúc. Khi hành động của bạn xuất phát từ một nguyên nhân xấu, bạn luôn luôn nhận lãnh khổ đau. Tất cả như thế. Nhiều người nhìn vào cuộc sống của họ và nói rằng “Tại sao tôi luôn luôn khổ đau?” Nhưng trong thế giới này nhân quả rất rõ ràng. Chúng ta đã tạo ra một số “tâm thói quen” – nguyên nhân – vì thế chúng ta nhận được kết quả tương tự nhiều và nhiều hơn nữa, bởi vì chúng ta không thay đổi hoặc giảm đi điều kiện “duyên” khích động nguyên nhân này.

Không chỉ từ đời này, nhưng từ nhiều đời trước chúng ta trải nghiệm qua những hoa trái của suy nghĩ, lời nói và hành động của chúng ta. Thói quen đó dẫn dắt chúng ta bây giờ nhưng đã được tạo ra trong vô số kiếp. Ý thức của chúng ta không thể lay chuyển nó, vì vậy thông thường rất khó để thay đổi thói quen này. Một người luôn luôn làm rất nhiều tiền, có một chiếc xe đẹp, một ngôi nhà khang trang, và một công việc tốt, như thế là thành công trong cuộc sống. Nhưng người khác có thể thông minh hơn, và làm việc chăm chỉ như người này, nhưng không được thành công cho lắm. Tại sao? Vì trong kiếp trước đây, người thành công này đã làm nhiều hành động phước đức mà bây giờ mới có được kết quả tốt đẹp trong đời này. Ông ta đã hết lòng tạo ra thói quen như thế để thành công trong nhiều kiếp, vì vậy trong đời này, thói quen và chức năng đó xuất hiện một cách tự nhiên, gần như dễ dàng. Nó là kết quả tự nhiên của nhiều suy nghĩ và hành động trước đó.

Đồng thời, người thứ hai, tất nhiên cũng cố gắng chăm chỉ, nhưng có lẽ tạo ra những chướng ngại nào đó và những khó khăn thông qua nghiệp đã được thực hiện trong đời quá khứ. Trong khi ông vẫn làm việc siêng năng trong đời này nên gặp phải những trở ngại của nghiệp xuất hiện và chín muồi trong sự tái sinh, nó tạo ra khó khăn cho nỗ lực tốt của mình đơm hoa kết trái.

Chỉ giữ một tâm lành, đó là giáo lý của Phật giáo Tiểu thừa. Nếu bạn luôn luôn đau khổ thì trước tiên bạn phải nhận thức được rằng bạn đã tạo ra điều này chính bản thân mình. “Ồ! Đó không phải là một tai nạn. Đó là lỗi của tôi. Tôi đã gây ra nhiều đau khổ, hoặc trong kiếp này hoặc những kiếp trước. Vì vậy, bây giờ tôi gánh lấy khổ đau”. Khi bạn thực sự nhận thức được điểm này, bạn có thể bắt đầu chuyển hóa nguyên nhân của bạn và có được hạnh phúc. Nếu trung tâm năng lực của bạn không chuyển hóa, thì bạn chỉ cần tu tập thật siêng năng chăm chỉ, sau đó, nó có thể thay đổi bất cứ điều gì. Trong thế giới này, tất cả mọi thứ mà bạn đã trải qua từ cuộc sống trước đây của bạn. Nghiệp của mọi người đã được xác định bởi những suy nghĩ và hành động của họ, với “tâm-thói quen” đã tạo ra trong nhiều kiếp. Vì vậy, trong đời này, từng niệm niệm, thói quen này sanh rồi diệt, diệt rồi sanh tương tục. Đó là tất cả quá trình biến dịch chỉ đơn thuần một cách tự nhiên. Khi bạn thực hành thiền định, dù thế nào, bạn có thể chuyển hóa nguyên nhân này, và sau đó điều kiện duyên thay đổi, dĩ nhiên kết quả phải thay đổi. Hầu hết những người trải qua đau khổ thường đổ lỗi do các điều kiện bên ngoài tạo ra đau khổ cho họ. “Người đó xấu. Họ không tốt với tôi.” Hoặc “Ông luôn luôn xử tệ với tôi, vì vậy tôi đang đau khổ.”

Hơn nữa, tất cả mọi người thường đổ thừa: “Đời làm cho ta đau khổ” hoặc nghĩ rằng cha mẹ, con cái, vợ hoặc chồng, ngay cả chính phủ và xã hội là nguyên do khiến họ đang gánh chịu quá nhiều đau khổ. Vâng, trong một cách thức nào đó, những điều này có thể là nguồn gốc cho thấy được rõ ràng sự đau khổ của chúng ta. Tuy nhiên, nó không phải là cái nhìn quán chiếu đầy đủ. Không ai nhận ra rằng nguyên nhân này thực sự tiềm ẩn bên trong chúng ta, mà chúng ta đã tạo ra trong vô số kiếp làm cho đau khổ. Khi chúng ta tu tập tinh tấn và chuyển hóa nguyên nhân này, thậm chí nếu gặp phải một số điều kiện duyên tồi tệ, không tạo ra kết quả giống như thế. Sau đó, đau khổ

biến mất, cũng như tác nhân của chúng ta đã gây ra sẽ giảm dần thông qua quá trình tự nhiên.

Duyên Khởi (Dependent Origination)

Tùy duyên mà sinh (To arise from conditions)

Theo duyên mà diệt (To be extinct from conditions)

Đây có, kia có (If I exist, that exists)

Đây không, kia không (If I cease to exist, that ceases to exsit)

Chúng ta có thể nhìn vào toàn bộ thế giới này qua hai chiều: thời gian và không gian. Khi nào tâm sanh? Nó thay đổi theo thời gian ra sao? Và khi nào tâm diệt? Chúng tôi đã nói về cách nào các pháp xuất hiện, những thay đổi và biến diệt. Nhưng khi nào tâm khởi đầu? Sau đó bao lâu nó thay đổi, thay đổi, thay đổi trước khi nó biến diệt? Quan điểm này là kích thước của thời gian. Và khi chúng ta quán sát đến không gian, chúng tôi xin hỏi: Cái tách này tồn tại hay không tồn tại? Cây gậy thiền này tồn tại hay không tồn tại? Nếu nó tồn tại, sau đó là gì? Nếu không tồn tại, sau đó là gì? Đó là một cách quán sát kích thước của không gian. Tên gọi là duyên khởi.

Chúng tôi có thể nói rằng Phật giáo Đại thừa có liên quan với những câu hỏi về không gian. Liệu thế giới này tồn tại hay không? Nhân loại chúng sanh có tồn tại hay không? [Thiền sư lấy thiền trượng gõ nhẹ lên tách nước của mình] Cái tách này tồn tại hay không tồn tại? Cái tách này thật hay không thật? Nhưng theo Phật giáo Tiểu thừa có nghĩa là hãy quán chiếu cái tách này xuất hiện bằng cách nào? Khi nào đau khổ xuất hiện? Khi nào tâm xuất hiện, và bằng cách nào? Những gì xảy ra với nó theo thời gian?

Vì vậy, tôi hỏi quý vị: Sự hình thành thế giới này bắt đầu khi nào? Tâm ban đầu chúng ta lúc nào? Làm thế nào để thay đổi nó, và làm thế nào nó biến mất?

Chúng tôi đã trình bày về cách mà các pháp sinh ra trong những điều kiện (duyên) cùng đến với nhau. Khi một điều kiện duyên nào đó xuất hiện, thì tất cả mọi thứ xuất hiện. Khi điều kiện duyên đó biến mất, thì tất cả mọi thứ biến mất. Vì vậy, nếu tôi ở đây, thì mọi hiện tượng sự vật cũng có mặt ở đây. Nếu tôi không có mặt, thì mọi hiện tượng sự vật cũng đều không có mặt. Nói một cách khác, bạn tạo ra thế giới của bạn. Chúa tạo ra thế giới của Chúa. Phật tạo ra thế giới của Phật. Ma quỷ tạo ra thế giới ma quỷ. A tu la tạo ra thế giới A Tu la. Chó tạo ra thế giới của chó. Mèo tạo ra thế giới của mèo, v.v.....

Một người phụ nữ nhìn thấy con chuột bèn sợ hãi la hét, nhưng khi con mèo nhìn thấy chuột, nó rất vui mừng: “À, đây là món ăn ngon cho ta!” Vì vậy, tôi tạo ra toàn bộ thế giới của tôi. Nếu tôi tạo ra một thế giới “tốt” thì tôi có một thế giới “tốt”. Nếu tôi tạo ra một thế giới “xấu” thì tôi có một thế giới “xấu”. Nếu tôi ở đây, thì tôi có thế giới của tôi. Khi tôi chết đi, thì thế giới của tôi cũng biến mất. Nhưng ngay cả khi bạn chết đi, vẫn còn một cái gì đó. Ai có thể nói “Bạn chết rồi !”. Như vậy mặt trời trên không cũng biến mất sao? Không, nếu tôi chết, vẫn còn mặt trời trên không. Nhưng đó không phải là

mặt trời tôi thấy của riêng "Tôi". Đó là mặt trời của người khác. Bởi vì khởi nguyên mặt trời không tồn tại. Chúng ta tạo ra "mặt trời", vì vậy nếu tôi không hiện hữu thì mặt trời của tôi cũng không tồn tại. Như vậy, tâm sanh thì các pháp cùng sanh. Tâm diệt, thì các pháp cũng diệt. Đó là khóa học đầu tiên của Phật giáo.

Câu chuyện sau đây sẽ giải thích rõ hơn: Một ngày nọ, trong khi tôi đang ngồi trong phòng tại Trung tâm Thiền Đạt Ma ở Los Angeles. Có tiếng gõ cửa, một ông cụ người Hàn Quốc bước vào, dáng vẻ rất thanh tú, ăn mặc lịch sự. Với mái tóc bạc và bộ râu cước trắng dài tỏ ra tiên phong đạo cốt. Ông nói: "Tôi muốn gặp Thiền sư Sùng Sơn." Tôi đáp: "Ồ! Vâng, thưa ông! Chính tôi đây!" Rồi ông đưa cho tôi giỏ trái cây lớn khá tươi ngon. Tôi nhận lấy và nói: "Cảm ơn ông rất nhiều, nhưng trước hết, tôi xin để giỏ trái cây này trên bàn thờ cúng Phật. Sau đó chúng ta có thể nói chuyện." Tôi vừa nói, vừa định mang đi, nhưng ông vẫy tay một cách lịch sự: "Không, không. Tôi không cúng những món này cho Phật. Chúng không phải là vật để cúng. Tôi chỉ biếu Thiền sư dùng lấy thảo." Ha ha ha! Sau đó tôi nghĩ: Kể cũng lạ! Nếu ông này là một Phật tử, phải hiểu rằng, ông nên đặt món quà đó trên bàn thờ để cúng Phật trước mới phải. Nhưng ông lại nói 'Không, không'. Do vậy tôi phải xét tâm mình một chút: "Có lẽ ông ấy không phải Phật tử. Có thể đúng, nhưng chả sao." Vì vậy, tôi nói một lần nữa: "Ồ! cảm ơn ông rất nhiều." Nói xong, tôi đặt giỏ trái cây trong phòng. Chúng tôi ngồi dùng trà, bánh quy và vài loại trái cây.

Thế rồi, ông bắt đầu nói chuyện huyên thuyên giống như tôi không có mặt. Ông hoàn toàn hiểu về Tam giáo: Khổng, Lão, và Phật. Ông cũng có kiến thức hiểu biết triết học phương Tây rất giỏi, nói lưu loát về Socrates, Platon, và Aristote. Ông biết các trường phái triết học Đức, Pháp, và Mỹ. Ông hiểu vật lý hiện đại, khoa học, tâm lý học, và văn học... Miệng ông tuôn chảy như một thác nước, quý vị biết không? Tôi không thể nói gì được. (Tiếng cười) Ông hiểu tất cả mọi thứ! Ông cứ nói đi,nói lại những triết lý khác nhau. Trong khi đó, tôi chỉ có thể đáp, " Vâng, thưa cụ! Vâng, thưa cụ! Đúng thế! Vâng, thưa cụ! Đúng thế !" Cuối cùng, sau một hồi lâu ông kể lể với tôi, ông chỉ vào tách trà của tôi và hỏi: "Thưa Thiền Sư, tách trà này từ đâu đến?" Đột nhiên nó giống như phong cách khai thị về Thiền! (Tiếng cười).

Tôi tỏ vẻ hơi ngạc nhiên: "Hừm! Có thể ông lão này là một Thiền sư không chừng." Quý vị biết không? Tôi tỏ vẻ hơi ngờ ngợ một chút... (Tiếng cười lớn). Vì vậy, trước tiên tôi kiểm tra câu hỏi của ông ấy: "Cụ đã hiểu rồi mà" .... –Vâng! Ông nói, Ai đó đã mua cái này trong một cửa hàng và mang nó đến đây! Vì vậy, tôi biết đó không phải là một đáp án theo phong cách Thiền! (Nhiều tiếng cười lớn từ giảng đường.) Ông ta không hiểu gì về Thiền, tôi bèn để tâm nghỉ ngơi một chút ! (Tiếng cười liên tục từ giảng đường.)

Ông này hiểu rất nhiều, rất nhiều điều. Nhưng sự hiểu biết của ông không toàn vẹn. Ông đã không có cái nhìn sâu sắc rõ ràng về thật tánh của cái tách này. Tất cả những gì ông hiểu được từ tư duy mà ông đã đọc trong sách vở. Đó chỉ là những sự hiểu biết về khái niệm. Chúng tôi gọi đó là ngôn ngữ chết (dead words–tử ngữ). Vì vậy, thật cần thiết để đánh vào tâm ông ta một thiền trượng. Tôi nói với ông ấy: – Vâng, cụ nói đúng. Ai đó đã mua tách này trong một cửa hàng và mang nó tới đây. Nhưng cái tách trong

cửa hàng từ đâu đến? Ông trả lời: –Có lẽ từ một nhà máy làm tách. Tôi hỏi: “Và trước khi nó rời nhà máy, nó đến từ đâu?” –Vâng, đó là từ một vị giám đốc của nhà máy. Ông ta có nhiều công nhân làm tất cả mọi thứ. Vì vậy, ông ta đã tạo ra tách này. Tôi bảo: “ A! Cụ trả lời thật chính xác.” Ông nói tiếp: “Vì vậy, giám đốc nhà máy này là một người rất quan trọng. Ông ta đã làm ra tất cả mọi thứ, và bỏ mối cho các cửa hàng. Sau đó, nhiều người mua mọi thứ từ các cửa hàng này”. –Thế à ! Đúng như vậy ... Ông ta không thể trả lời dứt khoát. Ông ta loanh quanh mãi. Tôi lại hỏi:

–Thế thì trong cùng một cách trả lời như vậy, ai đó cũng tạo ra mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, núi, sông, và nhân loại chúng sanh hay sao?. –Vâng, đúng thế ! Tôi hỏi: “Vậy thì ai tạo ra tất cả điều này ?”

Rõ ràng là ông muốn đánh vào tâm tôi với một ý tưởng nào đó, không có sự thật của các pháp. Ông cho là mọi sự vật do một đấng sáng tạo. Vì vậy, sau đó tôi hiểu rằng ông là người theo Thiên chúa giáo. Ông hỏi tôi: –Theo thiền sư, ai làm tất cả điều này? Tôi đáp: “Cụ đã làm!” –Tôi ư? Tại sao thầy có thể nói thế? Ông đã bị sốc. Lưng ưỡng thẳng và khuôn mặt bỗng tái đi. Tôi nói tiếp: “Tôi đã hiểu tâm tôi. Còn cụ chỉ nghĩ là tôi có thể trả lời rằng, Chúa trời tạo ra tất cả điều này. Nhưng tôi là một tu sĩ Phật giáo, làm sao tôi có thể nói rằng Thiên Chúa tạo ra như thế?” Ông đáp: “Vậy làm thế nào thầy có thể nói rằng tôi đã tạo ra mặt trời, mặt trăng, và các ngôi sao?” Ông hét lên: “Có điên không?”

Tôi bèn nói với ông ta: “Thưa cụ, hãy bình tỉnh lắng nghe tôi. Thử nói rằng có một chiếc cầu vồng. Ai đã làm ra cầu vồng này? Đức Chúa Trời? Hay Đức Phật?” Ông lão tỏ ra rất dị ứng một lúc rồi từ từ thư giãn. Ông chớp mắt, trở lại cuộc trò chuyện. –À, um! Có thể do ánh sáng mặt trời chạm hơi nước phun ra, và sau đó là cầu vồng xuất hiện trước mắt tôi. –Vâng, nhưng tôi hỏi cụ cho biết ai làm ra cầu vồng này? Ông đã bị mắc kẹt khá lâu nên không thể trả lời, vì vậy ông gật đầu rồi thốt: – Xin thầy thử nói cho tôi nghe. –Này cụ! Ánh sáng mặt trời, hơi nước, và đôi mắt của cụ xúc tác với nhau để tạo ra cầu vồng này. Đó là sự thật. Do đó, nếu tôi ở đây, thì cầu vồng của tôi thấy hiện ra nơi đó. Nếu tôi không ở đây, cầu vồng của tôi không xuất hiện nơi đó. Cụ có hiểu điều đó không? Vì vậy, nếu có năm người hiện ở đây, sẽ có năm cầu vồng nơi đó. Mỗi người nhìn thấy một cầu vồng. Điều đó rất đơn giản. Hãy nói rằng, tôi đang ở đây, và có ai đó đứng xa mười thước. Sau đó, cầu vồng của tôi là ở đây (chỉ theo một hướng), nhưng cầu vồng của họ là ở đó (chỉ theo hướng khác). Cầu vồng của chúng ta nhìn thấy khác nhau. Đối với tôi, cầu vồng là “đây”, nhưng với cụ, cầu vồng là ở “kia”.

Sau đó, tôi lại đặt một cái tách trên sàn nhà, ngay trước mặt và cách xa chân tôi khoảng sáu inches. Tôi tiếp tục nói: “Đối với tôi, cái tách phải ở đây, nhưng từ nơi cụ đang ngồi, cụ nói nó ở đó ” Ông lão này đã bị mắc kẹt và không thể nói bất cứ điều gì. Cuối cùng ông chỉ lắc đầu. Khuôn mặt ông không mấy gì vui.

Như vậy, mười người có mười cầu vồng. Nếu có hai mươi người, thì có hai mươi cầu vồng xuất hiện. Cầu vồng “của Tôi” nhìn thấy có nghĩa là tôi đã tạo ra cầu vồng của tôi. Nếu tôi không nhìn vào bầu trời, thì cầu vồng của tôi sẽ không có ở đó. Hoặc nếu tôi

nhìn theo hướng khác, cầu vồng của tôi cũng không xuất hiện.

Giáo lý Duyên khởi của Phật giáo giải thích điểm này. Nếu tôi ngồi và nhìn ra ngoài trong khi nói chuyện trên điện thoại, tôi sẽ kể cho bạn bè của tôi: “Thật tuyệt vời, có một cầu vồng rất đẹp!” Nhưng người nghe không thấy có cầu vồng! Nếu bạn đang ở nhà của một người bạn, trong khi tôi nói chuyện trên phone, và bạn hỏi anh ta: “Có cầu vồng ở đó không?” Hay là, cầu vồng có tồn tại hay không? Anh ta sẽ không trả lời cho bạn phương cách có thể. Cũng như bạn có thể nói rằng cầu vồng hiện hữu tồn tại như tôi nói. Lý do là bởi vì tôi tạo ra cho cầu vồng của tôi. Một cầu vồng chỉ là cuộc xúc tác giữa các điều kiện nhất định tại một địa điểm và thời gian nhất định: ánh sáng, hơi nước, đôi mắt và ý thức của tôi. Nhưng cầu vồng tự nó không thực sự tồn tại. Nó không có bất kỳ sự tồn tại độc lập qua các điều kiện duyên. Tất cả mọi người nhìn thấy một đối tượng và nghĩ rằng: “À! Có một vật thể xuất hiện. Vật thể đó tồn tại, cho nên tôi tồn tại.”Cái nhìn qua lăng kính này hoàn toàn mê lầm, có thể bị bác bỏ. Như chúng tôi đã trình bày ở trên, Phật giáo dạy ngược lại, nếu tôi tồn tại thì vật đó mới tồn tại.

Tất cả mọi thứ là như vậy. Tất cả mọi thứ luôn luôn thay đổi, thay đổi, thay đổi, không ngừng nghỉ. Vì vậy, nếu tôi ở đây, thì một cái gì đó có ở kia. Nếu tôi không có ở đó, thì vật đó không có ở đó. Nếu tôi biến mất, thế giới của tôi cũng biến mất. Vâng, bạn vẫn có “thế giới của bạn”; nhưng “thế giới của tôi” đã biến mất vì tôi không còn hiện hữu. Chúng ta tạo ra thế giới của chúng ta. Đây là giáo lý cơ bản của Phật giáo. Bởi vì tôi tạo ra thời gian của tôi, tôi tạo ra không gian của tôi, và tôi tạo ra nhân và quả của tôi. Và sau đó tất cả những thứ này điều khiển chúng ta.

Có một cách khác để cân nhắc quán sát việc này. Một người nhìn xuống trên một gò kiến. Ông nhìn thấy rất nhiều kiến lúc nhúc bò qua bò lại. Chúng tốn rất nhiều nổ lực để mang những mẩu vụn bánh mì, những chiếc que và những miếng lá. Vì vậy, ông cho rằng thế giới này được thu nhỏ mà chúng có. Chúng là hạng rất thấp. Nhưng chúng không quan

niệm như vậy, khi chúng tha dưới những mẩu bánh và lá lớn. Chúng có thể tin rằng hang ổ thế giới của chúng rất vĩ đại, lấp đầy những vật lớn và nặng.

Đôi khi bạn nhìn vào một giọt nước. Trong giọt nước này có hàng ngàn và hàng ngàn siêu vi khuẩn sinh sống, ăn uống, phát triển và chết. Đó là một thế giới nhỏ bé! Nhưng đến một loại vi khuẩn duy nhất lớn hơn, cũng giống như thế giới giọt nước mà bạn quan sát đó là một thế giới rất lớn của nó.

Đến thế giới con người, nó chỉ là một thế giới rất nhỏ. Khi một người nào đó theo một tên lửa được phóng lên không trung và bay xung quanh trái đất. Anh ta nhìn xuống hành tinh này, và nghĩ rằng: “Tất cả nhỏ bé làm sao!” Nếu bạn nhìn ra ngoài cửa sổ của một chiếc máy bay, bạn có suy nghĩ tương tự. Đứng trên mặt đất, thế giới dường như có một kích cở giới hạn, các tòa nhà chọc trời, những ngọn tháp ở trên bạn. Nhưng khi bạn đi lên cao, thế giới của bạn thay đổi, nó có khoảng không gian quá lớn đối với bạn, trong khi trên mặt đất núi non, cây cối, sông ngòi, nhà cửa bất ngờ dường như không đáng kể từ cửa sổ máy bay. Chúng không có ảnh hưởng khó khăn tương tự trong tâm

của bạn từ quan điểm này. Vì vậy, bạn tạo ra thế giới của bạn. Bạn tạo ra thời gian và không gian của bạn. Bạn cũng tạo ra nhân và quả để kiểm soát cuộc sống của bạn. Tất cả những điều này phát xuất từ tâm chúng ta.

Trước hết, thời gian là gì? Quá khứ, hiện tại và tương lai không tồn tại. Đâu là quá khứ? Đâu là tương lai? Bạn không thể tìm thấy chúng ở bất cứ nơi đâu. Mọi người đều biết điều này, nội dung chính của niềm tin đó, ít nhất là thời điểm ngay bây giờ tồn tại và là có thật. Tuy nhiên, nếu ngay cả bạn nói hiện tại tồn tại, nó chỉ là một ảo tưởng lớn. Đâu là hiện tại? Chúng ta vừa nói – Hiện tại, liền tức khắc nó đã trở thành quá khứ. Trong khoảnh khắc bạn nói rằng "thế giới – ngày nay" thì nó đã trở thành quá khứ rồi ! Suy nghĩ của bạn tạo thành quá khứ, hiện tại và tương lai, vì vậy bạn có thời gian.

Bạn tạo ra thời gian. Và thời gian mà bạn tạo ra là thời gian của bạn, không phải thời gian của tôi hay bất cứ của ai khác. Hãy cho chúng tôi ví dụ rằng có một người đàn ông đang lái xe đón vợ đi làm về. Họ thường hẹnra sở làm lúc 05 giờ chiều, nhưng hôm nay 6 giờ 30 mà cô ấy vẫn chưa ra khỏi sở. Nếu cô ấy về muộn, anh ta sẽ tỏ ra có một chút bực bội với cô ấy. Đây là quan điểm của tâm tôi – thời gian của tôi. Có thể sở dĩ cô ấy về trễ vì cô đang làm việc thêm một cái gì đó trong văn phòng cần thực hiện cho xong, hoặc có một cuộc họp bất thường chẳng hạn.

Thời gian của cô ấy qua rất nhanh và cô ấy sẽ không có gì tức giận. Nhưng trong khi người chồng đang chờ đợi ngoài xe, thời gian của cậu ta đi qua chầm chậm, và trở thành lãng phí. Thời gian của cậu ta là thời gian đau khổ, đi qua từ từ. Nhưng thời gian của cô ấy không giống như vậy. Cô có thể làm việc chăm chỉ, đáp ứng thời hạn, và cùng khoảng thời gian vật lý như nhau, nhưng thực sự trôi qua quá nhanh để cho cô ta hoàn tất nó. Đây là thời gian tâm lý. Chúng ta làm cho thời gian tốt hoặc xấu, vui hay buồn. Chúng ta dành thời gian với tâm lý suy nghĩ của chúng ta. Chúng ta tạo ra thời gian dài hoặc ngắn rồi chọn nó tốt hay xấu.

Đây là một ví dụ khác: Vào lúc 8 giờ tối, bạn đi đến một sàn nhảy, và bạn đang nhảy múa với tất cả bạn bè thân thiết của bạn. Đó là một bữa tiệc dạ vũ tuyệt vời. Mọi người đều có một thời gian vui thích. Sau đó tại một thời điểm, bạn nhìn vào đồng hồ của bạn: "Ồ, đã 11 giờ 30 khuya rồi, đến lúc phải về nhà thôi! Thật quá tệ!" Ba hoặc bốn giờ vui chơi vượt qua như thể một giờ. Nhưng sau đó vào một dịp khác đi đến sân bay để đón bạn gái của bạn. Bạn đã không thấy mặt cô ấy trong một tháng, bạn rất lấy làm vui mừng mong gặp lại nhau. Nhưng máy bay này bị trễ mất một giờ. Những giây phút trôi qua chầm chậm, nó dường như rất dài. Bạn nóng lòng tự hỏi: "Tại sao chiếc máy bay này chưa đến? Tôi muốn gặp cô ta sớm." Nhưng máy bay lại trễ mất. Một giờ bạn chờ đợi bạn gái là thời gian khá lâu, cảm thấy như một tháng hoặc một năm. A! Thật là đau khổ! (Nhiều tiếng cười)

Nhưng tại các sàn nhảy, bạn khiêu vũ với bạn bè trong khoảng thời gian đôi ba tiếng, bạn cảm thấy như nó trôi qua trong năm, mười phút. Còn sự chờ đợi này – Chỉ có một giờ. Thật là quá tệ! Ha ha ha! Vì vậy, tâm của bạn làm cho dài hoặc ngắn. Tất cả đều xuất phát từ suy nghĩ của bạn: Làm thế nào để giữ cho tâm bạn hiện tiền, ngay bây giờ?

Bạn có loại tâm nào?

Suy nghĩ của chúng ta cũng tạo ra không gian, bởi vì ban đầu không gian quá đơn giản là không tồn tại. Nước Mỹ thì ở đây, và Hàn Quốc là ở xa nơi đó. Mỹ có Bắc, Nam, Đông và Tây, Hàn Quốc cũng có Bắc, Nam, Đông và Tây. Nhưng phía Bắc của nước Mỹ, khác với phía Bắc của Hàn Quốc, phía Nam, Đông và Tây cũng vậy.Tôi ở đây, tôi có Bắc, Nam, Đông,Tây. Khi tôi đi khỏi, đâu là phía Bắc, Nam, Đông,Tây của tôi?

Một người đã chết có Bắc và Nam không? Không có thứ gì cả, đúng không? Ha ha ha! Ngoài ra hai người đàn ông đứng đối diện nhau. Một người đàn ông nâng cánh tay phải của mình và chỉ thẳng vào bức tường bên cạnh anh. – Đó là bức tường bên phải. Nhưng với người đàn ông đối diện với anh, lại là bức tường bên trái ! Cái nào đúng? Nếu có một trăm người trong một căn phòng lớn, từng phải đối mặt với một trực tiếp duy nhất khác

nhau, và mỗi người thực hiện điều này, có thể bạn sẽ có một vấn đề lớn. (Cười) Đây là nơi mà tất cả các cuộc chiến tranh và xung đột phát xuất. Lý do là vì tất cả mọi người tạo ra trái và phải của họ. Và tất cả mọi người đều tin rằng một bên trái của họ là đúng.

Vì vậy, như chúng ta thấy, chính chúng ta tạo ra thời gian và không gian của chúng ta. Chúng ta tạo ra nhân và quả của chúng ta, và tất cả những điều này kiểm soát cuộc sống của chúng ta. Nhưng làm thế nào sự kết nối này với duyên khởi tạo ra? Thời gian điều khiển nguyên nhân, trong khi không gian kiểm soát duyên và kết quả không thể tránh khỏi. Khi thời gian trôi qua, nguyên nhân của chúng ta luôn luôn có khả năng thay đổi, thay đổi, thay đổi.

Bạn có thể xem nó như một chữ thập: thời gian được thể hiện bởi một đường ngang, luôn luôn cắt với không gian bằng đường dọc thẳng đứng. Vì vậy, nguyên nhân của chúng ta luôn luôn giao nhau ở một số điều kiện duyên, và chúng ta có được kết quả đó. Thật dễ dàng nắm bắt. Nếu bạn có một số tình huống, hoàn cảnh, đó là không gian. Tình huống của bạn cũng là vị trí của bạn, căn phòng của bạn, mối quan hệ của bạn, nhà ở, kinh nghiệm, cuộc sống của bạn. Nguyên nhân trong tâm bạn cắt một số điều kiện duyên hoặc tình huống và tạo ra một kết quả: đau khổ.

Đây là lý do tại sao chúng tôi nói rằng bạn không cần phải dính mắc với hoàn cảnh hay tình huống của bạn. Nếu bạn giữ tình huống và hoàn cảnh của bạn, sau đó nguyên nhân không thể biến mất: nó luôn luôn bị nung nấu khích động bởi sự xuất hiện của một số điều kiện duyên mà bạn nắm giữ, và gây ra hầu như mỗi lần đau khổ tương tự. Đau khổ này sau đó tạo thành mạnh mẽ hơn ban đầu. Thời gian và không gian, nguyên nhân và duyên cùng đến với nhau. Đó là một cái gì mà bạn thực hiện, và bạn không thể nhận ra nó, nếu bạn không mang khỏisự suy nghĩ của bạn. Ví dụ nếu ai đó đang dính mắc với rượu, và các chất gây nghiện, và nếu chúng bị dính mắc một số điều kiện cho phép họ uống rượu, sau đó họ luôn luôn nhận lãnh đau khổ. Bất cứ những mục đích ý thức của họ có thể được, nếu nguyên nhân này hội tụ với điều kiện này, một số loại đau khổ sẽ được phát sinh, hoặc ngay bây giờ, hoặc sau đó.

Chúng tôi xin được nói lên rằng, đa số phụ nữ đã bị tổn thương tâm lý cũng như vật lý là bởi những người đàn ông gây ra. Sự trải nghiệm đó tạo thành một số nguyên nhân trong tâm các cô ấy. Nếu cô ấy ôm giữ những trải nghiệm này một cách mãnh liệt, nó trở thành một loại tác duyên. Sau đó, cô ấy luôn luôn nghĩ rằng: "Tôi là một người phụ nữ đã bị xâm hại tổn thương. Tôi không thích đàn ông nữa". Đó là một tác duyên. Nếu giữ tác duyên này như là một tình huống, thì nhiều loại đau khổ sẽ xuất hiện trong cuộc sống của

cô ta. Nguyên nhân của cô ta luôn luôn muốn vượt qua tình huống. Nhưng bất cứ nơi nào, cô ấy vẫn bị ám ảnh và ký ức nhớ lại đau khổ này không những ở đời này cũng như đời sau.

Đọc ngay cả một trăm cuốn sách sẽ không làm cho nó biến mất. Điều trị cũng sẽ không mang nó đi khỏi. Nếu bạn thực sự muốn làm cho đau khổ của bạn được tiêu trừ, bạn không phải tạo ra thời gian và không gian. Không tạo ra nhân và quả, không chấp giữ nhân và quả. Buông xuống ý tưởng của bạn, điều kiện tác duyên và tình huống của bạn, thì từ từ theo thời gian, nguyên nhân tự nó biến mất. Bạn tạo ra thế giới của bạn. Nhưng nếu bạn giữ Tâm không biết–luôn luôn và ở khắp mọi nơi –thì đó là vượt thoát thời gian và không gian rồi. [Đập gậy thiền xuống bàn.] Trong thời điểm này, thời gian và không gian không thể kiểm soát bạn. Nguyên nhân biến mất, và bạn có thể sử dụng bất kỳ điều kiện hoặc tình huống trong cuộc sống của bạn, chỉ vì phụng sự cho tất cả chúng sanh. Tên đó gọi là Tự do – Tự tại. Bạn có thích như thế không?

Vì vậy, Đạo Phật dạy rằng chúng ta phải hiểu toàn thể thế giới này như nó hiện hữu. Chúng ta không nên dính mắc với thế giới của chúng ta. Cách mà chúng ta nhìn sự vật, được giới hạn bởi những ý tưởng và kiến thức, cũng như điều kiện và tình huống của chúng ta.

Trái đất và mặt trăng xoay quanh mặt trời. Đó là một thế giới nhỏ. Trong mối quan hệ Trung–Hàn, chúng tôi gọi Trung Quốc là "sok chon", ông trời con, cũng là một thế giới nhỏ. Nhưng Phật giáo dạy một góc nhìn rất phổ quát. Tên đó là "dae un gae", đại vũ trụ hoặc đại thiên thế giới, một hệ thống năng lượng mặt trời rất lớn. Nhưng ba ngàn hệ thống năng lượng mặt trời cộng chung nhau mới được coi là một thiên hà cỡ trung. Rồi nhân lên thành ba triệu thiên hà, bạn có thứ gì? Vũ trụ dường như vô cùng rộng lớn, không ngằn mé. Vì vậy, thế giới của con người là một thế giới rất nhỏ. Có hàng triệu những thiên hà trong vũ trụ. Phật giáo dạy chúng ta mở rộng loại tầm nhìn này. Sau đó, chúng ta sẽ không để bị cám dỗ,làm cho quan điểm nhận thức nhỏ hẹp, đối với thế giới này mà chúng ta tạo ra với suy nghĩ của chúng ta. Bằng cách đó, chúng ta hãy quan sát thế giới vi khuẩn, thế giới loài kiến, thế giới động vật và thế giới thực vật. Nhiều người chỉ sống trong một thế giới rất nhỏ, được tạo ra bởi ý tưởng của họ, thích và không thích của họ. Nhưng Đức Phật dạy chúng ta phải giữ cho tâm mình rộng lớn, cởi mở và sáng rõ như hư không. Sau đó, chúng ta có thể luôn luôn hành hoạt Từ bi đối với người khác. Đó là điểm rất quan trọng.

Thật quá dễ dàng để xem cách bạn tạo ra thế giới của bạn và bất cứ điều gì bạn trải nghiệm trong nó. Tuy nhiên, một số người nói rằng Thượng đế sáng tạo ra thế giới này. Nhưng ai tạo ra Thượng đế? Hãy nhớ, tất cả mọi thứ xuất hiện từ một số nguyên nhân –

Điều này được hiểu bằng Trí tuệ Giác ngộ. Vậy nguyên nhân của Thượng đế là gì? Ai làm ra nguyên nhân? Một số người nói rằng Thượng đế hiểu tất cả mọi thứ. Thượng đế tạo ra thiên đường và sau đó tạo ra nhân loại chúng sanh. Kinh Thánh nói Thiên Chúa đã dựng nên cây trí thức, biết phân biệt điều thiện và điều ác. Sau đó, ngài phán: "Nếu các ngươi ăn những trái cây này, các ngươi sẽ mắc tội lỗi và nhận lãnh cái chết." Điều phán ra như vậy, Thiên Chúa chắc chắn bị dính mắc với một cái gì đó: "Ta tạo ra cây này. Sau đó, nếu chúng ăn những trái cấm ấy, chúng sẽ hiểu biết tất cả mọi thứ, ta sẽ ban cho chúng cái chết."

Nếu Thiên Chúa thật sự yêu thương loài người, ngài có thể vứt bỏ đi loại cây ấy mới phải. Đằng này ngài mắc phải sai lầm lớn. Tại sao ngài không mang nó đi? Cũng giống như ngài tạo ra một số kẹo có chất độc, đặt nó ở phía trước mặt con cái của quý vị, rồi sau đó bảo với con của quý vị là đừng ăn nó. Kẻ tạo ra kẹo độc rồi đổ lỗi cho con quý vị vì ăn nó mới bị ngộ độc và chết. Có sai lầm không? Như vậy Thượng đế đã tạo dựng cây này với dụng ý gì? Cho nên những lời dạy về nguyên nhân và duyên khởi (của Đức Phật) rất thú vị. Chúng thật sự đơn giản và rõ ràng. Ai tạo ra điều này? Ai gây ra điều đó? Không phải Thiên Chúa tạo ra cây này, và cũng không bất cứ điều gì cũng xuất phát từ nó, không có Adam và cũng không có Eve. Nếu nói Thiên Chúa là độc tôn sáng tạo ra tất cả, vậy thì ai tạo ra Thiên Chúa? Ai tạo ra cây và cho là tất cả những đau khổ đều đến từ nó? Nếu bạn muốn hiểu ai tạo ra Thiên Chúa, đây là một gợi ý: Phải nói, Chúa đã bị một sai lầm lớn! Nếu bạn mở miệng, nguyên nhân xuất hiện. Nếu bạn khép miệng lại, tức thì nguyên nhân biến mất. Nó rất dễ dàng để quán sát. Không tạo ra Chúa. Không tạo ra Phật. Từng khoảnh khắc, không tạo ra bất cứ điều gì. (Vô tác, vô vi).

Thuyết Mười Hai Duyên Khởi (The Twelve Links In The Chain of Dependent Origination)

1) Vô Minh (Ignorance)
2) Hành (Mental formations) (karma)
3) Thức (Consciousness)
4) Danh Sắc (Name and Form)
5) Lục Nhập (The six Senses)
6) Xúc (Contact)
7) Thọ (Sensation)
8) Ái (Desire)
9) Thủ (Clinging)
10) Hữu (Existence)
11) Sanh (Life)
12 Lão,tử, ưu khổ (Old age, suffering, death)
Đối chiếu Mười hai Duyên khởi

Tiêu cực Tích cực

Vô Minh Minh Hành Bồ Đề Tâm (Đại Nguyện) Thức Trí Danh Sắc Thân Thị Hiện Lục Nhập Thân Thọ Dụng Xúc Xúc Thanh Tịnh Thọ Thọ Thanh Tịnh Ái Từ, Bi, Hỷ Thủ Tự Tại, Vô Nguyện (Xả) Hữu Diệu Hữu Chân Không Sanh Vô Sanh Lão Tử Hiện pháp Niết Bàn

Đức Phật chỉ ra rằng có một chuỗi mắc xích liên kết rất rõ ràng về tâm thức vô cùng tinh tế, luôn luôn dẫn đến đau khổ. Mỗi khâu là tác dụng của khâu liên kết trước đó, và trong điều kiện (duyên) chuyển biến hoặc tạo ra khâu kế tiếp. Khi thực hành thiền thật tinh chuyên, bạn có thể cảm nhận được chuỗi này sanh và diệt trong tâm bạn từng sát na, từng niệm niệm. Nếu bạn hoàn toàn giữ Tâm không biết, thì dù cách gì chăng nữa, chuỗi của Mười hai Nhân Duyên không bao giờ sanh và diệt qua đồ hình chuyển hóa trên đây.

Chuỗi bắt đầu với sự xuất hiện của ý nghĩ duy nhất trong tâm chúng ta: Đó là Vô minh hoặc si mê, thiếu hiểu biết. Vì vô minh nên không nhận thức được thế giới này là vô thường, mà cứ tin nó là có thật và tồn tại vĩnh hằng. Đây là điểm rất đơn giản. Khi chúng ta không nhận ra luật vô thường, mà cho rằng suy nghĩ của chúng ta với tất cả mọi thứ chung quanh là có thật, rồi cho là một số hiện tượng sự vật không thay đổi, nó tồn tại một cách độc lập. Do đó vô minh quấy động làm cho chúng ta trở nên dính mắc với những suy nghĩ, những tham muốn, liên hệ đến cuộc sống cảm giác của thân tâm chúng ta. Chính vì vô minh, thiếu hiểu biết, cứ ảo tưởng cho rằng tất cả các pháp tồn tại và có thật, cho nên nó dẫn đến một số xung lực ý tưởng cấu tạo tinh thần gọi là Hành nghiệp. Đó là sức mạnh của thói quen mà chúng ta đã mang theo từ đời này sang đời khác. Xuyên qua năng lực tập quán của những cấu tạo tinh thần thì Thức xuất hiện. Nó là ý thức và tàng thức được liên kết với hạt giống nhân, khởi đầu của một số tập họp suy tưởng “Tôi là”.

Từ điểm này, suy nghĩ và ý thức bắt đầu tạo ra các lãnh vực Danh và Sắc. (Sắc là vật chất, sinh lý; Danh là tâm lý) Một khi bạn đã nuôi dưỡng tri giác này của “Tôi là”, bạn tạo ra những ý tưởng về những điều mà không phải là một phần của Tôi này. Sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý bắt đầu hiện diện gọi là Lục nhập. Sau đó con người bước vào lãnh vực cảm giác, những thứ trong thế giới của danh và sắc. Chúng ta trải nghiệm những cảm giác trên sáu căn qua đối tượng với sáu trần gọi là Xúc. Từ điểm tiếp xúc này, ý thức hoàn toàn kiểm soát bởi kinh nghiệm thói quen của chúng ta về sáu giác quan dẫn đến Thọ.(Thọ dễ chịu, khó chịu hay là trung tánh). Nếu một ham muốn cho cảm giác tăng lên dễ chịu gọi là lạc thọ, và cảm giác lạc thọ nàycó sự duyên sanh ham muốn một cách tự nhiên gọi là Ái: “Tôi thích điều đó. Tôi muốn nhiều hơn. Tôi cần hơn nữa”, loại tâm ái này xuất hiện. Bây giờ, “Tôi” đã có danh và sắc, thông qua sáu giác quan đã trở thành dính mắc với thế giới này bởi nhiều cảm giác chấp giữ của chính nó gọi là Thủ. Do đó, họ tin có một số tồn tại đi theo sau. “Tôi suy tư, vì vậy tôi hiện hữu”. “Tôi thấy, do đó tôi có mặt ở đây”. “Tôi nghe, cho nên có tôi.” Đó là Hữu. Nếu một cái gì đó có mặt và tồn tại, thì sau đó nó sẽ vắng mặt, không tồn tại. Trong giai đoạn này có nghĩa là sự hình thành đời sống gọi là Sanh. “Tôi còn sống. Tôi ba mươi tuổi”. Khi suy

nghĩ tạo ra cuộc sống của chúng ta, nó cũng làm cho già

suy, đau khổ, lo nghĩ và cuối cùng dẫn tới cái chết là Lão tử ưu khổ. Đây là thế giới đau khổ của chúng ta và cũng là chuỗi Nhân Duyên hình thành đời sống của mỗi con người. Đức Phật đã chỉ ra phương cách để dứt trừ sự khổ đau là làm cho mỗi mắc xích biến mất. Nó rất rõ ràng.

Dây chuyền của lý Duyên khởi cho thấy rằng tôi tạo ra thế giới của tôi. Tất cả đều xảy ra trong một khoảng thời gian rất ngắn. Nếu vô minh sanh khởi trong tâm tôi, sau đó sanh và tử sanh khởi. Tôi tạo ra nỗi đau khổ của tôi. Nhưng vô minh từ đâu tới? Làm thế nào để bạn không tạo ra vô minh?

Trước đây khá lâu, có một Giảng sư rất nổi tiếng người Tích Lan đến Trung Tâm Thiền Providence để ban cho những buổi thuyết pháp nói về Phật giáo Nguyên thủy. Ông giảng trong hai ngày với nhiều chủ đề, và nói khá dài về Mười Hai Nhân Duyên. Sau khi kết thúc buổi giảng, một thiền sinh hỏi ông: –Thưa Giảng sư, ngài vừa nói rằng vô minh là mắc xích đầu tiên gây ra bất cứ điều gì, bao gồm cả sanh, lão, bệnh, tử. Vậy con xin hỏi khi nào vô minh sanh khởi? Và tại sao nó sanh khởi? Giảng sư trả lời: “Đức Phật dạy vô minh tự chính nó sanh khởi.” Nhưng sự trả lời này không đáp ứng câu hỏi của thiền sinh, vì vậy cậu ấy hỏi lại một lần nữa: –Thưa Giảng sư, thế thì làm thế nào nó sanh khởi bởi chính nó, và tại sao nó sanh khởi? Nếu tất cả mọi thứ tạo ra mọi thứ khác, thì những gì tạo ra vô minh?

Sau đó, Giảng sư im lặng trong giây lát. Ông suy nghĩ, suy nghĩ, suy nghĩ, nhưng không thể nhớ hết những gì trong kinh điển nói về việc này. Ông đã hoàn toàn bị mắc kẹt và không thể trả lời được. Ha ha ha! Vì vậy, điểm này rất quan trọng: Khi nào vô minh sanh khởi, và tại sao? Nếu bạn thực hành thiền định với quyết tâm lớn, cuối cùng bạn sẽ thấu hiểu điểm này.

Vậy thì khi nào vô minh sanh khởi? Quý vị có hiểu không? (Không một ai trả lời) Không biết hả? Ha ha ha ! Câu trả lời rất, rất rõ ràng. Tôi sẽ nêu cho quý vị một gợi ý: Nếu bạn mở miệng, vô minh xuất hiện. Nếu bạn hỏi tại sao vô minh sanh khởi, thì ý niệm trong câu hỏi của bạn cũng sanh khởi. Như vậy, do bạn có một câu hỏi, cho nên vô minh sanh khởi. Nếu bạn không có câu hỏi, vô minh không bao giờ sanh và không bao giờ diệt. Do đó, bạn phải hiểu được điểm này. Tu tập tinh chuyên là cần thiết! (Cười) Ha ha ha! (Được như vậy thì mười hai nhân duyên tiêu cực sẽ chuyển thành tích cực như đồ biểu ở trên. ND)

Tứ Diệu Đế (The Four Noble Truths)

1) Khổ (Suffering)
Tất cả các pháp là Khổ
2) Tập (Origination)
Mười Hai duyên khởi, thuận quán
3) Diệt (Stopping)
Mười Hai duyên khởi, nghịch quán

4) Đạo (The Path)

Con đường –Bát Chánh Đạo

Đức Phật dạy rằng cuộc sống này là một đại dương đau khổ. Trong tiếng Trung Hoa và Hàn Quốc, thuật ngữ này là "Khổ hải" (Go hae). Các pháp đều vô thường, vì vậy tất cả mọi thứ luôn luôn thay đổi, thay đổi, thay đổi. Bởi do chúng ta dính mắc với các pháp, cho nên liên tục bị khổ đau.Khởi đầu chúng ta vô tư, xem thường, nhưng về sau chúng ta yêu thích mọi thứ, và chúng vẫn phải luôn luôn thay đổi, biến diệt và trở về Không. Tuy nhiên, con người rất si mê, không hiểu điều này, không hiểu cuộc sống của chúng ta quá dẫy đầy đau khổ. Đây là lý do tại sao Đức Phật thuyết minh Chân lý thứ nhất– Khổ đế.

Trong một khóa học, nhiều tôn giáo dạy rằng cuộc sống này có ít nhiều đau khổ. Nhưng chỉ có Đức Phật chứng ngộ là sự đau khổ này do tâm tạo và nó có thể chuyển hóa hoặc dứt trừ trong thoáng chốc. Chúng ta đạt được sự quán chiếu vào tự tánh của chúng ta. Chúng ta thậm chí tạo ra "Tâm". Tuy nhiên, tâm bạn ở đâu? Bạn có hợp nhất không? "Cái Tôi" này là gì? Không ai hiểu điểm đó, vì vậy mới có khổ đau. Con người huân tập rất nhiều đau khổ cho mình và gây ra cho những chúng sanh khác vì con người không hiểu tâm của họ. Đức Phật chỉ ra sự khổ này xuất hiện từ vô minh. Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh sắc, Danh sắc duyên Lục nhập v.v..... Khi vô minh xuất hiện trong tâm chúng ta thì "cái Tôi" cũng xuất hiện, và sau đó tất cả mọi thứ xuất hiện... sanh– tử, tốt–xấu, vui–buồn, mặt trời, mặt trăng, tinh tú... Tất cả mọi thứ được tạo ra hoàn toàn bằng tâm đơn độc của chúng ta. Đó là Mười Hai Nhân Duyên theo thuận quán và cũng là chân lý thứ hai. –Tập Đế.

Nhưng làm thế nào để chúng ta có thể ra khỏi đại dương đau khổ này? Đây là một Câu hỏi lớn, một Đại nghi tình của Đức Phật lúc chưa thành đạo. Là một thái tử trẻ sống trong cung điện đẹp đẽ, bao quanh bởi sự giàu có và sang trọng, nhưng Ngài tràn đầy nhàm chán dục vọng và khổ đau của con người, Ngài phát nguyện tìm ra đáp án cho Đại nghi tình tự nơi mình. Ngài đã từ bỏ danh vọng địa vị cao sang và quyền lực của mình, dấn thân vào rừng sâu, tu hành khổ hạnh trong sáu năm và tự hỏi: – Sanh là gì? Tử là gì? Con người là gì? Ta là gì? Không biết....Cuối cùng Ngài đã tỏ ngộ dưới cội Tất-bát-la còn gọi là cây Bồ đề. Điều này nói lên ý nghĩa rằng Đức Phật đã tỉnh thức, thấu đạt Chân lý và Bản lai Tự tánh của mình. Chúng tôi nói rằng Ngài đã Minh tâm Kiến tánh.

Khi Đức Phật thành tựu đạo quả Vô thượng Bồ đề, Ngài rõ biết tất cả chúng sanh đang đau khổ triền miên. Ngài thấy rằng tất cả nỗi khổ niềm đau đều do tâm tạo. Do chính mình tạo. Nếu chúng ta tạo ra đau khổ này, thì chúng ta cũng có thể dứt trừ nó. Khi Vô minh diệt, thì Hành diệt. Khi Hành diệt, thì Nhận thức diệt, Khi Nhận thức diệt thì Danh sắc diệt..... Cuối cùng, Sanh, Lão tử, ưu bi khổ não cũng đoạn tận, bởi vì những thứ này xuất hiện từ tâm chúng ta.Thực chứng Mười Hai Nhân Duyên theo nghịch quán như vậy để chấm dứt khổ đau. Đó là Chân lý thứ ba–Diệt Đế. (*)

Khi Ngài thấu rõ Mười hai Nhân duyên xuất hiện như thế nào, Đức Phật cũng nhìn thấy con đường dẫn đến tự do giải thoát khỏi mọi đau khổ này. Ngài nhận biết rằng

chúng ta có thể đoạn trừ được hết thảy với một số tu tập đơn giản, áp dụng cho mọi khía cạnh của cuộc sống. Con đường đó được gọi là Bát Chánh Đạo. Đó là Chân lý thứ tư –Đạo Đế. Chúng ta hãy quán sát nó tỉ mỉ hơn. ---------- (*) Người dịch xin dẫn chứng về pháp quán Thuận và Nghịch của 12 Duyên Khởi cho sáng nghĩa thêm. Theo Luận A Tỳ Đạt Ma Tạp Tập, quyển 4, giải thích lối tu Mười hai Nhân Duyên gồm có hai lãnh vực Quán Tạp Nhiễm và Quán Thanh Tịnh như sau:

A- QUÁN THEO LỐI TẠP NHIỄM có hai cách:

1- Quán Thuận Theo Lối Sanh Khởi Tạp Nhiễm: "Bắt đầu từ Vô Minh, quánthuận theo thứ lớp thì Vô Minh sanh khởi ra Hành, Hành sanh khởi ra Thức, Thức sanh khởi ra Danh Sắc, Danh Sắc sanh khởi ra Lục Nhập, Lục Nhập sanh khởi ra Xúc, Xúc sanh khởi ra Thọ, Thọ sanh khởi ra Ái, Ái sanh khởi ra Thủ, Thủ sanh khởi ra Hữu, Hữu sanh khởi ra Sanh, Sanh sanh khởi ra Lão Tử".

2- Quán Nghịch Theo Lối Sanh Khởi Tạp Nhiễm: "Bắt đầu từ Lão Tử quán nghịch lên theo thứ lớp thì Lão Tử sở dĩ sanh khởi là do Sanh,

Sanh sở dĩ sanh khởi là do Hữu, Hữu sở dĩ sanh khởi là do Thủ, Thủ sở dĩ sanh khởi là do Ái, Ái sở dĩ sánh khởi là do Thọ, Thọ sở dĩ sanh khởi là do Xúc, Xúc sở dĩ sanh khởi là do Lục Nhập, Lục Nhập sở dĩ sanh khởi là do Danh Sắc, Danh Sắc sở dĩ sanh khởi là do Thức, Thức sở dĩ sanh khởi là do Hành, Hành sở dĩ sanh khởi là do Vô Minh".

B- QUÁN THEO LỐI THANH TỊNH cũng có hai cách:

1- Quán Thuận Hiện Thành Theo Lối Thanh Tịnh: Cũng Mười hai Duyên Khởi này khi đã hiện thành hình tướng, bộ luận trên trình bày như sau: "Vô Minh diệt thì Hành diệt, Hành diệt thì Thức diệt, Thức diệt thì Danh Sắc diệt, Danh Sắc diệt thì Lục Nhập diệt, Lục Nhập diệt thì Xúc diệt, Xúc diệt thì Thọ diệt, Thọ diệt thì Ái diệt, Ái diệt thì Thủ diệt, Thủ diệt thì Hữu diệt, Hữu diệt thì Sanh diệt, Sanh diệt thì Lão Tử diệt".

2- Quán Nghịch Hiện Thành Theo Lối Thanh Tịnh: Lối quán trên, khởi đầu từ Lão Tử quán nghịch lên như sau: "Lão Tử diệt thì Sanh diệt, Sanh diệt thì Hữu diệt, Hữu diệt thì Thủ diệt, Thủ diệt thì Ái diệt, Ái diệt thì Thọ diệt, Thọ diệt thì Xúc diệt, Xúc diệt thì Lục Nhập diệt, Lục Nhập diệt thì Danh Sắc diệt, Danh Sắc diệt thì Thức diệt, Thức diệt thì Hành diệt, Hành diệt thì Vô Minh diệt".

Tóm lại, nhờ phương pháp Thiền Quán theo lối tạp nhiễm và thanh tịnh, Luận A Tỳ Đạt Ma Tạp Tập tìm ra nguyên lý của mười hai Nhân Duyên. Theo luận này, nguồn gốc phát sanh ra các Chi trong mười hai Nhân Duyên chính là Vô Minh. Vô Minh sanh ra các Chi theo tiến trình duyên khởi để hình thành một sinh mệnh cho một chúng sanh hữu tình trong thế gian, nghĩa là Vô Minh sanh ra Hành, Hành sanh ra Thức, Thức sanh Danh Sắc v.v... cho đến sanh ra Lão Tử để chỉ toàn bộ kiếp sống của con người và của chúng sanh hữu tình. Đây là lối quán chiếu tạp nhiễm thuận của duyên khởi. Để biện minh cho kiến giải này, Luận này đưa ra phương pháp nghịch trở lại theo chiều hướng tạp nhiễm khởi điểm từ Lão Tử đi lần lên cho đến Vô Minh để xác quyết giá trị sanh khởi của Vô Minh.

Còn trên lãnh vực thanh tịnh, thì Luận này cho rằng, Mười hai Duyên Khởi một khi đã hiện thành hình tướng sinh mệnh của một chúng sanh hữu tình thì đã bị biến chất không còn tồn tại nguyên thể cho một sinh mệnh kế tiếp, cũng như hạt đậu xanh một khi đã nẩy mầm để thành cây thì không thể để giống được nữa mà muốn có một sinh mệnh khác nối tiếp thì phải có hạt giống của Mười hai Nhân Duyên mới thành hình. Cũng vì đã hiện thành hình tướng cho một chúng sanh hữu tình, thế nên Mười hai Nhân Duyên rồi cũng sẽ tuần tự bị diệt theo khi chúng sanh hữu tình đó bị hoại diệt. Cụ thể cho lập thuyết này, Luận trên đưa ra lối kiến giải nghịch lưu để xác định, Lão Tử diệt thì Sanh diệt, Sanh diệt thì Hữu diệt v.v... cho đến Vô Minh diệt. Đây là phương pháp quán tạp nhiễm và thanh tịnh theo chiều hướng thuận nghịch của Luận A Tỳ Đạt Ma Tạp Tập phát minh.

Bát Chánh Đạo (The Eightfold Path)-Astangika-marga

1) Chánh Kiến (Right View)
2) Chánh Tư duy(Right Thought)
3) Chánh Ngữ (Right Speech)
4) Chánh Nghiệp (Right Action)
5) Chánh Mệnh (Right Livelihood)
6) Chánh Tinh tiến (Right Effort)
7) Chánh Niệm (Right Mindfulness)
8) Chánh Định (Right Meditation)

Đức Phật dạy Bát Chánh Đạo để dứt trừ tham sân si, và trở về Chân tánh của chúng ta. Ý thức con người chúng ta rất phức tạp và có rất nhiều loại ảo tưởng. Bát Chánh Đạo này như là tám loại thuốc khác nhau cho những tâm bệnh cơ bản của chúng ta. Loại thuốc Chánh Kiến, đôi khi được gọi là Sự hiểu biết đúng. Chánh Kiến thực sự có nghĩa là không chấp chặt quan điểm, không vọng tưởng, buông xuống tất cả các suy nghĩ, vọng kiến và nhìn thấy thế giới này chính xác như nó đang là. Khi chúng ta nhận thức đúng bản thể của thế giới này, chúng ta thấy rằng nhiều tỷ con người đang trôi lăn xung quanh bánh xe đau khổ, họ không thể thoát ra. Chúng ta nhận ra rằng tất cả chúng sanh đau khổ vì họ chỉ làm theo tham sân si của họ. Khi chúng ta quán sát điều đó, chúng ta chỉ muốn giúp đỡ họ. Mọi người đã bị lôi cuốn vào những sự dính mắc gọi là Nghiệp.

Chánh kiến nghĩa là có một tầm nhìn chơn chánh, hiểu biết rằng các hành động dựa trên tham sân si sẽ luôn luôn dẫn đến đau khổ vừa cho chúng ta và cho những người khác.Các pháp vô thường, duyên sanh, như huyễn, tại sao chúng ta theo đuổi những cảm giác tạm thời và những ham muốn dời đổi trong tâm của chúng ta? Vì vậy, nếu hiểu được

điều này, khi bị cám dỗ để thực hiện một cái gì đó từtham sân si, ngay lập tức chúng ta nhận thức được nơi hành động này sẽ dẫn dắt rồi tự hỏi: “Tại sao tôi làm như thế? Chỉ cho tôi, hoặc vì tất cả chúng sanh?” Câu hỏi này tạo ra định hướng cho chúng ta, khi định hướng rõ ràng, thì toàn bộ cuộc sống cũng rõ ràng, và sau đó, bất kỳ loại hành

động nào cũng có thể lợi ích cho tất cả chúng sanh. Tuy nhiên, bất cứ khi nào bạn làm điều gì đó cho bản thân mình chỉ vì tham sân si thì bạn không thể giúp ích chính mình và bạn không thể giúp ích cho thế giới này được. Khi chúng ta muốn làm một cái gì đó, chúng ta phải luôn luôn tự hỏi câu này: "Tại sao tôi làm điều đó?" Như thế gọi là Chánh Kiến.

Chánh tư duy cũng tương tự như thế. Mọi quan điểm tư duy chúng ta thường rất gắn bó với chúng. Chúng ta có sở thích và không thích mãnh liệt. Chúng ta cũng dính mắc đến điều kiện và tình huống. "Tôi là một người phụ nữ". "Tôi là một người đàn ông". "Tôi là một Phật tử tu Thiền". "Tôi tin vào Chúa Giê-su". "Tôi là người Mỹ". "Tôi là người Nhật" v.v... Khi chúng ta nắm giữ những điều kiện như vậy, chúng ta không thể hoàn toàn kết nối với thế giới này và tất cả chúng sanh. Chúng ta chỉ thấy trong phạm vi hạn hẹp "Tôi", "Của tôi", "Thuộc về tôi". Thế giới mà chúng ta đã tạo ra không thể giúp đỡ người khác. Chánh Tư duy có nghĩa là không dính mắc vào những quan điểm, không chấp giữ những ý tưởng, điều kiện, và tình huống của chúng ta. Chỉ giữ "nhất tâm trước suy nghĩ " một cách tự nhiên, là muốn phụng sự tất cả chúng sanh. Quy tắc Thiền môn của chúng tôi có tiêu điểm này để nhắc nhở tâm các môn sinh: "Không chấp trước ý kiến của bạn. Đừng thảo luận quan điểm riêng của bạn với những người khác. Bám víu và bảo vệ quan điểm của bạn là tiêu diệt sự tu tập của bạn. Hãy để ra xa tất cả các ý tưởng của bạn. Đây là Chân Phật tử." Đó là những ngôn từ rất thú vị.

Vì vậy, tôi luôn luôn nhắc nhở rằng, nếu bạn đang suy nghĩ, tâm bạn và tâm tôi khác nhau. Nếu bạn cắt đứt tất cả mọi dính mắc suy nghĩ, tâm bạn và tâm tôi như nhau.Tâm bạn trước suy nghĩ là bản chất của bạn; Tâm tôi trước suy nghĩ là bản chất của tôi. Tuy nhiên, bản chất của bạn, bản chất của tôi, và bản chất toàn thể vũ trụ này đều giống nhau, không khác. Nhưng điểm đó là trước khi suy nghĩ. Nếu bạn đạt được tâm trước khi suy nghĩ, tâm của bạn rõ ràng trong suốt như hư không. Sau đó, bạn nhận thấy rằng bạn cùng tất cả chúng sanh hòa chung điệu sống, và sự suy nghĩ thật sự có thể xuất hiện bởi chính nó.Bạn không còn suy nghĩ bến cảng của dục vọng ích kỷ, bệnh hoạn, ý chí hay thù hận. Đó là Trí tuệ, hay còn gọi là Chánh Tư duy.

Nhiều người bị dính mắc vào cái lưỡi của họ. Cái lưỡi này rất thú vị. Chúng ta có hai mắt, hai tai, và hai lỗ mũi. Tại sao chúng ta có một cái miệng và một cái lưỡi?Miệng này có một chức năng làm việc rất dữ dội. Nó luôn luôn ăn uống và nói chuyện không ngừng nghỉ.

Nó luôn luôn tham muốn một vài cảm giác ngontừ thức ăn hoặc thức uống, hoặc từ những niềm vui của những lời nói ca tụng thật nhiều, thật nhiều. Hầu hết những dính mắc mạnh nhất của chúng ta đến từ sự tham muốn của cái lưỡi này. Không có quá nhiều dính mắc đến từ tai, hoặc mắt, hoặc mũi của chúng ta. Có lẽ nếu chúng ta có thêm miệng và lưỡi nào khác, cuộc sống của chúng ta sẽ được nhiều thoải mái hơn chăng? Bởi vì lúc đó cái miệng và lưỡi này sẽ không cảm thấy chúng luôn luôn có nhiều việc để làm toàn phần thời gian.

Nhưng trên thực tế, chỉ một cái lưỡi này đã gây ra nhiều, rất nhiều vấn đề cho thế giới này. Vì vậy thực sự chúng ta may mắn không có cái lưỡi nào khác. Có thể nói rằng, trong năm giác quan chính (mắt, tai, mũi, lưỡi, và thân), một khi chúng ta không cẩn thận để cái lưỡi này gây ra khổ đau cho chính mình và cho thế giới này,thì đó là lý do tại sao tất cả các tôn giáo đều dạy chúng ta phải luôn kiểm soát cái lưỡi này và tất cả những ham muốn của mình.(Ngạn ngữ phương tây cũng đã bảo: “Phải uốn lưỡi bảy lần trước khi nói”). Trong nhà Thiền, đôi khi chúng ta nói: “Cái lưỡi không xương”. Do vì cái lưỡi đang thốt ra điều này, trong giây lát lại nói sang chuyện khác. Cái lưỡi có thể tạo ra mọi thứ. Đây là nguồn gốc của tất cả sự dối trá, ngồi lê đôi mách. Bản thân cái lưỡi không có định hướng, cho nên nó không xương.

Một vị Tổ sư từng nói: “Lời ác khẩu sẽ dẫn bạn đến đổ nát điêu tàn. Giữ miệng như chai đóng nút, gìn ý như thành bế môn (Thủ khẩu như bình, phòng ý như thành). Chỉ mở ra khi cần thiết. Đây là quy tắc Thiền môn của chúng tôi. Và trong Kinh Thánh, Chúa Giêsu cũng dạy rằng nó không phải là những chuyện đi vào thực tế, mà đi vào miệng của chúng ta gây ra bất tịnh và đau khổ. Hơn nữa, những gì đi ra khỏi miệng của chúng ta mang lại đau khổ cho cả thế giới này. Chánh ngữ có nghĩa là từng khoảnh khắc phải cẩn thận về những gì cái lưỡi tạo ra. Nghĩa là nên sử dụng lưỡi của bạn để giúp người rõ ràng qua lời nói từ ái . Nếu bạn buông xuống ý tưởng và tình huống, không tạo ra bất cứ điều gì trong tâm bạn, Chánh ngữ xuất hiện tự chính nó.

Hành động xuất phát từ tâm chúng ta và quay trở về tâm chúng ta. Bất cứ điều gì chúng ta đã, đang và sẽ làm trên thế gian này là một sự phản ánh suy nghĩ của chúng ta. Đức Phật đã dạy rất rõ ràng về cách chúng ta có thể phụng sự cho thế giới này với Chánh Nghiệp. Đó là con đường của trí giác. Ngài dạy rằng, chúng ta không nên sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu và các chất nghiện gây say.

Bất cứ khi nào chúng ta làm điều gì, nếu chúng ta đang suy nghĩ, hành động đó trở thành nghiệp. Chúng ta tạo ra một loại “thói quen” cho hành động đó. Nếu chúng ta không làm những điều tốt đẹp, tức nhiên làm cho nghiệp xấu đi. Nhưng nếu chúng ta cố gắng làm

những điều tốt đẹp cho người khác, sau đó chúng tatạo ra nghiệp Bồ Tát. Đây là hành động mà chỉ cố gắng để phục vụ người khác. Chánh Nghiệp có nghĩa là luôn luôn nhận thức được những hành động của chúng ta ảnh hưởng đến chúng sanh khác, bởi vì đó cũng làm ảnh hưởng đến tâm chúng ta. Đây là lý do tại sao Chánh Nghiệp (Right Action) đôi khi được dịch như Right Karma.

Nói đến Chánh Mạng thì rất thú vị. Chúng tôicho rằng bất cứ người nào cũng đều có hai công việc: Công việc bên trong là giữ tâm sáng suốt. Công việc bên ngoài là ít ham muốn, biết vừa đủ và giúp đỡ người khác. Nói điều này là một chuyện, nhưng bằng cách nào để chúng ta thực sự làm được điều đó? Chúng ta ai nấy đều có một số công việc tương tác lẫn nhau để sinh tồn.Có người làm việc trong văn phòng; có người làm trong nhà máy, hãng xưởng, chợ búa; có người làm ngoài ruộng đồng, lao động tay

chân để kiếm tiền, kiếm miếng ăn, cái mặc. Công việc của tu sĩ là sống trong chùa tu tập và giảng dạy Phật pháp cho người khác. Nhưng làm thế nào để công việc bên ngoài này có thể phụng sự chúng sanh? Hay là chỉ thực hiện cho tôi, cho gia đình tôi? Điều chắc chắn thật sự là trong thế giới này, mọi người đều cần có tiền. Nhưng vì nhu cầu miếng ăn của con người đòi hỏi, cứ phải sát sanh hại vật quá nhiều, hoặc gây ô nhiễm không khí và đất nước. Điều này không tốt. Nếu bạn bán rượu, ma túy, chất nổ, hoặc súng đạn, tổ chức cờ bạc để làm cho nghiệp người khác càng xấu tệ hơn vì bạn. Nó không thể giúp ích gì cho cuộc sống. Ngay khi bạn đang làm điều này để kiếm tiền giúp đỡ gia đình, cuối cùng bạn không chỉ gây thêm đau khổ cho thế giới này mà cả chính bản thân mình cũng bị quả báo, hình phạt, tù tội, thậm chí bị xử tử, chỉ vì tiền.

Làm sao bạn có thể thành Phật qua lối sống của những hành vi đó? Hãy cẩn thận ! Trong thế gian này luật nhân quả luôn luôn rất rõ ràng. Vì vậy, Đức Phật dạy chúng ta giữ gìn Chánh mạng, không làm tổn thương thế giới này. Như tôi đã nói trước đây, điều quan trọng nhất là đặt câu hỏi: “Tại sao phải làm điều đó?” Nếu bạn tự hỏi lương tâm như vậy, thì sau đó Chánh Mạng của bạn trở nên sáng suốt.

Chánh Tinh Tấn nghĩa là luôn luôn cố gắng chăm chỉ trong sự tu tập và thực hành thiền của bạn. Đau ốm hoặc khỏe mạnh, bận rộn hoặc thư thả, mệt mỏi hoặc nghỉ ngơi, nó không quan trọng. Chỉ có cố gắng, cố gắng, cố gắng, mười ngàn năm, không ngừng nghỉ. Hãy làm ngay và chỉ làm điều đó. Như vậy là tất cả!

Sau đó làm thế nào để giữ cho tâm bạn hiện tiền, ngay bây giờ? Cũng giống như một tia sáng tiếp tục phóng ra từ một điểm này đến điểm khác để tạo ra một đường thẳng. Làm thế nào bạn giữ cho tâm bạn trong sáng từng khoảnh khắc, tạo ra toàn thể cuộc sống

của bạn. Nhiều người chỉ làm theo suy nghĩ của họ với tham sân và si. Vì vậy, họ nhận lấy đau khổ từ tình huống này sang tình huống khác. Nhưng nếu bạn tỉnh thức ngay bây giờ, bạn có được hạnh phúc. Bạn thích cái nào? Tên cho điều này là Tỉnh thức, đôi khi được gọi là lắng tâm, trả về sự chú ý . Đức Phật gọi đó là Chánh Niệm.

Cuối cùng, Đức Phật dạy rằng thiền định chính xác là điều quan trọng nhất, mà bạn có thể thực hành để tỉnh giác. Chánh Định có nghĩa là từng niệm niệm, giữ tâm không tán loạn. Trong bất kỳ tình huống và điều kiện nào, tâm phải sáng suốt như hư không, cũng như chức năng giữ đường kim mối chỉ một cách tỉ mỉ trong lúc thêu may.

Một số người nghĩ rằng đặc điểm của thiền chỉ là để trải nghiệm một số loại “tâm bình an”. Họ chỉ thích sự yên tĩnh và vắng lặng. Trung tâm Thiền đầu tiên của chúng tôi ở Hoa Kỳ tọa lạc tại Providence, tiểu bang Rohde Island. Sau một thời gian, một ban nhạc Rock-and-Roll chuyển đến căn hộ trực tiếp bên dưới phòng thiền. Họ rất ồn náo! Hằng ngày họ diễn tập ầm vang làm nhiều Thiền sinh cảm thấy khó chịu bèn nói với tôi: –Bạch Thiền sư, họ chơi âm nhạc quá ồn. Nó làm phiền nhiễu sự tu thiền của chúng ta! Chúng ta không thể yêu cầu họ dừng lại được sao? Nhưng những nhạc sĩ Rock-and-Roll này là những vị đại Bồ tát. Tôi nói với những môn sinh của tôi: –Các bạn không cần lo lắng về chúng. Được chứ? Tìm kiếm yên tĩnh trong sự yên tĩnh không phải là sự yên tĩnh chân thật. Yên tĩnh trong sự ồn ào là yên tĩnh chân thật. Vâng, có một nơi yên tĩnh

để thiền định là người đáng mong muốn yên tĩnh, nhưng chúng ta không nên trở nên dính mắc với sự yên tĩnh một mình, bởi vì cuộc sống không phải lúc nào cũng như vậy. Khi tâm bạn không dời đổi lăng xăn, thì ngay cả con đường Bốn Mươi Hai, tại thành phố Nữu Ước có thể là một trung tâm Thiền tuyệt vời !

Cũng có những người nghĩ rằng thiền định chính xác là phải thực tập tọa thiền một cách chăm chỉ. Nhưng làm điều này một mình không phải là thực hành thiền định. Loại suy nghĩ này dính mắc với "cơ thể ngồi".Chân Thiền nghĩa là tâm ngồi chính xác,bất kể điều kiện hoặc tình huống.Làm sao để giữ cho tâm bạn hiện tiền, ngay bây giờ? Điều đó tạo ra cuộc sống của bạn. Nếu tâm bạn trong sáng, toàn bộ vũ trụ trong sáng. Nếu tâm bạn không rõ ràng, toàn bộ vũ trụ không rõ ràng. Đó là điểm thiết yếu. Vì vậy, tu thiền tinh tấn dõng mãnh rất quan trọng. Trên thực tế, có chỗ ngồi tốt là rất quan trọng, tuy nhiên, điểm quan trọng nhất là cắt đứt tất cả mọi dính mắc suy nghĩ và trở về trạng thái tâm ban đầu, trước suy nghĩ, –Ta là gì? Chỉ không biết... Bạn có thể thực hiện điều đó trong mọi điều kiện và tình huống vừa rời khỏi tọa cụ cũng như vừa ở trên nó hay không? Nếu bạn có thể thực

hiện điều này trong khi lái xe, đó là thiền lái xe. Nếu bạn làm điều đó trong khi ăn, thì gọi là thiền ăn. Nếu bạn làm điều đó trong khi lau chùi nhà cửa thì đó là thiền lao tác.

Tất nhiên, để đào tạo tâm của bạn được thuần thục, một số loại thực hành là cần thiết. Khi bạn đang ngồi, bạn bắt chéo chân tư thế bán già hoặc kiết già và thẳng lưng. Nếu bạn không thể duy trì tư thế ngồi này, cũng không sao, nó chẳng ngăn cản bạn tu tập. Cách đây nhiều năm, chúng tôi đã có một môn sinh, cùng những thiền sinh khác đã trải qua một khóa tu toàn bộ chín mươi ngày tĩnh tâm thiền định tại Trung Tâm Thiền Providence. Ông không thể ngồi vì đau cột sống mạn tính và chân ông bị thấp khớp, do đó ông chỉ nằm thiền. Trong khi mọi người khác đã phải ngồi đối mặt với vách tường, còn ông thì nằm đối mặt với trần nhà! Ông có thể ngồi dậy trong thời gian thọ thực, và một vài lúc tụng kinh, hoặc cho một cuộc tham vấn với Giáo thọ. Nhưng hầu hết trong ngày, ông chỉ nằm xuống.

Một vị Tổ sư nổi tiếng cho biết: "Khi đi, đứng, ngồi, nằm, nói, nín, động, tịnh vẫn giữ an nhiên trong mọi lúc, mọi nơi mà không bị gián đoạn". Câu đó nói lên điều gì? Đây là những lời khai thị rất quan trọng. Tu tập Chân thiền chắc chắn không phải phụ thuộc vào khả năng duy trì một số tư thế ngồi cho khoảng thời gian lâu dài. Nó chỉ cần giữ một câu hỏi lớn (Đại Nghi Tình): Ta là gì?

Phương cách khác cũng tốt, là kiểm soát hơi thở. Lúc hít vào chầm chậm và phình bụng ra, khi thở ra từ từ và thót bụng lại. Hơi thở ra của bạn nên kéo dài nhiều hơn lúc hít vào gấp hai lần. Nếu bạn hít vào và thở ra thong thả từ từ, bạn có thể dễ dàng cắt đứt mọi suy nghĩ và không còn dính mắc đến và đi của tâm bạn. Theo thời gian năng lượng của bạn đi xuống, xuống lần đến trung tâm (huyệt đơn điền dưới rốn 5 cm) của bạn. Bạn có thể kiểm soát cảm giác và xúc giác của bạn tốt hơn. Mặc dù tất cả điều này cũng là phương pháp để lắng tâm, tuy nhiên, điều quan trọng cần nhấn mạnh rằng Chân thiền không phải là sự chú trọng một số tư thế của cơ thể. Mà là cách giữ cho tâm bạn

an nhiên tự tại trong từng khoảnh khắc của những sinh hoạt hàng ngày.

Ba Pháp Ấn (The Three Seals of Existence)

1) Các hành vô thường. (All compounded things are impermanent)

2) Các Pháp vô ngã (All Dharmas are without self-nature)

3) Niết bàn tịch tĩnh (Nirvana is perfect stillness)

Trải qua hàng trăm thế kỷ, người dân Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và Việt Nam đã sử dụng dấu ấn mực đỏ đóng giáp lai của các trang bên trong tất cả các tài liệu chính thức của họ. Chứng tỏ các tài liệu này là bản gốc hay còn gọi là nguyên bản. Nếu bạn tu tập theo giáo pháp của Phật giáo Tiểu thừa, Tâm thức của bạn được "đóng dấu" với ba kinh nghiệm cơ bản. Trong tiếng Trung-Hàn, chúng được gọi là "Sam Boep In Do"(Tam Pháp Ấn Đạo), có thể được dịch như là Giáo Lý Của Ba Pháp Dấu Ấn.

Chúng tôi xin trình bày về dấu ấn đầu tiên:Tất cả các Hành là vô thường (Hành có thể hiểu là xung lực thúc đẩy của Sắc pháp và Tâm pháp) Tất cả mọi hiện tượng sự vật trong vũ trụ này luôn luôn biến dịch thay đổi. Tất cả mọi thứ xuất phát từ điều kiện nhân duyên, vẫn còn một số giai kỳ trở về Không. Vì vậy bạn sẽ bị đau khổ. "Nếu bạn thấu đạt điểm này, bạn sẽ không bị dính mắc các pháp một cách dễ dàng. Sau đó, bạn có thể khám phá một điều mà không bao giờ thay đổi, không đến không đi. Điều này "Bất biến", đó là Chân tánh của bạn vốn "không một vật". Kinh nghiệm thực sự này trước hết bạn phải thấu đạt tất cả các pháp, tất cả trải nghiệm, và tất cả lãnh vực tâm sanh khởi từ điều kiện duyên và vô thường. Đạt tới điểm này, sau đó–BÙM ! – Sự nhận thức đó không thể tẩy xóa vàtâm thức của bạn như dấu ấn. Nếu bạn đã có trải nghiệm dù chỉ một lần, rất sâu sắc, bạn không bao giờ quên nó.

Khi bạn thấu đạt sự vô thường của thế giới này, bạn thấu đạt tất cả các pháp không có tự tánh (All Dharmas are without self-nature). Tất cả các pháp, tất cả các quy luật, nguyên tắc, tư tưởng, niềm tin, nhân loại chúng sanh, chó, mèo, cây cỏ, núi sông, tất cả mọi thứ trong vũ trụ đều không có tự tánh. Danh và Sắc của tất cả các pháp đang thay đổi

một cách liên tục, thay đổi, đổi thay như thế đó. Tất cả mọi thứ sanh ra từ Không và cuối cùng trở về Không. Không gì tồn tại mãi mãi, bởi vì không có bất kỳ thứ gì mà chúng ta gọi là Ta, thuộc về Ta (ngã, ngã sở) có tánh lâu dài. Thấu đạt quan điểm này là dấu ấn của tâm thức bạn.

Thấu đạt các pháp đều vô thường, bạn không ôm giữ bất cứ điều gì. Bởi vì bạn hiểu rất sâu sắc rằng tất cả mọi thứ luôn luôn thay đổi, cuối cùng đều bị hủy diệt. Mọi thứ đều không có tự tánh. Bạn không mắc kẹt trong danh và sắc. Bạn không tuân theo các quan điểm sai lầm cho rằng mọi thứ xuất hiện thiên hình vạn trạng và chúng thực sự tồn tại. Bạn nhận ra Danh và Sắc chỉ xuất hiện tạm thời. Điều đó dẫn bạn đến dấu ấn cuối cùng: "Niết Bàn là sự tĩnh lặng hoàn toàn!" Nếu bạn thấu đạt hai điểm trên trước, sau đó bạn có thể nhận ra rằng, thế giới này vốn hoàn toàn trống rỗng và tĩnh lặng. Không đến hoặc đi. Phật, Chúa, thiên nhiên, thể tánh, bản tâm, tất cả từ đâu đến? Bạn có hiểu

điều đó không? Phật giáo chỉ ra rằng tất cả các Pháp, tất cả các quy luật và nguyên tắc đều xuất hiện từ hoàn toàn tĩnh lặng. Niết Bàn đơn giản là cái tên chỉ cho trạng thái tĩnh lặng hoàn toàn. Tất cả các pháp xuất hiện từ sự tĩnh lặng đó và cuối cùng quay về lại rỗng không và dứt bặt. Nhận ra được điều này là được đóng dấu ấn sau cùng: "Niết Bàn tịch tĩnh". Bản chất các pháp cũng hoàn toàn tịch tĩnh.

Vì vậy, nếu bạn đạt được Ba Pháp ấn, bạn đạt đến sự tĩnh lặng hoàn toàn. Kinh Thánh nói: "Hãy yên lặng và biết rằng ta là Đức Chúa Trời." Phật giáo dạy: "Tất cả các pháp đến từ sự tĩnh lặng hoàn toàn." Nếu bạn muốn tìm Chúa, nếu bạn muốn tìm Phật, nếu bạn muốn tìm Tâm, hay Ý thức, hay Chân ngã, hoặc Tuyệt đối, bạn phải đạt được sự tĩnh lặng và dứt bặt hoàn toàn này. Sự tĩnh lặng này là Chân không: nó là bản thể của tâm chúng ta và toàn thể vũ trụ. Một bài thơ của Ki Tô giáo thần bí Angelus Silesius vào thế kỷ thứ mười bảy nói:

"Thiên Chúa là tính thuần khiết, rỗng lặng. Tạo ra như là hình thức. Trở thành bản chất, sáng và tối. Tịnh và động." Đó là điểm giống nhau, chỉ có những cái tên gọi khác nhau. Nguyên thủy khởi điểm không danh, không sắc. Danh và sắc là đối tượng suy nghĩ. Nhưng trong Chân không, không có đối lập, không đến, không đi. Đó là Chân ngã, là Tự tánh của chúng ta, và cũng là bản thể vũ trụ. Gọi cách khác là Niết Bàn. Vì vậy, Phật giáo Tiểu thừa hướng dẫn tu tập chăm chỉ để đạt được điểm đến là Niết Bàn, nơi hoàn toàn tĩnh lặng và dứt bặt, không có sinh tử. Đó là mục đích của giáo lý Phật giáo Tiểu thừa .

Ba Pháp Tu Tập (TAM HỌC) (Three kinds of Practice)

1) Giới= Silà = Precepts

2) Định= Samadhi = Meditation

3) Huệ= Prajñā = Wisdom

Nếu bạn muốn được đóng những dấu ấn của Tiểu thừa Phật giáo, điều quan trọng là thực hành Ba Pháp Học. Chức năng ba pháp tu tập này cùng hỗ trợ cho bạn đạt tới tâm thanh tịnh ban đầu. Một trong những loại thực hành này bao gồm một nhóm tương ứng của sự tu tập từ Bát Chánh Đạo.

Đường lối tu tập theo Phật giáo Tiểu thừa nhấn mạnh tầm quan trọng việc giữ giới luật của Đức Phật. Chúng ta phải giữ giới, bởi vì vọng tâm chúng ta như người ngồi ghế phía sau tài xế, luôn luôn cố gắng kiểm soát anh ta (tài xế). Chơn tâm chúng ta giống như người tài xế nghĩ rằng: "Tôi chỉ muốn đi thẳng và tìm ra Chân ngã của tôi. Tôi muốn vâng theo lời chỉ giáo của Đức Phật và giúp đỡ tất cả chúng sanh."

Mặc dù tâm chúng ta có thể tạo ra một số nỗ lực, nhưng người ngồi phía sau tài xế (là vọng tưởng) luôn luôn nói: "Bạn nên làm điều này và điều này …. Đi con đường đó và quẹo tới đó." Mặc dù bạn không muốn đi theo hướng đó, nhưng người ngồi phía sau lưng tài xế rất mạnh mẽ, rất khó chịu và không lắng nghe bạn mà thôi!

Vì vậy, giữ giới luật có nghĩa là khi tài xế (Tâm) bị buộc phải chạy lòng vòng bèn hét lên: “Ngươi im lặng, được chứ! Ta phải lái đi theo hướng này”. Do đó, Giới luật giúp bạn cắt đứt người ngồi ghế sau tài xế của bạn, để bạn có thể có được một vị trí tốt. Nếu bạn chỉ làm theo người điều khiển ngồi ghế sau của bạn, bạn không thể thực hiện theo cách của bạn, và bạn không thể tìm thấy hướng đi đúng của bạn.

Giới luật rất quan trọng cho sự tu tập của bạn. Giống như có những bảng chỉ dẫn rất rõ ràng trên đường. Ví dụ, chúng ta muốn lái xe từ Nữu Ước đến Los Angeles. Trên lộ trình

dài này, có rất nhiều bảng ghi dấu hiệu chỉ đường, cho thấy những con đường vào cao tốc và cần phải chuyển hướng. Nhưng bạn không kiểm tra các dấu hiệu. Bạn chỉ nghĩ theo ý tưởng riêng của bạn: “Tôi tự do, tôi đã hiểu biết cách nào để đến đó”, vì vậy bạn không quan tâm, bỏ qua những dấu hiệu này. Sau đó, cuối cùng bạn chạy lòng vòng suốt cả ngày, khi bước ra khỏi xe bạn ngỡ tưởng tới Los Angeles.. “A! Có nhiều cây cọ, Los Angeless đây rồi. Sau đó, bạn gặp một người nào đó nói: “Không phải, đây là Miami”.“Thế hả?” Ha ha ha! (Tiếng cười liên tục từ giảng đường) Đây là lý do tại sao giữ giới rất là quan trọng. Giới là sự định hướng rõ ràng để dẫn đạo một cách chính xác đến cuộc sống Từ bi. Giới có nghĩa là Pháp, và Pháp có nghĩa là đường đi chính xác của vũ trụ này. Có đường đi chính xác thì cuộc sống được sáng suốt rõ ràng. Vì vậy, giới luật rất quan trọng, là giềng mối đại diện cho sự tu tập Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng.

Khi bạn giữ giới, bạn có thể kiểm soát tình huống và cảm giác của bạn, và sau đó bạn có thể kiểm soát sự nhận thức hiểu biết của bạn. Nếu bạn không thể kiểm soát cảm giác của bạn, thì bạn không thể kiểm soát sự hiểu biết của bạn, và đau khổ luôn luôn xuất hiện. Nó rất rõ ràng. Nhưng tại sao cần thiết để kiểm soát sự hiểu biết? Có một số người mà tầng số âm thanh vừa mở ra một chút là đã quá mạnh, vì vậy tôi sẽ giải thích: Ham muốn của chúng ta xuất phát từ tâm thức của chúng ta. Tất cả suy nghĩ là ham muốn, và ham muốn trực tiếp dẫn đến đau khổ. Tâm cảm xúc của chúng ta tạo ra thích và không thích rất mạnh mẽ. Sự hiểu biết của bạn luôn luôn kiểm tra tìm hiểu thế giới này, và cố chấp, ôm giữ quan điểm của mình. Ngoài ra, nếu sự hiểu biết của bạn quá to lớn, bạn sẽ có quá nhiều tham muốn, bởi vì bạn phải suy nghĩ quá nhiều điều phức tạp. Sau đó, cảm xúc của bạn dính mắc mãnh liệt “thích” và “không thích” đến những sự hiểu biết của bạn tạo ra. Kết quả là tâm ý của bạn luôn luôn di chuyển, di chuyển, di chuyển. Nó liên tục bị lôi kéo đây đó bởi những cảm xúc mạnh mẽ mà bạn có, và những gì bạn thích và không thích về người khác cũng như toàn bộ thế giới này. Thật khó lòng để giữ trung tâm của bạn vững chãi trong khi tất cả những ham muốn cuốn hút mạnh mẽ và cảm giác thích và không thích liên tục kéo bạn vòng quanh. Vì vậy, đó là lý do tại sao chúng ta giữ giới. Đây là những quy luật tự nhiên để kiểm soát tâm ham muốn của bạn. Khi bạn thực hành giới luật, trung tâm của bạn trở nên vững mạnh hơn quá trình tự nhiên. Bạn có thể cảm nhận được thế giới này như nó đang là, và sau đó phụng sự cho những chúng sanh khác.

Thiền đúng có nghĩa là giữ "nhất tâm bất động" luôn luôn và ở khắp mọi nơi. Nếu tâm bạn bất động, thì khi bạn thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm, và suy nghĩ, tất cả các pháp – "Chỉ Như thị" – là Chân lý. Từ ngữ thiền định có nghĩa là chú tâm sâu lắng. Nhưng chúng ta không nên quá dính mắc với bất kỳ ý tưởng về thiền.

Nhiều người nghĩ rằng tu thiền chân chính, là phải có một số hấp thụ mãnh liệt trong việc ngồi thiền. Loại thiền định đó không tốt, không xấu. Nhưng nhiều người chỉ muốn giữ cảm giác này do thiền mang lại. Cũng có rất nhiều người tin rằng thiền định chỉ là một số phương pháp đem lại sự bình an và hạnh phúc trong mọi lúc: "Ô! bây giờ mọi thứ đều yên bình và tĩnh lặng. Thật tuyệt vời!" Loại tư duy này là bệnh rất nặng. Nó không phải Chánh thiền, bởi vì nó trở nên dính mắc một số tình huống. Nếu bạn chấp vào loại tu tập này, Tuệ giác của bạn sẽ không hiển lộ.

Thiền định của bạn không có chức năng rõ ràng trong nhiều tình huống khác nhau, để giúp đỡ nhân loại chúng sanh. Thiền này áp dụng cho những lối thực hành của Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định trong Bát Chánh Đạo.

Vì vậy, kinh nghiệm thực hành thiền định chuyên sâu là tốt. Nhưng sự tu tập quan trọng không gì hơn là giữ "tâm hiện tiền" này mọi lúc mọi nơi. Thiền khi lái xe, ăn uống, nói chuyện, làm việc, và ở cùng với gia đình của bạn, không để đánh mất Tâm hiện tiền. Tôi đã có một môn sinh, người mà chỉ muốn hành thiền trong sự yên tĩnh sâu lắng. Chúng tôi gọi điều này là "tâm muốn an". Nếu một chiếc xe đi ngang qua phòng thiền nhà ông, ông tỏ ra hơi khó chịu,hoặc một vài cháu nhỏ đang chơi bên ngoài nói chuyện nhí nhô, ông sẽ tức giận và đóng các cửa sổ lại, bởi vì nó quấy rầy sự trải nghiệm yên tĩnh của ông. Ông liền la chúng: "–Im lặng! Hoặc đi khỏi nơi đây đi! Ta đang thiền định không thấy sao?" Gia đình ông đã phải giữ im lặng trong những lúc mà ông ngồi thiền tại nhà của mình. Sau một thời gian, họ tỏ ra bực bội việc tu thiền này và không ưa gì Phật giáo. Như vậy, sự tu tập của người đàn ông này không phải hành Thiền chính xác. Điều này tạo ra lối thiền "đặc biệt". Nhưng nếu bạn giữ Tâm bất động trong khi tiếp xúc vào tất cả các hoạt động bên ngoài, đó là thiền chân chính. Đó mới là thật định. Đó là Chân tánh chủ đạo của sự tu tập.

Cuối cùng, chức năng thiền định chính xác là gì? Nhiều người biết nhiều lối tu khác nhau, sự hiểu biết này là ý tưởng của người khác. Ví dụ, bầu trời không bao giờ nói "Tôi màu xanh dương". Nhưng bạn nói: "Trời xanh dương". Ai đó đã từng dạy bạn rằng bầu trời màu xanh dương, Cho nên từ đó, bạn nói: "Trời xanh dương, trời xanh dương, trời xanh dương".Đây chỉ là sự hiểu biết theo tập quán. Nó là ý tưởng của người khác, không phải của bạn. Người Hàn Quốc không bao giờ nóibầu trời xanh dương. Họ nói: "Han-nulun purum-nida."Người Nhật nói: "Sora wa aoidesu." Cũng vậy, người Ba Lan có một "ý tưởng ngữ"của Ba Lan, và người Nga có "ý tưởng ngữ"của Nga. Nhưng không ai trong số những ý tưởng ngữ này là ý tưởng đúng, bởi vì bầu trời không bao giờ nói bất kỳ những điều này. Nó chưa từng một lần nói: "Tôi là bầu trời, và tôi màu xanh dương." Điều quan trọng là bạn phải khám phá ra bản thể của vũ trụ này.Cách đó là vô ngôn, dứt bặt ý tưởng.

Vì vậy, nếu bạn muốn thấu hiểu chính bạn, bạn phải nhận thức thế giới này chính nó đang hiện hữu. Nếu tâm bạn bất động, sau đó bạn có thể cảm nhận được bản thể của thế giới này. Khi bạn thấy, nghe, ngửi, nếm, tiếp xúc, suy nghĩ ... tất cả mọi thứ là chân lý. Sau đó, khi bạn nhìn thấy cây, chỉ có màu xanh lá cây; bạn nghe tiếng chó sủa, chỉ "Gâu! Gâu !" Khi bạn nếm đường, chỉ có ngọt. Tất cả mọi thứ đã là chân lý.

Vũ trụ luôn luôn dạy chúng ta trong mọi lúc và luôn luôn ban cho chúng ta Pháp ngữ tuyệt vời. Đơn giản chỉ cần giữ tâm bất động, chân lý này ngay lập tức trở thành của bạn. Đây là "Hiểu Biết chơn chánh" (Right Understanding) và "Tư Duy chơn chánh" (Right Thoughts). Còn có tên khác gọi là "Trí tuệ" mà thuật ngữ trong tiếng Phạn là Prajñā.

Mục tiêu của sự tu tập theo Tiểu thừa, như chúng tôi vừa trình bày là để đến được Niết bàn. Bạn thấu đạt tất cả các pháp hoàn toàn rỗng lặng (không tịch), và sự rỗng lặng này là bản thể của thế giới, của vũ trụ, và là tất cả tâm của chúng ta. (Nó hiện hữu trong tâm chúng ta). Tuy nhiên, tính năng chính xác của chân lý là gì? Làm thế nào để chúng ta sử dụng chân lý để cứu giúp thế giới đau khổ này? Đó là giáo lý của Phật giáo Đại thừa và Thiền.

Bây giờ chúng ta chuyển sang tìm hiểu quan điểm của Phật giáo Đại thừa.

Phật giáo Đại thừa (Mahayana Buddhism)

a) Pháp thể Hữu Không quán (Insight into the existence and nonexistence of the Dharmas) b) Vô tướng trước Không quán (Insight into the fact that there are no external tangible characteristics and that all is emptiness.) c) Hữu Không Trung đạo quán (Insight into existence, emptiness, and the Middle Way) d) Chư pháp thực tướng quán (Insight into the true aspect of all phenomena) e) Sự sự vô ngại quán (Insight into the mutual interpenetration of all phenomena) f) Tức sự nhi chân quán (Insight which sees that phenomena themselves the Absolute)

Giáo lý Phật giáo Đại thừa có một chút khác nhau với Tiểu thừa. Như chúng tôi đã trình bày về điều này trước đây. Một số người cho rằng Phật giáo Tiểu thừa là những lời đức Phật tuyên thuyết đầu tiên cho chúng sanh trên thế gian này. Trong sáu năm qua, ngài đã tu khổ hạnh, và sau đó đã thực chứng giác ngộ dưới cội Bồ-đề. Các kinh điển nói rằng Đức Phật nghi ngờ về người khác có thể hiểu được giáo lý vi diệu này. Ngài nghĩ đến việc không giảng dạy, bởi vì đây là một trình độ tu chứng cao siêu mà Ngài đã thấu đạt. Có lẽ nó sẽ là quá khó để mọi người nắm bắt.

Hơn nữa, cũng tại thời điểm đó, ở Ấn Độ có rất nhiều học thuyết, nhiều tôn giáo khác nhau: có nhiều hình thức, tư tưởng của Ấn Độ giáo và yoga. Có nhiều giáo sư, học giả, đạo sĩ và nhiều, rất nhiều các loại giáo lý, tất cả trong số họ đều tuyên bố là giáo lý của mình dạy rất chính xác: "Tôi giảng dạy đúng chân lý còn các người thì không đúng!" Nhiều người đã cho như vậy. Do đó, ai sẽ tin hiểu chân lý sâu sắc mà Phật đã tỏ ngộ, nó không

phụ thuộc vào một đạo sĩ, chơn sư, hoặc quyền năng nào khác bên ngoài tâm của chúng ta? Một truyền thuyết nói rằng Thiên đế hiện ra nơi Đức Phật và thưa thỉnh: “Bạch đức thầy ba cõi, chỉ có một số người thiếu sự hiểu biết giáo lý Vô thượng của Ngài, ngoài ra tất cả chúng sanh khác sẽ tin theo lời giáo huấn của Như lai. Xin Ngài Từ bi mà khai mở pháp môn cam lộ”. Vì vậy, Đức Phật đứng dậy từ cây Bồ đề và bắt đầu chuyển quay bánh xe pháp.

Tuy nhiên, Giáo lý tối thượng vô lượng vô biên mà Đức Phật khởi đầu tuyên thuyết được ghi nhận là Kinh Hoa Nghiêm, một trong những kinh điển chính của truyền thống Đại thừa. Nhưng không ai có thể hiểu được quan điểm vô cùng tinh tế rộng lớn này. Thật khó cho ai có thể tìm hiểu với tầm nhìn thấu tột. Bởi vì tầm nhìn kinh này rất sâu rộng và khác biệt với những gì đã từng được dạy trước đây, thay vì Đức Phật đã ban cho lời huấn thị rất đơn giản. Ngài đã phải chuẩn bị rèn luyện tâm trí đệ tử của mình qua sự quán chiếu rộng lớn tuyệt vời này.

Ngài đã nói về vô minh và dục vọng dẫn đến đau khổ và cách nào để thoát khỏi chúng. Trước tiên, bạn phải nhận thức được rằng đây là sự đau khổ. Sự đau khổ này từ đâu đến? Bạn phải thấu đạt sự vô thường của thế giới này, và quán chiếu vào sự bất tịnh, vô ngã. Ngài chỉ ra các con đường dẫn đến những hiểu biết cơ bản và lối vào Niết bàn. Nếu bạn tránh tạo ra các điều ác, siêng làm các hạnh lành, bạn có thể có được hạnh phúc. Bạn cũng phải thân chứng những quán chiếu nội tại này, luôn luôn giữ những giới luật. Sau đó, bạn có thể đạt được tâm thanh tịnh, dứt trừ sự đau khổ của riêng bạn và tìm ra con đường lành đến nơi hoàn toàn tĩnh lặng an vui. Đây là lời giáo huấn đầu tiên của đức Phật. Còn gọi là Phật giáo Tiểu thừa. Theo quan điểm Đại thừa, giáo lý Tiểu thừa đã được ban bố vì có một số người có thể nắm bắt được cái nhìn sâu sắc mà chúng ta thấy trong Kinh Hoa Nghiêm.

Sau đó, Giáo lý Phật giáo Đại thừa là gì? Như chúng tôi đã nói, Phật giáo Tiểu thừa dạy đầu tiên “Cõi Đời là Biển Khổ”. Cách chấm dứt khỏi cõi giới khổ đau này là để đạt được Chân Không hoàn toàn, hay Niết bàn. Đây là điểm kết thúc của việc giáo hóa. Nhưng ngay cả trong cuộc sống của Ngài và sự tu tập của các hàng đệ tử đã "trưởng thành” qua những lời giáo hóa cơ bản này, Đức Phật bắt đầu giảng dạy Phật giáo Đại thừa. Loại giảng dạy này không đặt trọng tâm lớn trên sự đau khổ. Nó không liên quan nhiều đến cái gọi là tịnh hoặc bất tịnh, tốt hay xấu. Thay vào đó, quan điểm Phật giáo Đại thừa phân tích những gì chúng ta tạo ra những đau khổ này và có thể giải trừ sự đau khổ cho mình và tất cả chúng sanh.

Bổn phận của chúng ta trong thế giới này là gì? Phật giáo Đại thừa bắt đầu cho thấy rằng thế giới này hoàn toàn rỗng không. Nhân loại chúng sanh vô nghĩa đối với những gì họ làm ra. Hết thảy do tâm tạo. Nó cũng chứng minh và giải thích như thế nào là danh và sắc luôn luôn thay đổi, thay đổi, thay đổi. Nhưng rốt cuộc khởi đầu các pháp về cơ bản là Không. Nếu bạn đạt được Không này, sau đó đau khổ của bạn sẽ biến mất, bởi vì đau khổ cũng Không. Đây là một lối chứng tỏ rằng khởi nguyên không có đau khổ! Lời giáo hóa này rất thú vị phải không? Vì vậy, Giáo lý Phật giáo Đại thừa khởi điểm là tánh Không, giáo lý Phật giáo Tiểu thừa lên đến đỉnh điểm trong cái Không

này. Nếu chỉ dạy thế giới này là một cõi khổ đau thì không phải là giáo lý hoàn chỉnh theo quan điểm Đại thừa.

Quan trọng nhất, Giáo lý Đại thừa tuyên bố rằng toàn bộ sự tu tập này không chỉ dành tự độ, tự cứu lấy mình. –Làm thế nào tôi có thể cứu độ tất cả chúng sanh khỏi đau khổ? Tu tập đường lối Đại thừa nghĩa là phát nguyện sẽ không hưởng thụ trong sự tĩnh lặng vô vi, tịch diệt, và hạnh phúc của Niết bàn, cho đến khi chúng sanh cuối cùng được thoát khỏi khổ đau. Tên con đường này là Đại Bồ Tát Đạo. Cuộc sống của tôi không phải dành cho tôi, mà cho tất cả chúng sanh. Vì vậy, đôi khi chúng ta nói rằng giáo lý Phật giáo Tiểu thừa cũng giống như một chiếc xe đạp. Nếu bạn chỉ lái đi một mình đến đích, thì chỉ có riêng bạn an hưởng Niết bàn. Nhưng Phật giáo Đại thừa ví như xe buýt hay xe lửa, không chỉ riêng tôi, mà tất cả chúng sanh cùng đến với nhau tại một nơi thật sự an bình giải thoát. Đức Phật lẽ ra bắt đầu giảng dạy điều này trước nhất, nhưng sau đó Ngài đã nhìn thấy không hợp khế cơ, khế lý. Vì rằng tất cả mọi người chưa thể hiểu được nó. Sự giáo hóa này là tiến trình quá xa của một quan điểm đưa ý thức của họ vào thời điểm đó. Vì vậy, đó là lý do tại sao Ngài đã phải quay trở lại khởi đầu để đưa ra một con đường giản đơn cơ bản, gọi là Phật giáo Tiểu thừa. Đó cũng là điểm rất quan trọng.

Khi sự tu tập của chúng đệ tử trưởng thành, và tâm của các vị ấy đã thuần thục, Đức Phật dạy các đệ tử của mình quán sát sâu rộng hơn. Nó gồm có sáu điểm chính:

a) Pháp thể Hữu Không quán

Có nghĩa là Quán sát sự Có và Không của các pháp. Giáolý Phật giáo Đại thừa có một con đường rất rõ ràng. Nó khởi đầu với tầm quán sát sâu sắc mà các pháp nguyên sơ cơ bản là Tánh Không. Khi bạn thực sự nhận thức điều này, bạn có thể nhận ra Chân tánh của bạn. Sau đó có thể giúp đỡ tất cả chúng sanh. Bước đầu tiên hướng tới thể hội điều này là nhận thức tất cả các pháp không tồn tại. Điều này có nghĩa là gì? Bạn phải nhận thức được rằng bản thể các pháp vốn Không. Bạn và Pháp giới cùng chung bản thể. Bản thể này không có tự tánh. Nó không có gì. Xưa nay không một vật. Nhưng mọi hiện tượng sự vật thì dính

mắc cơ thể của bạn nhiều hơn bất cứ điều gì khác. Vì vậy, chúng ta không thể nhìn thấy điểm này. Ở Trung Quốc, thuở xưa họ dạy một pháp tu gọi là Quán thân như một xác chết (Quán tử thi) Khi bạn thực hành theo cách này, bạn có thể nhìn thấy bản chất thật sự của tất cả các ham muốn và dính mắc mà thân này truyền cảm hứng trong tâm chúng ta.

Một thiền sư thuở xưa luôn luôn hỏi đệ tử của mình: “Tại sao ngươi kéo xác chết này đi lòng vòng?” Đó là vì cơ thể này không phải “Tôi”. Nó không phải là Chân tánh của bạn. Cơ thể này hoàn toàn rỗng không. Nó luôn luôn thay đổi và cuối cùng hủy diệt. Vì vậy, bạn phải giữ tâm niệm này: “Tôi là một xác chết. Tôi là một xác chết. Tôi là một xác chết!” Ha ha ha! Nếu bạn tiếp tục giữ tâm như vậy, sau đó bạn có thể đạt được Thân không và Pháp không (Pháp thân). Thậm chí bạn không thể giữ thân này – đôi khi nó sẽ biến diệt. Nó không là nền tảng tồn tại. Làm thế nào bạn có thể giữ được thân này? Vì

vậy, đôi khi chúng ta nói, “Bạn đã chết rồi !” Nếu bạn là xác chết, thì mọi thứ không có vấn đề!Sau đó không có gì có thể chướng ngại bạn, bởi vì, mọi người đều biết rằng thân như bọt bóng, huống chi một xác chết là không. Một xác chết không có dục vọng, không có tham sân và si. Pháp quán này rất quan trọng để bạn đạt đến .

b) Vô tướng trước Không quán

Đây là pháp Quán thực tế, vốn không chấp trước hình tướng và tất cả là sự rỗng không. Điều này có vẻ giống như một lời tuyên bố rất phức tạp, nhưng nó là điểm giáo lý rất trong sáng: nghĩa là quánvề bản chất thực sự của tất cả danh xưng và các sắc tướng. Bạn phải nhận thức rằng danh và sắc này cơ bản vốn không, tất cả tánh tướng đều không. Danh và sắc không tồn tại – Chúng được tạo ra bởi tâm đơn độc, vì thế chúng rỗng không.

Con người tạo ra danh và sắc cho tất cả mọi thứ, rồi họ tin rằng tất cả những thứ đó tồn tại. Vì thế chắc chắn họ đau khổ khi những danh xưng và hình thức thay đổi. Mặt trời, mặt trăng, tinh tú, núi sông, và cây cỏ –tất cả chỉ là danh xưng và hình thức tạm thời mà chúng ta gắn cho mọi thứ. Trong sự quán sát phần trước, chúng tôi đã trình bày quan điểm cho rằng tất cả bản thể là rỗng không. Đó là khóa học đầu tiên của Phật giáo Đại thừa. Nhưng sự quán sát này là khóa học thứ hai của chúng ta. Nó cho thấy bạn phải nhận thức được rằng các danh xưng và sắc tướngcủa bản thể vũ trụ này là hoàn toàn rỗng không.

c) Hữu Không Trung đạo quán

Có nghĩa là Quán sát sự Có – Không và Trung đạo. Nếu bạn nhận thức rằng các pháp vốn Không, quan điểm đó là Trung đạo rồi. Trung đạo có nghĩa là không tốt xấu, không cao

thấp, không đến đi, không sanh tử. Trung đạo chỉ đơn giản là một tên khác của Không đạo. Không này là Con đường toàn vẹn, bởi vì nó chỉ ra mặt thật các pháp vốn Không, Không chính làTuyệt đối của chính nó. Tuyệt đối luôn luôn toàn vẹn. Suy nghĩ của chúng ta tạo ra tốt và xấu, cao và thấp, đến và đi, sanh và tử. Tư duy khái niệm của chúng ta làm thành cái “Tôi là”. Đây là vọng tưởng cơ bản của chúng ta. Suy nghĩ tạo ra ngã và vô ngã. Nếu chúng ta có những điều này, chúng ta tin rằng chúng ta không toàn vẹn. Khi chúng ta không toàn vẹn, chúng ta nhận chịu đau khổ, và chúng tagây ra đau khổ cho những chúng sanh khác. Nhưng nguyên thủy những thứ này không tồn tại. Chúng không thể gây chướng ngại cho bạn và tất cả.Vạn vật vốn bất động! Chả có gì là sanh hoặc tử. Không bao giờ đến hoặc đi. Tất cả các pháp hoàn toàn trống rỗng, vốn toàn vẹn và đầy đủ. Nếu bạn thấu đạt tánh không, bạn thấu đạt con đường toàn vẹn. Đó là Trung Đạo.

d) Chư pháp thật tướng quán

Đây là phương pháp Quán thật tướng của tất cả các hiện tượng giới và tự nhiên giới. Khi bạn thấu đạt tất cả các pháp là Không, bạn có thể thấu rõ “Không” này là tự ngã Tuyệt đối (Tánh Không). Tánh Không là chân lý nền tảng của toàn thể vũ trụ,là thật

tướng của mọi hiện tượng, là cách quán hoàn chỉnh. Không có đối lập, bởi vì đối lập chỉ đến từ suy nghĩ. Khi suy nghĩ đánh lừa chúng ta bám vào đối lập, nó sẽ biến mất, sau đó Tuyệt đối rõ ràng xuất hiện ngay trước mặt chúng ta. Đó là một lối diễn đạt khác chỉ cho thế giới toàn vẹn. Như chúng tôi đã nói, tất cả các pháp đều Không, vì vậy tất cả mọi thứ là tuyệt đối, do đó các pháp vốn sẵn toàn vẹn và đầy đủ. Nếu bạn thấu rõđược như thế, thì khi bạn thấy, bạn nghe, bạn ngửi, bạn nếm, bạn xúc chạm, và ngay khi bạn suy nghĩ, tất cả các pháp đều là Chân lý. Danh từ Trung–Hàn chúng tôi sử dụng là Shil sang (Như thật). Thật tướng các pháp vốn Không. Đó chính là "Như thật". Mặt trời, mặt trăng, tinh tú, núi, sông, cây cỏ, nhân loại chúng sanh, tất cả đều hiển hiện tánh "Như thật". Với quan điểm này, Danh và Sắc cũng là Như thật. Vậy có những gì không phải là Như thật không? Phật giáo Tiểu thừa dạy rằng các pháp đều vô thường, vì vậy nó không thể là Như thật. Bởi vì nó luôn luôn thay đổi, đổi thay. Tất cả các pháp luôn luôn lừa dối bạn. Đây là điểm quan trọng.

Nhưng pháp quán chiếu thứ tư này của Phật giáo Đại thừa dạy rằng, nếu bạn hoàn toàn thấu đạt đến Tánh Không của toàn thể vũ trụ, sau đó bạn có thể tiến thêm một bước nữa. Bạn khám phá ra rằng tất cả các pháp "Như Thật" chỉ vì nó "Như Thị". Đây là Thật tướng của các pháp. Tường màu trắng, đó là Như thật. Cây lá màu xanh, đó là Như thật. Tiếng chó sủa bên ngoài, đó là Như thật. Một người đàn ông đánh một người đàn ông khác trên đường phố, đó là Như thật. Bây giờ là 7 giờ 15 phút tối, đó là Như thật. Nhưng ít người có thể nhận thức được rằng, những chuyện thông thường này hằng ngày nhìn thấy,

chính là Như thật. Bởi vì họ tạo ra tốt và xấu, và họ tin rằng suy nghĩ về tốt và xấu này thực sự tồn tại thường hằng. Đây là lý do tại sao Đức Phật lúc ban đầu Ngài đã phương tiện khai mở pháp môn giản yếu, trước khi Ngài có thể dạy Đại Bồ tát Đạo của Đại thừa.

Giáo lý chính yếu của Phật giáo Tiểu thừa chỉ ra rằng tất cả các pháp đều vô thường, đó là chính xác. Tất cả mọi hiện tượng là đau khổ, đó là chính xác. Tất cả mọi sự vật là vô ngã, đó cũng là chính xác. Nhưng tất cả mọi hiện tượng sự vật đều Không. Tất cả các pháp là Tuyệt đối. Tất cả các pháp vốn toàn vẹn đầy đủ. Vì vậy, nó hiện hữu, chính nó là Như thật.

Người nào đó bây giờ đang bị đau khổ, đó là như thật. Làm thế nào nó không phải như thật? Điểm này giống như một khóa học cấp bậc Tiến sĩ: Thật tướng Danh và Sắc và tất cả các pháplà Không, đó là tuyệt đối. Nghĩa là tất cả mọi thứ đã là Như thật. Nó rất đơn giản, nhưng không ai có thể nhận ra điều đó. Ha ha ha! Nhưng làm thế nào chúng ta thực hiện chức năng này thật chính xác để cứu giúp tất cả chúng sanh? Có vẻ hơi khó, nhưng có thể được tìm thấy đáp án, đó là công việc của Thiền. Ha ha ha!

e) Sự sự vô ngại quán

Quán sát vào sự thâm nhập lẫn nhau của tất cả các hiện tượng. Tất cả các pháp đều là chân lý, vì thế, chúng cùng tồn tại với sự không chướng ngại. Ví dụ, trên đây là không gian bầu trời, những đám mây liên tục đến và đi. Mưa đến và đi. Ánh sáng đến và đi. Gió đến rồi đi, qua qua, lại lại. Những trận cuồn phong bão tố cũng xuất hiện và biến

mất bất cứ lúc nào. Nhưng mặc dù những điều này không ngừng đến và đi trong không gian. Và không gian ít ra cũng không bị chúng làm ngăn ngại, bởi vì không gian hoàn toàn trống rỗng. Mây, mưa, gió, nắng, ngày, đêm cũng không bị chướng ngại bởi một thứ khác. Tâm bạn cũng chính xác như vậy. Nếu bạn thực hành thiền định với "xung thiên chí ", bạn hoàn toàn có thể đạt được "Tâm không", đó là nền tảng căn bản của vũ trụ. Sau đó, khi cảm xúc đến rồi đi; suy nghĩ đến rồi đi; tình huống tốt hoặc tình huống xấu xuất hiện rồi biến mất, không gì có thể cản trở hoặc làm bạn chướng ngại cả.

Các pháp vốn không cố định. Khi hạnh phúc xuất hiện, bạn có thể sử dụng điều đó ban tặng cho những chúng sanh khác. Khi đau khổ xuất hiện, bạn có thể sử dụng đau khổ để giúp đỡ cho chúng sanh khác. Bạn có thể sử dụng các tình huống tốt và xấu, kinh nghiệm tốt và xấu, chỉ để trợ duyên cho mọi chúng sanh thoát khỏi đau khổ, bởi vì tất cả những hiện tượng này hoàn toàn rỗng không, và sự rỗng không này là bản chất Từ bi Nguyên thủy của bạn.

Bạn phải biết từ kinh nghiệm của bạn rằng, nếu bạn giữ một cái gì đó trong tâm, tức thì khổ đau luôn luôn có mặt. Nhưng nếu bạn không ôm giữ bất cứ điều gì, sanh và diệt rỗng không trong tâm bạn. Sau đó, bất kỳ cảm giác, mọi suy nghĩ, mọi tình huống, mọi vấn đề, không thể chạm vào bạn. Suy nghĩ của bạn là Như thật. Hạnh phúc của bạn là Như thật, nỗi buồn của bạn là Như thật. Một tình huống xấu đến với bạn là Như thật. Một tình huống tốt trong cuộc sống của bạn cũng là Như thật. Tất cả các pháp đều rỗng không như nhau, và vì vậy tất cả các pháp là Như thật, chỉ vì nó đang là. Vậy những gì không phải là Như thật? Bạn có thể khám phá điều đó chăng? Xin vui lòng chỉ cho tôi biết! Thật là rất thú vị, phải không?

f) Tức sự nhi chân quán

Quán sát thấy rằng các hiện tượng tự Tuyệt đối. Chúng ta đã sống trong "Thế giới Như thật". Tất cả các pháp là Không, và Không này dung chứa tất cả mọi thứ, vì vậy tất cả mọi thứ đã là phương pháp hoàn chỉnh. Nếu bạn chỉ hiểu được điểm này qua đường lối học tập một cách trí thức, nó có thể không giúp bạn. Tỏ ngộ là cần thiết. Bạn thực sự phải đạt được tỏ ngộ tất cả mọi thứ là Tuyệt đối (Absolute), giống như chúng đang hiện hữu. Bạn phải thân chứng tất cả các pháp không chướng ngại, và sau đó bạn hành động, từng khoảnh khắc, từng giây phút là tấm lòng Đại Từ, Đại Bi cho tất cả chúng sanh. Điều đó có thể sống và ứng dụng theo phương pháp này cho những người khác vì không có "Tôi".Do vậy, cũng không có suy nghĩ, vì suy nghĩ là không suy nghĩ. Đau khổ là không đau khổ. Tất cả mọi thứ là Không, cho nên phụng sự người khác là có thể. Và không gì có thể làm bạn chướng ngại.

Vào thời điểm đó, công việc của bạn trong khoảnh khắc trở nên sáng suốt rõ ràng, mỗi hành động của bạn là như thật, và nó hoàn toàn kết nối với những nỗi khổ niềm đau của tất cả chúng sanh. Do vậy: "Làm thế nào tôi muốn giúp đỡ? Làm thế nào tôi nguyện phụng sự chúng sanh?" Đây là công việc của con người. Đây là Như thật Tánh, Như thật Tướng, Như thật các pháp. Đây là Con đường toàn vẹn, là Chân đạo, là Đại đạo.

Từ bi không phải là một ý tưởng hay một hành động: Nó là tự thể phủ trùm khắp pháp giới. Một tên gọi khác là Bồ tát. Nghĩa là những hành động này không phải dành cho tôi, bởi vì tôi đã nhận thức rằng bất kỳ hành động nào không có cho và vì tôi trong đó. Tất cả chúng sanh và tôi không tách biệt, mà cùng chung bản thể. Đau khổ của họ là đau khổ của tôi. Hạnh phúc của họ là hạnh phúc của tôi. Vì vậy, tôi chỉ có thể hoạt động cho tất cả chúng sanh. Thuật ngữ Trung–Hàn gọi là "Dae Ja, Dae bi Shim: (Đại Từ, Đại Bi Tâm). Đây là con đường Tuyệt đối.

Vì vậy, Phật giáo Đại thừa có Sáu Pháp quán. Trước tiên, bạn phải thông suốt tất cả các pháp cùng chung bản thể vũ trụ, và bản thể này vốn rỗng không – "Không chướng ngại". Sau đó, bạn phải thấu rõ vô số danh và sắc của bản thể vũ trụ cũng hoàn toàn rỗng không–"Không có tự tánh" và "Không có chân thực nghĩa". Tiếp theo, nếu bạn thực sự đạt được điều này, bạn đạt được "Thể Không" của tất cả các pháp là Trung đạo, là Chánh đạo. Từ điểm này, bạn có thể nhận ra rằng bất kỳ Pháp, Danh hoặc Tướng cũng đều là Như thật.

Vậy thì bạn có thể nhận ra rằng "Hết thảy các pháp không chướng ngại", khi bạn đạt đến"Tâm không chướng ngại". Tất cả các hành động của bạn là Bồ tát, bởi vì tất cả những hành động của bạn là Như thật. Tất cả các chức năng hành động của bạn kết nối với bản thể vũ trụ và chia sẻ với tất cả chúng sanh pháp giới. Một khi bạn đạt được "Tâm không chướng ngại" này, không còn bất kỳ cái Tôi tách biệt từ chính bạn. Vì vậy tất cả những hành động của bạn đã là Đại Từ – Đại Bi rồi.

Một thiền sinh hỏi tôi: "Bạch sư phụ, hai pháp đầu của sáu pháp quán Phật giáo Đại thừa nói rằng tất cả các pháp là không. Tuy nhiên, pháp quán thứ tư lại nói rằng tất cả các pháp là Như thật. Vậy làm thế nào tất cả các pháp có thể là Như thật, nếu tất cả đã là không?"

Đây là một câu hỏi rất hay, vì nó đi thẳng vào trọng tâm của các điểm giảng dạy quan trọng nhất trong Phật giáo. Cách trả lời cho câu hỏi này rất dễ dàng. Bạn về nhà và kiểm tra tấm gương treo trong phòng tắm. Gương không có gì trong đó. Nó hoàn toàn rỗng không. Nhưng nếu bạn đặt một quả bóng màu đỏ ở phía trước mặt nó, tức thì quả bóng màu đỏ xuất hiện. Nếu bạn có một màu trắng trước nó, thì màu trắng xuất hiện. Khi một ngọn núi hiện ra trước mặt gương, nó phản ánh ngọn núi. Trong thời điểm này nó không phản ánh nước, hoặc một buội cây, hoặc một khuôn mặt con người. Nó chỉ đơn giản phản ánh núi, chính xác như nó đang là. Nếu bạn lấy quả bóng màu đỏ ra khỏi gương, gương không còn phản ánh quả bóng. Nó không giữ một cái gì đó sau khi bạn đã lấy nó ra khỏi mặt gương. Những hình ảnh chỉ có ở trong gương khi bạn giữ lại chúng.

Cách khác, nếu gương trong sáng rõ ràng thì luôn luôn trống rỗng hoàn toàn,và nó không giữ bất cứ thứ gì. Sau đó, bất cứ điều gì được phản ánh đều không bị trở ngại. Tất cả mọi thứ có thể đến và đi, đến và đi ở phía trước không gian rỗng không này và được phản ánh, chỉ vì nó đang hiện hữuvới sự không ngăn ngại. Không có gì được thêm vào hoặc bỏ bớt. Trời xanh, cây xanh, tường trắng. Đó là như thật. Gương và tất cả mọi

thứ nó phản ánh là hoàn toàn rỗng không, và chúng cũng là như thật. Tất cả mọi người có thể hiểu được điều này khá dễ dàng.

Nhưng tâm con người của chúng ta thường không giống như gương. Nếu chúng ta giữ màu đỏ ở trước "tâm gương"(mirror–mind), chúng ta có thể phản ánh đỏ. Nhưng sau đó nếu chúng ta lấy nó đi, và giữ màu trắng ở đó, thì "tâm gương" này thường vẫn nghĩ về màu đỏ. Nó đang suy tưởng nó thích màu trắng hơn màu đỏ bao nhiêu, hoặc tự hỏi khi nào sẽ là lần tới để nó có thể được trông thấy màu đỏ nữa, hoặc đang suy nghĩ về những gì mà nó nhớ lại trong tiềm thức.

Tất cả những "đối tượng–tâm" (mind–objects) xuất hiện trong "tâm gương" chúng ta, cùng một lúc như quả bóng màu đỏ này được nắm giữ tại phía trước của nó. Chỉ đôi khi chúng ta đơn giản nhìn thấy quả bóng màu đỏ, như nó hiện hữu. Nếu bạn lấy đi màu đỏ và thay màu trắng ở đó, gương tâm chúng tasẽ phản ánh:" Ồ! tôi thích màu đỏ hơn. Màu trắng này không được đẹp lắm. Tôi muốn màu đỏ". "Ồ! có thể màu trắng cũng tốt. Tôi không biết"... Tâm gương của chúng ta bắt đầu nhớ vật màu đỏ khác, như nó đã nhìn thấy. Bạn đang đứng đó, tay cầm một vật màu trắng, nhưng thường thì tâm bạn sẽ không phản ánh chính xác về nó, như chính nó hiện hữu, bởi vì nó vẫn còn ôm giữ một vật gì về màu đỏ. Đây là lý do tại sao chúng ta không thể có lòng Từ bi trải rộng đối với thế giới này, bởi vì chúng ta không luôn luôn phản ánh thế giới này như chính nó hiện hữu.

Chúng ta không thể tin được những ham muốn vô cùng mạnh mẽ. Chúng ta nắm giữ "thích" và "không thích", thay vì nhận thức sự thật về thế giới này và sử dụng chân lý đó để phụng sự Từ bi cho tất cả chúng sanh trong từng khoảnh khắc. Đó là điểm rất quan trọng. Giáo lý của Phật giáo Đại thừa chỉ cho bạn làm một vị Bồ tát. Bồ tát là một con người có cuộc sống dành cho tất cả chúng sanh, bởi vì Bồ Tát đã đạt được quan điểm: Tất cả các pháp hoàn toàn rỗng không, đều bình đẳng như nhau. Với quan điểm này, lòng Từ bi xuất hiện bởi chính nó. "Tất cả chúng sanh với tôi không hai, không khác." Vào mỗi buổi sáng, chúng tôi nguyện: "Chúng sanh vô biên, thệ nguyện độ". Lời nguyện này rất quan trọng, bởi vì nó chỉ ra cuộc sống của tôi không phải dành cho riêng tôi. Những cảnh giới này cho thấy rằng bạn chỉ có thể làm điều đó. "Tôi sẽ không nhập Niết bàn cho đến khi tất cả các chúng sanh được cứu thoát khỏi khổ đau." Khi "Tôi"xuất hiện, thì một con người xuất hiện, và vị ấy tin rằng tự thân mình tách biệt với tất cả chúng sanh khác. Nhưng nếu "Tôi" biến mất, sau đó "Tôi" không bao giờ tồn tại ở khắp tất cả.

Phật giáo Tiểu thừa dạy rằng cái "Tôi" là vô ngã. Phật giáo Đại thừa dạy cùng một điểm, nhưng từ góc độ khác nhau.Vì vậy nó có một chức năng hơi khác nhau ở phần cuối: Phương pháp Đại thừa bắt đầu với quan điểm Không, trong khi Tiểu thừa giảng dạy nên xa lìa, từ bỏ.

Thay vì dừng ở đây, Giáo lý Phật giáo Đại thừa phát triển sự trải nghiệm này của Tánh Không, và khám phá ra chân lý thực tại của thế giới như chính nó hiện hữu. Thế giới này hoàn toàn rỗng không, vì thế "cái Tôi" cũng rỗng không. Bản thể danh và sắc cũng

rỗng không. Bởi vì tất cả các pháp là Không. Không này là Chân tự tánh. Đó là giáo lý của Trung đạo.

Tất cả các pháp đã là chân lý, và được toàn vẹn đầy đủ. Khi bạn đạt đến chân lý căn bản này của tất cả các pháp thông qua thiền định, không điều gì có thể ngăn trở nỗ lực của bạn để cứu độ tất cả chúng sanh thoát khỏi khổ đau. Không có chướng ngại trong tâm bạn, hành động Bồ tát Từ bi xuất hiện bởi chính nó. Có nghĩa bạn đã là một vị Bồ tát. Không có gì để "đạt đến". Như Tâm Kinh nói, "Không có chứng đắc. Vì không có gì để chứng đắc". Hành động của bạn luôn luôn chỉ phụng sự tất cả chúng sanh.

Kinh Kim Cương

Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng. (All appearance is delusion.)

Nhược kiến chư tướng, phi tướng. (If you perceive all appearance as nonappearance)

Kiến tức Như lai. (then that view is your true nature).

Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm. (Do not become attached to any thoughts that arise in the mind.)

Nhược dĩ sắc kiến ngã. Dĩ âm thanh cầu ngã. Thị nhơn hành tà đạo. Bất năng kiến Như lai. (If you see form as Absolute, if you search out the Absolute with your voice. You are practicing the wrong path, and you cannot see your true self.)

Nhứt thiết hữu vi pháp. Như mộng, huyễn, bào, ảnh. Như lộ, diệc như điển . Ưng tác như thị quán. (All compounded things are like a dream, a phantom, a bubble, or a reflection. They are like dew or lighting. Thus should you view them.)

KINH KIM CƯƠNG là một trong những giáo lý quan trọng nhất từng được công bố. Chúng ta có có thể đọc tụng khoảng gần một giờ. Đây là cốt lõi của lời Đức Phật dạy. Nội dung của Kinh này nói lên tất cả các pháp là vô thường và hoàn toàn rỗng không.Danh và sắc cũng hoàn toàn rỗng không. Nói về Tánh không,là những vấn đề mà cả hai địa chỉ của Phật giáo Tiểu thừa và Phật giáo Đại thừa cho chúng ta đi. Vì vậy, đọc Kinh Kim Cương như là đi bộ qua một cây cầu từ giáo lý Tiểu thừa đến quan điểm của Đại thừa. Nó bao gồm quan điểm của cả hai truyền thống này, nhưng nó nhấn mạnh phương hướng của Bồ tát đạo.

"Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng, phi tướng. Kiến tức Như lai".

Câu này chúng tôi dịch theo ngôn ngữ Thiền trong bản tiếng Anh có nghĩa là: "Tất cả các sắc tướng đều là không thật. Nếu thấy rõ các sắc tướng, như chẳng phải sắc tướng, 'sự thấy' này là Chơn tánh". (All appearance is delusion. If you perceive all appearance as nonappearance, then that view is your true nature.)

Đây là một câu rất quan trọng. Một trong những câu quan trọng nhất trong Kinh Kim Cương và là một trong những giáo lý Phật giáo nổi tiếng nhất. Tất cả sắc tướng luôn luôn sanh và diệt. Vì vậy, tất cả mọi thứ mà bạn nhìn thấy đều là vô thường. Tất cả mọi thứ mà bạn nghe, ngửi, nếm, và xúc chạm cũng là vô thường. Cuối cùng, bạn cũng là vô

thường! Đây là trung tâm điểm của Giáo lý Phật giáo Tiểu thừa.

Tuy nhiên, giáo lý này cũng khá kỳ lạ. Gần như hầu hết các bản dịch của Kinh này nói rằng, “Hãy quán sát tất cả các pháp tướng như chẳng phải pháp tướng, sau đó bạn sẽ nhận ra Chân tánh (True nature) của bạn, Chân ngã (True self) của bạn, tức thấy Như Lai (Tathāgata). (Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng, phi tướng. Tức kiến Như lai.)

Qua hai câu này nó khác hàm nghĩa ở vế cuối Kiến tức và Tức kiến. Theo lối dịch sau, ta có cảm giác đây là một chủ thể (subject) quán sát trên một đối tượng (object). Nhưng nếu tất cả mọi thứ mà bạn có thể thấy, nghe, ngửi, nếm và xúc chạm là vô thường, và bạn cũng là vô thường, thì làm thế nào có thể vô thường thấy vô thường? Bạn là vô thường thì làm sao vô thường này có thể thấy vô thường kia? Cái gì nhìn thấy cái gì? Quan trọng hơn, nếu bạn là vô thường, và bạn cảm nhận được sự vô thường, vậy thì làm thế nào bạn có thể nhìn thấy Chân tánh của bạn? Chân tánh của chúng ta vốn bất động (Như Lai), và nó không bao giờ đến hoặc đi.

Nhưng nếu vô thường thấy vô thường, làm thế nào có thể nhận ra Chân tánh của chúng ta. Một “Vật” bất động đó là ngoài vô thường? Luận chứng này trong kinh có vẻ như không được sáng rõ lắm. Nếu bạn là vô thường, bạn không tồn tại. Những gì mà bạn kết hợp (composed of) với sự thay đổi luôn luôn và di chuyển không ngừng nghỉ, thực ra không có gì là vĩnh viễn, là tồn tại. Vậy làm thế nào vật di chuyển đó “thấy” Chân tánh bất động (Như Lai) của bạn? Là cái gì đó nhận ra Chân ngã của chúng ta? Nếu bạn đọc bất cứ bản dịch nào của Kinh Kim Cương đều có những từ ngữ dị ứng này. Lời dạy qua những ngôn từ như thế không mấy rõ ràng, và chính xác. Thật rất khó hiểu. Cho nên điều quan trọng là dịch lại kinh này (theo cách nhìn của Thiền) nếu không thì quan điểm của nó không được sáng tỏ cho lắm, do bởi những thuật ngữ đặc biệt của nó. Nếu bạn phiên dịch đúng phương cách của kinh này, sau đó yếu lý trong Kinh trở nên rõ ràng. Vì vậy, chúng tôi nói:

“Tất cả các sắc tướng đều là ảo ảnh, không thật, (nên không đuổi theo). Nếu bạn thấy rõ tất cả các sắc tướng như chẳng phải sắc tướng, thì Tánh thấy (View) này là Chân ngã của bạn. Có một chút khác nhau ở câu cuối. Còn một mặt nói:“Nếu thấy hết thảy các sắc tướng như chẳng phải sắc tướng, tức thấy Chân tánh”.

Như vậy, một vật vô thường thấy một vật bất động (Như Lai). Điều này có sự nhận thức dứt khoác ít ra của sự có mặt giữa Chủ thể (Subject) và Khách thể (Object).Trên phương diện khác, nó sẽ được rõ ràng hơn nhiều nếu chúng ta nói: “Nếu bạn ‘quán sát’ hết thảy các pháp tướng, như chẳng phải pháp tướng, sự ‘quán sát’ này là chân tánh của bạn”.

Quán sát – là thể nhận tự chính nó (the perception itself). Sự thể nhận này là Chân tánh của bạn. Vậy những loại quán sát nào mà chúng ta đang nói về chúng? Thấy tất cả các sắc tướng như chẳng phải sắc tướng, chính nó là Chân tánh của bạn. Thể nhận được Chân tánh của bạn, tức là bạn có thể nhìn thấy thế giới này. Bạn có thể nghe thấy thế giới này. Bạn có thể ngửi thấy thế giới này. Chỉ cần nhìn, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm đó là Chân tánh của bạn. Cái thấy đó cũng là Chân ngã của bạn. Đôi khi chúng ta gọi điều

này là“chỉ quán soi”, hay “chỉ thể nhận”. Nó không có chủ thể hoặc khách thể. Đây là một điểm rất quan trọng.

Vì vậy, khi bạn nghe, tánh nghe đó là Tuyệt đối, là Chân tánh của bạn. [Đánh gậy thiền xuống bàn]. Sự quán soi đó, có nghĩa là bạn nhận thức rằng thế giới này hoàn toàn rỗng không. Hành động chỉ đơn thuần là thể nhận ra rằng âm thanh đã là Chân ngã của bạn. Không còn bất kỳ chủ thể hoặc khách thể. [Đánh gậy thiền xuống bàn].Kinh nói “Tức thì, bạn sẽ thấy Chân tánh của bạn”. Chân tánh có nghĩa là Ai thấy? Ai thấy cái gì ? Nhưng trước tiên chúng ta phải nhìn thấy những dòng này trong Kinh Kim Cương gần như luôn luôn không được dịch chính xác, bởi vì vô thường không thể nhìn thấy vô thường. Nó rõ ràng rằng “thể nhận” là tự nó có sẵn trong chân tánh chúng ta.

Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm (Nên giữ tâm không vướng mắc). Trước khi nhận sự trao truyền y bát, Lục tổ Huệ Năng đã được biết đến như một người dân quê. Ngài sống rất đơn giản, đạm bạc, không được học hành, chỉ làm việc vất vả để nuôi mẹ. Mỗi ngày, ngài thường lên núi đốn củi đem ra chợ bán,nơi một thị trấn nhỏ gần nhà. Một hôm nọ, trước khi xin phép mẹ đi tu, ngài đã bán xong số củi cho một khách hàng. Lúc trở về, ngài đi qua khu phố nhộn nhịp, có tiếng tụng kinh trong nhà của một Cư sĩ vang ra. Ngài dừng lại lóng nghe đến câu “Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm”. Nghĩa là không để vướng mắc bất kỳ suy tưởng nào xuất hiện trong tâm, bỗng hoát nhiên tỏ ngộ. Ngài

nhận ra bản thể tâm mình. Trước thời điểm đó, ngài không hề biết gì về Phật giáo. Cũng không học Kinh điển. Ngài không biết tới Pháp bảo. Thậm chí hoàn toàn mù chữ, cho nên ngài không bao giờ hiểu bất cứ điều gì. Tuy nhiên, không phải ngài là người hoàn toàn mê si khờ khạo. Ngài chỉ nghe câu: “Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm” và –BÙM! – tiếng bùng vỡ tâm thức, ngài đã tỏ ngộ!

Như vậy, khi bạn thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm, và ý tưởng, tất cả mọi thứ, vừa “thể nhận” được, đều là Chân lý. Do đó, ý tưởng cũng là chân lý, nếu bạn không để cho mình trở thành dính mắc với ý tưởng như nó đến và đi trong tâm bạn. Nhưng rất nhiều người không thể làm điều này. Họ tin rằng suy nghĩ của họ là có thật, và theo nó ở khắp mọi nơi. Đây là ham muốn, và tất cả các ham muốn là đau khổ. Nếu bạn có cách đơn giản là hãy để suy nghĩ của bạn thong dong ra đi, sau đó, cùng một suy nghĩ là chân lý. Cũng như khi bạn nhìn thấy đèn đỏ thì dừng xe lại, đèn xanh thì lái xe đi.

Câu này trong Kinh Kim Cương tạo ra một điểm khá đơn giản, nhưng là lời dạy rất thẳm sâu. Nó cho chúng ta thấy rõ ràng để “trải nghiệm suy nghĩ không vướng mắc” (to experience nonattached thinking). Chỉ suy nghĩ. “Chỉ suy nghĩ ” nghĩa là không có “Tôi”. “Chỉ suy nghĩ ” nên không có chủ thể và không có đối tượng. Bên trong và bên ngoài luôn luôn trở thành Một. Nghĩa là chỉ duy nhất làm điều đó. Khi bạn nhìn lên bầu trời, chỉ nghĩ có màu xanh lơ. Khi bạn nhìn thấy cây, chỉ nghĩ màu xanh lá. Thấy tường màu trắng, chỉ nghĩ tường trắng. Bây giờ là 7giờ 16 phút sáng. Ngay bây giờ chúng ta nghe tiếng gió thổi bên ngoài. Chỉ cần nghĩ gió thổi. Nó có nghĩa là chỉ cảm nhận được những gì hiện ra trước mắt. Đây là suy nghĩ không vướng mắc: suy nghĩ đến và đi trong tâm bạn không chướng ngại. Lời dạy này rất quan trọng.

Đoạn khác trong Kinh dẫn: “Nếu (người nào) chấp thấy hình sắc như là Tuyệt đối, theo đuổi âm thanh như là Tuyệt đối, tức là tu tập sai đường, và không thể nhận ra Chân tánh của mình.” (Nhược dĩ sắc kiến Ngã, dĩ âm thanh cầu Ngã. Thị nhơn hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai). Nhiều người bị dính mắc đến việc thấy Chúa, thấy Phật. Họ chỉ nhìn những hiện tượng bên ngoài, tìm kiếm Chúa và Phật ở những vật thể bên ngoài, để mong chờ phép lạ. Cũng có những người cố gắng cầu nguyện với Chúa hay Phật ban cho các thứ. Nhưng cách nhìn theo loại này không bao giờ có thể thấy Phật thật, Chúa thật. Sắc tướng là những sự vật bên ngoài mà bạn có thể cảm nhận được, chẳng qua nó cũng chỉ là những hiện tượng bên trong bạn. Chẳng hạn, những ý nghĩ xuất hiện nơi tâm bạn, rồi bạn quá tha thiết cầu mong sự mặc khải, truyền qua các cảm thụ, suy tưởng, tâm hành và nhận thức, trong sự gán thêm vào các đối tượng bên ngoài, bất kỳ loại pháp tướng nào dù là Phật hay Chúa, thần linh hoặc ma quỷ.

Nếu bạn tin rằng bất kỳ mọi âm thanh sắc tướng thực sự tồn tại, bạn đang đi lệch đường. Khởi nguyên không có sắc, thụ, tưởng, hành, thức. Các pháp bên ngoài cũng không thường hằng; không danh, không sắc, hoàn toàn rỗng không. Nếu bạn dính mắc với những thứ này, bạn không thể nhận ra Chân tánh của bạn. Dính mắc xuất phát từ quan điểm mê lầm cho là các pháp tồn tại. Vì vô minh căn bản này, bạn tin rằng có một thế giới bên ngoài của các đối tượng và sự vật. Bạn cũng tin có cái gì đó ở bên trong. Bạn tạo ra bên trong và bên ngoài. Bạn tin rằng những điều này tồn tại, bởi vì bây giờ bạn đã tạo ra Nhơn – Ngã, Bỉ – Thử, (có tướng ta, tướng người, đây và đó…) Như thế vẫn chỉ là suy nghĩ và dính mắc. Thể nhận sâu sắc Chân tánh của bạn là một quan điểm không có bên trong hoặc bên ngoài. Bạn đạt được Tuyệt đối mà không có chủ thể hoặc đối tượng. Không danh, không sắc. Thấu tột lẽ này là Chân tánh của bạn.

Vì vậy, khi bạn thấu rõ Tự tánh và thấu rõ Chân lý có một chút khác biệt. Thấu rõ Tự tánh tức là nhận thức Tuyệt đối. [Đập gậy thiền xuống bàn]. Chỉ là điểm đó. Bạn có thể nhận rõ được nguyên điểm. [Đập gậy thiền xuống bàn]. Tất cả mọi thứ chung về điểm này. [Đập gậy thiền xuống bàn.] Tất cả mọi thứ là bản thể vũ trụ, làchân tánh của bạn. Đây là bước đầu tiên. Tuy nhiên, thấu rõ Chân lý chỉ là khởi đầu bạn đạt được Chân tánh của bạn [Đập gậy thiền xuống bàn]. Sau khi đạt được điều này, bạn nhận ra rằng tất cả mọi thứ đều là Chân lý. Khi bạn thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm, nhận thức tất cả mọi thứ chính là Như thị, là Chân lý. Đạt sự tuyệt đối [Đập gậy thiền xuống bàn] là huấn thị của Kinh Kim Cương. Nhưng đến điểm này chỉ đưa chúng ta được nửa đường vào giáo lý Đại thừa. Đó là lý do tại sao chúng tôi nói rằng Kinh này là trung điểm giữa giáo lý Tiểu thừa và Đại thừa Phật giáo. Cho chúng ta thấy cái nhìn đầy đủ về sự thật công việc của Tâm Kinh Bát nhã, Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Pháp Hoa.

Điểm quan trọng nhất của Kinh Kim Cương là tất cả các pháp tướng đều vô thường, hoàn toàn không. Kinh này giải thích tầm quan trọng cơ bản của việc đạt đến Tánh không, như một trải nghiệm Chân tánh của chúng ta. Nếu bạn muốn tỏ ngộ Chân tánh của bạn, tâm bạn phải hoàn toàn rỗng không, (Không vướng mắc, không trụ chấp) bạn phải thấu đạt Tánh không. Sự hiểu biết về khái niệm Tánh Không chẳng thể giúp ích gì cuộc sống của bạn. Bạn vốn đã là Không, nhưng bạn không nhận ra nó. Bạn chỉ tin vào

bên trong và bên ngoài, đây là ảo tưởng. Bạn tin rằng mọi thứ tồn tại và không tồn tại, đây cũng là ảo tưởng. Nhưng nếu bạn đạt sựrỗng không ban đầu tức là bạn tỏ ngộ Chân tánh của bạn. Bạn thấu đạt giữa bạn và toàn thể vũ trụ này hoàn toàn Không. Sau đó, khi bạn thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và khi bạn khởi tưởng, tất cả mọi thứ đều là Không. Tất cả mọi thứ là Tuyệt đối. Bạn cũng là Tuyệt đối. Từ quan điểm này, có thể thấu tỏ được Chân lý.

“Tất cả các pháp hữu vi, khác nào chiêm bao, ảnh ảo, bọt bóng, cầu vòng. Giống như sương mai, ánh chớp. Phải thường nên quán sát như vậy.”

Những dòng khai thị này rất quan trọng. Nếu bạn đang dính mắc với suy nghĩ của bạn, thì sau đó tất cả mọi thứ có danh xưng và hình thể. Đây là thế giới của các mặt đối lập. Nhưng danh và sắc luôn luôn thay đổi, thay đổi, thay đổi. Bởi vì điều này nói lên tất cả các pháp là vô thường. Tất cả mọi thứ như một giấc mơ, giống như sương, như bọt bóng hoặc tia chớp. Không có gì lưu lại nhưng vẫn luôn luôn trong quá trình biến dịch thay đổi, chứ không phải là có một số không đổi thay, thật cố định.

Toàn thể vũ trụ liên tục sanh và diệt, nhưng có một cách để trải nghiệm thực thể của vũ trụ liên tục thay đổi. Chỉ đơn giản là không nên dính mắc với thế giới đối lập. Không nên dính mắc với bất kỳ thế giới bên ngoài. Không nên dính mắc với danh và sắc. Nếu bạn giữ quan điểm đó, tức thì tâm bạn bất động. Bạn thấu hiểu rằng danh và sắc căn bản là Không. Toàn thể vũ trụ hoàn toàn Không. Bạn đang hoàn toàn Không. Không bao giờ đến hoặc đi. Không bao giờ còn hay mất, sanh hay tử. Khi bạn giữ “Tâm Không” ắt sẽ sớm đạt được Chân tánh của bạn.

Đó là Giáo lý Kinh Kim Cương, đạt đến Tánh Không tức là thấu đạt Chân tánh của bạn. Mặc dù nó là một văn bản Đại thừa, nhưng Kinh Kim Cương không liên quan đến tự thân với việc thế giới này thật hay không thật. Quan trọng hơn, loại suy nghĩ nào mà bạn có trong tâm bạn? Định hướng tâm của bạn là gì? Làm thế nào để giữ “tâm hiện tiền” của bạn? Điều đó tạo ra toàn bộ thế giới này. Đức Phật nói trong Kinh Hoa Nghiêm: “Nhứt thiết duy tâm tạo”. Nghĩa là tất cả mọi hiện tượng sự vật đều do tâm tạo. Đây là lời dạy cao cấp hơn. Kinh Kim Cương khởi đầu bằng cách hiển thị sự vô thường của các pháp, và làm thế nào chúng ta phải đạt được Tánh Không để cắt đứt mọi chiêm bao,vọng tưởng đảo điên này.Nhưng đọc tụng kinh này chưa đủ. Nếu bạn muốn cắt đứt giấc mơ đau khổ của bạn, bạn cần phải sử dụng một thanh kiếm Kim Cương. Chỉ giữ tâm không biết: đây là chân bảo kiếm Kim Cương của bạn. Như tôi đã nói trước đây, nếu có ai thực sự quán sát kỹ vào thế giới này, họ sẽ cạo mái tóc của mình và trở thành tu sĩ để ra khỏi giấc mơ đau khổ. Chỉ thực tập tu hành và làm điều đó.

Tâm Kinh Ma-ha Bát Nhã Ba La Mật Đa

Chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt thiết khổ ách. (Perceiving that all skandhas are empty saves all beings from suffering and distress). Sắc bất dị không, không bất dị sắc. (Form does not differ from emptiness, Emptiness does not differ from Form). Sắc tức thị không , không tức thị sắc. (Form is emptiness, Emptiness is Form). Bất sanh bất

diệt.(No appearing, no disappearing). Bất cấu bất tịnh.(No taint, no purity). Bất tăng bất giảm.(No increase, no decrease). Chư Pháp không tướng.(All Dharmas are marked with emptiness). Vô trí, vô đắc.(No cognition—no attainment). Niết bàn.(Nirvana) Chánh đ ng, Chánh giác.(Unexcelled perfect enlightenment—anuttara samyak sambodhi.)

Yết đế, yết đế. Ba la yết đế. Ba la tăng yết đế. Bồ đề tát bà ha! (Gate, gate. Paragate. Parasamgate, Bodhi svaha!)

Nhận thức thẳm sâu rằng, hợp thể năm uẩn (cấu thành thân và tâm này) đều rỗng không, tức thì vượt qua mọi khổ ách…. Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc…. Không sanh, không diệt. Không dơ, không sạch. Không thêm, không bớt…. Tất cả các pháp đều biểu hiện tướng rỗng không. Không thể nhận thức, không thể đạt được… Niết bàn. Giác ngộ hoàn toàn rốt ráo ….. Vượt qua, vượt qua! Cố gắng vượt qua bên kia! Hãy cố gắng vượt qua bờ bên kia! Tỉnh thức, an vui.

Tâm Kinh chỉ có hai trăm bảy mươi ký tự Trung Quốc, nhưng nó dung chứa tất cả giáo lý của Phật giáo Đại thừa. Trong bản kinh này là thực thể của các Kinh Kim Cương, Hoa Nghiêm, và Pháp Hoa, bao gồm tất cả tám vạn bốn ngàn Kinh điển. Nó được trì tụng trong mỗi ngôi chùa Phật giáo Đại thừa và Thiền trên thế giới. Trong những ngôi chùa Hàn Quốc và tại các Trung tâm Thiền của chúng tôi ở phương Tây, Tâm Kinh được trì tụng ít nhất mỗi ngày hai lần vào buổi sáng và buổi tối, cũng như trong thời gian “Khai thất tĩnh tâm” nó được tụng nhiều hơn. Đôi khi nếu bạn cảm thấy tâm trí của bạn không sáng suốt, và thiền định không mấy sâu lắng, bạn nên tụng kinh này. Sau đó, tâm của bạn sẽ trở nên thanh tịnh sáng suốt.

Ma-ha có nghĩa là vĩ đại, rộng lớn. Bát-nhã là Trí tuệ siêu việt, và Ba La Mật Đa nghĩa là đáo bỉ ngạn, vượt qua bờ bên kia, hoặc hoàn thiện tuyệt đối. Tâm (Hridya) có nghĩa là trái tim. Và các ký tự Trung Quốc nói về Tâm Kinh là “shim gyong” hoặc “Tâm lộ”, con đường tâm. Vì vậy, kinh này là “Đại đạo”, con đường rất lớn, con đường cho sự hoàn hảo của Trí tuệ tuyệt đối.

Chữ Ma-ha trong tiêu đề của Kinh này chỉ ra một cái gì đó có kích thước rất rộng lớn. Là những gì thật sự vô số, vô biên, phủ trùm khắp thời gian và không gian.Thường thì người ta cho rằng “Đại địa” nghĩa là mặt đất lớn nhất. Nhưng so với “Đại dương” thì biển cả lớn nhất. Hay là bầu trời lớn nhất. Có thể nói không gian lớn nhất mà chúng ta khó đo lường! Vũ trụ vô biên, thời gian vô hạn và không gian vô cùng, dung chứa tất cả các tinh cầu thế giới vô tận. Đó có phải lớn nhất chăng? Tất cả mọi người có thể nghĩ rằng điều đó đúng thật như thế.

Nhưng một vị Tổ sư nổi tiếng cho biết: “Vũ trụ bao gồm thân tôi, nhưng tâm tôi trùm khắp cả vũ trụ”. Đây là một điểm rất quan trọng. Vũ trụ bao gồm và phủ trùm thế giới của chúng ta và tất cả mọi thứ bên trong nó. Vì vậy nó thực sự vô cùng rộng lớn. Nhưng khi bạn nghĩ về vũ trụ –“Vũ trụ”– thì ngay lập tức, tâm bạn đã bao phủ toàn bộ vũ trụ. Do đó, tâm chúng ta lớn hơn so với thời gian vô hạn và không gian vô cùng của vũ trụ

này. Thật tuyệt vời làm sao! Tâm Kinh chỉ ra điều lớn nhất đó là TÂM. Nó cho thấy chúng ta có thể khám phá và trau dồi việc sử dụng thích hợp trong những điều lớn nhất, vì vậy đó là lý do tại sao tiêu đề kinh này được gọi là Ma-ha.

“Nhận thức thẳm sâu rằng, hợp thể năm uẩn (cấu thành thân và tâm này) đều rỗng không, tức thì vượt qua mọi khổ đau ách nạn….”

Chúng ta nhìn ra thế giới, khổ đau có mặt ở khắp mọi nơi. Tất cả chúng sanh luôn luôn đang đau khổ và gặp nhiều ách nạn. Vậy khổ đau từ đâu đến? Người ta đang mắc kẹt với một tình yêu vô vọng với ai đó, hoặc họ theo đuổi những ham muốn đam mê để có được một số của cải vật chất. Người ta có tham vọng trở thành những điều mà họ cảm thấy sẽ thành đạt trong cuộc sống của họ, hoặc được công nhận, tôn vinh bởi những người khác. Thực ra không có gì khó khăn khi chúng ta đấu tranh giành giựt cho những chuyện như thế. Ngay cả khi chúng ta nhận được chúng, nhưng không thể giữ chúng mãi bên mình. Chính vì vậy nó gây ra mọi đau khổ cho chúng ta. Ban đầu đau khổ này không có. Tất cả do tâm tạo, giống như một thứ ảnh ảo xông lên từ trên đường nhựa nóng hoặc cát nóng, tưởng chừng có nước xuất hiện phía trước. Nếu tôi mắc phải quá nhiều vấn đề đau khổ, sau đó tôi chết, đau khổ của tôi cũng không còn. Khi chúng ta nhận ra điều này, thì đau khổ đó chỉ là sản phẩm của tâm, và không có thứ gì tồn tại độc lập, (tâm tạo thì tâm chuyển). Sau đó không còn bất kỳ đau khổ và ách nạn nào nữa.

Vì vậy, cái gì làm cho tâm này vĩ đại như vậy? Nếu bạn đang nghĩ, bạn không thể tìm thấy tâm bạn bất cứ nơi nào. Nếu bạn cắt đứt mọi suy nghĩ, có nghĩa là bạn quét sạch mọi vọng tưởng, mọi dính mắc đã làm bạn bận lòng, sau đó Chân tánh của bạn xuất hiện ở khắp mọi nơi.

Chúng ta đã tìm hiểu một số điểm quan trọng trong giáo lý Phật giáo Tiểu thừa. Đức Phật buổi đầu dạy rằng những gì chúng ta gọi là “Tâm” hay “Tôi” chỉ là năm uẩn: sắc, thụ, tưởng, hành, thức kết hợp. Năm uẩn này, hoặc năm hợp thể, liên tục thay đổi; chúng chỉ là khối năng lượng tinh thần gắn bó với hình thể. Kể từ khi con người dính liền với sắc, thụ, tưởng, hành, thức; sau đó, năm hợp thể chắc chắn sẽ thay đổi, vì vậy chúng ta nhận lấy khổ đau. Cho nên chúng ta khó thoát khỏi thế giới đau khổ này. Bởi vì chúng ta tin rằng năm uẩn này có thật, và chúng là “cái Tôi” thực sự. Đây là trọng tâm giáo lý Phật giáo Tiểu thừa.

Tuy nhiên, mở những dòng Tâm Kinh, cho thấy rằng năm uẩn xưa nay vốn không thật có. Thế thì, đau khổ ở đâu? Cái gì làm cho đau khổ? Ví dụ đây là một ly nước cam. Nếu bạn có –cái ly, sau đó bạn có thể cho nước cam này vào trong ly. Nhưng nếu ly nầy bị vỡ bể, làm thế nào nước cam có thể vẫn tồn tại ? Bạn không thể giữ được nước cam đó còn lại phải không? Cũng giống như thế, đau khổ tồn tại chỗ nào? Nếu bạn dính mắc với năm uẩn: sắc, thụ, tưởng, hành, thức, thì khổ đau có một nơi để ở. Nhưng Tâm Kinh cho thấy năm uẩn đều không thật. Tâm hoàn toàn rỗng không, thì nơi đâu đau khổ có thể trú ngụ? Vì vậy, giáo lý này nói về Tánh không rất quan trọng cần phải thấu đạt.

Khi bạn thực hành theo con đường trí tuệ rốt ráo, bạn khám phá ra tất cả năm uẩn đều không thật. Đạt được điểm này, cứu chúng ta thoát khỏi mọi khổ đau ách nạn. Nếu chỉ đơn thuần hiểu biết những quan điểm này, thì nó không thể giúp được gì cho bạn, bạn phải thể nghiệm và thấu đạt điều đó.

Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc. Sắc tức là Không, Không tức là Sắc.

Tâm Kinh dạy câu này là cái gì có hình sắc là không thật. Cái gì không thật tức là hình sắc. Nhiều người không hiểu nghĩa này, thậm chí một số môn sinh trải qua thời gian dài tu thiền cũng vậy. Nhưng có một cách rất dễ dàng để nhận ra trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Ví dụ, đây là một chiếc ghế gỗ màu nâu, cứng chắc và nặng, tưởng chừng nó có thể tồn tại lâu dài. Bạn ngồi trên ghế, với sự chịu đựng sức nặng của bạn và mọi thứ để trên nó. Nhưng sau đó bạn đốt chiếc ghế bốc cháy rồi rời khỏi. Khi bạn quay trở lại, chiếc ghế không còn ở đó! Chiếc ghế này tuy rất vững chắc và mạnh mẽ, nhưng thực tế hiện giờ chỉ là một đống lửa than có gió thổi cháy xung quanh. Ví dụ này cho thấy chiếc ghế rỗng không, không thật, không vĩnh viễn. Nó luôn luôn thay đổi, không có sự tồn tại độc lập. Trong một thời gian dài hay ngắn, chiếc ghế cuối cùng sẽ thay đổi và trở thành một cái gì đó khác với những gì mà nó đã có mặt trước đó. Vì vậy, chiếc ghế màu nâu này nói lên sự rỗng không hoàn toàn. Tuy nhiên, dù cho nó luôn luôn có bản chất rỗng không, nhưng sự rỗng không này là hình thức mà bạn có thể ngồi trên ghế, và nó vẫn nâng giữ bạn lên. – Sắc tức Không, Không tức Sắc nghĩa là như thế.

Nhưng tại sao cần thiết để hiểu điều này? Lý do là nhiều người dính mắc với Danh và Sắc. Sự dính mắc này là nguyên nhân của hầu hết tất cả đau khổ. Nếu chúng ta muốn chữa trị con người dính mắc này, thì phải bắt đầu uống thuốc Danh và Sắc bằng cách quán chiếu Danh và Sắc này không thật, không tồn tại lâu dài. Chúng luôn luôn thay đổi, thay đổi, thay đổi. Nếu bạn muốn làm giàu hoặc đã giàu có rồi, bạn phải thấy rằng sự giàu có của cải là không thật, (nay tay này, mai tay khác). Nếu bạn đang dính mắc với danh tiếng và sự tán thành của người khác, bạn phải nhận ra rằng những điều mà bạn luôn tìm cách đấu tranh, vật lộn và đau khổ cho cái trống rỗng, không thật.

Hầu hết mọi người đều quý trọng thân này, họ sử dụng rất nhiều tiền để làm cho thân mạnh khỏe và đẹp đẽ thêm. Nhưng một ngày nào đó, khi bạn chết, cơ thể này sẽ tan hoại, bạn không thể giữ cái thân vốn rỗng không này được nữa. Tuy nhiên, nhiều người vẫn trân trọng thương yêu nó. Bạn không thể mang theo danh tiếng, tiền bạc, của cải. Bạn không thể mang theo sắc dục. Bạn không thể thực hiện bất cứ điều gì!

Ngày nay, nhiều người dính mắc với những điều như thế. Họ quý trọng danh tướng bề ngoài trên tất cả các thứ, để rồi làm tổn hại đến bản thân mình và những người khác chỉ để bảo vệ hư danh. Họ muốn nhận được nhiều lợi dưỡng, tiếng khen, hoặc mối quan hệ nào đó. Họ tranh giành quyền lực để có được vị trí cao trong đoàn thể, xã hội. Người ta luôn luôn nhân danh một cái gì rồi lệ thuộc vào những vọng tưởng điên đảo của họ, gây ra không biết bao điều tồi tệ khổ đau. Họ cố gắng bắt lấy những thứ vô thường, rỗng không này. Thời đại bây giờ, nhiều người chạy theo thị dục, vô minh phủ

lấp, nhưng chả mấy ai quan tâm biết rõ điều đó. Sắc tức là không, vì vậy suy nghĩ và chạy theo thị dục, chỉ là ảo tưởng mê lầm. Câu kinh này chứng minh về điểm đó.

Điều quan trọng là bạn muốn điều gì trong cuộc sống của bạn ngay bây giờ? Nếu bạn tham muốn thì "Cái Tôi" này trong mỗi lúc tạo ra tâm bạn, và tâm đó tạo ra cuộc sống của bạn. Nó quyết định đời này và đời sau. Bởi nhận thức rằng tất cả các pháp vốn rỗng không, do đó, bạn có thể buông xuống tất cả và chỉ sống an nhiên mà không có đau khổ qua những diễn biến vô thường. Nếu bạn không dính mắc vào danh và sắc, bạn sẽ hoàn toàn tự do tự tại.

Có câu chuyện nổi tiếng về việc này. Thuở xưa ở thành Athènes, vào thời Hy Lạp cổ đại, có nhà hiền triết nổi tiếng tên là Diogenes (413 -323 trước CN), ông sống với một con chó lang thang. Là người thắp đèn và xách đi khắp phố Athènes giữa ban ngày. Ông luôn luôn ngủ trong chiếc thùng gỗ ngoài trời, không bận tâm về cái ăn, cái mặc, dù ngày đó có ai cho thức ăn hay không. Ông thường không mặc quần áo, chỉ một mảnh vải che giữa thân. Lối giảng dạy của Diogenes là tất cả cuộc sống theo phong cách tự nhiên vô nhiễm:

– Coi thường học vấn, danh vọng, tiền tài.
– Giải thoát mọi dục vọng.
– Hạn chế tối thiểu nhu cầu vật chất.
– Sống theo thiên nhiên.
– Triết học chỉ là mớ lý thuyết rườm rà rời xa thực tế.
Một hôm, vào buổi sáng sớm, trong khi ngủ trên vĩa hè ngoài đường phố, ông ta đột nhiên cảm thấy một chút lành lạnh, và trở mình thức giấc. Đứng bên ông là bóng hình A- lịch-sơn (Alexander) Đại đế, người mà thời đó rất có thế lực mạnh mẽ nhất trên thế giới. Ông đã chinh phục rất nhiều lãnh địa, nhiều quốc gia, vì sức mạnh quân sự phi thường của ông và trí thông minh tột bực. Ông đã được sự kính trọng và ngưỡng mộ của tất cả mọi người. Hôm nay A-lịch-sơn Đại đế muốn đến tìm thăm Diogenes để mong nhận được một vài lời khuyên cho ông. Đại đế đứng đó, trong sắc khí kiêu hùng lẫm liệt, dáng vẻ to lớn lực

lưỡng của ông như một pho tượng đúc, che phủ ánh nắng mặt trời trong lúc Diogenes còn đang say ngủ.

Diogenes vẫn nằm nheo mắt nhìn lên Đại đế, và nói: – Ồ ! Xin chào A-lịch-sơn Đại đế! Ngài khỏe không? Đại đế đáp: – Cảm ơn, trẫm vẫn bình thường. Nhưng trẫm muốn giúp hiền khanh, Diogenes ạ! Trẫm đã chinh phục khắp cả thế giới này từ Hy Lạp, Ba Tư, sang Trung Đông, Ấn Độ. Trẫm có cung điện,vàng bạc, ngọc ngà, châu báu và sự giàu có không thể kể xiết. Nếu hiền khanh muốn thứ gì, trẫm sẽ sẵn sàng ban cho khanh. Dù là đất đai, tiền bạc, quan cao, chức trọng. Chỉ cần khanh đề cập đến nó, thì nó sẽ là của khanh. Vậy khanh muốn thứ gì? –Ô! Thưa Đại đế, ngài muốn giúp tôi ư? –Vâng, A-lịch-sơn Đại đế nói –Trẫm muốn giúp khanh thật lòng. – Xin cảm ơn ngài ! –Thế thì khanh muốn thứ gì ? –Vâng, Diogenes nói –Tôi chỉ muốn một điều. – Vậy khanh cứ nói ra điều đó, tức thì nó là của hiền khanh. Bất cứ điều gì! –Thưa Đại đế, xin

ngài vui lòng di chuyển khỏi sự che lấp ánh sáng mặt trời của tôi. –Ồ! Được, được. Trẫm xin lỗi. A-lịch-sơn liền bước qua một bên. Diogenes bèn nói –Cảm ơn ngài, cảm ơn ngài ! Ngài đã ban cho tôi như thế là đủ. Viên tướng hộ giá thấy vậy rút gươm toan chém tên vô lễ, nhưng nhà vua gạt đi và nói: – Nếu ta không là A-lịch-sơn thì ta muốn được là Diogène. Ha ha ha! (Tiếng cười liên tục từ giãng đường.)

Đây là câu chuyện rất đơn giản và vô cùng thú vị. Nó dạy chúng ta rất nhiều về lẽ Sắc–Không. A-lịch-sơn Đại đế kính trọng Diogène như bậc thầy của mình, nhà vua đã từng nói: "Sinh ra ta là cha ta, Hoàng đế Philippe. Còn dạy ta sống xứng đáng là thầy ta, Aristote. Với Diogens là tấm gương vô nhiễm giải thoát cho ta soi chiếu."

Đại đế lên ngôi năm 20 tuổi, (mất năm 33 tuổi) trải qua 13 năm đánh Đông dẹp Bắc, xua quân từ Hy Lạp sang tận Ba Tư, Ấn Độ, cái thế anh hùng, nhưng nhà vua biết cúi đầu trước cái 'Đức' của một bậc hàn sĩ. Ông đã vô tình ngăn chặn ánh sáng mặt trời, nó không thể chiếu đến được Diogenes. –Ha ha ha! Vì vậy, khi ông muốn ban cho bất cứ thứ gì trên đời, Diogenes chỉ nói: "Xin hãy di chuyển ra khỏi sự che lấp ánh sáng mặt trời của tôi." Chỉ có điều đó! Thời điểm đó không có ham muốn, không theo đuổi, không tìm kiếm. Diogenes đã thấu đạt hoàn toàn "Sự thật hiện tiền", nghĩa là ông đạt đến bản thể rỗng không. Ông thấu rõ Danh và Sắc cũng rỗng không, vì thế ông không quan tâm đến sự giàu sang, danh

vọng, một người yêu, hoặc mái ấm gia đình, hoặc một vị trí cao trong xã hội. Tất cả mọi thứ đều không. Tại sao khao khát, tham muốn, bám víu những điều rỗng không này? Những điều đó thực sự không giúp đỡ gì cho cuộc sống bình yên tự do tự tại của tôi. Nhưng, bây giờ, tại đây, tôi muốn có ánh sáng mặt trời. Đó là tất cả. Diogenes được hoàn toàn tự do, bởi vì ông thấu đạt rốt ráo chân lý Sắc tức là Không, Không tức là Sắc. Nếu bạn đạt đến điểm đó, mọi tham muốn không thể bám vào, bởi vì bạn nhận ra rằng, bạn đã toàn vẹn đầy đủ rồi. Ngay bây giờ bạn có thiếu thốn gì đâu! Đó là điểm rất quan trọng.

Vì vậy thiền định không cần thiết, nhập thất tĩnh tâm không cần thiết, thuyết pháp cũng không cần thiết. Nhưng nếu bạn dính mắc với suy nghĩ, thì thiền định rất là cần thiết. Nếu bạn không đạt đến –"Sắc tức là Không, Không tức là Sắc" thì nhập thất tĩnh tâm lâu dài rất quan trọng cho đời sống của bạn. Bạn phải thực hành thật nhiều cho việc chuyên tu khó nhọc. Nếu bạn dừng lại, dễ sanh chán nản sai lầm!

Không sanh, không diệt; không dơ, không sạch; không thêm, không bớt.

Tâm Kinh, được biết đến với phương cách rất thú vị về sự mô tả Chân tánh của chúng ta. Trong đó sử dụng "Tánh Không" nhiều lần. Khi bạn đạt được Thật Không, không có ngôn ngữ hay lời nói. Mở miệng của bạn đã là một sai lầm lớn. Vì vậy, "chữ nghĩa và lời nói" không thể mô tả thể tánh uyên nguyên của chúng ta. Nhưng để giáo hóa, người ta vẫn sử dụng phương tiện nắm bắt trong ảo tưởng của "chữ nghĩa và lời nói", đôi khi thuốc "chữ nghĩa và lời nói" là cần thiết. Tâm Kinh nhận ra cả hai điểm này. Vì vậy, nó diễn đạt chân tánh của chúng ta bằng cách mô tả hoàn toàn những gì không phải chân tánh của chúng ta.

Bạn không thể nói nó là gì, nhưng bạn có thể trải nghiệm cho một cảm giác về chân tánh của chúng ta. “Nó không phải cái này, hoặc cái kia, cái nọ. Nó không giống như thế, như thế. Hiểu không?” Ha ha ha! Đây là một kỹ thuật rất thú vị. Tâm Kinh chỉ nói– KHÔNG, vì đây là cách tốt nhất mà chữ nghĩa và lời nói có thể thực hiện. Câu Kinh này chỉ đúng với thực tế là, trong thể tánh uyên nguyên của chúng ta vốn không sanh, không diệt; không dơ không sạch, bởi vì đây là bản chất đơn thuần được tạo ra bởi tâm suy nghĩ. Và trong thể tánh uyên nguyên không thêm cũng không bớt. Chân tánh chúng ta hoàn toàn bất động và rỗng không. Nó là bản thể vũ trụ mà tất cả mọi thứ được bao gồm. Làm thế nào nó có thể sanh hay diệt, nhơ nhiễm hoặc tinh khiết? Quan trọng hơn, chân tánh chúng ta giống như vũ trụ, làm sao có thể từ trước đến giờ có tăng hoặc giảm? Thời gian vô hạn và không gian vô cùng, nó đã không có những đặc tính ứng dụng cho những điều chúng ta có thể diễn đạt bằng chữ nghĩa và lời nói.

Thật tướng các pháp là Không. Không nhận thức –không đạt được. –Niết bàn.

Tâm Kinh nói: “Thật tướng các pháp là Không”. Nhưng tất cả các pháp đã hiện hữu và không tồn tại ngay cả trước khi bạn nói điều này. Danh và Sắc đã là Không, vậy làm thế nào bạn có thể đề cập đến Pháp, và sau đó nói Không? Đó là một sai lầm lớn! Trong những trải nghiệm về Tánh không, không có chữ nghĩa và lời nói, do đó cũng không có Pháp. Khi bạn mở miệng nói: “Thật tướng các pháp là không”, thì đã không còn không. Vì vậy, hãy cẩn thận! Yếu điểm của câu này nói lên rằng, nếu bạn chỉ hiểu chữ nghĩa và lời nói, chấp giữ lại một sự hiểu biết bằng trí não, thì kinh này và các kinh khác không có thể giúp ích cuộc sống của bạn. Một số thành tựu thực tế của những gì bằng những lời này dẫn đến thực hành trải nghiệm là cần thiết.

Vì vậy, khi chúng ta nói rằng: “Các pháp vốn không”tức là không thể nhận thức và không có gì đạt được. Điểm “Không” này là Tuyệt đối. [Đập mạnh gậy thiền xuống bàn.] Không có gì, vì vậy điều gì bạn có thể đạt được? Những câu trong Tâm Kinh chỉ là lời nói và chữ nghĩa tuyệt vời. Nhưng thật thú vị của lời nói và chữ nghĩa, nếu bạn chỉ hiểu khái niệm thì chúng không thể giúp ích cuộc sống của bạn. Một lần nữa, bạn phải thực sự trải nghiệm để thành tựu một cái gì. Bạn phải đạt được điều thực sự không có gì để đạt được. Tất cả mọi thứ đã là sự thật hiển bày chính xác như nó đang là. Bạn đã toàn vẹn đầy đủ cả rồi. Nhưng hãy cẩn thận! Hiểu những ngôn từ đẹp đẽ là một chuyện, còn “thể hội” được chúng là hoàn toàn chuyện khác.

Tâm Kinh, khởi đầu với sự trải nghiệm Tánh Không của Tiểu thừa và lấy đó tiến thêm một bước nữa. Nếu bạn đạt được Tánh không thật sự, không có ngôn từ và không có miệng lưỡi. Như vậy đạt đến “không có miệng lưỡi” (vô ngôn), bạn đạt được Tuyệt đối, hay Niết bàn.

Chúng tôi đã nói về Tứ Diệu Đế và Bát Chánh đạo của Giáo lý Tiểu thừa: Con đường mà nhận thức tất cả mọi thứ đều đau khổ, và sau đó dẫn đến chấm dứt khổ đau, chấm dứt sanh tử. Đây là Niết bàn. Không có đối lập: không đến, không đi, không cao hay thấp, tốt hay xấu, sanh hay tử. Vì vậy, trong sự trải nghiệm Tánh không, bạn cảm nhận được đã là không sanh tử, không đến đi. Như vậy làm thế nào bạn có thể chấm dứt một cái gì

đó thậm chí nó không tồn tại? Đã không còn đau khổ thì làm sao nó có thể có nguyên nhân và làm thế nào nó có thể được dập tắt? Đó là lý do tại sao Tâm Kinh nói không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Vì nó hoàn toàn. [Đánh gậy thiền xuống bàn] Do các đối lập tư duy của Tứ Diệu Đế mà có Khổ, Nguyên nhân của khổ, Chấm dứt sự khổ, và Con đường diệt khổ. Nếu bạn chỉ dừng

lại ở điểm này, hoàn toàn rỗng lặng (không tịch), bạn chỉ đạt được Niết bàn. Vì vậy, quan điểm Phật giáo Đại thừa là từ Giáo lý Tiểu thừa cần tiến một bước nữa.

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

A nậu đa la, Tam miệu, Tam Bồ đề (Anuttara samyak Sambodhi) là một cụm từ tiếng Phạn có nghĩa là Vô thượng – Chánh đẳng – Chánh giác. Nói một cách khác đơn giản đó là "Như Thật". Khi bạn thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm, suy nghĩ, tất cả mọi thứ, "chỉ-như- vậy", là Như thật. Trước đây, ngay tại điểm Niết bàn, không có nhận thức, không đạt được vì không có gì để đạt được. Vì vậy, các vị Bồ tát phụ thuộc vào Bát Nhã Ba La Mật, mới đạt được Niết bàn. Nhưng sau đó ba cụm từ này xuất hiện: Vô thượng–Chánh đẳng– Chánh giác. Trước đây, không thể chứng đắc, bây giờ chư Phật đắc Vô thượng–Chánh đẳng– Chánh giác. Điều này nghĩa là gì?

Nếu bạn chỉ đạt được Tánh không, đây là Niết bàn. Nó là một trải nghiệm của sự tĩnh lặng hoàn toàn và hạnh phúc. Không có chủ thể hoặc đối tượng; không tốt hay xấu; không đến, không đi; không sanh, không diệt. Không có gì để chứng đắc. Nhưng với Đại thừa thì bạn phải tiếp tục tu tập vượt qua điểm này, do đó bạn không thể đạt được sự thành tựu. Bạn phải tìm thấy chức năng Niết bàn trong cõi đời này. Đó là Vô thượng – Chánh đẳng – Chánh giác. Nếu bạn đạt đến chỗ không đạt được, tức là bạn đạt được Như thật. Tâm bạn không dính mắc, không chướng ngại, và trong suốt như hư không. Tâm bạn sáng suốt như một tấm gương trong vắt. Nếu núi xuất hiện trước gương, chỉ có núi; nước xuất hiện, chỉ có nước; đỏ đến, hiện đỏ; trắng đến, hiện trắng. Trời xanh. Cây xanh. Chó sủa "Gâu! Gâu!" Đường ngọt, muối mặn. Tất cả mọi thứ mà bạn thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm, và suy nghĩ là sự thật, chỉ vì nó đang là.

Tóm lại, Niết bàn có nghĩa là đạt được rỗng lặng, nhưng không có gì để đạt được. Còn Vô thượng –Chánh đẳng– Chánh giác có nghĩa là áp dụng sự trải nghiệm rỗng lặng để đạt được Chân lý rốt ráo. Với tâm rỗng không, phản ánh thế giới này, cũng giống như chính nó. Đó là con đường Phật giáo Đại thừa và cũng là Đại Bồ Tát Đạo.

Gate, gate! Paragate! Parasamgate! Bodhi svaha!

Vì vậy, thêm một bước nữa. Nếu bạn đạt đến Không, và sau đó đạt được Chân lý Như thị, thế thì làm cách nào thực hiện trách nhiệm thật sự của cõi đời này để giúp đỡ chúng sanh khác. Chư Phật ba đời: quá khứ, hiện tại và vị lai, đều thành tựu Vô thượng –

Chánh đẳng– Chánh giác, tức là Giác ngộ hoàn toàn rốt ráo. Điều này có nghĩa là các ngài đã đạt được Chân lý Như thị: Trời xanh, cây xanh….

Ở đoạn cuối của Tâm Kinh chúng ta biết rằng: Tâm Kinh Bát Nhã này là Thần chú có oai lực rất lớn, Thần chú sáng rực, Thần chú cao tột, Thần chú không thể so sánh, năng trừ mọi khổ ách, đúng thật chẳng sai: Gate, Gate!Paragate, Parasamgate, Bodhi svaha! Câu này có thể được dịch là: " Vượt qua, vượt qua! Hãy vượt qua! Hãy vượt qua bờ bên kia! Tỉnh thức, an vui ". Vì vậy, câu Thần chú này ở phần cuối của Tâm Kinh Bát Nhã chỉ sự dấn thân hành động. Từ trước đến đây, tất cả mọi thứ đều là lời nói và chữ nghĩa, diễn đạt Tánh không và Chân lý như thị. Đó là những điều mô tả rất thú vị. Nhưng câu Thần chú này có nghĩa là bạn hãy làm ngay (Just do it).Nếu bạn muốn cứu giúp cõi đời này thì "hành động" là cần thiết. Đối với Bồ tát thì chỉ có hành động của Bồ tát. Khi bạn hoàn toàn tỏ ngộ rốt ráo (Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác) bạn phải đạt được chức năng của sự Giác ngộ này trong cõi đời. Đó là những gì chúng ta gọi là sát na thế giới, từng khoảnh khắc, tâm niệm nhận thức nỗi khổ trong cõi đời này và chỉ cứu giúp tất cả chúng sanh.

Tâm Kinh rất hấp dẫn tuyệt vời. Nó khởi đầu bằng cách hiển thị "thế giới đối lập", sau đó chỉ ra "thế giới tuyệt đối", và cuối cùng dẫn đến "thế giới toàn vẹn", mà chúng ta gọi là sát na thế giới. Thế giới đối lập là Sắc tức Không, Không tức Sắc. Thế giới Tuyệt đối là không, hoặc Niết bàn là không Sắc, không Không. Thế giới toàn vẹn là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là Chân lý, chỉ như thị: Sắc là sắc; Không là không. Đạt được chân lý duy nhất thì chưa đủ. Bởi vì sự trải nghiệm của chúng ta về Chân lý phải có bổn phận cho chúng sanh khác trong từng khoảnh khắc. Tâm Kinh kết thúc với lời kêu gọi hành động: Gate, Gate! Paragate! Parasamgate! Bodhi svaha! Thần chú này có nghĩa là phụng sự cho thế giới sát na, là Tình thương rộng lớn và Lòng Từ bao la. Đó là con đường của Đại Bồ tát. Khi mọi người cùng nhau hành động vì tất cả chúng sanh, sau đó Tình thương rộng lớn xuất hiện tự chính nó. Cùng nhau hành động có nghĩa là hành động hài hòa với nhau trong từng khoảnh khắc. Đó là hòa bình thế giới. Chỉ làm điều đó. Nếu có ai khát, cho họ uống, đói cho ăn. Khi một người khổ đau xuất hiện trước mặt bạn, bạn chỉ giúp đỡ an ủi, mà không cần suy nghĩ hoặc kiểm tra. Phần đầu của kinh này không có làm điều đó. Ngay cả câu nói khéo về sự đạt được mà không đạt được. Nhưng nếu bạn đạt được một điều gì, bạn phải làm điều đó. Đó là ý nghĩa sau rốt của câu: Gate, Gate! Paragate! Parasamgate! Bodhi svaha! Từng bước, chúng ta đạt được như thế nào để hoạt động Từ bi đối với người khác. Ứng dụng Chân lý cho những người khác, một cách tự nhiên, từng khoảnh khắc. Đây là toàn bộ vấn đề của Tâm kinh. Từng khoảnh khắc, khi bạn đang làm một điều gì, chỉ cần làm việc đó.

Kinh Đại Bát Niết Bàn

Chư hành vô thường.
Thị sanh diệt pháp.
Sanh diệt diệt dĩ.
Tịch diệt vi lạc.
Tất cả mọi sự cấu tạo đều vô thường.
Đây là quy luật sanh diệt.
Khi sanh và diệt dứt bặt.

Tức thì sự tĩnh lặng này là Chân hạnh phúc.
(All formations are impermanent.
This is the law of appearing and disappearing.
When both appearing and disappearing.
Then this stillness is bliss.)
Chúng tôi đã nói về quan điểm của duyên khởi trong Phật giáo Tiểu thừa. Quan điểm này cho thấy tất cả các pháp trong vũ trụ chỉ là đơn thuần liên đới với nhau giữa các điều kiện nhất định, vì thế tất cả các pháp là vô thường. Sanh và diệt là một trong những nguyên tắc cơ bản của thế giới này. Tất cả mọi hiện tượng sự vật trong vũ trụ xuất hiện từ Không, chúng tồn tại trong một số thời gian dài hay ngắn và cuối cùng trở về Không. Quy luật này không chỉ là một số ý tưởng Phật giáo, nó chi phối tất cả mọi thứ trong toàn thể pháp giới vũ trụ. Nếu bạn thực hiện quy tắc này thì tất cả mọi thứ đều theo quy tắc này.

Tuy nhiên, nếu bạn không tạo ra vũ trụ này, cũng như không tạo ra thế giới này, thì bạn không có quy tắc này. Vì vậy, thậm chí sanh và diệt có thể biến mất, bởi vì nếu bạn thật sự trải nghiệm sự rỗng không, bạn có thể quán chiếu sâu thẳm hơn, các pháp ban đầu đã vượt ra ngoài sanh diệt. Nó Không bao giờ sanh, không bao giờ diệt. Kinh Đại Bát Niết Bàn nói lên điểm đó.

Vì vậy chúng ta có bản thể, tên gọi (Danh) và hình tướng (Sắc). Danh và Sắc liên tục sanh diệt, bởi vì chúng được tạo ra hoàn toàn bằng suy nghĩ. Nhưng bản thể không bao giờ sanh hay diệt. Vì vậy, chúng ta phải nhận thức được cả hai: Bản thể, và sự sanh diệt của

Danh và sắc. Khi bắt đầu tuyên dương Diệu pháp, Đức Phật trước hết, đã ban lời giảng dạy rất đơn giản này là tất cả các pháp tùy duyên sanh và tùy duyên diệt. Đó là giáo lý duyên khởi. Nó là một loại kẹo Pháp, một giáo lý hợp với khế cơ. Đức Phật sử dụng nó để khơi mở tâm trí của đệ tử mình. Nhưng khi tâm trí đệ tử "trưởng thành", Ngài lấy kẹo ra khỏi tay họ. Đó là lối giảng dạy sơ cơ, thực sự không sanh, không diệt. Sau đó, Ngài dạy rằng sanh chỉ là sanh và diệt chỉ là diệt. Lời dạy cuối cùng của Ngài là bằng cách nào bạn tìm thấy tác dụng chính xác sanh và diệt để giúp đỡ chúng sanh.

Tất cả các pháp sanh và diệt. Bạn có thể nhận ra điều đó trong cõi đời này. Bạn có thể ngửi thấy mùi đó. Bạn có thể nếm vị đó. Nhưng chỗ nào là tất cả các pháp trong vũ trụ sanh và diệt? Bằng cách quán soi vào chân tánh của cõi đời này, và thực hành thiền định, bạn có thể thấy rằng tất cả mọi hiện tượng sanh và diệt chỉ xảy ra trong tâm. Tâm tạo ra tất cả mọi thứ. Vì vậy, trong Kinh Hoa Nghiêm, như chúng ta biết, đức Phật dạy: "Tất cả do tâm tạo". Khi bạn có tâm, tức thì có sanh có diệt. Nếu bạn không tâm, bạn thể nhận ra không sanh, không diệt; chẳng đến, chẳng đi. Vậy thì tác dụng (tính năng) chính xác sanh và diệt là gì? Đây là điểm rất quan trọng. Chỉ giúp đỡ người khác. Trước tiên, bạn thấy rằng tất cả mọi thứ trong thế giới này sanh rồi diệt và diệt rồi sanh, xoay quanh không ngừng. Nhưng sau đó bạn chắc chắn muốn hiểu được thế giới này đến từ sanh và diệt rất nhiều: Ai làm cho thế giới này sanh và diệt? Tất cả các pháp sanh từ

đâu? Và khi diệt nó về đâu?

Nếu tu tập chăm chỉ, bạn có thể thấy tâm mình đã tạo ra toàn thể những điều này, và tất cả mọi thứ đều ở trong đó. Vậy thì ai tạo ra tâm này? –Chính cái TÔi đã tạo. Nếu TÔi diệt thì tâm diệt, và toàn thể vũ trụ này cũng diệt. Khi TÔi diệt, thì sanh chỉ là sanh và diệt chỉ là diệt. Đó là vì khi không có TÔi, tâm của bạn sáng rõ như hư không, có nghĩa là nó như một tấm gương. Khi một quả bóng màu đỏ được đặt ở phía trước gương, thì màu đỏ xuất hiện. Khi một quả bóng trắng được đặt ở đó, thì màu trắng xuất hiện. Tuy nhiên, tấm gương sáng này tự nó chẳng bao giờ sanh hay diệt. Nó chỉ phản chiếu những hiện tượng sự vật như núi sông, cây cối, động vật chó mèo và con người,tất cả như chúng đang hiện hữu. Gương sáng phản ánh toàn thể sanh diệt của thế giới này, nhưng gương sáng tự nó chẳng bao giờ sanh hay diệt. Vì vậy, không sanh, không diệt; hoặc sanh chỉ là sanh và diệt chỉ là diệt. Nếu tâm bạn như tấm gương sáng rõ, nghĩa là bạn tỏ ngộ được Chân tánh của bạn, vậy thì tác dụng chính xác sanh và diệt là gì? Làm thế nào bạn có thể sử dụng sanh diệt để giúp đỡ cho những chúng sanh khác? Đó là công việc duy nhất về sự thực hành thiền định của chúng ta.

Các đây khá lâu, tại Hàn Quốc, Đại Thiền sư Hiểu Phong (Hyo Bong) đã khai thị một bài Pháp thoại rất thú vị, chỉ cho chúng ta làm thế nào có thể tìm thấy tính năng này. Ngồi

trên pháp tòa trong Chánh điện thờ Phật tại ngôi chùa lớn Hải Ấn (Hae In Sah), Sư cầm gậy thiền đánh xuống bàn ba lần và nói với chúng Tăng : “Tất cả các pháp liên tục sanh và diệt, sanh và diệt. Nhưng khởi nguyên, tất cả mọi thứ xuất hiện từ sự tĩnh lặng hoàn toàn. Sự tĩnh lặng là bản thể phổ quát của chính nó. Nếu các vị đạt được bản thể, các vị đạt được Chân lý và Tính năng chính xác. Sau đó sanh diệt là Chân lý, và nó có thể đạt được tác dụng chính xác của sanh và diệt. Vậy câu hỏi của tôi dành cho tất cả đại chúng xuất gia hôm nay là: Bản thể, Chân lý, và Tính năng đến từ đâu? Nếu các vị mở miệng trả lời, điều này tạo ra đối lập. Còn như ngậm miệng im lặng để bày tỏ thì các vị vướng mắc vào Không. Vậy làm thế nào để miệng của các vị không mở hoặc không đóng, mà đạt được bản thể, Chân lý, và Tính năng?”

Không ai trong hội chúng xuất gia đông đảo có thể trả lời được câu này. Sư nói tiếp: “Tôi sẽ cho quý vị một gợi ý ”. Rồi Sư hét. “Katz! Tất cả mọi người hãy trở về phòng uống trà.” Sau đó, Thiền sư Hiểu Phong bước xuống pháp tòa.

Thật ra không có gì là khó khăn để đạt được Tính năng của sanh diệt. Khi sanh diệt không còn, thì đây là sự tĩnh lặng hoàn toàn, là Chân hạnh phúc. Tất cả mọi thứ đã được toàn vẹn, không có gì là thiếu hoặc thừa ở bất cứ nơi nào. Không có gì không phải là Chân lý. Khi bạn thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và suy nghĩ, tất cả mọi thứ đã được hoàn toàn đầy đủ rồi. Chúng tôi sử dụng từ “hoàn toàn” để chỉ đến tâm hiện tiền còn gọi là sát na tâm. Trong “Tâm hiện tiền”, sanh chỉ là sanh, và diệt chỉ là diệt. Vì “Tâm hiện tiền” đã vượt trùm thời gian và không gian. Chỉ vào thời điểm này [Nâng gậy thiền đập lên bàn]. Thời điểm này là thời gian rất ngắn trong một sát na. Trong một sát na sanh chỉ là sanh, diệt chỉ là diệt. Nhưng khi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý của chúng ta không giữ được tâm sát na này thì tất cả mọi thứ chỉ là ảo giác. Điều đó có nghĩa là tất

cả mọi thứ không hoàn chỉnh và không "Như thật". Khi bạn sống trong ảo tưởng, tất cả mọi thứ trong thế giới này vẫn sanh và diệt. mọi vật đến và đi, chúng được sanh ra và chết, nỗi đau khổ của con người cũng từ đó mà xuất hiện.

Mọi người đều nghĩ rằng giáo lý này vô cùng khó khăn, nó vượt quá tầm tay hoặc kinh nghiệm của họ. Làm thế nào những điều này có thể sanh và diệt, và chưa từng có ban đầu không sanh không diệt, ngay cả trong thế giới không ngừng chuyển động? Một môn sinh đã từng nói với tôi: "Kinh Đại Bát Niết Bàn dường như rất khó hiểu. Vì cho rằng tất cả mọi thứ luôn luôn di chuyển, nhưng tất cả mọi thứ lại là không di chuyển? Con không hiểu giáo lý Phật giáo này" ... Nhưng có một cách rất dễ dàng để hiểu được điều này: Đôi khi bạn xem phim hoạt hình, hoặc bạn xem một bộ phim hành động giữa cánh đàn ông tốt và một số người xấu, có những cuộc chiến đấu đôi bên, xe cộ đuổi bắt chạy rất nhanh, và có

nhiều vụ nổ khắp nơi. Mọi thứ luôn luôn di chuyển. Cuộc sống hàng ngày của chúng ta cũng có đặc tính này. Nghĩa là tất cả mọi thứ di chuyển liên tục, đến và đi, không ngừng. Nó có vẻ như không có nơi tĩnh lặng. Nhưng bộ phim này thực sự chỉ là một chuỗi dài của những hình ảnh cố định. Trong một giây, có thể là mười bốn khung hình khác nhau. Mỗi hình ảnh là một phần của hành động. Nhưng trong mỗi khung hình, không có gì đang chuyển động. Tất cả mọi thứ hoàn toàn là những bức tranh tĩnh vật. Mỗi khung hình, từng phần, từng ảnh người là một bức tranh hoàn chỉnh. Trong mỗi hình, không bao giờ đến hoặc đi, hoặc sanh hoặc diệt. Mỗi hình ảnh là sự tĩnh lặng hoàn toàn. Máy chiếu phim chuyển tải suốt những hình ảnh, và tất cả những hình ảnh này chạy qua ống kính rất nhanh, do đó hành động trên màn hình có thể xảy ra không ngừng. Không có đột phá trong sự thay đổi vị trí của những sự vật. Nhưng thực sự khi bạn nắm những thước phim hình này và soi nó vào ánh sáng với bàn tay của bạn, không có gì di chuyển ở tất cả mỗi khung hình được hoàn tất. Mỗi thời điểm là hành động hoàn toàn không chuyển động.

Tâm của chúng ta và toàn thể vũ trụ này chỉ là như thế. Thế giới này là vô thường. Tất cả mọi thứ luôn luôn thay đổi, thay đổi, thay đổi, di chuyển, di chuyển, di chuyển, không ngừng nghỉ. Thậm chí trong một giây, cuộc sống chúng ta dường như tràn đầy nhiều chuyển động và thay đổi trong thế giới này mà chúng ta chứng kiến. Nhưng tâm bạn – ngay bây giờ – giống như một ống kính có tốc độ màn trập (lá chắn) là một sự chia phân giới hạn cho thời gian vô tận. Chúng tôi gọi đó là "sát-na tâm". Nếu bạn đạt được tâm đó, tức thì toàn thể sát na thế giới dừng lại. Từng khoảnh khắc bạn có thể nhìn thấy thế giới này hoàn toàn dừng lại, dừng lại, dừng lại, dừng lại như những thước phim hoạt hình, bạn cảm nhận được mỗi khung hình – khoảnh khắc này – là tĩnh lặng vô hạn và đầy đủ trọn vẹn. Trong mỗi khung hình, không có gì chuyển động. Không có thời gian và không có gì sanh hoặc diệt. Nhưng khi những thước phim này được chạy qua máy chiếu lên –tâm của bạn suy nghĩ – luôn luôn di chuyển, vòng quanh, vòng quanh, vì vậy bạn trải nghiệm thế giới này liên tục di chuyển và bạn liên tục trải nghiệm sự thay đổi, đó là vô thường. Bạn mất sát-na tâm, bằng cách làm theo tư duy khái niệm của bạn rồi tin rằng nó là thật.

Khi bạn thực hành thiền định trong thời gian dài, bạn có thể ngừng máy quay và ống kính tâm của bạn, và sau đó bạn thực sự có thể trải nghiệm rằng mỗi khoảnh khắc cuộc sống của bạn thực sự vô hạn trong thời gian và không gian vô cùng này. Đây là lý do tại sao chúng tôi gọi nó là "sát na–tâm". Nó không chuyển động, và luôn luôn tròn đủ. Chính tâm này thực sự vượt thời gian và không gian. Sau đó, khi bạn thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và suy nghĩ, tất cả mọi thứ, chỉ vì nó hiện hữu và đã được hoàn toàn đầy đủ. Nó rất quan trọng để đạt đến điểm này, sau đó bạn có thể đạt được ý nghĩa của Kinh Đại Bát Niết Bàn. Niết Bàn trở thành của bạn. Bạn đạt được chân hạnh phúc rồi thì sanh và diệt biến mất.

Nhưng chỉ hiểu biết những lời này thì chưa đủ, nếu bạn không thực sự đạt được trải nghiệm rất thực tế mà trong Kinh đã chỉ ra.

Thuở xưa, ở Trung Quốc đã có một vị pháp sư nổi tiếng tên là Chí Đạo (Ji Do). Ông đã tụng đọc và nghiên cứu rất nhiều Kinh điển suốt ba mươi năm. Ba mươi năm! Không phải là ba năm. Ông đã nghiên cứu học tập mỗi ngày, trong ba mươi năm như vậy. Ông hiểu thấu tất cả các Kinh điển không có gì trở ngại. Người ta nói rằng bạn có thể đọc cho ông ta nghe một dòng bất kỳ các loại Kinh điển, và ông ta sẽ kể lại số dòng và số trang trong bản văn Kinh đó xuất xứ từ đâu. Ông thuộc hạng Đại Pháp sư lỗi lạc. Không có Kinh điển nào làm cho ông nghi vấn, ngoại trừ Kinh Đại Bát Niết Bàn. Với sự cố gắng hết mức, nhưng ông không thể hiểu được ý nghĩa thực sự của Kinh này.

Một hôm, ông đến bái yết Lục tổ Huệ Năng và thưa: "Bạch sư phụ, từ khi con xuất gia học đạo, đã đọc qua Tam tạng giáo điển như Kinh Kim Cương, Tâm Kinh Bát Nhã, Kinh Pháp Hoa v.v... Con hiểu hầu hết tất cả các Kinh ấy, nhưng con chưa hiểu được Kinh Đại Bát Niết Bàn. Xin Thầy từ bi mở tỏ cho con một số nghi vấn". Lục tổ đáp: "Ông muốn hỏi điều gì?" – Kinh Niết Bàn nói 'tất cả các hành là vô thường. Đó là pháp sanh diệt?'.... – Vâng đúng thế .... – Con hiểu điểm này. Nhưng câu kế tiếp cho biết 'Khi sanh diệt biến mất, sau đó tịch diệt là Chân hạnh phúc'. Con nghi ngờ chỗ đó. Lục tổ hỏi: "Ông thực sự nghi như thế nào?" –Bạch Thầy, khi sanh và diệt biến mất, tức vắng lặng, không có gì. Vậy thì cái gì có thể vui hưởng hạnh phúc? Trong sự vắng lặng hoàn toàn, không có ai, và không có tôi, của tôi, thuộc về tôi. Mặc dù trong chúng ta đều có hai thân: Sắc thân và Pháp thân. Sắc thân tức thân vật lý bao gồm bốn yếu tố: đất, không khí, lửa và nước, vì vậy nó luôn luôn sanh và diệt (vô thường). Nó luôn luôn bị bệnh, già, chết, và luôn phải chịu tái sinh trở lại. Do vậy, thân này luôn đau khổ, không thể có được hạnh phúc. Còn Pháp thân thì thường tại, nhưng không có thọ, tưởng, hành, thức, không suy nghĩ. Cho nên nó vô tri, vô giác, giống như đá, như cây, vì vậy nó cũng không thể có được hạnh phúc. Thế nhưng, Kinh Đại Bát Niết Bàn lại nói rằng: Khi sanh và diệt biến mất, sự vắng lặng này là Chân hạnh phúc. Xin Thầy Từ bi khai thị cho con thấu hiểu. Đức Lục tổ nhìn vào Chí Đạo và nói: "Đó là một câu hỏi khá hay! Như Kinh nói 'Khi sanh và diệt biến mất, đó là sự tịch diệt vắng lặng'. Vì vậy, ta hỏi ông, 'Sắc thân và Pháp thân giống nhau hay khác nhau?' – Bạch thầy, khác nhau! –Nếu vậy thì người đối trước ta mà ta đang hỏi là Sắc thân hay Pháp thân ông?

– Dạ thưa cả hai. –Cả hai? Ai nói cả hai? – Chính con. – Ồ! Cái 'Tôi' nói ra điều đó! Vậy cái 'Tôi' này là Sắc thân hay Pháp thân? ‖ Chí Đạo hoàn toàn bị mắc kẹt và không thể trả lời được. Vì vậy, Lục Tổ bảo: – Hãy buông xuống! Buông xuống mọi tư duy, khái niệm của ông. Không nên tạo ra Sắc thân hoặc Pháp thân.Tại sao chạy theo ngoại đạo, tạo ra cái thấy chấp đoạn và chấp thường. Cho nên ông mới có vấn đề. Sắc thân của ông chưa bao giờ nói, "Tôi là Sắc thân". Pháp thân không bao giờ nói, "Tôi là Pháp thân". Ông tạo ra Sắc thân và Pháp thân riêng biệt, rồi lìa sanh diệt để cầu tịch diệt.

"Lại suy luận Niết-bàn thường lạc phải có thân thọ dụng, đây là lẫn chấp sanh tử, đắm mê cái vui thế gian. Ông nên biết, Phật vì người mê chấp lấy thân năm uẩn làm thể tướng của mình, phân biệt các pháp cho là tướng ngoại trần, nên tham sống, sợ chết. Niệm niệm đổi dời, không biết mộng huyễn hư giả, luống chịu luân hồi. Lấy thường lạc Niết -bàn đổi thành tướng khổ, suốt đời tìm cầu. Do vậy, Ngài mới chỉ dạy Niết-bàn chân lạc. Trong sát-na không có tướng sanh diệt. Lại sanh diệt có thể biến mất, ấy là tịch diệt hiện tiền. Chính ngay hiện tiền cũng không phải hiện tiền, mới gọi là thường lạc. Vui này không có người thọ, cũng không có người chẳng thọ, há có tên một thể năm dụng ư? Huống chi nói Niết -bàn ngăn trở các pháp, khiến hằng chẳng sanh. Như vậy ông chê Phật hủy Pháp rồi ". (Đoạn này dịch giả xin trích trong Kinh Pháp Bảo Đàn của Lục tổ cho sáng nghĩa thêm.)

Cho nên ông có rất nhiều suy nghĩ, vận dụng trí óc ham muốn và đau khổ. Hãy buông bỏ hoàn toàn suy nghĩ của ông! Không có Sắc thân hoặc Pháp thân. Bây giờ ông đã thấu hiểu chưa? Chí Đạo nghe điều đó xong, tức thì tỏ ngộ. Bèn đãnh lễ tạ ơn và thưa: – Ồ! Kính bạch Sư phụ. Bây giờ con đã thấu hiểu rồi! Vì vậy, đó là một điều rất thú vị nếu bạn muốn hiểu giáo lý của Kinh Đại Bát Niết Bàn này, từng khoảnh khắc không làm bất cứ điều gì. Lời dạy quan trọng của Kinh này là rất rõ ràng ngay phía trước bạn. Nếu bạn mở miệng, bạn không bao giờ có thể hiểu được điểm này. [Đánh gậy thiền xuống bàn.] Đó là điểm không thể giải thích. [Đánh gậy thiền xuống bàn.] Nó không có lời nói hay chữ nghĩa. [Đánh gậy thiền xuống bàn.] Nếu bạn đạt được điều đó, bạn đạt được – không sanh không diệt. Nó rất đơn giản, và không phải là một kinh nghiệm đặc biệt. Nếu bạn đang suy nghĩ, bạn sẽ không bao giờ thấu hiểu được điểm này.

Kinh Pháp Hoa

Chư pháp tùng bản lai.
Thường tự tịch diệt tướng.
Phật tử hành đạo dĩ.
Lai thế đắc tác Phật.
Các pháp từ xưa nay.
Tướng thường tự vắng lặng.
Phật tử tu lối này.
Đời sau sẽ thành Phật.
(All phenomena, from their very Origin
Always have the aspect of stillness and extinction.

When the disciple of the Buddha walks this path.
He will become a buddha in future lives)
Kinh Pháp Hoa dạy chúng ta về Như thật. Trong ký tự Trung Quốc, Kinh này được gọi là Shil Sang Myo Boep Kyong. Shil Sang có nghĩa là – "Như Thật", Myo Boep nghĩa là Diệu Pháp, và Kyong có nghĩa là Kinh. Vì vậy, đây là Kinh Diệu Pháp Như Thật. Nó chỉ cho thấy làm thế nào để đạt được Nhất Tâm (Tri kiến Phật). Nó cũng mở bày cho chúng ta có thể đạt được thời gian vô cùng và không gian vô tận.

Kinh này cũng dạy chúng ta về việc thấy biết cái tâm của sự tĩnh lặng hoàn toàn. Đôi khi chúng tôi gọi đây là Nhất Tâm. Tất cả những điều này chỉ là Tâm ban đầu của chúng ta. Nó không phải là một cái gì dẫn đến để lấy, nhưng một cái gì đó chúng ta đã có sẵn. Khi một ý nghĩ duy nhất xuất hiện, tuy nhiên, chúng ta đánh mất Tâm ban đầu của sự tĩnh lặng và biến diệt. Trong khi bạn nghe lời tôi giãng nói, bạn lại chạy theo một số suy nghĩ di dời trong tâm bạn, bạn và tôi trở thành bao la riêng biệt. Nhưng bằng cách cắt đứt tất cả mọi suy nghĩ và quay về lắng nghe đơn giản, bạn trở lại hoàn toàn với hành động này. Khi bạn cắt đứt dính mắc suy nghĩ, sau đó lời nói của tôi và sự lắng nghe của bạn là hoàn toàn giống nhau. Việc nói và nghe không phải là hai. Mà là Phật thật, Chúa Giêsu thật, Thượng đế thật. Kinh nghiệm này không chỉ có người Hàn Quốc hay người Mỹ, người Đức hoặc

Trung Quốc. Không có nam hay nữ. [Đánh gậy thiền xuống bàn.] Đôi khi tất cả gọi nó là nguyên điểm.

Trong những năm trước đây, trong khi tôi đang giáo hóa ở Paris, một nhóm các linh mục người Pháp đến gặp tôi tại Trung tâm Thiền. Chúng tôi đã có một buổi trà đàm, và họ hỏi tôi những câu hỏi về Phật giáo và Ki-tô giáo. Cuối cùng, có một vị linh mục trong số họ nói rằng chính ông đã có đi tham dự một đêm thuyết pháp công cộng trước đây của tôi, và một cái gì đó làm cho ông suy nghĩ suốt đêm. Tại buổi tọa đàm, ông đã nói rằng nguyên điểm chính là thời gian vô cùng và không gian vô hạn. Vậy thì mối quan hệ giữa nguyên điểm và việc sáng tạo của Thiên Chúa là gì? Tôi lấy bàn tay của tôi đập lên bàn như thế này [Đập xuống bàn.] Đó là tất cả. Có một vài giây im lặng, trong khi vị linh mục đó tỏ ra kỳ lạ, vẻ bối rối hiện trên khuôn mặt của ông. Vì vậy, tôi đã giải thích: Nói về sự sáng tạo của Thiên Chúa chỉ là suy nghĩ (của con người bày đặt ra). Nhưng thời điểm này [Đập xuống bàn] là trước khi suy nghĩ. Nó trước Chúa Giê-su và Đức Phật. [Đập xuống bàn]. Nó trước vũ trụ. [Đập xuống bàn].Nó trước khi tạo dựng của Thiên Chúa. Nếu các vị thực sự đạt được điểm đó, các vị có thể nhìn thấy Thiên Chúa. Sau đó, vị linh mục khác mỉm cười và hỏi: "Vâng, vậy thì thưa Thiền sư, ông có thể nhìn thấy Thiên Chúa không?" Tôi đáp: "Áo sơ mi của các vị màu đen."

Kinh Pháp Hoa chỉ cho chúng ta thấy quan điểm này [Đánh gậy thiền xuống bàn] để nhận ra bản thể của chúng ta và bản thể của mọi hiện tượng. Kinh cũng dạy rằng một người hoàn toàn có thể "sẽ trở thành một vị Phật trong đời sau". Đây là một câu nói rất thú vị. Nó không có nghĩa là bạn sẽ đạt được giác ngộ trong một số đời "khác".‖Đời sau của chúng ta thực sự không phải là cuộc sống tiếp theo. Đây chỉ là một sự khác biệt đến từ cách sử dụng chữ nghĩa để mô tả một cái gì đó mà chưa có lời. Có thực sự là nơi nào

khác để cho chúng ta trở thành một vị Phật, ngoài ngay bây giờ và ở nơi đây hay không? Nó không "xảy ra" bất cứ nơi nào hoặc bất cứ lúc nào khác. Một đệ tử của Đức Phật chỉ đơn giản là thực hành. Bởi chỉ cần thực hành, ngay bây giờ, rồi "đời sau" là thời điểm này. [Đánh mạnh gậy thiền xuống bàn.] Bạn chỉ có khoảnh khắc này – "đời sau" không tồn tại. Tâm của bạn hành động ngay trong thời điểm này là Phật rồi. Sự thật này là vô giá. Đạt được tâm Phật không phải là khó khăn. Nó không xảy ra một thời điểm nào trong tương lai. Nó chỉ đơn giản là ngay bây giờ không có bên trong hoặc bên ngoài, không có chủ thể hoặc đối tượng. Tại thời điểm này, chủ thể và đối tượng –BÙM! –trở thành Một . Chỉ làm điều đó, và bạn là Phật rồi. Nhưng hãy cẩn thận!

Chúng ta đều biết rằng có rất nhiều người sử dụng tiêu đề của Kinh này để đạt được một sự trải nghiệm của Nhất Tâm. Tín đồ của giáo phái Nhật Liên Tông (Nichiren) người Nhật thường tụng "Nam mô Diệu Pháp Liên hoa Kinh" (Namu Myoho Renge-Kyo) để mong cầu những thứ mà họ muốn. –Nam mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. –Nam mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh.–Nam mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Đó là tiêu đề của Kinh này bằng tiếng Nhật. Nếu họ trì niệm như vậy, họ tin rằng họ sẽ có được hạnh phúc, có một ngôi nhà đẹp, hoặc một người vợ tuyệt vời. Họ cũng có thể làm cho một doanh nghiệp thành công bởi trì niệm câu Kinh này tất cả mọi lúc. Họ tin rằng bất cứ điều gì đều có thể thành tựu mong muốn, nếu bạn chỉ cần lặp lại tiêu đề này thật nhiều lần. Tiêu đề của kinh này giống như một câu thần chú, để có được một cái gì đó. Đó là loại thực hành không tốt cũng không xấu. Nó chỉ là việc giữ Nhất Tâm, là sự tốt đẹp nếu bạn muốn mong cầu một điều gì được thỏa nguyện.

Nhưng tu tập thiền định chính xác có nghĩa là đạt được "điểm nhất tâm" (one- pointed mind) mà không vọng muốn bất cứ điều gì. Đây là mục tiêu của sự thực hành bất cứ Thần chú nào, không chỉ Nam mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Tất cả các Thần chú đều như nhau. Thậm chí nếu bạn lặp đi lặp lại: "Coca Cola, Coca Cola, Coca Cola,"một cách miên mật, thực hiện với quyết tâm hoàn thiện sáng suốt, cũng sẽ có kết quả như nhau. Điểm quan trọng nhất là, làm thế nào để bạn quét sạch vọng tưởng của bạn? Làm thế nào bạn giữ cho tâm bạn rỗng không? Nếu bạn giữ cho tâm rỗng không, đó là tuyệt đối. Đôi khi chúng tôi gọi là nguyên điểm. Khi bạn giữ nguyên điểm trong một thời gian dài, bạn có thể chuyển hóa nguyên nhân chính của bạn. Tất cả hạnh phúc và đau khổ của bạn xuất phát từ nguyên nhân chính. Sau khi bạn chuyển hóa nguyên nhân chính, tình huống của bạn thay đổi và bạn sẽ nhận được kết quả khác nhau. Bạn sẽ thay đổi sự đau khổ của bạn để lòng Từ bi và Hạnh phúc có thể xuất hiện. Đây là giáo lý duyên khởi.

Vì vậy, làm thế nào để bạn chuyển hóa nguyên nhân? Chỉ giữ Nhất Tâm. Khi bạn đang làm gì, chỉ làm điều đó. Trong tâm chỉ làm điều đó, không có chủ thể và không có đối tượng, bên trong và bên ngoài trở thành một. Kết quả là, bạn có thể kết nối với năng lượng vũ trụ. Cái tên đôi khi chúng tôi sử dụng cho điều đó là "Nguyên điểm". Khi bạn giữ vững một thời gian dài, rồi từ từ, từ từ nguyên nhân biến mất. Tư duy tạo ra nguyên nhân chính của bạn. Vì vậy, nên vứt bỏ tâm đối lập của bạn, mất đi năng lượng đối lập, thì nguyên nhân chính biến mất. Như nước khi đem ra ánh mặt trời một thời

gian, nó sẽ bốc hơi của chính nó. Khi bạn tu tập chăm chỉ nó rất dễ dàng cho bạnthực hiện điều này! Thế nhưng, suy nghĩ tạo ra nghiệp, và nghiệp phong tỏa ánh sáng mặt trời trí tuệ, vì vậy nguyên nhân Nghiệp này không thể chuyển hóa một cách nhanh chóng.

Thực hành câu niệm: "Nam mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh" không tốt cũng không xấu. Nó có thể quán chiếu vào Chân tánh của bạn. Hoặc bằng cách lặp đi lặp lại câu Đại thần chú "Om mani padme hum". Thậm chí sử dụng từ "Coca-Cola" như một câu thần chú có thể giúp cuộc sống của bạn, nếu bạn thực hành một cách chính xác. Bất cứ điều gì, sự tu tập của bạn cần nên giữ một "Đại Nghi tình" (Great Question) và chỉ làm điều đó. Nếu bạn có "Tâm tinh tấn" và "Đại Nghi tình", thì bất kỳ loại tu tập nào cũng có thể giúp bạn thấu rõ Chân tánh.

Thuở xưa, tại Hàn Quốc, có một nhà sư tên là Thạch Đầu, có nghĩa là đầu đá. Ông rất khờ khạo quê mùa, nhưng ông đã có một tâm lực tinh tấn mạnh mẽ. Một ngày nọ, Thạch Đầu hỏi sư phụ: "Phật là gì?" Sư phụ ông trả lời: "Juk-shim shi bul", có nghĩa Phật là tâm. Nhưng Thạch Đầu nghe lầm. Ông nghĩ rằng sư phụ của ông cho biết, "Shin-Jip shi bul", Phật là giày cỏ. Vì vậy, suốt ba năm, ông chỉ giữ câu hỏi: "Phật là giày cỏ ý nghĩa gì? Tôi không biết"... Ông không bao giờ nghi ngờ sự thực hành của ông. Ông không bao giờ nghi ngờ sư phụ của mình. Ông không nghĩ tốt hay xấu. Thạch Đầu chỉ giữ câu hỏi này với quyết tâm ngay giữa mọi sinh hoạt hàng ngày của mình, cho dù ngồi nằm, đi đứng, ăn uống hoặc làm việc.

Một hôm, trong khi mang củi xuống từ một ngọn đồi, chân Thạch Đầu vấp phải một viên đá, củi đổ văng ra và đôi giày cỏ của ông đã tuột khỏi chân bay lên không rồi rơi trên mặt đất. Ngay thời điểm đó ông nhìn thấy đôi giày cỏ bị rách nát, tức thì Thạch Đầu liền tỏ ngộ. Đôi giày rách của ông và tâm ông cùng toàn thể vũ trụ hoàn toàn trở thành một. Lúc ấy, ông đã nhận ra Chân tánh của mình. – A! Phật là giày cỏ! Ông vội vã trở về gặp sư phụ của mình, rồi la hét: –Sư phụ! Sư phụ! Bây giờ con đã hiểu Phật rồi! Sư phụ ông hỏi: "Thế hả? Vậy trình kiến giải cho ta nghe thử?" Thạch Đầu xách đôi giày rách đập lên đầu sư phụ mình. Thiền sư hỏi: "Chỉ như vậy thôi sao?" ‖ –Giày cỏ của con bị rách rồi! ‖ Sư phụ ngoảnh đầu lại và cười. –A! Thật tuyệt vời! Bây giờ con thực sự hiểu Phật!

Đây là câu chuyện rất thú vị về cách thực hành và giữ Nhất Tâm. Lối thực hành này là chỉ giữ một câu hỏi lớn (Đại Nghi tình) và ngay sau đó tất cả mọi thứ sẽ trở nên sáng suốt rõ ràng cho bạn. Nó rất dễ dàng! Nhưng điều quan trọng nhất là bạn phải cố gắng. Khi bạn đang làm một cái gì đó, chỉ làm điều đó. Đây là xương tủy của Kinh Sen, cũng còn gọi là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Kinh Hoa Nghiêm
"Nhược nhơn dục liễu tri.
Tam thế nhứt thiết Phật.
Ưng quán Pháp giới tánh.
Nhứt thiết duy tâm tạo."

Nếu bạn muốn thấu rõ.
Tất cả Phật ba đời.(Quá khứ, hiện tại và vị lai)
Nên quán tánh Pháp giới.
Tạo ra bởi tâm mình.
(If you wish to thoroughly understand
All the buddhas of the past, present, and future,
Then you should view the nature of the whole universe
As being created by mind alone.)
Kinh này đại diện cho giáo lý nổi tiếng nhất của Phật giáo Đại thừa. Theo quan điểm Kinh Hoa Nghiêm cho rằng tất cả các pháp là Như thật. Trong giáo lý Phật giáo Tiểu thừa cho rằng mắc phải tức giận, rồi tác động lên sự tức giận đó thì không phải một trạng thái tốt. Nhưng Kinh Hoa Nghiêm hiển thị tầm nhìn rất rộng của Phật giáo Đại thừa, như mọi thứ khác trong vũ trụ này, tức giận cũng là sự thật. Ví dụ, có một đứa bé nghịch ngợm và rong chơi trong một con đường nguy hiểm. Cha mẹ thấy vậy rất lấy làm tức giận, bèn la rầy hoặc thậm chí lấy tay phát vào mông đứa trẻ và nói: "Đã bao nhiêu lần ta đã nói với con không nên làm điều đó". Hành vi sai trái của đứa bé là sự thật, nó không phải là tốt hay xấu. Sự tức giận của cha mẹ là sự thật, nó cũng không phải là tốt hay xấu. Những lời trách mắng và đánh đòn cũng không tốt, không xấu, và chúng cũng là sự thật. Trong khi đó, quan điểm Tiểu thừa là cố gắng không để hành động giận dữ lộ ra. Theo quan điểm này của Hoa Nghiêm, sự giận dữ và những lời trách mắng hoặc đánh đòn cốt là để ngăn chặn trẻ em khỏi gây hại cho chính mình và những người khác. Chúng chỉ đơn giản và thực tế như vậy.

Có một câu chuyện để minh họa điểm này. Thuở xưa, ở Trung Quốc có một vị sư trú trì mang tiếng rất tham lam. Bất cứ khi nào có tài lộc hiến cúng cho chùa, hoặc tiền cúng dường từ một Phật tử giàu có, ông luôn luôn cất giữ. Ông chủ trì nhiều cuộc nghi lễ (cầu an và cầu siêu), tích lũy khá nhiều tiền có thể đủ để mua cả một ngôi nhà đẹp nhất trong thị

trấn. Ông rất ham tiền, dường như ông chỉ vui trong niềm vui của sự thu nhập dành dụm đó và không để tốn hao cho bất cứ chuyện gì không đáng. Ông không bao giờ dám tiêu pha ngay cả cho chính mình. Y phục của ông khá tồi tàn, dù rằng thực tế tất cả mọi người đều biết ông ôm giữ rất nhiều tiền. Các tín chủ từng nói : –Ông sư này quá tham lam keo kiệt, bề ngoài mặc quần áo rách rưới, sống giả dối như thế, thậm chí không mua một cái gì đó cho chính mình.

Rồi một ngày, trời bắt đầu mưa tầm tã và mưa suốt vài tuần. Cả thị trấn nhỏ bên dưới ngôi chùa đã bị nước lũ cuốn sạch. Nhiều nhà cửa bị phá hủy, ruộng đồng ngập úng vì chưa kịp thu hoạch vụ mùa, gia súc chết khá nhiều. Cả thị trấn phải đối mặt với một mùa Đông khắc nghiệt mà không có thức ăn, nhà ở. Dân làng rất buồn rầu và sợ hãi.

Vào buổi sáng sớm, dân chúng thức dậy thấy nơi sân làng có nhiều chiếc xe lôi chở đầy thực phẩm như gạo, đậu, bắp, chăn mền, quần áo, và thuốc men. Có một số chiếc cày mới, và bốn con bò mạnh mẽ để kéo chúng. Đứng ở giữa là "nhà sư tham lam" trong bộ

quần áo tồi tàn, vá víu của mình. Ông đã sử dụng hầu như toàn bộ số tiền bấy lâu nay dành dụm, để mua các nguồn thực phẩm cung cấp cho dân chúng, và ông cũng chia phần còn lại cho người Thị trưởng của thị trấn. Ông nói với Thị trưởng: –Tôi là một Thiền tăng. Nhiều năm trước, tôi đã cảm nhận rằng trong tương lai không xa, thị trấn này sẽ trải qua một thảm họa khủng khiếp. Vì vậy, kể từ đó tôi cố gắng dành dụm được ít tiền để đem ra bố thí cho ngày hôm nay. Khi người dân thấy vậy, họ rất xấu hổ về tâm kiểm tra phê phán của họ. Họ bảo: – Ôi chao! Những gì ông sư này đã làm chính là một vị Đại Bồ tát!

Đây là câu chuyện của nhà sư mang tiếng tham lam. Tâm tham của nhà sư này là sự thật. Nó không tốt cũng không xấu; Cũng không phải trong sạch hoặc nhơ nhiễm. Ngay từ đầu, nhà sư này rõ ràng là vi phạm giới luật vì đã tích lũy tài sản của Tam bảo. Trong nhiều năm qua, ông đã mang tiếng là một nhà sư xấu xa. Điều này cho thấy một trong những sự khác biệt giữa Phật giáo Tiểu thừa và Phật giáo Đại thừa. Trong Phật giáo Đại thừa, tất cả các hành động của chúng ta không có nghĩa là cho bản thân mình, mà cho mọi người. Tánh tham này là vì tất cả chúng sanh. Nếu bạn đang đi theo con đường của Phật giáo Đại thừa (cứu khổ độ sanh) mà nhân danh Tu sĩ làm những việc bất minh, thì đó là lối tu sai lầm!

Theo Kinh Hoa Nghiêm, “Nhứt thiết duy tâm tạo”. Nó rất đơn giản,tâm của bạn tạo ra tất cả mọi thứ. Chúng tôi đã trình bày về cách tâm tạo ra thời gian và không gian. Chúng tôi đã nói về cách tâm tạo ra độ dài, hoặc ngắn của thời gian. Suy nghĩ của bạn tạo ra ở đây và nơi kia, lên và xuống, tốt và xấu. Những điều này nguyên sơ vốn không hiện hữu. Chúng

đến từ suy nghĩ. Khi tâm sanh, các pháp cùng sanh, tất cả mọi thứ xuất hiện. Khi tâm diệt, các pháp cùng diệt, tất cả mọi thứ biến mất. Do vậy, tâm chúng ta tạo ra toàn thể pháp giới vũ trụ.

Có một câu chuyện nổi tiếng để giải thích điểm này. Ngày xưa tại Hàn Quốc, có một thiền sư vĩ đại tên là Nguyên Hiểu (Won Hyo). Khi còn là một thanh niên chưa đi tu, ông đã tham gia quân đội và chiến đấu trong một cuộc nội chiến dai dẳng khủng khiếp. Ông đã chứng kiến rất nhiều người bị giết. Ông cảm thấy bất lực khi người già và trẻ em cũng bị sát hại một cách ghê tợn. Thật là vô nghĩa của trận chiến huynh đệ tương sát nhau không khoan nhượng. Đất đai đã bị tàn phá và súc vật chăn nuôi bị cướp đoạt giết mổ. Điều này đánh vào tâm thức ông tự nghĩ: “Mạng sống con người thật không còn ý nghĩa gì. Tại sao chúng ta phải tạo ra quá nhiều đau khổ cho chính mình và tất cả chúng sanh?” Vì vậy, ông cho rằng xã hội con người không tốt. Trong ghê tởm, chán chường và tuyệt vọng, ông mong ước tìm thấy một số đáp án cho câu hỏi sâu sắc của mình về bản chất của sự sống còn. Ông tự cạo đầu trở thành một nhà sư và đi lên núi ẩn tu, thề không bao giờ quay trở lại, cho đến khi thấu đạt chân lý tối hậu về bản thể tồn tại chung sống hòa bình. Qua một thời gian ngắn, ông tìm hiểu những giáo lý trong các Kinh điển tuyệt vời. Nhưng điều này đã không đáp ứng chí nguyện của ông. Ngay cả lời nói của Đức Phật không thể nhấc gánh nặng đã đặt trên vai và trái tim ông như một tảng đá khi nhìn vào những đau khổ của cuộc sống hàng ngày. Nhận thấy tình

trạng ông như vậy, một số pháp lữ đồng tu nói với Nguyên Hiểu hãy đi tìm tham bái một Thiền sư vĩ đại ở Trung Quốc, người đã hoàn toàn tỏ ngộ, xong việc sanh tử, may ra có thể giúp ông ta.

Cùng với một tu sĩ khác, Đại sư Nguyên Hiểu thu xếp hành trang với cái bao đãy trên vai và chiếc mũ tre rộng vành đội trên đầu, tiến về phương Bắc qua những dãy núi trùng điệp phía Trung Quốc.Ông đi bộ trải qua nhiều tháng. Mặc dù rất mệt mỏi và yếu sức, nhưng quyết tâm của ông để tìm thầy học đạo đã không lay chuyển. Riêng người bạn ông không chịu nỗi phải quay về.

Một hôm, ông băng qua sa mạc và đã khô cạn nước. Đêm xuống, ông bị ngã quỵ trên đất, nằm dưới một lùm cây rồi ngủ thiếp đi. Đến nửa đêm, ông thức dậy và cảm thấy vô cùng khát nước. Lúc đó trời tối đen như mực, ông mò mẫm tìm nước với cả hai tay quờ quạng. Cuối cùng ông chạm được một vật gì giống cái bát tròn có ít nước, bèn nhặt lấy và uống một cách ngon lành. Nước chạy xuống cổ họng của ông cảm thấy mát mẻ và dịu ngọt. Rồi ông đảnh lễ trong hư không, tỏ sự biết ơn Phật đã ban cho bát nước này. Sau khi đỡ khát, Đại sư Nguyên Hiểu liền trở lại giấc ngủ.

Sáng ra, ông vừa tỉnh thức và nhìn thấy rõ bên cạnh những gì mà ông đã tưởng một bát nước cứu tinh vào đêm hôm. Đó là một chiếc sọ người trong đó một ít nước mưa còn đọng lại. Những con giòi và ấu trùng bò xung quanh cạnh sọ. Hộp sọ không quá cũ, vì vậy vẫn còn những mẩu thịt hôi hám bám vào đây đó. Khi thấy như vậy, tâm ông ghê tởm, bụng ông co giật và buồn nôn. Vật mình xuống với đôi tay chân rũ rượi, miệng ông mở rộng, nôn tháo đổ ra tất cả. Trong giây phút đó, ông hoát nhiên tỏ ngộ, hoàn toàn đạt được chân tánh và thấu hiểu tâm mình: Đêm qua, tâm ông mơ màng vì mệt mỏi, không để ý hoặc suy nghĩ bất cứ điều gì về nước, nó rất ngon. Nhưng bây giờ, nhìn thấy hộp sọ và suy nghĩ về sự ghê tởm, nước đột nhiên trở nên rất dơ uế và làm cho bao tử ông khó chịu. “A ha!” Ông liễu ngộ. “Tất cả mọi thứ do tâm tạo!” Đại sư Nguyên Hiểu nhận ra rằng, suy nghĩ của ông tạo ra nước ngon hay dở, yêu thích hay ghê tởm. Suy nghĩ tạo ra mọi thứ dễ chịu hay khó chịu. Suy nghĩ tạo ra toàn bộ vũ trụ. Ông đạt được điểm này và nhận ra rằng việc tìm kiếm một Thiền sư ở Trung Quốc đã không còn cần thiết. Ông quay lại Hàn Quốc và cuối cùng trở thành Quốc sư. Ông được biết đến như một trong những thiền sư vĩ đại nhất trong lịch sử Phật giáo Hàn Quốc.

Tất cả do tâm tạo. Bạn đã tạo ra toàn bộ vũ trụ này. Bạn tạo ra chó, mèo, cây cối, núi non và Thiên Chúa. Bạn cũng đã tạo ra mặt trời, mặt trăng, và tinh tú. Bạn liên tục tạo ra sanh và tử, đến và đi, quá khứ, hiện tại và tương lai. Tất cả những điều này đến từ tâm bạn. Một con chó không bao giờ nói: “Tôi là chó”. Bạn đặt ra điều đó. Nhưng không tin lời nói của mình. Và không tin Kinh điển. Đôi khi bạn nên đi hỏi một con chó: “Mi có phải là chó không?”‖Sau đó sẽ có một câu trả lời hay cho bạn. Nó sẽ chỉ cho bạn thấy rằng bạn tạo ra “con chó.” Vì vậy, tất cả mọi thứ trong vũ trụ này xuất phát từ tâm bạn. Nhưng tâm này từ đâu đến? Đây là một câu hỏi rất quan trọng. Đơn giản nói về tâm thì không thể trả lời câu này. Đọc sách và nghe pháp thoại sẽ không thực sự giải quyết nó.

Khoảng hơn tám mươi năm trước, tại Hàn Quốc đã có một cuộc hội nghị Tăng già rất lớn tại chùa Hải Ấn. Nơi cất giữ một bộ sưu tập của hàng ngàn mộc bản Tam Tạng nổi tiếng. Trong nhiều năm qua, các bộ Kinh điển sưu tập hoàn chỉnh duy nhất này và những lời tường thuật, bình giải của họ lan truyền trên thế giới. Hàng ngàn Tăng Ni Phật tử từ khắp nơi trên đất nước đổ về núi Kaya để nghe hai vị Pháp sư lỗi lạc thuyết giảng Kinh văn. Đại sư Han Yong và Kwang Sang No, một giáo sư đại học nổi tiếng, người đã viết nhiều cuốn sách quan trọng. Các vị Pháp sư thuyết giảng trong hơn một tuần về các chủ đề khác nhau. Có rất nhiều buổi hội thảo diễn ra. Đã có cuộc hội thảo chuyên đề về các Kinh điển khác nhau giữa Phật giáo Tiểu thừa và Phật giáo Đại thừa. Từ sáng đến tối các vị Pháp sư thuyết trình và mạn đàm giáo lý huyên thuyên.

Sau đó, vào cuối khóa giảng, vị Pháp sư nổi tiếng nhất trong nước, Han Yong Sunim, cho biết "Đức Phật đã thuyết giáo trong bốn mươi lăm năm, nhưng Ngài chỉ nói một điều: 'Tất cả các pháp do tâm tạo'. Bạn không cần phải tìm kiếm Con đường bên ngoài tâm bạn". Tất cả chúng Tăng đã rất ấn tượng với lời bế mạc này. Sau đó, ông yêu cầu có bất kỳ câu hỏi nào cứ đưa ra.

Vào lúc đó, một vị Tăng trẻ khoảng 18, 19 tuổi đứng dậy. Ông là một tu sĩ lập dị 'híp-py', ăn mặc rách rưới lôi thôi và với khuôn mặt nhuếch nhác không cạo râu tóc. Tuy sự xuất hiện bên ngoài của ông khá tồi tàn, nhưng đôi mắt vị Tăng trẻ này lấp lánh như những hạt kim cương nhỏ. Ông nói: –Thưa Pháp sư, tôi có một câu hỏi. Pháp sư Han Yong đáp: –Vâng, cứ hỏi ! –Thầy nói rằng tất cả các pháp do tâm tạo... –Phải. ‖ – Vậy thì… Ai tạo ra tâm? ‖ Đại Pháp sư Han Yong đã bị mắc kẹt và không thể trả lời. Tâm ông ấy lướt qua tất cả các trang giấy trong các bộ Kinh sách nơi trí nhớ của mình, nhưng không thể tìm ra đáp án bất cứ chỗ nào. Trong tòa nhà phía sau, cả tám vạn bốn ngàn bản gỗ Tam tạng Hàn Quốc được xếp chồng lên nhau, ông đã dành hết cả cuộc đời học tập nghiên cứu của mình. Nhưng không có trang chữ nào trong số này có thể giúp ông. Ông hoàn toàn không nói nên lời và nhìn chằm chằm vào vị Thiền tăng trẻ, như thể ông đang đột nhiên bị tê liệt. Vị tăng trẻ nói với Pháp sư: –Thầy không hiểu điểm này! Vậy mà thầy đã dành suốt cả một tuần để giảng thuyết về Tâm, nhưng thầy không biết Tâm từ đâu đến? Rõ là những bài giảng vớ vẩn không đâu!

Vì vậy, giáo lý của Kinh Hoa Nghiêm rất rõ ràng: Tâm chúng ta tạo ra tất cả mọi thứ. Có lẽ nhiều người có thể nắm bắt được điểm này. Nhưng Tâm thực sự từ đâu đến? Cho dù tâm sanh hoặc diệt không quan trọng. Trường hợp nào, từ đâu tâm xuất hiện? Tâm là gì? Kinh điển chỉ có thể giải nói về vấn đề này, nhưng không thể trả lời cho cuộc sống của riêng bạn. Đối với loại hình giảng dạy này chẳng bao giờ giúp bạn, bạn phải trải nghiệm những gì kinh điển nói và những lời giáo huấn của các bậc thầy xuất sắc khai thị. Đây là lý do tại sao thực hành thiền là tối quan trọng. Nếu bạn nghi vấn điều này, chỉ có kiến thức hiểu biết kinh điển không thể giúp bạn. Giáo lý Tiểu thừa không đủ, do đó giáo pháp Đại thừa xuất hiện. Giáo pháp Đại Thừa không đủ, do đó Thiền tông xuất hiện. Nhưng không dính mắc với bất kỳ phương cách nào, đó là "chính xác", nó hơn tất cả những thứ khác. Mọi người tu thiền cảm thấy rằng cách của họ để đạt tâm là chính xác. Đại thừa tin rằng cách của mình

là đúng. Và có thể một số tín đồ Phật giáo Tiểu thừa cảm thấy cách của họ là đúng. Nếu bạn nói rằng bất kỳ trong số này là đúng, bạn không hiểu giáo huấn thực sự của Đức Phật.

Đức Phật dạy rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Nhưng thiền sư Triệu Châu nói con chó không có Phật tánh. Cái nào đúng? Đạt đến đó là điểm rất quan trọng. Nếu bạn mở miệng, đã là một sai lầm lớn! Vì vậy, Phật giáo Tiểu thừa là giáo lý chính xác. Phật giáo Đại thừa cũng là giáo lý chính xác. Phật giáo Thiền tông cũng dạy rất chính xác. Điểm quan trọng nhất là làm cách nào bạn sử dụng giáo lý của các pháp môn ấy để thấu đạt tâm mình.

Có một câu chuyện rất hay để minh họa điều này. Thuở xưa tại Hàn Quốc, có một vị thiền sư nổi tiếng tên là Bạch Ẩn (Hak Un). Ông sống ẩn dật một mình đạm bạc trên ngọn núi cao cheo leo. Phía dưới thung lũng, là hai ngôi chùa của chư Ni. Một ngày nọ, có sự bất đồng giữa các Ni của chùa phía Đông với các Ni bên chùa phía Tây. Các Ni bên chùa Đông nói: –Khi các cô tụng niệm Quan Thế Âm Bồ tát, các cô phải phát âm là “Kwan Se-um Bosal." Nhưng các Ni bên chùa phía Tây phản đối: –Không, điều đó không đúng. Phải niệm là “Kwan Se-oom Bosal.”‖ Vì vậy, âm thanh có một chút khác nhau cho mỗi ngôi chùa. Các Ni chùa này cho biết, Kwan Se-um Bosal là chính xác, nhóm Ni chùa kia tuyên bố, Kwan Se-oom Bosal là chính xác. Trong mỗi ngôi chùa, đã có hơn hai trăm năm mươi ni. Vì vậy, họ luôn tranh cãi, tranh cãi và tranh cãi: –Câu niệm của chúng tôi là đúng! ‖ –Các vị không đúng! Oom là chính xác! Ha ha ha ha! (Tiếng cười từ hội chúng). Vì vậy, họ không thể công nhận câu nào đúng.

Một buổi sáng, Ni sư trú trì ngôi chùa phía Đông đứng trước mặt Ni chúng của mình tuyên bố: –Chúng ta không thể quyết định bất cứ điều gì. Chúng ta nên đem chuyện này bạch trình lên vị thiền sư trên núi. Vì vậy, đêm mai vào lúc 9 giờ chúng ta sẽ bái yết với Thiền sư và chắc chắn nhận được ý kiến của mình về vấn đề này. Tất cả các Ni chúng nghĩ đây là một ý tưởng tốt.‖Ha ha ha! Tuy nhiên, vị trú trì đã là một Ni sư hơn ba mươi năm xuất gia tu học. Vấn đề này thực sự làm bà lo lắng rất nhiều. –Chúng ta nói “Um”, "họ nói “Oom." Có thể “Oom” thực sự đúng nhất chăng? Nếu sai, chúng ta sẽ mất mặt. Làm thế nào có thể chắc chắn là chúng ta đúng? Sau đó bà nói chuyện với một số Ni khác. Họ đã trao đổi qua lại cả đêm: –Có lẽ chúng ta nên trình bày với thiền sư trước khi có cuộc họp mặt. Làm sao chúng ta có thể yêu cầu ngài chỉ ra cách nào đúng? Đây là vấn đề rất quan trọng!

Bất chợt một Ni cô trẻ cho biết: –Năm trước con có làm thị giả cho thiền sư Bạch Ẩn. Con biết ngài thực sự thích bánh gạo. Vậy Ni sư nên làm cho một số bánh gạo đặc biệt để cúng dường ngài, rồi nhân cơ hội đó thỉnh vấn chuyện này. Nếu chúng ta làm được như thế, có thể một đáp án tốt sẽ xuất hiện! Nghe xong, tất cả các Ni chúng đồng lòng nói: –A! Đó là ý tưởng hay lắm! Bạn thật tuyệt vời!

Bây giờ, việc làm bánh gạo rất dễ dàng. Mọi người lấy bột gạo, trộn nước cho nhão, cán ra mỏng và cuộn tròn, hấp chín xong rồi cắt ra. Vì vậy, các Ni nhanh chóng chuẩn bị một mâm bánh thật ngon, họ không muốn các Ni bên chùa phía Tây để ý nhìn thấy họ.

Trong các chùa ở Hàn Quốc, vào lúc 9 giờ đêm, một khi chuông được rung lên, tất cả các ngọn đèn chiếu sáng phải tắt để đi ngủ. Vì vậy, họ rung chuông như thường lệ, và làm bánh gạo trong ánh nến mờ nhạt. Sau khi hoàn tất, hai trong số các Ni cao cấp nhất đã được lựa chọn để thực hiện chuyến đi lên núi bái yết thiền sư, mang theo mâm bánh gạo cúng dường ngài.

Trải qua một quãng đường leo núi không xa, cuối cùng hai Ni cũng đến được thiền thất, nơi ẩn tu nhỏ bé của thiền sư. Thường thì vị thiền sư già này rất ít ngủ, chỉ để hành Thiền. Một trong hai cô Ni đưa tay gõ cửa, “Cạch, cạch, cạch!” Từ bên trong, giọng nói của thiền sư Bạch Ẩn vọng ra vừa đủ lóng nghe được: “Ai đó?” –Dạ, bạch thầy, chúng con từ chùa Ni phía Đông đến ạ! –Ồ! Đã quá 9 giờ đêm rồi, tại sao quý cô còn lên đây và có chuyện gì thế? –Dạ thưa chúng con có một vài vấn đề. Một cô Ni nói, Dạ! Nhân bữa tiệc mừng sinh nhật của vị Ni trưởng. Chúng con có làm bánh gạo, vì nghĩ tưởng đến ngài trên núi này ở một mình thiếu thốn thức ăn. Cho nên bây giờ chúng con mang lên dâng cho ngài một ít. ‖–Ồ! Bánh gạo hả? Thế thì tốt lắm! Vị thiền sư rất hoan hỷ. Vì vậy, ông cho họ vào thất gặp mặt. Quý vị biết không? Thiền sư tu trên núi không có nhiều thực phẩm, không có tích chứa bất cứ thứ gì, vì vậy bánh gạo là một món thết đãi rất tuyệt vời. Thiền sư thích bánh gạo! Ha ha ha! “Ồ! Tôi cũng thích bánh gạo!” Sau đó hai Ni sư đã dâng cho ông loại bánh đặc biệt này. Ông khen: –Tốt lắm! Hương vị thật tuyệt vời! Hai Ni sư cũng rất hạnh phúc bèn thưa: –Dạ,Bạch thầy, ngài thích món bánh này không ạ ? –Ồ! Thích chứ! Ngon lắm! Cảm ơn các vị ! –Bạch thầy, chúng con xin được thỉnh giáo một việc. –Thế hả? Vậy các cô muốn hỏi điều chi?

–Dạ, chúng con muốn hỏi là ... ‖ Và họ tiếp tục trình bày về sự kiện trong những ngày vừa xảy ra, từ một cuộc tranh cãi với các Ni chúng của bên chùa Tây về việc niệm danh hiệu Quan Thế Âm Bồ tát. Rồi họ kết luận: –Chư Ni bên đó nói rằng nên niệm “Kwan Se-oom Bosal”. Chúng con bên chùa Đông thì cho rằng phải niệm“Kwan Se-um Bosal." Không biết câu nào đúng? Kwan Se-um Bosal có đúng không? Thiền sư đáp: –Tất nhiên rồi! Các vị niệm Kwan Se-um Bosal là chính xác. ‖Hai Ni sư an lòng, tỏ ra mãn nguyện: – Bạch Thầy, ngày mai chúng con sẽ trình bày quyết định của thầy cho họ biết. Chúng con xin thỉnh thầy xuống núi, quang lâm đến bổn tự để chủ trì vấn đề này. Vì thầy vừa nói Kwan Se-um Bosal là đúng, phải không ạ? –Không có vấn đề gì! (Tiếng cười từ hội chúng) Sau đó, hai cô Ni vội vã xuống núi, trở về chùa và đi ngủ. Theo kế hoạch làm việc của họ đã đạt được mong muốn, vì vậy họ cảm thấy vui. Bây giờ họ nghĩ là sẽ không mất mặt trước của các Ni chúng của chùa phía Tây.

Trong khi đó, Ni chúngchùa phía Tây lại cũng có vấn đề tương tự như thế. Suốt ngày họ bàn tán về cuộc họp mặt sẽ xảy ra sớm giữa hai chùa. –Chúng ta có thể làm gì? Một cô Ni nói và đưa ra ý kiến là nên bái yết thiền sư Bạch Ẩn trước khi có cuộc họp mặt để lấy ý kiến cho bên mình. –Nhưng làm thế nào chúng ta có thể hỏi ngài? Họ đã suy nghĩ, suy nghĩ, cố gắng tìm cách để đến bái kiến thiền sư với một ý tưởng tốt. Sau đó, một cô Ni lên tiếng: –Tôi hiểu tâm của vị thiền sư này. –Ồ, Vậy hả! Tâm ngài thế nào? –Thiền sư chúng ta có người bạn thân là thiền sư Như Thị. Ngài cũng là giáo thọ của tôi. Vì vậy, tôi biết cả hai đều thích mì ! ‖ –Mì à? –Vâng, mì! Chúng ta có thể làm một số mì đặc biệt,

và mang đến cúng dường ngài đêm nay. Sau đó có thể hỏi ngài câu danh hiệu “Kwan Se-oom Bosal” là có chính xác hay không! ‖ –Ồ, đó là một ý tưởng hay đấy! Các Ni đều cho rằng: “Chúng ta phải thỉnh vấn ngài trước khi chùa Ni bên kia hành động.” Vì vậy, Chùa Ni phía Tây bắt đầu làm mì ăn liền rất đặc biệt để cúng dường thiền sư.

Nhưng thực tế làm mì không dễ dàng, nó phải mất khá nhiều thời gian. Làm bánh bột gạo thì đơn giản, nhưng mì thì tỉ mỉ hơn. Trước tiên bạn phải chuẩn bị bột mì nhồi nước cho nhão, rồi ép vào khuông cho nó cuộn ra thành từng sợi, và tiếp theo cẩn thận cắt mì, sấy khô cho chín. Sau đó, bạn chỉ có thể lấy mì cho vào nước sôi cùng gia vị rồi dùng ngay. Nếu không thì mì ngâm trong nước sẽ nở bủn ra, và không còn ngon. Do vậy thời gian phải gấp rút mới hoàn tất sớm được. Sau đó, hai Ni sư đại diện đưa mì lên núi cúng cho thiền sư. Như quý vị đã biết, ông là một thiền sư già, vì vậy rất ít ngủ. Còn một số tu sĩ lớn khác không chỉ ngủ ban trưa, mà ban đêm họ cũng ngủ rất nhiều.(Tiếng cười từ hội chúng.) “Cạch, cạch, cạch!” Tiếng gõ cửa từ một cô Ni. Bên trong thiền thất, giọng nói của thiền sư Bạch Ẩn vọng ra:“Ai đó?” –Dạ, bạch Thầy, chúng con từ chùa Ni phíaTây đến ạ! –Ồ! Thật sai lầm, đã gần nửa đêm! Các vị còn đến đây có việc gì? Thôi được, vào đi ! –Dạ thưa Thầy, có một buổi lễ cầu siêu tại Chùa của chúng con đêm nay. (Ở Hàn Quốc, thuở xưa khi một ai đó chết, gia đình thường có một buổi lễ tưởng niệm tại chùa. Nghi thức cầu siêu đôi khi diễn ra vào ban đêm, vì ban ngày họ bận nhiều việc). Chúng con đã có buổi lễ lớn này, và làm rất nhiều mì. Bây giờ chúng con nghĩ về ngài, ở trên núi không có chứa nhiều thực phẩm để dùng. Nên chúng con mang mì lên cúng dường thầy, ngài thích nó chứ? ‖ –Ồ, được lắm! Tôi cũng thích mì! (Tiếng cười từ hội chúng.) Ở Hàn Quốc, có một câu nói: “Bao tử gạo, bụng bánh, dạ dày mì, ruột rượu, đều khác nhau”. Con người khác nhau, cũng như những vật dùng khác nhau, cái này tốt hơn so với những thứ khác. Nhưng vị thiền sư này đã không phân biệt như thế. Bất cứ mọi thực phẩm dâng cúng ngài đều hoan hỷ chấp nhận. –Ô! Tôi rất thích mì! Hương vị nó thật tuyệt vời! Mì rất ngon. Cảm ơn các vị thật nhiều vì đã làm việc quá cực nhọc! Các vị nghĩ về tôi, thật may phước cho tôi lắm! ‖ –Dạ bạch ngài, không sao. Được ngài tiếp chúng con là một hạnh duyên phước báu. ‖ Hai Ni sư đứng hầu bên cạnh với niềm an lạc trong tâm và ngay khi đó họ tin chắc sẽ giành chiến thắng trong cuộc tranh luận giữa hai chùa.Thiền sư bạch Ẩn cũng hiển lộ sự hoan hỷ. Hai Ni sư chờ đợi vài phút trôi qua và sau đó một vị chấp tay thưa: –Kính bạch thiền sư, chúng con có mối nghi ngờ, xin ngài từ bi khai thị. –Ồ! Các vị hỏi gì? Cứ tự nhiên, không sao cả. –Bạch thầy, toàn thể Ni chúng của chúng con thường trì niệm danh hiệu “Kwan Se- oom Bosal," nhưng các vị Ni bên chùa Đông nói phải niệm“Kwan Se-um Bosal” mới đúng. Như vậy chúng con niệm ‘oom' có chính xác không? Thiền sư đáp: “Tất nhiên rồi! ‘oom’ là chính xác.” ‖ –Ô! Như thế thì chúng con xin đa tạ ngài ! Bây giờ chúng con hiểu tại sao ngài là một Thiền sư. Buổi trưa ngày mai, lúc mười một giờ, tất cả hai chùa chúng con có cuộc họp

mặt. Vậy chúng con cung thỉnh ngài quang lâm để chứng minh ban cho quyết định này. Lúc đó mong thầy sẽ tuyên bố rằng “Kwan Se-oom Bosal” của chúng con niệm là đúng? ‖ –Tất nhiên rồi! “Kwan Se-oom Bosal” là chính xác. – Kính bạch ngài, chúng con xin cảm ơn ngài thật nhiều!

Các Ni rất hạnh phúc và cảm thấy nhẹ nhõm trong lòng. Họ bèn cúi đầu đãnh lễ từ giã thiền sư ra về. Họ rảo nhanh xuống núi để mang lại tin vui cho những bạn bè đồng môn. Khi họ trở về chùa phía Tây và thuật lại mọi người những gì thiền sư đã nói. Tất cả ai nấy vui mừng và reo lên: “A! Chúng ta đã giành chiến thắng! Chúng ta đã thắng rồi! Thiền sư nói rằng chúng ta niệm như thế rất chính xác!” Mọi người đều rất hạnh phúc. Sau đó, tất cả họ về phòng và yên tâm đi ngủ.

Sáng hôm sau, đúng11 giờ trưa, các chuông mỗi chùa đều gióng lên báo hiệu giờ hội họp. Năm trăm Ni chúng cả hai chùa đều tập trung trong Chánh điện bên chùa Tây để đưa vấn đề ra với thiền sư Bạch Ẩn. Ông bước lên tòa ngồi và điều chỉnh y áo của mình. Tất cả năm trăm nữ tu cùng nhau làm lễ đầy đủ oai nghi đến vị thiền sư khả kính của họ. Sau đó, hai vị trú trì của hai ngôi chùa cùng xuất hiện. Một vị bên chùa phía Đông thưa thỉnh: – Ngưỡng bạch thiền Sư, hôm trước tất cả chúng con đã có một cuộc tranh cãi về câu niệm Quan Thế Âm Bồ tát. Chúng con tin rằng “Kwan Se-um Bosal” là chính xác! –Không, không! Kwan Se-oom Bosal là chính xác. Vị Ni trú trì chùa phía Tây khẳng định. –Kwan Se-um Bosal! –Kwan Se-oom Bosal! ‖ –Thưa Thiền sư, chúng con không thể quyết định được điều này. Vì vậy, chúng con muốn thỉnh vấn ngài. Câu nào đúng: Kwan Se-um Bosal hoặc Kwan Se-oom Bosal? Thiền sư nhắm mắt lại một lúc. Toàn thân ngài lay động, lưng hơi chùn xuống trong chỗ ngồi của mình từ trên bục cao, cân nhắc câu hỏi sâu sắc của họ. Nhiều cô Ni đã thọ học hướng về phía trước ngài, hết sức chú tâm để lóng nghe những gì ngài khai thị vấn đề trọng đại này. Sau giây phút khá lâu, ông chậm rãi nói với đại chúng: –Đây là một câu hỏi rất khó! (Tiếng cười từ hội chúng.) –Dạ thưa theo ý ngài thế nào, khó khăn ư? Hôm qua chúng con đã thưa chuyện về câu niệm Kwan Se-um Bosal, thầy cho là chính xác. Một vị Ni khác bạch: –Nhưng, thưa thiền sư, xin ngài hãy chỉ dạy cho chúng con đi. Thiền sư vẫn im lặng một lúc, đôi mắt vẫn nhắm. Ông nói: –Nhưng nó rất dễ dàng để trả lời ... Từng nhóm Ni chúng thở phào nhẹ nhõm.

–Ồ, nó quá dễ dàng mà! Mỗi nhóm đều nghĩ theo cách của mình và tự cho rằng sau cùng câu niệm chúng ta sẽ đúng chính xác! ‖ Thiền sư nói: –Trước kia, khi tôi còn là một nhà sư trẻ, tôi có nghiên cứu nhiều Kinh điển thật sâu sắc nhất của truyền thống chúng tôi. Bây giờ tôi thấy phát sinh thêm “Kinh Bánh gạo” nói Kwan Se-um Bosal là chính xác. Nhưng Kinh Mì lại nói “Kwan Se-oom Bosal là chính xác! (Tiếng cười liên tục từ hội chúng) Các chúng Ni bắt đầu tranh cãi với nhau. –Bạn làm bánh gạo biếu cho thiền sư! Bạn không tốt! –Các cô đã dâng mì ăn liền! Thật là thấp hèn! –Các người không tốt! –Các cô không tốt! ‖

Lời qua tiếng lại. Suy nghĩ, suy nghĩ, suy nghĩ. Kiểm tra, kiểm tra, kiểm tra. Đột nhiên, thiền sư hét lên: –KATZ! Hãy buông xuống tất cả! Kwan Se-um Bosal là Kwan Se-um Bosal. Kwan Se- oom Bosal là Kwan Se-oom Bosal. Khi các vị tụng niệm, thì cứ y như thế mà làm! ‖Các chúng Ni rất ngạc nhiên. Ngay lập tức tâm của họ trở nên sáng suốt rõ ràng. –Ồ! Chúng con xin cảm ơn sư phụ rất nhiều! – Xin thành kính đa tạ ngài đã Từ bi chỉ giáo! Thiền sư tiếp tục khai thị: –Đừng dính mắc vào lời nói và chữ nghĩa. Khi làm gì, hãy chú tâm làm điều đó! ‖ Nói xong, Thiền sư xuống tòa và trở về núi.

Vì vậy, tu tập theo Phật giáo Tiểu thừa là rất tốt. Tu tập theo Phật giáo Đại thừa cũng tốt. Và thực hành Thiền Phật giáo cũng rất tốt. Nam mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh cũng không phải là lối tu thấp kém. “Om Mani Padme Hum” cũng tốt. “Shin myo jang gu dae dharani” cũng rất tốt. Thậm chí lặp đi lặp lại “Coca-Cola, Coca-Cola” như một câu Thần chú có thể giúp bạn, nếu bạn làm điều đó với quyết tâm hoàn toàn tỉnh thức sáng suốt. Các pháp không chướng ngại. Bạn phải luôn luôn buông bỏ quan điểm, tình huống và điều kiện của bạn. Điều quan trọng nhất là, khi bạn làm điều gì, chỉ cần làm điều đó một trăm phần trăm. Những lời nói, chữ nghĩa chính nó không quan trọng. Nếu bạn muốn tỏ ngộ, thì những gì cần thiết là “Khởi Nghi Tình”, với một câu hỏi lớn và Tâm-cố gắng. Hoàn thành quyết tâm. Chỉ cố gắng. Chỉ cố gắng. Chỉ làm điều đó. Đó là lộ trình tu tập tốt nhất.

Bài ca Pháp Tánh

Pháp tánh viên dung vô nhị tướng.
Chư Pháp bất động bổn lai tịch.
Vô danh vô tướng tuyệt nhứt thiết.
Chứng trí sở tri phi dư cảnh.
Nhứt trung nhứt thiết, đa trung Nhứt.
Nhứt tức nhứt thiết, đa tức nhứt.
Vô lượng viễn kiếp tức nhứt niệm.
Nhứt niệm tức thị vô lượng kiếp.
Pháp tánh toàn vẹn. Vốn không hai.
Các pháp chẳng lay, xưa nay vắng lặng.
Không danh không tướng, dứt bặt tất cả.
Thành tựu tuệ giác, chẳng do bên ngoài.
Một trong tất cả, tất cả trong Một.
Một là tất cả, tất cả là Một.
Vô lượng kiếp chỉ bằng một niệm.
Một niệm tức là vô lượng kiếp.

Đây là một đoạn trích từ một bài thơ giáo hóa khá dài dựa trên Kinh Hoa Nghiêm. Nó được viết bởi một bậc thầy rất nổi tiếng, Ui-Sang, trong thời kỳ vàng son của triều đại Tân La (Shilla). Những câu này được tụng mỗi ngày trong hầu hết các ngôi chùa ở Hàn Quốc vào thời ấy. Chúng chỉ thẳng đến Pháp tánh. Nhiều người nói, “Pháp là thế này, Pháp là thế kia”. Nhưng Pháp đích thực là gì? Khởi thủy thì ‘Thật pháp’ không danh, không sắc. Thậm chí gọi đó là Pháp thì cũng đã mắc sai lầm lớn. Pháp vốn xưa nay không phải Pháp. Được chứ? Bạn phải hiểu điều đó. Vì vậy, Pháp hay Pháp tánh chỉ là tên gọi cho bản thể phổ quát của bạn. Bản thể này, trong đó có tất cả mọi thứ trong vũ trụ được tạo thành, không có hai mặt đối lập. Thậm chí nó không có hai hình tướng khác nhau. Nó cũng không có một mặt hoặc một hình tướng. Nó không phải một và cũng chẳng hai. Nó cũng không phải là vật. Nó mang mỗi hình thức của tất cả mọi thứ trong vũ trụ nhưng thực ra nó không có hình thức, vì hình thức là hoàn toàn rỗng

không. Nó cũng giống như điện năng. Đôi khi điện xuất hiện cho chúng ta nhận thấy bằng cách nó làm cho cánh quạt quay, radio phát ra âm thanh, ti-vi phát ra hình ảnh. Nó sản xuất hơi lạnh, hơi nóng trong máy điều hòa không khí, có thể làm cho nước thành băng và tỏa nhiệt một căn phòng. Nó có thể di chuyển kéo

cả con tàu nặng nề. Vả lại, nó lan tỏa xung quanh trong cơ thể của bạn và hoàn toàn biến mất vào hư không. Vì vậy, nếu bạn nói rằng điện chỉ là một vật, bạn sai lầm. Nếu bạn nói rằng nó là tất cả những vật mà nó làm nên, như vậy bạn cũng hoàn toàn sai lầm. Điện năng không có những điều này, nhưng nó là tất cả trong số đó. Tương tự như vậy, mưa, tuyết, sương mù, hơi nước, sông, biển, mưa đá và băng là tất cả các hình thức khác nhau trong cùng một bản thể. Chúng là những thứ khác nhau, nhưng H2O thì không thay đổi, nó sáng tạo tất cả những thứ theo tình huống của chúng. Chúng là bản thể của nước. Giống như thực thể của Pháp tánh. Nó không phải một và cũng không hai. Đây là điểm rất quan trọng.

Vì vậy, Pháp tánh là bản thể phổ quát, nó tạm mang nhiều hình thức và tên gọi khác nhau. Là núi, là sông, hoặc mặt trời, mặt trăng, tinh tú, cái tách này, âm thanh này, và tâm bạn. Tất cả chúng như nhau, bởi vì tất cả cùng bản thể vũ trụ. Khi bất kỳ điều kiện nào xuất hiện, Pháp tánh theo sau điều kiện đó, và sau đó một số hình thức xuất hiện. Nhưng khi điều kiện biến mất, thì Danh và Sắc biến mất. Đó là ý nghĩa của “Tất cả các pháp được toàn vẹn” trong những dòng thơ này. “Toàn vẹn” là Pháp tánh, bản thể vũ trụ xoay chuyển vòng quanh, vòng quanh, không có gì trở ngại. Nó không bao giờ thiếu bất cứ điều gì, bất cứ nơi đâu. Đôi khi nó là một ngọn núi, một con sông, hoặc cây cối, sỏi đá, trời mây, không khí, hoặc con người, động vật. Nhưng khởi thủy nó là sự tĩnh lặng hoàn toàn.

Ngay cả khi mang hình thức tất cả mọi thứ trong vũ trụ này, nó hoàn toàn không di chuyển. Nó mang những hình thức, nhưng không là những hình thức và không xúc chạm bởi những hình thức này. Pháp tánh cũng giống như Chân ngã của bạn. Nó không thể được hiểu bằng tư duy khái niệm. Sách vỡ và học tập không có thể cung cấp cho bạn điểm này. Một trăm vị Tiến sĩ cũng sẽ không giúp bạn đạt được điều đó.

Một trong tất cả, tất cả trong Một.
Một là tất cả, tất cả là Một.
Vô lượng kiếp chỉ bằng một niệm.
Một niệm tức là vô lượng số kiếp.

Tất cả mọi người tin rằng thời gian và không gian tồn tại. Ha ha ha! Thật là buồn cười ! Suy nghĩ của bạn tạo ra thời gian và không gian. Nhưng không ai thực sự hiểu được điều này. Vì vậy, những dòng chữ này nói lên thời gian và không gian như nhau, chúng là Một. Chúng cũng không phải là một. Một trong những điều này là hoàn toàn rỗng không. “Một trong tất cả, tất cả trong Một. Một là tất cả, tất cả là Một.” Đó là nói về không gian. Tất cả mọi thứ là một điểm, và một điểm là tất cả mọi thứ. Không có hai thứ riêng biệt. Chúng ta có thể nghĩ về nó theo cách này: không gian trống rỗng chỉ là một, không thể

phân chia. Nhưng trong không gian có nhiều vật chia ra như núi, sông, con người, cây cối, chó, mèo, mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao. Tất cả "những thứ này" bao gồm trong không gian. Tất cả mọi thứ là một phần của không gian, nhưng không gian đó không phải là hai, bởi vì tất cả mọi thứ được chứa trong nó. Không có gì, bên ngoài không gian.

Bài thơ này rất hay, cũng nói về Chân tánh của thời gian. "Vô số kiếp chỉ bằng một niệm. Một niệm tức là vô số kiếp." Thời gian không phải dài hay ngắn. Như chúng ta đã thấy, từ tâm suy nghĩ của chúng ta tạo ra thời gian, chúng ta cũng tạo cho nó dài hoặc ngắn. Nếu bạn thực hành thiền, thì bạn có thể thực sự cảm nhận được rằng, trong một niệm có thời gian vô cùng và không gian vô tận. Trong một niệm có tất cả mọi thứ!

Hầu hết mọi người cho lời tuyên bố như vậy là phải được mô tả một số lãnh vực đặc biệt hoặc trải nghiệm. Vậy một niệm lớn cỡ nào? Nếu chúng ta muốn tưởng tượng điều này, chúng ta có thể minh họa cho một niệm được coi như là một giây chia cho thời gian vô hạn. Đó là một thời gian rất ngắn! Có một số máy ảnh đặc biệt với thông số kỹ thuật rất cao có thể chỉ cho bạn thấy điều này. Loại máy ảnh này có thể chụp tốc độ của một viên đạn. Một viên đạn bắn đi như vô hình với mắt thường không thể nhìn thấy. Nhưng khi máy ảnh này mở ra, rất nhanh chóng, nó chụp bắt viên đạn trên phim. Bạn có thể thấy viên đạn dừng lại ở giữa không trung, không di chuyển. Nhưng nếu bạn nhìn kỹ vào bức ảnh, bạn có thể nói rằng viên đạn này vẫn còn di chuyển, mặc dù có vẻ như dừng lại trong không gian.

Điều này cũng giống như tâm chúng ta đang có mặt. Nếu bạn lấy máy ảnh "tâm không-biết" của bạn trước khi suy nghĩ xuất hiện, và cảm nhận được chỉ là một niệm, rất sâu sắc, rất rõ ràng, bạn sẽ thấy "viên đạn tâm" này không di chuyển. Bạn thấy tất cả mọi thứ không di chuyển. Cả thế giới này không di chuyển. Thật là rất thú vị! Tâm của bạn và toàn thể vũ trụ này có cùng bản thể. Khởi nguyên tất cả mọi thứ hoàn toàn tĩnh lặng và không di chuyển. Kinh Hoa Nghiêm nói: "Tất cả các Pháp khác nhau và về cơ bản vẫn tồn tại." Đây là điểm giống nhau. Sự tĩnh lặng đơn giản chỉ là tâm niệm của chúng ta: Một giây chia cho thời gian vô hạn. Đôi khi chúng ta gọi đó là sát na thế giới. Đó là thời gian vô hạn và không gian vô cùng, mà thực sự không có thời gian hoặc không gian gì cả.

Vì vậy, bài kệ này có đầy chất thơ rất thú vị về Pháp tánh và tính chất phổ quát. Nhưng đây chỉ là lời nói đẹp, và thậm chí lời giáo hóa của Đức Phật cũng không thể giúp cuộc sống của bạn, nếu nó không hoàn toàn trở thành của bạn. Vậy thì bản thể vũ trụ từ đâu đến? Năng lượng vũ trụ xuất hiện nơi đâu? Nó đến từ sự tĩnh lặng hoàn toàn. Một ở trong hết thảy và hết thảy ở trong Một. Vì vậy, tất cả các pháp hiện hữu. [Đập gậy thiền xuống bàn]. Tất cả mọi thứ xuất hiện từ sự tĩnh lặng hoàn toàn. [Đập gậy thiền xuống bàn].

Tất cả mọi thứ xuất phát từ một điểm này. Đôi khi điểm này được gọi là bản thể vũ trụ, hoặc năng lượng, Phật, Chúa, hay ý thức, hoặc thánh thiện, hoặc tâm, hoặc tuyệt đối. [Đập gậy thiền xuống bàn].

Tất cả chỉ là các tên gọi, và tên gọi đến từ suy nghĩ. Nhưng khởi thủy, sự tĩnh lặng này hoàn toàn không có tên gọi và không có hình thức dù bất cứ thứ gì. Bởi vì nó trước khi suy nghĩ. Tuy nhiên, nó hiện diện trong tất cả mọi thứ, và tất cả mọi thứ đều có nó.

Trong thiền có một Công án nổi tiếng : Vạn pháp trở về Một. Một về nơi nào? Nếu bạn đạt được điểm đó [Đập gậy thiền xuống bàn], bạn đạt được Một, và bạn đạt được tất cả mọi thứ. Điều đó có nghĩa là bạn đạt được khoảnh khắc. Bạn đạt được sự tĩnh lặng và sự tịch diệt hoàn toàn. Nhưng sự hiểu biết giới hạn của trí khôn về điều này không thể giúp bạn. Chỉ thực hành thiền mới có thể cho bạn trải nghiệm một cách trực tiếp. [Đập gậy thiền xuống bàn]. Khi trải nghiệm hoàn toàn trở thành của bạn, bạn tỏ ngộ, thấu đạt trí tuệ. Đó là giáo lý của Bài ca Pháp Tánh này vậy.

Duy Thức Luận và Nghiệp (The View of Mind-Only and Karma)

Mười tám giới:
Sáu căn: Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý.
Sáu trần: Sắc, Thinh, Hương, Vị, Xúc, Pháp.
Sáu thức: Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức, Ý thức.
-Mạt na Thức (Phân biệt)
-A lại da thức (Tàng thức)
Hiện báo: Kết quả đã nhận trong đời này. Thuận báo: Kết quả nhận lãnh ở đời kế tiếp. Thuận hậu báo: Kết quả nhận lãnh ở những đời sau nữa.

Tứ Sanh : Thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh.

Sáu nẻo Luân hồi:
Trời, ---------- (+30)
A tu la,---------- (+20)
Người, ---------- (+10)
Súc sanh,---------- (0)
Ngạ quỷ, ---------- (–10)
Địa ngục, ---------- (–20)
(+10) – (+5) = (+5) A (+3) (–5) – (–3) = (–2)

(+15) – (+5) = (+10) B (–15) (–30) – (–5) = (–25)

Nhân loại chúng sinh xuất hiện trên thế giới này mang một hình thể vật lý. Tuy nhiên, cơ thể của chúng ta không phải là “Tôi”. Một cái gì đó bên trong điều khiển cơ thể của chúng ta. Tên của nó là thần thức hay tâm. Một số người gọi là tinh thần, ngã, hoặc tánh. Những người khác gọi nó là ý thức, thần hồn hay hữu thể. Nhưng khởi thủy nó không có tên gọi và không có hình thức. Ngay cả nó không phải là một vật. Trong phần này, vì lợi ích của buổi giảng thuyết, chúng tôi chỉ đơn giản gọi nó là Tâm Thức hoặc Tánh biết.

Tâm thức con người rất tỉ mỉ và phức tạp. Nó giống như một máy vi tính cao cấp. Nhưng tâm thức này luôn luôn lưu chuyển xung quanh và xung quanh. Nó có thể đưa

chúng ta từ thiên đường xuống địa ngục trong một khoảnh khắc suy nghĩ. Bởi lẽ tất cả mọi người đều có thể tạo ra một nguyên nhân chính, gặp gỡ một điều kiện duyên và cho ra một kết quả. Sau đó chúng ta nhận được một số loại đau khổ hay hạnh phúc. Nhưng ngay cả điều này dẫn đến cảm xúc hay trạng thái của tâm luôn luôn thay đổi không tồn tại. Nó chỉ đơn giản là trở thành nguyên nhân tạo ra cái gì khác. Vì vậy, tâm thức của chúng ta rất phức tạp và vi tế, nó tạo thành một loại động vật cao nhất của tất cả các loài động vật. Nó luôn luôn lang thang trong sáu cõi luân hồi: Trời, A tu la, người, súc sinh, quỷ đói và địa ngục. Nó tạo ra đau khổ cho mình, cho người và cho tất cả chúng sanh. Do vậy bản chất và cấu trúc của tâm thức này là gì?

Tất cả các loại cây đều có căn rễ. Nếu không có rễ, cây không thể đứng vững và sẽ bị chết sớm. Con người cũng vậy, thân thể chúng ta có sáu giác quan, Đức Phật gọi đây là sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Mắt nhìn, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân xúc chạm và ý nhận thức. Chỉ nói về các giác quan hoặc sáu căn này, chúng ta tạo ra một cái gì đó, mới có bên trong, bên ngoài và "tư duy" xuất hiện. Vì vậy, sáu căn tiếp xúc những gì bên ngoài gọi là sáu trần. Sáu trần tương ứng với sáu đối tượng nhận thức của sáu căn: màu sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, cảm giác, và đối tượng của tâm.

Vì vậy, mỗi một trong sáu căn có từng loại nhận thức. Nếu không có nó thì không thể làm nhiệm vụ bởi chính nó. Thí dụ một người có đôi mắt bị bệnh nên không thể phân biệt được màu sắc cảnh vật. Tên gọi điều này là mù màu. Hoặc nói một cách khác, nhãn thức của người này không hoạt động đúng chức năng. Có mắt hoặc tai, hoặc mũi chưa đủ: mỗi căn cần có sự nhận thức tương ứng để làm công việc của nó. Hơn nữa, mỗi nhận thức phải hoạt động hài hòa với căn tương ứng của nó để tạo ra một cảm giác hoàn toàn.

Chúng tôi thường kể câu chuyện này: Vào một mùa Thu, cách đây khá lâu, tại chùa Tu Đức (Su Dok Sah) Hàn Quốc, Tăng chúng phải thu hoạch loại ớt cay chín đỏ để chuẩn bị thực phẩm hằng năm cho khóa nhập thất mùa Đông. Tất cả chư Tăng ai cũng mang một túi vải bố lớn và tản ra cánh đồng, cúi xuống các hàng ớt, lựa những trái chín đỏ hái cho vào bao vải của họ. Nhà chùa đã quy định chỉ thu thập ớt chín và để lại những trái còn xanh cho sau này. Tuy không có ớt chín rộ, nhưng có một sư rất giỏi, hái thật nhiều. Tất cả những người khác chỉ có thể hái chưa được nửa túi. Nhưng túi xách của nhà sư này đã nhanh chóng tràn đầy, đến nỗi ông khó có thể đóng nó lại. Mọi người đều nói: –Thật tuyệt vời! Làm sao bạn hái được nhiều thế? ‖

–Ồ! Không có gì hết, ông nói. Vì chỗ tôi hái, tôi thấy có rất nhiều ớt chín hơn. Vị sư trú trì đang đứng đó, thấy vậy cũng thực sự tán thán với công việc siêng năng của nhà sư này. Sau đó, nhà sư này mang bao ớt của mình đến sân gần nhà bếp và trút hết nó ra. Nhưng có rất ít ớt chín đỏ, đa số chỉ là ớt xanh. Vị trú trì bèn đập anh ta một gậy mà ông dùng chống đi bộ và nói: – Thật sai lầm! Chúng ta chỉ cần ớt chín đỏ. Những ớt còn xanh nó thực sự chưa chín thì hái làm gì? Nhưng thay vì nhận ra lỗi của mình, nhà sư nói: –Bạch thầy, con vẫn thấy đó là ớt chín đỏ! Sau đó tất cả mọi người hiểu ra: "A! Nhà sư này không ngu ngốc. Anh ta chỉ bị mù màu!" Ha ha ha! (Tiếng cười từ hội chúng.)

Trên đây là một câu chuyện rất thú vị. Có mắt không thôi là chưa đủ. Vị sư này có hai mắt, nhưng đôi mắt bị chứng bệnh loạn sắc. Do đó sự nhận thức của mắt (Nhãn thức) bị lệch. Có tai cũng chưa đủ. Một số người có hai lỗ tai, giống như mọi người khác, nhưng nhận thức của tai (Nhĩ thức) của họ không làm việc, và vì vậy họ bị lãng hoặc điếc. Đôi khi bạn bị cảm lạnh, và mũi bị nghẹt không thể ngửi được mùi gì, thậm chí lưỡi của bạn cũng vậy, không thể thưởng thức những món ăn ngon. Như vậy một số căn bệnh đã là nguyên nhân gây ra làm cho mất cân bằng, do đó nhận thức của mũi (Tỷ thức) và nhận thức của lưỡi (Thiệt thức) đã biến mất. Các giác quan có một số chức năng nhận thức để tạo ra một kết quả. Nếu nhận thức này không hoạt động, hoặc chức năng không hài hòa với giác quan của nó, sau đó nó bị mất cân bằng trong nhận thức.

Tôi có một người bạn ở Osaka, Nhật Bản. Ông là một người đàn ông Hàn Quốc tên là Lee. Ông Lee rất thông minh nhưng bị mù. Ông hiểu rất nhiều điều. Một lần khi tôi ở nhà ông ta, ông đã "đọc"được một bản sao của kinh Kim Cương. Trên thực tế, ông chỉ từ từ mò mẫm lật từng trang của một bản in Kinh Kim Cương mà ai đó đã biếu cho ông như một món quà từ nhiều năm trước. Bản in theo lối chữ Trung Quốc cổ hiếm có, và ông Lee thường thích cảm nhận bản viết trên tấm giấy da cũ mà ông có thể "đọc"những ấn tượng rất mờ nhạt đã in từ các bản khắc gỗ. Vì vậy, lần đầu tiên, tôi không thể hiểu ông có đọc được kinh sách hay không? Làm sao có thể đọc được với một người mù? Nhưng ông đang ngồi ở đó, lật từng trang và giữ cuốn sách như thể ông đang đọc! Vì vậy, tôi muốn thử xem khả năng người bạn cũ của tôi. – Này ông Lee, bạn đang đọc Kinh Kim Cương phải không? Thật là tuyệt vời. Nhưng quyển Kinh của bạn bị lộn ngược rồi ! – Ô! Tôi xin lỗi, ông nói rồi quay ngược quyển Kinh lại.

Nhưng ông đã thoáng hiện vẻ ngạc nhiên kỳ lạ trên khuôn mặt của mình. Ban đầu, ông đang cầm quyển Kinh này một cách chính xác, cho nên tôi tưởng rằng ông thực sự không biết cái nào là đầu đuôi, cầm chỉ để cầm. Nhưng sau một vài phút tôi nói với ông:– Ồ, không, tôi xin lỗi. Bạn đã cầm quyển Kinh đó rất chính xác ngay trước khi tôi thử bạn. Tôi đã làm cho bạn sai. – Vâng, tôi đã chú tâm làm đúng như vậy mất nhiều thời gian. Bạn nghịch quá lắm Thiền sư ạ! Vẻ ngạc nhiên trên khuôn mặt của ông biến mất. Sau đó, tôi biết: Ban đầu, ông có thể chú tâm để hiểu những gì là đúng hay không, mặc dù ông không thể nhìn thấy. Ông có thể cảm nhận đúng cách để cầm quyển Kinh. Sự hiểu biết và trí nhớ của ông rất bén nhạy. Ông có một cái tâm rất thông sáng.

Một ngày, chúng tôi đã nói chuyện với nhau về một số bạn bè chung, những gì họ đã trải qua trong cuộc sống. Đôi khi tôi không thể nhớ một số chi tiết về người nào, hoặc những vật mà chúng tôi đã cùng quen nhau. Nhưng "tâm máy điện toán" của ông Lee không bao giờ bỏ lỡ bất cứ chuyện gì. Ông nghe một điều nào thoáng qua là nhớ mãi. Chẳng hạn như ông A được sinh ra tại thành phố đó. Mẹ ông ta tên là như vậy, ông ấy đã đi đến nơi này và vào trường học đó. Ông ta tốt nghiệp vào năm đó. Em gái của ông kết hôn với người đàn ông tên đó từ thành phố này như vậy, như vậy. Tôi quên hết các chi tiết này từ lâu, nhưng ông Lee nhớ tất cả mọi thứ như thể ông đã nghe vào buổi sáng này! Vì vậy, tôi hỏi ông ta: – Bạn Lee, làm thế nào bạn có thể nhớ rất dai tất cả những điều đó? – Tôi có trí năng nhớ dai, khi nghe qua những gì chỉ một lần thì không

bao giờ quên mất chúng. ‖ Thật là thú vị. Tôi đã từng gặp gỡ ông ấy thường xuyên hơn khi ông sống tại thủ đô Seoul, Nam Hàn, từ nhiều năm trước. Bạn bè đến nhà chơi một cách bất ngờ và khi bấm chuông, ông Lee ra mở cửa. Ông không đợi họ chào hỏi ông, thì ông đã chào đón họ trước bằng tên gọi. – Ồ! Ông Park! Bạn khỏe không? – Chào ông Kim. Dạo này thế nào? – Ồ ! Ông Chang, vẫn khỏe chứ? Ngay cả khi một số người cùng đến họp mặt chúc tụng ông trong lễ mừng gì đó, ông ấy xoay trở và giải quyết từng người cùng gia đình của họ và tên tuổi được ông nêu ra. Ông có thể làm điều này ngay cả khi khách đến mà không báo trước. Làm thế nào ông có thể biết được như thế?

Chẳng hạn trong khi ông chỉ có thể gặp ông Park một lần, cách đây vài tháng, qua một cuộc nói chuyện ngắn với ParK. Nếu gặp người chưa quen có lẽ chỉ là một câu chào “Hello!” xã giao thôi. Nhưng khi cánh cửa mở ra, ông Lee ngay lập tức nhận ra Park, và nhớ

cả tên nữa. Thật là lạ, bạn biết không? Ông là một người mù. Không chỉ có vậy, những người đó đối với chúng ta trải qua một thời gian thường khó nhớ tên của họ. Bề ngoài chúng ta đang mỉm cười, và chỉ nói – Ồ, xin chào! Bạn khỏe không? Thật vui mừng khi gặp lại bạn! Nhưng bên trong chúng ta đang suy nghĩ – Đây có phải là ông Park, ông Kim hay ông Song? Tôi không nhớ tên nữa...Như vậy chúng ta đã quên. Nhưng với ông Lee, bạn của tôi không bao giờ quên bất cứ điều gì.

Có lần tôi hỏi ông: – Làm thế nào mà bạn có khả năng này? Chúng ta chỉ gặp ông Park có một lần cách đây vài tháng. Và chúng ta chỉ nói chuyện với Park trong một vài phút. Nhưng bạn có thể mở cửa và ngay lập tức bạn nhận ra anh ta, ngay cả trước khi anh ta mở miệng. Sao bạn hay thế nhỉ !?

Ông Lee không đáp lại liền. Ông chỉ trỏ vào mũi của ông. Mũi của ông rất thính hơn mũi của một con chó. Ông nói: –Tôi mở cửa, và nó mang theo mùi vào trong, sau đó tôi nhận ra và hiểu. Ồ! Đó là ông Park như vậy-và-như vậy, hay là có ông Kim như vậy-và-như vậy. Mũi của ông ta rất bén nhạy. Đó là lý do tại sao tôi thường bảo rằng nếu bạn sử dụng đôi mắt của bạn để nhìn và hiểu thế giới này, bạn luôn luôn mất rất nhiều năng lượng. Đôi mắt có thể sử dụng tám mươi phần trăm toàn bộ năng lượng của bạn. Nếu bạn thường nhắm mắt lại, hoặc bạn bị mù, thì sự kiểm soát những gì bạn nhìn, sau đó tất cả năng lượng của mắt chuyển đến mũi và tai của bạn. Vì vậy, đối với ông Lee, nhận thức của mắt không làm việc được, nhưng nhận thức của tai và mũi rất mạnh mẽ.

Một số quý vị có lẽ đã từng xem bộ phim Nhật Bản nổi tiếng về một nhà sư mù Sata-Ichi. Ông được gọi là Hiệp khách mù (Samurai). Sato-Ichi là một vị Đại Bồ tát. Mặc dù ông thường sống với thiên nhiên rất yên tĩnh và khiêm tốn giản dị. Ông đã sử dụng các kỹ năng của một hiệp khách với thanh kiếm của mình, chỉ để giúp đỡ người khác. Ông không thích chiến đấu với bất cứ ai và ở đâu, nhưng nếu có ai bị hại, cần sự giúp đỡ, Sato-Ichi ngay lập tức ra tay nghĩa hiệp, tham gia vào trận chiến quyết liệt để bảo vệ họ.

Chẳng hạn có một vài kẻ xấu đến chùa gây ra rắc rối bất an, hoặc ông đi ngang qua những kẻ cướp tiền của người dân dọc đường. Thì sau đó, thanh kiếm của ông mới tuốt ra khỏi vỏ. Rất nhiều đối thủ quyết tấn công ông từ trước mặt hoặc hai bên, thậm chí cả sau lưng ông, với những thanh kiếm chém vào từ mọi phía. Nhưng không ai có thể chạm được vào thân ông! Sato-Ichi không thể nhìn thấy bất cứ vật gì với đôi mắt của mình, nhưng đôi tai và thanh kiếm của ông rất bén nhạy. Mặc dù ông hoàn toàn bị mù, và đôi khi chiến đấu

tiếp cận để bảo vệ với những người cần ông giúp đỡ. Thanh kiếm của ông không bao giờ bỏ qua kẻ xấu, cũng không bao giờ đánh lầm người. Và Sato-Ichi luôn luôn tấn công vào các yếu điểm quan trọng nhất, chỉ với một nhát kiếm. Ông không lãng phí thời gian. Ông không giết một ai, trừ khi ông bị bắt buộc thách thức, nhưng thay vào đó là một đòn bí hiểm cảnh báo, chỉ làm đối thủ bị tổn thương nhẹ trong một thời gian ngắn nhất và không ra tay sát hại.

Làm thế nào ông có thể thực hiện được điều này? Sự trải nghiệm cảm giác về âm thanh, tiếng gió và mùi tạo ra khi tiếp xúc cơ thể và hành động đối phương đã diễn bày,ông đều biết rõ tất cả. Vì vậy, nhận thức của tai, của mũi và của thân hơn đôi mắt sáng của bất kỳ người nào!

Điều này cho chúng ta hiểu rằng, nếu bạn tập trung năng lượng của bạn, bạn có thể làm bất cứ điều gì. Đôi khi bạn không thể nhìn thấy, hoặc nghe, hoặc nói chuyện. Nhưng năng lượng này đi đến bất kỳ một số giác quan còn linh hoạt, bạn trở nên rất bén nhạy, tỉ mỉ. Nếu bạn không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ngay cả không tâm, thì sau đó "tâm– ánh sáng" được chiếu sáng ở khắp mọi nơi.

Vì vậy, con người có sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý), sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), và sáu thức (nhận thức của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và nhận thức của ý). Tất cả Căn + Trần + Thức cùng nhau tương tác tạo thành mười tám giới. Chúng ta dành toàn bộ cuộc sống của chúng ta đi lang thang trong mười tám lãnh giới này, chính nó tạo ra hạnh phúc và khổ đau, đến và đi, đây và đó v.v….

Mười tám giới này tạo ra toàn bộ vũ trụ mà chúng ta đang sống. Nhân loại chúng sanh không thể thoát khỏi chúng bởi sáu giác quan tự chúng nhận thức. Thay vì bị kiểm soát và dính mắc với chúng, tất cả các pháp luôn luôn sanh và diệt qua mười tám lãnh giới này. Do vậy, đôi khi vào ban đêm chúng ta có những giấc mơ. Nhưng mười tám lãnh giới này không có lãnh giới giấc mơ: Chúng đến từ các giác quan độc lập của chúng ta, nơi có mỗi chức năng làm việc khi chúng ta thức dậy. Như vậy những giấc mơ đến từ đâu? Có một lãnh giới giấc mơ khác, nghĩa là có một loại nhận thức khác cũng đang hoạt động trong tâm chúng ta.

Một em bé được sinh ra trong cõi đời. Sáu nhận thức xuất hiện trong một hình dạng của con người còn phôi thai. Bé có hai mắt, hai tai, hai lỗ mũi, cái miệng, thân và ý, nhưng tâm thức đã không khởi động tinh tế tỉ mỉ. Toàn bộ cuộc sống của bé lúc đó chủ yếu tập trung vào cảm thọ và tri giác. Cho đến khoảng một tuổi, bé có cảm giác đói, bé khóc–Oa!

Oa! Cho bé bú sữa và sau đó bé tập đi – A! Khi bé mắc tiểu, cảm giác của một bàng quang đầy nước khó chịu, vì vậy bé tiểu tự nhiên. –A! Sau đó, bé cảm thấy khá hơn. Tâm thức bé chỉ đơn thuần là một bọc gói các cảm giác non nớt thô thiển. Bé không có ý thức rõ ràng. Trong hai năm đầu tiên, bé chỉ hấp thụ tất cả những cảm thọ và tri giác tự phát ra hành động tự nhiên.

Nhưng về lâu sau, bé nhận thấy sự khác biệt giữa cảm giác mà bé thích và không thích, tốt và xấu, tâm thức của bé bắt đầu được phát triển dần dần. Khi mẹ đến, bé vui mừng. Nếu người lạ xuất hiện, bé tỏ ra khó chịu. Bé chỉ nghĩ: –Tôi thích mẹ. –Tôi thích bố. Nếu mẹ chơi với bé, bé sẽ đồng tình. Nếu một người nào lạ muốn làm quen với bé, bé thường tỏ thái độ "Không, không. Tôi không thích. Tôi không thích. Oa! Oa!"‖ Sau đó mẹ xuất hiện, và một lần nữa bé rất hạnh phúc. Đây là sự khởi đầu của thức thứ bảy (Mạt-na thức), phân biệt đối xử tốt với xấu, thích với không thích.

Thức thứ bảy này chỉ là một loại nhận thức phát triển yếu ớt hơn cảm giác và xuất phát từ những cảm xúc: "Tôi thích cái này, tôi không thích điều đó." Trước đây, chúng tôi mô tả sáu thức ban đầu chỉ là những ý muốn thô sơ, hành động non nớt. Nhưng tất cả các khả năng phân biệt từ phản ứng cảm xúc mang đến, chúng ta học được cách tạo ra toàn bộ thế giới. Tuy nhiên, vẫn không có gì thực sự được gọi là bộ nhớ chính thống. Như em bé chỉ nhớ lại cảm giác đơn giản và những gì nó thích hoặc không thích về chúng.

Khi thức thứ bảy được phát triển, tâm của chúng ta bắt đầu thiết lập những ấn tượng vào một số chỉ dẫn phân biệt. Chúng ta quá cẩn thận hơn về những gì đã thấy và đã nghe, về những gì chúng ta thích và không thích. Đây là sự khởi đầu của thức thứ tám, hoặc bộ nhớ, được gọi là Tàng thức (kho chứa nhận thức). Bởi vì trong tàng thức này lưu trữ tất cả mọi thứ mà chúng ta đã từng suy nghĩ, nghe, thấy, hoặc đã hành động. Nó giống như một máy vi tính. Mỗi một điều gì chúng ta trải nghiệm, hoặc tạo ra được "ghi lại" và tích trữ trong ổ đĩa cứng. ‖

Máy vi tính của con người rất tỉ mỉ chi ly, không bỏ sót một điều nào, nó ghi dấu rất rõ ràng những hành động, những cảm thọ, những trải nghiệm và những nhận thức từ đời này sang đời khác. Khi một điều gì đó xuất hiện qua một trong sáu thức của chúng ta, nó được thức thứ bảy so sánh phân biệt với cái gì khác mà chúng ta đã từng làm. (Chẳng hạn, khi xem ca nhạc, mắt thấy sân khấu dàn cảnh, nhìn dáng vẻ nghệ sĩ, tai nghe nghệ sĩ hát ca, thưởng thức âm nhạc. Nếu thích thì vỗ tay tán thưởng, hoặc không thích thì la ó om sòm.) Sau đó tất cả mọi thứ được ghi chép vào tàng thức, thậm chí ngay cả khi chúng ta không nhận thức điều đó rõ ràng, (ban đêm nhìn sợi dây thừng tưởng là con rắn). Như

vậy, những suy nghĩ, những hành động tốt và xấu, thức thứ tám dung chứa tất cả. Đây là trung tâm tri thức của chúng ta. Nó là lãnh vực của bộ nhớ tinh khiết.

Sau đó, vào ban đêm, bạn ngủ không còn nhìn thấy, hoặc nếm trải, hoặc cảm giác, hoặc nghe biết. Bạn không tham gia vào tư duy có ý thức. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý ngưng hoạt động, trừ khi một số cảm giác mạnh xuất hiện. Chúng tôi nói sáu thức của bạn

ngừng nghỉ, nhưng thức thứ bảy và thức thứ tám này không bao giờ ngưng làm việc. Tâm mong muốn, cảm giác của bạn không còn hoạt động, nhưng những cảm xúc và trí năng của bạn vẫn tham gia. Trong khi bạn đang ngủ, thức thứ bảy và thức thứ tám vẫn hoạt động, vì vậy bạn trải nghiệm tất cả những hình ảnh này trong mơ, những cảm giác và những cảm xúc đã được thiết lập thông qua kinh nghiệm và năng lực của thói quen. Có thể bạn bay trên bầu trời, hoặc nói chuyện với bà ngoại của bạn đã qua đời trong những năm về trước. Bạn chiến đấu với quái vật và kẻ xấu, gặp gỡ nhiều người, hoặc đi đến những nơi vui thích. Bạn trải nghiệm suốt thời gian, ngay cả trong trường thiền mà bạn thường tu tập.

Thỉnh thoảng bạn lên cơn buồn ngủ trong lúc ngồi thiền. Bạn ngủ gật trong giây lát, nhưng trong thời gian rất ngắn đó, bạn thấy mình đi đến New York, gặp một người bạn cũ, biến đổi vóc dáng tuổi tác của bạn, hoặc đi đến San Francisco hay Warsaw. Có thể bạn chiến đấu với một người đàn ông xấu, hoặc đi thăm gia đình của bạn. Trong khoảnh khắc đó, mười tám lãnh giới của bạn không hoạt động dù là một giây khi bạn rơi vào giấc ngủ. Nhưng thức thứ bảy và thức thứ tám của bạn vẫn bận rộn ở lại và chúng cùng hành hoạt với nhau. Những gì bạn nhận được từ một số bộ nhớ mạnh mẽ hoặc hình ảnh cảm giác xuất hiện trong tâm bạn, thông qua sự tương tác nguyên nhân và kết quả của thức thứ bảy và thức thứ tám. Hình ảnh cảm giác này dường như thực sự bạn đang tham gia với nó. Đây là bản chất của giấc mơ.

Vì vậy, điều quan trọng phải hiểu rằng bản chất của những giấc mơ chỉ đơn giản là những điều chúng ta đã từng trải nghiệm, được chép ra cất giữ trong kho tàng thức của chúng ta. Tôi đã nói về người bạn rất tốt của tôi, ông Lee. Một hôm tôi hỏi ông: – Này bạn Lee, bạn đã bị mù từ khi mới sanh. Như vậy, bạn đã không bao giờ nhìn thấy đối tượng và sự vật. Nhưng khi bạn ngủ, bạn có những giấc mơ không? Ông nói: “Tôi là con người, dĩ nhiên tôi có những giấc mơ chứ!” Chính điều này làm tôi phân vân nên hỏi tiếp: –Ồ! Thế thì bạn có thể nhìn thấy hình ảnh dân chúng, cảnh vật núi non, nhà cửa, màu sắc khác nhau và nơi chốn cũng như một bầu trời trong giấc mơ của bạn không? –Không, tôi không hiểu điều đó. Tôi không thể nhìn thấy những gì như bầu trời. –Nhưng bạn nói bạn có những giấc mơ. Tại sao bạn không thể nhìn thấy bầu trời?

–Bởi vì tôi chưa bao giờ thực sự nhìn thấy bầu trời, do đó, nó không xuất hiện trong giấc mơ của tôi, nhưng tôi nghĩ rằng nó phải xuất hiện cho bạn. –Ồ! Như vậy bạn mơ thấy những gì? –Vâng, tôi mơ thấy mình đi bộ, ăn uống, nói chuyện, ngồi nằm, mặc quần áo, tắm vòi sen. Những điều như thế.

Vì vậy, đây là điều rất thú vị. Ông Lee kể cho chúng ta về bản chất của những giấc mơ: Chúng đến từ đâu và làm thế nào chúng hoạt động? Giấc mơ của chúng ta chỉ là những điều mà chúng ta đã có trải nghiệm qua mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý của chúng ta được ghi chép trong bộ nhớ của chúng ta. Khi chúng ta không có nhãn thức, thì cũng không thể “thấy” các đối tượng trong những giấc mơ của chúng ta. Có lẽ trong chúng ta ít ra ai cũng thấy một người điên. Điều này cho thấy “tâm năng lượng” của họ mất cân bằng. Khi tâm bị mất cân bằng tức là ý thức mất cân bằng. Họ chỉ đuổi theo một số ham muốn ảo tưởng quá mạnh mẽ và vì thế các thức của họ không thể hoạt động hài hòa

với nhau. Các thức lột bỏ (peel away) hoặc tách rời từ mỗi cái khác. Nhất là ý thức, mạt-na thức và a-lại- da thức không cân bằng thì không thể kết nối nhau, do đó khiến họ mắc bệnh tâm thần.

Khi bạn thấy người nào đó trên đường phố nói lảm nhảm một mình. Không có ai ở đó, nhưng người này có lúc cười và cử chỉ biểu lộ như thể đang nói chuyện với một người khác thực sự. Có lúc họ tin rằng thân họ có thể bay lên trời. Đôi khi họ không quan tâm đến cơ thể của họ, họ cởi quần áo của mình trước công chúng, hoặc làm những động tác chiến đấu với ma quỷ tưởng tượng. Các thức đã trở thành tách biệt vì những người này đuổi theo một số ham muốn mạnh mẽ để loại trừ tất cả những thứ khác (họ bị hoang tưởng do thất vọng, thất chí, hoặc thất tình).

Nhưng các thức này luôn luôn muốn kết nối với nhau. Vì vậy, thức thứ sáu của họ muốn “nói chuyện” với thức thứ bảy. Và thức thứ tám dung chứa những hình ảnh giấc mơ từ những hành động đã trải nghiệm trước đây, cũng muốn “nói chuyện” với những thức khác. Thức thứ tám không cân bằng bởi những thức khác. Chẳng hạn nó không cân bằng bởi ý thức, mà thực sự nhìn thấy, nghe thấy, ngửi biết và nếm biết thế giới xác thực như nó hiện hữu. Thức thứ tám chi phối tất cả mọi thứ, vì vậy tất cả những hình ảnh mộng mơ xuất hiện và họ tin chúng là thật. Bởi vì Họ không còn tin vào mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và tâm của mình, mà là từ thức thứ sáu (ý thức). Hầu hết mọi người có ít nhất một chút điên, bởi vì các thức của con người đôi khi căng thẳng (stress) có một chút mất cân bằng. Nhưng người thực sự điên là người trước hết bị trầm cảm, đã trải qua sự mất cân bằng giữa các thức rất lâu và rất mãnh liệt, cho nên các thức không còn cộng tác cùng hành động hòa hài với nhau.

Vì vậy, Ý thức rất quan trọng để cân bằng tâm lực của bạn. Nó là một trong những lợi ích của việc thực hành thiền định, (chuyển thức thành trí). Nếu bạn luyện tập chăm chỉ, bạn có thể nhận được năng lượng tuyệt đối. Như một người nào đó dính mắc một cách chặt chẽ với sự ham muốn những điều gì đặc biệt của họ, sau đó họ tạo ra năng lượng mạnh mẽ cho điều đó. Giống như cố gắng làm cho hai cực dương trên hai thỏi nam châm bên nhau, điều này không thể không tạo ra một lực mạnh đẩy thỏi nam châm đi. Vì vậy, các thức trở thành tách biệt. Nhưng nếu bạn tu tập, năng lực “cực dương” hút lấy “cực âm” của bạn có thể kết nối với vũ trụ này. Bạn có thể đạt được sự cân bằng này trong tâm và trong đời sống của bạn.

Vì vậy, tu tập là điều rất quan trọng. Chúng ta tu tập như thế nào? Khi bạn đang làm một cái gì đó, chỉ làm điều đó. Đừng tạo ra bất cứ điều gì khác trong tâm bạn. Bất cứ khi nào bạn kiểm tra những cảm giác, điều kiện hoặc tình huống của bạn, rồi nắm giữ điều đó thì một số biểu tượng mất cân bằng sẽ xuất hiện. Bạn tạo ra năng lượng đối lập. Bạn ôm giữ một cái gì đó lâu hơn và sâu hơn, sự mất cân bằng trở nên lớn hơn và gây sự xáo trộn trong tâm bạn không thể kể xiết. Nhưng nếu bạn giữ tâm sáng suốt rõ ràng và không kiểm tra bất cứ điều gì, sau đó tất cả mọi thứ trong thế giới này không chướng ngại đối với bạn.

Có một Công án thiền nổi tiếng về điều này. Mỗi ngày, Thiền sư Thụy Nham (Soeng Am) thường hay đứng bên ngoài phía trước thiền đường, đối mặt với những ngọn núi xanh ở xa xa và ông nói với chính mình: –Ông chủ! Rồi tự đáp:– Dạ! –Giữ tâm sáng suốt nhé! –Dạ ! –Đừng bao giờ để bị lừa gạt nhé! ‖ –Dạ! Dạ! Đây có phải là hai tâm không? Có lẽ đó là loại hành vi mà người ta cho rằng thoáng một chút điên. “Ông chủ!” “Dạ !” “Giữ tâm sáng suốt nhé!” “Dạ!” “Đừng bao giờ để bị lường gạt nhé!” “Dạ, dạ!” Cái gì gọi là Ông chủ? Ông chủ trả lời những gì? Có hai Ông chủ, hoặc một? Có thể ai đó sẽ nói rằng Ông chủ lên tiếng gọi đây là ý thức thứ tám, và Ông chủ trả lời là ý thức thứ bảy? Bạn có biết Ông chủ nào trong đó không ? Hãy cẩn thận! Ha ha ha! (Tiếng cười từ hội chúng) Chúng ta có nhiều thức, Ý thức thứ sáu, Mạt-na thức thứ bảy và A-lại-da thức thứ tám. Cái nào là ông chủ thực sự của chúng ta? Nếu bạn hoàn toàn thấu đạt Công án này, bạn sẽ hiểu được chức năng chính xác các thức của bạn.

Một thiền sư nói với môn sinh của ông hãy bắt đầu tự hỏi mình mỗi khi thức dậy cho đến suốt cả ngày: –Ai là Ông chủ của thân này, và Ông chủ cư trú nơi nào? Có vị Tăng tu hành rất chăm chỉ với câu hỏi này, và một ngày ông ta đã tỏ ngộ. Thiền sư Kính Sơn cũng đã từng hỏi môn sinh của mình là Cao Phong: –Khi ông đang ngủ mê, một giấc ngủ thật sâu, thậm chí không mộng mị, vậy thì Ông chủ thật sự của ông ở đâu? Khám phá điều đó là công việc rất quan trọng. Bạn có thể tìm thấy nó không? Vì vậy, bạn phải tìm ra Ông chủ thực sự của bạn, Ông chủ nguyên sơ của bạn. Sau đó, bạn có thể cắt đứt giấc mơ đau khổ này.

Nhưng đôi khi chúng ta trải nghiệm những điều trong giấc mơ mà chúng ta không nhớ đã bao giờ trải qua khi tỉnh thức. Nếu những giấc mơ của chúng ta đến từ A-lại-da thức, làm thế nào để những điều quen thuộc này xuất hiện trong những giấc mơ của chúng ta? Chúng từ đâu đến ? Đôi khi bạn đọc những mẩu chuyện trong một cuốn sách, hoặc xem những đoạn phim hay trên truyền hình, hoặc để ý khuôn mặt của một người lạ trên đường phố. Có người kể cho chúng tôi nhiều câu chuyện về những nhân vật và địa danh cùng các sự kiện, mà chúng tôi sau đó quên đi.

Mỗi ngày chúng ta thấy rất nhiều, rất nhiều khuôn mặt trên tàu điện ngầm, trên đường phố, trong các cửa hàng, và trong trường học. Bạn có thể đã nhìn thấy một số phim hoạt hình trong thời thơ ấu của bạn, hoặc một số hình ảnh trong một tạp chí, các hình ảnh đó vẫn ở trong tâm thức kho chứa của bạn, thông qua sự nhận thức về chúng. Nhưng khi bạn ngủ, những hình ảnh đó gây ấn tượng mạnh mẽ cho bạn biết một người nào mà bạn bắt gặp ngày hôm nay. Không chỉ có vậy, tất cả mọi thứ bạn đã chẳng bao giờ hoạt dụng, hoặc có trải nghiệm trong những kiếp trước cũng được ghi nhận ở đây, kho chứa của thức này không bị ràng buộc bởi thời gian và không gian. Đây là điểm rất quan trọng. Chiếc máy vi tính cao cấp này không bao giờ mất bất cứ dữ kiện gì và dung chứa dường như vô tận. Có lần, trong khi tôi đang giảng dạy ở Kyoto, tôi muốn viếng thăm một ngôi chùa Hàn Quốc ở Osaka Nhật Bản. Nhưng không ai biết chính xác để đi đến được ngôi chùa này. Sau đó, một người trong nhóm nói: –Bạch thầy, ông Lee đang ở trong thị trấn gần đây. Có thể ông ấy cho thầy biết cách nào để đến được ngôi Chùa ở Osaka. Đây là một ý kiến khá hay. Vì vậy, tôi đi đến nhà nơi ông Lee đang ở và gõ cửa.

Ông Lee liền mở cửa. Trước khi tôi có thể mở miệng thì ông đã nói: –Ô! Thiền Sư! Dạo này thầy ra sao? –Cảm ơn tôi vẫn khỏe. Còn bạn thế nào hả Lee?

–Tôi cũng vậy. Vào đi, vào đi. Chúng tôi thăm hỏi nhau trong giây lát, và sau đó tôi nói: –Tôi muốn viếng thăm ngôi chùa Hàn Quốc của chúng ta ở Osaka. Bạn có thể nhờ ai lái xe đưa giùm chúng tôi tới đó được không? –Ồ, được thôi ! Không thành vấn đề. Tôi sẽ đưa các vị đi. Hãy theo tôi! ‖

Như vậy, đây là những người có mắt sáng đi theo một người mù. Tình huống thật thú vị. Ha ha ha! (Tiếng cười từ hội chúng) Nhiều người có mắt, nhưng họ không hiểu ngay cả những điều đơn giản nhất. Nhưng đôi mắt của ông Lee là đôi mắt hoàn toàn không trở ngại. Ông Lee đã quyết định đưa chúng tôi đi bằng taxi. Chúng tôi rời khỏi nhà và đi bộ ra ngoài đường phố. Ông nói: –Tôi biết bến đậu taxi gần đây khá tốt. Vì vậy, chúng tôi đi bộ xuống phố, quẹo trái rồi quẹo phải, đi lên một vài khu nhà, và băng qua đường. Xuống gần giữa lốc đường, ông biết chính xác nơi chân cầu, mặc dù nó không phải là một ngã tư. Ông xoay mình lại và bước lên đó mà không chút do dự. Tôi không thể tin được! –Này ông Lee, làm thế nào bạn biết được nơi đây là chân cầu ? –Ồ! Tôi thường đi bộ qua các cửa hàng bán cá, cho nên ngửi được mùi cá thoáng qua, để đi xuống con hẻm giữa hai tòa nhà phía sau nó, và kế đó là chiếc cầu quẹo sang phải, nửa đường đến trạm xăng. Thầy có ngửi thấy mùi xăng không? ‖

Tôi nhìn xuống đường, nhưng trạm xăng vẫn còn rất xa. Tôi cố gắng hít ngửi, nhưng không thể cảm nhận bất cứ điều gì, còn ông Lee đã ngửi thoáng thấy mùi xăng rồi! Sau khi vượt qua một vài khu phố, và xem hướng đi bộ dưới lòng đất với nhiều lối thoát hiểm, chúng tôi nhìn thấy chỗ taxi đậu. Tại Nhật Bản, các xe taxi thật tuyệt. Nếu bạn đứng ở phía bên lề phải của con đường, thì khi xe taxi đến, bạn không cần phải mở cửa. Tài xế bấm nút tự động cánh cửa mở ra từ bên trong. Chúng tôi đứng ở phía bên lề phải, khi xe taxi xuất hiện và mở cửa, tay của ông Lee đã nắm đúng tay cầm. Ông nắm rất chính xác, mà không cần phải mò mẫm bàn tay của mình dọc theo cánh cửa. Sau đó, chúng tôi bước vào trong xe. Lúc này ông Lee đã đeo kính râm, vì vậy người lái xe không biết rằng ông bị mù. Ngoài ra ông không bao giờ mang theo cây gậy trắng để dò đường mà người khiếm thị phải sử dụng. Ông không cần nó. Ông chỉ dẫn rất tỉ mỉ cho người lái xe bằng tiếng Nhật khá thông thạo. Đi đường cao tốc như vậy, như vậy, xuống đây, rồi đi qua ngã tư này. Quẹo bên phải chỗ tiệm bánh, và đi thêm hai “lốc” đường nữa, sau đó quẹo góc phải, rồi tới hai cột đèn ở hai bên trái và phải công viên. Suốt thời gian đi qua, người lái xe gật đầu đồng ý việc chỉ hướng chính xác của ông Lee. Chẳng mấy chốc chúng tôi đã đến chùa. Sau đó, tôi nói với ông ta bằng tiếng Hàn:

–Ông Lee, bạn bị mù. Bạn chưa bao giờ lái xe ở Nhật Bản, phải không? Nhưng làm sao bạn biết những con đường chính xác như vậy? –À ! Tôi từng đến đây dự Lễ Phật Đản một vài năm trước! ‖ Đây là một câu chuyện khá hay. Kho tàng thức của chúng ta không bao giờ mất bất cứ điều gì. Thậm chí bạn chỉ nhìn hoặc nghe hoặc trải nghiệm một cái gì đó qua thoáng chốc, nó sẽ nằm trong tàng thức mãi mãi, ngay cả sau khi bạn qua đời. Dù cơ thể của bạn sẽ biến mất, nhưng tàng thức của bạn không ngừng làm việc, nó sẽ đưa bạn đến một cảnh giới nào đó để chuyển đổi đời sống khác.

Nhiều người thường hỏi tôi: “Thưa thầy! Có thể cho tôi biết những gì trong cuộc sống tiền kiếp của tôi không?” ‖

Nếu bạn muốn biết tiền kiếp của bạn, chỉ cần nhìn kỹ trong cuộc sống hiện tại này. Bạn sống ra sao và thích làm những gì? Tất cả những điều này xuất phát từ nghiệp, những hành động và suy nghĩ được lưu trữ trong kho tàng thức của chúng ta. Cũng như vậy, mọi điều duy nhất mà bạn nghĩ và làm bây giờ trong đời này sẽ quyết định đời sống kế tiếp của bạn. Vì vậy, phải rất cẩn thận! Ha ha ha! Thật là thú vị.

Vài năm trước đây, có một môn sinh của tôi đã sanh ra cậu bé trai. Khi tôi giảng dạy tại Trung tâm Thiền New Haven, cô mang đứa bé đó đến. Cậu bé lúc ấy chỉ có bốn hoặc năm ngày tuổi. Bé nhỏ xíu và mắt vẫn nhắm. Nhưng bé thường mỉm cười. Bé không thể nhìn thấy mẹ hay bất cứ ai xung quanh mình, nên bé đã không phản ứng lại những người thích ngắm nhìn bé. Cho dù ngủ hay thức, khuôn mặt của bé luôn luôn rạng rỡ một nụ cười tươi. Bất cứ điều gì đang diễn ra xung quanh mình, bé chẳng màng để ý băn khoăn sợ hãi, hầu như bé không bao giờ thay đổi nụ cười này. Động thái ấy đến từ đâu? Em bé này vừa mới sanh và nghiệp của bé từ kiếp trước luôn tạo ra nụ cười hạnh phúc, hoặc là một diễn viên hài đã từng được mọi người thương yêu quý mến.

Vậy thì, khi chúng ta chết, chuyện gì sẽ xảy ra? Cơ thể của chúng ta không phải là “Tôi”. Nó chỉ là tổng hợp tạm thời của đất, nước, lửa và gió. Chúng tôi đã nói chuyện về điều này trước đây. Thời gian luôn trôi qua, và cơ thể của bạn, của chúng tôi bị bệnh và chết. Thân này trở về hư không. Nhưng thức thứ bảy và thức thứ tám không bao giờ chết. Chúng đi lang thang quanh quẩn sáu cõi luân hồi, tìm kiếm một ngôi nhà mới. Cuối cùng chúng nhận được căn thân mới theo nghiệp mà chúng đã tác thành. Với “Tâm thói quen”chúng đã chọn để làm theo. Những chủng loại và những điều kiện hiện hành đã hình thành cuộc sống. Điều này tạo ra cơ thể mới của chúng ta.

“Nghiệp tạo ra thân và thân tạo ra nghiệp.” Đây là lời dạy của Đức Phật. Nếu một người tạo ra các nghiệp thiện nhiều hay ít thì nghiệp thiện của họ được tích lũy sẽ đem đến cho họ kết quả được sanh lên các cõi trời, hoặc cảnh giới tĩnh lặng và hạnh phúc. Một số khác sẽ được tái sinh làm người.

Ngày nay, có nhiều người trên thế giới này chỉ chạy theo những ham muốn của mình và dành toàn bộ cuộc sống để đáp ứng những ham muốn nhục dục cho mọi thứ. Đây là tâm động vật: “Chỉ có tôi”, không quan tâm đến người khác. Một con chó không quan tâm đến tình huống con mèo, và một con rắn không quan tâm đến tình trạng của con chim. Con người cũng như vậy. Bởi vì loại nghiệp này tạo ra tâm địa như thế, có thể họ sẽ tái sinh trong cõi súc sinh. Bạn có thể xem chuyện đó diễn tiến ra sao, bất cứ khi nào bạn đi bộ xuống đường phố, bạn sẽ thấy rất nhiều về điều này.

Tất cả mọi người có khuôn mặt người, nhưng nếu trực giác của bạn rõ ràng, bạn có thể nhìn thấy bên trong, hầu hết mọi người có một số ý thức động vật thống trị họ. Họ có thể có một hình dạng con người ở bề ngoài, nhưng bên trong là tâm của một con rắn, hoặc tâm của một con chó, con mèo. Có lẽ tám mươi phần trăm tâm rắn và chỉ hai mươi phần trăm ý thức con người. Đó là quả nghiệp của họ.Tâm thói quen đã tạo ra

những hành động của họ và thậm chí những dính mắc về tinh thần từ kiếp trước và trong kiếp này. Họ chỉ theo nghiệp dẫn, vì nghiệp của họ luôn luôn kiểm soát họ, mà họ không thể nhận ra. “Tôi muốn điều này”.‖“Tôi muốn điều đó”. “Tôi thích người này”. “Tôi ghét người đó”. Những năng lực thói quen này được lưu trữ trong thức thứ tám. Nếu không tu tập, họ không thể trở về bản thể uyên nguyên. Nghĩa là phải có Tình yêu rộng lớn và lòng Từ bi bao la đối với tất cả chúng sanh. Cho nên sau khi chết, nghiệp của họ sẽ lôi cuốn vào sự tái sinh trong các cõi thấp của loài súc sanh, ngạ quỷ, hay địa ngục.

Nếu bạn gieo một nhân gì, bạn sẽ gặt lấy một quả đó. Đó là luật nhân quả trong thế giới này. Nó không phải đặc biệt. Đức Phật không phát minh quan điểm của nhân quả, nhưng Ngài chỉ dạy điều cơ bản này dựa trên sự chứng ngộ của Ngài trong thế giới hiện hữu. Khi Đức Phật đã giác ngộ, rõ ràng Ngài cảm nhận những con đường mà chúng sanh lang thang từ một loại tái sanh khác, đôi khi là người, đôi khi là súc sanh, đôi khi quỷ đói, luôn luôn gắn liền với những thứ họ ham muốn. Vậy làm thế nào bạn giữ cho tâm của bạn ngay bây giờ, tạo ra toàn bộ cuộc sống của bạn. Nó cũng tạo ra kiếp sống tiếp theo của bạn. Do vậy, kiểm soát nghiệp là sự tu tập rất quan trọng.

Tứ Sanh (Có bốn loại sanh):

Thai sanh. (Loại sanh ra thai)
Noãn sanh. (Loại sanh ra trứng)
Thấp sanh. (Loại sanh nơi ẩm thấp)
Hóa sanh. (Loại sanh từ chuyển hóa)
Muôn vật được sanh ra và sống theo nghiệp của chúng tạo thành. Con người và các loài động vật như bò, heo, dê, ngựa, chó, mèo v.v...có nghiệp vú, vì vậy chúng được sinh ra bằng thai. Chim, cá, gà, vịt, các loài bò sát, v.v... là loại sanh ra trứng. Trong khi vi khuẩn và các loài côn trùng sanh ra từ nơi ẩm thấp. Linh thần và các loại sâu bướm sanh ra từ biến hóa, di chuyển từ một lãnh vực này sang lãnh vực khác, như lửa được chuyển từ một ngọn nến khác thắp sáng. Chúng sanh tạo ra sanh và tử, vì vậy tất cả chúng ta bước vào thế giới này thông qua bốn cửa sanh trên. Đức Phật dạy rằng sanh ra đã là một sai lầm lớn. Làm thế nào chúng ta tạo ra những sai lầm này? Chức năng chính xác của lỗi này là gì? Làm sao chúng ta sử dụng sai lầm này để giúp chúng sanh? Đây là sự thực hành tu tập của chúng ta. Cửa nào sanh ra làm bạn thích? Ha ha ha!

Vì vậy, kho tàng thức của chúng ta có thể được gọi là một loại năng lượng. Khi cơ thể chúng ta chết, năng lượng này được chuyển sang hình thể khácthông qua một bào thai, một quả trứng, một nơi thấp sanh, hoặc biến hóa. Những kết quả hình dáng vật lý phụ thuộc vào bản chất của các hoạt động mà một người đã tạo ra trong cuộc đời này. Bạn phải sáng suốt rõ ràng về loại năng lượng gì được cất giữ trong kho tàng thức của bạn khi bạn qua đời. Bạn có thêm cộng nghiệp hoặc tiêu trừ bớt nghiệp chướng? Có nghiệp thể thao, nghiệp âm nhạc, nghiệp nghệ thuật, nghiệp tức giận, nghiệp tình dục, hoặc nghiệp Bồ Tát? Những nghiệp này là những hạt giống tái sinh của bạn, những hạt giống mà bạn đang gieo tạo trong ý thức của bạn ngay bây giờ. Những hạt giống này là một

nguyên nhân chính trong đời này. Nhân quả luôn luôn rất rõ ràng. Một hạt giống đậu xanh luôn luôn tạo ra cây và hạt đậu xanh, hạt đậu vàng chỉ sanh ra đậu vàng.

Sáu nẻo Luân Hồi: Trời , a-tu la, người, súc sanh, ngạ quỷ và địa ngục.

Chúng tôi xin nói sơ qua về sáu nẻo Luân hồi theo phương thức khác. Đức Phật dạy rằng tất cả chúng sanh liên tục đi lang thang xung quanh vòng tròn của sự sống và chết. Tên cho điều này là luân hồi sanh tử, bánh xe của đau khổ. Chúng sanh không thể nhận ra bánh xe này nếu họ không đạt được bản thể uyên nguyên của mình. Sáu nẻo hoặc sáu cõi không phải là nơi nào khác. Thiên đường và địa ngục không phải là những cảnh giới xa lạ của một người thọ lãnh vào lúc sau khi chết.

“Tất cả do tâm tạo”. Đây là điều Đức Phật đã khẳng định. Vì vậy, những cảnh giới này cũng được tạo ra bởi những trạng thái suy nghĩ tồn tại trong tâm chúng ta. Bất cứ mọi lúc, mọi nơi, chúng ta chạy theo tâm suy nghĩ này. Như vậy bạn đã và đang trải nghiệm cuộc sống của bạn qua mỗi một trạng thái trong sáu nẻo luân hồi. Điều quan trọng nhất là, nơi nào bạn lưu lại? Nếu bạn không thể kiểm soát hoặc làm chủ được nghiệp của bạn thì khi sống hiện tiền cũng như sau khi bạn qua đời, nhân quả sẽ kéo bạn và bạn phải chịu tái sanh một trong sáunẻo ấy. Sáu nẻo được tạo ra bởi nghiệp. Nghiệp được tạo ra bởi suy nghĩ và hành động. Nếu bạn đang dính mắc với suy nghĩ, tức bạn có thiên đường và địa ngục, sống và chết, vui và buồn. Nếu bạn giữ “tâm không-biết” hoàn toàn và không tạo tác bất cứ điều gì, như vậy bạn đã “xong việc” và sáu con đường luân chuyển của sanh tử cũng biến mất. Sau đó, bạn được tự do, thoát khỏi bánh xe đau khổ.

Cảnh giới thiên đường là một trạng thái bình an, hạnh phúc. Mọi người ai cũng có thể nhận được trạng thái này bằng cách thực hiện những hành động tốt và những nghiệp thiện. Ở đây không giống như cõi thiên đường trong Kinh Thánh. Cảnh giới này, con người không phải vâng theo ý Chúa. Cõi trời là một lãnh vực hoặc trạng thái của tâm tạo ra bởi những nghiệp thiện, sau đó, được hưởng thành quả hạnh phúc từ những hành động tốt này. Nếu nghiệp thiện của họ bị cạn kiệt, nghĩa là họ hưởng hết phước, có thể nói rằng các tài khoản của họ đã sử dụng hết sạch. Khi điều này xảy ra, họ phải rơi xuống một số lãnh vực thấp hơn trong khoảng thời gian nào đó. Cảnh giới thiên đường cũng giống như một vùng đất an dưỡng nghỉ phép để hưởng thụ, một tình huống tốt, ở đó cũng khó cho bạn tu tập. Bởi vì tất cả mọi thứ vẫn luôn luôn thay đổi, thay đổi, thay đổi. Nếu bạn tạo nghiệp, bạn có nghiệp. Nếu bạn có nghiệp, thậm chí dẫu là nghiệp thiện, thì cuối cùng nghiệp cũng thay đổi. Bạn phải rời khỏi thiên đường để chịu những nỗi đau khổ tương quan của trạng thái ít hạnh phúc hơn. Điều quan trọng nhất mà bạn có thể làm là không tạo tác bất cứ điều gì trong tâm bạn. Nếu bạn giữ tâm “không-biết”, sau đó mọi nơi đều là thiên đường.

Ngay cả địa ngục cũng là thiên đường. Tất cả mọi người đều muốn đến một cảnh giới tốt đẹp, nhưng khi nghiệp họ thay đổi, hết phước thì phải rời khỏi, nó không còn là sự trải nghiệm vui sướng. Nếu bạn dính mắc thiên đường, thì bạn không thể hoạt động ở khắp mọi nơi để giúp đỡ tất cả chúng sanh. Do đó, không làm bất cứ điều gì, ngay cả

không tạo ra thiên đường, tức thì bạn được hoàn toàn tự do tự tại.

Lãnh vực A-tu-la là trạng thái của tâm chiến đấu. Đôi khi chúng tôi gọi đây là đội quân tinh thần. Nếu bạn nổi cơn tức giận, hay ganh tị tạo ra năng lực mạnh mẽ, bạn trở thành một A-tu-la. Đây là thần chiến đấu. Nơi này không tốt cũng không xấu.

Dưới lãnh vực A-tu-la là cõi người. Đức Phật dạy rằng: Sanh được làm thân người thật là quý giá, bởi vì chỉ có con người mới có thể nghe được Phật pháp và tu tập để chuyển hóa tâm thức. Chỉ có con người mới có thể thân chứng giác ngộ, thoát vòng sanh tử luân hồi trong các cõi. Làm được thân người rất khó, vì vậy chúng ta không nên lãng phí cơ hội này. Nếu từ cõi người bạn bị rơi xuống các cõi dưới, phải mất nhiều kiếp tiến hóa mới trở về trạng thái con người.

Tiếp theo là ba cảnh giới thấp kém hơn: Cảnh giới địa ngục đại diện cho những trạng thái đau đớn khổ sở, bất như ý. Cảnh giới súc sanh được gọi là tâm động vật, bởi vì tâm động vật chỉ làm theo bản năng thị dục nên khó được nghe Phật Pháp. Chúng không thể tu tập và chúng không thể nhận thức giác ngộ như con người. Chúng phải tiến hóa trở thành con người rồi mới nghe được giáo pháp của Phật. Hơn nữa, làm thân thú vật là một điều bất hạnh. Bởi vì con người bắt nó ăn thịt, các loài vật luôn luôn săn đuổi nhau, xâu xé nhau, thường xuyên lo lắng về thực phẩm, không một nơi an toàn để ngủ và là mối đe dọa từnhững kẻ thù. Do vậy, loài súc vật không có ý thức tu tập. Thật không gì tồi tệ hơn làm thân con vật, nó chỉ có thể theo nghiệp thú của nó và khó sửa đổi nghiệp của mình, ngoại trừ trải qua vô lượng kiếp sống từ từ chuyển hóa. Nó sẽ ở trong tình huống súc sanh một thời gian rất dài và chịu đựng nhiều điều không thể tưởng tượng được.

Cảnh giới ngạ quỷ là tâm ham muốn mãnh liệt. Đức Phật dạy rằng những loài ngạ quỷ thường có miệng lớn, bụng to, nhưng cổ họng của chúng rất nhỏ như cây kim. Do đó chúng luôn luôn đói khát, cho dù một hạt cơm hoặc chút cốm nhỏ cũng khó có thể trôi qua khỏi cổ họng của chúng. Vì vậy chúng không bao giờ được thỏa mãn. Nếu bạn ôm giữ tâm tham lam keo kiệt, thì đó là tâm ngạ quỷ. Bạn tham muốn đủ thứ, ôm chấp thật nhiều trong cuộc sống này, nhưng bạn không thể giữ được bất cứ thứ gì. Vì vậy, bạn luôn luôn đau khổ. Chúng ta có thể thấy một số bản năng trong tâm của nhiều người ngày nay như thế. Hãy cẩn thận!

Cảnh giới thấp nhất là cõi địa ngục. Đây là lãnh vực hoàn toàn bị khổ bức. Không bao giờ được xứng ý toại lòng. Nếu bạn tạo ra nghiệp xấu, điều này kéo bạn vào một số tâm địa ngục. Khi bạn chết, tình trạng này dâng lên những nỗi khổ cùng cực và tiếp tục như vậy trong nhiều kiếp.

Trong tất cả các cảnh giới, cõi người quan trọng nhất, là trung tâm giữa phàm và thánh. Khi bạn đang được hưởng thụ hạnh phúc sung sướng của cõi trời, bạn có một tình huống thỏa mãn quá tốt, khó khơi dậy tâm Bồ đề để được tỏ ngộ. Vì vậy, bạn không thể tu tập nơi đó, cuối cùng hưởng hết phước, bạn rơi xuống một trạng thái thấp hơn. Đó không phải là điều kiện tuyệt vời.

Súc sanh, ngạ quỷ, và chúng sinh địa ngục không thể nghe Phật Pháp và tu tập được. Đây là lý do tại sao tất cả các Kinh nói rằng sanh làm thân người rất quý hiếm. Chỉ làm được thân người, bạn mới có thể thay đổi nghiệp lực của bạn. Chỉ có thân người, bạn mới chuyển được nghiệp là nguyên nhân dẫn bạn lang thang trong sanh tử luân hồi. Những cảnh giới khác đều là những kết quả của nghiệp thiện hay bất thiện. Nhưng sanh làm người là một cơ hội để thay đổi nguyên nhân chính và điều kiện duyên. Còn trong những cảnh giới khác, bạn khó mà thay đổi những điều này, vì vậy luôn luôn có rất nhiều đau khổ.

Sáu nẻo luân hồi là giáo lý rất thú vị, thực hiện nó như một tổng thể, bởi vì chúng không tách rời khỏi tâm ý của bạn. Chúng không phải là điều kiện chỉ xảy đến cho "người khác". Bạn luôn luôn có thể trải nghiệm chúng, đi qua những trạng thái đau khổ khác nhau từ giây phút này trở về sau.

Đôi khi trong thời gian ngồi thiền, bạn sẽ có được một cảm giác tuyệt vời của sự tĩnh lặng và hạnh phúc. Nhưng sau đó trong cùng thời điểm tu tập, bạn đột nhiên vọng khởi về chuyện gì khiến sanh ra lòng giận dữ bực tức, hoặc tâm tham dục mãnh liệt, hoặc cảm giác xấu xuất hiện trong tư tưởng của bạn. "Tôi không thích tu thiền. Tôi muốn đi ăn ngay bây giờ." Thế là bạn rơi vào sáu nẻo luân hồi. Hoặc bạn đang ngồi thiền trong thời gian nửa tiếng đồng hồ, không thể ăn uống thứ gì,bạn phải chịu đựng. Những giây phút đó trôi qua, mọi hiện tượng tâm lý vọng khởi cứ nổi dậy trong lòng, đó là đau khổ. Chẳng hạn, bạn nhớ những người mà bạn không ưa, bạn chiến đấu với họ trong tâm trí của bạn.

Đến và đi, đến và đi, đến và đi, không ngừng. Hạnh phúc, giận dữ, ganh tị, chán nản, dục vọng, lo sợ tất cả đó là sáu nẻo luân hồi. Nếu bạn đang dính mắc suy nghĩ, tức là bạn luôn luôn quanh quẩn trong các trạng thái tâm lý này. Có thể bạn chủ yếu thích thèm khát như loài quỷ đói, hoặc thích đấu tranh

của A tu la. Nhiều người dính mắc với tâm động vật thích tham dục và sanh lòng thù hận. Nếu bạn ôm giữ những tâm niệm này, thì tâm này sẽ điều khiển bạn. Sau đó, bạn qua đời, cơ thể vật lý của bạn tiêu hoại, nhưng tâm thức này mạnh mẽ lại tiếp tục dẫn dắt và bạn sẽ thọ nhận sự tái sinh củacác loài động vật, hoặc tái sinh trong cảnh giới địa ngục. Đó không phải là điều tốt đẹp. Vì vậy, nếu bạn muốn vượt qua sáu nẻo luân hồi, chỉ giữ Tâm không-biết một trăm phần trăm. Tâm không dính mắc, không tạo tác điều gì. Sau đó, sáu cõi biến mất, bởi vì bổn nguyên chúng không thực có. Chúng ta tạo ra sáu cõi thông qua sự dính mắc của "tâm suy nghĩ ".Đây là lý do tại sao chúng ta phải chịu nhiều đau khổ.

Kết quả nhận được trong đời sống này. Kết quả nhận được trong đời sau. Kết quả nhận được trong những đời sau nữa.

Trong đời, luật Nhân quả luôn luôn rất rõ ràng. Nó không chỉ là ý tưởng của Phật giáo. Nếu bạn nhìn vào cuộc sống, có thể thấy nhân quả ứng dụng ở khắp mọi nơi. Đạo Phật gọi đó là Nghiệp. Tiếng Phạn gọi là "Karma" chỉ cho hành động. Nghiệp không phải là một ý tưởng đặc biệt. Nếu bạn tạo ra nhân, bạn sẽ gặt lấy quả, và một cái gì đó làm

chướng ngại bạn. Đó là tất cả.

Kết quả của nghiệp được cảm nhận từ đời này sang đời khác. Chẳng hạn bạn gây ra một số hành động xấu với ai đó. Sau đó, người này không thích bạn. Ngay cả bạn bè của họ cũng không thích bạn, vì họ nghe những điều xấu mà bạn đã gây ra cho bạn của họ, cho nên họ không thân thiện với bạn, khiến bạn đau khổ. Mỗi khi bạn đau khổ, tức là bạn đang gặt hái thành quả của một số hạt giống nghiệp mà bạn đã trồng, thông qua những suy nghĩ, lời nói hay hành động của bạn. Đôi khi bạn không thể nhớ những hành động này là vô tình hay cố ý gây thương tổn với họ, nhưng bạn đang đau khổ, và bạn không biết tại sao?

Bạn có thể gặp ai đó lần đầu tiên trong đời, nhưng họ lại không thích bạn. Hoặc bạn có một vụ va chạm đụng xe và chân bạn bị thương tật. Đây không phải là tai nạn ngẫu nhiên mà nó là kết quả của một số nghiệp trước đây kết nối giữa bạn và người đó. Nó có thể được gieo trồng trong đời này hoặc là những đời trước. Có một cách nhìn khác về điều này. Cho phép chúng tôi lập dụ phương trình qua luật bù trừ của Ông A và bà B
.

Nghiệp tốt: (+10) – (+5) = (+5) Ông A (+3) = Thân người hạ liệt Nghiệp xấu: (–5) – (–3) = (–2)

Ông A theo phương trình trên, trong đời này làm 10 đơn vị nghiệp thiện. Chẳng hạn bố thí cho người nghèo, giúp đỡ người bệnh, ủng hộ cúng dường chư Tăng. Hành động đó là 10 đơn vị nghiệp thiện. Do đó, ông nhận được kết quả một số phước báo ngay từ những hành động này do ông tạo ra trong hiện tại, nó cũng sẽ cho ông một số phước báo ở đời sau. Nhưng chúng ta biết rằng ông chỉ nhận được năm đơn vị phước báo cho đời này. Ông có một số tình huống tốt, hoặc gia đình an vui hạnh phúc.

Tuy nhiên, từ kiếp trước ông đã gây ra 5 đơn vị nghiệp bất thiện (như sát sanh các loại nhỏ như gà, vịt, sâu, kiến, đánh bắt cá, tôm, mượn nợ không trả…) đáng lý bây giờ ông phải trả quả hết, nhưng chỉ có ba đơn vị nghiệp bất thiện đã chín muồi, khiến ông mắc phải một căn bệnh nan y, hoặc trở nên nghèo khổ, hoặc có những khó khăn khác. Bởi nghiệp bất thiện biểu lộ bây giờ, nhưng còn –2 chưa chín muồi và sẽ không xuất hiện cho đến khi mang đời sống tiếp theo. Do đó, ông còn lại +5 đơn vị nghiệp thiện và 2 đơn vị nghiệp bất thiện cho sự thọ nhận ở đời sau. Kết quả khi ông qua đời, chỉ số còn lại nghiệp thiện này là + 3. Nếu chúng ta nhìn vào cột Sáu nẻo Luân hồi, nó sẽ mang lại cho ông được tái sinh làm người.

Cách chúng tôi giải thích ở đây, chỉ có +3 đơn vị của nghiệp thiện để tái sanh làm người, nhưng là một sự tái sinh làm người “cấp thấp”. Bởi vì cảnh giới con người là từ số không đến +10. Ông được tái sinh trong loại người hạ cấp với một tình huống đau khổ, nghèo đói, lắm nỗi khó khăn trong cuộc sống, hoặc thân mang tật ách và phải phấn đấu với nó. Đây là một cách chỉ cho thấy thế nào là những nghiệp lực của các hành vi tốt trước đó của ông kết hợp với lực tương tác của các hành động xấu mới đây để cho ra một số kết quả, không chỉ đời này mà còn diễn tiến ở những đời sau. Nó cứ tiếp tục xảy ra như thế.

Nghiệp tốt: (+15) – (+5) = (+10) Bà B (–15) = Thân làm ngạ quỷ. Nghiệp xấu: (–30) – (–5) = (–25)

Bây giờ chúng ta hãy nhìn vào bà B. Một người phụ nữ làm rất nhiều điều thiện, bà có 15 đơn vị nghiệp thiện trong đời này của bà. Nhưng vì lối sống của bà và bà nhận lãnh hậu quả của nghiệp được tạo ra từ đời trước mà nó đã chín muồi trong đời này. Do đó theo luật bù trừ, bà thọ thân nữ và chỉ hưởng được kết quả +5 đơn vị của nghiệp thiện. Vì vậy, số còn lại là +10 đơn vị của nghiệp thiện khác mà bà sẽ thọ nhận trong đời kế tiếp. Bà ấy tuy làm những điều thiện trong đời này, nhưng bà không thể kiểm soát những nghiệp bất thiện mà bà đã tạo ra từ kiếp trước. Bà rất muốn làm những điều thiện, nhưng ác nghiệp của bà luôn luôn kéo bà rất mạnh mẽ, nó tìm cách nhồi căn trả quả. Vì vậy, bà luôn

luôn giận dữ và chống phá những chuyện không hài lòng. Bà làm cho nhiều người đau khổ. Vì vậy, bà có –30 đơn vị cho hành nghiệp bất thiện.

Trong đời, bạn thường thấy: (Nhân quả đồng thời và nhân quả khác thời. Một khi gây ra điều gì thì hậu quả sẽ đến liền sau đó. Đó là nhân quả đồng thời. Còn nhân quả khác thời là hôm nay gây ra điều gì thì mãi thời gian sau, hoặc kiếp sau mới nhận lãnh quả báo). Do vậy có người bây giờ làm ác, nhưng họ luôn luôn có xe thật đẹp, một công việc tốt, tiền bạc dồi dào và ngôi nhà khang trang, tạo ra một số tình huống tốt trong thời gian tới nữa. Điều này chứng tỏ do người đó đang gặt hái nghiệp thiện từ kiếp trước họ đã gieo, trong khi các nghiệp ác tạo ra bây giờ chưa chín muồi. Đây là những gì chúng tôi giải thích khi chúng tôi nói rằng bà B chỉ có +5 đơn vị nghiệp thiện trong đời này. Vì vậy, bà ấy phải thọ nhận kết quả –25 đơn vị hành động bất thiện mà bà đã và đang gây ra. Bà có +10 đơn vị nghiệp thiện còn sót lại, nhưng rất nhiều hành vi bất thiện, do đó +10 không thể cân bằng – 25 nghiệp bất thiện mà bà đang dính mắc. Do đó khi bà chết đi, (–25) – (+10)=(–15) đơn vị nghiệp bất thiện. Như vậy, có thể bà sẽ không mang thân thú vật, nhưng chúng kéo bà đọa vào loài quỷ đói, tham lam keo kiệt và khao khát tất cả mọi thứ.

Đây chỉ là lối giải thích đơn giản về nghiệp. Chúng tôi sử dụng nó để hiển thị thế nào nghiệp thiện của chúng ta phối hợp với nghiệp bất thiện để tạo ra một số kết quả rõ ràng trong đời sống hiện tại và những kiếp vị lai của chúng ta.

Nó cũng cho thấy thế nào là nghiệp thiện được tạo ra trong đời này mà chưa có kết quả tốt trong hiện tại. Vì nó phải chịu ảnh hưởng bởi những nghiệp từ kiếp trước cho đến nay đã chín muồi. Tuy nhiên, xưa nay tánh thể vốn Không, cho nên sự phối hợp nhân quả ba đời về nghiệp cũng không tồn tại, nó giống như một thiết bị giảng dạy. Do vậy nghiệp không tồn tại và sáu nẻo luân hồi cũng không tồn tại. Chúng đến từ những suy nghĩ và tâm ham muốn của chúng ta. Nếu bạn đang suy nghĩ, bạn tạo ra nghiệp, và nghiệp kiểm soát bạn. Nếu bạn hoàn toàn cắt đứt tất cả các dính mắc suy nghĩ của bạn, sau đó bạn không tạo ra bất kỳ nghiệp nào dù thiện hay ác. Một vị Tổ sư nổi tiếng cho biết: “Nghiệp do tâm tạo. Nếu tâm không sanh, nghiệp cũng không còn, như lửa đốt cỏ khô”. Vì vậy, cách quan trọng nhất để tránh rơi vào vòng luân hồi là không tạo tác bất

cứ điều gì nơi tâm bạn trong khoảnh khắc hiện tiền này.

Có môn sinh từng hỏi tôi: –Bạch sư phụ, một vị Thiền sư đã nói với con rằng nếu con làm những hành động thật tốt trong mọi lúc, con có thể chuyển được nghiệp, như vậy có đúng hay không?

Đây là câu hỏi rất quan trọng. Bạn phải hiểu rằng hành động tốt cũng không thể thay đổi nghiệp của bạn. Hành động tốt có thể tạo cho bạn một số hạnh phúc, nhưng hạnh phúc cũng là nghiệp mà người ta gọi là nghiệp thiện. Nhưng nghiệp thiện vẫn là nghiệp, và nghiệp được tạo ra bởi suy nghĩ. Tất cả mọi thứ được tạo ra bằng suy nghĩ, chúng luôn luôn thay đổi. Vì vậy, nghiệp thiện cuối cùng có thể trở thành nghiệp ác. Nếu thực sự muốn thay đổi nghiệp của bạn, không tạo ra thiện hay ác, tốt hay xấu. Đó là thực hành đúng. Làm thế nào bạn sử dụng nghiệp của bạn để giúp đỡ tất cả chúng sanh? Nếu bạn chỉ muốn thay đổi nghiệp của bạn, đó là sai lầm lớn. Một khi bạn có nghiệp, bạn phải khám phá các chức năng chính xác nghiệp của mình. Đây là cách bạn giải trừ nghiệp của bạn. Nhưng không nên dính mắc với những từ này. Chức năng nghiệp, thay đổi nghiệp, chuyển hóa và giải trừ nghiệp cùng một điểm: chỉ có lời nói diễn đạt thì khác nhau. Vì vậy, nó rất quan trọng để tu tập một cách chính xác.

Chúng tôi đã nói về thức thứ tám, là kho tàng thức. Đằng sau kho tàng thức là thức thứ chín của bạn. Thuật ngữ Trung-Hàn gọi là “Baek Jong Shik”, có nghĩa là “Bạch tịnh thức”. Đây là chân ngã, là bản thể uyên nguyên tinh khiết của chúng ta. Nó luôn hoạt động mọi lúc. Nếu bạn đạt được bản thể uyên nguyên này, thì có thể thay đổi nghiệp của bạn, bằng cách tu tập tinh tiến mà không cần diễn đạt trình bày. Bạn phải nhận thức rằng nghiệp là suy nghĩ, nó hoàn toàn rỗng không. Nó không có Tự tánh. Bạn có thể cảm nhận điều này tự chính bạn, khi sự tu tập của bạn trở nên mạnh mẽ và rõ ràng hơn. (Nóng lạnh tự biết). Trong khi đó, chỉ đơn giản là không tạo ra tốt hay xấu, nó sẽ sớm trở nên sáng tỏ cho bạn. Vào thời điểm đó, khuôn mặt nguyên thủy của bạn, và bản thể uyên nguyên của bạn là gì? Không ai có thể ban cho bạn điều này. Đây là một điều mà bạn có thể đạt được qua việc thực hành thiền định.

Nghiệp

Nghiệp Bồ Tát: — Đại từ Đại bi
Thiện nghiệp — Phước
Ác nghiệp — Khổ
Tích lũy nghiệp— Khuynh hướng
Đồng nghiệp — Đồng hành
Nguyên nhân— Duyên khởi— Kết quả Vạn tượng — Tùng duyên sanh — Tùng duyên diệt

—Tâm sanh tức Pháp sanh. Pháp sanh tức Tướng sanh.
Tướng sanh tức Khổ sanh.
—Tâm diệt tức Pháp diệt. Pháp diệt tức Tướng diệt.
Tướng diệt tức Khổ diệt.

—Nhứt thiết duy tâm tạo.
Tất cả các pháp sanh và diệt đều do nghiệp.
Tâm sanh thì pháp sanh.
Pháp sanh thì hình thức sanh.
Hình thức sanh thì đau khổ sanh.
Tâm diệt thì pháp diệt. Pháp diệt thì hình thức diệt, Hình thức diệt thì đau khổ diệt.

Tất cả do tâm tạo.

Tất cả các hành động mà chúng ta làm bây giờ là tác nghiệp của thân, miệng, ý phải gánh chịu những hệ quả trong đời này và đời sau. Tên nó là Nghiệp. Nếu bạn nhìn vào tình huống ở hầu hết các nơi trên thế giới, đặc biệt là ở châu Phi hay Ấn Độ, bạn sẽ thấy rằng có rất nhiều, rất nhiều người đau khổ. Họ không có được thực phẩm để sống, nhiều người chết vì bệnh tật hoặc đói khát và thường có rất nhiều cuộc chiến đấu với nhau, sát hại nhiều người dân vô tội (cho dù cùng chung một tín ngưỡng, một màu da, một chủng tộc). Ngay cả những em bé sơ sinh và trẻ nhỏ không lớn nổi, lớp bị giết, bị chết hoặc họ sanh ra

trong bối cảnh chiến tranh, đói nghèo và bệnh tật. Một số bị mắc chứng nan y khủng khiếp. Tại sao điều này xảy ra? Trong cõi đời này, nhân quả luôn luôn rất rõ ràng. Tất cả những gì xảy ra mà chúng ta tưởng chừng là tai nạn, nhưng nó thực sự xuất phát từ "tâm thói quen" đã làm trong kiếp trước. Suy nghĩ của bạn tạo ra hành động của bạn, trở thành Nghiệp để bạn nhận lãnh hậu quả.

Vì vậy, điểm quan trọng nhất là từ bây giờ, làm thế nào để giữ cho tâm bạn được vững chãi ? Có lẽ bạn nhận được rất nhiều hạnh phúc và tiền bạc trong cuộc sống này. Bạn đang hưởng thụ vật chất và lương thực đầy đủ. Điều đó không tốt và không xấu. Nhưng nếu bạn bị dính mắctham đắm với tình huống ăn mặc no đủ và bám chặt với hạnh phúc giả tạm của bạn, sau đó bạn sẽ có một vấn đề lớn khi những điều này chắc chắn thay đổi. Trong cuộc sống, vui hay buồn thực sự không quan trọng. Tình huống cụ thể của bạn cũng không quan trọng. Tất cả mọi thứ luôn luôn thay đổi, vì vậy từng khoảnh khắc, từng niệm niệm, làm thế nào để giữ cho tâm bạn được bình an. Trạng thái tâm bạn trong mỗi giây phút này xác định những giây phút tiếp theo, trong đó có điều kiện của từng niệmtừng niệm nối kết. Nó như một dòng chảy bắt đầu với một điểm duy nhất. Điều này tạo ra thời gian tiếp theo của bạn, bạn có hai thời gian nối kết: Hiện tại và tương lai. Nó hình thành kiếp sau của bạn. Tất cả mọi thứ bạn đã và đang có, kèm theo cách sống bây giờ là kết quả của bạn đã lưu giữ trong tâm bạn hiện ra hôm nay.

Nếu bạn muốn tạo nghiệp trong sáng, thì từ bây giờ trong mỗi niệm niệm, bạn phải giữ vị trí đúng, quan hệ đúng, tình huống đúng và tác dụng đúng. Bằng cách đó, bạn có thể thay đổi nghiệp của bạn. Nếu tâm bạn không vững mạnh, điều kiện và tình huống bên ngoài sẽ luôn luôn bám sát bạn. Điều này chỉ đơn giản là nghiệp của bạn kiểm soát bạn. Sau đó, cuối cùng, khi bạn qua đời, cơ thể của bạn hủy diệt, nghiệp lực của bạn sẽ dẫn bạn đến một nơi nào đó. Có thể bạn đi vào địa ngục, hoặc bạn làm loài ngạ quỷ. Nếu bạn làm nhiều điều xấu, gây tác hại cho thế giới này, hoặc dính mắc với hư danh,

sau đó có thể bạn sẽ đi lang thang như một con ma hay là loài quỷ đói. Nếu bạn hành động nghiệp ác bằng cách tà dâm, cướp đoạt tiền của, hoặc nhà ở hay thực phẩm của người khác, bạn có thể tái sinh làm loài súc sanh. Nhưng có một số người chỉ làm những điều thiện cho thế giới này và giữ "Tâm Người" thật chính xác. Người đó sẽ tái sanh trở thành con người và có khả năng Giác ngộ. Nếu bạn luôn luôn làm những hành động tốt cho người khác, giúp đỡ tất cả chúng sanh thì bạn sẽ sanh về một số cõi trời hưởng sự vui vi diệu.

Cuộc sống này luôn luôn rất rõ ràng. Từng niệm niệm, hiện tại bạn đang làm những gì? Một hành động tốt hay xấu? Tâm bạn sáng suốt, hay là chứa đầy ham muốn và tức giận? Cách bạn giữ "Chánh niệm hiện tiền" là tạo ra kiếp sống tiếp theo của bạn. Nếu bạn

không tạo tác những hành động tốt và xấu, bạn có thể thoát khỏi luân hồi sanh tử. Bạn được tỏ ngộ và trở thành Phật. Sau đó, bạn có thể hoàn toàn tự do tự tại. – Đôi khi bạn đến một cảnh giới thiên đường hoặc thỉnh thoảng xuống chốn địa ngục do sức bổn nguyện, chỉ hoạt động với tâm Đại từ, Đại bi, cứu độ chúng sanh. Sự đến và đi không trở ngại. Tuy nhiên, nếu bạn đang dính mắc với suy nghĩ, sau đó hành động tốt có thể đưa bạn đến thiên đường, và hành động xấu có thể dẫn bạn vào địa ngục. Nhưng khởi nguyên không có tốt và xấu. Không có tạo ra tốt và xấu. Nếu cuộc sống và hành động của bạn luôn luôn rõ ràng chính xác, tức là bạn hoàn toàn thanh thản ung dung trong mọi tình huống. Giữa thiên đường và địa ngục tiêu dao tự tại, không gì có thể cản trở hạnh nguyện ban đầu của bạn cứu độ tất cả chúng sanh thoát khỏi khổ đau.

Nghiệp Bồ Tát – hoàn toànTừ bi
Nghiệp thiện – dẫn đến hạnh phúc
Nghiệp ác – đưa tới đau khổ
Nghiệp tích lũy – những khuynh hướng
Đồng Nghiệp – Đồng hành.
Nguyên nhân – duyên khởi – kết quả

Chúng tôi đã nói khá nhiều về nguyên nhân tạo nghiệp. Không có gì xảy ra một cách tình cờ. Cuộc sống của bạn đã được xác định do những thói quen của nghiệp lực từ kiếp trước. Bởi vì chúng ta tiếp tục chạy theo những gì chúng ta đã làm trước đây, do đó chúng ta đi lang thang trong vòng luân hồi sinh tử. Bạn có thể sử dụng nghiệp của bạn để cứu giúp chúng sanh hay là chỉ sử dụng cho chính bạn?

Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy rằng nghiệp xuất phát từ nơi tâm. Nếu tâm chuyển thì nghiệp cũng chuyển; Tâm biến mất thì nghiệp cũng biến mất. Nghiệp là do suy nghĩ, nó không phải đặc biệt. Chỉ giữ "tâm không-biết" từng niệm niệm, sau đó bạn được "tâm không", không tạo ra nghiệp. Lý do là khi thức thứ tám của bạn rỗng không, tất cả cộng nghiệp và biệt nghiệp, hay nói cách khác, nghiệp "cộng" và "trừ" biến mất. "Tâm không" không có nghiệp. Bạn trở về thể tánh uyên nguyên của bạn. Khi trở về thể tánh uyên nguyên, bạn kiểm soát được hướng đi và có thể quyết định loại thân hình gì cho mình ở kiếp sau, nếu bạn muốn giúp đỡ chúng sanh một lần nữa.

Nghiệp Bồ tát nghĩa là sống một cuộc đời chỉ phụng sự cho tất cả chúng sanh. Cuộc sống của tôi và hành động của tôi không cho riêng tôi. Mỗi ngày trong chùa, chúng ta tụng Tứ Hoằng Đại Nguyện với nhau. Nguyện đầu tiên là "Chúng sanh vô biên, thệ nguyện độ".

Ngoài ra, cũng có câu: "Trước cầu Giác ngộ. Sau độ chúng sanh". Đó là những lời nguyện nói về công việc chính của chúng ta trong cõi đời này: Làm thế nào tôi có thể phụng sự chúng sanh? Không những sống trong đời này, mà những đời sau nữa, cuộc sống của tôi không phải dành cho tôi. Đây là ý nghĩa của nghiệp Bồ tát.

Như trên chúng tôi đã trình bày về nghiệp thiện và nghiệp bất thiện. Nếu bạn làm những điều lành mỗi ngày, bạn thực hiện nghiệp lành, và bạn sẽ có được hạnh phúc. Nếu bạn làm điều dữ, bạn thực hiện nghiệp dữ và nhận lấy khổ đau. Giáo viên tiểu học của tôi tại Hàn Quốc luôn luôn sử dụng câu nói của chúng tôi: "Mỗi ngày nên làm một hành động tốt". Nói và nghe rất dễ dàng, nhưng thực hành nó rất khó khăn. Chỉ cần nhìn vào những gì bạn làm mỗi ngày. Thậm chí trong một ngày, chúng ta làm nhiều điều bất thiện cho người khác và cho cả thế giới này, dù trong tư tưởng, lời nói hay hành động. Nhưng trong cõi đời này, nhân quả luôn luôn rất rõ ràng. Khi thân này hủy diệt, nghiệp bất thiện của bạn có thể mang lại cho bạn sự tái sanh trong các loài động vật hay đọa vào địa ngục. Vì vậy, làm những hạnh lành rất quan trọng. Nhưng quan trọng hơn, đó là không tạo tác tốt và xấu trong tâm bạn, chỉ tập trung năng lượng vào việc tìm kiếm Chân ngã của bạn và giúp đỡ người khác. Chỉ cần giữ câu hỏi: "Ta là gì?" Và chẳng bao lâu tất cả mọi thứ sẽ trở nên sáng suốt rõ ràng.

Nghiệp tích lũy trong một số sinh hoạt làm cho khuynh hướng mạnh mẽ đối với những hành động. Nếu bạn thường xuyên tạo ra cùng một loại nghiệp, thì đời này và đời sau, thói quen xuất hiện một lần nữa. Đây là lý do tại sao đôi khi chúng tôi nói rằng nghiệp là thói quen của tâm. Một số trẻ em có thể chơi đàn violin hay piano rất giỏi từ khi còn bé. Hoặc chúng có biệt tài chơi một môn thể thao nào đó, có thể làm một nhà hội họa tài ba. Mọi người đều biết Mozart, một thiên tài về âm nhạc, ông có thể viết và chơi âm nhạc rất giỏi từ khi còn bé. Nghiệp đối với những hành động đó xuất phát từ thói quen mãnh liệt mà ông đã làm trong những đời trước. Sau đó, mọi người thích ông xuất hiện trên thế giới này một lần nữa, và nghiệp đặc biệt tự nhiên tái xuất hiện một lần nữa và thể hiện tự chính nó một cách nhanh chóng. Nghiệp tích lũy được ứng dụng đối với hoạt động của nghiệp trong mỗi cá tánh con người.

Những năm trước đây tại Hàn Quốc, có một vị sư già thị tịch trong chùa của ông. Theo phong tục, nhục thân của ông sẽ phải hỏa táng sau một tuần thực hiện lễ tang. Vì vậy, khi tẩn liệm, thi thể của sư được mặc áo choàng mới thật đẹp và đặt vào trong một cổ quan tài, quàn nơi Tổ đường. Sau năm ngày Tăng ni Phật tử tụng kinh hộ niệm, một âm thanh gõ vang ra từ bên trong quan tài: "Cạch! Cạch! Mở ra! Thả tôi ra! Cho tôi ra!" Tất cả mọi người chạy xúm lại.

Một vài phụ nữ hét lên. Sau một hồi do dự và lo lắng, cuối cùng họ mở nắp quan tài. Vị sư già ngồi dậy, nheo mắt. Một số người thấy vậy ngất xỉu. Có người hét lên: –Ồ! Sư

phụ! Không phải ma. Ngài đã sống lại ! Ngài sống lại rồi chứ? ‖Lão sư tỏ vẻ ngạc nhiên khi nghe như thế. Ông nói: –Ý các người cho là tôi vừa mới sống lại? Như vậy tôi đã chết thật rồi ư? ‖ –Vâng, bạch sư phụ! Ngài đã chết hơn bốn ngày nay rồi. Hiện giờ chúng con đang làm lễ tang cầu siêu cho ngài. Nhưng nhà sư già không thể tin điều này. Ông nói: –Không thể như vậy được. Tôi vừa trải qua một giấc mơ. – Giấc mơ ư? Mơ như thế nào? –Tôi đã đi nhiều nơi thật thú vị. Nhà sư nói. Nhưng sau đó tôi đã có một trải nghiệm khá kỳ lạ.

Rồi ông kể lại trong giấc mơ, ông thấy mình ở dưới một thân cây to lớn có nhiều mắt gỗ. Một ngôi nhà cao tầng trên ngọn cây, với một chiếc cầu thang dài dẫn đến các cửa phía trước. Ông bước lên những bậc thang, được chào đón với nhiều người hát ca, nhảy múa và gọi tên ông. Có một năng lực rất mạnh kéo ông lên, không thể cưỡng lại được, giống như ông bay lên đó. Ông lưu lại một thời gian và cảm thấy rất hạnh phúc. Đột nhiên, sau đó một người khổng lồ xuất hiện và hét lên: –Ô này ông kia! Tại sao ông lại đến nơi này? Hãy quay về ngay, có vẻ ông muốn ở đây lắm hả ?! Người khổng lồ nhấc bổng nhà sư lên và ném ông ta trên đất. Đầu ông rơi xuống một tiếng “thịch” khá nặng, khiến ông tỉnh dậy. Ông thấy rằng ông đã đập đầu mình vào nắp quan tài. Đó là khi ông bắt đầu gõ và kêu la từ bên trong. Tất cả mọi người đều ngạc nhiên trước giấc mơ của vị sư già này. Ai cũng xầm xì : –Vậy nó có nghĩa như thế nào? Chuyện gì đang xảy ra? Vị sư này đã chết, hay là ông vừa trải qua một giấc mơ? ‖Ngay sau đó, có vị thiền sư đi ngang qua, nghe được những điều mà mọi người xầm xì ngạc nhiên, gây chấn động trong chùa. Vì vậy, nhà sư già kể cho thiền sư nghe về sự trải nghiệm của ông. Thiền sư nói: –Đây là đáp án rất dễ dàng cho giấc mơ của thầy.Thầy hãy đi ra ngoài và nhìn vào một thân cây đứng phía trước góc sân chùa này sẽ thấu rõ. Nhà sư già bước ra sân và thấy rằng nó giống cái cây đóng từng nấc thang mà ông đã mơ thấy. Khi ông nhìn lên, có một chuồng chim bồ câu được đóng chặt trên cành cây cao nhất. Hình dạng của chuồng chim rất giống với ngôi nhà nhiều tầng mà ông đã tiếp cận

trong mơ. Thiền sư nói với ông là hãy cho người leo lên cây và nhìn vào bên trong chuồng chim, sẽ có một con chim non mới sinh ra vừa chết. Nhà sư già nói: –Thưa thiền sư, tất cả hiện ra cảnh này có nghĩa là gì? Tôi vẫn không hiểu! Mọi người cũng tỏ vẻ bối rối. Thiền sư nói tiếp: –Tình huống này của thầy rất rõ ràng, nhưng không ai hiểu nghiệp, vì vậy tôi sẽ giải thích: Thầy tuy đã chết, nhưng trước đây thầy đã tạo ra một số nghiệp không tốt. (Trong cuộc sống của mình, hể “tình” nhiều mà “tưởng” ít, thiếu phước báo ắt sẽ đọa vào loài bàng sanh thú chạy. Nếu có tạo phước thì được tái sanh làm người. Còn như tạo nghiệp “tưởng” nhiều mà “tình” ít, cộng với phước báo thì sẽ sanh vào cõi trời hoặc thần linh. Nếu thiếu phước báo, sẽ trở thành các loài chim bay. ND chú giải). Do vậy, thần thức của thầy nhập vào làm con chim non này. Âm nhạc và nhảy múa mà thầy nghe được là do tất cả các Pháp lữ và đệ tử của thầy hết lòng thành kính hộ niệm để nguyện cho thầy được sanh về cõi lành. Nhưng nghiệp thức, thầy bị quyến rũ sanh trong loài chim bồ câu. May nhờ tâm thành tín của ban hộ niệm rất mạnh mẽ, vì vậy Pháp lực của họ kéo thầy. Khiến thầy không thể trở thành con chim non này được, cho nên con chim non mới sanh ra phải chết, để thần thức của thầy trở về dương thế, vì thầy vẫn còn nghiệp làm người chưa dứt. Nhà sư già gật đầu

tỏ ra thấu hiểu, bèn nói với mọi người: –A Di Đà Phật. Thật là tội lỗi! Tôi xin cảm ơn các vị đã vì tôi mà tu tập chăm chỉ, hết lòng cầu nguyện cho tôi. Các vị đã cứu giúp tôi. Thiền sư nói: –Bây giờ thầy phải trả lại tiền phúng viếng lễ tang cho họ. Chỉ đi thẳng, không biết. Khám phá ra Chân tánh của mình, và điều đó sẽ giúp cho các hàng đệ tử của thầy sau này. – A Di Đà Phật. Xin đa tạ lời khai thị của ngài, thưa Thiền sư. Vị sư già nói xong liền cúi đầu thi lễ.‖ Như vậy, khi mọi người cùng nhau tu tập và thực hiện những điều thiện này, họ tạo ra một số nghiệp lành cùng với nhau. Đức Phật dạy, khi bạn đi bộ xuống đường phố và chỉ đụng vào vai một vài người, đó chính là bạn đã tác nghiệp với họ hơn năm trăm kiếp. Thật là thú vị !

Hãy tưởng tượng bao nhiêu nghiệp mà bạn đã tạo ra với cha mẹ và anh chị em được sinh ra trong cùng một gia đình với họ! Đôi trai gái gặp gỡ và yêu nhau, hoặc hai người quen nhau và trở thành bạn bè thân thiết. Đây không phải là một sự ngẫu nhiên, mà là kết quả của nhiều người, nhiều ngàn đời ở bên nhau, cùng hành động những điều tương tự với nhau. Sau đó, trong đời này, nghiệp của họ kết nối lại với nhau. Họ cảm thấy luôn luôn được quen biết thân tình với nhau. Và điều này cũng xảy ra với những người tu tập. Bạn đi đến một số chùa để nghe thuyết pháp và ngồi trong giảng đường với nhiều người

mà bạn chưa từng quen biết. Có thể bạn sẽ không có điều gì để làm quen nhau, và không có lý do gì để kết thành bạn bè. Nhưng tất cả mọi người cùng quan tâm trong buổi giảng Pháp. Đây là do đời trước chúng ta cũng đã từng tập trung lại để nghe giáo lý này. Người Trung Quốc có nghiệp chung với nhau, cho nên đời này họ lại tái sanh tại Trung Quốc. Người Hàn Quốc chia sẻ nghiệp cùng nhau tại Hàn Quốc, vì vậy đó là lý do tại sao họ được tái sanh ở Hàn Quốc. Điều này cũng ứng dụngcho người Mỹ, Nhật, Đức và bất kỳ quốc gia, chủng tộc nào trên thế giới.

Các loài động vật cũng có nghiệp khác nhau và có từng loại ý thức khác nhau. Con chó này dường như buồn mọi lúc, trong khi một con chó khác rất thông minh, nó có thể nhận ra bất cứ điều gì. Nhưng những con chó khác lại rất ngu ngốc. Trong nhiều ngôi chùa mà bạn thường thấy có một con chó hay nằm bên ngoài Điện Phật trong thời gian tụng Kinh, hoặc một con mèo nào đó sẽ luôn luôn ở dưới thềm Chánh điện trong các buổi lễ. Mặc dù ở chùa không thể có được những món ăn ngon và không có cá thịt cho chúng. Nếu bạn không muốn đuổi chúng ra khỏi chùa và tỏ ra thương mến chúng thì điều này rất thú vị. Những con vật này có thể là những môn sinh đệ tử đã được tu tập trong một đời sống trước đây, nhưng vì tạo ra nghiệp bất thiện nên phải đọa vào loài động vật bàng sanh. Nay nhớ thói quen bằng cách tìm về sống trong chùa và vẫn tiếp tục nghe Phật pháp trong sự tái sanh này. Bây giờ chúng đang được trợ giúp tu tập bởi người khác. Vì vậy, những động vật này dạy: “Chúng ta luôn luôn phải cẩn thận!”

Tôi từng kể về một trong những môn sinh của tôi luôn gắn bó với những con rắn nuôi của mình. Cô luôn luôn dành rất nhiều thời gian với chúng và luôn luôn mang chúng theo bất cứ nơi nào cô đi. Cô yêu rắn của mình nhiều hơn cô yêu các thành viên trong gia đình của cô! Có lần, khi mẹ cô lâm cơn bệnh nặng, cô không thể dành thời gian để thăm mẹ lần cuối trong bệnh viện, vì lý do chính là không có ai chăm sóc những con

rắn của cô trong khi cô đi du lịch và đang tập tu thiền. Cô lo sợ rằng nếu cô xa cách những con rắn trong thời gian dài chúng sẽ chết. Vì vậy cô ấy không đi thăm mẹ trước khi mẹ cô qua đời. Đây là nghiệp rất tế nhị. Chúng ta có thể nhìn thấy những con người cùng hành động với nhau và tạo thành nghiệp lực với nhau. Một người tạo nghiệp với loài khác cũng vậy, nó có thể mạnh mẽ như nghiệp mà họ đã làm với bao người khác.

Vì vậy, đối với giữa con người và vật nuôi của mình, có hai loại nghiệp phát sanh: Một mặt, có những người và loài vật sống chung với nhau như chủ và thú nuôi trong một số kiếp trước. Sau đó, kiếp này, con vật nuôi vẫn lại là con vật rất cưng quý của họ. Đây là một loại nghiệp đơn giản. Mặt khác, một hình thức của nghiệp đã tạo ra những hành động mạnh mẽ giữa con người với con người. Ví dụ, có những kẻ trong kiếp trước, họ đã đánh

cắp một số tiền từ người nào đó, hoặc bắt cóc một người nào, hoặc bắt giữ người nào làm tù binh. Có thể họ buộc những kẻ giúp việc, đàn bà con gái làm nô lệ tình dục, và kiểm soát chặt chẽ cuộc sống của họ. Sau đó họ bị cảnh sát truy nã, rượt đuổi, bị bắt và tống vào tù vì hành động của mình. Người đó chỉ làm theo thú tính và không thực hiện các hành vi đích thực của một con người. Do sự tiêu cực của nghiệp lực tạo ra điều này, đã khiến họ mất phẩm tính của một con người khi qua đời. Cho nên trong kiếp sống kế tiếp, họ phải mang thân loài vật. Vì vậy, tâm động vật mà họ tạo, giống như trong kiếp trước đây, nơi họ đã gây ra tất cả những hành động xấu, cho nên bây giờ họ phải mang thân động vật ở bên ngoài như vậy. Và nó cũng vẫn có nghiệp này nối kết với một hoặc nhóm người khác. Vì vậy, bây giờ thân con vật này được điều khiển bởi một người khác và phải ở trong căn nhà này hoặc mái chùa này. Con vật trở thành sở hữu của họ. Chúng được nuôi dưỡng cưng quý, và không thể rời xa chủ, và người chủ kiểm soát chúng.

Có thể con người rèn luyện hoặc bắt buộc các loài động vật để làm những công việc khổ nhọc cho họ, như kéo cày, chạy xe, chở nặng….hoặc sống trong một cái lồng, cũng giống như kiếp trước, tâm động vật của con người kiểm soát những người khác.

Tất cả các pháp sanh và diệt đều do nghiệp.

Tâm sanh thì các pháp sanh. Các pháp sanh thì hình thức sanh. Hình thức sanh thì đau khổ sanh.

Tâm diệt thì các pháp diệt. Pháp diệt thì hình thức diệt, Hình thức diệt thì đau khổ diệt.

Tất cả mọi thứ do tâm tạo.

Chúng ta sở dĩ mang thân này bất luận là hình dáng nào cũng đều xuất phát từ nghiệp lực của chúng ta, và nghiệp lực xuất phát từ suy nghĩ. Như chúng tôi đã nói trước đó, “Nghiệp của bạn tạo ra cơ thể của bạn, và cơ thể của bạn tạo ra nghiệp của bạn”. Hình dáng trời, người, a-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, tất cả xuất phát từ Nghiệp. Nghiệp tạo ra kiếp trước của bạn, quyết định loại “thân hình” gì mà bạn mang lấy trong đời này. Đây là ý nghĩa của “Nghiệp bạn tạo ra thân bạn”.

Bây giờ hầu hết mọi người không thấy được nghiệp của họ, có nghĩa là họ đã dính mắc với suy nghĩ của họ, hình dáng, điều kiện và tình huống mà tâm và thân đã tạo ra. Bởi vì họ đã bị dính mắc với hình thức này, họ tiếp tục lặp lại nghiệp phát sanh từ những sự ham muốn cho thân họ và thậm chí tạo ra sâu sắc hơn và mạnh mẽ hơn. Đó là ý nghĩa "Thân bạn tạo ra nghiệp của bạn". Chu kỳ vòng quanh, vòng quanh, càng tạo ra đau khổ nhiều hơn cho bản thân họ và cho cả thế giới này. Đó là vòng luân hồi sinh tử, hoặc chu kỳ bất tận của sanh, già bệnh, chết. Cũng còn gọi là Vô minh. Đôi khi chúng tôi gọi nó là niềm đau nỗi khổ.

Do đó, nếu Tâm sanh thì các pháp sanh. Khi các pháp sanh, thì sắc tướng sanh. Khi sắc tướng sanh thì nó luôn luôn vẫn còn lại chu kỳ thay đổi và sau đó trở về Không. Chúng ta tạo ra hình sắc và trở nên dính mắc với nó, nhưng nó không tránh được sự thay đổi và hủy diệt. Cho nên khi bị dính mắc, chúng ta nhận lấy đau khổ. Nhưng khi tâm không sanh, thì pháp chẳng sanh, khi pháp chẳng sanh, thì tất cả các sắc tướng chẳng có. Điều này có nghĩa là tất cả các nghiệp biến mất, vì vậy khổ đau cũng bị biến mất. Đức Phật dạy rằng: "Tất cả do tâm tạo". Nếu bạn có tâm, bạn luôn luôn có nghiệp, và nghiệp này điều khiển bạn. Nó luôn luôn gây ra đau khổ cho bạn và cho thế giới này. Nhưng nếu bạn giữ tâm không thì chẳng bao giờ có gì để xuất hiện. Khi bạn trở về Chân tánh của bạn, không còn bất kỳ danh xưng hoặc hình thức. Không có nghiệp và không còn đau khổ nữa.

Vì vậy, nghiệp rất đơn giản. Ngay bây giờ bạn thích thứ gì? Tâm tạo ra nhớ tưởng tiếp nối liên tục. Tất cả điều này hình thành đời sau của bạn, như những hạt ngọc trai kết xâu với nhau trên vòng cổ. Trong cõi đời này, nhân quả luôn luôn rất rõ ràng, không chỉ nơi lãnh vực con người, mà tất cả mọi thứ bạn nhìn thấy. Nếu mưa đến, hoa lá xuất hiện ở khắp mọi nơi. Nếu không có mưa, những bông hoa không phát triển. Khi mặt trời mọc, chiếu soi ánh nắng, khí hậu ấm áp. Khi mặt trời lặn hoặc bị mây che khuất, thời tiết mát mẻ. Điều này cũng chính xác trong cuộc sống con người. Nếu bạn muốn chuyển hóa nghiệp của bạn, cần phải tu tập tinh chuyên mạnh mẽ. Sau đó, bạn có thể kiểm soát nghiệp của bạn và sử dụng nghiệp này để cứu giúp tất cả chúng sanh. Đó là điểm rất quan trọng.

Kể từ khi bạn chia sẻ nghiệp đồng dạng với một số người khác, bạn có thể tác dụng mối quan hệ nhân duyên này gây tổn thương hoặc giúp đỡ họ. Hầu như tất cả mọi người dính mắc sâu sắc với suy nghĩ, do đó nghiệp gắn liền với họ. Họ hoàn toàn say ngủ, và đa số họ không thể giúp đỡ người khác. Nếu bạn quét sạch mọi suy nghĩ và ham muốn, bạn sẽ tỉnh thức. Còn như bạn giữ tâm suy nghĩ, thì cuộc sống hàng ngày của bạn chỉ là giấc mơ. Tỉnh thức từ giấc mơ này thật là khó khăn hơn thức dậy từ một giấc mơ đang ngủ bình

thường, vì vậy bạn phải cố gắng thật nhiều. Khi tỉnh thức, bạn có thể kiểm soát nghiệp của bạn, điều này sẽ giúp được những người xung quanh bạn. Vì vậy, bạn cần phải tỉnh thức!

Năm trăm năm trước đây, tại Hàn Quốc có nhiều vị Pháp sư nỗi tiếng và giàu có. Lúc bấy giờ, các nhà sư “đại gia” này nắm nhiều tài sản và tiền bạc. Họ muốn tạo thanh thế cho mình, bằng cách cho tiền các đệ tử của mình đi học Kinh giáo. Một nhà sư giàu và có thế lực thì có rất nhiều đệ tử giỏi, còn các nhà sư nghèo thì có rất ít đệ tử.

Sau khi thu nhận chín mươi chín người đệ tử xuất gia trong nhiều năm qua, vị Pháp sư giàu có đầy quyền lực trong câu chuyện này quyết định sẽ chọn người đệ tử cuối cùng và sau đó ông nghỉ hưu. Người đệ tử trẻ xuất gia thứ một trăm có tên là Dol Um, được sư phụ chu cấp thực phẩm, quần áo và tiền bạc, gởi đi đến một trường Phật học nổi tiếng để tham học giáo lý kinh điển. Trải qua ba năm, chú đệ tử này học hành rất chăm chỉ và chuyên sâu.

Một hôm, chú tự nghĩ: Những kinh điển này thật sự không cần thiết, vì tất cả kinh giáo chỉ nhằm vào việc chuyển hóa tâm linh. Nếu tâm mình rỗng không, thì sử dụng kinh điển để làm gì? Chú hiểu rằng cần phải đi vào một Thiền viện để thực hành thấu đạt tâm tánh. Vì vậy, người đệ tử trẻ này bèn đến thưa chuyện với sư phụ của mình: –Bạch sư phụ. Chúng ta chỉ đọc tụng, giảng thuyết kinh điển suông thì không tốt. Cần phải đi đến một Thiền viện để tấn đạo nghiêm thân, giải quyết chuyện sanh tử. Con nhìn thấy Sư phụ tuổi đã già rồi, không bao lâu nữa sẽ chết. Vậy khi nào sư phụ mới chịu buông đi ? Vị Pháp sư trả lời: –Ta không biết. Con nói phải lắm! Ta cũng muốn cùng đi với con. Nhưng ai sẽ chăm sóc chùa chiền, đất đai, trang trại, tất cả tài sản của thầy đây? –Bạch sư phụ, thầy đã có 99 người đệ tử đều có khả năng làm việc. Sao thầy không giao lại hết mọi thứ cho họ đãm nhiệm. –Được rồi. Con nói đúng lắm! Vậy thì thầy quyết định ngày mai chúng ta sẽ ra đi. Không ai trong số các tu sĩ khác có được phong cách như vị sư trẻ này. Tất cả họ chỉ nghĩ rằng: "Tôi muốn được giàu có, tôi muốn trở thành một Pháp sư nổi tiếng". Nhưng chú đệ tử trẻ thứ một trăm này rất thông tuệ. Sư phụ của chú từng nghĩ: “Đức Phật đã hộ giúp cho ta, khiến cậu bé đặc biệt thông minh này đến đây làm đệ tử sau cùng của ta. Thật là nhân duyên tốt để nối tiếp sự nghiệp ta sau này".

Thế rồi có một cuộc họp toàn bộ tu viện diễn ra. Vị Pháp sư thông báo với mọi người rằng ông sẽ đi đến Thiền viện cùng người đệ tử út trẻ tuổi này một thời gian. Sau đó

ông bảo tất cả mọi người ở lại quản tự, chăm sóc ruộng đồng và trang trại rộng lớn của ông, mỗi nhà sư được giao một số trách nhiệm. Sáng sớm hôm sau, hai thầy trò khăn gói hành trang, nói lời tạm biệt cùng đại chúng rồi lên đường. Sau khi đi bộ khoảng ba dặm dọc theo sườn núi, họ dừng lại để nghỉ ngơi và uống chút trà. Bất chợt người đệ tử nhìn xuống tu viện của thầy mình nằm phía dưới thung lũng xa xa, nhận ra một đám cháy. –Bạch sư phụ, nhìn kìa ! Có một đám cháy! –Ôi! Đó là kho lẫm của ta. Thôi con hãy đi một mình đi. Còn ta phải quay về chùa. – Bạch sư phụ, còn không bao lâu nữa thầy sẽ chết. Thầy đi đâu? –Ta phải trở lại thôi ! Vị Pháp sư nói xong rồi chia tay quay về tu viện của ông. Dol Um nhận ra rằng sư phụ của mình có nhiều nghiệp chướng vướng mắc, không thể thay đổi tâm ông được. Dol Um bèn đi thẳng đến Thiền viện.

Sau ba năm, một hôm, vị Pháp sư nổi tiếng này qua đời, tin tức về cái chết của ông cũng lan xa thật nhanh và rộng khắp. Dol Um không thể về thọ tang Thầy, vì còn trong

thời kỳ phát nguyện nhập thất. Thắm thoát, Đại trai đàn siêu độ 49 ngày của vị Pháp sư đã được cử hành trọng thể, với hàng ngàn khách thập phương tham dự. Nhiều Tăng Ni đến cầu nguyện và dự lễ cúng dường Trai Tăng. Các đệ tử xuất gia cũng nhận phần phân chia tài sản, tiền bạc của sư phụ họ để lại. Dol Um xuống núi về dự lễ này. Ông gặp một vị sư huynh làm thủ tọa, vị ấy nói: –Sư đệ thật quá tệ bạc! Khi sư phụ qua đời, đệ không về đốt một nén nhang và thọ tang Thầy. Rồi bây giờ về chỉ để mong được chia của ư !? Dol Um đáp: –Thưa sư huynh, không phải thế. Đệ không muốn chia chác bất cứ thứ gì, dù là điền sản hoặc tiền bạc. Xin vui lòng cho đệ vài bát cháo là được rồi. Vị sư huynh trả lời: – Chỉ như vậy thôi sao? " – Thưa vâng. –Thế thì tốt . Dol Um bèn đến chỗ lễ đàn thí thực, lấy mấy tô cháo mang đến cánh đồng rộng ở ngoài khu vực chùa, nơi có những tảng đá lớn dùng để đập lúa, rồi đặt mấy tô cháo tại đó. Ông bèn trở lại phương trượng và đánh vào một gốc cột ba lần. Ngay lập tức, một con rắn lớn xuất hiện bò ra ngoài chỗ tảng đá, và uống hết tất cả các tô cháo. Dol Um rão bước theo đến nơi, nghiêng đầu về con rắn và nói: –Thưa sư phụ, sao thầy phải mang thân rắn như vầy?

Rắn nói: "Ta xin lỗi. Vì ta không nghe lời con, nên bây giờ ta phải chịu mang thân làm rắn này". –Tại sao thầy trở thành một con rắn? –Vì khi hiện tiền ta thích cạnh tranh, tham quyền, ham chức, đôi khi sanh lòng ganh ghét thù hận, nên đến lúc sắp sửa mệnh chung, thần thức của ta tương tự như một con rắn, luôn luôn luyến tiếc của cải, khát vọng mọi thứ. Do đó, cận tử nghiệp chiêu cảm, muốn được lột da sống đời, nên sau khi ta chết, khiến phải bị làm thân rắn này! Sau đó, rắn bắt đầu khóc. Dol Um nói: –Thưa thầy, nghiệp duyên trong vòng sanh tử, vì thầy tạo ra quá nhiều chướng nặng, khởi tâm ham muốn, chấp giữ đủ thứ. Thầy đã ăn tất cả các tô cháo nhưng vẫn chưa đủ. Mang thân rắn này không tốt cho thầy. Nó chỉ là một cơ thể dục vọng, thèm khát, nuối tiếc, ganh tỵ và hận thù. Thầy phải đập đầu vào đá chết đi để khỏi mang nghiệp rắn này nữa! Rắn trả lời: –Ồ, thân này cũng không phải là quá xấu! Ta không đủ can đảm làm điều đó được! –Thầy phải cố gắng! Con sẽ cứu độ cho, rồi im lặng. "Thầy phải cố gắng!" Tức thì Dol Um đập con rắn ba lần, giết nó chết. Một làn khói xanh xuất ra từ xác rắn bay đi. Dol Um chạy theo sau nó. Có đôi chim đang giao hợp gần đó, làn khói bắt đầu cho rằng đây là hình thể của nó muốn nhập vào. Dol Um hét lên: "Thưa sư phụ, không tốt". Một lần nữa, làn khói bay đi và muốn nhập vào thân một con bò cái. Dol Um lại hét lên: "Thưa sư phụ, không tốt". Sau đó, làn khói bay xa hơn và xa hơn vào tận khu rừng bên đồi, đến một ngôi nhà nhỏ, nơi có đôi vợ chồng dân quê trung niên sinh sống, làn khói bay quyện vô nhà. Dol Um ngồi bên ngoài chờ đợi khoảng một giờ, và sau đó đứng dậy gõ vào cửa trước. Chủ nhà bước ra mở cửa và tỏ vẻ ngạc nhiên với một người xa lạ đến nơi hoang vắng này. Dol Um cúi đầu thi lễ: –Xin chào, hai ông bà có khỏe không? –Cảm ơn. Thầy là ai, lý do gì lại đến nơi hẻo lánh này? –Tôi đến đây để báo tin cho vợ chồng biết rằng nhà này sẽ sớm sanh một bé trai. – Thầy nói cái gì? Chúng tôi tạo lập gia đình đã hơn hai mươi năm nhưng chưa có một mụn con nào. Thầy sai lầm rồi. Vợ tôi bây giờ bốn mươi lăm tuổi. Làm sao có thể có con được? –Vâng, nhưng nếu ông bà không tin tôi thì nếu khi có con phải giao nó cho tôi được không nhỉ ? –Được rồi, nếu chúng tôi có con, chúng tôi sẽ thực hiện điều đó. –Thế thì tốt lắm. Tôi sẽ trở lại sau một năm nữa.

Thời gian trôi qua, bụng của người phụ nữ bắt đầu có triệu chứng mang thai. Cặp vợ chồng này nhìn nhận rằng nhà sư trẻ đã nói đúng. Họ rất hạnh phúc. Sau chín tháng cưu mang, họ đã hạ sanh một cậu bé kháu khỉnh. Lúc đó, Dol Um xuất hiện. Người chồng tỏ ra rất vui: –Thưa thầy, quả thật thầy đoán như thần! Chúng tôi vừa hạ sanh một đứa con trai kháu khỉnh. – Ồ, thật là tuyệt vời! Vậy bây giờ ông bà hiến tặng cho tôi đứa bé này được chứ? –Ồ, không! Thưa thầy, làm sao có thể như vậy được? –Nhưng ông bà đã hứa với tôi trước đây rồi mà! –Dạ không thể được. Nó là đứa con trai duy nhất của chúng tôi. Sau khi sống ở đây hai mươi năm, chúng tôi dốc lòng cầu nguyện muốn có một mụn con, cho đến bây giờ mới được! Làm sao giao nó cho thầy? –Thôi, không sao. Tôi xin báo trước là cậu bé này sẽ không sống quá ba năm. Ông bà phải nhớ kỹ điều này. Một ngày nào đó tôi sẽ trở lại thăm cháu. Nói xong Dol Um từ giả ra đi. Cậu bé lớn dần được tròn tuổi thôi nôi, rồi hơn hai tuổi, mà không có chuyện gì xảy ra. Cha mẹ cậu bé nghĩ rằng nhà sư này đã nói sai. Vào một ngày nọ cậu bé bỗng nhiên biếng ăn mất ngủ, càng trở nên ốm yếu xanh xao, suốt mấy hôm liền như người dã dượi gần chết. Cha mẹ cậu hết sức lo lắng. Đúng ba năm sau, từ khi cậu bé được sinh ra, Dol Um lại xuất hiện một lần nữa. –Chào ông bà, con trai của quý vị ra sao rồi? –Có lẽ nó sẽ chết sớm. Người cha đứa bé nói trong tuyệt vọng rồi im lặng. –Điều này tôi đã nói với ông bà trước đây rồi mà. –Vậy bây giờ chúng tôi sẽ làm gì đây? – Chỉ còn cách là ông bà phải giao cậu bé cho tôi mới mong hy vọng cứu sống. –Thưa được. Tất nhiên như vậy rồi. Ngay khi trao cậu bé trong tay Dol Um, cậu bé vui cười, nét mặt trở nên tươi tắn hồi sinh, bệnh tật tự nhiên biến mất. Cha mẹ cậu bé cuối cùng đã nhận ra rằng con của mình ắt có nhân duyên sâu đậm với vị tu sĩ trẻ này, vì vậy họ chấp thuận cho cậu bé. Dol Um đem cậu bé về chùa chăm sóc mỗi ngày thật tốt, và không bao giờ ốm đau nữa. Vài năm trôi qua. Một ngày nọ, trong khi Dol Um đang ngồi thiền, cậu bé đi vào nhà bếp và lấy một con dao. “Ta sẽ giết chết nhà sư này”. Cậu nghĩ như thế. Ngay khi cậu bé sắp tấn công, Dol Um quay lại và nói: – Hảy bỏ dao xuống và đến đây. Cậu có biết tôi là ai không? Tại sao cậu lại muốn giết tôi? Dol Um tự nghĩ mình đã ra tay giết con rắn để cứu sư phụ khỏi đọa thân rắn, bây giờ sư phụ tái sanh cậu bé muốn giết lại mình. Tuy là nhân quả báo ứng, nhưng không thể như vậy được. Cậu bé nói: –Ta không hiểu, chỉ vì ta không thích ông, cho nên ta muốn giết ông.

–Tại sao? –Ta không biết nữa. Cậu bé lấy làm hoang mang, lúng túng với cảm xúc mạnh mẽ. Dol Um từ tốn nói: –Trong tương lai, cậu sẽ hiểu, nhưng không phải bây giờ, chỉ khi nào cậu nhận ra được Chân tánh chính mình. –Vâng, thưa thầy. Nhưng làm thế nào? Dol Um dẫn cậu bé đến một cửa sổ làm bằng giấy bổi trắng dày và chọc thủng một lỗ nhỏ rồi căn dặn cậu bé: –Cậu phải ngồi đó và chú ý xem qua lỗ này cho đến khi thấy một con bò mộng xuất hiện rồi hãy cho tôi biết. Chỉ như vậy và không suy nghĩ về bất cứ điều gì khác. Nhớ kỹ rằng chỉ canh chừng con bò mộng. Lúc đó cậu sẽ nhận ra Chân tánh của cậu. Do vậy, cậu bé chỉ ăn, ngủ, và nhìn qua cái lỗ trên cửa sổ bằng giấy này rồi tự hỏi: “Khi nào con bò xuất hiện?” Cậu giữ tâm sáng suốt hồn nhiên của mình, chỉ luôn luôn hỏi câu này. Từng ngày trôi qua cho đến gần một trăm ngày, một hôm, cái lỗ trên cánh cửa sổ trở nên lớn dần, lớn dần và thật lớn. Sau đó con bò khổng lồ đã xuất hiện và kêu: Mooooo! –Ôi chao! Cậu bé kêu lên. Thầy ơi! Thầy! Con bò thật to đã đến

kia kìa! Dol Um vội vàng chạy lại và tát vào mặt cậu bé, quát: – Con bò bây giờ ở đâu? –Ồ! Ôi đau quá! Lúc đó cậu bé đã tự liễu tri hoàn toàn, và đạt được tỏ ngộ. Sau đó, cậu nhìn vào vị thầy trẻ của mình và nói: –Này, này, chính ông là đệ tử của ta ngày xưa. –Vâng, thưa thầy đúng thế, Dol Um vừa nói vừa cúi đầu thi lễ. Đây là câu chuyện giáo huấn về sự "Tỉnh thức!" Cậu bé này đã sớm tỉnh thức. Trong cuộc sống kiếp trước là vị Pháp sư đã có nhiều ham muốn và ganh tỵ nên không thể tỉnh thức. Người học trò của ông rất quý mến ông và quan tâm cứu giúp ông. Dol Um hiểu được tâm của thầy mình, vì vậy khi thấy thần thức của thầy tìm chỗ thọ thân tái sanh, Dol Um chạy theo làn khói màu xanh để hướng dẫn cho thầy. Người đệ tử thứ một trăm và vị Pháp sư này đã có duyên nghiệp kết nối với nhau. Vì vậy trong kiếp sau của họ cũng lại là tình thầy trò. Thật là thú vị. Có chung nghiệp để kết duyên lành rất là quan trọng. Nhưng có phương hướng rõ ràng là quan trọng nhất. Trước khi Dol Um tu tập tại Thiền viện, chú không thể sử dụng nghiệp của mình chung với sư phụ. Sau khi chú tỏ ngộ, chú hiểu tâm của thầy mình rất tốt, đã nuôi dạy chúng tăng tu học và rất mực thương yêu chú. Vì vậy, trước tiên bạn phải tìm ra Chánh đạo, kế đó thấu hiểu nghiệp lực của bạn, và sau cùng bạn có thể sử dụng nghiệp lành này mạnh mẽ để phụng sự và giúp đỡ với những người khác. Chỉ bằng cách này bạn có thể cứu độ tất cả chúng sanh thoát khỏi khổ đau.

Sáu Hạnh Ba La Mật

1) Bố thí (Generosity)
2) Trì Giới(Precepts)
3) Nhẫn Nhục (Perseverance)
4)Tinh tấn(Effort)
5)Thiền định(Samadhi)
6) Trí tuệ (Wisdom)

Sáu hạnh Ba la mật này hướng dẫn thiết thực cho quan điểm của Phật giáo Đại thừa. Chúng ta đã nói về một số giáo lý của Phật giáo Tiểu thừa trong đó có Ba pháp quán chính là Quán Vô thường, Quán Bất tịnh, và Quán Vô ngã. Đối với Phật giáo Đại thừa, đó là Sáu ba la mật, Con đường tu tập và thực hành hạnh Bồ tát. Nó chỉ ra phương hướng cho chúng ta để lập thệ nguyện, từ đời này sang đời khác tu tập chăm chỉ và đạt được giác ngộ để cứu độ tất cả chúng sanh.

Ý nghĩa của sự "vị tha" rất rõ ràng. Mọi người đều có tài sản. Nhưng tại sao bạn có được và gìn giữ những điều này? Chúng chỉ là niềm vui riêng của bạn, hay là phương tiện để bạn giúp đỡ kẻ khác? Đây là điểm rất quan trọng. Nhiều người ôm giữ mọi thứ cho mình, hoặc cho gia đình của mình. Đây là nguyên nhân dính mắc luôn luôn dẫn đến đau khổ. Khi bạn chết, bạn có thể mang theo được gì? "Đến tay không, đi tay không, đó là kiếp con người". Một câu ngạn ngữ nổi tiếng trong giáo lý Thiên chúa cũng nói: "Tấm vải liệm không bao giờ có túi". Và thậm chí bạn không thể lưu giữ lại xác thân này lúc bạn ra đi!

Vì vậy, con người không thể mang theo bất cứ thứ gì. Tại sao chúng ta bị dính mắc với những thứ phụ thuộc của chúng ta trong đời này? Dù cho bạn có nhiều tài sản giá trị,

chúng không thể giúp Chân ngã của bạn. Chúng ta phải nhớ rõ điều này. Vì vậy, Phật giáo Đại thừa dạy lòng quảng đại vị tha để giúp chúng ta giữ phương hướng rõ ràng. Cuộc sống của tôi chỉ dành cho tất cả chúng sanh, vì vậy tài sản của tôi cũng chỉ để phụng sự cho tất cả chúng sanh. Nếu tiền thu vào cũng tốt. Tiền cho ra cũng tốt. Làm thế nào để tiền của tôi và những thứ tôi có, đều có bổn phận giúp đỡ những chúng sanh khác? Và tấm lòng vị tha rộng lượng bao dung này không áp dụng chỉ để dành thủ đắc cho những đối tượng vật lý: Tất cả mọi thứ tôi có và tất cả mọi việc tôi làm chỉ vì cho tất cả chúng sanh.

Chúng tôi đã từng nói về Giới luật. Đây là một phần rất quan trọng của giáo lý Phật đà. Trong sự tu tập Phật giáo Tiểu thừa, bạn vâng theo các giới luật để giữ tâm thanh tịnh. Nếu tâm của bạn thanh tịnh, một ngày nào đó bạn sẽ đạt được đạo quả Niết bàn và vượt thoát khỏi thế giới khổ đau này. Giới giống như hàng rào bảo vệ bạn khỏi sự dữ. Giới ngăn ngừa những kẻ trộm không ăn cắp kho báu của bạn. Giới luật Đại thừa cũng giống như giới luật Tiểu thừa, nhưng sự thực hành có một chút khác nhau. Trong truyền thống Đại thừa, Giới luật và sự tu tập của tôi không chỉ cho tôi mà cho tất cả chúng sanh. Vì vậy, tôi giữ giới luật không chỉ cho bản thân mình, mà còn để phụng sự cho kẻ khác. Điều này có nghĩa là đôi khi, trong một số trường hợp, cần phải phá giới để giúp đỡ người khác tốt hơn nhiều so với giữ chặt giới luật. Nếu tâm bạn sáng suốt, thì việc giữ giới và tùy duyên phá giới cũng là sự tu tập chính xác. Quan trọng nhất là tại sao bạn làm điều đó? Mục đích cho riêng bạn, hoặc vì tất cả chúng sanh?

Nếu bạn giữ giới luật chỉ cho chính mình được trong sạch, đôi khi đó không phải là sự tu tập sáng suốt. Thí dụ, một hôm bạn đang đốn củi trên núi, thình lình có một con thỏ chạy xuống bên cạnh nơi bạn đang có mặt. Rồi nó chạy đến một ngã ba rẽ sang bên phải núp vào một buội cây. Một lát sau, người thợ săn mang một khẩu súng đuổi theo nó. Người thợ săn nhìn thấy bạn đứng đó và hỏi: “Ông có thấy con thỏ chạy qua đây không?” Bạn đã thọ giữ năm giới. Một trong những giới quan trọng nhất mà Đức Phật đã dạy là không nói dối. Trên nhiều hoàn cảnh trong cuộc sống của mình, Đức Phật nhấn mạnh sự cần thiết phải giữ giới này. Bây giờ, nếu bạn nghĩ rằng: “Tôi phải giữ giới. Tôi là một Phật tử. Tôi cần giữ tâm trong sạch, không thể nói dối.” Rồi bạn chỉ cho tên thợ săn biết là con thỏ chạy về hướng đó, rẽ sang ngã đó và nó đang núp trong buội cây kia. Chứng tỏ bạn không nói dối. Sau đó, tên thợ săn này sẽ nghe theo bạn, tìm thấy con thỏ và giết chết nó. Con thỏ chết, tên thợ săn tạo ra nghiệp sát với con thỏ, còn bạn vô tình, được gọi là giữ giới cho chính mình. Nhưng hành động đó bạn đã gián tiếp giết chết con thỏ. Như vậy tâm bạn rất hẹp hòi, (không có lòng Từ bi cứu khổ cứu nạn), thiếu uyển chuyển của việc thọ giữ giới luật.

Tuy nhiên, nói một cách khác, bạn hãy trải tâm rộng mở trên bước đường hoằng pháp để bạn có thể hóa độ cho tất cả chúng sanh. Với phương cách này, tâm bạn phải sáng suốt trong từng giây phút, để khi bạn hành động chỉ vì chúng sanh. Do vậy, khi gặp tên thợ săn hỏi bạn, bạn không nên tạo ra nỗi đau buồn cho con thỏ, nó có thể chết nếu bạn nói ra sự thật. Ngoài ra, bạn nhìn vào tên thợ săn này, phải biết rằng, tâm kẻ ấy chỉ muốn giết chết con thỏ, anh ta chỉ tạo ra nghiệp xấu hơn cho chính mình. Nghiệp xấu

này sẽ làm cho anh ta có rất nhiều đau khổ trong tương lai. Vì vậy, bạn chỉ cần đánh lạc hướng anh ta để cứu sống con thỏ: “Con thỏ vừa chạy về hướng này. Nhanh lên!” Bằng cách nói sai sự thật

như vậy, tuy bạn vi phạm một trong những giới quan trọng mà Đức Phật đã ban truyền.

Do vậy cách thực hiện giới này không phải dành cho bạn, mà là để giúp tình huống và điều kiện của riêng bạn tại thời điểm đó. Chúng ta phải nhận ra những gì giới luật đã chỉ dẫn cách thực hành uyển chuyển theo hướng cơ bản của nó. Giới tồn tại để chúng ta có thể cứu giúp tất cả chúng sanh. Vì vậy, bằng cách phá giới trong tình huống này, do bạn đã tác động mối Từ tâm ảnh hưởng sinh mạng của con thỏ. Bạn cũng đã cứu tên thợ săn giảm đi nghiệp xấu của anh ta. Trong truyền thống Phật giáo Đại thừa, giới luật không chỉ để giữ tâm được thuần thục, nhưng cho tất cả chúng sanh. Đôi khi chúng tôi gọi đây là “Giới tâm trong sáng”. Làm thế nào thực hiện chức năng của giới tâm trong sáng trong từng khoảnh khắc để phụng sự chúng sanh? Do vậy, trong những buổi lễ truyền giới, chúng tôi từng khai thị: “Cần phải biết khi nào giới được mở, và khi nào giới được đóng. Khi nào nên giữ giới và khi nào cần phá giới.” Đây là một loại mô hình tu tập rất quan trọng và vô cùng tế nhị.

Trong Kinh, Đức Phật dạy: “Ứng dụng hết thảy pháp, cứu độ hết thảy tâm. Khi giữ được tâm không, đâu cần hết thảy pháp?” Nếu bạn có tâm, sau đó có giới và cần phải giữ giới, đó là sự tu tập rất quan trọng. Nhưng nếu bạn đã thực sự quét sạch mọi suy nghĩ và không giữ bất cứ điều gì trong tâm, thì giới luật không còn cần thiết nữa. Tự do sử dụng tốt và xấu để giúp đỡ chúng sanh, như vậy cuộc sống của bạn đã là hành động Bồ tát rồi.

Một phần quan trọng khác của sự tu tập là “nỗ lực tinh tấn”. Trong hầu hết các truyền thống Phật giáo Đại thừa, mỗi buổi sáng được bắt đầu bằng lời nguyện: “Chúng sanh vô biên, thệ nguyện độ.” Điều này có nghĩa là từng niệm niệm, cuộc sống của tôi vị tha hơn là vị kỷ. Với quyết tâm, cho dù thuận duyên hay nghịch duyên, tình huống tốt hay xấu, khổ hay vui, tôi chỉ cố gắng phụng sự tất cả chúng sanh. Đôi khi chúng tôi gọi đây là “Tâm thử thách”. Cố gắng, cố gắng, cố gắng hằng vạn năm không ngừng nghỉ. Không chỉ trong đời này, tôi nguyện rằng trong đời sau và đời sau nữa tôi sẽ được tỏ ngộ và giúp đỡ mọi người thoát khỏi khổ đau. Đó là con đường tu tập của chúng tôi không bao giờ cùng tận, hạnh nguyện cứu độ tất cả chúng sanh của chúng tôi không bao giờ cùng tận. Đây cũng là Đại Bồ tát Đạo.

Thực hành không chỉ là tu thiền. Thay vào đó, từng giây phút hiện tiền bạn đang làm gì, phải làm đúng. Đó là cách nỗ lực tinh tấn, nó rất đơn giản, phải không? Không cần làm cho nó phức tạp. Nếu bạn thực hành theo phương hướng này một cách chăm chỉ, bạn sẽ đạt được tâm bất động. Trong bất kỳ điều kiện hoặc tình huống, tâm bạn trong sáng như hư không, và rõ ràng như một tấm gương: khi màu đỏ đến,hiện ra đỏ, màu trắng đến, hiện ra trắng. Gương không bao giờ lưu giữ bất cứ thứ gì, và nó cũng không di chuyển những gì

xuất hiện trong không gian vô cùng trống rỗng của mình. Sau đó, khi bạn thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm, và khi bạn suy nghĩ tất cả mọi thứ, "Chỉ-như-vậy" là sự thật. Đó là Thiền định (Samadhi) hoặc Đại định (Deep meditation).

Thiền định không gì đặc biệt. Nhiều người nghĩ rằng trạng thái Thiền hoặc Định là phải giữ tâm mạnh mẽ, sâu lắng, và không bị gián đoạn trong thời gian ngồi. Họ quan niệm: "Tôi phải 'Ngồi' tu tập chăm chỉ. Sau đó, tôi sẽ nhận được Định!" Loại nỗ lực này không tốt, không xấu. Nhưng thực sự Thiền định không chỉ là những gì bạn ngồi trên nệm. Chánh thiền là cách bạn giữ tâm luôn luôn vững chãi. Nhiều người có thể thực hành thiền định theo phong cách luyện nội lực hoặc khí lực của các võ sĩ (samurai): trên nệm, họ có trạng thái thiền định rất sâu. "–Ồ! Tôi đã trải qua hai giờ bất động. Thật là tuyệt vời!" Nhưng họ không thể thực hiện thiền định này kết nối với cuộc sống hàng ngày của họ. Loại tâm định này (Samadhi-mind) có thể tạo ra lối thiền đặc biệt. Đối với những phương cách tu tập này, thiền định và cuộc sống hàng ngày tách biệt nhau, không hoạt động hòa hài với nhau. Nhưng đúng Thiền định có nghĩa là giữ nhất tâm bất động trong mọi lúc, cho dù nằm, ngồi, đi, đứng, lái xe hoặc rửa bát…. Đây là Chân thiền định.

Vào thế kỷ thứ mười sáu, quân đội Nhật đánh chiếm Hàn Quốc. Những kẻ xâm lược đã tàn nhẫn hủy diệt các vùng nông thôn, cướp bóc các thành phố và đền chùa, chuyên chở những kho báu vô giá, đốt phá sạch đất đai và những gì còn lại. Tất cả mọi người dân nước Hàn rất lo sợ quân xâm lược. Một ngày nọ, một đội quân tiến vào khuôn viên của ngôi chùa Pae Yop trên núi Gul Wol, bây giờ thuộc Bắc Triều Tiên. Họ đuổi tất cả các tu sĩ trong chùa và bước vào Chánh điện để chiếm đoạt bức tượng Phật lớn bằng vàng.

Khi họ lao ra các cửa trước, những người lính thấy một vị sư già đang ngồi lặng lẽ trong bóng tối. Vị sư cũng không di chuyển hoặc nao núng khi họ tiến vào và bao quanh ông, họ vung kiếm, giáo, côn, lên đầu lão sư.

–Ông già kia! Hãy ra ngoài nhanh lên! Họ hét vào tai ông. –Rời khỏi nơi đây ngay bây giờ, hoặc chúng tôi sẽ giết ông liền tại chỗ! Nhưng tâm lão sư bình thản không hề nao núng, giống như tiếng hét vang vào một gốc cây đại thọ! Một vài tên lính dùng áp lực xô đẩy và kéo tai ông lên để buộc ông rời khỏi chỗ đệm ngồi. Những kẻ khác đâm phía sau lưng ông với các đầu cán dáo của họ. Tuy nhiên, vị sư già vẫn không nhúc nhích. Một tên lính chứng tỏ có đủ hỏa lực bắn cảnh báo trực tiếp vào trần nhà tô sơn lộng lẫy trên đầu lão sư. Bất thình lình, những tên lính khác nhảy vào tóm lấy lão sư, nhưng nhấc lên không nổi, ông hoàn toàn bất động. Rồi một tên sĩ quan kề vào mặt sư và nói: "Ông già, không sợ chết sao?" Cả đám lính vui cười chế nhạo.

Đột nhiên, nhà sư nhìn lên tên sĩ quan và hét lớn,"–Katz!" Vừa khi đó, một vị tướng lãnh chỉ huy đứng bên ngoài quan sát theo dõi tất cả những gì đã xảy ra. Với lòng ngưỡng mộ tâm bất động không sợ hãi của vị lão sư giữa những mối đe dọa và hành hung, viên tướng Nhật bước đến xin lỗi nhà sư. Sau đó, ông đã ra lệnh rút quân khỏi ngôi chùa, từ bỏ vị sư già và ngay cả Đức Phật bằng vàng cũng để lại. Đây là Chánh

định. Tâm không di chuyển bất kỳ tình huống hay điều kiện nào. Nếu bạn tu tập theo những phương thức này, “Thật Trí ” sẽ xuất hiện. Chúng tôi có thể nói rằng Trí tuệ là thuốc chữa vô minh. Khi bạn giữ tâm thanh tịnh và sáng suốt, Trí tuệ xuất hiện một cách tự nhiên bởi chính nó. Nếu như bạn tiếp tục thực hành và chuyển hóa sự trải nghiệm của bạn, thì tâm thanh tịnh và tâm sáng suốt là những con đường khác nhau dẫn đến Trí tuệ. Trong nhiều truyền thống của Phật giáo, điều trọng yếu là cố gắng giữ tâm thanh tịnh và giải thoát khỏi mọi tỳ vết nhơ nhiễm. Vì vậy, các truyền thống này luôn luôn dạy về việc Quán Bất tịnh. Bạn phải thấy rằng tất cả mọi thứ đều nhơ nhiễm, và sau đó bạn có thể loại bỏ sự nhơ nhiễm để đạt được tâm thanh tịnh. Nhưng Phật giáo Đại Thừa và Thiền dạy rằng, nếu bạn không tạo ra tâm, không tâm, sau đó, tâm của bạn sáng rõ như hư không, có nghĩa là tâm bạn đã vượt qua trong sạch và nhơ nhiễm. Khởi nguyên, tịnh và bất tịnh không có mặt.

Vì vậy, kinh nghiệm và chức năng của tâm thanh tịnh và tâm sáng suốt rõ ràng khác nhau. Thí dụ bạn có một em bé. Tâm của em bé này rất hồn nhiên trong sáng. Nó không có những ý tưởng mạnh mẽ về cuộc đời. Nó không có quá nhiều dính mắc nhơ nhiễm và ham muốn. Tâm của nó rất đơn giản: khi đói thì đòi ăn, khi thèm sữa thì đòi bú, khi no thì ngủ. Đây là “Tâm đơn giản”. Nó rất thanh khiết và không tỳ vết. Một vài truyền thống Phật giáo Nguyên thủy nhấn mạnh điểm này: “Chúng ta phải loại bỏ tất cả mọi thứ bất tịnh từ tâm trí của chúng ta và trở về thuở nguyên sơ thanh khiết.”

Phương pháp giảng dạy này không tốt cũng không xấu. Điều quan trọng là trải nghiệm “tâm nguyên sơ” thanh khiết của bạn, cần tiến thêm một bước nữa. Nếu bạn chỉ giữ tâm thanh tịnh thì trí tuệ của bạn không thể phát triển. Chúng ta hãy nhìn lại em bé này, tâm nó rất trong sạch, thuần khiết. Nó không có quá nhiều dính mắc, không tỳ vết của ham muốn. Nhưng chỉ có tâm trong sạch là chưa đủ. Làm thế nào để chức năng của tâm trong sạch giúp đỡ người khác? Nếu mẹ của đứa trẻ này mắc bệnh nặng, bị thương hoặc có vấn đề gì, thì đứa bé này không thể đáp ứng với tình huống đó để giúp đỡ cho mẹ nó.

Cũng giống như vậy, khi những người khổ đau xuất hiện, có những tình huống mà không có giải pháp rõ ràng để giúp đỡ, thì cũng nên cần phải phá vỡ một giới luật để thực sự giúp đỡ họ. Cái tâm chỉ muốn trở thành thanh tịnh thì không thể luôn luôn có được chức năng tốt. Trên bước đường tu tập, nếu bạn chỉ mong cầu đạt được tâm thanh tịnh thì

không thể chỉ bày cho người đệ tử làm cách nào để nuôi dưỡng một tâm trí tự nhiên, thanh thoát, uyển chuyển sáng suốt trong mọi tình huống. Tâm thanh tịnh không thể luôn luôn đáp ứng một cách tỉ mỉ, khi những tình huống khác nhau xuất hiện. Nhưng với năng lực Trí tuệ, nghĩa là tâm sáng suốt của bạn có thể hoạt động một cách tự nhiên trong mọi tình huống tốt và xấu,nó đều có thể sử dụng để giúp đỡ mọi người. Đây là “Thật trí ”rất quan trọng, nó vượt lên trên tốt và xấu, thanh tịnh và bất tịnh.

Do vậy, bạn phải luôn luôn giữ tâm sáng suốt, trong từng khoảnh khắc, tức thì tâm bạn có chức năng rõ ràng để giúp đỡ tất cả chúng sanh. Thông qua đó, bạn có thể chuyển

hóa hành động và sự hiểu biết của bạn, làm cho trí tuệ được tăng trưởng. Cuối cùng, khi bạn thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và khi bạn suy nghĩ, tất cả mọi thứ, "Chỉ-như-vậy", là Chân lý. Trời xanh. Cây xanh. Chó sủa,- Gâu! Gâu! Đường ngọt. Khi bạn đói thì làm gì? Khi bạn mệt phải làm gì? Một người đau khổ đến với bạn, bạn có thể làm gì? Thực hiện đúng chức năng như vậy, đó là Trí tuệ. Nó không có gì là phức tạp.

Tham Thiền Phật giáo

1) Nhập thử môn nội, mạc tồn tri giải. Bước qua cổng này, chẳng cần biện luận.

2) Bất lập văn tự.Giáo ngoại biệt truyền.
Trực chỉ nhân tâm. Kiến tánh thành Phật.
Không dùng chữ nghĩa.Truyền ngoài Kinh giáo.
Chỉ thẳng tâm người. Thấy tánh thành Phật.
3) Phật thuyết nhứt thiết pháp,
Dĩ độ nhứt thiết tâm.
Nhược vô nhứt thiết tâm.
Hà dụng nhứt thiết pháp?
Phật nói tất cả pháp. Để độ hết thảy tâm. Nếu hết thảy không tâm. Đâu dùng tất cả pháp?

Thiền có nghĩa là thấu tột về Chân ngã. "Ta là gì?" Mọi người đều nói, "Tôi là". Descartes nói: "Tôi suy tư, do đó tôi hiện hữu". Chúng ta luôn luôn nói "Tôi". Nhưng cái Tôi này là gì? Tôi này đến từ đâu? Khi bạn chết, nó đi đâu? Đây là những câu hỏi quan trọng nhất mà bạn có thể chưa từng hỏi. Nếu bạn đạt được cái "Tôi"này, bạn đạt được tất cả mọi thứ. Bởi vì cái Tôi này là một phần của bản thể vũ trụ, bản thể của bạn, bản thể cái bàn này, bản thể cây gậy thiền này, mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, tất cả mọi thứ đều cùng bản thể như nhau. Vì vậy, nếu bạn muốn thấu rõ Chân tánh của bạn, trước tiên bạn phải nhận ra bản thể uyên nguyên của bạn. Điều này có nghĩa là bạn phải nhận ra bản thể vũ trụ và bản thể của tất cả các pháp.

Nhưng nói như vậy cũng có vấn đề. Bản thể nghĩa là Tuyệt đối. Trong Tuyệt đối không có đối lập. Chữ nghĩa và lời nói của chúng ta tất cả đều là suy nghĩ đối lập. Do vậy, trong một niệm, thậm chí bạn nói "Tuyệt đối", nó không còn là Tuyệt đối nữa. Trong một niệm bạn nói "bản thể", nó không còn là bản thể nữa. Bạn đã tạo ra thế giới của các mặt đối lập.

Một vị Tổ sư nổi tiếng từng nói: "Ngay cả sự tuyên dương Đức Phật cũng như là đống phân bón trong đầu bạn." Đây là điểm giống nhau. Chân thể, Chân tánh và Chân lý đều vượt ra ngoài lời nói và chữ nghĩa. Vì vậy, thuở xưa, một vị Cổ đức nói: "Dáng thật xưa nay chẳng có lời. Tâm chơn tự thể vốn bất động". Nếu bạn mở miệng, bạn tin dựa vào lời nói và chữ nghĩa, do đó, bạn đã đánh mất Chân lý. Chữ nghĩa và lời nói không thể diễn tả thời điểm này. Chữ nghĩa và lời nói không thể diễn tả Chân tánh của bạn. Vì vậy, chúng tôi thường nói: "Im lặng tốt hơn thần thánh". Đó là điểm trọng yếu.

Mọi hiện tượng sự vật trên thế giới này, kể cả mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, núi, sông và cây cỏ, tất cả mọi thứ liên tục đều di chuyển. Nhưng có một vật không bao giờ di chuyển, không bao giờ đến hoặc đi. Nó chẳng sanh, chẳng diệt. Vậy vật bất động này là gì? Bạn có thể cho tôi biết không? Nếu bạn khám phá ra điều đó, bạn sẽ khám phá Chân ngã của bạn và đạt được bản thể vũ trụ. Nhưng sự hiểu biết không thể giúp bạn tìm thấy điểm đó. Thậm chí một trăm bằng Tiến sĩ cũng không thể chỉ ra Chân tánh của bạn. Nếu bạn đã đọc hết tám vạn bốn ngàn Kinh điển, tìm hiểu tất cả lời giáo hóa của Đức Phật, và nghiêm túc nghiên cứu tất cả những lời khai thị của hầu hết các vị Thiền sư nổi tiếng, bạn cũng sẽ không bao giờ "Thấy tánh" bằng sự hiểu biết như thế. Không phải chỉ có phấn đấu hoặc tu tập cực nhọc, để nó giúp cho bạn quán chiếu về Chân tánh của bạn. Chân tánh của chúng ta không thể tìm kiếm trong sách vỡ và nghiên cứu học tập, bởi vì Chân tánh có trước văn tự và lời nói. Nó trước khi suy nghĩ. Nếu bạn nhận ra rằng thời điểm trước khi suy nghĩ, ngay nơi đó có thể đạt được Chân ngã của bạn. Vì vậy, ngày xưa, Descartes nói: "Tôi suy tư, do đó tôi hiện hữu". Đây là khởi điểm cho nền triết học phát sinh. Nhưng nếu bạn không suy nghĩ, thì là gì? Đây là khởi đầu cho sự tham thiền.

Thiền dạy rất đơn giản, chỉ cho chúng ta thấy thế nào để thấu đạt điểm này mà không cần văn tự và lời nói. Chúng tôi đã điểm qua Phật giáo Tiểu thừa và Phật giáo Đại thừa, cả hai truyền thống này có đường lối rất rõ ràng. Mỗi bên đều có một bản đồ và một loại xe mà bạn cần đi du lịch. Phật giáo Tiểu thừa giống như một chiếc mô tô đi từ New York đến Boston. Thông qua những nỗ lực của riêng tôi, cuối cùng tôi đã đi tới một số điểm cần đến. Phật giáo Tiểu thừa thực hiện điều này bằng cách dạy chúng ta về thế giới đau khổ. Chúng ta đang sống trong lĩnh vực Danh và Sắc, một thế giới của những đối lập

tạo ra đau khổ. Nếu tôi có thể vượt qua thế giới đối lập này, tôi có thể đạt được Niết bàn, hay thế giới của Tuyệt đối. Trong Niết bàn, không có đến và đi, không có sanh hay tử, không có vui hay buồn. Tất cả mọi thứ hoàn toàn tĩnh lặng và dập tắt (extinction). Và tôi có thể nhận được ở đó tất cả bởi chính mình. Tôi không cần thượng đế hoặc một số đức tin bên ngoài mình. Đây là một giáo lý rất quý hiếm và tuyệt vời đã xuất hiện trên thế giới!

Đường lối tu tập theo Phật giáo Đại thừa giống như đi trên một chiếc xe buýt từ New York đến Boston: Không chỉ có tôi mà có một số người cùng đồng hành với nhau đến một vài địa điểm du lịch thật đẹp đẽ. Cũng như tất cả chúng sanh trong cùng một ngày được tỏ ngộ. Đại Thừa được rèn luyện việc giảng dạy đầu tiên là "Xưa nay Không Một Vật". Xưa nay vốn không có đau khổ, không có Niết bàn. Nếu bạn tạo ra đau khổ, thì có khổ đau. Nhưng đau khổ khởi nguyên vốn rỗng không. Thân của bạn khởi nguyên cũng rỗng không và không có tự tánh. Bằng cách hoàn toàn đạt được "Không có gì", nghĩa là không có thời gian và không gian. Tất cả mọi thứ đã được toàn vẹn, chính như nó đang hiện hữu: Khi bạn thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và khi bạn suy nghĩ, tất cả đã là toàn vẹn chính như nó đang là. Không có đau khổ để "vượt thoát", và không có Niết bàn để "chứng đắc".

Điều đó có nghĩa rằng tất cả mọi thứ đã là Chân lý. Tường trắng: đó là sự thật. Trời xanh: đó là sự thật. Ngay bây giờ, một chiếc xe chạy ngang qua bên ngoài: đó cũng là sự thật. Khi bạn đạt được điểm này, và thấu rõ tất cả các pháp đã là Chân lý, sau đó từng khoảnh khắc, bạn có thể sống một cách sáng suốt cho và vì người khác. Cuộc sống của bạn chỉ dành cho tất cả chúng sanh, bởi vì bạn thấu rõ bạn và tất cả chúng sanh không phải tách biệt. Bạn luôn luôn cùng sống chung nhau, cùng hành hoạt với người khác. Vì vậy, Phật giáo Đại thừa cũng giống như cùng đi chung một chuyến xe buýt hoặc xe lửa, hoặc cùng một con tàu chạy trên biển khơi, bởi vì sự tu tập của bạn cùng với tất cả chúng sanh nhằm hướng đến tự do giải thoát.

Như chúng ta thấy, đường lối thực hành giữa Tiểu thừa và Đại thừa, tất cả ở đây rất rõ ràng mà bạn có thể nương theo tu tập. Phật giáo Tiểu thừa và Phật giáo Đại thừa sử dụng những con đường này để giải thích Chân tánh của chúng ta. Nếu bạn thực hành Phật giáo Tiểu thừa, có thể một ngày nào đó bạn sẽ thấu đạt chính mình, đó là Niết bàn. Nếu bạn tu theo Phật giáo Đại thừa, thì bạn sẽ hiểu được Chân tánh của bạn. Nhưng nếu ai đó hỏi bạn: “ Cái gì là Chân tánh của bạn? Tâm của bạn ở đâu? Niết bàn là gì?’ Sau đó, ngay cả khi bạn đã đạt được nó, và thậm chí nếu bạn thấu rõ Chân tánh của bạn, bạn không thể nói lên được bất cứ điều gì, giống như một người câm, hoặc là người đã trải qua một giấc mơ tuyệt diệu: bên trong sâu thẳm, bạn thể hội điều đó rất rõ ràng sáng suốt. Nhưng bạn không thể diễn tả được. Thậm chí bạn không thể mở miệng, bởi vì Chân tánh của chúng ta

là trước suy nghĩ. Thời điểm này ngoài tầm của lời nói và chữ nghĩa, cho nên làm sao có thể mô tả được? Nếu bạn muốn chỉ ra Chân tánh này, nếu bạn muốn dạy cho người khác, chỉ có một số biểu hiện chứng minh là có thể. [Đập gậy thiền xuống bàn.] Vào thời điểm đó, một loại khác biệt của phong cách giảng dạy là cần thiết. [Đập gậy thiền xuống bàn lần nữa.] Chúng tôi gọi phong cách đó là Thiền.

Thiền không có con đường, không có bản đồ. Thiền ví như sử dụng trên chuyến bay từ New York đến Los Angeles. Bạn lên máy bay và BÙM! Bạn và tất cả mọi người chẳng bao lâu cùng nhau ở Los Angeles. Một chiếc phi cơ, giống như cánh chim bay, không có con đường hoặc vật cản giới hạn để đến và đi trên không, bạn có thể trực chỉ không vướng mắc để đạt được Chân tánh của bạn hoàn toàn. Bạn thực hiện điều đó mà không cần bất kỳ loại bản đồ nào. Nó không phụ thuộc vào Kinh điển, không phụ thuộc vào Đức Phật, không phụ thuộc vào thời gian hay không gian, danh xưng hoặc hình thức, chữ nghĩa hay lời nói. Ngay cả nó không phụ thuộc vào Thiền. Nếu bạn muốn đi trên chuyến bay này thì kể từ nay, trong từng sát na, chỉ cần không tạo tác bất cứ điều gì, và sau đó bạn sẽ nhận ra rằng bạn đã toàn vẹn. Đó là Tâm Thiền. Rất đơn giản.

Nhập thử môn nội, mạc tồn tri giải. (Muốn qua cửa này, chẳng cần biện luận)

Bước vào cổng Thiền, thực hành một cách đơn giản, có nghĩa là trở về tâm của bạn tự thuở uyên nguyên, trước khi suy nghĩ phát sinh. Quan điểm này là bản thể vũ trụ và Chân tánh của bạn. Đôi khi người ta gọi nó là Chân ngã, Chân tâm, Tự tánh, Ý thức, hay là Phật, Chúa, hoặc năng lượng, Thánh thiện, Tuyệt đối. Người ta đặt tên và cưỡng gán

cho nó nhiều thứ, nhưng khởi nguyên, điểm này không có tên gọi và không có hình tướng [Đập gậy thiền xuống bàn.] Vì điểm này đã có trước suy nghĩ. Nó không thể nắm bắt bằng tư duy khái niệm. Nếu bạn gọi nó bất cứ điều gì, hoặc gán cho nó loại tên gì, đây chỉ là suy nghĩ và sự hiểu biết, nó không thể giúp được gì cho bạn.

Nam Tuyền, một thiền sư vĩ đại của Trung Quốc cho biết: "Đạt đến Tự tánh là không phụ thuộc vào sự Thấy – Nghe – Hiểu –Biết (Kiến, Văn, Giác, Tri) hay không thấy nghe hiểu biết. Sự thấy nghe hiểu biết chỉ là ảo tưởng, không thấy nghe hiểu biết là vô ký, trống không". Có lần Tăng hỏi Thiền sư Nam Tuyền: "Đại đạo chẳng thuộc thấy- nghe- hiểu- biết, vậy làm sao khế hội?" Ngài đáp:"Cần phải âm thầm khế hội thì tự thông. Cũng nói liễu nhân chẳng từ thấy- nghe- hiểu- biết mà có, thấy- nghe- hiểu- biết thuộc về duyên, có đối tượng mới có.

Đại đạo linh diệu, bất khả tư nghì, chẳng phải có đối lập nên nói diệu dụng tự thông, chẳng nương tựa vật nào, cho nên "đạo thông" chẳng phải "nương thông". Nương thông tức phải nhờ vật mới được sự thấy, đại đạo thì chẳng nhờ vật. Nên nói đạo chẳng phải pháp sáng tối, lìa có, lìa không, lý tiềm ẩn âm thầm tự thông, chẳng có người biết, cũng nói thầm hội Chân lý, chẳng phải thấy- nghe- hiểu- biết. "Tâm ngưng (thôi nghỉ) thấu rõ cội nguồn, nên gọi Như như Phật, là người tự tại cứu cánh vô y cũng gọi là bổn quả, chẳng từ nhân sanh mà sanh." Ngài nói tiếp: –Từ xưa đến nay chỉ bảo người ngộ đạo, chớ nên tìm cầu cái khác. Nếu suy nghĩ tìm ra được đạo lý cao siêu đều thuộc về lời nói chữ nghĩa. Nghĩa lý tam thừa ngũ tánh là chỗ thực hành, nói chỗ thọ dụng hằng ngày đầy đủ thì được, còn nói đạo thì chẳng phải. Nếu chấp thật thì bị ý thức trói buộc, gọi là thế gian trí. Theo giáo môn nói: Nếu học giả cứ chấp thật Tam tạng giáo điển (Kinh-Luật-Luận) thì chỉ thành thợ săn, ngư phủ, vì lợi dưỡng mà tổn hại Đại thừa, cũng là tập khí ham muốn. Cho nên Cổ Đức nói: Phật chẳng hội đạo, ta tự tu hành, ta tự có diệu dụng, cũng gọi là chánh nhân liễu nghĩa, sáu ba la mật đều không, cảnh vật lôi cuốn ta chẳng được. Tổ sư từ Tây Trúc đến, e sợ các ngươi mê chấp nhân quả, địa vị, nên "Truyền pháp cứu mê tình". Cho nên Mã Tổ nói: Chẳng phải Tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải Vật.Dù Tiên tổ từng nói: Tức Tâm, tức Phật. Ấy là lời phương tiện tạm thời, như dùng nắm tay không, lá cây vàng, để dụ con nít nín khóc. Nhưng hiện nay có người gọi Tâm là Phật, gọi Trí là Đạo, cho thấy-nghe-hiểu- biết cũng là Đạo. Nếu hội đạo như thế, khác gì Diễn Nhã Đạt Đa soi gương mê đầu, nhận bóng. Khi không thấy mặt mình hiện trong gương cho là mất đầu, liền hoảng hốt phát điên bỏ chạy. Dẫu cho nhận được bóng cũng chẳng phải cái đầu thật của mình. Nên Duy Ma Cật quở Ca Chiên Diên dùng tâm sanh diệt mà thuyết pháp thực tướng, ấy đều là tình chấp kiến giải. Nếu nói: Tức Tâm, tức Phật, cũng như nói thỏ ngựa có sừng; Hoặc nói: Phi Tâm phi Phật, như nói trâu dê không sừng. Tâm ngươi nếu là Phật, thì đâu cần phải "tức nó hay là phi nó". Hình tướng có hay không, lấy tướng gì làm đạo?... Phải biết, thà làm thầy cho tâm, chẳng cho tâm làm thầy. Tâm như đóng vai chánh, ý như đóng vai phụ. Nếu nói Phật có tâm đạo, ấy là chẳng lìa được thấy- nghe- hiểu- biết, là do nhân duyên mà có, đều là nhờ soi vật mới có, chẳng thể thường soi, cho nên tâm trí đều chẳng phải đạo, lại đại đạo chẳng phải pháp sáng tối, lìa hữu vô, số lượng chẳng thể đếm, như lúc kiếp Không (chưa có trời đất), chẳng có tên Phật, chẳng có tên chúng sanh, ngay lúc ấy chính là

đạo. Chỉ là không biết, không thấy số lượng, chẳng tiếp xúc nó được, gọi là vô danh đại đạo. Nói như thế cũng đã lọt vào danh cú rồi! Cho nên Chân lý Nhất như, chẳng có khởi tưởng, vừa khởi tưởng liền bị ấm (ngũ ấm) trói, sau đó mới có tên chúng sanh, mới có tên Phật. Phật ra đời gọi là Người trí trong ba cõi, khi Phật chưa ra đời gọi là gì? Phật ra đời chỉ khiến người ngộ đạo, bản thể chẳng phải thánh phàm, gọi là "hoàn nguyên quy bổn, thể giải đại đạo". Hôm nay đã ngộ đạo như thế, tức từ vô lượng kiếp đến nay, lục đạo tứ sanh đều có khứ lai, là chỗ hành tạm thời vậy. (Người dịch đưa thêm đoạn Ngữ lục chữ nghiêng này của ngài Nam Tuyền cho sáng thêm nghĩa trên) Như vậy, mối quan hệ của bạn với thế giới này và mối quan hệ của bạn với chính mình không dựa trên suy nghĩ. Mối quan hệ chính xác của bạn trong cuộc sống này không vượt ra ngoài mọi sự hiểu biết. Bạn không thể viện dẫn về sanh hay tử. Vì vậy, nếu muốn đi

qua cửa Thiền, trước tiên bạn phải hoàn toàn cắt đứt tất cả mọi dính mắc suy nghĩ, và quay trở lại tâm của bạn trước khi suy nghĩ phát sinh. Để cho mục đích giảng dạy dễ hiểu, chúng tôi đôi khi gọi điểm này là Tâm Không Biết. Thấu đạt nó rất đơn giản, và không xa. Đơn giản chỉ cần tự hỏi mình thật sâu lắng: "Ta Là Gì?" Đáp án là "Chỉ Không Biết"…Đây là Chân tánh của bạn.

Bất lập văn tự. Giáo ngoại biệt truyền. Trực chỉ nhân tâm. Kiến tánh thành Phật.

(Chẳng dùng chữ nghĩa.Truyền ngoài Kinh giáo. Chỉ thẳng tâm người. Thấy tánh thành Phật.)

Chính vì lẽ trên, việc tìm kiếm Chân tánh của bạn không phụ thuộc vào bất kỳ loại giải thích nào. Nó không phụ thuộc vào Kinh điển hay kiến thức học thuật. Không có khái niệm nào có thể biểu hiện nó. Chữ nghĩa và lời nói không thể chạm vào nó. Giáo lý Thiền là phương pháp đốn ngộ,chỉ thẳng vào tâm để bạn có thể tỉnh thức và trở thành Phật. Nhưng nếu bạn muốn trở thành Phật, ngay cả sự hiểu biết lời nói của Đức Phật không thể giúp bạn. Đó là ý nghĩa biệt truyền, ngoài kinh điển. Tất cả Kinh điển không thể cung cấp cho bạn điểm này. Đó chỉ là sự giải thích. Thậm chí hằng trăm sự giải thích về Chân tánh của bạn sẽ không giúp gì một khi thân này hoại diệt. Đây là điểm rất quan trọng. Sử dụng kiến thức hiểu biết để tìm ra Chân tánh, chẳng khác nào một người đang cơn đói muốn ăn ngay hình ảnh một quả chuối hoặc cái bánh vẽ. Giáo lý Thiền không phải như thế. Giáo lý Thiền bảo: Bạn mở miệng. Đây là một quả chuối. Cứ ăn!

Thậm chí là một vị Pháp sư làu thông Tam tạng Giáo điển cũng không có thể hiểu Chân tánh của bạn. Thuở xưa ở Trung Quốc có một vị Pháp sư nổi tiếng tên là Đức Sơn. Ông có kiến thức uyên bác về Kinh Kim Cương. Ông kiểm tra các nhà sư qua kiến thức giảng dạy quan trọng và tinh tế này. Thường thì Đức Sơn luôn luôn giành phần thắng trong mỗi cuộc tranh luận mà ông đã tham gia. Không ai có thể vượt qua được ông. Ông cũng viết ra nhiều tập sớ giải về Kinh Kim Cương, và mang nó theo bên mình dù cho đi bất cứ nơi đâu.

Một ngày nọ, Đức Sơn nghe nói về một ngôi Thiền viện ở phương Nam, nơi mà các nhà sư chỉ ăn, ngủ, và ngồi đối mặt với vách tường trong thiền đường cả ngày. Ông nghe nói

rằng nhiều nhà sư đã kiến tánh qua loại thực hành này. Đây là một lối tu dẫn đến Giác ngộ. Ông nghĩ: “Thật là điên rồ! Họ không đọc kinh, họ không hiểu lời Phật dạy. Làm thế nào có thể minh tâm kiến tánh?”

Vì vậy, Đức Sơn quyết định tiến về phương Nam tự nhủ:“Ta sẽ lấy yếu chỉ Kinh Kim Cương của Đức Phật mà đánh thức bọn họ mới được.”

Ông đi nhiều ngày, băng rừng, lội suối, leo núi, qua truông. Một ngày nọ, vào buổi sáng, trong khi cuốc bộ xuống một làng quê, Đức Sơn đi ngang qua quán nước nhỏ bên đường. Ông quyết định dừng lại tìm một chút gì để lót dạ. Chủ quán là một bà già, cũng lại là một tín nữ trong phái Thiền Phật giáo phương Nam, hằng ngày tu tập rất chăm chỉ. Bà đứng ở cửa bái chào Đức Sơn: –Mô Phật! Thưa thầy, thầy khỏe không? –Vâng, thưa tôi vẫn khỏe. Còn bà thì sao? –Tôi cũng vậy. Trông thầy mang kinh sách gì nhiều thế ? Và thầy định đi đâu đây? Đức Sơn trả lời: –Thú thật với bà, tôi là Tuyên Giám Đức Sơn, chuyên giảng Kinh Kim Cương hơn ba mươi năm nay, người ta thường gọi tôi là Chu Pháp sư. Đây là những sách sớ giải của Kinh này do tôi biên chép. Tôi nghe nói có một ngôi chùa theo phái Thiền phương Nam, nơi mà các nhà sư chỉ ăn, ngủ, và tối ngày ngồi quay mặt vào tường. Người ta đồn rằng nhiều người đã tỏ ngộ. Thật là điên rồ! Làm gì không đọc tụng kinh luật mà tỏ ngộ được chứ? Tôi quyết định sẽ đánh thức họ với khả năng giảng thuyết Kinh Kim Cương của tôi ! Xin bà cho tôi một chút gì điểm tâm đi. –Ồ, quả là tuyệt vời! Bà nói, thầy là một vịPháp sư nổi tiếng, hiểu nhiều về giáo lý của Đức Phật. Nhất là suốt ba mươi năm chuyên giảng Kinh Kim Cương. Như vậy già này xin phép hỏi một câu, được chứ? ‖Đức Sơn lấy làm ngạc nhiên về thái độ bà già nhà quê này, bèn nói: –Tất nhiên, bà cứ hỏi tôi bất cứ điều gì! –Thế thì tốt lắm, nếu Pháp sư trả lời câu hỏi của tôi một cách chính xác, thì tôi xin cúng dường thức ăn này. Bằng như không thể trả lời được, thì thầy phải trả tiền. Nghe những thách thức như thế, Đức Sơn lấy làm tức giận bèn nói: –Sao bà dám xem thường tôi như thế ? Mặc tình bà cứ hỏi đi ! Tâm bà lão vẫn bất động, không tỏ ra ngại sợ về thái độ của Đức Sơn.Bà nói: –Trong Kinh Kim Cương có câu: “Tâm quá khứ chẳng thể được. Tâm hiện tại chẳng thể được. Tâm vị lai chẳng thể được." Vậy thì Pháp sư vừa mới nói “điểm tâm”, chẳng hay thầy điểm tâm nào? Đức Sơn hoàn toàn bị mắc kẹt và không thể trả lời được. Ông lộ ra nỗi băn khoăn, moi tìm trong trí nhớ những gì ở Kinh Kim Cương và tất cả các bài bình luận sớ giải mà ông ghi chép từ những vị Tổ sư. Tâm của ông lòng vòng, quanh quẩn câu hỏi này, suy nghĩ miên man, nhưng không có đáp án xuất hiện. Ông đã bị sốc! Nét mặt ông chuyển sang màu ửng đỏ, rồi trắng bệch, rồi vàng tái, không thể mở miệng nói được câu nào, chỉ ngồi im lặng.

Bà lão cười: –Pháp sư không hiểu được “Thật nghĩa” của kinh Kim Cương. Không thấu rõ điều gì! Thầy chỉ biết được lời dạy của Đức Phật, nhưng không hiểu được Tâm Phật, cho nên không thể trả lời được câu hỏi này. Vậy làm thế nào thầy có thể đánh thức các nhà sư tu thiền ở phương Nam được chứ?

Pháp sư Đức Sơn rất lấy làm hổ thẹn và ngay lúc đó, ông tự hạ mình xuống hỏi: –Cho tôi xin lỗi. Từ nơi đâu mà bà có được sự hiểu biết này? ‖ –Thưa Pháp sư, Sự hiểu biết này tôi không nhận được từ bất cứ của ai. Tất cả mọi người đều đã có sẵn, nếu họ chỉ

cần nhìn lại chính mình. –Vâng, thưa bà...nhưng có ai chỉ dẫn cho bà chứ?‖ Bà lão trả lời: – À! Có một thiền sư vĩ đại tên là Long Đàm, hiện sống trên một ngọn núi cao trong quận hạt kế bên. Nếu thầy muốn đến hỏi điều gì, thì có thể vị ấy sẽ giúp cho.

Đức Sơn hoàn toàn xấu hổ về mình. Vì vậy, ông đã từ bỏ kế hoạch chinh phục các Thiền tăng ở phương Nam và thay vào đó ông thẳng tiến về phía Đông để tìm gặp Thiền sư Long Đàm. Sau vài ngày trải qua, ông đến chùa khi mặt trời vừa sắp lặn, ông vào bái Phật, nhìn quanh quất mà không thấy bóng dáng ai cả, bèn nói: –Đến đây rồi mà Rồng (Long) chẳng thấy và Đầm (Đàm) cũng không. Ngay sau đó Thiền sư Long Đàm xuất hiện và bảo: –Đầm Rồng hiển hiện tại đây, do ông không thấy đó thôi. Xin mời vào. Cả hai bước vào trượng thất dùng trà. Đức Sơn cố gắng trình bày sự hiểu biết của mình qua giáo lý của Kinh Kim Cương. Ông giải thích "Tánh Không" và hiện tượng "Không sanh khởi". Ông dẫn chứng Như lai Tạng tánh và Trí tuệ. Đức Sơn nói chuyện huyên thuyên hằng giờ. Thiền sư không thể thốt được một lời, bởi vì ngôn ngữ thao thao bất tuyệt của Đức Sơn qua sự hiểu biết bằng trí não, giống như một thác nước tuôn chảy mạnh không thể ngăn cản được.

Cuối cùng, đêm về khuya đến lúc phải đi nghỉ. Thiền sư Long Đàm cất tiếng: –Đã khuya rồi, thôi thầy về phòng nghỉ đi ! Đức Sơn vái chào, rồi bước ra khỏi trượng thất của Thiền sư Long Đàm, ông thấy bên ngoài trời tối đen, bèn quay vào thưa: –Thưa thầy bên ngoài trời tối quá. Tôi không thể nhìn thấy thứ gì. ‖ Thiền sư Long Đàm đốt ngọn nến trao cho Đức Sơn. Đức Sơn toan cầm lấy. Long Đàm liền thổi tắt. Đức Sơn tỉnh ngộ sụp lạy. Ông hoàn toàn thấu đạt được Chân tánh mình.

Thiền sư Long Đàm hỏi: –Ông hiểu được gì qua điều này? Đức Sơn thưa: –Từ nay trở đi, tôi hết nghi hoặc những lời dạy của tất cả các vị Thiền tổ trên đời. Sáng hôm sau, có cuộc họp chúng, Thiền sư Long Đàm lên Pháp tòa tuyên bố: –Trong đây có một gã đàn ông to lớn, răng như rừng kiếm, miệng tợ chậu máu. Bị đánh một hèo mà chẳng quay đầu lại. Một ngày không xa, gã ấy sẽ leo lên núi cao mà dựng đạo của ta. Đức Sơn ngay lập tức đem mấy bộ Sớ sao, chú giải về Kinh Kim Cương của ông bèn nổi lửa đốt sạch rồi nói: – Hết thảy mọi biện giải cao thâm, chỉ như một sợi lông nhỏ nơi thái hư. Hết thảy mọi kiến thức trên đời, khác nào một giọt nước đổ xuống hố thẳm. ‖ Sau đó ông đãnh lễ từ tạ Thiền sư Long Đàm với lòng biết ơn. Đức Sơn giờ đây là một người hoàn toàn tự do tự tại.

Qua câu chuyện này cho chúng ta thấy rằng, ngay khi bạn hiểu tất cả giáo lý của Đức Phật, nếu bạn không thể thân chứng sự hiểu biết này, thì khi thuyết giảng nó chẳng có giá trị gì cả. Chỉ nhận thức một cách sáo rỗng khô khan, không thể tác dụng đến cuộc sống của bạn. Dù cho bạn đọc tất cả ba tạng Giáo điển và tham dự những buổi thuyết pháp thường xuyên, nó cũng không giúp được gì cho bạn bằng sự trải nghiệm từng khoảnh khắc với tâm sáng suốt. Khi cận tử nghiệp đến, bạn sẽ chết, những hiểu biết khôn ngoan đâu giúp cho bạn được gì? Trong tương lai, thân này cũng sẽ phải tan hoại. Lúc đó, làm sao kiến thức học tập của bạn sẽ giúp bạn tái sanh một thân người mới ?

Tất cả sự hiểu biết của chúng ta chỉ là ý tưởng của người khác. Không có vấn đề làm cách nào mà sự hiểu biết này là tối thượng để cứu giúp bạn, nếu nó không được tiêu hóa và trở thành của bạn, thông qua việc tham thiền.

Thêm một câu chuyện nữa như sau: Thuở xưa ở Trung Quốc, có một vị Pháp sư nổi tiếng tên là Câu Chi (Guji) được cả nước biết đến, bởi vì ông đã thông suốt hết ba tạng Giáo điển của Phật. Ông là trụ cột giữa hai mươi người đã được công nhận là những danh Tăng kiệt xuất vào thời đó. Có đến bảy trăm Tăng sĩ tu học tại chùa của ông. Các nhà sư và các học giả từ khắp nơi trên đất nước Trung Quốc tựu về, mục đích để nghe ông giảng Kinh dù là mong được một lần. Không ai có thể đánh bại ông trong những cuộc tranh luận về Phật pháp. Người ta nói rằng Câu Chi có thể nhớ và trích dẫn từng hàng chữ của những trang kinh trong Đại tạng, ngay cả những đoạn khó hiểu nhất. Quả thật, ông là một Pháp sư thượng thừa!

Một ngày nọ, Câu Chi có một chút mệt mỏi, ông đi ra phía ngoài sau chùa nơi khu vườn có cổng rào, trong một biệt thất nhỏ đơn giản của mình để nghỉ ngơi. Ông ngồi dưới gốc cây râm mát, và xem qua một cuốn kinh trong vài mươi phút. Bỗng nhiên, cánh cổng vào khu biệt thất của ông đã được mở ra. Trong bước đi, dáng một Ni cô cao ráo, đội mũ lát rộng vành. Tay mặt của cô chống tích trượng dài, trên đầu gậy có treo sáu vòng khoen. Loại tích trượng này chỉ dành cho các Đại sư và các vị Thiền tổ trong dòng Thiền sử dụng, vì vậy Pháp sư Câu Chi rất đổi ngạc nhiên khi nhìn thấy nó trong tay của vị khách lạ nữ tu này.

Ni cô đi qua cánh cổng và thẳng đến Câu Chi. Cô đứng in bóng mình trên các trang kinh mà Pháp sư Câu Chi đang đọc. Trong truyền thống Phật giáo, hể đệ tử, Tăng ni vãng lai, hoặc du khách đến, phải luôn luôn cúi đầu chào hỏi các tu sĩ trong chùa, đặc biệt là vị Trụ trì hoặc Giám viện cao cấp như Câu Chi.

Ngoài ra, tại thời điểm đó ở Trung Hoa, trong luật Phật chế về Bát Kỉnh Pháp cho hàng Ni giới, nguyên tắc là một nữ tu phải luôn luôn đãnh lễ trước một vị Tăng. Ngay cả các Ni trưởng cao hạ, vẫn phải lễ bái đến một Tỳ khưu trẻ vừa mới thụ giới. Nhưng Ni cô này đã không cúi đầu làm lễ trước Pháp sư Câu Chi ! Đã vậy, cô cũng không bỏ mũ xuống, cô vẫn đứng bên cạnh Câu Chi trong khi ông đang ngồi. Đây là hành vi rất ngạo mạn. Sau một vài phút, Ni cô bắt đầu đi nhiễu quanh Câu Chi ba vòng về phía hữu. Mỗi bước đi, cô chống tích trượng xuống đất thật mạnh, gây ra tiếng kêu leng keng rất ồn !

Đối với Câu Chi, ông là vị Pháp sư vĩ đại nhất ở Trung Hoa. Đã có hàng trăm Tăng sĩ theo học với ông tại bất kỳ thời điểm nào. Ông hoàn toàn thông hiểu tất cả mọi thứ về Phật giáo. Ông biết rõ các quy tắc, giới luật oai nghi rất chính xác và là những gì đúng theo truyền thống. Vì vậy, ông biết Ni cô này chắc chắn không thực hành đúng phép tắc. Ông nghĩ: Cô này ngã mạn, không hiểu bổn phận chính xác của mình! Không rành các giới luật Phật đã chế ra! Không biết thầy của cô là ai?

Trong lòng, ông rất tức giận. Tất cả biểu hiện lên khuôn mặt. Ông để quyển Kinh xuống, và ném cái nhìn hoài nghi, theo dõi hành động ngạo mạn của Ni cô này. Cô vẫn đi vòng quanh ghế ngồi của ông, và dộng Thiền trượng trên mặt đất trong từng mỗi

bước. Ông không còn nhịn được nữa, bèn quát: – Cô từ đâu đến đây? Nhưng Ni cô này đã không dừng lại để trả lời. Sau khi đi nhiễu xong ba vòng, cô đứng đối diện Pháp sư Câu Chi, với tầm cao từ trên nhìn xuống khuôn mặt của Pháp sư. Sau một vài phút, cô bắt đầu nói với giọng đầy vẻ kiêu ngạo:

– Thưa thầy, Tiểu ni nghe người ta đồn thầy là vị Pháp sư vĩ đại nhất ở đất nước Trung Hoa này phải không? Với hành động thiếu lễ độ này làm cho Câu Chi rất giận dữ. Ông hét lên: –Thế thì sao? Ni cô vẫn tiếp tục nhìn xuống mặt ông ta, rồi nói : – Thầy là Pháp sư chuyên giảng Kinh. Nhưng Tiểu ni không thích Kinh điển! không thích bất kỳ lời dạy nào của Đức Phật. Tiểu ni muốn nghe lời nói chân thật từ nơi thầy. Ngay bây giờ, hãy cho Tiểu ni một câu Thật ngữ của thầy! Nếu nói được, Ni này xin thành tâm kính lễ sám hối. Pháp sư Câu Chi đã bị mắc kẹt và không thể trả lời được. Tâm ông suy nghĩ lung tung để tìm kiếm một đáp án. Nhưng không có được một tia sáng. Ông nghĩ: “Cái gì là Thật ngữ của ta?” Trong khi đó, tất cả Tam tạng Giáo điển của Phật giáo xoay quanh trong đầu ông. Nhưng không có một đáp án xuất hiện! “–Thật ngữ của ta là gì? Ta hoàn toàn không biết” ... ‖ Mãi suy nghĩ miên man, với những kiến thức mà ông đã học tập làu thông trong Kinh điển qua trí nhớ của mình, tất cả đều khép kín. Vì vậy, lúc đó Đại Pháp sư Câu Chi hoàn toàn thụ động, không thốt nên lời!

Loài chó hiểu tiếng nói của chó, loài mèo hiểu tiếng nói của mèo. Tất cả các động vật hiểu được Thật ngữ của chúng. Nhưng Thật ngữ của con người là gì? Chân thật ngữ của bạn là gì? Bạn có thể tìm thấy nó chăng? Đó là điểm rất quan trọng. Đại Pháp sư Câu Chi cũng không hiểu, và tất cả Kinh điển Phật giáo không thể giúp ông.

Ông ngồi đó, nét mặt của ông từ lúc giận dữ biến sắc màu đỏ, sau đó trở nên trắng bệt, rồi trở thành tối tăm và đanh lại. Ông hoàn toàn bị mắc kẹt! Vì vậy, Ni cô này không ai khác, đó là Thiền ni Pháp hiệu Thật Tế (Shil Che) đệ tử của Thiền sư Thiên Long. Thật Tế hạ giọng nói: –Thưa Đại Pháp sư Câu Chi, thầy thậm chí không hiểu được Chân thật ngữ của chính thầy, thì làm thế nào thầy có thể dạy Chân thật ngữ của Đức Phật? Sau đó, cô khịt mũi, Humh! Và bước ra khỏi cổng quay đi. Vì vậy, sự kiện này đánh vào tâm Câu Chi giống như một tia chớp. Tất cả những điều mà ông từng thực hiện giảng dạy đã bị chợt tắt trong khoảnh khắc. Theo phương Đông, chúng tôi cho là ông ta hoàn toàn bị mất mặt. Ông nhận ra rằng đã bỏ suốt cuộc đời mình chạy theo chữ nghĩa, chỉ lặp đi lặp lại lời nói của Đức Phật mà không có một chút ánh sáng Tuệ giác thực sự chỉ thẳng vào tâm. Câu Chi trở về phòng và mặc y áo trang nghiêm, sau đó, ông ra lệnh cho thầy tri sự gióng lên ba hồi chuông lớn trong chánh điện. Đây là tín hiệu cho một sự kiện trọng đại hoặc trường hợp khẩn cấp. Thật bất ngờ cho chư Tăng ngày

hôm đó. Tiếng hồng chung B-bon-bon... B-bon-B-bon... B-bon-B-bon...ngân vang khắp không gian, núi rừng và thung lũng. Nó xuyên qua mọi miền âm cảnh, bao trùm tu viện, trong giảng đường, lan truyền đến các phòng ngủ của chư Tăng. Tất cả bảy trăm tu sĩ đều nghe rõ âm thanh này. Họ nhìn lên bảng chấp tác không thấy có chuyện gì xảy ra, tất cả lấy làm phân vân: “Chuyện gì vậy? Đã có người chết ư? Hay là thầy chúng ta không khỏe, lâm cơn bệnh nặng?” Tất cả họ đều ngưng hẳn mọi việc, bèn mặc áo choàng, tiến thẳng đến đại điện.

Khi toàn thể Tăng chúng vân tập đông đủ, Pháp sư Câu Chi lên tòa ngồi một lúc lâu sau đó ông bắt đầu nói chuyện: “Hôm nay, có một Ni cô lạ mặt xuất hiện và yêu cầu tôi cho một lời thật ngữ của riêng tôi. Tôi không nói được bất cứ điều gì. Ni cô ấy bảo: Tôi không hiểu thật ngữ của riêng tôi, thì làm thế nào tôi có thể hiểu được thật ngữ của Phật để giảng dạy giáo lý cho tất cả các vị? Đó là cú sốc mạnh đánh vào tâm tôi. Tôi đã là một tu sĩ suốt ba mươi năm nay. Tôi hiểu biết rất nhiều về Phật giáo. Tôi làu thông tất cả các Kinh điển, nhưng vẫn không thể giúp tôi. Vì vậy, hôm nay Ni cô này mạnh mẽ đã chỉ cho tôi đúng hướng. Tôi phải tìm ra đáp án câu hỏi của cô ta từ bây giờ, trước khi tôi có thể mở miệng dạy lại cho quý vị.” Bảy trăm tu sĩ có mặt đã tỏ ra bối rối: –Sư phụ của chúng ta không giảng dạy nữa rồi. Không thể như vậy được! Nhưng khi họ nhìn vào sư phụ của họ, họ thấy khuôn mặt tôn quý của ông thực sự thảm não.

Câu Chi thấu hiểu tâm tư học trò mình, và điều này khiến ông thậm chí còn buồn bã hơn. Ông nói: –Tôi xin lỗi. Hôm nay tôi mới biết mình đã thất bại trong việc giảng dạy cho tất cả các vị. Vì vậy, kể từ bây giờ, tôi phải đóng cửa Phật đường này vĩnh viễn. Tất cả các vị phải tìm nơi khác mà học hỏi. Tốt hơn, nên đến một thiền viện, có thể ngồi yên và nhìn sâu lắng vào vấn đề trọng đại này. Một ngày nào đó, sớm muộn gì mỗi người chúng ta cuối cùng cũng phải chết. Không thể đánh lừa mình nữa. Tất cả các vị phải tự giải quyết câu hỏi này cho mình. Phải tìm hướng đi chính xác và sau đó có thể nhận ra mình – Đó chính là Thật ngữ ban đầu của các vị. Nói xong, Câu Chi bước xuống pháp tòa và trở về phòng.

Bây giờ toàn thể Tăng chúng đều rất ngạc nhiên. Một số bật khóc, một số nói xin sư phụ hãy xét lại. Những người khác tranh luận về việc sư phụ của họ đã làm như thế là đúng hay sai. Cả chùa xôn xao hẳn lên, bởi lời tuyên bố của sư phụ họ. Nhưng Câu Chi không quan tâm đến những chuyện bàn tán náo động này. Ông đã tỏ ra cương quyết thực hiện

một điều gì và không hề quay lưng lại. Kể từ đó, ông chỉ ăn ngày một bữa, không bao giờ ngủ nằm. Suốt thời gian ông ngồi thiền, giữ mạnh mẽ câu hỏi: – Cái gì là Thật ngữ của ta? Ta là gì? Và tất cả những gì xuất hiện là một vùng sâu thẳm, “Không biết”... Mọi suy nghĩ hoàn toàn cắt đứt. Trải qua mấy ngày, các đệ tử thấy rằng sư phụ của họ không suy xét lại, họ đóng gói đồ đạc hành lý của họ và tự giải thể ra đi. Các cửa chánh trong ngôi Đại điện đã khép kín và khóa chặt lại. Với quyết tâm không lay chuyển, Câu Chi vẫn ngồi bất động trong phòng của mình, quay mặt vào tường khởi nghi tình: “Ta là ai? Không biết” ...

Vài năm sau, trong một đêm khuya, có người khách lạ đập vào cổng Tam quan của chùa. Như thường lệ, Câu Chi đang ngồi tĩnh tọa trong phòng mình, quay mặt vào tường, giữ Tâm không-biết rất miên mật. Người thị giả vội vã chạy ra cổng và nói với khách: –Xin lỗi. Sư phụ của tôi đang nhập thất, không tiếp bất cứ ai nữa. Ông hãy đi cho. Nhưng vị khách lạ vẫn tiếp tục đứng đó nói: –Hãy mở cổng cho ta vào! Hãy cho ta vào! Ta muốn gặp sư phụ của ông. –Không! Không! Dạ thưa, không thể được! Vị khách không chịu đi và càng đập mạnh vào cửa cổng. –Xin vui lòng mở cổng, ta phải gặp sư phụ của ông! ‖ Hai người tiếp tục lời qua tiếng lại suốt gần một giờ. Trong lúc chuyện

đang xảy ra ngoài cổng, thì Câu Chi vẫn tiếp tục ngồi trong thiền thất, giữ 'Tâm không biết' một cách mãnh liệt.

Ở Trung Quốc, cổng chùa thường cách khá xa Chánh điện và nhà ở của chư Tăng. Mặc dù vậy, Câu Chi vẫn có thể nghe tiếng chấn động và âm thanh ồn ào, nhất là giữa đêm khuya thanh vắng. Bình thường nó sẽ không làm phiền ông. Vì ông đã giữ Đại Nghi Tình trong tâm mình như một khối khổng lồ. Tuy nhiên, người khách lạ vẫn không ra đi và liên tục yêu cầu mở cổng. Nếu như người khác thì họ sẽ bỏ đi ngay lập tức, khi thị giả cho biết rằng Pháp sư đã nhập thất, không tiếp khách. Nhưng người khách lạ này kiên quyết từ chối ra đi, và chỉ lời qua tiếng lại với thị giả. Vì vậy, khi Câu Chi nghe được điều này, ông tỏ ra rất tức giận và nói: –Có lẽ đó là kẻ xấu, không chừng họ sẽ đánh bại thị giả của ta chăng? Ông đứng lên, cầm một cây gậy lớn và bước ra cổng chùa. Ông hét to qua cánh cổng: –Hãy cút khỏi ngay nơi đây. Không ai có thể vào trong chùa lúc này! Nghe tiếng Câu Chi, vị khách nói xuyên qua cánh cổng: –Ồ! Bạn có phải là Đại Pháp sư Câu Chi không? Tôi rất vui, mong được gặp bạn. –Ngươi điên à? Câu Chi hét lên. Ngươi là ai? Làm gì mà dám gây ra ồn náo vào giờ này?

Nhưng người khách lạ vẫn đứng im giây lát. Khuôn mặt của ông hiện rõ nét Từ bi, và đôi mắt tràn đầy ánh linh quang chiếu rọi trong bóng tối nửa đêm. Ông mở miệng ôn tồn: "Tôi xin lỗi đã làm bạn phiền giận, Pháp sư Câu Chi. Tôi là Thiên Long (Chol Yong) từ núi Nam đến đây." Câu Chi vừa nghe đến tôn danh, tức thì ông buông lỏng cây gậy từ tay mình. Cằm ông hết quặm lại.Ông hiểu không ai khác hơn là Thiền sư hiệu Thiên Long, một Thiền sư nổi tiếng nhất đương thời tại Trung Hoa. Và là đệ tử nối pháp của Thiền sư Đại Mai Pháp Thường trong dòng thiền Mã Tổ. Câu Chi đã có ý định muốn cầu tỏ ngộ và sẽ thực hiện chuyến bái hương dài đến núi Thiên Long ở phía Nam, để mong được tham vấn Thiền sư. Bây giờ Thiền sư đã xuất hiện tại cổng chùa mình. Vì vậy, Câu Chi rất đỗi ngạc nhiên. Ngay lập tức ông đích thân mở cổng và cúi đầu thưa: –Ngưỡng bạch Thiền sư, cho nạp tăng này xin sám hối vì đã nghĩ xấu về ngài. Nhưng Thiền sư Thiên Long chỉ vẫy tay với nụ cười hiền từ, khi ông bước vào cổng. Ông nói: –Không sao cả. Trong thực tế, người phải xin lỗi chính là tôi. Tôi được biết rằng đệ tử của tôi là Ni cô Thật Tế đã đến đây quấy rầy và thốt ra lời không được nhã nhặn với Pháp sư. Vì lẽ đó, tôi đến để xin lỗi bạn. –Xin lỗi nạp tăng ư? Ồ! Thưa Thiền sư, không dám. Đệ tử của ngài đến đánh thức tâm tôi. Ni cô đó đã chỉ cho tôi đúng phương hướng. Vì vậy tôi rất biết ơn mới phải. Thiên Long mỉm cười. –Thế thì tốt. Cô ấy không thốt ra lời khiếm nhã làm bạn phật lòng chứ? –Dạ không, thưa ngài ! Đó là Thật ngữ của cô đã xóa tâm kẻ hèn này. Nhưng xin ngài vui lòng quang lâm đến tịnh thất, nạp tăng có một vài thắc mắc xin được thỉnh vấn. Khi cả hai bước vào phòng, Câu Chi mặc y phục trang nghiêm, chính thức thỉnh Thiền sư Thiên Long ngồi trên tòa cao. Sau đó Câu Chi tiến hành đãnh lễ Thiền sư ba lạy đầy đủ oai nghi rồi quỳ xuống trước mặt ngài. –Thế thì ông muốn hỏi điều chi? Thiên Long nói. –Vâng, thưa Thiền sư, nạp tăng muốn hỏi… –Được, ông cứ tự nhiên hỏi bất cứ điều gì. Câu Chi bạch: – Thưa Thiền Sư, nạp tăng muốn hỏi Thật ngữ của ngài là gì? Xin vui lòng khai thị. Thiên Long không nói gì, chỉ nhìn thẳng vào đôi mắt Câu Chi, ông từ từ đưa lên một ngón tay trỏ bên tay mặt. Khi nhìn thấy ngón tay này, tâm Câu Chi đột nhiên mở toang và sáng lòe như một tia chớp. Ông thốt lên: – A

ha! Và hoàn toàn tỏ ngộ.

Bây giờ Câu Chi thể hội được yếu chỉ Phật Pháp. Ông thấu hiểu Chân lý. Ông thấu hiểu tâm Phật và những Ngữ lục của tất cả các bậc Thiền tổ nổi tiếng trong đời. Một ngón

tay! Chỉ một ngón tay. Ngôn ngữ của tám vạn bốn ngàn Kinh điển đã được hiển lộ bởi một ngón tay này. Câu Chi cảm thấy ý nghĩa của toàn thể vũ trụ vừa được mở toang, rộng khắp và sức nặng đè nén trong lòng ông vượt ra khỏi cổ. Ông đã khám phá ra Con đường, Chân lý và Sự sống đúng nghĩa. Cuối cùng Câu Chi cũng đã tìm được Thật ngữ của riêng mình!

Những giọt nước mắt tràn đầy và nhỏ xuống, Câu Chi từ từ đứng lên. Ông cúi đầu đãnh lễ thật sâu và thưa: –Ồ, ngưỡng bạch sư phụ. Xin đa tạ ngài đã khai thị cho đệ tử được mở mắt. Thiên Long mỉm cười và nói: –Xin chúc mừng, nhưng bây giờ tôi hỏi ông. Ông đã nhận ra yếu chỉ gì?

Không chút do dự, Câu Chi đưa lên một ngón tay. Thiền sư Thiên Long rất hoan hỷ và vỗ tay cười to. Đó là Chân thật ngữ của Câu Chi ! Đó là Chân thật ngữ của Thiên Long! Và đó cũng là Chân thật ngữ của tất cả chúng sanh!

Thiền sư Thiên Long ấn khả cho Câu Chi rồi bước xuống pháp tòa. Sau đó, ông đã truyền Tâm pháp trọn vẹn cho Câu Chi kế thừa mạng mạch Thiền tông. Như vậy đại Pháp sư Câu Chi đã quét sạch mọi vọng tưởng của mình và hoàn toàn liễu ngộ. “Toàn thể vạn pháp trong vũ trụ đất trời hội tụ làm Một”. Vì vậy, chỉ một ngón tay này, vượt lên mọi tư duy khái niệm về bình đẳng và dị biệt mà vị Pháp sư thượng thặng đã thấu đạt Chân tánh của mình và Chân tánh của tất cả. Đây là cách Câu Chi trở thành một Thiền sư vĩ đại.

Từ đó về sau, Câu Chi không còn trú ngụ trong chùa. Ông lên núi cao, dựng thảo am sống cuộc đời ẩn dật. Ông vẫn tiếp tục hành thiền mãnh liệt, thậm chí sau khi đã tỏ ngộ, dứt điểm trong trận chiến sanh tử của mình.

Ý nghĩa này, tiếng Trung-Hàn gọi đó là “bo in”, như lúc bạn nấu một nồi cơm, ngay sau khi cơm chín, bạn vẫn đậy nắp nồi cơm khoảng mười phút cho ráo nước trước khi ăn. Nó rất quan trọng để giữ cho hơi nóng này trong thời gian ngắn nữa. Nếu không, ngay cả khi cơm vừa chín, nó chưa phải chín hoàn toàn và sẽ không đạt được kết cấu của hạt cơm ráo thơm ngon. Điều này cũng đúng để áp dụng cho những người mới tỏ ngộ. Với con mắt tinh nhuệ của bậc thầy, sẽ thúc đẩy họ thực hành sâu sắc hơn qua sự lãnh hội thực tế của họ, ít ra trong một thời gian nhất định nào đó.

Vì vậy, Câu Chi ở ẩn dật trên núi cả ngày, chỉ thực hành thiền. Nhưng tiếng đồn về ông nhanh chóng lan rộng, và nhiều người bất chấp con đường dốc núi cheo leo hiểm trở, vẫn đi lên tham vấn ông:

– Phật là gì? Câu Chi đưa lên một ngón tay. –Pháp là gì? Câu Chi đưa lên một ngón tay. –Chân lý là gì? Câu Chi đưa lên một ngón tay. –Lời giáo huấn thánh thiện và tối thượng của Phật giáo là gì? Câu Chi đưa lên một ngón tay . –Thể tánh là gì? Câu Chi đưa lên một ngón tay. Thiền sư Câu Chi có thể trả lời bất kỳ loại câu hỏi khó khăn nào với chỉ một

ngón tay này. Một "Ngón Thiền" của ông đã khai tâm rất nhiều người, và được biết đến với cái tên Thiền Sư "Nhất dương chỉ" rất nổi tiếng.

Một ngày nọ, Thiền sư Câu Chi có việc đi xuống làng để thăm ngôi chùa cũ. Suốt cuộc hành trình này phải mất cả ngày. Vì vậy, ông ra đi ngay sau khi ăn sáng, và sẽ quay về cho đến sau bữa cơm tối. Ông cho chú tiểu thị giả mười ba tuổi biết như vậy. Chú ở lại một mình nơi am vắng. Chẳng bao lâu, sau khi Thiền sư Câu Chi ra đi, một vị khách Tăng đến, bước vào am và gõ cửa. Với vóc dáng cao lớn và đội chiếc mũ lát rộng vành, khách Tăng nói với chú thị giả: –Tôi muốn gặp Thiền sư Câu Chi. Thị giả chấp tay cung kính thưa: –Dạ, Mô Phật, con xin lỗi. Thầy của con hôm nay vừa đi khỏi. –Bao giờ thì ông ấy về? –Ồ, con không biết chắc là tối nay có về hay không. Vị khách Tăng nói: –Thế à! Thật không may cho tôi. Tôi có vấn đề, muốn gặp ông ấy ngay bây giờ, nhưng tôi rất bận nhiều việc, nên không thể ở lại lâu được. –Vấn đề của thầy là gì? Chú tiểu hỏi. –Tôi có một số nghi vấn, nhưng sư phụ của chú không có ở đây. Hôm nay tôi đã lội bộ suốt cả con đường lên núi này, rất tiếc không gặp ngài để thỉnh vấn vài điều. Thật là kém duyên, thiếu phước. –Thầy có một số nghi vấn ư? –Vâng, tôi có một câu hỏi. Sau đó, chú thị giả bảo: –Ồ, thưa thầy, thầy cứ nêu ra thử, không sao cả! –Ý chú là không có vấn đề gì à? –Dạ vâng! Con có thể trả lời cho thầy được mà. Chú thị giả nói rồi khoanh tay mỉm cười rạng rỡ. Chú này thật to gan. Khách Tăng lại hỏi gặn: –Chú có thể trả lời nghi vấn của tôi ư?

–Dạ, tất nhiên rồi! Con theo Sư phụ sống ẩn dật nơi này đã ba năm. Các Pháp khai thị của Sư phụ con đều thấu rõ. –Ồ! Như thế thật là tuyệt vời. Xin hãy cho tôi biết với. Sau đó, chú tiểu gật đầu nói: –Dạ được. Xin theo con. Chú dẫn vị khách Tăng đến phòng của Thiền sư Câu Chi. Trong khi vị khách Tăng hồi hộp đợi chờ, chú thị giả mặc áo choàng dài của thầy mình và bước lên tòa cao, xếp chân theo lối kiết già an tọa. Chú cầm cây Thiền trượng lớn của Thiền sư Câu Chi để ngang đùi. Sau khi điều chỉnh tư thế của mình, thị giả cất tiếng nói: – Được rồi, chúng ta phải theo đúng khuôn phép môn quy. Đầu tiên, ông phải cúi đầu đãnh lễ tôi ba lạy, như người đệ tử cầu pháp với bậc thầy tôn kính của tôi, một khi ông muốn nhận được yếu chỉ.

‖Với lòng mong cầu được lãnh hội lời khai thị của Thiền sư Câu Chi từ chú thị giả, vị khách Tăng thật quá đổi vui mừng, dù phải bắt buộc làm điều này. Ông nói: –Vâng thưa được, xin y giáo phụng hành. Nói xong, ông cúi đầu đãnh lễ chú tiểu đầy đủ ba lạy, xong rồi vẫn còn khiêm tốn chấp tay quỳ trước mặt chú ấy. Chú tiểu tiếp tục bảo: –Vậy ông muốn hỏi điều chi? Cứ tự nhiên. Khách Tăng xá bái cúi đầu: –Thưa, tôi muốn hiểu Pháp yếu xưa nay của Thiền sư Câu Chi là gì? Pháp từ đâu xuất hiện? Chú tiểu nhắm đôi mắt lại chỉ còn hé lim dim chút xíu. Rồi lắc lư thân mình chầm chậm từ trên tòa cao, như thể cân nhắc câu hỏi sâu sắc của vị khách Tăng đứng tuổi này. Sau đó, bất chợt chú tiểu giơ lên một ngón tay trỏ bên phải ngay trước mặt vị khách Tăng và miệng phát ra âm thanh – pitch xi! Ngay lúc này, mắt của vị khách Tăng mở lộ to ra. –Ồ! Xin cảm ơn, xin cảm ơn rất nhiều về sự khai thị này! Ông la to, và cúi đầu đãnh lễ chú tiểu một lần nữa thật sâu. –Không có chi, không có chi. Chú tiểu trả lời, bước xuống tòa và vẫy tay tiễn khách Tăng ra khỏi cửa. Biểu lộ nỗi vui mừng khi nhận được Pháp yếu quý

hiếm và sâu sắc này, vị khách Tăng xuống núi trở về chùa với tinh thần sảng khoái cao độ. Ông đã đi bộ khoảng hai giờ thì gặp một nhà sư lớn tuổi đang trên đường lên núi. Ông cúi đầu chào hỏi: –Thưa ngài. Ngài có phải là Thiền sư Câu Chi không? –Vâng, chính tôi đây. Câu Chi trả lời. –Ồ! Kính bạch Thiền sư. Xin cảm ơn rất nhiều về sự giáo hóa của ngài ! Bây giờ tôi đã hiểu được thế nào là Pháp yếu.

Vị khách Tăng trông rất hạnh phúc và mỉm cười khi ông cúi đầu thật sâu bái biệt Thiền sư Câu Chi và tiếp tục trên con đường của mình. Câu Chi vừa đi vừa suy nghĩ : "Cái gì mà ông Tăng này cảm ơn ta đã giáo hóa?" Khi về đến chùa, Ông gọi chú tiểu lên: –Thị giả ! Chú tiểu chạy đến chấp tay thưa: –Dạ, Mô Phật! Bạch sư phụ gọi con? –Vừa rồi ngươi có dạy điều chi cho khách Tăng không? –Dạ, thưa có. Con đã chỉ cho ông ta về Pháp yếu của sư phụ. –Vậy thì ta hỏi ngươi: Ngươi có hiểu Pháp là gì không? –Dạ, thưa tất nhiên con hiểu Pháp của sư phụ. –Pháp là gì?

Chú thị giả không cần suy nghĩ, nhanh nhẩu đưa lên một ngón tay. Thời bấy giờ, mỗi nhà sư đều mang theo bên mình một con dao đặc biệt, được gọi là "Giới đao". Con dao này dùng để cạo tóc mỗi tháng hai lần trước ngày sám hối giữa tháng và cuối tháng Âm lịch. Khi cạo tóc, người tu sĩ thường quán tưởng cạo sạch "cỏ vô minh" và mọi dính mắc của mình với thế giới âm thanh sắc tướng bên ngoài. Vì vậy, con dao này rất sắc bén, có ý nghĩa thật tinh tế đối với các nhà sư. Khi chú thị giả đưa lên ngón tay của mình, Thiền sư Câu Chi rút dao và cắt đứt ngón tay trỏ của chú một cách chớp nhoáng .

Chú tiểu hét lên vì đau đớn: "Ôi chao, đau quá!" Và nắm bàn tay chảy máu của mình chạy ra khỏi cửa khóc nức nở. Bỗng nhiên Thiền sư Câu Chi gọi to: "Thị giả!" Ngay lập tức chú quên tất cả mọi nỗi đau đớn và quay đầu nhìn lại. Thiền sư Câu Chi đơn giản đưa lên ngón tay trỏ bên phải của mình. Chú tiểu nhìn thấy điều đó và cũng đáp lại sư phụ bằng cách đưa lên ngón tay của mình đã bị cắt mất. Chú hoàn toàn liễu ngộ. Chú đạt được Thật ngữ chính mình. Pháp yếu không phải là tự ngã ở hình tướng một ngón tay lập đi lập lại . "Piitch xì"! Một ngón tay vô tướng mà Thiền sư Câu Chi khai thị cho chú cuối cùng đã trở thành Tuệ giác của chú. Đó là câu chuyện Thiền "Một Ngón Tay" rất nổi tiếng.

Vì vậy, qua hai câu chuyện của nhị vị Thiền sư Đức Sơn và Câu Chi thật là thú vị. Chúng nói lên cho chúng ta biết về mục đích của thực hành Thiền và sự giảng dạy về Thiền. Cả hai vị Thiền sư này vốn là những bậc Pháp sư lỗi lạc và danh tiếng, đều thông suốt Tam tạng Giáo điển của Đức Phật. Hai vị đã hiểu rõ các truyền thống Phật giáo, những triết lý sâu sắc khác nhau và những Ngữ lục của các bậc Tổ sư tiền bối. Nhưng khi có ai đó yêu cầu hai vị cho một lời Thật ngữ phát xuất từ Tự tánh thì họ không thể thốt nên lời và cũng không thể chỉ ra được.

Kiến giải hiểu biết không tốt, không xấu. Nhưng "Bạn là gì? Ta là ai?" Điều này rất là quan trọng. Điểm đó vượt ra ngoài tầm hiểu biết. Điểm đó không có trong sách vở, Kinh điển. Ngay cả Đức Phật cũng không thể ban cho bạn điểm đó. Bởi vì Chân tánh của chúng ta là trước khi suy nghĩ. Nếu bạn thực hành Thiền, điểm đó trở nên rõ ràng, được chiếu sáng ở khắp mọi nơi và có thể tác dụng bất cứ mọi điều.

Ở Florida có hội đua chó. Nó là một môn thể thao cá cược rất phổ biến. Người ta đem chó đến trường đua và đặt tiền cược vào những con chó săn chân dài, nếu con chó của họ thắng, họ thu được rất nhiều tiền. Nó rất đơn giản. Tất cả mọi người hiểu cách nào là cuộc đua chó, đúng không? Những con chó được lùa ra từ cửa xuất phát, và bắt đầu chạy vòng quanh sân đua. Trong khi đó, người ta gắn một con thỏ điện cũng cho chạy dọc theo đường ray sắt bên trong của đường đua. Nó là một con thỏ giả được phủ lông thỏ thực trên nó. Loài chó có mũi rất thính và đánh mùi thật giỏi. Vì vậy, con thỏ này dẫn chúng chạy vòng quanh cuộc đuổi bắt. Tất cả những con chó nghĩ rằng chúng có thể bắt được con thỏ nếu chúng chỉ cần chạy nhanh hơn. Trong khi đó, có một người đàn ông đang theo dõi những chú chó và kiểm soát tốc độ của thỏ. Nếu hôm đó những con chó chạy rất nhanh thì ông tanhấn nútcho con thỏ chạy nhanh hơn, nếu chúng chạy chậm, thì ông cho con thỏ chậm lại. Ông luôn luôn giữ tốc độ con thỏ điện này trong phạm vi khả năng sức chạy của những con chó, để chúng nghĩ là chúng có thể bắt được thỏ. Từng ngày, những con chó chạy xung quanh, xung quanh trường đua. Cuộc đua này tiếp diễn cuộc đua khác, bày chó chỉ cần đuổi theo con thỏ điện này, chạy trong bao nhiêu vòng, hể con chó nào chạy giỏi nhất hoặc bắt được thỏ thì sẽ thắng cuộc.

Một ngày, điều rất thú vị đã xảy ra tại cuộc đua chó ở Florida. Có cô chó tên là Clear Mary là một loại chó săn chân dài rất khỏe và nhanh, thường luôn giành nhiều chiến thắng. Cô chó Clear Mary cũng là con chó rất thông minh. Một buổi chiều, như thường lệ, cô chạy ra bắt đầu từ cửa xuất phát với những con chó khác. Con thỏ chạy xung quanh đường đua, và bày chó tăng tốc đuổi theo nó. Chạy, chạy, chạy, xung quanh, xung quanh, xung quanh.

Hằng ngày, đôi khi nhiều lần trong một ngày, những con chó này đã phải làm điều tương tự như vậy. Và hôm nay, chúng cũng đã thực hiện một lần nữa chạy đuổi theo con thỏ điện. Nhưng vào giữa cuộc đua, cô chó Clear Maria bất chợt dừng lại. Nhiều người trong khán đài đứng dậy và những máy quay phim điều chỉnh ống kính của họ hướng đến con chó này. –Chuyện gì đang xảy ra? Họ nói. –Có chuyện gì với con chó ngu ngốc này vậy?

Một số người đã đặt cược rất nhiều tiền trên cô chó Clear Mary, vì vậy họ hết sức tức giận: –Chạy đi! Chạy mau đi ! Mi là con chó ngu đần! Chuyện gì đã khiến mi hành động sai lầm như thế ?

‖Bất kể con người la lối, cô chó Clear Marry vẫn đứng yên trong vài phút. Cô nhìn lên khán đài, rồi ngó theo đuôi những con chó khác ở sau cùng đang lướt qua vòng cong của đường đua. Khi cô ấy chăm chú nhìn vào con thỏ kêu vo vo chạy theo vòng cong của đường hình bầu dục. Tất cả mọi thứ hoàn toàn ngưng bặt và im lặng trong giây phút đó tại cuộc đua này.Thoáng chốc, Clear Mary nhảy qua lan can bảo vệ để giữ những con chó trên đường đua. Cô phóng thẳng đến chính giữa sân đua như một tia chớp rồi nhảy vào đường sắt bảo vệ khác, cách với con thỏ, cô chụp bắt được thỏ! BÙM! Ha ha ha!

Vì vậy, đó là tâm Thiền. Mọi người đều muốn có được một cái gì đó trong cuộc sống. Ai cũng đuổi theo nghiệp lực của họ. Họ làm theo ý tưởng và vọng kiến điên đảo rồi tin rằng đây là một cuộc sống đích thực.Tuy nhiên, cô chó Clear Marry như một Thiền sinh cao cấp. Cô được đào tạo rất chu đáo trong nhiều năm, chỉ để theo đuổi con thỏ. Mỗi ngày, cô đã được dạy để chạy vòng quanh và theo dõi xung quanh. Nhưng hôm đó cô đã dừng lại và có tầm nhìn tiếp cận xác thực. Nó giống như thực hành Thiền, nghĩa là dừng lại và quan sát cận cảnh về những gì đang xảy ra trong cuộc sống. Sau đó cô thấy một điều rất rõ ràng và chỉ cần làm điều đó một trăm phần trăm. Cô chó này không kiểm tra bên trong và bên ngoài. Bên trong và bên ngoài, BÙM! - Trở thành Một. Đó là Tâm thiền. Nó rất đơn giản, phải không?

Phật nói tất cả Pháp, để độ hết thảy tâm. Nếu hết thảy không tâm, đâu cần dùng các Pháp?

Đức Phật dạy về Tâm. Qua hơn bốn mươi lăm năm, Ngài đã tuyên dương Diệu pháp. Toàn bộ giáo huấn của Ngài đều quan tâm đến cách bạn ứng dụng Phật pháp để đạt được tâm bạn. (Nói cách khác là cần Thấu ngữ – Đạt Tâm). Đạt được tâm bạn thực sự có nghĩa là "mất tâm". Giáo huấn của Đức Phật là khi bạn khởi tâm, bạn nhận lấy đau khổ và có vấn đề. Nếu bạn không tâm thì tất cả mọi thứ không có vấn đề. Vì vậy, nếu bạn muốn thoát khỏi đau khổ, bạn phải giữ tâm không, có nghĩa là tâm không dính mắc, không khởi vọng tưởng. Khi bạn tu tập chăm chỉ và giữ "Không biết" thật sâu chặt, bạn thấy rằng bạn đã được không tâm. Đã không tâm, tại sao bạn cần Kinh điển? Tại sao bạn cần đến Giáo pháp và giải thích mọi hiện tượng? Nếu bạn không bị bệnh, tại sao lại dùng thuốc? Nếu bạn không tâm, thì Kinh điển, Giáo pháp không cần thiết, lời huấn thị của Đức Phật cũng không cần thiết, tất cả mọi thứ đều không cần thiết. Nhưng con người liên tục tự lừa dối chính

mình. Tất cả mọi người đều nghĩ rằng họ có tâm, sau đó họ chấp giữ tâm họ và nhận lấy nhiều đau khổ. Vì vậy, Kinh điển là cần thiết, Giáo pháp là cần thiết, lời huấn thị của Đức Phật là cần thiết, và tất cả mọi thứ đều cần thiết. Đây là một sự lầm lẫn rất lớn!

Thiền chỉ thẳng trực tiếp vào Tâm "Không Tâm" của chúng ta. Vì vậy, lý do tại sao, trong Thiền, Kinh điển không cần thiết. Kinh điển chỉ nói về Tâm và giải thích Tâm. "Tất cả do tâm tạo".‖Đức Phật dạy tất cả Pháp, để độ tất cả Tâm... "Các pháp từ xưa nay, tướng thường tự vắng lặng"... Những lời này như những viên thuốc tuyệt diệu đối với "Tâm suy nghĩ " của chúng ta.... Tất cả Kinh điển và Giáo pháp chỉ là những hình ảnh đẹp mắt. Ví dụ như một người đàn ông đang đói, nhìn thấy một quả chuối trong tranh, nếu ông ta không dính mắc với những hình ảnh này, ông ta sẽ học hỏi những gì từ một quả chuối, rồi tự đi mua và ăn nó. Trên thực tế, chỉ có ăn chuối mới thoát khỏi sự đói bụng của mình, nhìn những hình ảnh không thể làm cho mình hết đói được.

Vì vậy, nếu bạn có tâm, bạn phải cần đến Kinh điển và Giáo pháp. Nhưng nếu bạn không tâm, sau đó là gì? Một vị Tổ sư nổi tiếng cho biết: "Khi tâm sanh thì các Pháp sanh. Pháp sanh, danh và sắc xuất hiện. Khi danh và sắc xuất hiện thì thương và ghét, đến và đi, vui và buồn..... đều xuất hiện. Nhưng khi tâm diệt, các pháp sẽ diệt. Pháp

diệt, danh và sắc cũng biến diệt. Khi danh và sắc biến diệt thì thương ghét, vui buồn, đến đi tất cả đều biến diệt." Như vậy khi bạn không tâm, tất cả mọi thứ đều biến diệt. Sau đó, Đức Phật, Kinh điển và Giáo pháp không cần thiết. Đây là thuốc chữa bệnh cho tâm suy nghĩ của chúng ta và cũng là Giáo lý Thiền.

Các Loại Thiền

1) Ngoại đạo Thiền
2) Phàm phu Thiền
3) Tiểu thừa Thiền
4) Đại Thừa Thiền
5) Tối thượng thừa Thiền

Trên thế giới này có rất nhiều loại Thiền khác nhau. Hầu hết các Tôn giáo đều có một số loại thực hành thiền định tiềm ẩn đâu đó trong sự giảng dạy của mình. Chúng chỉ là những phương pháp kỹ thuật, không tốt cũng không xấu. Ngoài ra, ngay cả trong đạo Phật cũng có rất nhiều loại Thiền khác nhau. Có người từng hỏi: –Thế nào là Thiền-quán khác với Thiền-định? Hoặc Thiền Tây Tạng là gì?

Ở Nhật Bản, khi người ta muốn ăn, họ chỉ cần sử dụng hai đôi đũa. Ở Hàn Quốc tất cả mọi người sử dụng đũa và muỗng vào bữa ăn. Ở phương Tây, người ta sử dụng một con dao và nĩa. Và ở Ấn Độ, nhiều người chỉ cần bốc các thực phẩm với những ngón tay và cho nó trực tiếp vào miệng của họ "Ùm!" Các kỹ thuật khác nhau. Những dụng cụ cũng không giống nhau. Nhưng điểm quan trọng nhất của tất cả các kỹ thuật này là: Bạn đã có được một bụng no đủ.

Vì vậy, nếu bạn muốn chọn một loại Thiền cho mình, trước hết bạn phải hiểu định hướng cơ bản của nó. Người ứng dụng thiền định trong nhiều việc khác nhau. Hầu hết mọi người sử dụng thiền định để được một cái gì đó. Có lẽ họ muốn có được một cảm giác tốt. Nhiều người muốn sự thanh tịnh và bình yên. Những người khác hành thiền để mong được những thứ của cải vật chất. Có một lối tu truyền thống mà bạn chỉ chú tâm tụng một câu thần chú nào đó thật nhiều để ước vọng có được một chiếc xe thật đẹp hay một căn nhà, hoặc mối quan hệ tình cảm v.v... Nhưng Thiền đúng có nghĩa là quán chiếu rất sâu vào bên trong để đạt được Chân tánh của bạn và giúp đỡ tất cả chúng sanh. Tu tập chân chánh thực sự, có nghĩa là không mong muốn bất cứ điều gì rời xa đời sống thực tế của bạn. Khi bạn tu tập với cái tâm vọng muốn, thì sự thực hành của bạn coi như đã lạc đường và nó sẽ kéo bạn tiếp cận một số khuynh hướng địa ngục. (Chẳng hạn có người cho là tụng Kinh Pháp Hoa, hoặc trì chú thì sẽ được phước lợi, sung túc). Những lối tu như vậy không thể giúp bạn tìm thấy Chân tánh của bạn.

Ngoại đạo Thiền

Ngày nay nhiều người Ki-tô giáo cũng thích Thiền định. Ngoài ra còn có thiền Sufi và một số loại thiền Thời đại mới (New Age meditation). Có thiền Yoga, thiền giữ gìn sức khỏe và thiền Ánh Sáng Thiêng Liêng. Ở châu Á, chúng tôi đã có những hình thức Thiền của Khổng giáo, Lão giáo, và Ấn Độ giáo. Tất cả các loại thực hành này gọi là Ngoại đạo Thiền. Đây là những loại thực hành bị dính mắc vào một số đối tượng, hoặc

nhằm mục đích tạo ra trạng thái tốt của tâm lý hay cảm giác.

Cách đây vài năm, tôi có đi đến thăm một trung tâm thiền khá phổ biến. Tất cả các Thiền sinh ngồi với đôi mắt lim dim, chỉ hít vào và thở ra rất chậm. Cứ hít vào, thở ra; hít vào, thở ra. Hầu hết họ như "đang ngủ trong hơi thở ". Tuy nhiên, mọi người vẫn nói: –A! Sự tĩnh lặng như vậy thật là tuyệt vời !

Thầy của họ bảo rằng nếu họ chỉ cần làm như thế, họ sẽ sớm cảm thấy rất yên bình và hạnh phúc. Và đó là sự thật, hầu như tất cả mọi người đang mỉm cười và hạnh phúc. Tự thân điều đó không tốt cũng không xấu. Tuy nhiên, tất cả mọi người chỉ cố gắng thực tập để có được những cảm giác tốt đẹp và tạo ra loại Tâm hòa ái cho một nhóm cảm giác này. Vào cuối ngày, tất cả mọi người cầm lấy tay nhau và vai kề vai hát ca rất hạnh phúc. Vâng, loại thiền đó theo tôn chỉ của họ không có gì sai trái.

Nhưng đây chỉ là cách thiền tạo ra cảm giác, một cảm giác vui vẻ. Mọi người nói về cách họ thực tập loại thiền định này để làm cho cuộc sống của họ giảm sự ức chế và được thêm hạnh phúc. Những người khác đã cố gắng thiền để "tạo ra một khung cảnh thiêng liêng". Nhưng cuối cùng, ngay cả khi một cảm giác thật vui được biến đổi và trở thành đối lập của nó. Sau đó, người thực tập loại thiền định này có thể trở nên buồn chán hơn trước, bởi vì thiền của họ bị dính mắc với cảm giác vui này. Nó có thể giống như một loại thuốc ngủ hoặc ma túy: khi cảm giác (vui vẻ) dễ chịu thay đổi hoặc tan biến, thì người ấy nhận lấy một số đau khổ. Loại thiền này tạo ra niềm hạnh phúc tạm thời, nhưng khi bạn tạo ra hạnh phúc, thì bạn cũng có thể làm ngược lại. (Khác chi lấy đá đè cỏ, khi đá lấy đi thì cỏ mọc nhiều thêm).

Bạn tạo ra một thế giới đối tượng. Nếu sự thực tập của bạn có đối tượng thì một cái gì đó sẽ luôn luôn bị dính mắc vào. Chúng tôi gọi đây là "Thiền cảm giác vui", hoặc "Tâm thiền hòa ái". Phương hướng của nó không rõ ràng, bởi nó dính mắc đối tượng hoặc cảm giác, hoặc thứ gì từ bên ngoài. Vì vậy, loại thiền này luôn luôn phụ thuộc vào một số cảm giác hoặc đối tượng. Khi nó không nhận được đối tượng, hoặc không thể giữ những cảm

giác đó mãi được, thì người ấy sẽ mất cảm giác hạnh phúc của họ. "Thượng đế ở đâu? Tôi muốn gặp Thượng đế!"(Phật ở đâu? Xin cứu khổ con.) Thiền mà bị dính mắc vào một số đối tượng hoặc cảm giác hay ý tưởng như vậy được gọi là Ngoại đạo Thiền. (Có nghĩa là Thiền ngoài luồng, không phải Thiền chính xác).

Phàm phu Thiền

Phàm phu Thiền có nghĩa là loại thực hành thiền định được sử dụng để trau dồi kỹ năng của bạn trong một số hoạt động. Loại thiền này rất phổ biến hiện nay. Nó có những chức năng cụ thể biểu đạt nội lực, vì vậy nhiều người ưa thích nó. Họ tin rằng nếu họ luyện tập loại thiền này, họ sẽ đạt được một bản năng siêu việt nào đó. Đôi khi được gọi là "Thiền tập trung". Có những người thực hành Thiền như là một phần luyện tập công phu võ thuật của họ. "À! Tôi thiền Thái Cực Đạo, Không Thủ Đạo. Nếu tôi hành Thiền, tâm của tôi sẽ trở nên sáng suốt và võ thuật Không Thủ Đạo của tôi sẽ trở nên tốt hơn". Ngày nay nó rất phổ biến để dạy viết văn, hội họa. Nhiều người cũng thích môn

trà đạo của Nhật Bản cổ xưa, hoặc viết thư pháp thiền. Một số người áp dụng Thiền thôi miên để giúp giải quyết vấn đề tình cảm hoặc tâm lý mà họ làm việc cùng với một bác sĩ chuyên khoa. Một số sử dụng nó để giải tỏa căng thẳng về tinh thần và thể chất. Loại thiền này không xấu và không tốt. Nó rất lợi ích để ứng dụng vào những sinh hoạt trong đời sống thường ngày,còn hơn là không thực hành bất kỳ pháp thiền định nào cả. Nếu bạn thiền, nó có thể giúp bộ môn võ thuật của bạn xuất sắc, hoặc nó có thể giúp tác phẩm nghệ thuật của bạn được hoàn hảo hơn. Nó có thể giúp bạn chơi đàn piano giỏi hơn, hay tổ chức Trà đạo có ý nghĩa sâu đậm hơn. Nó cũng sẽ giúp trong công việc điều trị của bạn về tâm thần hay thân thể bị đau yếu.

Nhưng loại thiền này không có thể giúp bạn hoàn toàn thấu đạt Chân tánh của bạn. Nó không thể cắt đứt vòng luân hồi sanh tử. Sự thật, kỹ thuật tu tập về loại Thiền này có thể mang lại ích lợi cho bạn trong một thời gian, nhưng sự giảng dạy của nó không được đầy đủ toàn vẹn. Phương hướng của các loại thiền định này không phải luôn luôn sáng suốt, rõ ràng. Nó không có bản thệ cứu độ tất cả chúng sanh, mà thường xuyên nó tạo ra cho bạn cái bản ngã "Tôi, của Tôi và thuộc về Tôi" phát triển và trở nên mãnh liệt hơn: "Tôi muốn vấn đề tình cảm của tôi có tính thuyết phục với mọi người hơn". "Tôi muốn làm cho cơ thể của tôi khỏe mạnh và trẻ đẹp hơn". "Tôi muốn là cao thủ võ lâm. Hoặc hàng thượng thặng trong Kiếm đạo, Trà đạo..."

Nhưng cái Tôi này là gì ? Lối Thiền định như vậy không bao giờ khởi lên Câu hỏi (Nghi tình) đó một cách hoàn chỉnh. Bất cứ khi nào bạn thực tập thiền định như thế chỉ nhắm đến một số đối tượng, và sau đó muốn đạt được một cái gì. Nếu bạn muốn một cái

gì, như chúng tôi đã trình bày trước đây, thì đã là một sai lầm lớn. Bạn rơi trở lại vào hố sâu của "Chủ thể" và "Đối tượng". Đây không phải là cách để hoàn toàn nhổ sạch gốc rễ của đau khổ. Bởi vì bản chất loại thiền này vọng muốn một cái gìđó, Nó luôn luôn tạo ra chủ thể và đối tượng, cái này và cái kia, tốt và xấu. Do đó nó không hoàn toàn chỉ ra cho bạn thấy điều mà chúng tôi gọi là "Ngã" (cái Tôi). Ngoài ra, nó không giúp bạn quét sạch vọng tưởng và chuyển hóa nghiệp lực của bạn, vì phương hướng của nó không sáng suốt rõ ràng. Nếu bạn thực hành bất kỳ loại thiền định nào mà có những đối tượng của tâm, để đạt một số mức độ kỹ năng nhằm đem lại một cảm giác tốt, có thể tạo ra cho bạn "Tự ngã" mạnh mẽ, đó là Phàm phu Thiền.

Tiểu Thừa Thiền

Như chúng tôi đã nói về việc thực hành thiền của Phật giáo Tiểu thừa ở phần trước. Ở phương Tây ngày nay, Thiền Tiểu thừa rất phổ biến. Y cứ vào Kinh Quán Niệm Hơi Thở, đôi khi nó được gọi là Thiền Sổ tức (theo dõi hơi thở), hoặc Thiền Minh sát, loại Thiền Quán chiếu. Thiền này giúp môn sinh có cái nhìn sâu sắc vào tạp chất bất tịnh, hiểu biết về vô thường, vô ngã và quán chiếu nội tại. Sự thực hành này cũng nhấn mạnh về con đường của Giới luật (Sila), giữ Nhất tâm bất động (Samadhi), và Trí tuệ (Prãjna). Mục đích của hình thức thiền định này là để đạt được sự tĩnh lặng hoàn toàn và dứt bặt vọng tưởng, cứu cánh Niết bàn.

Đại Thừa Thiền

Chúng tôi cũng đã trình bày trước đây về đường lối thực hành Thiền Đại thừa. Loại thiền này dựa vào sáu pháp quán cơ bản của giáo lý Đại Thừa như sau:

1) Quán về sự tồn tại và không tồn tại của các pháp.
2) Quán về bản thể của Sắc và Không.
3) Quán về đời sống thực tại và Trung đạo.
4) Quán về bản thể của hiện tượng.
5) Quán về sự hòa nhập của tất cả các hiện tượng.
6) Quán về cách nhìn hiện tượng chính nó là Tuyệt đối.
Việc thực hành sáu phép quán nêu trên có thể được thể hiện bằng giáo lý của Kinh Hoa Nghiêm:
"–Nếu bạn muốn hiểu rõ,
Chư Phật trong ba đời (quá khứ, hiện tại và tương lai).
Nên quán tánh Pháp giới (bản thể của vũ trụ).
Tất cả do Tâm tạo."
‖
Tối thượng thừa Thiền
Nếu tất cả mọi thứ đều do tâm tạo, thì cái gì tạo ra tâm? Trực tiếp đạt được bản chất thật sự của tâm là mục đích Tối thượng thừa Thiền. Loại thiền này được chia thành ba loại: –Khái niệm, học tập, trí tuệ hay sự hiểu biết về Thiền là Thiền lý thuyết. –Đạt được một kinh nghiệm của sự trống rỗng và nhận ra sự hiệp nhất của tâm và vũ trụ là Như Lai Thiền. –Tổ sư Thiền có nghĩa là đạt đến một điều gì "chính như như thị". Điều này có nghĩa là tâm tự tại, đạt đến Đại ngã. Đại ngã là thời gian vô cùng và không gian vô tận.

Thực sự là ba loại Thiền này chỉ có một, không ba. Đôi khi chúng tôi tách chúng ra để đơn giản hóa việc giảng dạy và kiểm tra kiến thức của môn sinh.

Tối thượng thừa Thiền

Nghĩa lý Thiền–Sắc tức là Không. Không tức là Sắc. Như Lai Thiền–Không sắc. Không không Tổ sư Thiền–Sắc tức là sắc. Không tức là Không.

Nghĩa Lý Thiền –Sắc tức là Không. Không tức là Sắc.

Lý thuyết Thiền là tất cả dựa trên suy nghĩ. Nó chỉ là lý thuyết của mớ kiến thức khô khan về bản thể "Sắc tức Không. Không tức Sắc". Nhiều học giả và các nghệ sĩ cao cấp đã hiểu được điểm này về mặt khái niệm. Cũng có một số người uống thuốc ngủ hoặc ma túy và trong một thời gian ngắn, nhận ra rằng tất cả mọi thứ như nhau và tất cả mọi thứ xuất phát từ cùng một điểm. Nếu bạn hỏi bất kỳ một trong những người này, "Đây là cây bút chì. Bạn và bút chì này giống nhau hay khác nhau?" Họ thường trả lời "Giống nhau". Họ hiểu quan điểm này: Tất cả mọi thứ trong vũ trụ là như nhau. Tất cả các pháp đều cùng chung một bản thể. Vì thế Sắc tức là Không và Không tức là Sắc. Tôi

là bạn và bạn là tôi. Hiểu được như vậy là chính xác, nhưng điều này vẫn chỉ là suy nghĩ. Nó không phải đạt được toàn vẹn.

Một hôm, có người đệ tử đến phòng của tôi tại Chùa Hoa Khê bên ngoài thủ đô Seoul Nam Hàn. Cậu ta dậm trên sàn nhà và nói:
– Sư phụ! Sư phụ! Con nghĩ rằng con đã tỏ ngộ! ‖
–Ồ! Thật là tuyệt vời ! Tôi nói. –Vậy cậu đã đạt được điều gì? ‖
Cậu ta cho biết:
–Con đạt được Không có gì ! ‖
–Cậu đạt được Không có gì? Hay quá !. Nhưng Ai đã đạt được Không có gì? ‖
–Vâng, con đã đạt được Không gì cả.
‖
Sau đó, tôi đánh cậu ta bằng thiền bảng một cái “Bốp!” và hỏi:
–Ai đạt được điều đó?
Cậu ta đã bị mắc kẹt và không thể trả lời. Ha ha ha! ha ha ha! Vâng! Có lẽ cậu đệ tử này chỉ hiểu được một cái gì đó, nhưng không phải là đạt được. Nó chỉ là sự hiểu biết một điều gì đó về thành tựu thật sự, cho nên vẫn còn dính mắc. Chúng tôi gọi đây là Thiền Lý thuyết hoặc Khẩu đầu thiền.

Có rất nhiều người đã trải nghiệm về khái niệm khá mạnh mẽ “Sắc tức là không và không tức là sắc”. Nhưng điều này chỉ là sự nhận thức khô khan, nó không thể giúp gì cho cuộc sống của họ. Trong dịp khác, có một người đàn ông gặp tôi tại Tổ đình Hoa Khê và nói: –Thiền Sư, tôi đang đứng cạnh đây theo hướng quay lên hoặc lộn ngược xuống theo vòng cong trái đất? ‖ Điều này có vẻ như một câu hỏi rất lạ: –Bạn đang hỏi bởi vì bạn thực sự không biết chính mình phải không? ‖ Ông nói: “Vâng, tôi không chắc chắn nữa ...” ‖ –Tại sao không? ‖ –Trái đất tròn. Vì vậy, tôi đang đứng nơi đây, nhưng ngay bây giờ người ở phương Tây phía bên kia nửa vòng trái đất phải đứng lộn ngược. Hoặc người nào khác họ đang đứng ở đó một cách chính xác, và tôi đang đứng lộn ngược. Vì vậy, tôi hỏi: –Bạn nghĩ gì? ‖ Khuôn mặt anh rạng rỡ hẳn lên: –Tôi hiểu đó là một sự thật ... ‖ Tôi hỏi anh ta: –Thế thì bạn hiểu điều gì? Anh ta nói: – Sắc tức là Không. Không tức là Sắc. Bên này quay lên tức là bên kia lộn ngược và bên kia lộn ngược tức là bên này quay lên.... –Và làm thế nào để bạn hiểu điều đó? ‖ –Tâm tôi khám phá ra. Anh ta nói. – Tâm của bạn ở đâu? Hãy cho tôi xem. ‖ Người đàn ông hoàn toàn bị mắc kẹt và không thể trả lời được. Trong thời điểm đó tôi nhớ câu tục ngữ xa xưa của Hàn Quốc bèn nói với anh ta: –Để tìm hiểu được những điều như thế thì không mấy gì tốt hơn so với việc nhìn thấy mụt ung thư.

Như tôi đã kể, tôi biết được rằng người đàn ông này thường đi xe buýt mỗi ngày khi anh ta nhìn thấy một nông dân chống đỡ chiếc túi ba lô của mình treo trên một cây gậy dựng đứng nó lên. Người bạn của nông dân đi ngang qua và vô tình đá cái túi ra khỏi cây gậy và cái túi rơi xuống. Nó đã cho anh ta một câu hỏi lớn (Đại nghi tình): - Làm thế nào

điều này có thể xảy ra? Ông nghĩ về quả địa cầu, và thực tế người phương Tây ở phía bên kia giáp nửa vòng trái đất có tình huống tương tự. Nó chỉ cần không tạo ra bất cứ cảm giác nào (hoặc ý nghĩa) đối với anh ta nữa. Vấn đề thực sự đã khởi đầu là khi một người bạn đề nghị anh ta chuyển sang đề tài giảng giải về Tâm Kinh được đưa ra bởi một giáo sư nổi tiếng. Anh ta nghe câu "Sắc tức là Không, Không tức là Sắc," những ý tưởng đã đi sâu vào tâm thức của anh ta. Anh ta đã ghi nhận những lời này một cách khái niệm và trở nên dính mắc với chúng, rồi tìm hiểu những gì chúng nhắm chỉ vào. Loại tư duy này giống như một căn bệnh nặng.

Như Lai Thiền: Không Sắc, Không Không

Kinh Đại Bát Niết Bàn nói: "Tất cả các hành là vô thường, đây là pháp sanh diệt. Khi sanh và diệt biến mất, sau đó sự tĩnh lặng này là chân hạnh phúc". Điều này có nghĩa là khi không có sanh và diệt trong tâm bạn, tâm đó là sự tĩnh lặng hoàn toàn và hạnh phúc. Đó là tâm tuyệt đối, không suy nghĩ. Hoặc tâm trước khi suy nghĩ phát sanh. Ví dụ, đây là một cây bút chì. Bạn và bút chì này giống nhau hay khác nhau? Nếu bạn nói "giống nhau", tôi sẽ đánh bạn ba mươi hèo. Nếu bạn nói "khác nhau", tôi cũng sẽ đánh bạn ba mươi hèo. Bạn có thể làm gì? [Tạm dừng một lúc, sau đó đập gậy thiền xuống bàn] Đây là Như Lai Thiền. [Đập gậy thiền xuống bàn lần nữa] Tâm này, chỉ ngay thời điểm này.

Bạn không thể mở miệng để thể hiện nó. Thời điểm này không Phật, không Pháp, không tốt, không xấu, không sáng, không tối, không trời, không đất, không giống, không khác, không không, không sắc, không có bất cứ điều gì trong đó. Đây là một tâm thực sự rỗng không. [Đập gậy thiền xuống bàn]. Tâm không này là tâm không sanh, không diệt. Giữ tâm này ở tất cả mọi lúc, đó là Như Lai Thiền.

Như Lai Thiền không thể sử dụng chữ nghĩa và lời nói để giải thích. Bất cứ khi nào có người đặt câu hỏi với Thiền sư Lâm Tế, ngài sẽ trả lời bằng cú hét: "Katz!", Thiền sư Đức Sơn thì "Đánh". Và Thiền sư Câu Chi chỉ đưa lên "Một ngón tay". Những hành động này là loại giảng dạy rất cao cấp, bởi vì các ngài không dựa trên lời nói và chữ nghĩa để chứng minh Tuyệt đối hoặc chỉ Chân tánh của chúng ta. Hành động này nhằm mục đích đánh thức sự trải nghiệm một cách trực tiếp. Phong cách này dạy rằng tất cả các pháp khởi nguyên cùng chung một bản thể. Bản thể này không có tên và không có hình thức. Ngay thời điểm này không thể giải thích hoặc mô tả cho bạn. Không bao giờ sử dụng ngôn ngữ có thể truyền tải nó. Thay vào đó nó chỉ thể hiện qua hành động trực tiếp. [Đập gậy thiền xuống bàn].

Trước đây, có người nói anh ta và bút chì đều "giống nhau". Giống nhau này cũng chỉ là đang suy nghĩ, là sự hiểu biết khô khan. Nhưng nếu bạn hỏi tôi, bút chì và tôi giống nhau hay khác nhau? Đây là cách tôi trả lời [Đập gậy thiền xuống bàn thật lớn]. Như vậy gọi là Như Lai Thiền.

Tổ sư Thiền: Sắc tức là sắc; Không tức là Không.

Vì vậy, tất cả các pháp trong vũ trụ cùng chung một bản thể phổ quát, và bản thể này không có tên (Danh) và không có hình thức (Sắc). [Đập gậy thiền xuống bàn]. Nhưng tất

cả điều này cũng có một công việc và chức năng cụ thể. Từng niệm niệm, cái gì là chức năng chính xác của bản thể ? Đây là điểm rất quan trọng. Đạt được chức năng chính xác của bản thể trong mỗi sát na là giáo lý của Tổ sư Thiền, đôi khi được gọi là Thiền đốn ngộ. Đạt được điểm này có thể sử dụng tất cả các tình huống và tất cả mọi thứ để giúp đỡ người khác.

Tổ sư Thiền đào luyện nội quán với chức năng chính xác của tâm chúng ta và vũ trụ này. Để mô tả chức năng rõ ràng hơn, chúng ta có thể nhìn vào Tổ sư Thiền bằng cách chia nó thành hai quan điểm như những phương tiện thiết thực. Chúng tôi nói rằng có hai cách mô tả chức năng: Chức năng siêu hình là chúng ta nói"Thật Như Thị"(Like-this truth). Nhưng một cách tỉ mỉ và đầy đủ toàn vẹn là chức năng phong cách cụ thể–"Tức Như Như Thị" (Just-like-this truth). Ví dụ, ai đó hỏi : "Phật là gì?" Có rất nhiều cách để trả lời câu hỏi này, bởi vì tất cả mọi thứ là sự thật. Trời xanh, cây xanh, đường ngọt, muối mặn. Phật, Pháp, Tâm, Tánh, Chúa, Ngã, Chân ngã, tuyệt đối, năng lượng, ý thức, bản thể, tất cả mọi thứ đều là Phật. Cái gì không phải là Phật? Đây là một câu hỏi rất rộng, nó không đứng trên một quan điểm. Chúng tôi gọi đây là một câu hỏi của phong cách siêu thực, bởi vì những gì nó đang đòi hỏi yêu cầu cho những quan điểm tại một số biểu hiện chung của chân lý. Tất cả mọi thứ là chân lý, vì vậy tất cả mọi thứ là Phật. Tất cả mọi thứ là Chúa, hoặc tánh, tâm, hoặc chân lý. Câu trả lời loại này chỉ cho chức năng theo lối siêu thực hoặc trừu tượng.

Tuy nhiên, chúng ta bắt gặp nhiều tình huống mỗi ngày đòi hỏi chúng ta đáp ứng một cách tỉ mỉ và rõ ràng hơn. Một số hành động cụ thểvới những công việc nhiều hơn là sự phản ánh đơn thuần, hoặc giải thích về chân lý. Hầu hết các tình huống trong cuộc sống của chúng ta đòi hỏi một chức năng đầy đủ trọn vẹn, một hành động hoàn chỉnh.

Lấy thí dụ rất đơn giản, đây là một cái tách màu trắng. Ai đó hỏi bạn: "Bản thể của vật này là gì?" Nếu bạn trả lời: "Đó là một cái tách." Điều này cho thấy bạn đang dính mắc với cái tên (danh) và hình thức (sắc). Nếu bạn nói nó không phải là một cái tách, như vậy

bạn dính mắc vào Không (emptiness). Vì vậy, đây có phải là một cái tách hay không ? Bạn trả lời bằng cách nào? Có thể bạn sẽ nói, "Ô, trời xanh!". "Cây xanh", "Khi đói thì ăn" v.v... những đáp án như thế không chính xác. Vâng, trời xanh: đó là sự thật. Cây xanh: đó cũng là sự thật. Khi đói thì ăn. Đó là những câu trả lời biểu hiện của một số chân lý phổ quát. Nhưng trong trường hợp này, tất cả các câu trả lời trên đều không chính xác. Chúng không thể hiện sự kết nối mối quan hệ với bạn trong tình trạng này vào thời điểm này–tình huống được tạo ra bởi câu hỏi. Vì vậy, một lần nữa tôi hỏi: Cái này là gì? (Nâng tách lên uống) Chỉ có thế! Một câu hỏi nhất điểm đòi hỏi một câu trả lời nhất điểm. Nó rất dễ dàng.

Chúng ta hãy xem một ví dụ khác. Đây là cái đồng hồ. Nếu bạn nói đây là đồng hồ, bạn bị dính mắc vào lãnh vực của danh và sắc. Nếu bạn nói nó không phải là đồng hồ, bạn sẽ bị dính mắc vào Không. Vì vậy, đây là đồng hồ hay không phải đồng hồ? Vào lúc này, có người nói đồng hồ là cái cây, và cái cây là đồng hồ. Đây là một câu trả lời theo kiểu

“Lý thuyết Thiền”, bởi vì Sắc tức là Không và Không tức là Sắc. Nó chỉ giải thích theo lối trí năng (intellectual explanation). Những người khác thông thường sẽ trả lời với một cái gì đó như –“Áo tràng của bạn màu xám” hoặc “Đôi mắt bạn màu nâu”. Câu trả lời theo cách này không phải dở. Nó thể hiện một mẫu số chung của chân lý. Nhưng trong tình huống cụ thể này, những câu đáp án như vậy không được chính xác. Trong khi sự thật chúng không rõ ràng dứt khoát; đó là sự thật cụ thể về tình huống đặc biệt này với điều mà bạn đang trình bày.

Một câu hỏi nhấn mạnh đòi hỏi một câu trả lời nhấn mạnh. Vì vậy, đây có phải là đồng hồ hay không? (Sau một vài giây, nhìn vào mặt đồng hồ.) “Ồ, bây giờ là hai giờ mười lăm phút chiều”. Đó là cách đáp án mà chúng tôi gọi là Tổ sư Thiền. Nó rất dễ dàng. Bản thể, Chân lý, và chức năng đến với nhau trong một thời điểm. Đó là phương hướng đúng và cuộc sống chính xác của bạn trong từng khoảnh khắc.

Vì vậy, Tổ sư Thiền có hai hình thức biểu hiện: chức năng siêu thực và chức năng cụ thể. Cả hai chức năng này thể hiện trong lời giảng dạy cao nhất của Tâm Kinh: Sắc tức là sắc; Không tức là không. Nhưng chức năng siêu hình có nghĩa là chúng tôi chỉ đơn giản phản ánh sự thật này, như nó hiện hữu. Trời xanh. Cây xanh. Bức tường này trắng. Bên ngoài, một con chó sủa –Gâu! Gâu! Tâm chúng ta như một tấm gương tròn lớn. Chỉ phản ánh, phản ánh, phản ánh. Tất cả các pháp là Chân lý “Như thị”.

Tuy nhiên, đôi khi chỉ phản ánh sự thật như nó đang hiện hữu, không thể giúp cho thế giới này nhiều được. Ngày nay, xã hội của chúng ta đang sống diễn biến khá phức tạp. Tất cả mọi thứ đang chuyển động rất nhanh chóng và thay đổi hết sức mau lẹ. Có rất nhiều

hiện tượng đau khổ xảy ra. Làm thế nào để chúng ta cứu giúp thế giới này? Tất nhiên giữ một tâm sáng suốt như hư không, chúng ta phản ánh thế giới này như nó hiện hữu. Khi một quả bóng đỏ xuất hiện trước gương Tâm trong sáng rõ ràng của chúng ta, thì màu đỏ được phản ánh, khi màu trắng xuất hiện, thì phản ánh màu trắng. Nhưng khi người đói đến trước gương Tâm của chúng ta, chúng ta có trở nên đói không? Khi một người buồn đến, chúng ta có trở nên buồn không? Hay chỉ đơn giản là phản ánh sự thật mà không cần giúp đỡ những người này? Một số quá dè dặt hơn và sự hưởng ứng hoàn toàn là cần thiết, phải không? Đây là cách làm thế nào lời dạy của Chân lý “Chính-như-Như-Thị” xuất hiện.

Nếu chỉ đơn giản là phản ánh thế giới này, như vậy thỉnh thoảng nó không được đầy đủ trọn vẹn. Khi được kêu gọi để cứu giúp chúng sanh vơi bớt khổ đau, từng khoảnh khắc, mối quan hệ chính xác của chúng ta có đúng sự thật như nó hiện hữu chăng? Vâng, Trời xanh. Cây xanh. Đây là sự thật. Nhưng làm thế nào để chúng ta thực hiện chức năng những sự thật này một cách chính xác trong cuộc sống hàng ngày là phụng sự cho tất cả chúng sanh? Để đạt được điều đó là những gì chúng ta dự định do chức năng cụ thể. Chỉ đạt được sự thật như nó hiện hữu, tức là đạt được chức năng siêu thực. Nhưng đạt được tự nhiên đúng chức năng trong từng khoảnh khắc của sự thật là đạt được cuộc sống đúng đắn của bạn, nghĩa là đạt được vị trí đúng, quan hệ đúng và hành

động đúng. Bản thể vũ trụ, chân lý và chức năng tự phát với nhau mang lại lợi ích cho mọi chúng sinh khác.

Có một cách khác thể hiện điều này. Đôi khi chúng ta nói: –Hãy giữ nhất tâm trong sáng như hư không, chức năng tâm của bạn như là mủi kim may áo. Tu tập Tổ sư Thiền rất thực tế, rất tỉ mỉ. Từng khoảnh khắc, cảm nhận được vị trí của bạn đúng, mối quan hệ với vị trí đó và chức năng chính xác. Chúng tôi đã nói rất nhiều về việc giữ tâm sáng suốt. Khi bạn thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và khi bạn nghĩ tưởng, tất cả mọi thứ, chỉ như thế là sự thật. Đây là cách giữ tâm trong sáng như hư không. Nghĩa là luôn luôn có một tầm nhìn phổ quát. Nhưng sự thực hành của chúng ta phải tỉ mỉ cẩn thận như thế nào, để sự thật này có chức năng như những tình huống mới liên tục xuất hiện. Tất cả mọi người đã nhìn thấy tấm y cà-sa lớn của một nhà sư. Tấm y được khâu lại với nhau rất cẩn thận ở nhiều công đoạn kết nối khác nhau. Nó rất khó khăn để thực hiện những điều này. Nếu người khâu nó không sử dụng đường kim mối chỉ tỉ mỉ sẽ có một số sai lầm. Sau đó toàn bộ tấm y Ca sa bị hỏng và khâu lại một lần nữa.

Điều đơn giản chỉ cần có lòng yêu thương của việc giữ tâm trong sáng như hư không. Thật tuyệt vời ! Nhưng đây là tâm trải nghiệm rộng rãi bao la. Nó không luôn luôn nhận thức như thế nào để hoạt động một cách thích hợp trong từng trường hợp cho người khác. Do vậy, đạo Phật dạy về những phương tiện thiết thực. Đây là tên gọi khác của lòng

Từ bi. Lòng Từ bi mà Tối thượng thừa chỉ dạy là Từ bi có Trí tuệ dẫn dắt. Nếu bạn không có Trí tuệ mà chỉ kinh qua một số loại tâm yêu thương, thì đây là tâm yêu thương không thể luôn luôn đáp ứng nhu cầu khác nhau của mỗi người trong những tình huống khác nhau. Nhưng nếu bạn đạt được Chân lý và đào sâu sự hiểu biết của bạn, sau đó Trí tuệ xuất hiện. Tình yêu + Trí tuệ = Từ bi. Một hành động cho từng tình huống. Mỗi chức năng khác nhau cho mọi nhu cầu của chúng sanh sẽ tự động xuất hiện trong mọi tình huống. “Giữ tâm trong sáng như hư không”, nhưng hãy để chức năng tâm của bạn như là mủi kim may. Đây là lời giáo hóa rất cao cấp. Như vậy, muốn hành hoạt vì người khác và sử dụng được chức năng chính xác của chúng ta, điều trước nhất chúng ta phải thấu đạt Chân lý.

Thuở xưa ở Trung Quốc, có người đã từng hỏi Thiền Sư Động Sơn: Phật là gì? ‖ Sư đáp: – Ba cân gai. ‖ Vị Tăng không hiểu, bèn đi đến một thiền sư khác, trình bày cuộc gặp gỡ với Động Sơn và hỏi ý nghĩa “Ba cân gai” là gì? ‖ Thiền sư trả lời: – Phía Bắc có cây thông, phía Nam có tre nứa. ‖ Vị Tăng vẫn không hiểu, vì vậy ông đi đến một trong những người bạn của ông đã được thực hành thiền một thời gian và hỏi những gì mà hai vị Thiền sư khai thị. Người bạn nói: –Khi bạn mở miệng, răng bạn vàng. Bạn có hiểu không? ‖ –Tôi không biết. Tăng trả lời. Sau đó, người bạn nói: –Trước tiên, bạn phải hiểu được tâm bạn, thì tất cả điều này sẽ được rõ ràng. ‖ Vì vậy Tổ sư Thiền có nghĩa đạt được tất cả mọi thứ, chính-như- vậy là sự thật. Trời xanh. Cây xanh. Chó sủa Gâu gâu! Muối mặn; Đường ngọt. Khi bạn thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm, và khi bạn nghĩ tưởng, tất cả mọi thứ là sự thật, chỉ vì nó hiện hữu. Có lần Tăng hỏi Thiền sư Triệu Châu: “Phật là gì ?” ‖ –Uống trà đi ! ‖ Một vị Tăng khác hỏi: “Pháp là gì?” ‖ –Uống trà đi !

‖ –Sự sống là gì ? ‖ –Uống trà đi! ‖ –Phật giáo là gì? ‖ –Uống trà đi! ‖ Biểu đạt “uống trà đi” là chức năng chính xác.

Có một câu chuyện nổi tiếng chứng minh ba loại Thiền như sau: Sư tổ của tôi là Đại Thiền sư Mãn Không, xuất gia khi mới mười ba tuổi. Ngài là một chú tiểu thị giả cho một vị

Pháp sư viện trưởng rất bận rộn, và là môn sinh theo học Kinh giáo Đại thừa tại chùa Đông Hạc (Tong Hak Sah), mà lúc đó viện Phật học này của chùa nổi tiếng nhất tại Hàn Quốc. Các vị Pháp sư lỗi lạc từ khắp nơi trên cả nước đã đến viện để nghiên cứu giáo lý của đức Phật.

Một ngày nọ, có một buổi lễ tốt nghiệp đại học Phật giáo khá long trọng. Theo truyền thống, vị Viện trưởng bước lên bục cao để ban lời khai mạc chính thức. Sau khi ngồi xuống và điều chỉnh y phục nghi lễ của mình, Viện trưởng nói với đại chúng:

–Hôm nay là ngày lễ tốt nghiệp, tất cả các thầy phải tiếp tục dụng công học tập Phật pháp một cách chăm chỉ để trở thành những cây gỗ to quý, làm rường cột trong chốn Già lam. Cũng giống như những cái bát lớn, có khả năng chứa nhiều phẩm vật tươi tốt. Một nhà thơ cổ đại đã từng viết: “Nước trở nên vuông hay tròn, tùy vào vật chứa đựng nó… Tương tự như vậy, người ta tốt hay xấu, tùy vào những người bạn mà họ kết thân.” (Thủy tùng phương viên khí, Nhơn y thiện ác hữu). Vì vậy, hôm nay tất cả các thầy đều mãn khóa. Thật là tuyệt vời !

Nếu từ bây giờ các thầy kết bạn với những người có phẩm hạnh đạo đức tốt, tự nhiên các thầy sẽ trở nên tốt đẹp và đạo đức, thực hiện bổn phận lớn nhất của mình là hướng thượng. Nhưng nếu các thầy kết hợp với những người xấu theo con đường tà, cuối cùng các thầy sẽ trở thành kẻ xấu. Các thầy luôn luôn gìn giữ Phật trong tâm, kết nhiều thiện duyên với nhau và làm cho Tăng thân ngày càng tốt đẹp. Sau đó, các thầy sẽ trở thành những cây đại thọ trong chốn Tòng lâm và là những bậc Pháp khí của Phật giáo. Đây là một phần khuyên nhủ của tôi xin gởi tới các vị. Mọi người đều tỏ ra thích thú lời giáo hóa này. Ngồi ở phía sau xa của hội trường, chú tiểu Mãn Không suy nghĩ: –Ồ, đó là lời giáo hóa tuyệt vời ! Tất cả các môn sinh đã tỏ ra rất hạnh phúc. Khi vị viện trưởng trở về chỗ ngồi của mình, bên cạnh có vị sư già đã trở thành một nhân vật khá lạ mắt. Ông mặc quần áo rách rưới, với mái tóc phủ xuống và bộ râu dài lưa thưa, vị sư này gây ấn tượng mạnh mẽ giữa các tu sĩ đầu cạo nhẵn gọn, ăn mặc lịch sự. Mặc dù sự xuất hiện của ngài lôi thôi nhếch nhác, nhưng đôi mắt tỏa sáng như kim cương. Không ai khác hơn đó là Thiền tổ Cảnh Hư vừa viếng thăm chùa. Ngài đã được cả nước biết đến là một trong những Thiền sư vĩ đại nhất trong lịch sử Phật giáo Hàn Quốc thời bấy giờ. Viện trưởng nói: –Kính bạch Đại sư. Xin ngài hoan hỷ ban cho chúng Tăng một vài lời huấn thị. ‖ Không ngước nhìn lên, Thiền sư Cảnh Hư chỉ lắc đầu: –Không, không. Tôi chỉ là một kẻ lang thang, vừa mới ghé qua đây. Tôi không có gì để nói. Sau đó ông im lặng.

–Kính bạch Đại sư. Hôm nay là một ngày lễ trọng đại đối với bổn viện và các Tăng sinh trẻ, rất mong Đại sư ban lời Đạo từ chỉ giáo.

Sau một vài khoảnh khắc im lặng, Cảnh Hư bước lên bục cao. Ngài khai thị: – Này Đại chúng. Tất cả các vị đều là Tăng sĩ xuất gia. Người xuất gia thì không nên vướng mắc những vụn vặt cá nhân, chỉ sống lý tưởng bằng cách dấn thân phụng sự cho tất cả chúng sanh. Vọng muốn trở nên Tòng lâm đại thụ, hoặc Pháp khí Phật giáo sẽ chướng ngại cho các vị trở thành một Đạo sư chân chính. Nên biết, cây lớn có công dụng lớn, cây nhỏ có công dụng nhỏ. Những cái bát tốt hay xấu đều có thể được sử dụng theo cách riêng của chúng. Không có gì phải loại bỏ. Thay vào đó, các vị phải trở thành người thợ mộc tuyệt vời. Nếu các vị là thợ mộc giỏi thì không bao giờ vứt bỏ loại cây nào dù lớn hay nhỏ, tốt hay xấu. Một người thợ mộc khéo léo, có thể sử dụng các loại cây trong công việc của mình và không bao giờ loại bỏ một vật gì đơn độc. Tốt và xấu không quan trọng. Nếu những điều tốt đẹp đến, các vị phải biết sử dụng thích hợp chúng, thì những điều xấu, các vị cũng phải biết làm thế nào để sử dụng chúng một cách chính xác. Không dính mắc với cái tốt, hoặc vứt đi cái xấu. Các vị phải sử dụng cả tốt lẫn xấu và làm cho chúng chính xác. Vì vậy, giữ tình bạn cả tốt lẫn xấu, và không nên từ chối bất cứ điều gì. Đây là Chân Phật tử. Mong ước duy nhất của tôi cho các vị là điều mà các vị tự mình thoát khỏi mọi tư duy khái niệm, được thong dong tự tại.‖

Chú tiểu Mãn Không nghe được điều này, ngay lập tức tâm chú trở nên sáng suốt. “Đây mới đích thực là sư phụ của tôi ! Đây mới đích thực là sư phụ của tôi !” Chú tự nghĩ như thế. Khi Đại sư Cảnh Hư rời khỏi giảng đường, Mãn Không nhảy lên và đi theo Ngài. Đại sư Cảnh Hư cảm nhận một người nào đó đi phía sau mình và quay lại nhìn chú tiểu. –Tại sao ngươi lại đi theo ta? ‖ –Kính bạch Đại Thiền sư, con rất thích lời huấn từ của thầy. Mãn Không thưa. Con muốn trở thành đệ tử của ngài. Xin vui lòng cho con được theo thầy! ‖ –Ngươi là ai? ‖ –Con không có tên và không có hình thức. ‖ –Nếu ngươi không tên và không có hình thức, thì cái gì đang theo ta? ‖ –Ô! Lời huấn từ của thầy rất tuyệt vời! ‖ –Ngươi dính mắc với lời nói của ta! ‖ –Không, thưa thầy, con không bao giờ dính mắc với lời huấn từ của thầy. Con chỉ làm theo Tâm của thầy mà thôi ! ‖ Đại sư Cảnh Hư mỉm cười và thử nghiệm Mãn Không một lần nữa: –Ngươi chỉ là một chú tiểu. Hơn nữa, trẻ con thì không có khả năng lãnh hội được Phật pháp. ‖

–Bạch sư phụ, nhân loại chúng sanh có thể có tuổi tác già trẻ, nhưng trong Chân tánh không có trẻ hay già? ‖ Thiền Sư cười lớn: –Ha ha ha! Ngươi là cậu bé rất tồi ! Ngươi đã giết chết và nuốt Phật mất rồi. Phải có một người nào đó chăm sóc ngươi mới được. Hãy theo ta!

Sau đó Đại sư Cảnh Hư dẫn chú tiểu Mãn Không đến chùa Thiên Tạng (Chung Jung Sah) giới thiệu với thầy trụ trì và gởi chú ở đó rồi ra đi. Mãn Không thực hành siêng năng và làm việc rất chăm chỉ xung quanh ngôi chùa. Năm năm trôi qua kể từ cuộc gặp gỡ với Thiền sư Cảnh Hư, (Mãn Không bây giờ đã 18 tuổi) chỉ trong một thời gian ngắn ban đầu, chú đã thuộc làu tất cả các nghi lễ tụng niệm. Người ta nói về Mãn Không rằng, khi chú mở miệng tụng kinh, thì âm thanh vang vọng cảm ứng thấu trời. Nhiều Phật tử thuần thành muốn yêu cầu chú phải chủ trì nghi lễ tụng kinh cho họ, vì vậy chú rất bận rộn. Từ sáng đến tối, Mãn Không luôn luôn tụng niệm, thường bỏ dở các bữa ăn của mình để đáp ứng nhiều yêu cầu mà chú cần phải phục vụ.

Vào buổi tối cuối mùa Xuân, một ngày trước lễ Phật Đản, Mãn Không đang bước ra khỏi điện Phật, chú vừa hoàn tất khóa lễ và hướng về phía văn phòng để nhận khoản tịnh tài cúng dường trong ngày. Mãn Không đã không ăn từ sáng sớm và mong muốn để có chút nghỉ ngơi trước khi bắt đầu ngồi thiền buổi tối của mình. Chú rất mệt mỏi. Khi chú đang đi qua sân chùa, bất chợt có một cậu bé từ phía ngôi làng gần đó tiến đến và cúi đầu chào: –Chúc mừng Lễ Phật Đản, thưa thầy! ‖ –Vâng, cảm ơn, và em cũng được như vậy nha. ‖ Hai bàn tay chấp lại hình búp sen hết sức trân trọng đứng trước chú tiểu Mãn Không, cậu bé nói: –Bạch thầy, con xin hỏi thầy một câu ... ‖ –Ồ, em muốn hỏi câu gì? ‖ –Vâng, Vạn pháp trở về Một ... ‖ Mãn Không ngắt lời cậu bé: –Tất nhiên rồi, Vạn pháp trở về Một. Tôi hiểu điểm này mà. ‖ –Vì vậy, con muốn hỏi thầy, Một trở về đâu? ‖ Mãn Không đã hoàn toàn bị mắc kẹt và không thể trả lời được. Miệng há mở nhưng không có chữ thốt ra. Cậu bé ngước nhìn chú mỉm cười, Mãn Không gắng tìm một cái gì đó để nói. Vài phút trôi qua, nhưng Mãn Không vẫn im lặng. Khuôn mặt chú chuyển sang màu đỏ, sau đó màu trắng bệt, rồi tối sẩm. Cậu bé nói:

–Hừ! Thầy không hiểu điều đó rồi ! Thầy không hiểu gì cả. Một nhà sư như thầy làm gì chứ? ‖ Sau đó cậu bé quay gót chớp nhoáng, cũng giống như đột nhiên khi xuất hiện, rồi cậu biến mất. Bây giờ Mãn Không tỏ ra không vui. Trong lòng mãi ưu tư: “ Một trở về đâu? Tại sao ta không thể trả lời được câu hỏi này? Ta không biết ...” ‖ Chú trở về phòng và nằm vật xuống sàn, mắt nhìn thẳng lên trần nhà. Chú không ăn bất cứ thứ gì. Mặc dù mệt mỏi, chú cũng không thể ngủ được. –Một trở về đâu? Ta không biết ... ‖ Một ngày trôi qua. Hai ngày. Ba ngày. Và mãi từ sáng đến tối và thêm một buổi sáng nữa, Mãn Không vẫn trong sự kềm kẹp của câu hỏi này. Nó không để cho chú đi đâu, ngay cả trong chốc lát. –Cậu bé này đã hỏi ta một câu và ta không thể trả lời được. Thật là khủng khiếp! ‖ Trong khi đó, vị trú trì bắt đầu thấy hiện tượng như vậy, thắc mắc về chú. Mãn Không đã không ăn, không ngủ trong nhiều ngày. Khuôn mặt của chú đã trở thành một màu vàng sệt và da nằm xếp những nếp nhăn dày dưới đôi mắt quầng thâm của mình. Vị trú trì gọi Mãn Không vào phương trượng rồi bảo: –Gần đây có điều gì sai trái với con? Con đang suy nghĩ về tiền bạc không sòng phẳng ư ? Hay là đã rơi vào tình yêu với một người phụ nữ nào rồi ? Nếu con gắn bó với phụ nữ hay tiền bạc, con phải rời khỏi ngôi chùa này đi ! Nhưng Mãn Không vẫn giữ im lặng, chú chỉ nhìn chằm chằm xuống sàn nhà. Điều này khiến cho sư trụ trì càng thêm tức giận. –Có điều gì sai trái với ông? Hãy nói cho ta nghe! ‖ Sau một vài phút, Mãn Không từ từ mở miệng nói: –Thưa thầy, con không thích tiền. Con cũng không hệ lụy tới đàn bà con gái. Bây giờ con không quan tâm đến bất cứ điều gì ... ‖ –Lý do tại sao ông đã không ăn,không ngủ trong suốt mấy ngày qua? ‖ –Thưa thầy, con có một câu hỏi lớn, nó khiến không cho con đi đâu, ngay cả trong giây lát. ‖ –Câu hỏi của ông là gì? Cứ hỏi ta ! Bất kỳ câu hỏi nào không thành vấn đề. ‖ Mãn Không nói: —Vạn pháp trở về Một. Một trở về đâu? ‖ Vị Trụ trì cười lớn khi nghe qua lời nói Mãn Không: –Ta không cần phải quan tâm Một trở về đâu!? Những lời này không cần thiết. Tại sao chúng làm cho ông phải thất vọng như vậy? ‖ Tuy vị trụ trì cố nói những lời như thế, cũng không thay đổi nét mặt nặng trĩu của Mãn Không. Ông bước đến chú ểu ngồi ảm đạm trước mặt mình.

–A ha, một nhà sư khá giỏi, giờ đã bị suy nhược rồi ! Trụ trì vừa nói, vừa lắc đầu. Ui cha! Bây giờ ông phải trở thành một tu sĩ hippie lên chứ!

Ở Hàn Quốc có một câu nói: ”Một người rơm rác trở thành nhà sư. Một nhà sư rơm rác trở thành Thiền sư. Và một Thiền sư rơm rác trở thành Phật”. Mãn Không thì chả có giá trị gì cho xã hội, vì vậy chú đã trở thành một nhà sư. Nhưng câu hỏi của cậu bé đã siết chặt tim chú mãnh liệt, khiến chú không còn thiết nghĩ gì đến một ngôi chùa nhiều lễ lược bận rộn như thế. Vị trú trì bây giờ biết rằng chỉ có một con đường để khơi mở cho người đệ tử trẻ của mình đó là lối vào Thiền viện.

Vì thế ngày hôm sau Mãn Không đã được chuyển đến một Thiền viện. Từ sáng đến tối, chú chỉ giữ câu hỏi: “Vạn pháp trở về Một. Một trở về đâu?” Ta không biết ... Vào những ngày cuối, Mãn Không cứ ngồi thiền, chỉ giữ câu hỏi này. Chú ăn mỗi ngày một bữa, suốt đêm không ngủ để ngồi thiền và không nói chuyện với bất cứ ai. Sau đó một ngày, trong khi ngồi thiền, một lỗ hổng xuất hiện trước mặt Mãn Không. Đó là bức tường đột nhiên trở thành thủy tinh. Chú có thể nhìn thấy tất cả mọi thứ bên ngoài: đất đá, cỏ cây, các loài chim muông và những đám mây bay. Chú có thể thấy ông Lý làm việc trong vườn chùa, bà Kim đi về phía điện Phật. Chú đã nhìn thấy những người đang uống nước từ một bể chứa. –Ồ! Ta đã tỏ ngộ rồi ! Ta đã tỏ ngộ rồi ! Mãn Không nghĩ như vậy. Khi nhìn lên trần nhà, chú có thể thấy tất cả bầu trời, những đám mây trắng lướt qua từ trái sang phải, chim bay đây đó. Khi chú quay lại nhìn sau lưng, thì thấy những cây thông bao phủ bức tường phía sau Thiền phòng. –Ồ! Ta đã tỏ ngộ rồi ! Ta đã tỏ ngộ rồi ! Mãn Không nhảy lên từ đệm ngồi của mình, một hạnh phúc không thể diễn tả lây lan ra khắp cả thân tâm thầy. Ngày hôm sau, thầy vào bái yết một Thiền sư đang ở trong chùa trình bày sự tỏ ngộ của mình. –Bạch sư phụ, Con đã nhận ra bản thể của vũ trụ. Con đạt được giác ngộ! ‖ – Thế à! Thật là tuyệt vời ! Thiền sư nói. Vậy thì tôi có một câu hỏi dành cho ông, Bản thể của vũ trụ là gì ? Mãn Không trả lời: –Bạch sư phụ, khi con nhìn vào mái nhà và tường, không thấy nó cản trở. Tất cả mọi thứ mở toang và hoàn toàn trong suốt. ‖ Thiền sư mỉm cười. –Hừ! Đây là sự thật chứ? ‖ –Tất nhiên rồi! Con thấy không có chướng ngại gì cả. Ha ha ha! ‖ Trong sự bất ngờ, Thiền sư nắm lấy thiền trượng đánh vào đầu Mãn Không thật mạnh. “Bốp!” Chú la lên:

–Ôi chao! Đau quá !

Thiền sư hỏi:‖

–Không chướng ngại của ông bây giờ ở đâu?

Mãn Không nhăn mặt chịu đòn. Đôi mắt trợn gioc, mặt đỏ gay, các bức tường đã trở thành cứng chắc và ngăn bít lại.

Thiền sư cười: –Ha ha ha! Sự thật bây giờ ở đâu? ‖ Mãn Không bỡ ngỡ: –Dạ con không biết ... Xin Sư phụ Từ bi khai thị. ‖ –Hằng ngày ông thực hành Công án gì? ‖ –Vạn pháp trở về Một. Một về đâu? ‖ –Vậyông có hiểu Một không? ‖ –Dạ không, thưa sư phụ. Con không biết ... ‖ –Trước tiên, ông phải hiểu Một. Những gì ông nhìn thấy chỉ là ảo tưởng. Không xúc chạm vào nó. Ông nói không biết. “Không Biết” này là Chân sư của ông. Chỉ giữ Tâm không-biết luôn luôn ở khắp mọi nơi, chẳng bao lâu ông sẽ thể hội. ‖

Mãn Không trở lại thực tập Công án của mình với quyết tâm mãnh liệt. Chú luôn giữ Tâm không-biết trong mọi lúc, mọi nơi. Ngoài ra không có vấn đề gì khác mà chú tạo tác. Tất cả các nghi tình đến với nhau thành một khối bất động. Chú đã thực hành như thế trong ba năm, không bao giờlơi lỏng, sai lầm. Từ khối đại nghi này treo trong tâm chú như một tảng đá. Rồi một buổi sáng, chú theo thời khóa tụng Kinh hằng ngày. Tiếng hồng chung vang vọng ngân nga. Một bài kệ trong lời hô chuông phát ra lảnh lót:

“Nếu người muốn thấu hiểu,
Chư Phật trong ba đời,
Nên quán Tánh Pháp giới
Tất cả do Tâm tạo.”

Khi chú hô vang những lời này, và gióng từng tiếng chuông lớn, âm thanh phát ra những làn sóng hoàn toàn nuốt tất cả các khái niệm về tự ngã và những thứ khác. Trong lúc đó, tâm Mãn Không đột nhiên khai mở như tia chớp. Chú hiểu rằng, trong điểm Nhất như rộng lớn vô cùng, và thời gian vô hạn, tất cả chư Phật ở trong âm thanh duy nhất. Mãn Không tràn ngập niềm vui. Chú chạy vào Giảng đường đá một nhà sư, người đã từng ngồi bên cạnh chú. –Ôi đau! Nhà sư la lên. Ông điên à? ‖

–Đây là Phật tánh! Chú trả lời. –Ông đã tỏ ngộ rồi sao? ‖ –A! Toàn thể vũ trụ là Một! Ta là Phật, ta là Một! ‖ Vào năm sau, Mãn Không lên đường hành cước về nông thôn, chú đá và đánh một số tu sĩ trong vùng. Ngay sau đó, những hành động này được lan truyền khắp nơi, và Mãn Không trở nên nổi tiếng. Chú tin vào chính mình rất mạnh mẽ, có nhiều tu sĩ nể sợ chú. Họ nói rằng: “Ô! Thầy Mãn Không là một người tự do tự tại.Thầy ấy không chướng ngại gì cả!”

Năm tiếp theo, Mãn Không quyết định đến thăm Tổ đình Ma Cốc trong dịp lễ Phật Đản. Nhiều người trong số các Pháp lữ đồng môn của chú từ khắp nơi trên đất nước tựu về tham dự ngày lễ trọng đại này. Thiền sư Cảnh Hư cũng có mặt hôm đó. Khi nghe sư phụ của mình hiện trú trong chùa, Mãn Không rất lấy làm vui mừng. Chú đi vào phương trượng, chỉnh trang y phục của mình trước khi cúi đầu thi lễ sư phụ. Chú nhìn Thiền sư Cảnh Hư và tự nghĩ: “Mình đã tỏ ngộ, cũng như sư phụ đã tỏ ngộ. Sư phụ và mình đều giống nhau, vì vậy mình thực sự không cần phải đãnh lễ ngài. Nhưng kể từ khi sư phụ là người thầy đầu tiên của mình, mình vẫn phải giữ lễ nghi truyền thống, giống như bất kỳ chư Tăng khác phải làm ...” Mãn Không tự tin chính mình thật nhiều! Tổ sư Cảnh Hư chỉ mỉm cười khi Mãn Không cúi đầu làm lễ. Ngài hoàn toàn biết được tâm niệm người đệ tử trẻ tuổi của mình. –Ồ ! Xin chào! Nghe mọi người đều nói rằng ngươi đã tỏ ngộ. Có đúng thật như thế không? ‖ –Vâng! Kính bạch sư phụ, con nghĩ như vậy. ‖ –Thật là tuyệt vời ! Vậy hãy để ta hỏi ngươi một vài câu. Thiền tổ Cảnh Hư tiến hành hỏi Mãn Không nhiều Công án, và chú đều trả lời thông suốt. Sau đó, Tổ sư chỉ vào một cái quạt và cây bút lông rồi hỏi: –Cái quạt và bút lông này giống nhau hay khác nhau? Mãn Không đáp: –Quạt tức là bút lông, và bút lông tức là quạt. Đáp án này làm cho Tổ sư Cảnh Hư ngạc nhiên đôi chút. Mãn Không đã trả lời một số câu hỏi khác khá dễ dàng, nhưng với đáp án này chưa được chính xác. Vì vậy những giờ phút tiếp theo, với tấm lòng Từ bi của lão bà, Thiền tổ Cảnh Hư đã cố gắng khai thị cho Mãn Không

chỗ sai lầm. Nhưng Mãn Không quá tin tưởng về sự tỏ ngộ của mình và không chịu lóng nghe. Cuối cùng Thiền sư Cảnh Hư nói: –Trong lễ tang theo truyền thống Hàn Quốc của chúng ta có một câu hát: "Tượng đá mắt nhìn rơi lệ thảm". Nghĩa là gì? ‖ Mãn Không đã hoàn toàn bị mắc kẹt và không thể trả lời. Chú mở miệng, nhưng không có một chữ xuất hiện. Bất chợt Thiền sư Cảnh Hư hét lên:

–Nếu ngươi không hiểu điều này, thì làm thế nào ngươi có thể nói rằng cái quạt tức là bút lông và bút lông tức là cái quạt? ‖ Trong tuyệt vọng, Mãn Không cúi đầu và nói: –Con xin lỗi. Sư phụ hoan hỷ tha thứ . ‖ –Ngươi có hiểu sai lầm của ngươi không? ‖ –Dạ vâng, thưa sư phụ. Con có thể làm gì? Xin sư phụ khai thị cho con ... ‖ –Đức Phật bảo rằng, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Nhưng khi có vị Tăng đã từng hỏi Thiền sư Triệu Châu: Con chó có Phật tánh không? Triệu Châu đáp, "Vô"! Vậy ngươi có hiểu chăng? –Không, con không biết ... ‖ Thiền sư Cảnh Hư nói: –"Không biết" này là Ông chủ thực sự của ngươi. Luôn luôn giữ Tâm "không-biết" và ngươi sẽ nhanh chóng triệt ngộ. ‖

Trong ba năm tới, Mãn Không thực hành thật chăm chỉ. Chú tiếp tục giữ Tâm "không-biết" ở khắp mọi lúc, mọi nơi, với lòng dõng mãnh tinh tấn tuyệt vời. Rồi một ngày, khi nghe thấy tiếng chuông chùa vang vọng ngân nga: boong, boong, boong! Tâm Mãn Không bùng vỡ như sét đánh. Trong khoảnh khắc duy nhất chú đạt được "Vô" của Triệu Châu, các Giáo lý và Công án của tất cả các bậc Tổ sư Thiền nổi tiếng.

Với lòng biết ơn sâu sắc đến sư phụ của mình, Mãn Không viết thư cho Tổ Cảnh Hư: "Thưa thầy. Bây giờ con hiểu tại sao Bồ tát không có mặt mày, vì đường ngọt, muối mặn." Sau khi đọc xong những lời này, Thiền sư Cảnh Hư hoan hỷ Ấn khả cho Mãn Không và sau đó truyền pháp kế thừa Tổ vị.

Qua câu chuyện tỏ ngộ của Đại sư Mãn Không rất nổi tiếng, đã dạy cho chúng ta điều gì? Trước hết, nó dạy chúng ta về tầm quan trọng là giữ "Tâm cố gắng", không vấn đề gì. Thứ đến, dạy cho chúng ta về một câu hỏi lớn "Đại nghi", "Đại tín", và "Đại dũng" của một Thiền sinh. Nhưng quan trọng hơn, câu chuyện này cho chúng ta thấy mức độ khác nhau để đạt được Tối thượng thừa Thiền.

Rất nhiều người có thể được sơ ngộ, một số loại quán chiếu vào bản thể của vũ trụ. Nhưng làm thế nào để đào sâu sự tỏ ngộ của họ? Làm thế nào đạt được tỏ ngộ hoàn toàn? Sự trải nghiệm lớn đầu tiên của Đại sư Mãn Không là thầy đã đạt được cảnh giới của "Tánh không Bất nhị" rất hoàn chỉnh và tâm rỗng lặng, tự do tự tại. Khi nhìn các bức tường và trần nhà chỉ có một không gian trong suốt. Đại sư Mãn Không có thể nhìn thấy tất cả mọi thứ đến và đi trước mắt mà không trở ngại. Chứng tỏ đạt đến tự do khai phóng và sự thể

nhập của tất cả bản thể vũ trụ. Đạt được điều này rất tuyệt vời! Nhiều người sẽ dừng lại ở đây trong sự tu tập của họ, nhất là kể từ đó rất dễ dàng có được một số sức mạnh thần thông, hoặc năng lượng đặc biệt như một thành tựu.

Nhưng với con mắt tinh nhuệ của Thiền sư, sẽ cho bạn thấy rằng tiến thêm một bước nữa là cần thiết. Vâng! Vạn pháp trở về Một. Mãn Không đạt được điều đó rất sâu sắc.

Đại sư nhận ra rằng “Sắc tức là không. Không tức là sắc”. Sau đó ngài đạt đến “Không sắc. Không không”. Nhưng Một trở về đâu? Cần phải thấu đạt đến chỗ tất cả các pháp cuối cùng trở về Một. Nhưng thế nào là Chức năng Một trong từng khoảnh khắc trong mỗi tình huống và mọi thứ riêng biệt? Đó là điểm rất quan trọng. Một trở về đâu?

Ngay cả khi bạn hoàn toàn đạt được cảnh giới của thần thông và tư tưởng tự do, bạn không thể dừng lại ở đó. Bởi vì đạt đến Liễu ngộ hoàn toàn có nghĩa là trở về cảnh giới của các pháp như chúng thực sự có mặt. Nghĩa là đạt được Sắc tức là sắc; Không tức là Không. Trời xanh. Cây xanh. Chó sủa bên ngoài: “Gâu! Gâu!” Muối mặn. Đường ngọt. Tất cả mọi thứ, “Chính-như-vậy, là sự thật”. Nó không phải đặc biệt. Khi bạn thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm hoặc nghĩ tưởng, tất cả mọi thứ là sự thật, chỉ vì nó đang là.

Buông bỏ “cái Tôi nhỏ” của bạn, và đạt được Vô ngã, hoặc Tâm không. Nếu bạn tiếp tục tu tập và không dính mắc, chỗ này hoàn toàn Không, sau đó toàn bộ vũ trụ và bạn trở thành Một. Bạn thấy rõ, nghe rõ, ngửi rõ, tất cả mọi thứ rõ ràng! Đó là bởi vì không còn chủ thể hoặc đối tượng, bên trong hoặc bên ngoài. Tại thời điểm này, chủ thể, đối tượng hoàn toàn trở thành Một. Bên trong và bên ngoài hoàn toàn trở thành Một. Bầu trời và bạn trở thành Một: chỉ là màu xanh. Đường và bạn trở thành Một: chỉ là vị ngọt. Chó và bạn trở thành Một: chỉ là tiếng“Gâu!” Nói một cách khác, đó là thế giới hoàn toàn, cảnh giới viên mãn, nơi mà Một trở về. Đây là giáo lý cao nhất của Tối thượng thừa, của tất cả chư Phật và chư vị Tổ sư. Tất cả các pháp là “Tức Như Như Thị”. Đôi khi chúng tôi gọi giáo lý đó mô tả lãnh vực của Tổ sư Thiền.

Không vướng mắc vào ngôn ngữ (Bất lập văn tự)

1) Khán Kinh Môn–Con đường nghiên cứu, tụng đọc Kinh điển

2) Niệm Phật Môn–Con đường niệm danh hiệu Phật

3) Chân Ngôn Môn–Con đường trì tụng các Thần chú

4) Tham Thiền Môn–Con đường thực hành Thiền

Có rất nhiều quan niệm sai lầm về bản chất giáo lý Thiền và thực hành Thiền. Giáo lý Thiền đơn giản là không bám víu ngôn ngữ. Nếu bạn muốn đạt được con đường của sự Tỉnh thức, thì không nên dính mắc vào lời nói và chữa nghĩa. Có một câu nổi tiếng trong Thiền tông là: “Bất lập văn tự. Giáo ngoại biệt truyền. Trực chỉ nhân tâm. Kiến tánh thành Phật”. Nghĩa là không phụ thuộc vào lời nói và chữ nghĩa, truyền pháp đặc biệt ngoài kinh điển: Chỉ thẳng tâm người, nhận ra thể tánh thật sự của bạn trở thành Phật. Đây là lối giảng dạy rất thú vị. Nó thể hiện bằng cách thực hành Thiền không phụ thuộc vào sự hiểu biết, hoặc trên kiến thức của sách vở, hoặc một số văn bằng Đại học cao cấp. Nó không có gì để tạo ra với mức độ thông minh hoặc khôn khéo của bất cứ người nào.

Thiền chỉ thẳng trực tiếp đến tâm chúng ta, do vậy chúng ta phải khám phá Chân tánh của mình. Sự nhấn mạnh này nhắm vào việc “đạt Tâm” hơn là chỉ sự “hiểu biết về lời nói, khái niệm”. Có người nghĩ rằng Thiền là chống lại mọi kiến thức hiểu biết. Trên thực tế, quan điểm đó không đúng. Giáo lý Thiền chỉ cho bạn cách sử dụng chữ nghĩa

và lời nói như thế nào một cách chính xác nhằm cứu giúp tất cả chúng sanh. Đó là điểm rất quan trọng. Để thực hiện điều này, trước hết bạn phải tu tập thật chăm chỉ, thật tinh tấn và đạt được Chân tánh của bạn trước khi suy nghĩ phát sinh. Bạn phải đạt được bản chất của tâm. Sau đó, chức năng chính xác của lời nói và chữ nghĩa xuất hiện bởi chính nó. Chỉ bằng cách này, bạn có thể sử dụng ngôn ngữ mà không bị dính mắc với nó. Nhưng chúng ta thực hành bằng cách nào?

Có rất nhiều đường lối thực hành khác nhau. Có rất nhiều phong cách và kỹ thuật khác nhau. Chúng tôi đã nói về điều này. Khi người Mỹ ăn, họ sử dụng một con dao và nĩa. Đối với người Hàn Quốc khi ăn, họ sử dụng một cái muỗng và đôi đũa. Người Nhật Bản chỉ sử dụng đũa. Và đa số người ở Ấn Độ cũng như châu Phi không sử dụng đũa, muỗng, dao, nĩa. Họ chỉ cần bốc thực phẩm với năm ngón tay của mình và bỏ vào miệng–Punk! Những phương tiện này chỉ là các kỹ thuật tác dụng cho việc ăn uống. Điều quan trọng là quán sát về những phong cách ăn uống, cốt sao cho bạn có được một bụng no đầy, chứ không phảitìm hiểu lối sử dụng kỹ thuật riêng của chính nó–cho dù lối sử dụng kỹ thuật đó "đúng" hay không với quan điểm của bạn. Cách sử dụng kỹ thuật có thể khác nhau, nhưng một dạ dày no đủ là như nhau. Đó là lý do tại sao chúng ta sử dụng những công cụ khác nhau này để thực hành Thiền. Các công cụ đều có thể có phong cách khác nhau, nhưng nếu được sử dụng với sự chỉ đạo trực tiếp nơi tâm sáng suốt, thì mỗi phong cách có thể giúp chúng ta khám phá ra Con đường của chúng ta.

Trong sự tu tập của Phật giáo, chúng ta có thể nói rằng có bốn kỹ thuật chính cho việc nghiên cứu thực tập của giáo lý Phật đà: Tụng kinh, Niệm Phật, Trì chú, và Tham Thiền. Mặc dù Thiền định được biết đến là phương cách trực tiếp nhất của việc thực hiện giáo lý của Đức Phật, một trong bốn kỹ thuật này có thể giúp bạn rất nhiều. Nhưng nếu bạn trở nên dính mắc với Kinh điển, hoặc danh hiệu Phật, hay Thần chú, hoặc thậm chí đến một số khía cạnh của việc ngồi thiền, thì bất kỳ một trong những kỹ thuật này sẽ cản trở bạn và kéo bạn ra khỏi Con đường. Vì vậy, điều quan trọng cần nhớ là không phải trở nên dính mắc với bất cứ thứ gì, chỉ sử dụng từng pháp môn tu tập hoặc kỹ thuật một cách chính xác để khám phá ra Chân tánh của bạn.

Đức Phật ngồi dưới gốc cây Bồ đề đã nhận ra Chân tánh của Ngài và cắt đứt dòng khổ đau bất tận. Sau khi chứng ngộ, Ngài thuyết pháp trong bốn mươi lăm năm. Các cuộc thuyết pháp sau đó đã được trùng tụng và ghi chép lại gọi là Kinh. Những văn bản ghi chép lại lời giáo hóa của Đức Phật, chỉ vào thời điểm thành tựu đạo quả mà Ngài đã cho chúng ta biết, tất cả chúng ta đều có khả năng trải nghiệm. Nhưng những Kinh điển (tức là lời Phật dạy) không thể cho chúng ta đạt được điều này trực tiếp. Kể từ khi Phật giáo được xem không phải là một giáo điều hay thần học, thì việc đọc tụng Kinh điển không bao giờ thay thế cho sự tu tập thực tiễn. Nếu chúng ta đọc Kinh với một tâm "không-biết", không chấp vào từ ngữ và lời nói trong Kinh, sau đóKinh điển có thể giúp cho sự tu tập của chúng ta. Vì chúng ta chuyển tải được Kinh điển, nó tạo ra cho chúng ta tín tâm mạnh mẽ và giữ sự hiểu biết được sáng suốt rõ ràng. Chúng cũng làm cho tâm chúng ta có một tầm nhìn rộng lớn, vì Kinh điển thường nói rất nhiều về vũ trụ

quan cùng những thế giới khác một cách tự nhiên, chúng cũng hiện hữu như với cõi người của hành tinh chúng ta đang sống.

Nếu bạn đọc Kinh điển với tâm không suy nghĩ, không vướng mắc thì Kinh điển có thể trợ giúp cho bạn. Bạn chuyển được Kinh. Nhưng nếu bạn khởi tưởng, suy xét, lý luận, chấp giữ, cần thiết và tham muốn, thì Kinh sẽ chuyển bạn. Ngay cả Kinh điển có thể đưa bạn thẳng xuống địa ngục. (Hãy cẩn thận).

Chúng ta đã thấy nhiều trường hợp những vị Pháp sư vĩ đại bị dính mắc với các Kinh điển mà họ không thể hiểu những gì là yếu nghĩa của các bộ Kinh được nhắc đến. Do đó "Không vướng mắc vào văn tự ngôn ngữ " có nghĩa là đạt được Tâm pháp của Phật không phụ thuộc vào lời nói và chữ nghĩa. Quan trọng hơn, là làm thế nào để chúng ta sử dụng Giáo pháp và lời nói để giúp sự tu tập của chúng ta. Nếu bạn dính mắc với bất kỳ loại chữ nghĩa được viết chép, hoặc lời nói được ghi lại, sau đó bạn sẽ mất một thời gian khó nhọc lâu dài để tìm hiểu "cốt tủy" của Giáo lý Đức Phật. Cốt tủy giáo lý của Ngài chỉ có thể lãnh hội thông qua thiền định. Vì vậy, đó là lý do tại sao chúng tôi nói "Buông xuống tất cả": Ý tưởng, Đức tin, và Triết lý không thể giúp cho cuộc sống của bạn được toàn vẹn, ngay cả những người tu theo Phật giáo.

Khi đọc Kinh hay trì Chú cũng vậy, không nên dính mắc với bất kỳ loại ý nghĩa đặc biệt trong các từ. Khi bạn đọc tụng những Kinh điển, bạn phải thấu rõ ẩn nghĩa, diệu lý mà các từ nêu ra. Nhiều người trở nên bám chặt với các ý tưởng hoặc biểu thức chính mình trong Kinh điển. Họ tin rằng pháp môn này là hay, là đúng; ý tưởng kia là Chân lý chính xác, hoặc Giáo lý ấy toàn vẹn. Như thế họ mang tính bảo thủ chấp chặt vào Pháp môn đó cho là trên hết, rồi phản ứng mạnh mẽ đối với người khác, hoặc truyền thống khác, họ không đồng ý với giáo lý này. Họ cho rằng: "Bạn không hiểu Kinh này, như vậy bạn không hiểu được lời Phật! Bạn không hiểu giáo lý của Phật!"

Đây là một loại bệnh nghiêm trọng nhất trong Phật giáo. Đức Phật đã khai thị về việc không nên dính mắc với bất cứ điều gì, hãy giữ một tâm sáng suốt như hư không, để bạn có thể hoạt động từng khoảnh khắc giúp đỡ tất cả chúng sanh. Vì vậy, tại sao phải dính mắc với Kinh điển? Điều thiết yếu là khi xem Kinh phải làm sáng tỏ Diệu lý của Phật, khám phá "chân thật nghĩa" rõ ràng đằng sau những từ ngữ, và chỉ làm điều đó. Hãy thực hành ngay!

Điều này cũng giống như niệm danh hiệu của Đức Phật. Một số người đãđến Phật đường mỗi ngày và niệm hồng danh "Quan Thế Âm Bồ tát, Quan Thế Âm Bồ tát, Quan Thế Âm Bồ tát!" hoặc "Om! Mani Padme Hum!" Loại thực hành này không tốt cũng không xấu. Chỉ đơn giản là không nên quá dính mắc Quan Thế Âm Bồ tát với lời cầu xin. Chẳng hạn như: –Kính lạy Quan Thế Âm Bồ tát, xin ban cho con thật nhiều tiền. ‖–Nam mô Quan Thế

Âm Bồ tát, xin cho con hạnh phúc. ‖– Quan Thế Âm Bồ tát xin giúp con trai con thi đậu vào một trường đại học tốt. Với loại tâm như thế, bạn sẽ thực hành sai hướng, và nó không thể nào giúp ích cuộc sống của bạn. (Vì tất cả không ngoài định luật nhân quả. Nếu bạn được điều mong cầu thì cho là Bồ tát hiển linh, nếu không được, bạn sẽ cho là

Phật pháp không mầu nhiệm, rồi bảo là Bồ tát bất công, ban cho người này mà không ban cho người khác, sau đó chạy đi tìm sự hiển linh khác mà tôn thờ). Cho nên trong khi tụng niệm, bạn chỉ cần giữ một câu hỏi lớn (Đại nghi tình). Luôn luôn tự hỏi mình: ”Ai niệm Quan Thế Âm Bồ tát?” ‘Vật’ gì đang cố gắng làm điều này?Hiện tại cái gì nghe?Tự hỏi nhiều thật nhiều và nhiều hơn nữa. ‖

Khi bạn giữ một Đại nghi tình trong câu niệm của bạn như vậy đó là chân thực hành Thiền, bởi vì bất cứ sự thực hành nào mà giữ Đại nghi tình là thực hành “Không biết”. “Ta là gì?” Cắt đứt tất cả các suy nghĩ và trở về bản thể uyên nguyên của chúng ta trước suy nghĩ.

Mọi người thường trì tụng Thần chú để có được một số linh nghiệm hoặc điều gì đặc biệt. Nếu bạn trì một câu Thần chú với loại tâm mong cầu, nó không còn thực sự đúng nghĩa Thiền định. Người thực hành như thế đã bị lệch đường. Một số người đọc Kinh và trì Chú bằng cách sử dụng tiêu đề của Kinh Pháp Hoa: “Nam mô Diệu pháp Liên hoa Kinh”, để mong ước có được một chiếc xe tốt hoặc công việc tốt hay mối quan hệ tốt. Tuy thậm chí không phải là quan điểm giáo lý của Kinh Pháp Hoa! Người ta chỉ thực hiện điều này để mong có được những tình huống tốt cho chính họ. Đôi khi chúng tôi gọi đây là tu mong ước –một thứ gì. Bất kỳ sự tu hành mà có một số đối tượng vọng muốn sẽ thực sự là một trở ngại. Nó không thể giúp được những người như vậy ra khỏi đại dương đau khổ, nó sẽ không bao giờ cắt đứt sanh tử trong tâm họ. Nhưng nếu họ cùng sử dụng Thần chú với một phương hướng khác trong tâm, tự hỏi sâu sắc: “Ai làm điều này? Cái này từ đâu đến?” Tức thì họ đã quay về Chánh thiền trong khoảnh khắc đó. Thần chú chính nó thực sự không có vấn đề gì, nhưng phương hướng và các câu hỏi có yếu nghĩa rất lớn.

Thiền cũng không có gì đặc biệt. Con đường của Thiền có thể bao gồm bất kỳ mọi pháp môn tu tập, cũng nhưăn uống, đi đứng, nằm ngồi, lái xe, chơi quần vợt. Những gì không phải là Thiền? Nhưng nhiều người có những ý tưởng mạnh mẽ nhất về Thiền, và họ trở nên dính mắc với những ý tưởng này. Người ta nghe về Thiền sư Nam Tuyền nói : “Tâm bình thường là Đạo” và họ sử dụng lời nói của ông như một cái cớ để không chịu thực hành Thiền mạnh mẽ. Trong khi đó những người khác nghĩ rằng Thiền vốn là một trải nghiệm khó khăn về thể chất cho bạn. Nhiều Thiền sinh cho là Thiền phải có một số loại hình đào tạo như tinh thần uy dũng của võ sĩ cực đoan. Họ chăm chú trong tư thế ngồi

thiền luyện công, không bao giờ lay động. Một trong những môn sinh của tôi là một nhà sư, người đã phá vỡ xương bánh chè của ông trong khi tu tập tại Nhật Bản. Bởi vì một Hòa thượng nổi tiếng nói với ông rằng, nếu không phá vỡ xương bánh chè (xương chậu) của mình để ngồi trong tư thế kiết già, thì ông sẽ không bao giờ có ý chí đạt được Giác ngộ. Loại giảng dạy này là một thứ Thiền bệnh rất nặng! Thật nguy hiểm. Nó dính mắc về hình thức cộng với đau khổ. Chúng tôi cũng gọi đây là dính mắc về thân ngồi.

Trung Quốc ngày xưa vào thuở thịnh Đường, có một nhà sư trẻ ở viện Truyền pháp, hiệu Đạo Nhất, một trong những môn sinh nổi tiếng vì luôn luôn hành Thiền rất chăm

chỉ nghiêm túc. Ông ngồi trong thất từ sáng đến tối mà không bao giờ nằm.

Một ngày nọ, Nam Nhạc –Hoài Nhượng là vị Thiền tổ thứ bảy tại Trung Hoa, người nối pháp đức Lục tổ Huệ Năng và là thầy của ông quyết định đến thử xem môn sinh của mình tu hành thế nào, bèn hỏi vọng qua cửa sổ: – Ông đang làm gì thế? Đạo Nhất thưa: – Dạ con đang ngồi thiền. ‖ – Mục đích ngồi thiền để làm gì? –Dạ để làm Phật. – Ồ! Thật hay lắm! Liền khi ấy, Sư tổ Nam Nhạc ra sau vườn nhặt lấy một viên gạch đến bên tảng đá ở trước am Đạo Nhất mà ngồi xuống mài. Những âm thanh sột soạt phá tan sự yên tĩnh. Đạo Nhất cố gắng không để ý, nhưng Sư tổ vẫn tiếp tục mài. Một hồi lâu, Đạo Nhất ngồi bên trong lấy làm lạ, bèn thưa: –Bạch sư phụ, Thầy mài gạch để làm gì vậy? ‖ Tổ trả lời: –Để làm gương soi. ‖ – Mài gạch đâu có thể thành gương được, thưa Sư phụ? – Vậy thì ông ngồi thiền đâu có thể thành Phật được? Những lời này gây nên một cú sốc cho Đạo Nhất, ông bước ra khỏi am cúi đầu đãnh lễ thầy mình và cung kính thưa: – Bạch sư phụ, vậy con nên làm thế nào mới phải? – Như ngựa kéo xe hàng, nếu xe không đi thì ông đánh vào xe là phải, hay đánh ngựa là phải? –Dạ thưa, chỉ có người ngu mới đánh vào xe.

–Đúng thế, sự thực hành Thiền cũng vậy. Xe chở hàng là thân ông, và con ngựa giống như tâm ông. Nếu muốn khám phá Chân tánh, ông phải nỗ lực truy tìm tâm ông, chứ không phải chỉ thúc đẩy thân thể theo kiểu ngồi này. ‖ Sư nói tiếp: – Hơn nữa, ông học ngồi thiền hay học ngồi Phật? Nếu học ngồi thiền, thiền không phải ngồi hay nằm. Nếu học ngồi Phật, Phật không có tướng nhất định. Đối với pháp, không nên trụ chấp, hoặc buông bỏ. Ngươi nếu ngồi để làm Phật tức là giết Phật, nếu chấp tướng ngồi chẳng thấu đạt Chân lý. ‖ Đạo Nhất nghe qua những lời này liền tỏ ngộ. Từ đó, ông thực hành thiền định một cách chính xác, và được truyền Tâm pháp từ Tổ sư Nam Nhạc thứ bảy. Bây giờ chúng ta biết được ông với Đạo hiệu Mã Tổ, một trong những Thiền sư vĩ đại nhất trong lịch sử Thiền tông Trung Quốc.

Thiền đúng có nghĩa là “tâm ngồi yên” (chứ không phải thân ngồi), luôn luôn giữ “nhất tâm bất động” ở khắp mọi nơi. Điều này không phụ thuộc vào bất kỳ tư thế đặc biệt nào. Trong nhiều Thiền đường, có những nơi nhấn mạnh vào lối ngồi sẽ nhận được một số loại năng lượng mãnh liệt. “Tôi là một Thiền sinh! Huuuuh!” Các môn sinh tại các Trung tâm thiền được dạy như vậy để tỏ ra có nội lực thâm hậu. Bạn biết không? “Tôi phải tọa thiền trở nên dũng mãnh! Yaaaahhh!” Trong cuộc tham vấn với người thầy, nếu đệ tử không hét thật lớn đúng cách. Thầy họ sẽ nói: “Chưa được tốt! Cần năng lượng nhiều hơn nữa!” ‖ – “Yaaahhhhhh!” – “Mạnh hơn” – “Yaaaaaaaaahhhhhh!” Đó là phong cách nói lên sự dính mắc đến một số ý niệm về Thiền. Nếu bạn giữ cho bất kỳ ý niệm nào về Thiền, nó không còn là Thiền. Nếu bạn đang dính mắc với Thiền, bạn sẽ có vấn đề. Bởi vì nắm giữ bất kỳ ý niệmđặc biệt về thiền thì đã là không phải thiền rồi, chẳng hạn như một số loại luyện tập môn Võ sĩ đạo hoặc Kiếm đạo. Thiền có nghĩa là hoàn toàn thư giãn, buông lơi. Người Trung Quốc vĩ đại là Thiền Sư Nam Tuyền cho biết: “Tâm bình thường là Đạo”. Đừng tạo ra Thiền đặc biệt. Bởi vì tạo ra Thiền đặc biệt trong bất kỳ hình thức nào tức là bạn tạo ra nhiều trở ngại trong tâm bạn.

Khi Đức Phật hiện tiền, Ngài chỉ khai thị, hướng dẫn, không bao giờ dạy Kinh điển, hoặc ban cho Thần chú gì đặc biệt, hoặc bảo chúng ta nên trì niệm danh hiệu của Ngài. Mọi người đều lóng nghe các buổi thuyết pháp của Ngài và sau đó trở về thực hành thiền(tiêu hóa lời dạy của Ngài), họ ngồi dưới gốc cây hoặc trên tảng đá cao, hoặc bên giòng suối,

trong hang động v.v….Điều quan trọng nhất đặc trưng cho lối thực hành của họ là chỉ đơn giản nhìn vào bên trong, nội quán thật sâu, để khám phá ra Chân tánh của mình. Đây là cách giáo hóa những đệ tử đầu tiên của Đức Phật đã đạt được sự huấn thị của Ngài, rồi lưu truyền lại cho chúng ta. Đây cũng là cách các vị đạt được Tự tánh và Chân lý của chính mình. Đây là cách các vị ấy đi đúng Chánh đạo và Sự sống chính xác. Sau hết, con đường Thiền định là con đường mà Đức Phật đã thành tựu Giác ngộ. Vì vậy, nếu bạn muốn tu theo Đạo Phật, thì bạn không nên dính mắc bất kỳ chữ nghĩa hay lời nói. Không nên dính mắc với bất kỳ một loại kỹ thuật tu luyện nào. Đó là khóa học đầu tiên trong giáo lý của Đức Phật.

Truyền thừa đặc biệt (Giáo Ngoại Biệt Truyền)

Ba trường hợp Tâm truyền Tâm:

1) Chia sẻ tòa ngồi với Tôn giả Ma Ha Ca Diếp ở phía trước Tháp Đa Tử. (ngôi đền của nhiều đứa con)

2) Cầm hoa trên đỉnh Linh Thứu.

3) Bàn chân của Đức Phật nhập Niết bàn xuất hiện xuyên qua kim quan.

Như có hai người nhìn thấy một cái gì đó khôi hài xảy ra, và do đó cả hai đều cười cùng một lúc. Hoặc một người đàn ông mang đến cho vợ mình một món quà sinh nhật. Cô mở chiếc hộp, phát hiện ra đây là món quà mà cô yêu thích, vì vậy cô rất hạnh phúc và mỉm cười. Khi một số hành động xảy ra và hai tâm hồn hoàn toàn kết nối cảm thông qua sự trải nghiệm này, chúng tôi gọi đây là Tâm truyền Tâm. Trong một khoảnh khắc, ít nhất hai tâm hồn cùng đứng trên một quan điểm và chia sẻ sự hiểu biết hoàn toàn, nó không cần lời nói hay chữ nghĩa. Giải thích không có thể cung cấp cho kinh nghiệm hoặc sự hiểu biết này.

Chúng tôi đã trình bày là Chân tánh của chúng ta vượt qua tất cả lời nói và chữ nghĩa. Ngôn ngữ không thể diễn tả hết suy nghĩ, nó chia thế giới thành các cặp đối lập: Tốt và xấu, cao và thấp, sanh và tử, đến và đi, hạnh phúc và khổ đau v.v… Nhưng Chân tánh của chúng ta là bản thể vũ trụ, là Tuyệt đối. Trong Tuyệt đối, không có lời nói hoặc chữ nghĩa. Khi Giác ngộ hoàn toàn, Đức Phật đã đạt đến Tuyệt đối, đó là trước tất cả lời nói và chữ nghĩa. Ngài đã nhận ra thời điểm này không thể thực hiện bằng lời nói, mà là thông qua một số hoạt động có thể truyền dạy một cách trực tiếp hơn. Vì vậy, lối truyền thừa đặc biệt này chỉ có ba nhân duyên đặc biệt khi Đức Phật truyền Pháp cho ngài Ma Ha Ca Diếp và những đệ tử khác một cách trực tiếp, mà không dựa vào việc sử dụng chữ nghĩa và lời nói.

1. Chia sẻ tòa ngồi với Ma- ha Ca- diếp ở phía trước Tháp Đa Tử.

Thuở xưa tại Ấn Độ, những người đàn ông Bà-la-môn, từ một giai cấp cao được phép có nhiều vợ cùng một lúc. Khi người chồng qua đời, tất nhiên ông đã để lại gia tài và một đàn con cháu khá đông đúc. Vì vậy, trong câu chuyện đặc biệt này, tất cả các con cháu của một ông Trưởng giả đã qua đời và những góa phụ của ông cùng nhau xây dựng một ngôi tháp thật đẹp để tưởng niệm ông. Đó là nơi được đặt tên là Đền tháp Đa Tử.

Một ngày nọ, Đức Phật an tọa trước mặt ngôi đền nổi tiếng này để chuẩn bị ban Pháp thoại. Có khoảng một ngàn hai trăm năm mươi nhà sư đã ngồi trong hội trường rộng lớn ở đó chờ đợi Ngài tuyên giáo. Mọi người tự nghĩ: "Hôm nay Ngài sẽ ban Pháp thoại gì nhỉ ? Ngài dạy điều gì ?" Đại chúng ngồi đó, chờ đợi, chờ đợi, chờ đợi, nhưng Đức Phật không mở miệng. Sau một hồi lâu, từng bước đi lên nhẹ nhàng của Trưởng lão Ma-ha Ca- diếp, đây là một trong những đệ tử cao niên nhất của Đức Phật. Lúc đó ông khoảng tám mươi tuổi, nhưng ông vừa mới được xuất gia không bao lâu. Trước khi xuất gia, ông vốn là một Bà la môn cao cấp trong xã hội Ấn Độ thời bấy giờ.

Trong Phật giáo có một quy luật phổ quát liên quan đến việc sắp xếp chỗ ngồi của Tăng đoàn. Ai thọ giới trước ngồi trước, ai thọ giới sau ngồi sau, bất kể tuổi tác già hay trẻ, theo đúng thứ tự khi họ đã thọ giới. Dù cho bạn già, hoặc bạn đã từng là nhân vật có vị trí đáng kính của xã hội, nếu bạn vừa mới xuất gia, thì bạn phải ngồi ở phía sau những người đã có tuổi hạ cao hơn bạn, cho dù tuổi đời của họ trẻ hơn bạn thật nhiều. Điều này luôn luôn là một nguyên tắc rất quan trọng bởi chính Đức Phật đưa ra, để chỉ sự hiếm có và mang ý nghĩa quyết định của một nhà sư bỏ tục xuất gia theo Chánh pháp. Quy luật đó vẫn gìn giữ tiếp tục cho đến ngày nay, ngay cả trong những ngôi chùa ở Âu Mỹ phương Tây cũng vậy. Đó là tính bền vững tốt đẹp của quy luật đặc biệt này. Tất cả mọi người trong Tăng đoàn ai cũng phải biết rõ điều đó, và không ai có thể chối bỏ nó. Vì vậy, trong cuộc đời hoằng pháp của đức Phật, đặc biệt lần này Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp sẽ có ý định ngồi ngay vị trí của Phật, mà đáng lý Trưởng lão phải ngồi khoảng cách phía sau chót trong hội trường, qua việc lễ thọ giới rất gần đây của Ngài.

Trong khi đó, toàn bộ hội trường vẫn còn chờ đợi thời pháp bắt đầu. "Tại sao đức Phật chờ đợi? Pháp thoại gì Ngài sẽ ban cho chúng ta hôm nay?" Đức Phật vẫn im lặng, có vẻ như Ngài đang chờ đợi ai đó. Khi Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp bước vào, từ một điểm ở phía sau xa, Đức Phật nhìn thẳng vào Trưởng lão, và Trưởng lão cũng nhìn trực tiếp vào Đức Phật. Trong khoảnh khắc đó, tâm của hai Ngài hoàn toàn kết nối với nhau – PUM! Vào lúc này, Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp từ từ bước lên, đứng sang một bên đối với Đức Phật.

Chư tăng Khất sĩ tưởng đã nhầm lẫn, bèn bảo nhau: "Ô này, coi kìa! Ông ấy là một Tỳ khưu mới. Tại sao dám lên ngồi ngay bên trên các hàng Trưởng lão cao Hạ phía trước gần Phật được!"‖

Nhưng Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp đã không ngồi nơi chỗ dành cho những vị xuất gia lâu năm và được chư Tăng kính trọng. Trưởng lão lại dự định ngồi ngay bên phải cạnh Đức Phật! Không có bất kỳ lời nói hoặc tín hiệu nào đưa ra, Đức Phật lúc ấy liền có động thái chuyển sang cho Trưởng lão nửa tòa ngồi, và PUM! Trưởng lão Ma-ha

Ca-diếp liền ngồi xuống. Khi ấy, toàn thể chúng hội đều rất ngạc nhiên, ai nấy đều phản ứng trong lòng: “Sao lạ vậy?, nhà sư già này mới tu không hiểu vị trí chính xác của mình!‖–Ông lấy tư cách gì mà dám cả gan có thể ngồi bên cạnh Đức Phật‖–Thật không đúng phép! Các vị biết chứ?” Họ tỏ vẻ không hài lòng.

Vì vậy, trong sự nghiệp giáo hóa của đức Phật, đặc biệt lần này Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp đã có động thái ngồi ngay vị trí của Phật,mà đáng lý Trưởng lão phải ngồi khoảng cách phía sau chót trong hội trường, qua việc lễ thọ giới rất gần đây của Ngài. Nhưng nơi “Truyền Pháp”đã diễn ra và Đức Phật đã chia một nửa tòa ngồi cho Tôn giả Ma-ha Ca-diếp. Đây là một sự kiện quan trọng. Nó đánh dấu sự “Truyền Tâm Ấn”đầu tiên của Ngài với Tôn giả Ma-ha Ca-diếp. Trong tâm của hai Ngài hoàn toàn kết nối và trở thành Một. Thầy và trò chia sẻ quan điểm tương tự hoàn toàn. Việc lấy tâm truyền tâm đầu tiên này, Đức Phật và Tôn giả Ma-ha Ca-diếp dạy tất cả hội chúng đã vân tập tại đền tháp Đa Tử về thể tánh bình đẳng: không chỉ bản thể con người của chúng ta, mà muông thú, các vật thể khác như mặt trời, mặt trăng, tinh tú, cây cối, đất đá, núi sông…. mọi thứ đều giống nhau. Bởi vì tất cả mọi thứ có chung bản thể phổ quát như nhau.

Vì thế, bản thể uyên nguyên của Đức Phật, bản thể của Tôn giả Ma ha Ca Diếp, bản thể của cái bàn này, bản thể của cuốn sách này, bản thể của bạn, bản thể của tôi, bản thể của không khí, bản thể của sàn nhà, và bản thể tất cả mọi thứ là cùng chung bản thể vũ trụ pháp giới. Chân tánh của bạn và Chân tánh của Đức Phật như nhau, không sai khác. Đức Phật không nói, nhưng bài pháp im lặng thật tuyệt vời của Ngài diễn ra ở phía trước đền Tháp Đa Tử vẫn còn dạy cho tất cả chúng ta về sự “Bình đẳng Pháp tánh”, đôi khi chúng ta gọi là “Bản thể Chân như ”.

2. Cầm hoa trên đỉnh Linh Thứu

Trong một dịp khác, Tăng đoàn cùng nhau vân tập tại đỉnh non Linh Thứu để nghe Đức Phật ban pháp. Đã có hơn một ngàn hai trăm vị Khất sĩ tham dự. Đức Phật ngồi trên

tòa cao nhưng không nói một lời nào. Một phút trôi qua. Rồi hai phút, ba phút trôi qua, gần năm phút, nhưng Đức Phật vẫn im lặng. Một số chư Tăng bắt đầu tự hỏi: “Trong chúng có gì lỗi lầm với Đức Thế tôn, tại sao Ngài không nói? Hay là có lẽ hôm nay thân thể Ngài bất an chăng…?”

Sau đó, Đức Phật cúi xuống nhặt một đóa hoa sen mà tín chủ dâng cúng để phía trước Ngài. Không nói một lời, Ngài cầm cành hoa đưa lên cao. Tất cả đại chúng trong Pháp hội đều ngơ ngác nhìn nhau và không ai hiểu ý nghĩa gì. Nhưng chỉ có Ma-ha Ca-diếp ngồi ở phía sau xa chúm chím mỉm cười – A ha! Điều này khiến Đức Phật tuyên bố: “Ta có Chánh pháp Nhãn tạng. Niết bàn Diệu tâm. Pháp giới Thực tướng Vô tướng. Không phụ thuộc vào lời nói hoặc chữ nghĩa, giáo ngoại biệt truyền, nay trao cho Ma-ha Ca-diếp”.Qua lời khai thị này, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đã được công nhận là người kế vị ngôi Tổ đầu tiên trong dòng Thiền từ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trải dài xuống tận hôm nay đến chúng tôi.

Trong cử chỉ đơn giản này, Đức Phật dạy tất cả các pháp chúng ta cần phải biết về Chân lý (Sự thật). Ngài đã cho chúng ta thấy rằng sự hiểu biết Chân lý không phụ thuộc vào sự học tập một số triết lý phức tạp. Chắc chắn nó không đòi hỏi phải có văn bằng Cử nhân, Tiến sĩ. Trong thực tế, Chân lý thậm chí không cần lời nói hay giải thích. Bởi vì toàn bộ thế giới này đã là sự thật. Chỉ cần thấy. Chỉ cần nghe. Chỉ cần ngửi. Từng khoảnh khắc, vũ trụ luôn luôn cho chúng ta một bài Pháp rất tuyệt vời về bản thể của Chân lý. Trời xanh, cây xanh. Muối mặn, đường ngọt.

Khi bạn thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm, và khi bạn suy nghĩ, tất cả mọi thứ, "Chính như vậy là Sự thật". Một điều "không-thật" là gì? Bạn có thể nhận ra điều đó không? Đức Phật im lặng, đó là sự thật. Tất cả các hàng đệ tử đã nhầm lẫn, đó là sự thật. Đức Phật cầm một bông hoa rồi đưa lên, đó là sự thật. Ma-ha Ca Diếp mỉm cười: "A ha!" Đó cũng là sự thật hoàn toàn. Không có sự thật này phụ thuộc vào chữ nghĩa hoặc lời nói. Trong buổi Truyền pháp đầu tiên, Đức Phật dạy chúng ta về "Bản thể của Bản thể". Lần này, Ngài chỉ thẳng trực tiếp vào "Sự thật". Đây là điểm trọng yếu.

Tuy nhiên, sự khai thị lần này trên đỉnh non Linh Thứu đã xảy ra một vấn đề. Đức Phật không mở miệng, chỉ đưa ra một bông hoa. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nhìn thấy và mỉm cười. Tất cả mọi thứ đã được hoàn chỉnh. Đức Phật và Tôn giả đã chứng tỏ sự thật mà không cần sử dụng chữ nghĩa và lời nói. Các Ngài đã thực hiện một bài Pháp Vô Ngôn tuyệt vời với nhau. Nhưng sau đó có lẽ Đức Phật đã tạo ra một sai lầm nhỏ khi Ngài nói: "Ta truyền Chánh pháp Nhãn tạng cho ông". Tại sao Ngài cần phải nói điều đó? (Sử chép có thêm vào câu này làm cho sai chăng?) Tôn giả Ma-ha Ca-diếp mỉm cười: nghĩa là Tôn giả đã

có Tâm–Pháp như Đức Phật rồi. Làm thế nào Đức Phật lại có thể ban cho Tôn giả thêm cái gì bây giờ? Làm thế nào Đức Phật có thể ban cho Ma-ha Ca-diếp Chánh pháp Nhãn tạng của Ngài? Chỉ cần nhìn thấy hoa và liễu ngộ sự khai thị của Đức Phật, như vậy đã là lấy Tâm truyền Tâm rồi. Cho nên khi Đức Phật tuyên bố Ngài ban cho Tôn giả Ma-ha Ca-diếp Chánh pháp Nhãn Tạng… của mình, chẳng khác gì vẽ rắn thêm chân vậy.

Chúng ta có thể đặt vấn đề rằng, Ngài là vị Phật tại thời điểm đó, và Ngài đã nói với Tôn giả Ma-ha Ca-diếp: "Ta truyền Chánh pháp Nhãn tạng của ta cho ông". Sau đó, giả sử Ma-ha Ca-diếp trả lời: "– Dạ không. Bạch đức Thế tôn, con xin cảm ơn Ngài, vì con cũng đã có Chánh pháp Nhãn tạng. Do đó sự ban cho Chánh pháp Nhãn tạng của Ngài là không cần thiết."

Nếu bạn là Phật, bạn có thể phản ứng ra sao? Bởi vì khi Đức Phật cầm hoa, Ma-ha Ca-diếp mỉm cười, nụ cười của Tôn giả có nghĩa là đã thân chứng sự tỏ ngộ và chia sẻ Tâm của Đức Phật. Tôn giả đã đạt Chánh pháp Nhãn tạng như Phật. Vậy thêm một Chánh pháp Nhãn tạng nữa của đức Phật đã là thừa và là một sai lầm rất lớn! Vì vậy, nếu bạn là Phật, và Ma-ha Ca-diếp đã trả lời bạn theo cách này, bạn sẽ phản ứng ra sao?

3. Đôi bàn chân của Đức Phật xuất hiện xuyên qua kim quan.

Đức Phật khi thị tịch, Ngài đã tám mươi tuổi. Vào thời ấy ở Ấn Độ, đó là sự không bình thường đối với nhiều người có thể sốnghơn một trăm tuổi. Nhiều Đạo sĩ Yoga và các vị Đạo sư tâm linh khác ở Ấn Độ có cách kéo dài tuổi thọ của mình lâu hơn thế nữa. Vì vậy, khi Đức Phật nhập Niết bàn, có những đệ tử rất lấy làm khó chịu, than trách rằng Đức Phật là đấng Toàn năng, Toàn giác, chứng được lục thông. Tại sao Ngài vội vào Niết bàn sớm thế? Ngài thị tịch như vậy, chứng tỏ Ngài không phải là một nhà hiền triết thực sự vĩ đại ... Loại tâm kiểm tra phán đoán này xuất hiện trong một số đệ tử của Ngài.

Ngày nay, nếu ai đó qua đời ở tuổi năm mươi, chúng ta nói: "Ồ! Sao lại đi quá sớm nhỉ !" Phải vậy không? Tại sao không chết trong tuổi bảy mươi hoặc tám mươi? Do đó sự thị nhập Niết bàn của Đức Phật khiến cho một số đệ tử của Ngài để tâm xét lại tất cả lời giáo hóa của Ngài. Nhiều Tăng chúng bắt đầu tỏ ra nghi ngờ những gì Đức Phật đã khai thị cho họ thấy về bản chất của Sanh và Tử. Họ bảo: "Đức Phật dạy chẳng sanh, chẳng diệt, nhưng bây giờ Ngài lại chết quá sớm. Vì vậy, chúng ta không thể tin lời nói của Đức Thế tôn được! Chúng ta không thể tin sự giảng dạy của Ngài !"‖Loại phán xét này có thể đã trở thành một vấn đề lớn đối với cộng đồng Tăng lữ thời bấy giờ, nên ngay sau khi Ngài nhập diệt, trong Tăng đoàn có một số rất bối rối, không ai chịu lắng nghe ai.

Trong khi đó một đài hỏa thiêu khổng lồ được tạo dựng cho buổi lễ Trà tỳ. Gỗ khô chất rất cao và kim quan chứa nhục thân của Đức Phật được dựng đứng lên trên chóp đài. Kim quan này được làm bằng kim loại do một gia đình quý tộc cúng dường. Ban tổ chức lễ tang đề cử Tôn giả Ma-ha Ca-diếp chủ trì, vì Ngài là vị đại đệ tử nổi tiếng nhất của Đức Phật và là vị được truyền thừa Pháp ấn. Nhưng Tôn giả đã hành hóa phương xa chưa về kịp!

Một ngày trôi qua. Hai ngày, ba ngày, rồi bốn ngày, vẫn chưa thấy mặt Tôn giả. Tất cả mọi người bắt đầu lo lắng, bởi vì thời tiết bên ngoài khá oi bức, họ chờ đợi quá lâu sẽ mỏi mệt và một số người có tâm thiển cận cho rằng tử thi để lâu sẽ bốc mùi. Nhiều người thắc mắc: "Ngài Ma-ha Ca-diếp hiện giờ ở đâu? Tại sao chưa đến?" Lý do thời đó thông tin đi lại vô cùng khó khăn trở ngại. Phật và Tăng đoàn trên bước đường du hóa đều cuốc bộ chân trần, không có xe cộ. Cho nên, tin Đức Phật nhập diệt mang đến cho Tôn giả không làm sao nhanh chóng được. Phần thì Tôn giả cao tuổi hơn Đức Phật, sự đi lại rất chậm.

Trải qua bảy ngày, Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp cuối cùng cũng đã về tới. Khi ngài bước vào đài hỏa thiêu, nơi tôn trí kim quan của Phật, ngay lập tức ngài nhận ra tâm thức của toàn thể Đại chúng Tăng ni, nhiều người đã quá lo lắng, bất an trước sự ra đi của Phật. Tôn giả đã nhìn thấy rõ sự suy nghĩ sai lầm của một nhóm trong Tăng đoàn và sự tu hành giải đải của họ. Nhất là một số vị Khất sĩ chưa chứng thánh quả bây giờ đã thối thất tín tâm vào lời Phật dạy. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đến gần kim quan và đãnh lễ Phật ba lần. Sau đó, Ngài từ từ bắt đầu nhiễu quanh đài hỏa rộng lớn. Bởi vì Ngài bước rất chậm, phải mất một thời gian khá lâu để đi giáp vòng dù chỉ một lần. Nhiều người bắt đầu sốt ruột lo lắng: "Tôn giả đang làm gì vậy? Chúng ta phải sớm khai hỏa đi chứ!"

Mọi người đều nghĩ như thế. Nhưng Tôn giả nhiếp tâm thanh tịnh và vẫn tiếp tục đi nhiễu.

Sau khi nhiễu quanh kim quan ba lần, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp lại đãnh lễ đức Thế tôn ba lần. Bỗng dưng có một tiếng nổ "Bùm!" Phần đuôi kim quan bị phá vở và đôi bàn chân của Đức Phật đã lộ ra. Mọi người đều rất ngạc nhiên và giật mình. Ngay lập tức, trong suy nghĩ của họ, sự nhận định nông nổi và bao ưu tư phiền muộn hoàn toàn biến mất. "Ồ! Quý hóa thay! Đức Thế tôn không bao giờ chết! Chỉ xác thân tứ đại của Ngài đã tàn hoại. Chỉ nhục thân của Ngài đã biến diệt! Nhưng Chân thân của Đức Phật không bao giờ hoại diệt!" Mọi người lấy lại niềm tin và tỏ ra rất hạnh phúc.

Nhân dịp này, Đức Phật đã chứng tỏ cho các hàng đệ tử của mình thấy rằng, mặc dù thân này có sanh có diệt, nhưng Thật tánh của chúng ta vốn vô sanh bất diệt. Nó không bao giờ đến hoặc đi. Đó là điểm rất quan trọng. Nếu bạn chỉ đi thẳng và cố gắng, cố gắng, cố gắng, sau đó bạn có thể làm bất cứ điều gì. Từng khoảnh khắc bạn có thể hoạt động chỉ

để giúp đỡ người khác. Đây là lời khuyến nhủ về hạnh nguyện tuyệt vời của chúng ta nhằm mục đích phụng sự chúng sanh. Vì vậy, khi Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp ngồi bên cạnh Đức Phật, điều đó chỉ dạy cho chúng ta về bản thể, chân tánh uyên nguyên của chúng ta: tất cả bản thể vũ trụ hoàn toàn bình đẳng. Đây là một giáo lý rất cao cấp ở Ấn Độ thời bấy giờ, bởi vì tất cả người dân Ấn tin vào giai cấp. Họ cho rằng những người ở trong một số giai cấp cao thì bản thể giai cấp đó tinh khiết hơn so với những người thuộc giai cấp thấp. Vì vậy, Đức Phật đã tạo ra một quan điểm rất cấp tiến, một cuộc cách mạng xã hội đối với vấn đề này. Tất cả bản thể là cùng chung bản thể. Sau khi những đệ tử của Ngài trải nghiệm sự tu tập hơn vài năm, và trình độ tâm thức của họ tiến triển, Ngài đã ban cho họ lời giáo hóa cao cấp hơn: "Tất cả các pháp là Chân lý, chỉ vì nó đang hiện hữu. Các ngươi không cần phải dùng chữ nghĩa hoặc kiến thức thông minh cao hơn để cảm nhận Chân lý. Những gì các ngươi thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm giác xúc chạm và suy nghĩ, đều là Chân lý, đều là sự thật hiển bày, mà không cần dùng lời nói hay chữ nghĩa để giải thích."

Đức Phật dạy chúng ta: "Sự im lặng của ta là Chân lý. Bông hoa này là Chân lý, Sự nhầm lẫn của các ngươi là Chân lý. Nụ cười của Ma-ha Ca Diếp là Chân lý–Tỉnh thức!" Cả thế giới này đã là Chân lý toàn vẹn, và nó đang dạy cho chúng ta tất cả mọi lúc, mọi nơi. Đó là điểm rất quan trọng.

Sau khi nhập Niết bàn, Đức Phật dạy mọi người về chức năng chính xác. Trong tình huống đó, tất cả tâm của các hàng đệ tử rất xúc động bởi sự ra đi của Ngài, Đức Phật chỉ cho họ một số thực tập " Hãy làm ngay" (Just do-it). Điều này có nghĩa là chúng ta cần phải thành tựu toàn vẹn một cái gì đó không sanh không diệt, được tạm gọi là "Sứ mạng". Thấu đạt các pháp cùng chung bản thể vũ trụ, và sau đó bạn có thể lãnh hội tất cả mọi thứ trong thế giới này là Chân lý. Bạn thấu rõ cách sử dụng nhận thức của Sự thật, để hoạt động một cách trong sáng, rõ ràng và ban rải lòng Từ bi cho muôn loại chúng sanh trong từng khoảnh khắc.

Chỉ thẳng tâm người Trực Chỉ Nhân Tâm

Thiền sư Động Sơn: “Ba cân gai” Thiền sư Vân Môn: “Que cứt khô”. Thiền sư Triệu Châu: “Cây bách trước sân”

Thiền không giải thích, hoặc không phân tích bất cứ điều gì. Nó đơn thuần là chỉ thẳng trực tiếp đến tâm của chúng ta,để chúng ta có thể tỉnh thức và trở thành Phật. Thuở xưa, có người đã từng hỏi một vị Thiền sư:–Thấy tánh có khó không? ‖ Sư trả lời:–Vâng, rất khó ! ‖ Sau đó người khác cũng hỏi Thiền sư tương tợ như vậy: –Thấy tánh có dễ không? ‖ –Vâng, nó rất dễ ! ‖ Một số người khác lại hỏi:–Thấy tánh là dễ hay khó ? ‖ Thiền sư trả lời:–Vâng! Nó cũng khó, và cũng dễ. ‖ Sau đó có người hỏi Thiền sư: –Thế nào là thực hành Thiền? Khó hay dễ ? ‖ Sư đáp: –Khi uống nước, tự biết nóng lạnh. ‖ Theo quan điểm này, có nghĩa là tâm bạn tạo ra tất cả các pháp. Nếu bạn nghĩ rằng một cái gì đó rất khó, thì nó sẽ rất khó. Nếu bạn cho rằng một cái gì đó rất dễ, thì nó sẽ rất dễ. Nếu bạn nghĩ rằng một cái gì đó không dễ, nhưng cũng không khó, thì sau đó nó không phải khó hay dễ. Vậy thì, thực tế như thế nào? Đi uống nước, rồi sau đó bạn sẽ tự hiểu, cho dù nóng hoặc lạnh. Không tạo ra khó hay dễ. Không tạo tác bất cứ điều gì. Khi bạn đang làm một cái gì đó, chỉ cần làm ngay. Thiền là như vậy.

Tất cả chúng ta đều có những câu hỏi về cuộc sống này. Đó là lý do tại sao chúng ta tu tập. – Phật là gì? – Tâm là gì? –Thức là gì?‖– Sanh tử là gì?‖Nếu bạn muốn tìm hiểu cảnh giới của chư Phật, trước tiên bạn phải giữ tâm trong sáng như hư không. Đó là tâm của mỗi Đức Phật. Giữ tâm trong sáng như hư không nghĩa là tâm bạn trong suốt như gương: khi đỏ đến hiện đỏ, trắng đến, hiện trắng. Đôi khi chúng ta cho đây là “Tâm phản ánh”. Bạn chỉ cần phản ánh vũ trụ chính xác như nó đang là. Đó chính là Chân lý. Ba trường hợp sau đây là những ví dụ rất đơn giản về cách khai thị của Thiền chỉ thẳng vào Tâm:

1) Thiền sư Động Sơn: “Ba cân gai” ‖

Thuở xưa, vào một buổi sáng ở Trung Quốc, Thiền sư Động Sơn đang cân những bó gai sợi. Bàn cân đơn giản chỉ đúng ba cân. Trong thời điểm đó, Sư không suy nghĩ bất cứ điều gì. Cũng không nắm giữ những khái niệm hoặc ý tưởng. Điều này có nghĩa là tâm Sư trong sáng như hư không. Rõ ràng như một tấm gương. Chỉ ba cân gai. Bạn có thể nói Sư có “Tâm Ba Cân Gai”. Ngay khi đó một vị Tăng hỏi Sư: “Thưa thầy, Phật là gì?” Sư liền đáp: “Ba cân gai”. Tất cả chỉ là như vậy! Chỉ phản ánh: khi đỏ đến hiện đỏ, khi trắng đến hiện trắng. Khi ba cân gai đến, thì ba cân gai xuất hiện trong gương tâm của Sư. – Đó là Tâm hiện tiền. Sự thật rất dễ dàng! Nếu bạn đang suy nghĩ, sẽ cho là loại đáp án này có vẻ khó khăn. Khi bạn không suy nghĩ, thì tất cả mọi thứ đã là tỉnh giác rồi. Bạn thích điều nào?

2) Thiền sư Vân Môn: “Que cứt khô”

Trong nhiều ngôi chùa thuở xưa của Trung Quốc, các nhà sư phải làm công việc, bằng cách ủ các chất thải của người và động vật với nhau trong nhiều tuần, trước khi sử dụng làm phân bón trong các khu vườn. Nước tiểu có nồng độ u rê cao khi trộn với phân phải để trong một thời gian dài loại bỏ chất hăng nóng độc hại có thể làm chết

hoa mầu. Các nhà sư đi vệ sinh trong một thùng lớn đặt dưới băng ghế gỗ trong hầm cầu. Mỗi ngày phải thu thập các chất thải lại để ủ. Một chiếc que dài, phân nửa dẹp giống như mái chèo được sử dụng để pha trộn các chất thải cùng với tro rồi gạc bỏ chúng ra khỏi thùng. Khi làm xong chiếc que dài này phải chùi rửa sạch và đem để bên ngoài nhà vệ sinh phơi khô.

Một hôm, Thiền sư Vân Môn vừa đi ngang qua nhà vệ sinh, vào lúc đó, có vị Tăng tiến lại gần và thưa hỏi: "Bạch sư phụ, Phật là gì?" Trong khi đôi mắt thiền sư chỉ đơn giản nhìn thấy chiếc que trộn phân để dựa vào bức vách bên ngoài nhà vệ sinh phơi trong ánh nắng. Ngài liền đáp: "Que cứt khô!", và tiếp tục bước đi. Trong lúc đó, tâm thiền sư chỉ phản ánh "Que cứt khô" hiển hiện trước mắt sư.

3) Thiền sư Triệu Châu: "Cây Bách trước sân"

Bồ Đề Đạt Ma được coi là vị Thiền tổ đầu tiên ở Trung Quốc. Trước khi ngài từ Ấn Độ đến đất nước này, Phật giáo cũng đã được hình thành và phát triển nơi đây khá lâu. Đã có rất nhiều ngôi chùa, nhiều tu sĩ, và nhiều người học tập, nghiên cứu kinh điển Phật giáo. Những vị Đại sư khác cũng đến từ Ấn Độ và xây dựng nhiều ngôi chùa khang trang đẹp đẽ, mở trường dịch và giảng kinh. Phật giáo đã nhận được sự ủng hộ của triều đình và trở thành Quốc giáo qua một số triều đại. Tổ Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Quốc, Ngài nhận ra rằng

tất cả mọi người chỉ có thể hiểu lời giáo huấn của Đức Phật. Nhưng dường như chưa có ai nắm bắt được Tâm Phật, bởi vì họ không thấu đạt thế nào là Chân Thiền. Tất cả mọi người chỉ cầu nguyện, cúng lễ, thu nhận lợi dưỡng cho những chuyện đó. Vì vậy, Ngài đã quyết định phải đánh thức Phật Giáo Trung Hoa và làm cho mọi người tỏ ngộ, vươn lên tình huống tốt đẹp hơn.

Bồ Đề Đạt Ma đã được công nhận là một Thiền sư tuyệt vời. Hoàng đế Lương Vũ nghe danh ngài, liền cho triệu thỉnh vào cung vấn đạo. Trong cuộc tiếp kiến, Hoàng đế hỏi: "Đức Phật dạy rằng, nếu cúng dường y bát cho một nhà sư, do phước báo đó được sanh thiên. Nhưng trẫm đã cung dưỡng hằng vạn chư Tăng, tài trợ việc phiên dịch, sao chép Kinh điển và kiến tạo hàng ngàn ngôi chùa. Vậy Đại sư có thể cho trẫm biết có bao nhiêu công đức mà trẫm đã làm?" ‖ Bồ Đề Đạt Ma liền đáp:– Thưa bệ hạ! Không có công đức gì cả. ‖ Hoàng đế tỏ ra lúng túng, chắc có lẽ ông vừa nghe lầm lời một bậc Đạo sư vĩ đại của Ấn Độ. Ông lại hỏi tiếp: –Thế thì Thánh đế đệ nhất nghĩa của Phật giáo là gì? ‖ –Không gì là Thánh cả, chỉ rộng lớn, sáng suốt như hư không. Bây giờ Hoàng đế hoàn toàn bối rối và tỏ ra không hài lòng: –Tại sao thầy dám nói điều như vậy! Người đối diện với trẫm là ai? ‖ Bồ Đề Đạt Ma trả lời: –Không biết. ‖ Sau đó Bồ Đề Đạt Ma nhận thấy đất nước này chưa hợp khế cơ, bèn rời khỏi và đi về phía Bắc Ngụy, một phần lãnh thổ Trung Quốc, nơi có nhiều ngôi chùa nổi tiếng, nhưng Ngài tránh tất cả. Thay vào đó, ngài chọn một hang động gần chùa Thiếu Lâm, suốt ngày ngồi quay mặt vào vách đá. Trong suốt chín năm chỉ "Đi thẳng. Không biết" ....

Vì vậy, Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Quốc để dạy cho chúng ta Chân lý. Ngài đã chỉ cho chúng ta Tham thiền một cách chính xác để tìm ra Con người thật của mình. Ngài luôn

luôn chỉ vào tâm, làm cách nào để chúng ta có thể đạt được tâm mình. Từ đó sự khởi đầu của lớp học về Tâm trong Phật giáo Trung Quốc, hoặc Thiền tông. Tuy nhiên đây chỉ là một lối giải thích về sự giáo hóa của Bồ Đề Đạt Ma. Ngay cả một ngàn lời giải thích tuyệt vời cũng không thể cung cấp cho bạn những trải nghiệm Giác ngộ.

Khi chúng ta đang đói, nếu chúng ta chỉ nhìn vào tranh vẽ của những thực phẩm tươi đẹp, thậm chí hàng ngàn tranh ảnh quảng cáo, cơn đói của chúng ta vẫn không bao giờ được thỏa mãn. Chúng ta vẫn đói! Những "suy nghĩ về hình ảnh", không thể giúp cơ thể hoặc dạ dày, hoặc tâm của chúng ta. Điều rất cần thiết là phải ăn một cái gì đó thông

qua miệng của chúng ta. Đó là lý do tại sao tu tập Thiền tông đã xuất hiện trong thế giới này. – Cho vào miệng của bạn. Đó là món ăn! Đó là thức uống! Thiền không dạy những lời hoa mỹ cao siêu, nhưng chỉ thẳng vào tâm bạn, – "BÙM"–Sự bùng vỡ tâm thức của bạn! Để bạn có thể trực tiếp đạt đến Chân tánh của bạn. Đây là cách Bồ Đề Đạt Ma dạy cho chúng ta về Lẽ thật, Con người thật.

Khi Thiền sư Triệu Châu còn sanh tiền, sự tu tập Thiền tong đã trở nên dính mắc với ẩn nghĩa trong các câu hỏi và trả lời. Chư Tăng đã cố gắng tìm kiếm giáo lý bí mật và giải thích hết sức kỳ lạ. Một ngày nọ, Triệu Châu đang đi bộ xung quanh sân chùa, có vị Tăng bước đến chào hỏi: –Thưa sư phụ! Tại sao Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Quốc? Đây là một cách khác để hỏi những gì đã được giảng dạy về Phật Pháp. Triệu Châu trả lời: – Cây bách trước sân. Thay vì chỉ cho vị Tăng một số lời dạy bí mật, Triệu Châu chỉ cho vị Tăng biết rằng tất cả mọi thứ đã là Chân lý, chỉ cần tỉnh giác. Khi bạn nhìn vào cây bách trước sân, bạn sẽ nhận được lời giáo hóa của Đức Phật. Bạn đạt được sự khai thị của Bồ Đề Đạt Ma và của tất cả các vị Tổ sư tiền bối. Cây bách trước sân là Chân lý Phật giáo. Khi Tăng hỏi Thiền sư Triệu Châu, ngài đã không trả lời bằng cách cho vị Tăng một bức tranh thực phẩm. Câu trả lời của ngài cho biết: "Sự mở miệng của bạn! Đó là thực phẩm! Bây giờ bạn có thể thưởng thức nó!" Ha ha ha!

Thấy Tánh thành Phật

1) Liễu xanh, hoa đỏ.

2) Quạ đen, cò trắng.

3) Thấy chăng? Nghe chăng?

Thiền giảng dạy rất rõ ràng và đơn giản. Nó chỉ thẳng vào Chân tánh để cho chúng ta có thể tỉnh thức và giúp đỡ thế giới này. Khi bạn thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm, nghĩ tưởng, tất cả mọi thứ chỉ-như-vậy là sự thật. Tất cả mọi thứ là Phật tánh. Tất cả mọi thứ là Chân tánh của bạn. Bản thể của bạn và bản thể của tất cả các pháp trong vũ trụ này không bao giờ tách biệt. Liễu xanh, hoa đỏ – đó là chính xác. Quạ đen, cò trắng – đó là chính xác. Tường trắng, khăn trải bàn này vàng – đó là chính xác. Bên ngoài trời tối, trong nhà đèn sáng – đó là chính xác.

Không suy nghĩ bất cứ điều gì, tức thì vũ trụ này là của bạn rồi. Tâm của bạn trong sáng như hư không, rõ suốt như một tấm gương. Tất cả mọi thứ được phản ánh chỉ vì nó đang hiện hữu: khi đỏ đến, hiện đỏ, trắng đến, hiện trắng. Trời xanh. Cây xanh. Chó

sủa: Gâu! Gâu! Đường ngọt, muối mặn. Khi bạn nhìn thấy thì đó là chân tánh của bạn. Khi bạn nghe, ngửi, nếm, sờ, và nghĩ nhớ, đó cũng là Chân tánh của bạn, bản thể uyên nguyên của bạn và Phật. Tất cả các pháp đã là Sự thật. Tất cả mọi thứ vốn là thể tánh của bạn, và tất cả mọi thứ là Phật, là Tỉnh giác. Đó không phải là sự giảng dạy đặc biệt. Nó rất rõ ràng!

Công án và Cổ tắc

Một ngàn bảy trăm Công-án (Tông Tào Khê)

Bích Nham Lục - Một trăm tắc (Tông Lâm Tế)

Thông Dung Lục - Một trăm tắc (Tông Tào Động)

Vô Môn Quan - Bốn mươi tám tắc (chư ban) được sử dụng hầu hết.

Từ thời cổ đại, ở Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản đã có phương cách đặc biệt để xác thực những tài liệu quan trọng. Hai phiên bản của các tài liệu được đặt cạnh nhau, và một con dấu mực đỏ hoặc ấn triện được đóng giáp lai hai bên mỗi trang trên các tài liệu. Sau đó, khi có ai muốn chắc chắn rằng một số phiên bản hoặc tài liệu không phải giả mạo, họ chỉ cần so những bản có dấu đóng giáp lai hai bên. Nếu con dấu ráp lại đúng,không lệch, thì tài liệu đó có thể được tin tưởng. Tương tự như vậy, khi một thiền sinh thực hành Thiền chăm chỉ và tuyên bố đãđạt được một số hiểu biết sâu sắc vào Chân tánh của mình, thì làm sao điều này có thể được chứng minh hoặc hiển thị? Đây là ý nghĩa của Công án và tham Công án. Trong Thiền tông, Công án được sử dụng cùng một phương thức như vậy. Một thiền sinh mang sự hiểu biết tỏ ngộ của mình đến với Thiền sư. Sự hiểu biết tỏ ngộ của thiền sinh qua một câu hỏi chỉ là một nửa, nó phải phù hợp với sự liễu ngộ của Thiền sư, đó là một nửa còn lại. Khi thầy và trò chia sẻ sự hiểu biết đó, được gọi là Tâm truyền Tâm.

Ban đầu không có thực hành hoặc tham Công án trong Phật giáo. Đức Phật ra đời và thành tựu Giác ngộ. Ngài đã dạy đệ tử của mình rằng mọi thứ đều vô thường. Tham, sân, si trong tâm của mỗi chúng ta gây ra đau khổ, mà những điều này được dấy khởi bởi suy nghĩ. Ngài dạy cách để thực sự đạt được tự do, thoát khỏi đau khổ, chứng đắc Niết bàn. Không có văn bản và không có nhiều cuộc thảo luận đấu lý, chỉ thực hành thiền định. Sau khi Đức Phật nhập diệt, các hàng đệ tử của Ngài đã có các cuộc họp để kết tập lại những điều Phật dạy. Trong những năm sau đó, các môn đệ tranh luận về các điểm khác nhau,giải thích khác nhau của lời Phật dạy và phân ra một số hệ phái trong Phật giáo. Văn bản

nghiên cứu thường trở nên quan trọng hơn là thực hành thiền định. Khoảng gần một ngàn năm trăm năm trước đây, Bồ-đề Đạt-ma vượt qua dãy Hi-mã-lạp sơn vào Trung Quốc, năm 520 sau Tây lịch.(Có nơi nói Ngài đi đường biển).Phật giáo đã được phát triển mạnh ở Trung Quốc khoảng ba trăm năm tại thời điểm đó, nhưng chủ yếu là pháp học và chỉ để cầu nguyện, không có sự thực hành nhiều vào thiền định. Bồ-đề Đạt-ma đã thấy những người chỉ sử dụng Phật giáo để cầu nguyện cho những điều họ cần muốn, vì vậy Ngài bắt đầu dạy cho họ một cách chính xác về Thiền.

Chúng tôi đã nói về chuyến thăm đầu tiên của Tổ Bồ-đề Đạt-ma tới Trung Quốc gặp Lương Vũ đế. Hoàng đế tự hào nói với Bồ-đề Đạt-ma là ông đã xây dựng nhiều chùa chiền, hỗ trợ việc sao chép phiên dịch nhiều Kinh điển, cung dưỡng y bát, vật thực cho hằng vạn Tăng ni. Theo Đức Phật, nếu một người làm phước, thậm chí chỉ cúng dường cho một vị Tăng hay Ni sẽ được vô lượng phước lành. Vì vậy, nhà vua hỏi Bồ-đề Đạt-ma : –Trẫm đã làm tất cả những điều này, vậy có được bao nhiêu công đức? ‖ Bồ-đề Đạt-ma trả lời: –Không có công đức gì cả! ‖

Hoàng đế tỏ ra lúng túng, ông tưởng chừng như vừa nghe lầm. Ông lại hỏi tiếp: –Thế thì Thánh đế đệ nhất nghĩa của Phật giáo là gì? ‖ –Không có gì là Thánh cả, chỉ rộng lớn, sáng suốt như hư không. ‖ Bây giờ Hoàng đế đã hoàn toàn bối rối, tỏ ra không hài lòng bèn nói lớn: –Tại sao thầy dám nói ra những điều như vậy! Người đối diện với trẫm là ai? ‖ Bồ-đề Đạt-ma trả lời: –Không biết. ‖

Sau đó Bồ-đề-đạt-ma ra đi và tới nước Ngụy, miền bắc Trung Quốc, nơi có nhiều ngôi chùa nổi tiếng. Nhưng ngài lẫn tránh tất cả, bởi vì họ chỉ quan tâm trong việc thực hiện các hình thức nghi lễ và cầu nguyện cho việc mưu cầu lợi dưỡng. Thay vào đó, Ngài tìm ra một hang động bên cạnh Chùa Thiếu Lâm, ngồi quay mặt vào vách đá. Chỉ giữ tâm không biết.

Chín năm sau, một nhà sư tên Thần Quang nghe danh ngài liền tìm đến hang động. Ông đứng suốt đêm trong tuyết rơi lạnh buốt, trước khi Bồ-đề Đạt-ma nhận ra ông. Cuối cùng Thần Quang trình thưa với Tổ xin vui lòng dạy cho Pháp yếu. ‖ Bồ-đề Đạt-ma trả lời: –Ngay cả khi ta nói với ông, ông cũng sẽ không tin ta. ‖ Để chứng minh cho sự thành tâm và những thử thách, Thần Quang cắt đứt cánh tay trái của mình đem dâng cho Tổ, nhưng Ngài vẫn không lay động.

–Ôi! Bạch sư phụ! Thần Quang kêu lên, con đau lắm! Không thể chịu nổi. Xin vui lòng an tâm cho con! Tổ quay lại bảo:‖ –Hãy đưa tâm của ông cho ta xem, ta sẽ an cho. ‖ Thần Quang bèn tìm kiếm khắp nơi trong trí não mà không biết tâm ở đâu bèn thưa: “Bạch Sư phụ! Con không thể tìm thấy tâm con đâu cả ...” ‖ Bồ-đề Đạt-ma trả lời: “Như thế thì ta đã an tâm cho ông rồi đó.” Khi nghe được điều này, Thần Quang bỗng dưng tỏ ngộ hoàn toàn, được Bồ-đề Đạt-ma truyền tâm pháp và ban cho Pháp danh Huệ Khả, trở thành vị Tổ thứ hai trong lịch sử Thiền tông Trung Quốc. Đây là sự khai thị đầu tiên về Thiền và ví dụ quan trọng của cuộc đấu pháp: Tâm truyền Tâm.

Tiếp theo là sự thay đổi quan trọng trong Giáo lý Thiền vào thời Lục tổ Huệ Năng, ngài dạy: “–Nếu không tạo nhân, thì sẽ không có quả. Do đó, không tạo tác bất cứ điều gì.” Ngài trở thành Thiền tổ nổi tiếng với những lời khai thị rất đơn giản này. Một hôm, Lục Tổ đi tới một ngôi chùa, ngoài sân có hai chú tiểu tranh cãi nhau về lá phướn bay trong gió. Một chú cho rằng đây là gió động, không phải phướn. Còn chú kia nói rằng phướn động, không phải gió. Nghe lỏm họ cãi nhau, Lục Tổ nói: –Không phải phướn động, cũng không phải gió động, mà tâm các chú động. Vì vậy, Câu hỏi (nghi tình) mới này xuất hiện: “Tâm là gì?” đã trở thành một nguồn cảm hứng cho các Thiền sư. Nhiều câu hỏi xuất hiện trong những câu chuyện như thế : Sống là gì? Chết là gì? Tâm là gì? Tất cả

những câu hỏi này đã trở thành Công án, và mọi người bắt đầu sử dụng chúng trong sự tu tập của mình. Khi có Tăng đến, Lục Tổ hỏi:– Ông từ đâu đến đây? Thứ gì đến? ‖ –Không biết, Tăng đáp. Đây là nguồn gốc Công án để hỏi "Ta là gì?". Và cũng chính câu hỏi mà Đức Phật đã tu tập trong sáu năm. Đức Phật, Bồ-đề Đạt-ma và Lục tổ, tất cả đều có cùng một câu hỏi, "Ta là gì?" Hoặc "Ta là Ai?" Và tất cả đáp án là "Không Biết". Đây là tham Công án. Cho đến thời Lục Tổ, không có trường phái. Chỉ có việc tham Thiền. Lục Tổ đào tạo nhiều môn sinh tuyệt vời. Cũng như sau một trận mưa rào, nhiều giống nấm lớn xuất hiện. Vì vậy, mỗi đệ tử của ngài sau này đã có một phong cách và hương vị hơi khác nhau về sự giảng dạy của mình. Do đó, năm trường phái Thiền bắt đầu xuất hiện. Mặc dù nhấn mạnh những khía cạnh khác nhau của việc đào tạo với các phương cách khác nhau, nhưng xương tủy giảng dạy của các trường phái đều như nhau. Thiền tông phát triển mạnh mẽ trong các triều đại nhà Đường và nhà Tống ở Trung Quốc. Trong thời gian này, nhiều Thiền sư lỗi lạc xuất hiện. Những câu chuyện về sự trải nghiệm tỏ ngộ của quý Ngài, cách đấu pháp, các lời pháp thoại được viết xuống và cuối cùng kết hợp lại thành bộ sưu tập.

Những "tình huống" này được gọi là "Cổ tắc". Nếu có vị Tăng nghĩ rằng mình đã tỏ ngộ thì một bậc thầy có thể kiểm tra, bằng cách đưa ra cho ông ta với câu chuyện hoặc lời khai thị trải nghiệm tỏ ngộ của một người khác. Bất kỳ Tăng ni thực sự có một số loại nhận thức sẽ nghe Công án và ngay lập tức hiểu được ý nghĩa thật sự của nó. Nếu bạn không thực sự tỏ ngộ, bạn sẽ không hiểu được Công án, và thầy của bạn có thể cảm nhận điều đó. Có lần Tăng hỏi Thiền sư Vân Môn: "Phật là gì?" Vân Môn đáp: "Que cứt khô". Nghĩa này là gì ? Nếu bạn đạt được điều đó, bạn đạt được ý nghĩa của Công án. Đây là nguồn gốc của tham Công án. Cũng có lần Tăng hỏi Thiền sư Mã Tổ: "Phật là gì?" Mã Tổ đáp: "Tâm tức Phật, Phật tức Tâm". Sau đó, Ngài trả lời: "Chẳng phải Tâm, chẳng phải Phật". Trong khi trước kia, việc khai thị khá đơn giản, bây giờ có rất nhiều phong cách trí tuệ cho việc giảng dạy, và do đó loại "đấu ngữ" hoặc "đấu pháp" cũng xuất hiện. Như vậy chúng ta có Bích Nham Lục và Vô Môn Quan, hai bộ sưu tập nổi tiếng của Thiền Công án.

Thiền bắt đầu nhìn xa hơn và khó hiểu hơn so với những người bình thường. Việc tham Thiền và cuộc sống bình thường của con người dần dần tách xa hơn. Người ta không thể hiểu được ẩn nghĩa hoặc mật ngữ như nói: Gà gỗ gáy, hổ đá bay trên trời, hoặc bạn có thấy lông rùa, sừng thỏ chưa? Thiền thực tế đã trở thành đường lối tu tập chỉ dành cho những bậc thượng căn, những người luôn luôn tìm kiếm ẩn nghĩa, bởi vì những lời nói chính mình đã không tạo ra bất kỳ tri giác nào. Phong cách này diễn ra trong một thời gian, cho đến khi sự giáo hóa một cách trực tiếp cụ thể hơn trở lại. "Phật giáo là gì?" Đã được trả lời: Xuân đến, cỏ tự mọc. Vì vậy, mặc dù Thiền đã phát triển nhiều loại đáp án cho những câu hỏi cơ bản, tất cả chúng đều hiển thị Chân lý như nhau.

Sự khác biệt truyền thống Thiền và các trường phái là đôi khi sử dụng Công án khác nhau. Nhưng bên trong, sự giảng dạy luôn luôn giống nhau. Làm thế nào chúng ta sử dụng Công án để tỉnh thức và giúp đỡ cõi đời này? Đó là phần quan trọng nhất của sự

tu tập Công án. Do đó, một số từ ngữ trong Công án thì chính xác, còn một số khác thì không. Thiền sư luôn luôn sử dụng lời nói và chữ nghĩa một cách tự do để đặt bẫy cho tâm suy nghĩ của môn sinh. Nó cũng giống như một miếng mồi trên lưỡi câu. Nếu con cá quá đói, sẽ vội nuốt mồi và bị dính lưỡi câu! Nhưng nếu Thiền sinh với tâm tròn đủ, trong sáng và không dính mắc suy nghĩ, sau đó họ có thể nhận được mồi mà không bị mắc lưỡi câu. Vì vậy, đây là lý do tại sao chúng tôi nói "Cá Tâm no đủ, không bao giờ mắc câu."

Cho dù ngôn ngữ Công án "chính xác" hay "không chính xác", nó không thành vấn đề, bởi vì ngôn ngữ "không chính xác" này nhằm chữa trị các bệnh chấp trước, dính mắc suy nghĩ của Thiền sinh. Có một ví dụ rất nổi tiếng, Đức Phật luôn luôn dạy rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, có khả năng tỏ ngộ như nhau. Đây là một bài học rất quan

trọng. Sau đó, có vị Tăng hỏi Thiền sư Triệu Châu: "Con chó có Phật tánh không?" Triệu Châu nói "Vô" có nghĩa là "Không". Đó là một sai lầm rất lớn. Nhưng Triệu Châu đã cố tình làm sai lầm này để chữa sự dính mắc của vị Tăng với những ý tưởng và tư duy khái niệm. Giống như hầu hết mọi người tại thời điểm đó, vị Tăng này đã quá chấp trước với lời nói của Đức Phật, quá dính mắc với Giáo lý của Đức Phật được ghi trong sách vở. Ông chưa đạt được Tâm Phật. Ông đã dính mắc với lĩnh vực đây và đó, có và không, Phật tánh và không Phật tánh. Ông nghĩ rằng một số có thể có Phật tánh, trong khi những loài khác thì không. Cho nên chúng tôi nói vị Tăng này đã bị mắc kẹt trong suy nghĩ nhị nguyên đối đãi. Thiền sư Triệu Châu nhận ra điều đó và nói: "Vô". "Vô" này đánh vào tâm thức vị Tăng, đánh vào tâm tất cả các tu sĩ, và tiếp tục đánh vào tâm của mọi người hôm nay: "Tại sao Triệu Châu nói 'Vô'? Là đúng hay không đúng? Chả lẽ Đức Phật không đúng chăng? Con chó thực sự có Phật tánh không? Tôi không biết ..." Ý nghĩa thế nào khi sử dụng chính xác tiếng "Vô" trong Công án này cũng như tất cả các Công án khác? Chữ nghĩa và lời nói là phương thuốc dùng để chữa bệnh cho chúng ta bị dính mắc với tư duy, khởi tưởng.

Đây là một Công án rất nổi tiếng. Khi một vị thầy cho chúng ta Công án này, chúng ta sử dụng câu nói sai lầm của Triệu Châu và làm cho nó chính xác. Trên thực tế, Công án không có từ ngữ "sai lầm" hay "không sai lầm". Nếu chúng ta suy nghĩ, Công án tưởng có một sự sai lầm. Nhưng nếu chúng ta quét sạch mọi dính mắc vọng tưởng, Công án rất rõ ràng, và cũng không có gì đúng hay sai. Quan điểm giảng dạy của nó đã vượt ra ngoài lãnh vực sai lầm. Bởi vì Công án được sử dụng để cắt đứt suy nghĩ của chúng ta, chúng ta không nên dính mắc với Công án. Nhiều người dính mắc vào Công án "Vô" của Triệu Châu, nhưng sở dĩ ngài tạo ra Công án này để chữa tất cả tâm mọi người. Nếu một bệnh nhân trở nên dính mắc với thuốc, đôi khi căn bệnh thậm chí còn tệ hơn khi mới phát bệnh. Chúng ta sẽ tìm hiểu thêm điều này ở phần sau.

Như chúng tôi đã đề cập ở phần trên, trường phái Thiền khác nhau có thể sử dụng các bộ sưu tập Công án khác nhau. Ví dụ, trường phái Tào Khê Phật giáo Hàn Quốc, sử dụng bộ sưu tập của một ngàn bảy trăm Công án từ Ấn Độ, Trung Quốc, và những nguồn ở Hàn Quốc. Tên cho điều này là Yom Sang. Môn sinh của trường phái Lâm Tế tu

tập tham một trăm Công án của Roku Hekigan, được biết đến trong tiếng Anh là The Blue Cliff Record (Bích Nham Lục). Trường phái Tào Động sử dụng một trăm Tắc của Roku Shoyo. Vô Môn Quan hoặc Cổng-Không-Cửa, là một bộ kết tập của bốn mươi tám Công án là một phần của tất cả các Công án trong bộ sưu tập lớn khác. Chúng được sử dụng hầu hết ở tất cả các trường phái Thiền trong sự tu tập tham Công án.

Tọa Thiền

Điều thân, điều tức, điều tâm (Kiểm soát cơ thể, hơi thở và tâm trí)

Tọa Thiền (Thiền ngồi)

Hành Thiền (Thiền đi)

Ngọa Thiền (Thiền nằm)

Thiền có nghĩa là thiền định và thiền định là giữ "nhất tâm bất động" trong từng sát na. Nó rất đơn giản. Khi chúng ta thiền, chúng ta chỉ sử dụng một số kỹ thuật để kiểm soát cơ thể, đó là hơi thở và tâm trí, điều này khiến chúng ta có thể cắt đứt mọi suy nghĩ và nhận ra Chân tánh. Nhiều người nghĩ rằng để làm được điều này, chúng ta phải ngồi cứng nhắc trên sàn nhà với hai chân bắt chéo chặt chẽ trong vị thế bán già hoặc kiết già và hoàn toàn bất động. Vâng, thiền định theo kiểu đó không tốt cũng không xấu. Trong một số Thiền đạo, họ dạy rằng nếu bạn không ngồi được tư thế hoa sen (kiết già), bạn không thể có được Giác ngộ. Nếu chỉ khuyến dạy theo phương pháp đó, tức là dính mắc một số tư thế đơn độc như là một hình thức về Thiền. Nó tạo ra loại Thiền đặc biệt. Chúng tôi gọi đó là một sự dính mắc về thân ngồi.

Chánh Thiền không phải chỉ phụ thuộc vào cách bạn điều thân, mà từng sát na, làm thế nào để điều phục tâm bạn? Làm thế nào để bạn giữ nhất tâm bất động trong mọi tình huống? Vì vậy, Chân thật thiền định có nghĩa là tâm ngồi. Giữ tâm bất động trong mọi tình huống hoặc điều kiện, đó mới là ý nghĩa thực sự của thiền định.

Dĩ nhiên, đối với bất kỳ loại tu tập học hỏi nào, điều quan trọng là khởi đầu sử dụng một số hình thức hoặc tư thế. Nếu bạn muốn giữ nhất tâm bất động, đầu tiên bạn phải biết cách điều thân. Bạn học một tư thế nhất định để điều thân trong khi ngồi, chân của bạn bẻ cong, xếp chéo nhau, lưng và đầu của bạn giữ thật ngay thẳng. Đôi mắt của bạn chỉ hé mở một chút, nhìn chằm chằm vào sàn nhà trước mặt bạn. Đôi bàn tay của bạn đặt vào lòng bạn theo một vị trí ấn thủ Tam muội như Đức Phật ngồi Thiền. Bạn học cách thở chậm, từ từ hít vào thật sâu, thật lâu rồi thở ra từ từ dài hơn; hít vào, thở ra; hít vào, thở

ra. Trung tâm năng lượng nằm ngay huyệt "đơn điền", phía dưới rốn 5 phân. Đây là cách bạn điều thân và theo dõi hơi thở của bạn.

Nếu bạn có thể kiểm soát được hơi thở của bạn thuần thục, sau đó bạn có thể kiểm soát tâm bạn. Như bạn từ từ hít vào và từ từ thở ra, suy nghĩ từ từ đi xuống, xuống, xuống. Suy nghĩ của bạn trở nên ít phức tạp hơn, cũng như năng lượng của bạn bắt đầu ổn định từ tâm bạn, vào đơn điền, vòng hara hoặc trung tâm của bạn. Trong sự thực hành

thiền, đây là nơi bạn điều phục tâm trong trung tâm của bạn. Kỹ thuật này rất quan trọng. Hầu hết mọi người giữ cho tư tưởng của mình lên bộ đầu của họ, hoặc trong vùng ngực của họ. (Hoặc theo một vòng luân xa từ trước ra sau: Khi mũi hít vào theo dõi tư tưởng xuống cổ họng, xuống ngực, bụng, rồi rốn, xuống huyệt đơn điền, xuyên qua hậu môn, đến đốt xương sống cuối cùng, và đi ngược lên theo chuỗi sống lưng, lên đến đỉnh đầu rồi giáp xuống sống mũi trở lại). Thực sự, điều này không được tốt lắm. Bộ đầu bạn là trung tâm trí tuệ của bạn, và ngực bạn là trung tâm cảm xúc của bạn. Giữ sự chú ý trong đầu bạn, làm cho tư tưởng của bạn phức tạp hơn, và năng lượng của bạn tăng lên. Nếu bạn tiếp tục dẫn tư tưởng và mối quan tâm trong lồng ngực của bạn, tự nhiên bạn sẽ bị kéo vòng quanh bởi những cảm xúc của bạn. Chỉ đơn giản là để tư tưởng của bạn đi xuống ra khỏi bộ đầu và ra khỏi lồng ngực của bạn. Đơn điền của bạn là nơi ham muốn của bạn, "trung tâm làm việc của bạn". Khi tư tưởng của bạn lắng xuống một cách tự nhiên trong trung tâm của bạn thì tư tưởng và cảm xúc của bạn trở nên rõ ràng.

Ngồi thiền nghĩa là thể hiện cách thức thiền ngồi. Mọi người đều hiểu đó là gì? Nhưng chúng ta phải có tầm nhìn rất rộng về thiền định. Nếu bạn giữ tâm sáng suốt như hư không thì tất cả mọi thứ là thiền định. Có thiền hành, thiền tụng kinh, thiền ăn uống. thiền tắm rửa, thiền vệ sinh…..Khi tâm bạn trong sáng như hư không, thì tâm bạn không lay động dù những tình huống liên tục thay đổi. Vào thời điểm đó, khi bạn thấy, khi bạn nghe, khi bạn ngửi, khi bạn nếm, khi bạn xúc chạm, khi bạn nghĩ tưởng, tất cả mọi thứ là Thiền, bởi vì tất cả mọi thứ được phản ánh rõ ràng trong tâm bất động của bạn, chính như nó đang là. Sau đó, lái xe là thiền, chơi quần vợt cũng là thiền….

Chỉ giữ tâm không biết, và tất cả mọi thứ trở nên sáng suốt rõ ràng. Quét sạch mọi vọng tưởng nghĩa là không suy nghĩ, đạt được tâm trước khi suy nghĩ phát sinh gọi là tâm sáng suốt. Tâm sáng suốt chỉ làm điều đó. Vì vậy, khi bạn lái xe, chỉ cần lái xe mà không có bên trong và không có bên ngoài. Bên trong và bên ngoài hoàn toàn trở thành một: Đó là thiền lái xe. Khi ăn chỉ ăn, gọi là thiền ăn. Nhưng hầu hết mọi người, trong khi miệng ăn, mà tâm của họ dong ruỗi đây đó, lang thang từ chỗ này sang chỗ khác. Nhớ nghĩ lung tung, gặp chuyện vui buồn, tốt xấu, tạp niệm dãy đầy khó mà dừng lại. Thức ăn đi vào

miệng, nhai và nuốt, nhưng họ không nhận thức được nó. Tâm của họ suy nghĩ về bạn gái, bạn trai của họ, hoặc vấn đề gì đó trong cuộc sống v.v…Đó là sự dính mắc về suy nghĩ, và nó luôn luôn tạo ra đau khổ cho cả mình và cho cả thế giới này. Nhưng khi bạn làm điều gì hãy chú tâm làm ngay điều đó. Giữ chánh niệm làm điều đó, thì tất cả mọi thứ đã là thiền định.

Đôi khi người ta có một vài thương tật hoặc mắc nhiều bệnh trong thân, khó thực hành thiền chính xác. Chúng tôi có một người đệ tử mang một chứng bệnh rất nghiêm trọng, anh ta không thể ngồi thẳng lưng hơn năm phút. Nhưng anh cũng muốn thực hiện một khóa tu thiền chín mươi ngày chuyên sâu với tất cả mọi người. Anh ta muốn cùng hành thiền trong Pháp đường. Vì vậy, tất nhiên chúng tôi cho anh ta tham gia khóa tu. Suốt trong ba tháng, trong lúc mọi người tọa thiền đối mặt với vách tường thì anh nằm

xuống trong Pháp đường đối mặt với trần nhà. Ha ha ha! Trong cuộc tham vấn, anh có thể đi vào và ngồi dậy trong một vài phút, và sau đó trở về đệm ngồi của mình với mọi người khác và nằm xuống một lần nữa. Vì vậy, nằm thiền cũng không có vấn đề.

Hiện giờ, càng ngày càng có nhiều người muốn hành thiền. Nhưng họ có ý tưởng rằng thiền định nghĩa là chỉ ngồi trong một tư thế thẳng lưng. " –Ôi ! cơ thể của tôi có nhiều đau đớn, vì vậy không thể ngồi thiền được." Đó không phải là một cái nhìn chính xác về thiền. Nếu bạn gặp ai đó có cơ thể khó nhọc, thì cứ cho họ sử dụng một chiếc ghế, hoặc tiếp tục đứng yên, hoặc nằm xuống trong lúc hành thiền. Bất kỳ tư thế nào cũng không trở ngại. Điểm quan trọng là từng niệm niệm giữ "Nhất tâm bất động" và sự thực hành "Không Biết" của bạn mãnh liệt ra sao. Nên chọn lấy tư thế phù hợp và tập trung nỗ lực của bạn trong thiền định.

Đại Ngộ

Trời đất, đất trời, trời đất chuyển.

Nước non, non nước – nước non không.

Trời trời, đất đất, khi nào chuyển?

Non non, nước nước, thảy viên thông.

Đại ngộ nghĩa là trở nên hoàn toàn độc lập, hoàn toàn đạt được một Tình Yêu rộng lớn và Lòng Thương bao la cho thế giới này. Điều này được gọi là Đại Từ, Đại Bi, Đại Bồ tát Đạo. Nó có nghĩa là thành tựu công việc "Làm Người" chính xác của chúng ta trong từng khoảnh khắc, để chúng ta có thể luôn luôn làm bổn phận phụng sự cho tất cả chúng sanh. Loại ngôn ngữ này rất tuyệt vời, tất cả mọi người đã hiểu điều gì đó về loại định hướng này. Nhưng làm thế nào để chúng ta thực sự làm được điều này?

Con người mắc phải nhiều sai lầm bởi những vọng tưởng, suy nghĩ, chấp trước. Và vọng tưởng này gây ra lắm nổi đau khổ đối với nhân loại chúng sanh. Đây là kết quả của tham, sân, si qua những định kiến, những điều kiện, và những tình huống cố chấp của họ. Vì hầu hết mọi người bị mắc mưu với suy nghĩ của họ, họ liên tục đau khổ, vì suy nghĩ của họ luôn luôn thay đổi, thay đổi, thay đổi. Nhân loại chúng sanh không hiểu được Chân lý, họ chỉ chạy theo vọng tưởng điên đảo của họ. Đây là quan điểm sai lầm.

Phật giáo Thiền có nghĩa là đi từ thế giới vô minh và ảo tưởng đạt được nhận thức rằng tất cả các pháp là Như thật, chỉ vì nó đang là. Thế giới này đã được hoàn thành toàn vẹn, và không bao giờ di chuyển. Nếu bạn muốn đạt được điểm đó, trước tiên bạn phải buông bỏ ý tưởng của bạn, điều kiện của bạn, và tình huống của bạn. Bạn có thể thấy sáng suốt, nghe sáng suốt, ngửi sáng suốt, nếm sáng suốt, xúc chạm sáng suốt, và nhớ nghĩ sáng suốt. Đó là Chân lý. Bước tiếp theo trong việc thực hành, chúng ta trải nghiệm cách sử dụng nhận thức Chân lý này rõ ràng để làm cho cuộc sống của chúng ta được chính xác. Trong từng niệm niệm chúng ta có thể duy trì vị trí đúng, quan hệ đúng và hành động đúng.

Có một bài thơ thiền xưa được gọi là "Đại Ngộ". Nó dạy cách thức con người có thể thấu đạt Chân lý để phụng sự chúng sanh. Khi chúng ta lần đầu tiên nhìn vào thế giới này,

chúng ta gắn liền với tên gọi và hình thức. Tất cả các pháp là vô thường, tất cả mọi thứ luôn luôn di chuyển và thay đổi không ngừng. Vì thế "Sắc tức là không. Không tức là sắc".

Nhiều người hiểu với tâm suy nghĩ của họ rằng "Trời là đất, và đất là trời –Trời và đất chuyển quay" Đây là cái này và đó là cái kia. Chúng giống nhau nhưng cũng khác nhau. Bởi vì nó vẫn còn gắn liền với tên gọi và hình thức. Tuy nhiên, loại hiểu biết này cho thấy rằng tất cả mọi thứ luôn luôn di chuyển, xoay vần và xoay vần. Tất cả mọi thứ luôn luôn thay đổi. Vì vậy, câu đầu tiên này nói: "Trời đất, đất trời –trời đất chuyển". Một điểm theo sau từ điểm khác. "Sắc là sắc. Không là không". Quan điểm này có phần đúng, nhưng nó vẫn chỉ là suy nghĩ và không thực sự thấu đạt, vì chưa được đầy đủ.

Dòng thứ hai nói: "Nước non, non nước – nước non không." Có nghĩa là nước là núi, núi là nước–nước và núi vốn nó không có tự tánh, không cố định. Như chúng ta thực hành thiền, một cái nhìn chính xác hơn sẽ xuất hiện. Chúng ta thấu đạt tâm chúng ta trước khi suy nghĩ xuất hiện. Chúng ta thấu đạt bản thể, nghĩa là nhận thức rằng tất cả mọi thứ là cùng chung bản thể. Bản thể này là không danh,không sắc, nó hoàn toàn rỗng không. "Không sắc. Không Không". Tại thời điểm này, chúng ta đạt được những gì dính mắc với danh và sắc. "A! Tất cả mọi thứ luôn luôn thay đổi, nhưng bản thể vũ trụ không bao giờ thay đổi. Cho đến bây giờ tôi đã bị dính mắc với sự xuất hiện của những sự vật bên ngoài, mà sự vật bên ngoài chỉ là danh và sắc. Nếu tôi dính mắc với danh và sắc, sau đó tất cả mọi thứ luôn luôn thay đổi, thay đổi, thay đổi. Như vậy quan điểm này tạo ra tất cả mọi thứ: thời gian và không gian, nhân và quả, danh và sắc. Nhưng thực ra tất cả chỉ xuất hiện từ tâm suy nghĩ của tôi ! Bây giờ tôi nhận ra tâm này hoàn toàn không, thế giới này không, tất cả mọi thứ đều không!"

Vậy làm thế nào chỉ cho bất cứ điều gì chưa từng đến, chưa từng đi? Làm thế nào bản lai diện mục chưa từng thay đổi? Đây là ý nghĩa của câu thứ ba: "Trời trời, đất đất , khi nào chuyển?"

Trong sự rỗng không hoàn toàn, không bao giờ đến hoặc đi. Bầu trời chỉ là hư không, tinh cầu chỉ là trái đất. Tâm bạn bất động, và không bao giờ dính mắc với danh và sắc. Đây là trạng thái tĩnh lặng hoàn toàn.

Khi bạn đạt đến Chân không, tâm của bạn hoàn toàn có thể phản ánh thế giới này như nó hiện hữu. "Trời là trời và đất là đất". Khi nào chúng hết xoay? Quan điểm của Kinh Đại Bát Niết Bàn cho thấy làm thế nào khi sanh và diệt biến mất, sự tĩnh lặng này là Chân hạnh phúc. Ý nghĩa của dòng thứ ba này có thể được tìm thấy trong lời dạy đó. Khi chúng ta trải nghiệm không nhiều về sanh và diệt, chúng ta thấy rằng bầu trời và trái đất chưa bao giờ xoay quanh nhau, không một lần. Khởi nguyên không đến, không đi. Điều này rất thú vị, nhưng nó vẫn không phải là một cái nhìn đầy đủ.

Thực hành nhiều hơn nữa, bạn sẽ đạt được cái nhìn đầy đủ: "Núi là núi, nước là nước. Bầu trời là bầu trời. Mặt đất là mặt đất." Chỉ phản ánh thế giới này. Đây cũng gọi là thế giới khoảnh khắc, hoặc thế giới sát na. Đôi khi chúng ta mô tả nó là một phần của cái tâm vô cùng tận. Thế giới khoảnh khắc là Chân lý, bởi vì trong một sát na, tất cả mọi

thứ đã được hoàn thành, xác thực: “Sắc là sắc. Không là không.” Núi là núi, và nước là nước. Đây là chân lý.

Tuy nhiên, điểm này rất quan trọng, bởi trong chính nó, chân lý không có chức năng. Thiền đã chết ở Trung Quốc, do vì nhiều bậc thầy dính mắc với những lời như vậy và không thể cảm nhận được cách nào để cho cái nhìn về sự thật này phải hoạt dụng từng khoảnh khắc phụng sự chúng sanh. Do vậy, Thiền đã đánh mất chức năng Bồ tát của mình, và trở thành một trò chơi chữ cho tầng lớp thượng lưu. Nhiều thầy dạy Thiền vẫn nói, “A! Núi là núi, nước là nước. Đó là sự thật” Và họ nói đúng sự thật. Nhưng nếu bạn dừng lại ở đây, thì nó vẫn là một cái nhìn trừu tượng. Nó có thể vẫn là một “sự thật hoàn toàn siêu hình”. Thêm bước nữa là cần thiết. Các hoạt dụng chính xác của sự thật là gì? Làm thế nào để sự thật này kết nối với bạn và tất cả những chúng sanh khác? Làm thế nào thực hiện chức năng chính xác này trong cuộc sống của bạn? Câu trả lời là rất dễ dàng: “Núi xanh, nước chảy”‖.

Có bốn điều khó được trong đời. Trước hết là khó được làm thân người. Thứ hai là khó được gặp Phật Pháp. Thứ ba là khó được gặp Minh sư. Thứ tư là khó được Giác ngộ. Điều thứ ba rất quan trọng, một Minh sư hay Thiền sư nếu chưa được tỏ ngộ hoàn toàn thì ông không thể là một bậc thầy sáng suốt. Nếu bạn theo học nơi các vị này, bạn sẽ đi sai đường. Nó giống như một người mù dẫn một người mù khác lọt vào hố thẳm.

Một số người nghiên cứu và học tập Thiền trong năm hay mười năm mà không được tỏ ngộ. Họ trở nên dính mắc với người thầy của họ, và người thầy này không thể giúp họ thấu hiểu được. Cũng như nếu bạn học với một giáo sư, ngay cả khi ông là một giáo sư tuyệt vời, bạn sẽ gặp khó khăn để hoàn tất sự nghiên cứu, học hỏi của bạn. Vì vậy, thiền sinh nên đi tham học từ nhiều bậc thầy cho đến khi họ tìm được một Thiền sư có đôi mắt tinh nhuệ để khai thị cho họ. Điều này là rất quan trọng.

Lúc đầu, bạn có thể không biết làm thế nào để nhận ra một Thiền sư có tuệ nhãn. Nhưng nếu bạn thực hành thiền trong một thời gian và lắng nghe nhiều thiền sư, bạn sẽ sớm lãnh hội sự khai thị chính xác và những gì không chính xác. Nếu bạn không thích đường, bạn không thể hiểu ngọt, nếu bạn không nếm muối, bạn không thể biết mặn. Không ai có thể nếm cho bạn. Bạn phải tự làm điều đó cho mình.

Nhiều bậc thầy có thể tự cho rằng họ đã Ngộ, nhưng có những cấp độ khác nhau của Ngộ. Có Sơ ngộ, Nguyên ngộ, và Triệt ngộ. Sơ ngộ là đạt được “Tánh không”hoặc “Chân không”(True-emptiness). Nguyên ngộ là đạt được “Như thị” (Like-this). Triệt ngộ là thấu đạt đến trạng thái “Chỉ như thị” (Just-like-this) hoặc Tức như như thị (Just-like-this truth).

Ví dụ đây là một quả táo. Nếu bạn nói đó là một quả táo, bạn sẽ bị dính mắc với danh xưng và sắc tướng. Nhưng nếu bạn nói nó không phải là một quả táo, bạn cũng sẽ bị dính mắc vào Không. Vì vậy, đây có phải là một quả táo hay không? Nếu bạn giậm xuống sàn nhà, hoặc hét “Katz!” Đây là một câu trả lời của Sơ ngộ. Nếu bạn nói “Trời xanh, cây xanh”, hoặc “Táo đỏ, tường trắng”, tức là bạn đưa ra đáp án “Như thị” là Nguyên ngộ. Nhưng nếu bạn cầm quả táo và ăn nó, thì câu trả lời của bạn là “Chỉ như

thị” hoặc “Tức như như thị” là Triệt ngộ. Vì vậy, Sơ ngộ, Nguyên ngộ và Triệt ngộ đều có những đáp án khác nhau. Một số Thiền sư không tạo ra phân tách những khác biệt này. Một số chỉ hiểu tiếng hét “Katz!” Hay im lặng. Một số phân biệt giữa tiếng hét “Katz!” và “Như thị”, nhưng không hiểu “Chính như thị”. Câu trả lời “Chính như thị” này là đáp án hoàn chỉnh. Nó không phải là một loại siêu hình khô khan, giống như là cuộc sống hằng ngày. Một Thiền sư có mắt tinh nhuệ phân biệt giữa ba loại Ngộ. Nhưng ông đã sử dụng tất cả ba loại này với sự tự do tự tại.

Điều quan trọng là không nên tham đắm hoặc mong cầu sự tỏ ngộ. “Tỏ ngộ” chỉ là một từ. Nhiều người thực hành thiền với mong muốn mạnh mẽ này: “Tôi muốn được tỏ ngộ!” “Tôi muốn Ngộ!” Vâng, điều này không tốt cũng không xấu. Nhưng Đức Phật dạy: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đều được Giác ngộ”. Và một vị Tổ đức nói: “Không suy nghĩ, chỉ như thế là Phật”. Nếu không suy nghĩ là tâm rõ ràng sáng suốt. Vì vậy, nếu bạn giữ tâm sáng suốt, thì bất cứ hành động nào đều là “Chỉ như vậy”. Thậm chí nói rằng bạn được tỏ ngộ, hoặc bạn có thể đạt được tỏ ngộ cao và nhiều hơn nữa, tức là đang suy nghĩ. Suy nghĩ là vọng muốn. Vọng muốn là đau khổ. Vì vậy, Thiền Sư Nam Tuyền cho biết: “Tâm bình thường là Đạo”. Tâm bình thường là Đại Ngộ. Nếu bạn tìm kiếm bất cứ điều gì hơn, nó giống như là vẽ rắn thêm chân vậy.

Những pháp Tham Thiền

Chỉ Quán đả tọa (Shikantaza) Thiền tào Động Mặc chiếu (Ngồi yên lặng quán chiếu) (Nhận thức im lặng)

Đả thành nhứt phiến (Đánh – Tất cả trở thành Một)

Tinh tinh. Tịch tịch Thiền Lâm Tế Khán thoại (Sáng sáng, lặng lặng) (Nhận thức Công-án)

Tri bất tri thị tức Kiến tánh Thiền Tào Khê Thị thậm ma? (Nhận thức Không-biết tức là Kiến Tánh) (Cái này là gì?)

“Đản tri bất tri” thị tức kiến tánh (‘Chỉ biết Không biết’ tức là kiến tánh)

Truyền thống Thiền tông của chúng tôi đến từ Bồ Đề Đạt Ma. Y bát của Ngài đã được truyền thừa xuống đến Lục tổ Huệ Năng. Sau Đức Lục tổ, truyền thống Thiền tông chia thành năm trường phái: Lâm Tế, Tào Động, Vân Môn, Pháp Nhãn và Quy Ngưỡng. Tất cả trong các trường phái này có phong cách và kỹ thuật khác nhau, nhưng cốt tủy như nhau. Hầu hết các trường phái đã không được duy trì liên tục trong thời gian lâu dài, vì vậy có trường phái đoạn dứt. Nhưng hai trường phái: Lâm Tế và Tào Động vẫn tiếp tục cho đến ngày nay, do đó mạng mạch truyền thừa rất dài.

Trước khi Thiền tông chia thành năm trường phái, Đức Lục tổ giảng dạy nhiều năm trên núi Tào Khê. Nhiều tu sĩ Hàn Quốc đi du phương tìm đến bái yết các Đại thiền sư ở Trung Quốc, và một số thực hành theo truyền thống của Lục tổ Huệ Năng. Dòng Thiền Lục tổ đã được vun trồng tại Hàn Quốc bởi các nhà sư người Hàn nhận được truyền thừa chính thức từ những vị được nối Pháp trực tiếp. Đó là cách chúng tôi xác lập trường phái Tào Khê tại Hàn Quốc. Dòng Thiền Hàn Quốc là một sự truyền thừa trực

tiếp từ Đức Lục tổ, có trước lịch sử của năm phái thiền.

Mỗi trường phái có một mô hình kỹ thuật và phong cách giảng dạy khác nhau. Trong trường phái Tào Động, hình thức giảng dạy chính là "Chỉ quán đả tọa". Đây là phương tiện "Ngồi lắng dừng".‖Khi bạn ngồi, không chỉ cơ thể ngồi mà tâm cũng phải ngồi yên. Tâm của bạn không được di chuyển ở bất cứ nơi đâu. Cắt đứt hoàn toàn mọi suy nghĩ, và chỉ trở thành Một.Tên cho đó là "ta sot il pyon": đánh – tất cả mọi thứ trở thành Một. Nếu bạn cắt đứt mọi suy nghĩ, sau đó tâm bạn không di chuyển. Tâm bạn sáng suốt như hư không, rõ ràng như một tấm gương. Bên trong và bên ngoài hoàn toàn trở thành một. Khi ngọn núi xuất hiện trước mặt bạn, núi và bạn trở thành một: –A! Núi xanh. Khi bạn nhìn thấy cây cối, cây và bạn trở thành một, chỉ có cây xanh. Khi bạn nhìn thấy bức tường này, bức tường và bạn trở thành một, chỉ có tường trắng. Bên trong và bên ngoài –PUM! –trở thành Một. Đây là quan điểm của sự tu tập "Chỉ quán đả tọa", kỹ thuật của trung tâm Thiền Tào Động.

Khởi đầu, trường phái Tào Động đã không dùng Công án, mặc dù hiện nay một số Thiền sư Tào Động đang sử dụng chúng. Thiền phái Tào Động thực tế hoàn toàn buông xuống tất cả vọng niệm và chỉ ngồi yên. Nếu bạn cắt đứt mọi suy nghĩ trong một phút, thì bạn tỉnh thức trong một phút. Nếu bạn không suy nghĩ trong một giờ, thì bạn tỉnh thức trong một giờ. Một giờ không suy nghĩ là một giờ sáng suốt như hư không. Trong một giờ tâm bạn rõ ràng như một tấm gương: Cây xanh. Tường trắng. Chó sủa –Gâu! Gâu! Tất cả mọi thứ bùng nổ! –Trở thành Một. Khi ai đói, cung cấp cho họ thực phẩm. Khi ai khát, cung cấp cho họ nước uống. Nếu bạn hoàn toàn thức tỉnh, bạn là Phật. Đó là tất cả.

Trường phái Lâm Tế dạy: "Sáng suốt, sáng suốt! Tĩnh lặng, tĩnh lặng!" Trong nhiều phương cách, nhưng lối giảng dạy này tương tự như trường phái Thiền Tào Động. Chỉ có những lời dạy và một vài kỹ thuật khác nhau. Trong đường lối tu tập của Thiền phái Lâm Tế cũng vậy, nếu bạn cắt đứt mọi suy nghĩ, sau đó tâm bạn bất động. Đó là sự tĩnh lặng. Tâm tĩnh lặng của bạn rõ ràng như một tấm gương, tất cả mọi thứ được phản ánh: Núi xanh, mây trắng. Nước chảy, hoa rơi. Chó sủa Gâu! Gâu! Tâm bạn chỉ phản ánh thế giới này vì nó đang là. Đó là tất cả. Sự giảng dạy khác nhau giữa Thiền phái Tào Động và Lâm Tế chủ yếu là một số kỹ thuật, nhưng ngay từ đầu tất cả xương tủy đều như nhau: Tâm bạn trở nên định tĩnh và rõ ràng, phản ánh sự thật của thế giới này như một tấm gương trống rỗng.

Công cụ giảng dạy quan trọng trong truyền thống Lâm Tế sử dụng là thực hành Công án. Chúng tôi đã nói sơ về điều này trước đây. Thực hành Công án là những gì được biết như "Nhìn vào bên trong lời nói", hoặc sử dụng những từ để cắt đứt tất cả mọi tư duy. Sử dụng Công án là bạn phải nhận thức hoặc hiểu được ý nghĩa chân thực của Công án, những gì nó đang chỉ vào. Một Công án giống như sử dụng một cái gì đó chỉ vào mặt trăng. Chẳng hạn như ngón tay, hoặc cây gậy, hoặc sự quan sát: "Đằng kia là mặt trăng! Nó ở đó". Bạn

không khảo sát ngón tay hướng dẫn mắt của bạn để hướng đến mặt trăng. Bạn không cần nhìn chằm chằm vào cây gậy. Bạn không cần phân tích sự quan sát. Điểm chủ yếu những thứ này là bạn có nhìn thấy mặt trăng hay không? Cũng giống như công cụ thực sự giảng dạy về Thiền: Công án tự nó không quan trọng, đúng hơn là nó chỉ ra điều gì. Nhưng nhiều người trở nên dính mắc với Công án và bỏ lỡ mặt trăng. Đây là Thiền bệnh không tốt. Sau đây là một ví dụ:

Tất cả mọi người quen thuộc với Công án "VÔ". Đức Phật dạy rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, có thể đạt đến Giác ngộ. Nhưng một vị Tăng đã từng hỏi Thiền sư Triệu Châu: Con chó có Phật tánh không? Triệu Châu trả lời "VÔ!" Đây là một Công án rất nổi tiếng. Từ "Vô" của Trung Quốc có nghĩa là Không. Nhưng Vô chỉ có nghĩa là Vô, phải không? Không dính mắc lời nói của Thiền sư triệu Châu. Không dính mắc vào ngón tay. Không dính mắc với mặt trăng. Lời nói của Thiền sư Triệu Châu là một sai lầm lớn. Nhưng Ngài đã sử dụng sự sai lầm này để lấy đi sự suy nghĩ của học trò mình. Ngày nay nhiều người ngồi trong thiền đường, chỉ giữ "VÔ" rất mạnh mẽ. Họ đi khắp mọi nơi, họ làm tất cả các thứ, chỉ "VÔ". Ta là gì ? ‖– "VÔ". Cái này là gì ? – "VÔ". Đó là phương pháp thực hành không rõ ràng. Nó bỏ qua điểm Thiền trọn vẹn. Nó bị dính mắc đến "VÔ". Đáp án của Triệu Châu không gì đặc biệt. Ngài chỉ sử dụng VÔ này để phá vỡ tất cả những ý tưởng học trò của mình về Phật tánh hay không Phật tánh. Ngài đã sử dụng "VÔ" chỉ vào mặt trăng, nhưng nhiều người khư khư chấp giữ ngón tay và bỏ lỡ mặt trăng. Thật là quá tệ!

Vì vậy, VÔ nghĩa là VÔ. Điểm thực sự của VÔ là đã sáng rõ như hư không, như một tấm gương. Nhận thức Công án một cách đơn giản, bạn và Công án hoàn toàn trở thành Một. "Tại sao Thiền sư Triệu Châu nói VÔ, hoặc KHÔNG? Không biết" ... Sử dụng Công án trong cách này hoàn toàn cắt đứt hết thảy mọi suy nghĩ, và bạn quay về với tâm trước khi suy nghĩ phát sinh. Không–biết là bạn, bạn là Không–biết. Tuy nhiên, Không–biết cũng là lời nói, giống như từ VÔ này hay bất kỳ lời giảng dạy khác. Không dính mắc với Không–biết. Nếu bạn không dính mắc với những từ này và cố gắng tạo ra một số ý nghĩa đặc biệt, sau đó bạn có thể sử dụng những từ này để tìm hướng đi đúng đắn của bạn và nhận ra thể tánh uyên nguyên của bạn. Đây là ý nghĩa của tham Công án, tức là nghe vào lời nói để cắt đứt mọi suy nghĩ và trở về tâm sáng suốt như hư không, rõ ràng như một tấm gương trong vắt. Sau đó, bạn có thể phản ánh vũ trụ này chỉ vì nó đang là. Trời xanh, cây xanh, muối mặn, đường ngọt. Đây là sự giáo hóa của trường phái Lâm Tế, và nó cũng là lối khai thị của trường phái Tào Động. Chỉ có những kỹ thuật khác nhau.

Việc giảng dạy của trường Thiền Tào Khê là: "Ta là gì?Không biết". Tâm không suy nghĩ này là Chân ngã của bạn. Nó đã được tỏ ngộ Thật tánh của bạn. Người ta đặt cho sự

trải nghiệm này có rất nhiều tên, nhưng ban đầu nó không tên. Đôi khi chúng tôi gọi nó là "Không biết". ‖

Cũng như nhà hiền triết Socrates thường đi bộ xung quanh các khu phố nhộn nhịp của thành Athenscổ đại, ông luôn luôn nói với mọi người: "Bạn phải hiểu chính bạn! Bạn

phải hiểu chính bạn!... Rồi một hôm, có một học trò của ông hỏi lại ông: –Thưa thầy. Thầy luôn luôn nói: "Bạn phải hiểu chính bạn". Thế thì con xin hỏi thầy. Thầy có hiểu chính mình không? Socrates đáp:‖ – Không. Tôi không biết. Nhưng tôi hiểu cái không-biết này. Không-biết‖là con người thật của bạn, bởi vì đó là tâm trước khi suy nghĩ phát sinh. Không biết là Chân ngã của bạn.

Nhiều người vẫn không hiểu điểm này, vì vậy chúng tôi có thể giải thích như sau: Khi bạn đang suy nghĩ, tâm bạn và tâm tôi khác nhau. Khi quét sạch mọi vọng tưởng suy nghĩ, sau đó tâm bạn và tâm tôi đều giống nhau. Nếu bạn chỉ đi thẳng – không biết, sau đó tâm không-biết của bạn, tâm không-biết của tôi, và tâm không-biết của những người khác đều giống nhau. Khi trải nghiệm Tâm không-biết đã cắt đứt mọi suy nghĩ, cho nên không còn suy nghĩ, không suy nghĩ là tâm rỗng không, tâm rỗng không là trước khi suy nghĩ. Đây là Chân ngã của bạn, là bản thể của bạn. Tâm trước khi suy nghĩ là bản thể. Tâm trước khi suy nghĩ của tôi là bản thể của tôi. Như vậy bản thể của bạn, bản thể của tôi, bản thể của cây gậy Thiền này, bản thể vũ trụ, bản thể các pháp tất cả đều giống nhau. Khi bạn giữ tâm không-biết một trăm phần trăm, chỉ đi thẳng, không-biết ... bạn và vũ trụ đã trở thành một. Bạn là vũ trụ, vũ trụ là bạn. Vì mục đích giảng dạy, đôi khi chúng tôi gọi đây là Nguyên điểm.

Cho nên, không biết là không "không-biết". Không biết là Nguyên điểm của bạn. Tên Nguyên điểm là Không-biết. Nhưng đôi khi người ta gọi Nguyên điểm này là Tâm hay Phật, hoặc bản thể, Tuyệt đối, Thánh thiện, năng lượng, ý thức v. v... Có rất nhiều, rất nhiều tên mà mọi người sử dụng cho việc này. Nhưng ban sơ, Nguyên điểm thật sự không có tên và hình thức. Không có lời nói và chữ nghĩa, vì thời điểm này là trước khi suy nghĩ. Chỉ khi nào bạn giữ Tâm không-biết một trăm phần trăm, lúc đó bạn và tất cả các pháp trong vũ trụ này trở thành Một.

[Đưa gậy thiền lên] Thế thì, tôi hỏi bạn: Khi bạn giữ tâm không-biết một trăm phần trăm–Không Biết tại thời điểm đó, cây gậy này và bạn giống nhau hay khác nhau? Nhưng phải rất cẩn thận. Nếu bạn nói rằng chúng "giống nhau", sau đó cây gậy này sẽ đánh bạn

ba mươi lần. Nếu bạn nói "khác nhau", cây gậy này cũng sẽ đánh bạn ba mươi lần. Nếu bạn nói Không-biết, gậy này cũng sẽ đánh bạn. Bởi vì bản thể Nguyên điểm chính là trước khi suy nghĩ, vào lúc đó, không có lời nói hay chữ nghĩa. Bạn mở miệng đã là một sai lầm! Vậy thì làm thế nào bạn có thể trả lời? Ha ha ha! Nó rất dễ dàng.

Vì vậy, Thiền Tào Khê dạy bằng cách quét sạch tất cả mọi suy nghĩ và trở về Tâm không-biết, tức là bạn đã khám phá ra Chân ngã của bạn. Đại Thiền sư Cổ Phong, người Hàn Quốc từng khai thị: "Nếu bạn đạt đến Không-biết, đó là Ông chủ ban đầu của bạn." Điều này tương tự như lời khuyên dạy nổi tiếng của Socrates khi học trò hỏi ông: –Thưa thầy, Thầy có hiểu được chính thầy chưa? ‖Ông đáp: –Không, tôi không biết, nhưng tôi hiểu cái Không biết này. Thiền Tào Khê cũng dạy như thế.

Ba yếu tố cần thiết trong Thiền

. Đại Tín

. Đại Dũng

. Đại Nghi

Nếu bạn muốn thấy tánh, bạn phải có Đại Tín, Đại Dũng và Đại Nghi. Nó giống như một chiếc ghế ba chân. Nếu có ba chân đầy đủ thì nó sẽ đứng vững, nhưng nếu một chân lõng yếu hoặc gãy mất, thì bất cứ ai sử dụng chiếc ghế này sẽ bị té rơi xuống. Vì vậy, ba yếu tố cần thiết trong Thiền là Lòng Tin lớn (Đại tín), Cương quyết lớn (Đại dũng) và Nghi tình lớn (Đại nghi). Với ba yếu tố này hỗ trợ sự tu tập của bạn, bạn có thể đạt được Chân ngã của bạn. Bạn có thể đạt được bản thể vũ trụ, đạt được Chánh đạo và Chân lý, làm cho cuộc sống của bạn chính xác tốt đẹp hơn. Sau đó, bạn có thể giúp đỡ tất cả chúng sanh thoát khỏi khổ đau. Đó là công việc của chúng ta.

Tâm Đại tín nghĩa là chỉ tin giữ một điểm cố gắng, nỗ lực, không có vấn đề, điều kiện nào. Chúng ta hầu hết đã nhìn thấy những gì xảy ra khi giọt nước liên tục rơi xuống một tảng đá suốt thời gian dài. Trong tự thể của chúng, những giọt nước không mạnh, trong khi đá rất cứng, và không di chuyển. Nhưng nếu những giọt nước tiếp tục nhỏ xuống trong thời gian lâu dài, cuối cùng nước có thể tạo ra một lỗ trũng trong đá. Điều này giống như có Đại tín: Tất cả năng lượng của bạn chỉ giữ một điểm, không vấn đề gì. “Tôi phải đạt được Chân ngã của tôi”. Mỗi ngày cố gắng, cố gắng, cố gắng cho mười ngàn năm không thôi nghỉ. Sau đó, bạn có thể nhận ra và nói “A! Đó là Chân ngã của tôi!” ‖

Có một cách khác để mô tả Tâm Đại tín: Một con gà nằm ấp trứng, giữ cho trứng ấm áp như vậy chúng sẽ nở. Điều này có thể mất ba tuần, nhưng trong khoảng thời gian này, gà mái không bao giờ có tâm lười biếng dù là nhịn đói, nhịn khát. Nó ấp những quả trứng xung quanh theo thời gian và tin chắc chắn rằng tất cả trứng đều ấm. Nó có thể thay đổi vị trí hiện tại và sau đó, nhưng nó không bao giờ để cho những quả trứng bị lạnh. Nó biết rằng nếu nó đi lâu, và những quả trứng sẽ không còn ấm dù chỉ một lần, sau đó gà con sẽ không thể nở trọn vẹn. Nếu một số suy nghĩ xuất hiện, hoặc nếu gà mái theo tâm mong muốn của mình đi xa để tìm thức ăn hay bạn tình, hoặc tìm một số tình huống tốt, các

trứng sẽ tăng thêm hơi lạnh và các chú gà con sẽ chết. Vì vậy, gà mái chỉ nằm ấp trứng nơi đó, không bao giờ di chuyển và không ngừng nghỉ. Gà mái chỉ có một chí hướng, không có “ý tưởng của tôi”, “điều kiện của tôi” hoặc “tình huống của tôi”. Sau một thời gian, gà con xuất hiện, và quay quần chung quanh mẹ, “Chip! Chip! chip!” Gà mái này có thể tin tưởng vào bản thân mình. “Tôi đã sanh ra những con gà con. Tôi quan tâm chăm sóc, ấp chúng trong hai mươi mốt ngày. Thật là tuyệt vời!” Tâm chỉ đi thẳng như thế, được gọi là Đại tín.

Tâm Đại Dũng như một con mèo đang cố gắng bắt chuột. Chuột bỏ chạy vào lỗ hổng dưới chân tường để ẩn nấp. Con mèo bên ngoài vẫn rình cái lỗ chuột, vai trước gập xuống và chân nạp như lò xo, hoàn toàn xác định vị trí để bắt được chuột. Tất cả năng lượng của nó dồn vào lỗ hang. Toàn bộ tâm nó hoàn toàn tập trung một điểm này. Mặc dù ai đó có thể đi qua và đá nó ra khỏi chân tường, hoặc cố giỡn chơi với nó, con mèo

không phân tâm một chút nào cả. Tâm nó không di chuyển từ lỗ này. Đôi mắt của nó không bao giờ rời khỏi nơi đó trong khoảnh khắc. Nó nắm giữ yên vị trí, những điều kiện bên ngoài không có vấn đề gì .

Hàng giờ trôi qua. Cuối cùng con chuột trong lỗ tưởng như thế là ổn rồi, cho là con mèo ngu ngốc có lẽ đã biến mất. Chuột từ từ nhô mũi của mình ra miệng lỗ chỉ là để thăm dò. Sau đó, nó ló đầu ra khỏi lỗ để nhìn xung quanh –Chết rồi! Như thế trong chớp nhoáng, mèo đã vồ bắt được con chuột!

Đó là tâm của con mèo. Một con mèo có can đảm hoàn toàn trong mọi tình huống. Nó luôn luôn tập trung cao độ mà không do dự. Tất cả năng lượng của nó chỉ gom vào một thời điểm, không có vấn đề như thế nào để thay đổi tình huống bên ngoài của nó. Tất cả mọi người hiểu được về tính tập trung cao độ này. Đôi khi bạn nhìn thấy một nhóm trẻ em đang chơi với một con mèo, tung nó lên trên không. Cơ thể của nó có thể xoay vòng và lộn ngược. Nhưng khi nó rơi xuống trên mặt đất một cách an toàn với tất cả bốn bàn chân chạm đất của nó – PUM! – Chính xác. Con người không thể làm được điều này! Nếu một người rơi từ trên độ cao, họ quay cuồng và không kiểm soát. –Ô! A! Ôi! Khi họ rơi xuống đất, nhiều thứ bị thương tổn và có thể tử vong. Nhưng điều đó không xảy ra với một con mèo, bởi vì con mèo có sức mạnh của tâm Đại Dũng trong mọi lúc. Nó tập trung rất cao độ, dù rơi từ trên cao, cơ thể của nó có thể quay lộn nhào, nhưng hầu như luôn luôn khi nó tiếp xúc với mặt đất rất nhẹ nhàng chính xác. Tâm nó không bị mất tập trung, không có vấn đề trong những tình huống khó khăn nào. Nó nghĩ: “Ô! Bạn đã ném tôi trên không. Chả sao cả! Tôi đã hạ cánh an toàn! Ha ha ha! Đó là Tâm Đại Dũng của một con mèo. Nếu bạn có loại tâm như mèo này, thì bất kỳ điều kiện và tình huống nào, tâm bạn không lay động. Nỗ lực tu tập của bạn không chao đảo hoặc biến động theo những thay

đổi từ hoàn cảnh bên ngoài. Nếu cơ thể bạn buông rơi, nó không thành vấn đề. Và một ngày nào đó, khi thân này biến diệt, nó cũng không có vấn đề. Đây là một điểm rất quan trọng.

Tôi có một câu chuyện khác về việc ứng dụng quyết tâm lớn này, tập trung tất cả năng lượng chỉ vào một điểm. Khi tôi còn là nhà sư trẻ, sinh hoạt ở chùa Ma Cốc (Ma Gok Sah) tại Hàn Quốc. Công việc của tôi là phụ trách ký túc xá: Tôi chịu trách nhiệm trông coi việc cung cấp thực phẩm cho nhà bếp và các vấn đề sống chung của chùa. Đó là một công việc rất lớn, vì vậy tôi luôn luôn bận rộn! Sau đó một thời gian, chùa có một buổi lễ rất lớn. Nhiều tu sĩ và cư sĩ từ nơi xa đã câu hội về để tham dự cho buổi lễ này. Vì vậy, có nhiều người làm việc rất bận rộn và chăm chỉ để chuẩn bị các loại thức ăn khác nhau. Chúng tôi đã dành nhiều ngày làm đậu hũ, một công việc khó nhọc như vậy. Bây giờ, bất cứ ai sử dụng đậu hũ đều biết rằng muốn lưu trữ lâu ngày và giữ cho nó khỏi hư, bạn phải ngâm chìm nó trong nước để nó được lâu dài. Tại chùa chúng tôi có một bồn chứa nước tắm rất lớn, và chúng tôi xếp từng ngăn những miếng đậu hũ ở dưới nước trong bồn. Sau đó, chúng tôi có thể lấy nó ra và nấu thức ăn.

Cách đó ba ngày trước khi cử hành đại lễ, trợ lý của tôi khám phá ra hai miếng đậu hũ bị lấy mất. Và hôm sau, hai miếng khác cũng bị mất. Chuyện gì đã xảy ra? Thật là kỳ lạ, bởi vì nhà kho được làm bằng gỗ chắc chắn, và nó luôn luôn khóa chặt. Đôi khi người ta có thể vào chùa trộm vặt, vì vậy chúng tôi giữ tất cả các thực phẩm trong nhà kho này, không ai có thể vào được bên trong để lấy cắp bất cứ thứ gì. Nhưng những người giúp việc nhà bếp tỏ ra phân vân, bởi vì một số đậu hũ đã bị mất, một cách kỳ lạ. Nếu một ai đó đói bụng đã ăn cắp, thì họ sẽ lấy số nhiều. Tại sao mỗi lần chỉ mất vài miếng? Tất cả mọi người lấy làm lo lắng: –Chả lẽ có một con quỷ thèm ăn đậu hũ của chúng tôi! Có rất nhiều suy nghĩ, suy nghĩ, suy nghĩ. Sau đó, tôi đã lên một kế hoạch.

Ngày hôm sau, tôi ở lại nhà kho và ngồi canh chừng suốt đêm. Tôi ngồi phía sau một cây cột, nơi tôi có thể quan sát trong bồn nước lớn ngâm đậu hũ. Vài giờ trôi qua, không có chuyện gì xảy ra. Tôi cảm thấy rất mệt mỏi và muốn ngủ, nhưng không rời tầm mắt khỏi bồn tắm. Sau đó, vào khoảng nửa đêm, có vật gì từ từ bước ra khỏi góc nhà kho và chuyển sang bồn tắm, nó giống như một cái bóng. Bạn biết không? Nó di chuyển rất chậm, không như một động vật bình thường. Nhưng ngay sau đó, nó hiện ra rõ ràng rằng đây là một con mèo. Vì có một cái lỗ dưới bức tường nơi con mèo đến và đi để bắt chuột.

Con mèo leo lên cạnh mép bồn nước. Nó ngồi đó trong vài phút, chỉ nhìn chằm chằm vào trong nước. Vai trước của nó đã gập người, đầu cúi thấp. Một thời gian khá lâu

trôi qua, nhưng đầu của con mèo không bao giờ di chuyển từ vị trí của nó, mắt nhìn thẳng vào trong nước có những miếng đậu hủ với cường độ thật cao. Ngay tức khắc–Bụp! Bụp! Bụp!–Một miếng đậu hũ nổi lên phía trên mặt nước! Sau đó con mèo vẹt ra khỏi nước, ngoạm vào trong miệng và chạy ra khỏi nhà kho để ăn. Điều này rất lạ, bởi vì thông thường đậu hũ không nổi và luôn luôn chìm trong nước khá sâu và con mèo không có bơi xuống bể nước. Nhưng con mèo này có thể tập trung tâm lực của mình tạo thành năng lượng mạnh mẽ thông qua đôi mắt như thôi miên của nó để làm cho miếng đậu hủ nổi lên! Sau một hai giờ, con mèo đã quay lại. Nó cũng leo lên bồn tắm và nhìn chằm chằm vào trong nước trong thời gian dài. Tập trung tất cả năng lượng, hoàn toàn dính chặt vào đậu hũ ở phía dưới bể nước. Rồi một lần nữa, –Bụp! Bụp! Bụp!–Một miếng đậu hũ nổi lên, và con mèo vẹt nó ra và ngoạm lấy nó. Thật là thú vị! Ý thức của một con mèo tập trung chỉ vào một điểm. Sau đó nó có thể làm bất cứ điều gì. Đó là Tâm Đại Dũng của một con mèo.

Vì vậy, con mèo đói này chỉ dạy rất tuyệt vời cho những người tu tập: nếu bạn gieo trồng loại tâm đó, bạn có thể làm bất cứ điều gì. Thực hành của chúng ta phải như thế: tất cả năng lượng của chúng ta là tập trung vào một điểm quan trọng: “Ta là gì? Không Biết...” Chỉ Một điểm, không phụ thuộc vào điều kiện bên ngoài đến và đi, tức thì tâm bạn không lay động. Có nghĩa là ở trong bất kỳ điều kiện hoặc tình huống nào, điều đó không quan trọng. Nếu bạn thực hành theo cách này, một ngày nào đó tâm bất động sẽ bùng vỡ. Bạn sẽ thấy tánh, tỏ ngộ. Đó là Đại Dũng.

Tâm Đại Nghi là làm cho tâm này tiếp diễn liên tục trong thời gian lâu dài. Một số người có thể trải nghiệm Tâm không-biết một vài khoảnh khắc. Những người khác có thể tiếp tục giữ Tâm không-biết một vài phút. Nhưng giữ Tâm không-biết suốt một ngày thường không thể được. Phải không?

Vào buổi sáng, một người mẹ nói với đứa con của mình: "Mẹ đi mua đồ, sẽ quay về trong một giờ. Nếu con khát nước, cứ uống. Con đói, cứ ăn." Rồi bà bỏ đi. Một giờ trôi qua, chưa thấy bà về. Hai giờ trôi qua, ngay sau đó là giờ ăn trưa, đứa bé cảm thấy đói bụng và kiếm chút gì để ăn. Nhưng bà mẹ vẫn chưa về! Đứa bé nghĩ rằng có lẽ mẹ đã bỏ đi, không bao giờ trở lại! Đứa bé chờ đợi đếnkhi trời gần tối, mọi suy nghĩ lo âu đến và đi của đứa bé chỉ tập trung với một câu hỏi trong tâm: – Mẹ ở đâu? Tôi muốn mẹ tôi! Tại sao mẹ không trở về ? Dù đói khát hay mệt mỏi, đứa bé chỉ có một câu hỏi tràn đầy toàn bộ ý thức của mình: – Mẹ tôi đâu? Chừng nào mẹ về nhà? Bé khóc và khóc. – Mẹ, Mẹ ở đâu? Mẹ ở đâu? Mở Ti vi ra, nhưng bé không màng xem coi, chỉ có một mong muốn gặp mẹ với quyết tâm mãnh liệt. Tất cả năng lượng tập trung vào một câu hỏi, một điểm để loại trừ tất cả các thứ khác, và tiếp tục ở điểm này rất mạnh mẽ.

Một ví dụ khác của việc Đại nghi tình là một người đã nhịn đói suốt ba ngày. Họ rất đói. Họ không thể quan tâm đến đất trời, cây cối, cảnh vật chung quanh, hoặc bất cứ điều gì. Chỉ có một câu hỏi trong tâm của họ: "Đói quá! Làm sao có thực phẩm để ăn?" Hoặc người đàn ông băng qua sa mạc nhiều ngày, giữa cơn nắng cháy nóng bỏng. Anh ta đổ mồ hôi rất nhiều. Đầu anh ta choáng váng như gợn sóng, tim đập thình thịch. Và anh chỉ muốn có nước. Nước ở đâu? Tôi phải sớm tìm ra nước, hoặc tôi sẽ chết. Nhưng sa mạc này rộng lớn bao la, và không có nhà cửa xóm làng nào gần đó. Anh ta sắp chết. Vì vậy, câu hỏi trong tâm trí của anh ta là "Nước ở đâu?" Anh ta không nghĩ về nhà cửa, xe cộ, tiền bạc, danh vọng, ngủ nghỉ, hoặc quan hệ tình dục. Chỉ có một câu hỏi phủ đầy toàn bộ tâm thức của anh: "Nước ở đâu?" Đi tìm nước.

Cũng vậy, tham Công án với câu hỏi: "Ta là gì?" Được gọi là giữ nghi tình lớn. Chúng ta phải thực hành với tâm của một đứa bé rất muốn gặp mẹ mình, hoặc thậm chí chỉ nghĩ đến và cần một ly nước để giữ cho khỏi chết. Tất cả năng lượng của chúng ta hoàn toàn tập trung vào một điểm và không lay động. Con muốn gặp mẹ mình. –Mẹ tôi đâu? Người đói muốn ăn. –Thực phẩm đâu? Và người khát nước. – Tôi có thể tìm thấy nước nơi nào? Nếu bạn thực sự muốn đạt được Chân tánh, bạn chỉ cần giữ một cách đơn giản câu hỏi: "Ta là gì?" Tiếp tục luyện tập với tâm này thì sự tỏ ngộ không xa. Nhưng trong Thiền tông, không giống những trường hợp này, Đại Nghi của chúng tôi không cần bất cứ thứ gì. "Ta là gì?" Chỉ Không Biết.

Trong đời sống của bạn, cái gì là quan trọng nhất? Đặc biệt khi bạn còn trẻ, nhiều thứ có vẻ đều quan trọng: nào tiền bạc, danh vọng, tình yêu trai gái, hay bất kỳ loại mong muốn nào. Bạn ham muốn đủ thứ và tâm bạn cứ theo đuổi truy tìm những thứ này không bao giờ dừng lại. Nó không hoàn toàn hài lòng khi trải qua một thời gian ngắn. –Tôi muốn thứ này. –Tôi cần điều đó. –Tôi thích cô ấy. –Bây giờ tôi không thích cô ta nữa. –Tôi yêu anh ấy.–Tôi muốn tiền. Nhưng không bao lâu, bạn sẽ nhàm chán những thứ quen thuộc mà bạn cho là quá cũ xưa, nó diễn ra rất nhanh. Sau đó, khi bạn đến

tuổi sáu mươi hay bảy mươi, bạn muốn những gì? Cuộc sống của bạn sau đó là gì? Nếu bạn hỏi mọi người câu hỏi này, họ sẽ trả lời: –Chả muốn thứ gì ! Đó là câu trả lời có thật chính xác không? Bạn nói: – Chả muốn thứ gì ! Nhưng vẫn còn là một cái gì mà bạn mong muốn nhưng chưa nói ra. Điều mong muốn này là gì cho nên khiến bạn nói: – Chả muốn thứ gì ! Nó đến từ đâu? Nó sẽ đi đâu? Trước khi chết, chúng ta phải nhận ra rằng –một điểm chung là cái gì đó, tức câu hỏi "Ta là gì ?" và chỉ Không-biết. Chúng tôi gọi là Đại Nghi tình.

Như chúng tôi đã nói ngay từ đầu, để đạt được Chân ngã, hoặc Kiến tánh, bạn phải có Đại Tín, Đại Dũng và Đại Nghi. Nếu một trong ba yếu tố này mất đi, bạn sẽ tu tập yếu kém. Nếu một trong ba quá mạnh mẽ so với những yếu tố khác, đó không phải là sự cân bằng, và thực hành của bạn cũng sẽ trở ngại. Nếu bạn chỉ có Đại Dũng, nhưng Niềm tin của bạn yếu và Nghi tình của bạn không rõ ràng, tức nhiên bạn sẽ bị mất một số năng lượng. Cách quan trọng nhất để mang lại những yếu tố này cân đối với nhau là chỉ nên thư giãn và hài hòa với tình huống của bạn. Đó là "KHÔNG BIẾT".

Khi tâm bạn không bị đánh mất và không căng thẳng thì Đại Tín, Đại Dũng, và Đại Nghi có thể xuất hiện nhịp nhàng với nhau, chức năng cũng rõ ràng trong từng khoảnh khắc. Chỉ cần giữ ba yếu tố này từng sát na thật thư giãn: Khi bạn lái xe, nếu vai và đầu của bạn căng thẳng, bạn linh cảm chuyện gì, sau đó bạn sẽ nhanh chóng có vấn đề. Bạn không thể đáp trả khi tình huống đột nhiên thay đổi. Nhưng thư giãn không phải là để ngủ, mà khi đèn đỏ xuất hiện, bạn bình thản dừng lại. Khi đèn xanh xuất hiện, bạn thong dong lái xe đi. Đó là tất cả.

Trong các trường thiền, hầu hết sự giảng dạy chủ yếu về cách nuôi dưỡng năng lượng. Họ nhấn mạnh tầm quan trọng về lòng dũng cảm tuyệt vời này. Các thầy thường kiểm tra học trò của mình qua các cuộc tham vấn xem thử có bao nhiêu năng lượng mà họ đã tập trung tại một điểm. Mục tiêu phần lớn của các việc luyện tập họ thường đưa ra yêu cầu đạt đến một nội lực mạnh mẽ , phát xuất từ trung tâm hara của bạn. Chẳng hạn, "VÔ là gì?" ‖ Các môn sinh hét: "VÔ" !‖ Sau đó vị thầy nói, nội lực không đủ lớn mạnh! Phải thêm nhiều hơn! –VÔ! ‖ –Bạn vẫn không tin vào chính bạn! VÔ là gì? ‖ –VÔ! Huuuh! Waah! ‖ Mạnh thêm nữa. –VÔ! ‖ –VÔÔÔÔ! Đây là kiểu luyện tập theo phong cách võ sĩ đạo, không phải Thiền. Vâng, nuôi dưỡng một trung tâm hara mạnh thì rất quan trọng. Nhưng đặt trọng tâm nhiều về việc này để tạo ra trung tâm mạnh mẽ, sẽ dẫn đến những ý tưởng sai lầm về mục đích và chức năng của thiền.

Vì vậy, nếu bạn chỉ làm nổi bật Đại Dũng – Haaah! – Sau đó không có chỗ cho Đại Tín và Đại Nghi. Nếu bạn chỉ có Đại nghi, nó giống như bạn đang đi đến một nơi nào đó rất nhanh, nhưng không có một định hướng rõ ràng. –Bạn đi đâu? San Francisco? Tokyo? Nữu Ước? Bắc Kinh? Hay Paris? Đó là lý do tại sao bạn cần Đại Tín, vì nó cung cấp phương

hướng và tâm cố gắng của chúng ta. Do vậy, bạn có thể thấy lý do tại sao nó phải là ba chân của chiếc ghế có chức năng như nhau để hỗ trợ hoạt động của bạn.

Có rất nhiều loại kỹ thuật, nhưng điều quan trọng nhất là cần phải thực hành: khám phá ra Chân tánh của bạn và giúp đỡ người khác. Nếu bạn tu tập chăm chỉ, Đại Tín của bạn sẽ trở thành cuộc sống của bạn, đó là Đại Nguyện. Nếu bạn tu tập chăm chỉ, Đại Dũng của bạn trở thành Đại Lực. Và một ngày nào, Đại Nghi của bạn bùng vỡ ra, bạn sẽ tỏ ngộ. Chúng tôi gọi đó là Đại Trí. Thật là tuyệt vời!

Do vậy, hôm nay, ngay bây giờ, bạn muốn thứ gì?

Thiền Tinh Tấn

Đi –đứng, ngồi– nằm, nói– nín, động– tịnh. Khắp mọi lúc, mọi nơi. Không bị gián đoạn, điều này là gì?

Một niệm là vô lượng kiếp.

Bất cứ lúc nào, bất cứ nơi nào, bạn phải không quên hướng đi đích thực của bạn. Tại sao bạn ăn mỗi ngày? Khi bạn sinh ra, từ đâu bạn đến? Khi bạn chết rồi, bạn đi về đâu? "Đến tay không, đi tay không. – Đó là kiếp con người". Tất cả chúng ta đi vào cõi đời này không có thứ gì. Và khi ra đi từ chỗ này, chốn nọ, cũng chẳng mang theo vật gì. Chúng ta không thể lấy đi bất cứ điều gì mà chúng ta tạo ra. Vả lại trong khoảng giữa cuộc đời, con người đều ham muốn mọi thứ, theo đuổi mọi thứ, và dính mắc với chúng rất nhiều. Nhưng khi bạn sinh ra, tất cả mọi thứ đã an bài. Nghiệp của bạn trong đời này đã được xác định bởi bạn đã tạo ra trong đời trước. Bạn không thể làm bất cứ điều gì cưỡng lại.

Nhưng có một cách để chuyển hóa nghiệp lực. Nếu bạn có thể kiểm soát tâm bạn từng niệm niệm, sau đó nó có thể thay đổi cuộc sống của bạn, và ngăn chặn những ý tưởng, những hành vi tạo tác từ nghiệp của bạn, chúng tự động làm nên cuộc sống của bạn. Vì vậy, bạn nên tập trung năng lượng của bạn bằng cách giữ cho tâm trí của bạn ngay bây giờ: Khi đi, đứng; lúc ngồi, nằm, nói, nín, động, tịnh, bất cứ nơi nào, bất cứ lúc nào bạn làm sao giữ được tâm mình? Điều kiện (duyên) và tình huống bên ngoài liên tục làm bạn mất tâm và lôi kéo tâm chạy vòng quanh khắp nẻo. Điều đó có thể khám phá ra chân tánh của bạn ở giữa tất cả các vọng tưởng đến và đi này, ở giữa các hoạt động hàng ngày của bạn. Đó là Tâm bất động.

Thế giới ngày nay càng trở nên phức tạp hơn. Luôn luôn có rất nhiều chuyện xảy ra xung quanh bạn tất cả mọi lúc, mọi nơi. Nhiều máy bay và xe cộ liên tục di chuyển đến và đi. Khoa học tân tiến và công nghệ mới xuất hiện nhanh chóng hơn bao giờ hết. Chúng ta có thể tiêu hóa sử dụng chúng. Ngoài ra mỗi ngày chúng ta xem truyền hình hoặc đi coi phim, khiêu vũ, hoặc du lịch tham quan những thành phố nhộn nhịp. Chúng ta gặp rất

nhiều người, bay nơi này sang nơi khác. Có những kế hoạch được thực hiện, dự án được hoàn thành vào đúng thời hạn. Tất cả những điều này không tốt cũng không xấu. Nhưng chúng lấy đi năng lượng của bạn, vì vậy bạn không thể giữ trung tâm của bạn ngay giữa mối quan hệ của bạn với chúng. Sau đó, khi bạn chết, Chân ngã của bạn đi đâu? Đó là điều mà bạn nên quan tâm trên hết. Vì vậy, xem truyền hình không phải là

xấu. Đi đến nhà hát không phải là xấu. Gặp gỡ bạn bè trong thành phố không phải là xấu. Bất kỳ loại hành động này là không tốt và không xấu, và không thành vấn đề. Điều quan trọng nhất là bạn phải làm cho trung tâm của bạn trở nên mạnh mẽ, để bạn có thể tiêu hóa tất cả những trải nghiệm này, và biến chúng thành trí tuệ khai mở cho những người khác.

Chúng ta phải tu tập mỗi ngày. Tình trạng bên ngoài và tình huống của chúng ta sẽ luôn luôn thay đổi, nhưng không nên nhầm lẫn. Chúng ta không bao giờ quên hướng đi và lời thệ nguyện của chúng ta: Thành tựu giác ngộ cứu độ tất cả chúng sanh. Để thực hiện điều này là nỗ lực thực hành mỗi ngày. Nó rất đơn giản.

Ở Hàn Quốc, một người phụ nữ đã có chồng, và chồng bà được gọi nhập ngũ ra Bắc để đánh nhau trong cuộc nội chiến Triều Tiên. Trước khi ông ra đi, người phụ nữ mang thai. Vài tháng sau, người phụ nữ nhận được tin chồng bà đã bị tử trận. Rồi vài tháng sau đó, đứa bé của họ được sinh ra. Đứa bé này rất quan trọng đối với bà. Bởi vì nó giống cha như giữ một phần thân thể của chồng bà khỏi cái chết. Bé trai này quý giá nhất trong cuộc đời bà. Mỗi ngày, người phụ nữ đi ra ngoài làm việc rất vất vả để kiếm tiền nuôi nó.

Cậu ta lớn lên, mẹ cậu cho tới trường tiểu học và được tốt nghiệp trung học. Sau đó, cậu được nhận vào trường đại học. Mẹ của cậu rất tự hào! Nhưng vào thời điểm đó, ở Hàn Quốc, tất cả các chàng trai cùng tuổi của cậu đã phải làm nghĩa vụ quân sự bắt buộc. Trong khi đó, cuộc chiến tranh Việt Nam đang diễn ra khốc liệt, và quân đội Hàn Quốc cũng bị đưa tới đó để chiến đấu bên cạnh người Mỹ và các nước đồng minh. Do vậy, người thanh niên trẻ này phải nhập ngũ và gửi đến Việt Nam. Nhiều binh lính Hàn Quốc đã chết ở đó, cho nên người mẹ rất lo lắng và tràn đầy nước mắt khi mẹ con chia tay.

Người mẹ yêu thương đứa con trai duy nhất của mình rất nhiều. Anh là hiện thân của sự sống trong đời bà. Bà yêu con trai của bà nhiều hơn giá trị cuộc sống của riêng mình. Mười tám năm, bà đã làm việc rất chăm chỉ, khó nhọc, và tất cả năng lượng của bà đã được bồi dưỡng cho anh ta mong có được một cuộc sống tương lai đầy hứa hẹn. Nhưng bây giờ anh bị đưa tới Việt Nam! Vì vậy, có thể là ở vị trí này, bà tự nghĩ, “Con tôi đã phải đi đến Việt Nam. Tôi sẽ cố gắng làm việc thiện, bất cứ điều gì tôi sẽ làm.... Nhưng có nhiều bà mẹ khác trong tình huống ấy rất buồn, trở nên biếng ăn mất ngủ, không muốn

làm việc, hoặc tha thiết gì đến cuộc sống. Họ rất mệt mỏi và lâm bệnh. Đây là phản ứng của nhiều người nhận ra mình trong tình huống này. Nhưng người phụ nữ Hàn Quốc này không phải là hạng người như thế : “Con trai tôi đã đến Việt Nam. Vì vậy, điều cần thiết là tôi phải làm việc thật chăm chỉ và toàn thời gian, để cho ngày tháng trôi qua nhanh chóng, mong đợi con về!” Sau đó, bà đã làm việc nhiều hơn so với trước kia. Khi thì nấu ăn cho người khác, làm sạch nhà cửa, giặt giũ, lau chùi bàn ghế, rửa chén bát, chăm sóc việc kinh doanh nhỏ của mình. Bà đã xăn tay và xắn gối chăm sóc vườn rau phía sau nhà. Hằng ngày, bà bán giá đậu trên chợ, chắt mót những gì bà đã kiếm được

đều dành dụm cho tương lai con trai mình. Bà gặp một người phụ nữ khác, và họ đã kết thân với nhau.

Ngày qua ngày, người phụ nữ này đã làm thật nhiều công việc khác nhau. Nhưng tất cả trong tâm tưởng bà không bao giờ quên con trai mình dù trong một khoảnh khắc. “Làm thế nào tôi có thể giúp đỡ con trai của tôi khi nó xa nhà, xa mẹ? Làm thế nào tôi có thể giúp con trai của tôi khi nó thiếu vắng tình thương?” Bà không bao giờ để điều kiện bên ngoài ảnh hưởng đến mối quan tâm này. “Có lẽ tôi phải để dành nhiều tiền hơn cho con tôi bằng cách này hay cách khác. Sau khi nó trở về, nó sẽ gặp một cô gái tốt để kết hôn, và tạo nên một ngôi nhà khang trang. Tôi không giữ bất cứ điều gì cho bản thân mình, mà chỉ để giúp được gì cho con tôi.” Bà không bao giờ quên con trai của mình. Ngoài ra, ngay cả khi bà ấy cùng với bạn bè chơi bài hoặc uống trà, hoặc đi dạo phố, cũng không bao giờ quên đứa con trai của mình. Trong bối cảnh hoạt động hằng ngày, tâm bà chỉ: “Con trai tôi ra sao? Làm thế nào tôi có thể giúp đỡ nó?” ‖

Phương hướng của người phụ nữ này luôn luôn rất rõ ràng, phải không? Trong mọi tình huống, tốt hay xấu, năng lượng của bà luôn luôn hướng về đứa con trai duy nhất của mình. Mặc dù hoàn cảnh bên ngoài liên tục thay đổi, và tình huống riêng của bà cũng thay đổi, có một điều không bao giờ thay đổi là “Con trai tôi ra sao? Làm thế nào tôi có thể giúp đỡ nó?” Nếu bạn muốn tu tập, nó rất quan trọng để có loại tâm như thế. Người phụ nữ này chỉ nghĩ đến “Con trai tôi”...không có gì khác. “Con trai tôi, con trai tôi, con trai tôi...” ‖

Nhưng tất cả mọi người trong cõi đời này luôn luôn quên đi Chân tánh của họ. Làm cách nào để tìm thấy Chân tánh của bạn? Tất cả mọi người luôn luôn đánh mất mình trong sự ham muốn liên tục về cơm ăn, áo mặc, ngủ nghỉ, tình yêu trai gái, tiền bạc, vui chơi giải trí, mà xã hội tán đồng. Chúng ta nhận được một trong những điều này trong vài phút trôi qua cho chúng ta nghĩ rằng: “Ồ! Thật tuyệt vời! Bây giờ tôi đã có nó!” Nhưng chỉ trong khoảnh khắc đó, chúng ta đã quên Chân tánh của chúng ta, ngay cả khi niềm vui của những ham muốn đó đi qua. Chúng ta đã mất phương hướng về lại quê xưa của mình. Chúng ta bị lôi kéo vòng quanh bởi lòng tham sân mê muội, không phải là lối tu tập chính xác. Và nó

không phải là cuộc sống đúng, bởi vì nó luôn luôn trực tiếp dẫn đến đau khổ. Làm thế nào bạn giữ cho tâm bạn có được cuộc sống trọn vẹn trong từng sát na. Vì vậy, nên cẩn thận! Khi bạn đang xem phim, lúc ăn uống, khi làm việc khó nhọc, hoặc ngồi trên bãi biển, không bao giờ quên Chân ngã của bạn: “Ta là gì?” “Đâu là Chân ngã của tôi?” “Không biết”. Bạn phải có tâm như người phụ nữ này: Không bao giờ quên con trai (Chân ngã) của bạn. Và không chỉ trong đời này, ngay sau khi qua đời, chỉ giữ một tâm Không Biết.

Vâng, tất cả mọi người phải làm việc và kiếm tiền. Chúng ta có cuộc hẹn và các dự án. Tất cả chúng ta phải tham gia vào thật nhiều các hoạt động. Nhưng không có vấn đề gì làm bạn quan tâm bằng là không bao giờ quên con trai của bạn. Cũng vậy –Ta là gì? Không bao giờ quên Câu hỏi lớn (Đại nghi tình) của bạn. Câu hỏi này là chìa khóa để

mở ra kho báu duy nhất thực sự của bạn, mà bạn từng có tự bao giờ để mang theo bên mình khi bạn ra đi. Giữ theo cách này là chìa khóa để thực hành Thiền.

Vòng tròn Thiền

Nghĩa lý:

Chân không, Vô ngã 180o

Dính mắc vào Không
Không Sắc, không Không
Söï 1x0=0 1000 x 0 = 0 hieän höõu tuyeät Dính mắc suy nghĩ
Dính mắc thần thôngtự Sắc tức là không, tại ñoái, töi Không tức là sắc HỮU VÔ
DIỆU HỮU Sắc vô ngại, do 0=1 1=0 NGHIỆP NGÃ 270o
Khôngvôngại 90o
(DIỆU NGÃ) 1 + 2 = 3000 NHÖ NHÖ 100 x 1000 = 1000 troùi x 9 ñoái
Tuyeät
ÑAÏI NGAÕbuoäc
(Khoâng dính maéc suy nghó)
Saéc töùcñeålaø
TIỂU NGÃ saéc, khoâng töùclaø
3 X 3 = 9giaû
Dínhi mắc Danh và
Tướng.
thoaùt 1 + 2 = 3 0oHình theå töi 360o do
NHƯ NHƯ
TUYỆT ĐỐI - ĐẠI NGÃ
Tính
Dính mắc suy nghĩ chaát töï
Chỉ Như thị
3X3=9 dolà sắc, không là
Sắc 3x3= không
9 1000 x V 100 = Tiểu học, giáo viên của tôi đã cho tất cả chúng tôi một bài ào ngày tôi tốt nghiệp học rất quan trọng. Ông đã 1000vẽ xmột vòng tròn lớn màu trắng trên bảng đen và nói: “Hôm 9 nay các trò đều tốt nghiệp Tiểu học. Thật là rất tuyệt vời ! Từ nay trở đi, tôi mong các trò đều giữ cho tâm mình như vòng tròn này. Nếu các trò giữ tâm theo cách này, suy nghĩ của các trò sẽ không bao giờ trở nên quá lệch lạc. Khi những điều tốt đẹp đến, các trò sẽ biết làm thế nào để sử dụng. Khi360o những điều xấu đến, các trò cũng sẽ biết làm thế nào để sử dụng chúng. Không có gì xuất hiện mãi mãi vuông vức trong suy nghĩ của các trò. Đó là bởi vì tâm tròn trịa này đi đến bất cứ nơi nào đều không có trở ngại. Bất cứ lúc nào, bất cứ nơi nào, nó chỉ theo sau tình huống của nó. Với tâm tròn này các trò có thể phục vụ người khác, bởi vì vòng tròn hoàn toàn trống rỗng và không có quan điểm tôi, của tôi, thuộc về

tôi. Do vậy, tất cả các trò phải hoàn toàn đạt đến "tâm tròn" của mình. Đây là cách giữ tâm chân thực ban đầu".

Trong Phật giáo, vòng tròn là công cụ giảng dạy rất quan trọng. Thuở xưa, có lần Tăng thỉnh vấn Thiền sư Nam Tuyền một câu hỏi, ông chỉ vẽ một vòng tròn. Một lần khác, Thiền sư Nam Tuyền và hai vị Thiền sư khác, Quy Tông và Ma Cốc cùng nhau đến thăm bệnh Quốc sư Huệ Trung. Khi họ đi được nửa đường, NamTuyền vẽ một vòng tròn trên đất và nói : –Xin hãy cho tôi một lời, rồi chúng ta sẽ tiếp tục cuộc hành trình. Nếu các bạn không nói được, sau đó không cần thiết để chúng ta đến thăm bệnh Quốc sư. Quy Tông ngồi vào vòng tròn. Ma Cốc nhún gối cúi chào như người nữ. Các đáp án đều không đúng, Thiền sư Nam Tuyền bèn nói: –Thôi, chúng ta khỏi phải đi nữa.

Như vậy, Nam Tuyền đã vẽ một vòng tròn trên mặt đất và nói, "Hãy cho tôi một lời". Nếu bạn có ở đó, bạn trả lời thế nào? Đó là một câu hỏi rất khó. Đây là một ví dụ khác về cách mà nhiều vị Tổ sư đã sử dụng vòng tròn để kiểm tra tâm học trò mình. Vòng tròn chính nó không có gì đặc biệt: nó chỉ là một công cụ giảng dạy. Chúng tôi sử dụng nó để giải thích lối giảng dạy đơn giản và kiểm tra tâm môn sinh.

Đôi khi tôi giải thích Thiền thực hành bằng phương tiện của một vòng tròn. Vòng tròn này có năm điểm: 0o, 90o, 180o, 270o, và 360o. Ba trăm sáu mươi độ là điểm tương tự như không độ. Vòng tròn khởi đầu trong khu vực từ 0 o đến 90o. (Theo ngược chiều kim đồng hồ). Đây là khu vực của sự dính mắc tư duy. Tư duy là ham muốn, và tất cả các ham muốn là đau khổ. Đây cũng là dính mắc với lĩnh vực danh và sắc. Do đó, chúng tạo ra đối lập: hay và dỡ, đây và đó, đẹp và xấu, thích và không thích, tôi và bạn. Tôi thích cái này, tôi không thích điều đó. Thân này có nhiều tham, sân và si. Tôi cố gắng để có được hạnh phúc và tránh tất cả đau khổ. Vì vậy, ở đây cuộc sống đau khổ, và đau khổ là cuộc sống. Đó là 0o .

Tiến hành vòng tròn qua 90o là khu vực của Nghiệp. Descartes nói: "Tôi suy tư, do đó tôi hiện hữu". Đây là ý thức về cái Tôi: Nó vẫn chỉ là cố gắng để hiểu chính mình với suy nghĩ. "Tôi suy nghĩ, vì vậy tôi tồn tại" Điều này có nghĩa là suy nghĩ của tôi tạo ra Tôi. Suy nghĩ của mọi người đều tạo ra cái Tôi của họ. "Tôi là một giáo sư". "Tôi là cha". "Tôi là mẹ". "Tôi là người phụ nữ". "Tôi là người Trung Quốc". "Tôi là Đảng viên Đảng Dân Chủ Mỹ". "Tôi là người Hàn Quốc". "Ta là Thánh". "Tôi là một Thiền sinh..." Trước thời điểm này, bị dính mắc Danh và Sắc. Đến lãnh vực này bị dính mắc suy nghĩ. Trước khi bạn sinh ra, bạn đã là số không. Bây giờ bạn là một. Trong tương lai, bạn sẽ chết và một lần nữa trở thành

số không. Vì vậy 0 = 1 và 1= 0. Tại thời điểm này trên vòng tròn, tất cả mọi thứ đều giống nhau, bởi vì chúng cùng chung bản thể. Tất cả mọi thứ có tên và hình thức, nhưng tên và hình thức của chúng đến từ hư không và sẽ trở về hư không. Sắc tức là Không, Không tức là Sắc. Điều này vẫn chỉ là Duy lý hoặc Tư duy hiểu biết.

Ở 180o, không có suy nghĩ gì cả. "Tôi suy tư, do đó tôi hiện hữu". Nhưng nếu tôi không suy tư, thì là gì? Đây là sự trải nghiệm của chân không, nơi "Tôi" hoàn toàn biến mất. Đây là lĩnh vực Vô ngã. Tất cả bản thể hoàn toàn trở thành Một. –"Không sắc, không

không". Một số người sẽ nói đây là Tuyệt đối. Nhưng nếu bạn nói "Tuyệt đối" nó không còn là Tuyệt đối. Đó là bởi vì thời điểm Tuyệt đối là trước khi suy nghĩ, và trước khi suy nghĩ, không có lời nói và chữ nghĩa. Bạn mở miệng đã là một sai lầm lớn! Sau đó làm thế nào để bạn bày tỏ quan điểm này? Bất cứ lúc nào có người hỏi Thiền sư Lâm Tế: "Phật là gì?" Ông hét: "Katz!". Thiền sư Đức Sơn "Đánh". Thiền sư Câu Chi đưa lên "Một ngón tay". Chỉ có hành động thể hiện điểm này, bởi vì điểm này là bản thể vũ trụ. Nó không thể biểu thị bằng lời nói hoặc chữ nghĩa. Vì vậy, vào thời điểm này không núi, không sông, không cây, không người, không Chúa, không Phật, không gì hết cả. Chỉ có [Đánh gậy thiền xuống bàn.]

Cách đây vài năm, vào một ngày nọ, tôi đang ngồi trong phòng của tôi tại chùa Hoa Khê ở Seoul. Có tiếng gõ cửa của một người đệ tử tỏ sự vui mừng rạng rỡ: –Sư phụ! Sư phụ! Con đạt được Tánh không rồi. –Ồ! Anh đạt được Tánh không ư? – Thưa vâng, con đã đạt được Tánh không – hoàn toàn Vô ngã! –Vậy, tôi hỏi anh. Ai đạt được Tánh không? –Dạ thưa, con đạt được Tánh không. –Như thế thì không đúng, biết không? Vì vậy, tôi đánh anh ta một thiền trượng, anh hét lên: –Ôi cha! Đau quá! –À! Nếu anh thực sự đạt được Tánh không, thì tại sao anh kêu: 'Ôi cha! Đau quá?' Sau đó, vẻ mặt anh ta đỏ ửng, và anh nhìn chằm chằm xuống sàn nhà. Anh ấy thoáng buồn. Bởi vì trong Tánh không, không có lời nói và chữ nghĩa, anh ta đã nhận ra điều đó.

Lại nữa, cách đây không lâu, trong khi giảng dạy tại Hoa Kỳ, tôi được giới thiệu với Werner Erhard, người sáng lập phong trào Đông phương học. Ông luôn luôn đưa ra các bài giảng thuyết rất dài, với sự tham dự của hàng trăm người. Ông đã có nhiều ngàn học viên rải rác khắp nơi trên thế giới. Tất cả họ đều chăm chú lắng nghe những bài giảng của ông

về cách họ có thể tin vào chính mình. Ông thường nói chuyện về "Chân không". Chân không là như thế này và như thế này. Nó cũng giống như thế này, thế này ...

Một ngày nọ, chúng tôi cùng nhau đi chung trong một chiếc xe ô tô. Tôi hỏi ông: –Bạn luôn luôn nói về "Chân không", nhiều người rất hâm mộ bài phát biểu của bạn. Nhưng thực sự "Chân không " là gì? Ông đáp: "Thật là quá dễ. Nó 'Không có gì'. Điều đó là tôi không thể giúp chính tôi. Rồi ông cười lớn. Sau đó, ông ta rất lúng túng: Thầy cho tôi nhầm lẫn sao...? – Vâng, không có vấn đề. Bạn nói "Không có gì ", nhưng nói thế là đã có một cái gì rồi. Vì vậy, đó không phải là Chân không. –Vậy thì, Chân không là gì? Ông hỏi.

Tôi chỉ ngồi đó trong im lặng. Bởi vì Chân không, không có lời nói và chữ nghĩa. Đó là lý do tại sao chúng tôi luôn luôn chỉ cho môn sinh như thế nào để chứng minh Chân không theo cách này. [Đập gậy thiền xuống bàn.] Chúng tôi gọi đây là "Cái Đánh". Bạn từ đâu đến? [Đập gậy thiền xuống bàn] . Bản thể vũ trụ và bản thể của bạn, chúng giống nhau hay khác nhau? [Đập gậy thiền xuống bàn]. – Phật là gì? [Đập gậy thiền xuống bàn]. –Pháp là gì? [Đập gậy thiền xuống bàn]. –Chúa là gì? [Đập xuống bàn] Đánh vào thời điểm này là một cách thể hiện hoàn toàn Vô ngã, mà điểm đó chỉ sự trống rỗng hoàn toàn, không thể giải thích với lời nói hoặc chữ nghĩa. Đó là 180 độ.

Nếu bạn giữ điểm này trong một thời gian –chỉ Vô ngã, một tâm tĩnh lặng hoàn toàn và không bị dính mắc với nó, sau đó bạn sẽ có được năng lượng vũ trụ. Bạn đạt đến cảnh giới của huyền bí và thần thông. Đây là 270o, hoặc Vô ngại, hoàn toàn tự do, không có trở ngại trong không gian và thời gian. Điều này cũng được gọi là Diệu hữu, lối Tư duy sống. Trẻ em xem phim hoạt hình trên máy truyền hình. Một con chó xuất hiện, một con mèo xuất hiện, một con rắn xuất hiện, một con sư tử xuất hiện. Một số người trong số họ đang mặc quần áo, hoặc hút thuốc. Họ nhảy với nhau, bay qua bầu trời, hoặc lái xe. Họ hát ca và chơi piano. –Wa wa wa ! Wee wee wee ! Mèo và chim nói chuyện với nhau. Một con rắn đội một chiếc mũ lớn trên đầu. Trong khi đó trẻ con nhìn vào Ti Vi và vỗ tay "–Ô! hay quá." Trong một phim hoạt hình có nhiều hoạt cảnh hành động đã diễn ra. Chúng tôi gọi đó là Tư duy tự do.

Đó không chỉ là phim hoạt hình. Một số loại thực hành của Lão học và Yoga chú trọng điểm này, chỉ cho bạn biết cách làm sao để kết nối mạnh mẽ với năng lượng vũ trụ và có được một số quyền lực đặc biệt. Trên thực tế, năng lượng làm cho con người có khả năng phát triển thần thông và hành động đặc biệt như vậy thực sự không phải là đặc biệt

gì cả. Đó là năng lượng tự nhiên. Chúng ta có thể nhìn thấy nó hoạt động trong những hình thức khác nhau và trong nhiều tình huống hằng ngày, nhưng chúng ta đã quen với nó mà chúng ta không gọi nó là đặc biệt.

Đây là ba thẻ nam châm nhỏ có hình dạng như chiếc bánh bột chiên mỏng. Nếu bạn đẩy nhẹ một trong những thẻ nam châm đó gần một cây bút chì, và sau đó đẩy thêm một thẻ nam châm khác nữa thì nó sẽ dính với nhau. Bởi vì cuối điểm "dương" của một thẻ nam châm là lực thu hút của điểm "âm" của nam châm khác. Tất cả mọi người chúng ta hiểu được điểm này. Nhưng nếu bạn có một "công tắc", khi bật nó lên, và tắt xuống một lần nữa, nó chỉ trôi nổi trên thẻ nam châm đầu tiên. Điểm "âm" của phần cuối cả hai miếng nam châm đại diện cho cùng một loại năng lượng, do đó, chúng đẩy nhau đi. Nam châm đầu tiên dường như được thả nổi trong không trung. Điều thú vị hơn là nếu bạn dùng thẻ nam châm khác, và đẩy trên đầu của nam châm thứ hai để chúng dính chặt với nhau. Chúng cùng nhau kết thành một thanh nam châm duy nhất và nặng hơn, nhưng chúng vẫn nằm lên trên thẻ nam châm đầu tiên. Nếu bạn đẩy phần dưới cùng của nam châm lên cây bút chì, hai thẻ nam châm nặng nổi ở trên nó cũng di chuyển lên cùng một tốc độ, và nếu bạn di chuyển nó xuống. Lên xuống, lên xuống, lên xuống. Trong khi đó, không gian giữa hai nhóm nam châm vẫn giữ nguyên.

Các thẻ nam châm chỉ cho chúng ta một cái gì đó về cách thức con người có thể kết nối với năng lượng vũ trụ cơ bản. Những sức mạnh kỳ diệu và đặc biệt thì không khác nhau từ tính chất của những thẻ nam châm này. Tất cả mọi thứ được tạo thành từ nguồn năng lượng cơ bản. Tất cả quý vị có lẽ từng nghe những câu chuyện về các Đạo sĩ Yoga và võ sư có thể bay trên không gian, hoặc di dời những vật nặng, hoặc uốn cong những vật cứng. Đây chỉ là kết quả của một số người có thể kiểm soát mạnh mẽ và thao tác năng lượng cơ bản này cho tất cả mọi thứ. Chúng ta có thể nói rằng trái đất tiêu biểu cho năng lượng "dương", và bầu trời là năng lượng "âm"(?) Khi bạn tu tập chăm

chỉ, và giữ tâm này hoàn toàn trống rỗng trong một thời gian dài, không suy nghĩ, do đó năng lượng vũ trụ sẽ xuất hiện trong bạn. Bạn trở về năng lực tuyệt đối, có nghĩa là hoàn toàn tự do sử dụng và kiểm soát năng lượng nội tại của bạn và bất kỳ năng lượng nào khác. Nếu trái đất là năng lượng "dương", ví dụ, bạn có thể làm cho ý thức của bạn vào năng lượng "dương". Thì năng lượng "dương" của trái đất sẽ đẩy bạn lên không trung, giống như các miếng nam châm này. Khi bạn muốn đi xuống mặt đất, bạn tạo ra năng lượng "âm", và bầu trời sẽ "đẩy" bạn xuống.

Khi một số Đạo sĩ Yoga bay trong không gian, hoặc nhấc các vật nặng lên với tâm lực của họ, họ chỉ đơn thuần sử dụng tâm họ đến kênh năng lượng cơ bản, trong đó phủ

trùm tất cả mọi thứ. Nó không phải là đặc biệt. Đạt được điểm này, tôi có thể biến thân tôi thành con rắn. Tôi có thể cưỡi mây đến cõi Tây phương. Tôi có thể đi bộ trên mặt nước. Nếu tôi muốn sống, thì sống; muốn chết, thì chết. Trong lãnh vực này, gái đá có con, mặt đất không tối hoặc sáng, cây cối không có gốc rễ, thung lũng không có tiếng vang. Trên Vòng tròn Thiền, đây là 270o, chúng tôi gọi điểm này là Tư duy không chướng ngại, hoặc Diệu ngã.

Thực hành Thiền không phải là tu luyện về phép thuật hoặc năng lượng đặc biệt. Thiền có nghĩa là đạt được tâm bình thường trong mỗi lúc, nó không phải là sự luyện tập công phu đặc biệt. Tuy nhiên, có những câu chuyện về các vị Thiền sưđôi khi sử dụng năng lượng đặc biệt này để khảo nghiệm và đánh thức tâm đệ tử.

Khoảng trên ba trăm năm trước đây, Thiền sư So Sahn, một trong những vị Thiền sư nổi tiếng nhất tại Hàn Quốc. Ông là một bậc thầy uyên bác vĩ đại đã thực hành thiền định, nhận ra chân tánh của mình, và trở thành Quốc sư cố vấn đáng tin cậy cho nhà vua. Ông thành lập rất nhiều chùa và có rất nhiều đệ tử rải rác khắp nơi trên toàn đất nước. Khi quân Nhật xâm chiếm Hàn Quốc vào thế kỷ XVI, ông đã tập hợp một đội quân Tăng sĩ rất lớn chống lại lực lượng quân đội hùng hậu Nhật Bản và đánh bại họ trong nhiều trận. Hành động của ông chỉ bảo vệ đất nước. Ông là một nhà sư rất nổi tiếng.

Một hôm, Đại sư So Sahn đang đi bộ với một người đệ tử, là thầy Sam Myong lên một ngọn núi cao Myo Hyang, ngày nay thuộc Bắc Triều Tiên. Trên núi có hai thác nước rất nổi tiếng nằm sát bên cạnh nhau, một thác cao khoảng 180 mét, và thác kia cao khoảng 130 mét. Vì vậy, hai thầy trò So Sahn và Sam Myong đến tham quan những thác nước này, họ rất thích thú ngắm nhìn trong im lặng, và sau đó quay trở lại xuống núi trên con đường mòn hẹp.

Đại sư So Sahn có một thân hình lùn thấp, ốm gầy, yểu điệu và tính năng mềm dẽo. Còn Sam Myong vốn là một danh tướng dũng cảm trong quân đội trước khi trở thành tu sĩ. Ông cao to, vai rộng, với một khuôn mặt phương phi và lông mày rậm cứng. Cảm thấy mệt mỏi chán nản với những kinh nghiệm đau khổ trong chiến tranh, ông đã cạo tóc và tìm kiếm một bậc thầy thế độ xuất gia. Ông được đề nghị đến Đại sư So Sahn và trở thành môn hạ của ngài. Bây giờ, khi họ đi qua núi, tâm của thầy Sam Myong đột nhiên tràn ngập những suy nghĩ lung tung về tướng mạo sư phụ của mình. Nào là khuôn mặt

thầy mình không lấy gì phương phi đẹp đẽ, dáng dấp cũng không phải cốt cách nam nhi. Tướng đi như một người phụ nữ "... Ông đệ tử này đã tỏ ra không hài lòng về tướng pháp của vị sư phụ. Bạn biết không? Ông tự nghĩ : "Bầu trời thật tuyệt diệu! Ngọn núi này quá hùng vĩ !

Những thác nước thật đẹp! Cây cối xanh tươi tuyệt vời! Nhưng thầy của tôi không có gì là tuyệt cả! (Tiếng cười từ giãng đường) – Thế thì loại Pháp gì mà ông đạt được? Làm thế nào ông có thể truyền dạy cho tôi?"

Trong lúc suy nghĩ những điều này, Sam Myong đột nhiên nghe một âm thanh rít lên. Quay đầu lại, ông nhìn thấy một trong hai thác nước lớn đã bắt đầu chảy ngược lên! Wuh! Nước đã tăng vọt từ mặt đất và chạy lên vách đá, vào trong các khe hở, và chảy trở lại thượng nguồn. Sam Myong rất ngạc nhiên hoảng hốt kêu to: "–Sư phụ! Sư phụ! Chuyện gì đang xẩy ra ! Hãy xem thác nước chảy ngược kìa! Mặc dù Đại sư So Sahn đi phía trước nghe rõ tiếng la to của Sam Myong, nhưng ông không quay lại, chỉ tiếp tục bước đi và nói: –Tại sao ngươi lại ngạc nhiên? Điều đó giống như tâm hiện tại của ngươi thôi. Sam Myong chợt hiểu ra: –À, Sư phụ của tôi sử dụng phép thuật để làm cho thác nước này chảy dội ngược lên! Ông đang dạy tôi về ý nghĩ xấu của tôi. Rồi ngay lúc đó Sam Myong cúi đầu làm lễ sư phụ và thưa: –Sư phụ, Sư phụ! Con xin lỗi! Con xin lỗi! Con đã suy nghĩ xấu về thầy. Con rất nông nổi si mê. Thật có lỗi với sư phụ. So Sahn mỉm cười và nói: " Nếu ngươi thực sự nhận ra sai lầm của mình, thì tự nó không còn sai lầm gì nữa cả. –Vâng, con hối hận. Con xin lỗi. ‖ –Chỉ cần giữ cho tâm không dính mắc, thì sau đó nghiệp của ngươi cũng sẽ hoàn toàn rỗng không và những thứ tạp niệm, nghĩ quấy sẽ không còn xuất hiện trong tâm ngươi nữa. Nhưng trước tiên ngươi phải quét sạch tất cả mọi tư duy khái niệm của mình. ‖ –Dạ vâng, thưa sư phụ. Nó y như thể mọi thứ đã được thiết lập ngay trong tâm ban đầu của con, và con bắt đầu tìm ra Chánh đạo của mình. Những lời này, giống như thác nước vào lúc này đột nhiên quay trở lại hướng cũ chính nó, dội ngược từ khe đá, vách núi bên dưới. Vì vậy, đây là một câu chuyện rất quan trọng. Đại sư So Sahn nhận thức rằng người đệ tử của mình đã có những quan niệm ý tưởng rất mạnh mẽ. Ông biết rằng lời nói và chữ nghĩa mình không thể đánh bại hoặc thay đổi loại tâm chấp trước đặc biệt mạnh mẽ này. Chỉ bằng cách sử dụng một số loại năng lực kỳ diệu, Đại sư So Sahn đã thấu rõ và thâm nhập tâm trí Sam Myong để khai thị người đệ tử mình. Thác nước chảy ngược lên và người đệ tử nhận ra: –Ồ! cơ thể sư phụ của tôi tuy nhỏ bé, nhưng ông có nhiều thần lực! ‖

Người đệ tử tin rằng sư phụ mình đã nhìn thấu suốt những định kiến, ý tưởng điên rồ, mê muội của mình. Những bậc thầy có con mắt tinh nhuệ ít khi dùng đến phong cách giảng dạy này, trừ khi họ có khả năng tuyệt đối. Và nếu họ sử dụng loại kẹo này để khơi

mở tâm trí môn sinh của họ, khi sự giáo hóa đã có hiệu lực,tức thì sau đó họ nhanh chóng lấy kẹo đi. Một bậc thầy thực sự không bao giờ cho phép học trò của mình trở nên dính mắc thích thú với kẹo.

Đó là việc sử dụng 270o cho một bậc thầy có con mắt tinh nhuệ. Một chân sư thực sự, hiếm khi hoặc chẳng bao giờ dùng đến phương sách để hiển thị của năng lực thần thông. Môn sinh trở nên dễ dàng dính mắc vào những đặc tính này. Nếu bạn thường xuyên thi triễn lãnh vực thần thông, bạn chỉ là một người kỳ bí và không phải là một chân sư. Đó là bởi vì Giáo lý chân chính là chỉ cho mọi người thấy rõ làm cách nào tiêu trừ nghiệp xấu của họ và giúp đỡ chúng sanh khác, và không gây nhầm lẫn với người có pháp thuật và thần thông.

Tuy nhiên, nếu bạn chú trọng vào điểm này, bạn bị dính mắc với tự do. Và nếu bạn trở nên dính mắc với tự do, bạn không có thể làm bất cứ điều gì. Kể từ khi cuộc Cách mạng Pháp bùng nổ, tất cả mọi người tự do, đúng không? Vì vậy, cho đến bây giờ tất cả mọi người được tự do: không có Chúa, hay Phật, hoặc bất cứ tất cả thứ gì điều khiển con người. Con người là trung tâm của vũ trụ. Nhưng điều này có thể là một vấn đề cho những người trở nên dính mắc với Tự do. Tôi đã đi trên một chuyến xe buýt ở thành phố Nữu Ước. Trong xe buýt có một bảng hiệu lớn "Cấm‖hút thuốc". Nhưng có người đàn ông bên cạnh tôi đốt lên một điếu thuốc và bắt đầu hút nó. Đột nhiên, một người đàn ông khác hét lên: –Này bạn! Bạn không biết đọc chữ ư ? Không được hút thuốc trên xe buýt này! ‖ Nhưng người đàn ông đang hút thuốc chỉ mỉm cười nói: "Điều đó không thành vấn đề. Tôi có quyền tự do !" ‖ Và ông tiếp tục hút thuốc. Thình lình, một âm thanh khá lớn từ người đàn ông kia đấm vào mặt người hút thuốc "Bịch!" Người hút thuốc đã không mỉm cười nữa và la lên: –Mày điên à ! Tại sao lại đánh tao? ‖ Người kia trả lời: –Tao cũng có quyền tự do để đánh mày! Ha ha ha! Vì vậy, đó là một câu chuyện rất thú vị. Nếu bạn ở 180o, bạn trở nên dính mắc với Tánh không. Nếu bạn ở 270o, bạn trở nên dính mắc với Tự do. Thật tuyệt vời khi được Tự do. Nhưng nếu bạn trở nên dính mắc với tự do, bạn sẽ luôn luôn có vấn đề, và bạn sẽ làm cho vấn đề đó nhân rộng ra đối với những người khác. Bạn phải cố gắng vượt qua điểm này.

Ở 360o, tất cả mọi thứ như chúng đang hiện hữu, tất cả đều là sự thật, và sự thật chính là như thế. Thời điểm này thực sự giống như 0o . Chúng ta đến nơi mà chúng ta bắt đầu, nơi mà chúng ta luôn luôn có được. Sự khác nhau giữa 0o là dính mắc suy nghĩ, trong

khi 360o là suy nghĩ không dính mắc. Không có chủ thể và không có đối tượng. Bên trong và bên ngoài hoàn toàn trở thành Một. Khi bạn nhìn thấy bầu trời, bạn và bầu trời trở thành một. Khi bạn nhìn thấy cây cỏ, bạn và cây cỏ trở thành một. Như vậy, khi bạn thấy, khi bạn nghe, khi bạn ngửi, khi bạn nếm, khi bạn xúc chạm, khi bạn suy nghĩ, tâm bạn và toàn thể vũ trụ này hoàn toàn trở thành một. Bạn là vô hạn trong khắp thời gian và không gian. Đôi khi chúng tôi gọi đây là cuộc sống trong từng sát na. Trong một sát na, có thời gian vô cùng và không gian vô tận. Trong một sát na luôn luôn có tình huống chính xác, mối quan hệ chính xác, và chức năng chính xác. Đây là Đại Bồ tát Đạo. Nó không bị dính mắc vào bất cứ điều gì.

Ví dụ, nếu bạn lái một chiếc xe hơi với sự dính mắc suy nghĩ, tâm bạn ở một nơi khác và bạn sẽ vượt qua đèn đỏ. Không dính mắc suy nghĩ có nghĩa là tâm bạn rõ ràng sáng suốt tất cả mọi lúc. Khi bạn lái xe, bạn không phải suy nghĩ: bạn chỉ chú tâm lái xe. Vì

vậy, Chân lý chính là như thế. Khi đèn đỏ có nghĩa là dừng lại, khi đèn xanh có nghĩa là đi. Đó là hành động trực quan. Hành động trực quan có nghĩa là hành động mà không có bất kỳ ham muốn hoặc dính mắc. Tâm của tôi như một tấm gương rõ ràng, phản ánh tất cả mọi thứ chỉ vì nó đang là. Đỏ đến, hiện đỏ; Trắng đến, hiện trắng. Đây là cách một vị Bồ tát sống. Tôi không có ham muốn cho bản thân mình. Hành động của tôi là chỉ vì tất cả chúng sanh. Đây là một cuộc sống toàn vẹn.

0 độ là Tiểu ngã, 90 độ là Nghiệp ngã, 180 độ là Vô ngã, 270 độ là Siêu ngã, 360 độ là Đại ngã. Đại ngã là thời gian vô cùng, không gian vô tận. Tại thời điểm này không có sự sống và sự chết. Tôi chỉ muốn cứu giúp tất cả mọi người. Nếu mọi người đang hạnh phúc, tôi hạnh phúc, nếu mọi người buồn, tôi buồn.

Thiền là đạt đến 360o. Khi bạn đạt đến 360o, tất cả các độ trên vòng tròn biến mất. Vòng tròn chỉ là một thiết bị giảng dạy về Thiền. Nó không thực sự tồn tại. Nó chỉ là một công cụ chúng tôi sử dụng để giải thích việc giảng dạy và kiểm tra kiến thức của Thiền sinh. (Cầm một cuốn sách và bút chì đưa lên) Cuốn sách và bút chì này chúng giống nhau hay khác nhau? Ở 0o, chúng khác nhau. Ở 90o, tất cả mọi thứ là một, cuốn sách là bút chì, bút chì là cuốn sách. Ở 180o, tất cả suy nghĩ bị cắt đứt, vì vậy không có lời nói và chữ nghĩa. Câu trả lời tốt nhất chỉ là .... [Đánh gậy thiền xuống bàn]. Ở 270o, nơi đó hoàn toàn tự do, cho nên một câu trả lời tốt là: cuốn sách tức giận, bút chì cười. Cuối cùng, ở 360o, Chân lý chính là như thế. Xuân đến, cỏ tự mọc. Bên trong đèn sáng, bên ngoài trời tối. 3 X 3 = 9. Tất cả mọi thứ chỉ vì nó đang hiện hữu. Vì vậy, câu trả lời ở đây là: cuốn sách là cuốn sách, bút chì là bút chì. Như thế, tại mỗi điểm, câu trả lời khác nhau. Cái nào là một câu trả lời đúng? Bạn có hiểu không?

Bây giờ đây là một câu trả lời cho bạn: Tất cả năm câu trả lời đều sai. Tại sao? (Sau khi chờ đợi một vài phút, Thiền sư hét) “Katz!” Cuốn sách màu xanh, bút chì màu vàng. Nếu bạn hiểu được điều này, bạn sẽ tự hiểu chính mình. Nhưng nếu bạn hiểu được chính mình, tôi sẽ đánh bạn ba mươi hèo. Và nếu bạn không hiểu được chính mình, tôi vẫn đánh bạn ba mươi hèo. Tại sao? (Ngừng trong giây lát) –Hôm nay bên ngoài trời khá lạnh.

Một khi bạn đạt được sự thật này, bạn phải nhận thức được chức năng chính xác của sự thật. Đây là điểm rất quan trọng. Ở 360o, tâm bạn sáng suốt như hư không, có nghĩa là nó là rõ ràng như một tấm gương. Khi màu đỏ đến, gương hiện đỏ, khi trắng đến, hiện trắng. Chúng tôi đã nói nhiều về điều này. Nhưng khi một người đói xuất hiện, chức năng chính xác của bạn là gì? Làm thế nào để giúp đỡ họ? Bạn cũng đói không? Khi một người khát nước xuất hiện, bạn cũng khát không? Đó có phải chính xác là lòng Từ bi không? Nhiều Thiền sư chỉ nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đạt được một kinh nghiệm phản ánh sự thật; nhưng họ không chỉ ra chức năng chính xác của sự thật trong từng sát na.

Vì vậy, nếu một người đói đến, cung cấp cho họ thức ăn. Khi một người khát nước đến, cung cấp cho họ thức uống. Chỉ giúp đỡ chúng sanh khác. Điều đó đôi khi được gọi là cuộc sống đúng. Trong Kinh Thánh nói: “Ta là Con Đường, Chân lý và Sự sống”. Chúng

tôi đang giảng dạy những điều tương tự. Nếu bạn đạt được Vô ngã, bạn đạt được bản thể của bạn và bản thể tất cả các pháp. Đạt đến điều mà tất cả mọi thứ cùng chung bản thể, có nghĩa là đạt được Chánh đạo. Khi bạn đạt được 360o, bạn đạt được tất cả các pháp, chỉ vì nó hiện hữu, là Chân lý, là sự thật. Hoa màu đỏ. Các bức tường màu trắng. Bạn và sự thật có mặt của thế giới này luôn luôn trở thành một. Tại thời điểm này, tất cả các độ trên vòng tròn đều biến mất, và bạn chỉ có chức năng phụng sự mọi người trong từng sát na, từng khoảnh khắc. Đại từ, Đại bi cứu chúng sanh, Đại hỷ Đại xả giúp muôn loại. Chúng tôi gọi cuộc sống của bạn được như thế là rất chính xác.

Phật tánh là gì ?

Phật nói: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.
Triệu Châu nói: Con chó không có Phật tánh.
Câu nào đúng?
Câu nào sai?
Vạn pháp trở về Một Một trở về đâu?

Thiền có nghĩa là không bị dính mắc (chấp trước) với lời nói và chữ nghĩa. Nếu bạn dính mắc với lời nói và chữ nghĩa, bạn không thể lãnh hội được Chân tánh của bạn và Chân tánh của toàn thể vũ trụ này. Bạn không thể thấu rõ được Phật tánh. Bạn không thể hiểu bất cứ điều gì. Vì vậy, đối với những người chấp trước lời nói và chữ nghĩa, Thiền sư Triệu Châu đã tạo ra một sai lầm lớn, phải không? Con chó có Phật tánh không? Triệu Châu nói “Vô”.‖Điều đó không đúng! Nhưng Vô chỉ là một lời suy nghĩ, nó có nghĩa là “không”. Có và không là những ngôn từ suy nghĩ, vì chúng đại diện cho suy nghĩ đối lập. Làm sao có thể Thiền sư này nói rằng con chó không có Phật tánh, trong khi Đức Phật đã dạy: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”. Đó là một sai lầm rất lớn về phần của Triệu Châu.

Nhưng trong tình huống này, câu trả lời Triệu Châu rất cần thiết. Chư Tăng sống vào thời điểm đó, đọc và học rất nhiều kinh điển. Họ chấp giữ với các từ ngữ trong Kinh văn Giáo điển của Đức Phật và đánh mất quan hệ với những trải nghiệm sống tự giác mà Đức Phật luôn luôn chỉ bày. Vì vậy, họ đã nói rất nhiều về sự Giác ngộ và Phật tánh. Họ trở thành vỏ bọc trong mọi vấn đề và tranh luận về việc liệu có hay không có những chúng sanh khác có thể đạt được tỏ ngộ. Họ trở nên dính mắc với những lời giảng dạy của Đức Phật. “A! mọi thứ đều có Phật tánh, thì ngay cả con chó phải có Phật tánh.” Nhưng nếu nói như thế thì con chó có thành Phật hay không? Và tại sao con chó không cần phải thực hành thiền như chúng tôi? ‖

Các nhà sư cứ luôn luôn suy nghĩ, suy nghĩ, suy nghĩ, về những điều như vậy. Họ đọc quá nhiều Kinh điển và không thực hành thiền định nhiều, vì vậy suy nghĩ của họ quá khôn

khéo: “Con chó có thể tỏ ngộ hay không? Con chó có thể thành Phật không?” Đó là một câu hỏi khó ... ‖

Thế nên, một hôm, có vị Tăng quyết định hỏi Thiền Sư Triệu Châu: – Thưa Sư phụ. Cho phép con hỏi một câu. ‖ –Vâng, muốn hỏi câu gì? ‖ –Đức Phật nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. ‖ –Phải ... ‖ –Vậy thì con chó có Phật tánh hay không? ‖ Triệu Châu đáp: –Vô! (Không) Sau đó, vị Tăng tỏ ra quá ngạc nhiên qua lời khai thị này của Thiền sư Triệu Châu dường như mâu thuẫn với lời dạy của Đức Phật. Bởi vì nó phát khởi một câu hỏi lớn xuất hiện trong tâm của chúng Tăng. “Thiền Sư nói ’Vô' có chính xác không?” Chúng tôi gọi đó là Đại Nghi Tình. Đây là ý nghĩa và chức năng của một Công án.

Như chúng tôi đã nói trước đó, ngay cả ngày nay con người trở nên dính mắc với lời nói và chữ nghĩa từ các bậc thầy danh tiếng và tạo ra các loại “thiền bệnh” khủng khiếp. “Vô” của Triệu Châu đã trở thành một Công án nổi tiếng được sử dụng cho đến ngày nay. Tuy nhiên, nhiều người tìm kiếm một số ý nghĩa bí mật trong lời nói của Triệu Châu. “VÔ là gì?” “VÔ và tôi giống nhau hay khác nhau?” Họ suy nghĩ và suy nghĩ. Tuy nhiên, sử dụng chính xác của Công án này là để quét sạch mọi suy nghĩ và cung cấp cho bạn một Tâm không-biết. Như nhiều Thiền sinh ngồi trong Thiền đường cả ngày cứ –VÔ! –Tôi phải trở thành VÔ .....Loại tu tập đó muốn làm cho cái gì trở nên thực tế. Nó đang tạo ra VÔ. Nó được sử dụng thuốc khá hay của Triệu Châu để tạo ra một căn bệnh rất trầm trọng.

Thuở xưa tại Hàn Quốc, có người nào đó nói với Thiền tổ Mãn Không: – Bạch Sư phụ, con đang cố gắng hiểu ý nghĩa “VÔ” của ngài Triệu Châu. Xin vui lòng khai thị cho con. ‖ Thiền tổ đáp: – Ồ, điều đó rất dễ dàng! Cứ tới đứng trong khu vườn ở phía sau thiền đường, có rất nhiều VÔ ở đó. Chúng sẽ dạy cho ông. ‖

Ở Hàn Quốc, danh từ củ cải là Vô (Mu). Đây là lời giáo hóa rất cao cấp. Thiền tổ Mãn Không đã chỉ cho vị Tăng này chữ VÔ không có ý nghĩa gì đặc biệt. –Tới đứng trong vườn. Có rất nhiều VÔ (Mu) trên đó! Nếu bạn muốn tìm một số ý nghĩa sâu sắc trong chữ Vô, thì đó đã là một sai lầm lớn. Nó không đúng hoàn toàn quan điểm giảng dạy của ngài Triệu

Châu. Nó không đúng lời khai thị của tất cả các vị Tổ sư nổi tiếng. Chúng tôi có một Công án khác trong đó nói rằng trong Công án “Vô” có mười loại bệnh. Nếu bạn không hiểu tại sao, chỉ đi thẳng với VÔ. Không kiểm tra VÔ. Đừng nghĩ tại sao VÔ? VÔ không có ý nghĩa gì? Nếu bạn kiểm tra theo cách này, bạn sẽ không bao giờ hiểu VÔ. Bạn sẽ không bao giờ hiểu được Chân tánh của bạn. Chỉ đi thẳng với VÔ. Và nếu bạn vẫn còn không hiểu VÔ, thì cứ lấy vé máy bay đến Hàn Quốc. Tìm một ngôi chùa và tới đứng trong vườn, có nhiều loại củ cải (Mu) khác nhau sẽ dạy cho bạn. Chúng tốt hơn so với một thiền sư. Ha ha ha!

Vạn pháp trở về Một. Một trở về đâu?

Đây là một sự sai lầm khác của Thiền sư Triệu Châu. Một tu sĩ đã từng hỏi ngài: –Vạn pháp trở về Một. Một trở về đâu? Sư đáp: –Khi ở Thanh Châu, tôi đã may một chiếc áo choàng bằng lông rùa nặng bảy cân. ‖ Câu trả lời đó không rõ ràng. Tại sao sư Triệu Châu tạo ra một câu trả lời dài lê thê như vậy? “Vạn pháp trở về Một. Một trở về đâu?”

Vào thời điểm đó, bạn có thể trả lời bằng cách dậm chân xuống sàn nhà, hoặc la hét, đó là một câu trả lời chính xác. Nếu bạn nói: “Đây là một cây bút chì”, đó cũng là một câu trả lời tốt. Vạn pháp trở về Một. Một trở về đâu? Trời xanh. Cây xanh. Những câu trả lời như vậy là có thể. Hoặc là “Áo choàng này nặng bảy cân”, như thế cũng đủ. Nhưng sư kéo thêm một cái đuôi dài là: “Khi ở Thanh Châu, tôi may một chiếc áo choàng bằng lông rùa nặng bảy cân”. Nó thực sự cần thiết không?

Tuy nhiên, sư Triệu Châu đã sử dụng đáp án này để đạt tâm trí học trò của mình. Có lẽ người đệ tử đã có những ý tưởng đặc biệt: “Ồ! Vạn pháp trở về Một. Chắc có ý nghĩa đặc biệt gì đó. Và Một trở về đâu? Ẩn nghĩa này là gì? Tôi muốn khám phá điều đó.” Vì vậy, Triệu Châu muốn cắt đứt Tâm “đặc biệt” của người đệ tử, và đưa cho ông ta một Đại nghi: “Khi ở Thanh Châu, tôi đã may một chiếc áo choàng bằng lông rùa nặng bảy cân”.‖ Mọi người đều biết rằng không có chiếc áo choàng nào bằng lông rùa và nặng như thế. Thật là không tưởng! Nhưng người đệ tử với tâm đặc biệt được một nghi vấn lớn từ câu này, cũng giống như từ Công án VÔ‖của Sư. “Ồ, bảy cân! Đó là một chiếc áo choàng rất lớn! Nhưng tại sao lại bằng lông rùa? Làm gì có lông rùa để may một chiếc áo choàng lớn như vậy. Đây là kỹ thuật giáo hóa của Triệu Châu. Sư đã sử dụng lời nói và chữ nghĩa để đánh vào ý tưởng của người đệ tử về những ý nghĩa đặc biệt. Sư đã sử dụng hoạt ngữ, một loại ngôn từ hoàn toàn tự do và ban cho đệ tử của mình một câu hỏi lớn. Nếu bạn dính mắc vào kỹ thuật giảng dạy, nói rằng Triệu Châu đã tạo ra sai lầm hoặc không sai lầm, tức thì bạn đã

chết rồi. Triệu Châu đãđánh bạn ba mươi hèo. Nếu bạn muốn thoát ra khỏi những “cái thổi phồng” của Sư, không dính mắc với lời nói của Sư. Đó là sự thật của sự tu tập các Công án.

Phật tánh là gì? ‖

Có nhiều cách để chỉ vào Phật tánh. Thiền sư Triệu Châu nói rằng con chó không có Phật tánh. (Tại sao? Vì nó mang nghiệp thức. Tại sao nó mang nghiệp thức? Vì biết mà cố phạm.) Do đó, bạn có thể nói, Con chó không có Phật tánh. Hoặc là, Vạn pháp trở về Một. Bạn có thể hỏi, Một trở về đâu? Hoặc ai đó có thể nói rằng họ có áo choàng nặng bảy cân. Tất cả các đáp án này là cách trả lời không tốt và không xấu, cốt chỉ về Phật tánh. Nhưng ngoài ra còn có một cách đáp án khác.

Tất cả mọi người đã từng nghe câu chuyện nổi tiếng về các đại đệ tử xuất gia của Đức Phật đến thăm bệnh ngài Duy Ma Cật tại thành Tỳ Xá Ly. (Cách Bồ đề Đạo tràng 250 cây số). Duy Ma Cật là một cư sĩ tại gia đã triệt ngộ, ông sống vào thời Đức Phật. (Người ta nói rằng ông là một vị Cổ Phật tái lai để trợ tá cho Đức Phật Thích Ca).Một hôm ông lâm bệnh nặng, Đức Phật đã truyền dạy những đệ tử ưu tú của mình đến gửi lời vấn an của Ngài tới Duy Ma Cật. Vì vậy, nhiều vị A-la-hán và Bồ tát cùng nhau quang lâm trong ngôi nhà của ông. Sau đó, tất cả các ngài đều cố gắng thể hiện Pháp không-hai, để chỉ quan điểm đó mà không tạo ra bởi tư duy nhị nguyên đối đải. Một vị Đại Bồ tát nói, “Trời và đất không hai”. Một vị Bồ tát khác nói, “Tốt và xấu không hai”. Và một vị khác nói, “Đến và đi không hai”. Họ đều có nhiều lối giải thích khác nhau về những gì không

hai. Đó là một cuộc trao đổi rất thú vị.

Cuối cùng Bồ tát Văn Thù Sư Lợi nói, “Nếu các vị nói hoặc không nói, nó vẫn không hai”. Mọi người đều nghĩ, “Ồ! Đó là lời khai thị tuyệt vời !” Sau đó Văn Thù Sư Lợi quay sang Duy Ma Cật và hỏi: “Theo quan điểm của Cư sĩ, cái gì là Pháp không hai ?” Duy Ma Cật chỉ ngồi đó trong im lặng. Ông không mở miệng một lời. Đây là câu trả lời chính xác nhất! Câu trả lời hoàn chỉnh và sâu sắc nhất. Bởi vì nếu bạn mở miệng, nó đã không phải không- hai rồi. Bạn mở miệng, chứng tỏ tạo ra hai điều: Một là nếu bạn muốn liễu ngộ Phật tánh, không mở miệng thì lời nói và chữ nghĩa không thể chạm vào nó. Hai là, nếu bạn ngậm miệng, bạn và toàn thể vũ trụ đã trở thành một. Đó là Chân lý không-hai. Điều này tại sao trong Kinh Thánh nói, “Hãy yên lặng, và biết rằng ta là Thiên Chúa”. ‖

Phật tánh cũng như thế. Vì vậy, ai đó hỏi, Vạn pháp trở về một. Một trở về đâu? Nếu bạn muốn hiểu Phật tánh, trước tiên bạn phải hiểu Một từ đâu đến? Hãy nhớ rằng:

Bạn mở miệng đã là một sai lầm lớn. Đây là khóa học đầu tiên. Kế tiếp, nếu ngậm miệng bạn làm cách nào để bạn trả lời?

Đây là một gợi ý: Thuở xưa, bất cứ ai hỏi điều gì, Thiền sư Lâm Tế đều hét: “Katz”, Thiền sư Đức Sơn thì đánh. Và Thiền sư Câu Chi giơ lên một ngón tay. Để thực sự bày tỏ quan điểm này, bạn không thể nói bất cứ điều gì. Nếu bạn mở miệng, bạn đã tạo ra đối lập. Chỉ biểu lộ sự hiểu biết quan điểm đó là có thể, bởi vì lời nói và chữ nghĩa không thể xúc tác vào nó được .

Ba điều Tuệ Giác

Mặt đất không tối sáng. Cây cối không gốc rễ. Thung lũng không tiếng vang.

Trong thời Đức Phật, có bảy chị em sống chung nhau, họ không lập gia đình và cùng sinh hoạt với nhau. Họ luôn luôn cùng nhau tu tập, thường xuyên đi chùa. Họ cùng lễ bái, cùng tụng kinh, và ngồi thiền với nhau. Một ngày nọ, có một người thân của họ chết, gia đình tổ chức lễ tang thật lớn. Trên đường đến buổi lễ, bảy chị em bước qua một bộ xương trắng vùi trong đất bụi. Một người nói cho nhau nghe rằng: –Khi thân thể này còn sống, nó có da thịt, xương gân, máu nước, với một khuôn mặt xinh xắn, thân hình khỏe mạnh và mặc quần áo đẹp đẽ. Nhưng bây giờ tất cả những gì còn lại chỉ là đống xương mục nát trong đất bụi. Một cô chị hỏi: – Ông chủ của thân này đã đi đâu? Cô em gõ nhẹ ngón tay trên hộp sọ và nói: – Như vầy nè! Rồi thêm một cô khác chỉ lên trời và nói: – Chính như thế ấy! Ngay khi cô vừa nói những lời này, tất cả bảy chị em bỗng nhiên liễu ngộ.

Từ trên hư không xa thẳm, nơi Vua trời Đế Thích Indra ngự trị, ông đã nhìn thấy ánh sáng ngập tràn vũ trụ, lúc đó dưới đất có bảy chị em đã liễu ngộ. Với sự ngạc nhiên lạ thường, vua trời hiện xuống và tiếp cận với bảy cô gái. Ông nói: –Xin chúc mừng, tất cả các cô đã tỏ ngộ. Tôi muốn ban tặng cho các cô một món quà. Hãy yêu cầu tôi bất cứ điều gì trong thế giới này, và nó sẽ là của các cô. ‖ Sau đó, bảy chị em yêu cầu ba điều: –Chúng tôi muốn mặt đất không tối, không sáng. Chúng tôi muốn cây cối không có gốc

rễ. Chúng tôi muốn thung lũng không có tiếng vang. ‖ Nhưng Đế Thích chỉ là một vị vua trời, ông chưa kiến tánh và không thể hiểu được những gì họ muốn nói. Ông tự nghĩ: “Mặt đất bao giờ cũng có bóng tối và ánh sáng. Mỗi

cây đều có gốc rễ của nó. Mỗi thung lũng đều có tiếng vang. Làm thế nào ta có thể tìm thấy điều đó được?”

Ông bay đi khắp nơi trên thế giới, tìm kiếm ba điều đó. Ông lên tầng trời cao nhất và sau đó lội vào địa ngục thấp nhất. Nhưng ông không thể tìm thấy những điều đó ở bất cứ nơi đâu, vì vậy ông đã đi đến Đức Phật cầu mong khai hóa. Sau khi làm lễ đức Thế tôn, ông quỳ xuống một gối bên hữu, chấp tay bạch Phật: –Kính bạch Đức Thế tôn! Có bảy chị em đã tỏ ngộ, và tôi hứa với họ bất cứ điều gì họ muốn, tôi sẽ ban cho. Họ yêu cầu Ba điều Trí Giác, nhưng tôi không thể tìm thấy chúng ở bất cứ nơi đâu. Vậy tôi có thể làm gì? ‖ Đức Phật huấn thị: –Này Thiên chủ! Chỉ có Bồ Tát thập địa mới hiểu yêu cầu của họ. Như là Bồ tát Văn Thù Sư Lợi, Bồ tát Địa Tạng, Bồ tát Quan Thế Âm, Bồ tát Đại Thế Chí, tất cả các vị ấy hiểu những điều này. Nhưng ông chỉ là hàng Bồ tát sơ địa (cấp thấp nhất) cho nên không thể hiểu được. Nếu ông tu tập nhiều hơn, sẽ sớm tìm thấy Ba điều Trí Giác. Sau đó, ông có thể cứu giúp tất cả chúng sanh. ‖ Vua trời Đế Thích cúi đầu lễ tạ Phật thật sâu và thưa: –Xin cảm tạ đức Thế tôn đã chỉ dạy. Bây giờ tôi hiểu công việc thực sự của tôi. Chỉ là một vị vua trời thì không toàn vẹn, nếu tôi không liễu ngộ Chân tánh của tôi. ‖

Ba điều Tuệ Giác chỉ đến lãnh vực Thần thông và Siêu ngã tự tại. Chúng tôi đã nói về điểm 270o trên Vòng tròn Thiền. “Chó đá sủa mỗi ngày”. Có ai thấu hiểu được điểm đó? Con chó đá chạy và sủa - Gâu! Gâu! Gâu! Ha ha ha! Điều đó có thể không? “Con gà gỗ xuất hiện bay trên bầu trời từ Đông sang Tây”. “Rắn thép soi thủng mắt kim cương”. Có lẽ nhiều người đã từng nghe những lời này trong các buổi khai thị của Thiền sư và những buổi thuyết pháp của các thầy giáo thọ xuất sắc. Nhưng họ nói lên nghĩa gì? Nếu bạn muốn đạt được điều đó, trước tiên bạn phải đạt được trải nghiệm phía sau Ba điều Tuệ Giác này.

Ba điều Tuệ Giác chỉ vào lãnh vực khai ngộ giữa 180o và 270o, từ rỗng không hoàn toàn đến lĩnh vực thần thông và tự do tư tưởng. Những cái này chỉ là giáo lý ngôn từ. Nếu bạn dính mắc với ngôn từ, bạn sẽ không hiểu được ý nghĩa thực sự của chúng. Chúng đơn thuần chỉ đến Chân ngã của chúng ta và giúp chúng ta khám phá ra Thể tánh uyên nguyên của mình. Trong Chân tánh, không có đối lập, không có cao thấp, không có tốt xấu, không có nam nữ, không có cái này cái kia. Vì vậy, cũng không có danh xưng và sắc tướng. Vào thời điểm đó, bạn không thể nói bất cứ điều gì. Nếu bạn nói ra thì không phải Chân thật ngữ rồi. Ba điều Bát Nhã này sử dụng từ ngữ để chỉ vào kinh nghiệm đó.

Nhưng ngay cả sau khi đã giải thích cho họ, nhiều người vẫn không hiểu thế nào là hoạt dụng ba câu này. Trên thực tế chúng không có gì đặc biệt. Vì vậy, tôi thường mô tả nó theo cách này: Ai đó đi vào thị trường chứng khoán, thanh toán một số tiền, và mua một vài cổ phiếu. Đồng thời, bạn bè của họ đang đứng phía xa, ở giữa đám đông nhộn

nhịp của thương nhân. Có nhiều người trong căn phòng rất lớn, các thương nhân đang làm việc, hai người bạn đang giao tiếp với nhau về việc bán hàng. Họ cần phải tư vấn cho nhau,một khi nó là thời điểm thuận lợi để mua hoặcđúng thời điểm để bán cổ phiếu. Họ có thể la hét khi làm việc, khiến tất cả mọi người khác sẽ chú ý nghe họ. Nhưng họ phải thực hiện bí mật, vì vậy không ai khác sẽ hiểu được chiến lược của họ. Khi một người đàn ông giơ tay, hoặc cầm một tờ báo cuộn lại đưa lên một số tín hiệu, có thể là một nắm tay và sau đó đưa ra ba ngón tay. Người khác nhìn thấy điều này xảy ra, nhưng không ai hiểu được ý nghĩa của nó. Chỉ có hai người đàn ông hiểu nhau. –Ồ, anh ấy nói tôi nên chờ đợi trước khi bán cổ phiếu, và sau đó chừa lại một nửa. Giá sẽ sớm thay đổi.

Chúng ta nói rằng tâm trí của họ kết nối với nhau. Nếu bạn thực sự đạt được Chân tánh của bạn, thì sau đó bạn nghe thấy những ngôn từ “Cây không rễ,” hoặc “Thung lũng không tiếng vang”. Ngay lập tức bạn đạt được ý nghĩa của những từ ngữ này. –À, tôi thấu đạt trải nghiệm đó! Vì vậy, đó là tác dụng của các “ẩn nghĩa” trong ngôn ngữ Thiền.

Một ví dụ khác minh chứng điều này, nước Đại Hàn vẫn còn chia ra hai miền Nam Bắc. Có đường vẽ trên bản đồ tại vĩ tuyến ba mươi tám. Phần trên là Cộng sản Bắc Triều Tiên, và phần dưới là Nam Hàn Quốc. Do vậy thường xuyên, gián điệp Bắc Triều Tiên bí mật vượt qua ranh giới này và thâm nhập sâu vào nội địa Nam Hàn. Sau đó, họ muốn liên lạc với các ổ tình báo bí mật, nhằm thu thập thông tin tại Nam Hàn. Có thể gián điệp khác là người Nam Hàn! Nếu họ muốn cung cấp thông tin, họ phải bí mật làm điều đó. Cũng có khả năng là hai thám tử tình báo chưa từng gặp mặt. Vì vậy, làm thế nào để họ nhận ra nhau, và làm thế nào họ không bị Cảnh sát An ninh Nam Hàn phát hiện ? Đây là điểm rất quan trọng. Vì vậy, Cộng sản Bắc Triều Tiên chỉ thị gián điệp của họ như sau:

– Đồng chí phải vượt qua biên giới Đại Nam Quan (Cổng Nam Lớn), đến thủ đô Seoul. Nhưng khi đứng ở phía Bắc của cửa khẩu chính xác là 13 giờ. Bạn lấy ra một điếu thuốc và đốt nó. Không hút thuốc mà chỉ đốt cháy nó, rồi vứt nó trên mặt đất, và dùng gót giày bạn chà bẹp xuống đất ba lần. Sau đó bạn chờ đợi, có người sẽ sớm xuất hiện và nói chuyện với bạn. Nếu anh ta trao cho bạn một tấm thẻ thông hành màu xanh có các ký tự Trung Quốc, thì anh ấy là người của chúng ta. Bạn có thể nói chuyện với anh ta. ‖

Điệp viên bí mật đi đến Nam Hàn. Anh ta không có ý tưởng tìm hiểu về người mà anh ta sẽ gặp hoặc ngay cả người này sẽ như thế nào. Nhưng theo chỉ thị, anh nhìn thấy Đại Nam Quan và đứng ở phía Bắc. Đúng 1 giờ chiều, anh ta lấy ra một điếu thuốc đốt lên và sau đó vứt xuống mặt đất, rồi dùng gót chân phải nghiền nát nó ba lần. Ngay lúc đó, một người đàn ông bước ra khỏi xe và đi về phía anh ta. Rồi trao cho anh ta một sổ thông hành màu xanh da trời, bằng các ký tự Trung Quốc có gắn ảnh anh ta. Sau đó cả hai bắt tay và bắt đầu nói chuyện.

Đây là tất cả ngôn ngữ bí mật. Tất cả mọi thứ được ẩn kín. Nhưng khi hai người gặp nhau thì ngôn ngữ phát sanh. Tâm của họ kết nối nhau. Gián điệp Bắc Triều Tiên và

người ở Nam Hàn lập tức hiểu nhau, và họ biết công việc của nhau. Nhưng không ai có thể hiểu được ngôn ngữ bí mật của họ. Bất cứ ai nhìn vào người đàn ông vứt điếu thuốc lá trên mặt đất, và nghiền nát dưới gót chân phải của mình ba lần, cho rằng những hành động này không có ý nghĩa. Vì họ không chú ý đến nó. Nhưng điệp viên khác thì nhìn kỹ, và khi nhận ra điều này, nó không phải là một bí mật. Đây là những gì mà Ba điều Tuệ Giác chỉ đến. Chúng ta gọi chúng là ngôn từ bí mật của Chân tánh chúng ta. Nếu bạn thấu đạt tâm bạn, sau đó bạn sẽ lãnh hội Ba điều Tuệ Giác này.

Cảnh giới Như Như

Xuân đến, cỏ tự mọc. Núi xanh không di chuyển. Mây trắng bay qua lại.

Ba điều Tuệ Giác chỉ đến một thành tựu của lĩnh vực mô tả ở 270o trên vòng tròn Thiền. Cảnh giới của Như Như là kinh nghiệm ở 360o . Đó là cảnh giới của Chân lý. Trên thực tế, chúng ta luôn luôn sống trong sự thật hiển bày. Nhưng tất cả mọi người bị dính mắc với suy nghĩ của họ, vì vậy họ chỉ giữ lại những tư tưởng và ý kiến riêng của họ về sự thật và không thấy được chân lý thực tế của thế giới này. Khi bạn quét sạch mọi vọng tưởng, tâm bạn trong suốt như hư không. Khi trong suốt như hư không, nó giống như một tấm gương trong vắt. Đỏ đến hiện đỏ, trắng đến hiện trắng. Khi bạn thấy, nghe, ngửi , nếm, xúc chạm và suy nghĩ, tất cả mọi thứ, chỉ như thế, là sự thật. Tất cả những điều này được phản ánh giống như chúng đang hiện hữu. Trời xanh. Đó là sự thật; Cây xanh. Đó là sự thật. Chó sủa Gâu! Gâu! Đó cũng là sự thật. Xuân đến, cỏ tự mọc. Núi xanh vốn bất động. Mây trắng bay lại qua. Đây là tất cả sự thật.

Tâm gương rõ ràng phản ánh sự thật bởi vì nó không bao giờ giữ bất cứ điều gì. Khởi nguyên, gương không có màu xanh của trời, màu xanh của cây, của núi, không có mây trắng, không có bất cứ thứ gì trong bề mặt trống rỗng của nó. Nhưng khi những đám mây xuất hiện trước gương, những đám mây được phản ánh, và khi những đám mây không còntrước gương, chúng biến mất khỏi gương. Điều này có nghĩa không chướng ngại bất cứ thứ gì: gương vốn rỗng không, không giữ lại bất cứ điều gì, hoặc đẩy đi khỏi thứ gì. Nó không dính mắc, vì vậy nó luôn luôn được tự do hoàn toàn. Cho dù bất cứ điều gì xuất hiện hoặc biến mất trong gương không quan trọng. Và tất cả mọi thứ đến và đi, sanh và diệt là sự thật.

Điều này cũng đúng trong tâm trạng của chúng ta. Khi không giữ một tâm sáng suốt và rỗng không, chúng ta không thể phản ánh sự thật của thế giới này.Chúng ta thường làm theo suy nghĩ của mình để cho nó lôi kéo chúng ta vào một số lãnh vực đau khổ. Bởi vì chúng ta bị dính mắc với Danh và Sắc của mọi hiện tượng sự vật trong thế giới này, tâm chúng ta cuốn hút nơi đây chốn kia liên tục đến và đi của các pháp. Khi bạn không dính mắc với Danh và Sắc, thì bạn quay trở lại với Chân ngã của bạn. Tánh thể uyên nguyên của chúng ta hoàn toàn rỗng không, trong thời gian vô hạn và không gian vô cùng. Chỉ tư duy

theo thói quen và suy nghĩ về khái niệm như những đám mây trôi nổi bề ngoài của nó. Bằng cách hoàn toàn cắt đứt tất cả mọi suy nghĩ, tâm bạn giống như gương sáng rõ ràng. Khi những đám mây đến, mây và bạn trở thành một. “A ! Mây trắng”. Khi Xuân

đến và cỏ tự mọc, mùa Xuân và bạn trở thành một. “Ồ! Cỏ xanh”. Khi bạn nhìn thấy núi, núi và bạn trở thành một. “Ô! Núi biếc”. Tâm bạn trở thành một với sanh và diệt. Điều đó gọi là Chân lý. Nếu bạn khám phá được Chân lý, bạn đạt đến Chánh đạo. Đó là cảnh giới Như thị.

Hồi quang phản chiếu

. Đi uống trà.

. Coi chừng bước chân của bạn.

Tại thời điểm này trên Vòng tròn Thiền, tất cả các độ biến mất. Chúng ta quay trở lại chỉ là một vòng tròn. Nếu bạn tạo ra một điểm, bạn thực hiện ở 0o, sau đó 90o, 180o 270o và 360o, tất cả xuất hiện. Nếu bạn không tạo ra bất cứ điều gì trong tâm bạn, thì không có độ nào, chỉ là một vòng tròn. Có nghĩa là trở về Chân ngã của bạn: tất cả mọi thứ đã được hoàn toàn. Đây là cuộc sống hàng ngày của chúng ta– nó không có gì đặc biệt. Nó là Con đường, Chân lý và Sự sống chính xác của chúng ta.

Thuở xưa, bất cứ lúc nào, nếu có người hỏi Thiền sư Triệu Châu, sư luôn luôn trả lời “Đi uống trà !” Nhiều người vẫn không hiểu Sư nói như thế có ý nghĩa gì. Nhưng thực tế rất đơn giản. Ngay cả một đứa bé cũng hiểu được điểm này. Tuy nhiên, tất cả mọi người tạo ra một cái gì đó đặc biệt, vì vậy họ không thể nhận ra ý nghĩa thực sự của ngài Triệu Châu. Với những lời này, sư dạy chúng ta về cách đạt được vị trí chính xác trong đời sống. Đó là lối giảng dạy cao cấp, bởi vì nó chỉ thẳng trực tiếp đến hoạt động tâm thức hàng ngày của chúng ta. Có vị Tăng đã từng hỏi sư Triệu Châu, “Phật là gì?” ‖ Sư đáp: –Uống trà đi ! Tăng thưa: ‖ –Nhưng bạch Thiền Sư, con đã uống trà rồi. ‖ Triệu Châu nói: –Nếu ông đã uống trà rồi, thì tại sao ông vác thây thúi đến đây với những câu hỏi như vậy? Vị Tăng bị mắc kẹt và không thể trả lời. Có lẽ ông đã không uống trà của mình một cách chính xác, đúng không? Khi bạn uống trà một cách chính xác, tức là bạn thể hội một cái gì đó, và khi bạn thể hội một cái gì đó, sau đó bất kỳ loại đấu pháp nào cũng được. Nếu bạn đã ở đó, và sư Triệu Châu hỏi bạn câu hỏi như vậy, thì bạn trả lời ra sao? Bạn có thể nói những gì? Điều quan trọng nhất, không phải là để cho mình trở nên dính mắc với lời khai thị của Thiền sư. Cho nên, khi Triệu Châu hỏi: –Tại sao ông lại đến đây? Có

thể bạn đãnh lễ Thiền sư và nói: –Ồ! Thưa sư phụ, ngài khỏe không? Hoặc bạn có thể nói: “Thiền Sư, khuôn mặt của ngài vàng!” Đây là loại câu trả lời không có vấn đề. Điểm chính yếu là không chấp trước lời khai thị của Thiền sư. Đừng nên dính mắc với bất kỳ loại tình huống hoặc kỹ thuật giảng dạy. Khi trung tâm năng lực của bạn mạnh mẽ, bạn không bao giờ nắm giữ bất kỳ loại Pháp ngữ hoặc giáo lý nào. Sau đó, bạn có thể tiêu hóa tất cả các bài Pháp ngữ trong bất kỳ tình huống nào xuất hiện trước mắt bạn, thấu rõ được Chân lý. Khi bạn thấy, khi bạn nghe, khi bạn ngửi, khi bạn nếm, khi bạn xúc chạm, khi bạn nghĩ tưởng, tất cả mọi thứ là Chân lý. Sau đó, bằng cách tiếp tục tu tập thực hành, Chân lý này có thể tác dụng một cách chính xác để làm cho cuộc sống của bạn thăng hoa, trong sáng và Từ bi.

Khi bạn khát nước, đi uống trà. Nếu người khác đang đói, cho họ thức ăn. Đó là Chánh đạo. Đó là Chân lý. Đó là cuộc sống đúng của bạn. Tất cả mọi thứ trở thành hành động Bồ tát. Đây là lý do tại sao "Đi uống trà" của ngài Triệu Châu có nghĩa là Đại Từ, Đại Bi và Đại Bồ Tát Đạo. Cho nên trong từng sát na, khi bạn đang làm một cái gì đó, chỉ cần làm điều đó. Như thế là tuyệt diệu rồi !

Có một cách khác để minh thị điều này. Một ngày, vào thuở xa xưa, Thiền sư Mã Tổ ra đi cùng một đệ tử Tăng. Tăng hỏi Mã Tổ: - Phật là gì? ‖ Sư đáp: –Trời xanh. Cây xanh. Tăng nói:‖–Con hiểu điểm này. Ngay sau đó, Mã Tổ chỉ vào con đường đất trước mặt vị Tăng và nói: –Hãy coi chừng bước chân ông! ‖ Tức thì lúc đó một con rắn độc đang bò qua con đường phía vị Tăng đi. Ông rất ngạc nhiên và đã nhảy lùi lại. Trong giây phút đó, tất cả sự hiểu biết của vị Tăng hoàn toàn biến mất. Tâm "Trời xanh" của ông cũng đã biến mất. Trong khoảnh khắc đó, sự hiểu biết "Cây xanh" cũng không sử dụng được. Do đó, "Hãy coi chừng bước chân ông!" của Mã Tổ là lối dạy rất cao cấp. Sự cố này cho thấy kiến thức hiểu biết không thể giúp bạn. Nó không thể cứu lấy cuộc sống của bạn. Thay vào đó, từng sát na, bạn đang làm gì, ngay bây giờ? Luôn luôn giữ tâm trong sáng, và khi bạn đang làm một cái gì, bạn chỉ cần làm điều đó, (không phân tâm chuyện khác). Ngay cả khi bạn hiểu trời xanh là sự thật, và cây xanh là sự thật, mà bạn không giữ tâm sáng suốt trong từng sát na, thì sự hiểu biết này không thể hoạt dụng một cách chính xác để giúp ích cuộc sống của bạn. Vì vậy, Tâm hành động trong từng sát na rất quan trọng. Đó là "Tâm hiện tiền". Nó không có chủ thể và không có đối tượng. Bạn chỉ hoạt động rõ ràng trong mỗi lúc để giúp đỡ tất cả chúng sanh. Đó cũng là Đại Từ, Đại Bi và Đại Bồ Tát Đạo.

Đường Nhân Loại

Đến tay không, đi tay không, đó là kiếp con người.
Khi bạn sinh ra, bạn từ đâu đến?
Lúc bạn chết rồi, bạn về nơi đâu?
Sống như mây nổi.
Chết như mây tan.
Mây nổi tự thể vốn không còn.
Sống và chết, đến và đi, cũng như thế.
Nhưng có một vật luôn luôn vẫn rõ ràng.
Nó tinh khiết và sáng suốt, không phụ thuộc vào sanh tử.
Vậy thì cái gì là một vật tinh khiết, rõ ràng, sáng suốt?
Bài thơ này nói về việc tìm kiếm khuôn mặt nguyên sơ của chúng ta. Nó là bài thơ Thiền rất nổi tiếng. Thân của chúng ta giống như một đám mây bềnh bồng trôi nổi xuất hiện và biến mất trong bầu trời. Đây là bàn tay tôi. Đây là cơ thể tôi. Cơ thể của tôi không phải là Tôi. Tuy nhiên bất cứ khi nào thân thể mọi người bị mắc một số bệnh tật hoặc chuyện gì xảy ra, họ luôn luôn nghĩ rằng họ có vấn đề. Họ nghĩ rằng cơ thể này là Tôi . "Ồ!, Tôi bị bệnh! Tôi bị bệnh!" Đó là lối suy nghĩ thực sự không chính xác. Cơ thể của tôi bị bệnh, đúng không? "Tôi đang đau khổ. Tôi đang đau khổ." Điều đó cũng

không chính xác. Bài thơ này cho thấy cơ thể có thể xuất hiện và biến mất như một đám mây trên bầu trời. Nhưng có một điều không bao giờ xuất hiện và không bao giờ biến mất. “Nó tinh khiết và rõ ràng, không phụ thuộc vào sanh tử”. Nó là gì? Bạn có thể tìm thấy nó chăng?

Mọi người đều biết ít nhiều về cuộc đời của Đức Phật. Ngài vốn là một thái tử, có một tình huống rất tốt, sống trong nhung lụa vàng son, ăn ngon mặc đẹp, kẻ hầu người hạ, ấp lạnh quạt nồng, vui hưởng ngũ dục thế gian, có nhiều tài sản và quyền lực. Một ngày nào đó Ngài sẽ kế thừa ngôi vua cai trị đất nước của cha mình.

Nhưng trong lòng vị thái tử trẻ không lấy làm thỏa thích. Bởi vì Ngài đã nhìn thấy tất cả sự đau khổ của cõi đời lầm than ô trược. Ngài không thể hiểu lý do tại sao có quá nhiều nỗi khổ niềm đau, và lý do tại sao tất cả chúng sanh cuối cùng bị bệnh, già và chết. “Tại sao nhân loại chúng sanh sinh ra? Tại sao họ phải chết? Sống là gì? Chết là gì? Cõi đời này là

gì?” Những câu hỏi lớn cứ nhóm lên trong tâm và Ngài không mấy hài lòng. Không có thứ gì làm cho Ngài cảm thấy tươi đẹp hơn, dù thực phẩm, tiền bạc, tình yêu và các điều kiện khác sẵn sàng vâng phục đến trước mặt Ngài. Nhưng chúng sẽ không làm vơi đi sự thống khổ mà Ngài đã trải qua khi đối mặt với những nghi vấn này. Trong thực tế, câu hỏi là định đề trở nên lớn hơn và lớn hơn bao giờ hết. –Sống là gì? Chết là gì? Ngài nghĩ: “Không chỉ riêng ta, nhưng tất cả chúng sanh liên tục sanh và diệt, xuất hiện và biến mất, trong chu kỳ vô tận của đau khổ. Tại sao chúng ta xuất hiện trong thế giới này? Lý do tại sao chúng ta và tất cả những gì chúng ta yêu thích cuối cùng phải hoại diệt?” Loại Câu hỏi lớn này hoàn toàn đầy ắp trong tâm trí Hoàng tử trẻ Tất Đạt Đa mỗi ngày từ sáng đến tối. Những thú vui của cuộc sống hoàng gia chắc chắn không thể lấy đi những Nghi vấn này.

Ngài không thể ở lại trong hoàn cảnh vị trí tốt đẹp của mình. Cung điện, với tất cả vẻ hào nhoáng bề ngoài của nó, thậm chí càng làm cho Ngài ưu sầu hơn. Ngài đã cưỡi ngựa Kiền-trắc vượt thành Ca-tỳ-la-vệ, qua sông A-nô-ma, rồi cởi bỏ tất cả phẩm phục hoàng gia, tuốt kiếm cắt búi tóc lớn, tượng trưng cho giai cấp quý tộc của mình, bèn giao tất cả cho người thị vệ Xa Nặc, Ngài bảo: –Ngươi hãy mang những thứ này trở về hoàng cung, ta không cần chúng nữa, và báo cho vua cha biết là ta đã xuất gia tầm đạo. Thị vệ Xa Nặc tiếp nhận lấy và cúi chào kính cẩn : –Kính vâng, thưa thái tử.

Sau đó Ngài khoác mảnh y vàng hoại sắc, vào rừng núi tham học với các Đạo sĩ thời danh và thực tập nhiều lối tu khổ hạnh, mỗi ngày chỉ ăn một hạt đậu, hạt mè duy nhất và để tâm hít thở không khí ngoài trời mỗi lần một giờ. Ngài đã tu khổ hạnh trong sáu năm với Đại Nghi tình: “Ta là gì?” luôn luôn và ở khắp mọi nơi.

Sau bốn mươi chín ngày tọa thiền dưới cây Tất-bát-la, Ngài chỉ giữ “Tâm không- biết”. Rồi một buổi sáng tinh sương, Ngài chợt hé mắt nhìn thấy ánh sao Mai lấp lánh trên bầu trời phía Đông, tức thì tâm thức Ngài bùng vỡ và đã Giác ngộ hoàn toàn. Chúng ta nói rằng vị Thái tử trẻ đã tỉnh thức, trở thành một vị Phật. BOOM! Đức Phật đã đạt được “điều tinh khiết và rõ ràng”. Ngài được tự do tự tại trong sanh tử. Cơ thể của tôi có

sống có chết, nhưng Chân tánh thì chẳng bao giờ sanh diệt. Thân này chỉ là một hợp thể vật lý hiện hữu trong một thời gian, nhưng nó không phải là Tôi. Đức Phật thân chứng điểm này. Vì vậy, cái gì là một vật tinh khiết rõ ràng? Nếu bạn muốn khám phá nó, chỉ giữ lấy Đại Nghi: Ta là gì?. Và chỉ đi thẳng, Không biết ...

Bạn phải luôn luôn nhớ rằng cơ thể này không phải là Chân ngã của bạn. Đôi khi cơ thể của bạn chịu khổ sở, bị bệnh hoạn, đau nhức đủ thứ. Nhưng Chân ngã không bao giờ bị bệnh, không bao giờ sầu khổ hay đau đớn. Chân ngã của bạn không bao giờ đến hoặc đi. Nó không lay động chuyển dời bởi cơn đau của cơ thể.

Có nhiều loại nước khác nhau. Có nước sạch, nước dơ, nước mưa, nước máy, Coca-Cola, và Seven-Up. Nước có nhiều tên gọi và hình thức khác nhau, tất cả chúng dường như khác nhau hoàn toàn. Nhưng bên trong sâu thẳm, chúng đều giống nhau. Nếu bạn phân tích tất cả những điều này, cuối cùng bạn sẽ tìm thấy H2O. Vì thế hương vị và cách sử dụng khác nhau, nhưng đặc tính bên trong chúng đều là như nhau. Hương vị , màu sắc và cách sử dụng đơn giản thì không bao giờ có thể ảnh hưởng đến thực chất bên trong, nó cuối cùng chỉ là H2O. Giống như hoa nở đúng vào mùa Xuân, khi mùa Xuân đến, nhiều kỳ hoa dị thảo xuất hiện. Nhưng trước khi hoa xuất hiện thì một số cây cối trụi lá trơ cành. Sau đó, những bông hoa xuất hiện khoe đủ màu sắc tuyệt vời. Trước khi hoa nở, không có màu sắc. Bây giờ chúng có màu sắc. Và ít lâu sau, ai đó sẽ cắt bỏ chúng, hoặc chúng rụng xuống –Ôi! Những bông hoa đã héo tàn! Chúng không còn tươi đẹp nữa. Chúng bị vứt đi vì xấu xí, để rồi tất cả các sắc màu dần dần biến mất, không có gì là tuyệt vời. Màu sắc này từ đâu xuất hiện, và đi về đâu?

Nếu bạn nhìn vào thế giới này như nó hiện hữu, bạn sẽ nhận thức rằng tất cả mọi thứ đã xảy ra như những bông hoa. Tất cả mọi thứ xuất hiện từ không, chúng tồn tại một thời gian, và sau đó trở về không. Vì vậy, “Sắc tức là không. Không tức là sắc”. Bất kỳ mọi loài, mọi vật đều có chung bản thể như nước, hoa, màu sắc, mùi vị, núi, sông, cây cối và tâm của bạn. Bản thể đó không sanh, không diệt. Bản thể của bạn, bản thể của tôi, bản thể vũ trụ, bản thể của chiếc áo choàng này, tất cả đều giống nhau. Nó không sanh không diệt. Về mặt hiện tượng bên ngoài, tất cả mọi thứ liên tục di chuyển xung quanh, xung quanh, thay đổi, thay đổi. Nhưng có một vật không bao giờ thay đổi và không bao giờ di chuyển. Tất cả mọi người đều có nó. Nó xuất phát từ bên trong bạn! Đó là vật gì luôn luôn tinh khiết, rõ ràng và sáng suốt, năng cứu giúp tất cả chúng sanh. Nó là gì? Chúng ta phải nhận ra điều đó. Điểm quan trọng nhất là chúng ta có thể làm gì với cuộc sống của chúng ta, và khám phá ra một vật tinh khiết và rõ ràng. Khi bạn nhận ra nó, bạn có thể làm chủ tất cả mọi thứ. Sau đó, dù cho thế giới này có bùng nổ vỡ tung vào ngày mai, cũng không thành vấn đề. Ít nhất, nó không thể chạm vào một vật tinh khiết,sáng suốt và rõ ràng của bạn.

Tức thấy Như lai (Just Seeing Is Buddha-nature.)

Nếu muốn hiểu cảnh giới chư Phật
Giữ tâm trong sáng như hư không
Xa lìa vọng tưởng cùng ham muốn

Tâm này tới lui không chướng ngại
Vậy cái gì giữ tâm trong sáng như hư không?
Nếu tâm bạn chưa sáng suốt.
Hãy lắng nghe sau đây:
Đó là Tánh giác (tỉnh thức).
Trên trùm chư Phật.
Dưới thấu lục phàm.
Một bằng một, mỗi vật toàn vẹn.
Một bằng một, mỗi vật sẵn có.
Nó và bụi hòa quyện nhau. (Trần trần thượng thông)
Hiển hiện trong mọi vật. (Vật vật thượng hiện)
Ch ng đợi tu thành. (Bất đãi tu thành)
Thấu hiểu, sáng tỏ. (Liễu liễu, minh minh)
(Cầm gậy thiền đưa lên) Bạn thấy chăng?
(Đập gậy thiền xuống bàn) Bạn nghe chăng?
Bạn thấy sáng suốt rồi !
Bạn nghe rõ ràng rồi!
Vậy, cây gậy này, âm thanh này và tâm bạn là gì?
Chúng giống nhau hay khác nhau?
Nếu nói "giống", tôi đánh bạn ba mươi hèo.
Nếu nói "khác", tôi đánh bạn ba mươi hèo.
Tại sao? "Katz!"
Ba lần ba là chín (3 X 3 = 9)
Muốn hiểu được cảnh giới của chư Phật có nghĩa là muốn hiểu Chân ngã của bạn: "Ta là gì?". Bởi vì tâm là Phật, Phật là tâm. Khi bạn hoàn toàn thấu đạt tâm của chính mình, thì bạn thấu đạt tâm của tất cả chư Phật và chư Tổ đều cùng chung một tâm. Chúng ta có thể hiểu đây là loại "ngôn ngữ trí tuệ", nhưng chúng ta đã không hiểu được "thật nghĩa" là gì? Mọi người luôn luôn thích nói về tâm, tâm, tâm. Nhưng tâm của chúng ta là gì? Nó lớn cỡ nào? Màu sắc của nó ra sao? Nó cứng hay mềm? Tròn hay vuông? Nó là màu xanh lá cây hay màu vàng hoặc là màu xanh dương? Chúng ta đã không hiểu điều này vậy mà luôn luôn sử dụng nó hằng ngày. Chúng ta chỉ hiểu một từ có tên là: tâm.

Mặc dù có trăm ngàn quyển sách về triết học, chúng ta cũng không biết chính xác vị trí của tâm ở đâu! Nó ở đây, hoặc trong cánh tay tôi, hay trong bụng tôi – Cái tâm của tôi ở đâu? Điều gì làm nó ở lại, và nó sẽ đi đâu? Chúng ta thật sự có tâm, hay thực sự không tâm? Tâm là gì? Nếu bạn thật sự hỏi câu này, một cách sâu sắc, điều duy nhất bạn có thể trả lời là không biết... Thật là dễ dàng để kiểm soát điểm này. [Đưa gậy thiền lên khỏi đầu] Nếu bạn nói bạn có tâm, vậy thì cây gậy này và tâm của bạn giống nhau hay khác nhau? Nếu bạn nói giống nhau thì cây gậy này sẽ đánh bạn 30 lần. Và nếu bạn nói khác nhau, thì cây gậy này cũng sẽ đánh bạn 30 lần. Bởi vì gậy và tâm chỉ là những cái tên rỗng không. Những cái tên này không có tự tánh. Khi bạn không hiểu về Chân ngã

(con người thật) của bạn, thì bạn sẽ không hiểu bất cứ điều gì, bởi vì bạn vẫn còn bị mắc kẹt tạm thời trong lãnh vực của các tên (Danh) và hình thức (Sắc). Vì vậy bạn không thể trả lời được.

Con người có rất nhiều sự hiểu biết. Chúng ta hiểu rằng trời xanh, cây xanh. Chúng ta hiểu rằng đây là dòng sông và đó là đồi núi. Đây là con chó, và đó là con mèo. Chúng ta hiểu tất cả mọi thứ. Nhưng thật sự chúng ta không hiểu gì cả, bởi vì sự hiểu biết của tất cả mọi người thật ra đó chỉ là ý tưởng của ai đó đã được cưỡng gán cho chúng. Đó không phải là ý tưởng riêng thật sự của chúng. Chúng ta nói: "Trời xanh" Nhưng bầu trời không bao giờ nói: "Tôi màu xanh" hoặc không bao giờ nói: "Tôi là bầu trời". Bạn nói: "Cây xanh". Nhưng cây không bao giờ nói: "Tôi màu xanh". Một con chó không bao giờ nói: "Tôi là con chó." Con mèo không bao giờ nói: "Tôi là con mèo". Con người đã tạo ra những cái tên và các hình thức để rồi sau đó dính mắc với chúng. Thí dụ, làm thế nào để bạn có thể mô tả được tiếng sủa của một con chó? Người Hàn Quốc cho rằng tiếng chó sủa là "Wong! Wong!" Ở Trung Quốc thì là "Wo! Wo!" còn ở Mỹ là "Woof! Woof!" người Ba Lan nói tiếng chó sủa là "How! How!" Việt Nam gọi là "Gâu! Gâu!" Tất cả những âm thanh đều khác nhau! Tiếng nào là tiếng sủa đúng của loài chó? Tiếng sủa đúng thì không phải là "Wong! Wong!" Nó không phải là phong cách của người dân Trung Quốc "Wo! Wo!" hay "How! How!"

Nhân loại chúng sanh khác nhau, cho nên tạo ra những âm thanh khác nhau. Nhưng điều đó vẫn không phải là âm thanh chính xác của một con chó sủa. Đây là tiếng "sủa" của con người: không có con chó nào đã từng nói bất kỳ trong những điều này. Trong thực tế, thậm chí con chó không bao giờ tự gọi mình là "chó". Đôi lúc bạn đi hỏi một con chó "Mi có phải là chó không?" Nó sẽ có một câu trả lời thật hay cho bạn.

Ở điểm này có thể cho thấy rằng tất cả những tên gọi và hình thức đều tạo ra bởi con người. Họ gán tên bầu trời là màu xanh lơ và cây thì xanh lá và con chó sủa "Gâu Gâu!" Chúng ta đều biết rằng bầu trời màu xanh lơ, phải không? Người Mỹ nói "Ah! The sky is blue!" Tuy nhiên một người Hàn Quốc nhìn lên trời và không bao giờ nói "The sky is blue" mà người Hàn Quốc nói "Hannulun purumnida". Người Nhật Bản sẽ nói"Sora wa aoi desu." Tất cả các âm thanh đều khác nhau, phải không? Vì vậy, điều này cho chúng ta thấy được có bao nhiêu sự hiểu biết khác biệt ở bên trong. Tuy nhiên sự hiểu biết đó là do ý tưởng của một số người nào đó chỉ cho bạn trở thành thói quen (giống như mẹ dạy con khi tập nói). Nó không phải thật sự là ý tưởng của bạn. Nó không phải là ý tưởng của thế giới này. Nó không phải là ý tưởng chân thực. Vậy cái nào là ý tưởng chân thực?

Nếu bạn muốn tìm kiếm ý tưởng chân thực của bạn, bạn cần phải trở lại nguyên điểm. Quay trở lại thời điểm ban đầu, nơi mọi thứ sáng rõ như hư không. Khi tâm của bạn sáng rõ như hư không, tức thì bạn và vũ trụ hoàn toàn trở thành một. Ở đó không có sự tách rời, và không có ý tưởng, không có chủ thể, không có đối tượng. Rồi từ từ mắt của bạn sẽ mở ra, đôi tai của bạn sẽ mở ra, mũi của bạn sẽ mở ra, lưỡi của bạn sẽ mở ra, và tâm của bạn cũng sẽ mở toang ra. Bạn có thể thấy sáng suốt, nghe sáng suốt, ngửi sáng suốt, nếm sáng suốt, xúc chạm sáng suốt và ý nghĩ sáng suốt. Mọi thứ đều sáng suốt,

chính như nó đang là.

Lúc đó thì bầu trời và bạn trở thành một. Cây và bạn trở thành một. Con chó và bạn trở thành một. Đường và bạn trở thành một. Tên cho những trải nghiệm này là Chân lý. Vô cùng đơn giản. Chân lý có nghĩa là tất cả mọi thứ trở thành của bạn. Chúa Giêsu nói: "Ta là Con đường, Chân lý và Sự sống."

Thực hành Thiền có nghĩa là thực sự đạt đến Chân ngã của chúng ta, rồi sau đó đạt đến Chánh đạo, Chân lý, và Cuộc sống đúng. Đây là ý tưởng thật sự của chúng ta. Nó thật sự vốn sẵn có ở bên trong mỗi con người của chúng ta, ngay bây giờ. Vì vậy, nếu bạn muốn tìm hiểu cảnh giới của tất cả Chư Phật, thì cần phải biết – "Phật là gì?" – Trước hết tâm bạn phải trở nên trong sáng như hư không. Tại điểm này, không có suy nghĩ và không có sự ham muốn. Ngay đây, tâm của bạn đơn giản chỉ phản

ánh vũ trụ một cách chính xác như nó hiện hữu. Tâm của bạn có thể đi bất cứ chỗ nào mà không có sự trở ngại. Đó là cách thực hành của chúng tôi: trở về từ điểm này, những gì chúng ta thường gọi là thời điểm nguyên sơ. Làm sao bạn có thể quay trở về thời điểm nguyên sơ? Hãy tự hỏi chính mình một cách sâu sắc miên mật, "Ta là gì?" Chỉ Không Biết….Giữ một tâm Không–biết, và sau đó tất cả mọi suy nghĩ của bạn trở nên sáng suốt và rõ ràng hơn. Cuối cùng tâm của bạn trong sáng như hư không. Đó là điều vô cùng thú vị ! Nhưng cái nghĩa chính xác của nó là gì để cho biết rằng tâm bạn trong sáng như hư không? Nếu bạn không hiểu được điểm này, thì phải cần thêm một chút giải thích nữa.

Chúng tôi gọi "Tâm trong suốt như hư không" là Tánh Giác. Tất cả chư Phật, các vị Bồ tát, và ma quỷ đến từ điểm đó. Vì vậy chúng ta nói: "Một bằng một, mỗi vật toàn vẹn, Một bằng một, mỗi vật sẵn có." Đối với một số người cho là những ngôn từ này rất khó hiểu, nhưng thật sự nó hoàn toàn dễ dàng và sáng tỏ. Như tôi đã trình bày, tất cả mọi thứ trong vũ trụ này có cùng một bản thể, và bản thể này là bản thể thật sự của chúng ta. Thí dụ, đây là nhà máy bánh ngọt, trong nhà máy bánh ngọt này có rất nhiều bột và đường. Có một căn phòng rất lớn chứa đầy bột, sữa và đường. Sau đó, người làm bánh lấy bột,sữa và đường cùng hương liệu hòa chung nhau với nước, và cho vào khuôn hấp làm từng cái bánh dưới nhiều hình thức khác nhau. Họ làm ra những chiếc máy bay, những chiếc xe hơi, hình con người, ma quỷ, Thiên thần, Bồ tát. Họ làm ra những con chó, con mèo, con chim, ngôi sao…. Họ làm ra nhiều hình dạng bánh khác nhau. Những bánh ngọt này có những tên và hình dạng khác nhau, nhưng tất cả đều có cùng một bản chất, cùng một loại bột, sữa và đường. Hầu hết mọi người trên thế giới nói: "Không phải, đó là cái bánh hình máy bay, và đây là cái bánh hình con chó. Chúng thật sự không giống nhau." Nhưng nếu để cả hai thứ bánh đó vào miệng, và bạn sẽ sớm hiểu rằng," A!, cả hai đều có cùng hương vị thơm ngon…" Vì vậy, hương vị của núi, của bầu trời, của Bồ tát, của Phật, của Chúa, của ma quỷ, và hương vị của tâm bạn tất cả đều giống nhau. Tất cả mọi thứ trong vũ trụ này có cùng chung một bản thể.

Bài thơ này tạo ra cùng một điểm. Toàn thể vũ trụ, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, trí tuệ của bạn, trí tuệ của tôi, tất cả mọi thứ – xuất hiện cùng một bản thể giống nhau, cùng

một điểm. Nhưng các tên và các hình thức của tất cả mọi thứ đều khác nhau. Mặt trời, mặt trăng, núi non, cây gậy này, âm thanh này, và bạn đều có cùng một bản thể. Chúng tôi mô tả với những từ: "Một bằng một, mỗi vật đều toàn vẹn. Một bằng một, mỗi vật đều sẵn có." Tất cả mọi thứ đều có cùng bản thể. Có nghĩa là thiên đường và địa ngục cả hai có cùng một bản thể. Thiên Chúa và ác quỷ chung một bản thể. "Đồng thời cùng một lúc, tất cả mọi thứ đều trở thành Phật. Tất cả chúng sanh đều nhập Niết bàn cùng một lúc." Khi bài thơ nói "Trên phủ trùm Chư Phật. Dưới thấu khắp lục phàm" tức là đang tạo ra thời điểm

này, mà ngay cả chư Phật và sáu cõi luân hồi đều cùng chung một bản thể. Tất cả có cùng một loại bột, sữa và đường, có cùng một hương vị, và về cơ bản cũng không khác nhau. Nó cũng không khác với tâm bạn. Chỉ có những tên gọi và những hình thức khác nhau, tất cả những điều này xuất hiện từ ý tưởng tư duy của bạn.

Nếu bạn không dính mắc bởi tên và hình thức, bạn có thể nhận ra rằng tất cả các pháp đều như nhau."Một bằng một, mỗi vật toàn vẹn. Một bằng một, mỗi vật sẵn có. Nó và bụi hòa quyện nhau. Nó hiển hiện rõ ràng trong mọi thứ." Bản thể, Danh và Sắc hòa chung nhau. "BÙM!" Bản thể của chúng ta và bản thể các pháp đã là một. Vì vậy bản thể của chúng ta đã hiển hiện rõ ràng ở khắp mọi nơi. Trời xanh. Cây xanh. Chó sủa "Gâu! Gâu!" Niết bàn và địa ngục là loại bột như nhau, có cùng một tinh chất, một bản thể. [Đánh gậy thiền xuống bàn]. Ở điểm đó, điểm âm thanh này [Đánh gậy thiền xuống bàn] là bản thể của âm thanh, bản thể của bạn, bản thể của tôi, bản thể của bầu trời, bản thể của cây cỏ, bản thể của niết bàn, bản thể của địa ngục, bản thể của mọi hiện tượng sự vật. Âm thanh này [Đánh gậy thiền xuống bàn] là bản thể của vũ trụ. Trong tiếng Nhật, "Kensho" có nghĩa là Kiến tánh và trở thành Phật. [Đánh gậy thiền xuống bàn] Bạn đã nghe điều này một cách sáng suốt và chân thực rõ ràng. Vậy thì bản thể của cái ly này là gì? Hãy nhìn vào cái ly. Những gì không phải là bản thể Phật tánh? Bạn có thể tìm thấy điều đó chăng? Mọi thứ đều có nó: Núi xanh. Nước chảy. Hương thơm. Âm thanh giọng nói của tôi. Thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm, suy nghĩ – tất cả mọi thứ đều là Phật tánh.

Một hôm, có môn sinh đã từng hỏi tôi: – Thưa Thiền sư, con có một vấn đề... Tôi hỏi: –Vấn đề của bạn là gì? –Dạ thưa... Suy nghĩ của con không bao giờ dừng lại. Làm cách nào con có thể chấm dứt suy nghĩ ? Tôi nói: – Ồ! Điều đó thật quá dễ dàng! –Dạ không, không, không! Nó rất là khó khăn. Con ngồi tĩnh tâm, và thực hành thiền, nhưng suy nghĩ của con không bao giờ dừng lại. Con không thể cắt đứt được sự suy nghĩ của con. Con không thể nhận ra Phật tánh của con. Con không thể làm bất cứ điều gì. Vì vậy tôi đã hỏi anh ta: – Bạn có 5 đồng không? Năm đồng có thể lấy đi sự suy nghĩ của bạn. –Thưa thầy! Cái gì? Làm thế nào 5 đồng có thể lấy đi suy nghĩ của con? – Nếu bạn có 5 đồng, bạn nên đi mua một vé xem phim... –Một vé xem phim ư ? Có điên không? Vì vậy tôi nói với anh ta:

–Hãy lóng nghe tôi nói. Bạn đã có bao giờ xem phim E.T (the Extra- Terrestrial) loại phim khoa học viễn tưởng chưa? –Dạ có xem rồi. –Vậy thì với những đứa trẻ đi xe đạp lượn trên bầu trời, thế thì khi đó bạn có suy nghĩ và lo lắng cho nó không? Anh ấy nói:–

“ Không…” – Vậy hãy đi xem phim, và bạn sẽ có trải nghiệm về tư duy. Trong thời gian xem phim, bạn đừng bao giờ suy nghĩ về chuyện của tuần trước, hay vấn đề gì của bạn, hoặc bạn có bao nhiêu tiền gởi trong ngân hàng. Khi xem phim, bạn đừng bận tâm về công việc, cuộc sống, và chuyện riêng tư của bạn. Khi các đứa trẻ đi xe đạp lượn trên bầu trời, ngang qua mặt trăng mọi người đều hoan hô tán thưởng. ‘A! Thật tuyệt vời!’. Cái tâm xem phim này giống như tấm gương hoàn toàn trong suốt. Tâm xem phim này hoàn toàn không dính mắc bởi suy nghĩ. Không dính mắc suy nghĩ thì không có suy nghĩ. Được không?

Khi một chàng trai tốt sống hạnh phúc, thì bạn hạnh phúc. Khi người đàn bà chết, thì mọi người đều buồn. Khi người đàn ông xấu đánh vào chàng trai tốt và giết anh ta, tất cả mọi người trong nhà hát đều chia sẽ cùng một tâm ý: “Vùng lên! Vùng lên! Hãy bắt lấy kẻ xấu ác.” Đây là thí dụ tuyệt vời của sự không dính mắc tư duy. Chỉ nhìn. Chỉ nghe. Chỉ ngữi. Chỉ nếm. Mọi người có thể giữ cái tâm như vầy khi xem phim, nhưng giây phút họ ra về, tâm của họ lại dính mắc với những suy nghĩ, như sợ hãi, lo âu, kiểm tra và cảm xúc quanh quẩn, lòng vòng. Xem một bộ phim không dính mắc suy nghĩ: nó chỉ suy nghĩ: Nghệ thuật tuyệt vời, âm nhạc hay, và những hình ảnh đẹp, tất cả những thứ ấy đều có thể cho chúng ta cùng một trải nghiệm không suy nghĩ ít ra trong khoảng thời gian ngắn. Đó là cách chúng ta để cho “những suy nghĩ và những ham muốn bên ngoài giảm đi”. “Vì vậy, không tạo tác, bạn đã toàn vẹn rồi.” Nếu bạn hoàn toàn buông xuống tất cả và giữ một tâm rỗng không, thì ngay đó, bạn thấy, bạn nghe, ngữi, nếm, xúc chạm, và nghĩ tưởng, tất cả mọi thứ không bao giờ tách rời nhau. Bạn và tất cả các pháp luôn luôn trở thành một. “Không tạo tác, bạn đã toàn vẹn rồi.”

Khi bạn nhìn lên bầu trời, bầu trời và bạn trở thành một. Khi bạn nếm vị ngọt của đường, đường và bạn trở thành một. Bên ngoài, một con bò đang đi, nó kêu lên “Mooo!” và trong khoảnh khắc đó, “Mooo” và bạn hoàn toàn trở thành một, bởi vì “Mooo” là bản thể của bạn. Vị ngọt của đường là bản thể chân thực của bạn. Bạn và vũ trụ luôn luôn trở thành một.

Điều quan trọng là bạn phải hoàn toàn tin tưởng vào Tự- tánh mình. Và cách duy nhất để đạt đến điểm này là chỉ cần buông xuống tất cả, ngay bây giờ. Buông xuống tất cả,

chỉ đơn giản có nghĩa là không tạo ra “Tôi” và sau đó bạn không tách biệt với bất cứ điều gì khác. “Không tạo tác, bạn đã toàn vẹn rồi. ”

“Thông, thông. Sáng, sáng”. Để đạt được Chân ngã của chúng ta không phải là khó khăn. Một số người nghĩ rằng đó là điều vô cùng khó khăn. Nhưng Chân ngã của chúng ta là gì? Bức tường màu trắng. Sàn nhà màu nâu. Âm thanh của những con chim ngoài sân bây giờ là –“Chip-chip! Chip-chip! Bạn thấy chăng? Bạn nghe chăng?” Đây là Chân ngã của bạn; là Pháp thân của bạn; là con người thật của bạn, không khác nhau bây giờ là bao. Vì vậy khi tâm bạn sáng suốt như hư không, thì tất vả mọi thứ đã rõ ràng, Phải không?

Tuy nhiên, nếu không có vấn đề, thì làm sao có thể trở nên tuyệt diệu với loại ngôn từ này. Thậm chí chỉ hiểu những lời nói này về Chân tánh cũng không thể giúp chúng ta,

nếu chúng ta không nhận được ý nghĩa chân thực của nó. Vì vậy, với bất kỳ Thiền ngữ cao đẹp luôn luôn có một bài kiểm tra: Bạn đã thấy sáng suốt, bạn đã nghe rõ ràng. Vậy thì cây gậy này, âm thanh này, [Đánh gậy thiền xuống bàn] và tâm bạn, chúng giống nhau hay khác nhau? Nếu bạn nói chúng giống nhau, cây gậy này sẽ đánh bạn. Và nếu bạn nói chúng khác nhau, cây gậy này cũng sẽ đánh bạn. Làm thế nào bạn có thể trả lời? Làm thế nào bạn có thể thực sự chỉ ra cho thấy chân tánh của bạn, ngay trong lúc này, thay vì cố gắng để giải thích nó? Đó là điểm rất quan trọng.

Điểm này đã sáng rõ như hư không, có nghĩa là không có lời nói hay chữ nghĩa gì để diễn tả được. Không có đối lập, đó là lãnh vực trải nghiệm tuyệt đối. Nói "giống" hay "khác" là đang sử dụng những suy nghĩ đối lập, vì vậy nếu bạn mở miệng để giải thích điểm này, nó đã là một sai lầm lớn. Một sự chứng minh là cần thiết. Vậy làm cách nào bạn chứng minh nó?

Thuở xưa, bất cứ lúc nào nếu có ai hỏi Thiền sư Lâm Tế một câu hỏi gì, Sư hét lớn, "Kaaatz!" Có ai hỏi Thiền sư Đức Sơn một điều gì đó, Sư đánh vào người hỏi với cây gậy của mình: "Bịch!" Thiền sư Câu Chi thì trả lời đơn giản bằng cách đưa lên một ngón tay. Vì vậy, bây giờ tôi hỏi bạn một lần nữa: Tiếng hét Lâm Tế, cái đánh Đức Sơn, và ngón tay Câu Chi chúng giống nhau hay khác nhau? (không ai trả lời) Giống không? Khác không? Nếu bạn nói "giống nhau", tôi sẽ đánh bạn. Nếu bạn nói, "khác nhau", tôi cũng đánh bạn. Bạn có thể làm gì? Chứng minh là điều cần thiết! "Katz !" Chỉ có vậy! Nó rất đơn giãn và rất rõ ràng. Nhưng con người có những ý tưởng phức tạp, vì vậy họ không thể đạt được điểm đó.

Dòng cuối cùng của bài thơ này rất thú vị. "3 x 3 = 9". Điều này có nghĩa là bạn không thể nào dừng lại ở "Katz!" hoặc [Đánh gậy thiền xuống bàn]. Một bước nữa là cần

thiết. Đạt tới cảnh giới Chư Phật nghĩa là đạt được Chân lý, tất cả mọi thứ chính là "Như thị". Tường trắng. Trời xanh. Áo tràng xám. Tất cả như thế. Điểm này quay trở lại đã cho chúng ta nhận thức về một thế giới toàn vẹn. Muối mặn. Đường ngọt. 3 x 3 = 9. Đây là sự thật, thế giới chỉ là như vậy. Không có đặc biệt. Nếu bạn thật sự thấu đạt bài thơ này, bạn liễu đạt tất cả mọi thứ. Bạn đã toàn vẹn rồi. Đó là cảnh giới của chư Phật.

Bạn đang đi đâu?

Phật quá khứ đã đi như thế này.
Phật hiện tại đi như thế này.
Bạn đi như thế này.
Tôi cũng đi như thế này.
Có vật gì không tan vỡ? Ai là mãi mãi không thể bị phá hủy? [Đưa gậy thiền lên và dộng xuống mặt đất].

Hết thảy chư Phật trong ba đời(quá khứ, hiện tại và vị lai) một thời thành tựu Giác Ngộ. Và mười hạng chúng sinh, cùng ngày nhập Niết bàn. Nếu bạn không hiểu điều này, hãy đọc những câu sau đây: "Tượng đá mắt nhìn, rơi lệ thảm. Trẻ thơ không nói, thở than đêm"

Chư Phật xưa và nay tất cả đều có cùng một bản thể. [Đánh gậy thiền xuống bàn] Bạn và tôi cũng cùng chung bản thể này. [Đánh gậy thiền xuống bàn.Điểm đó [đánh] có nghĩa là bản thể vũ trụ. Chúng tôi đã nói về điều này. Nó là bản thể của bạn và của các pháp. [Đánh gậy thiền xuống bàn]. Nó là bản thể của tất cả chư Phật quá khứ, chư Phật hiện tại và chư vị Bồ tát, bản thể của các loài động vật, bản thể của bạn, bản thể của tôi, bản thể của xe cộ, của đất, đá, của nước… [Đánh gậy thiền xuống bàn]. Nó cũng là bản thể của Chúa và của ma quỷ. [Đánh gậy thiền xuống bàn]. Vì vậy, điều này chứng minh rằng không có sắp đến hoặc đang đi. "Đi như thế này" có nghĩa là chỉ một điểm đó. [Đánh gậy thiền xuống bàn].

"Vật gì mà không bị tan vỡ?" Thời gian và không gian kiểm soát tất cả mọi thứ trong thế giới này. Tất cả mọi thứ có tên gọi và hình thức, vì vậy nó luôn luôn thay đổi, thay đổi, thay đổi không ngừng. Trời đất, cây cối, núi, sông, con người, động vật, xe hơi, tất cả đều có tên và hình thức, do đó, chúng đến và đi. Một số trong chúng cứ sanh và diệt một cách nhanh chóng, và một số trong chúng sống lâu vô tận. Có những loại côn trùng chỉ sống một

vài ngày, và những ngọn núi xanh vẫn đứng đó nhiều triệu năm. Nhưng cuối cùng tất cả đều theo quy luật: sanh, trụ, dị, diệt hoặc thành, trụ, hoại, không, bởi vì tất cả chúng đều có tên gọi và hình thức. Vào lúc kiếp hoại, trái đất này cũng sẽ biến mất và bị đốt tan từ mặt trời. "Nếu Tâm sanh khởi thì Pháp sanh khởi. Nếu Pháp sanh khởi thì danh xưng và hình thức, đến và đi, thời gian và không gian, nhân và quả, tất cả đều sanh khởi. Nhưng nếu tâm diệt thì Pháp diệt, nếu Pháp diệt, tên và hình thức, đến và đi, thời gian và không gian, nhân và quả tất cả đều diệt" Điều‖này chứng tỏ cùng một điểm.

Vì vậy, có một vật không thay đổi, không sanh không diệt, và không bao giờ bị phá vỡ. Nó "bất biến vĩnh hằng". Vật này là gì mà không bao giờ thay đổi ? Vật này là gì mà không bao giờ bị phá vỡ? [Đánh gậy thiền xuống bàn]. Nó không bao giờ di chuyển và không bao giờ thay đổi. Đây là bản thể của bạn và bản thể các pháp. Bạn phải khám phá điều đó, bạn phải thấu đạt nó, và sau đó bạn được tự do.

–Tất cả chư Phật trong ba đời (quá khứ, hiện tại và vị lai) đồng thời thành tựu Giác ngộ. Tất cả các pháp sẽ trở thành Phật cùng một lúc. [Đánh gậy thiền xuống bàn] Tất cả các pháp, trong quá khứ, hiện tại và vị lai không thực sự tồn tại. Thời gian và không gian chỉ đến từ suy nghĩ. Đâu là quá khứ? Bạn giữ nó ở đâu? Bạn có thể chỉ cho tôi quá khứ của bạn không? Bạn có quá khứ của bạn ở đâu đó, và tôi có quá khứ của tôi ở đâu đó chăng? Quá khứ chỉ là một giấc mơ, đúng không? Nó không tồn tại, ngoại trừ trong tâm suy nghĩ chúng ta. Điều này cũng đúng với vị lai. Nó ở đâu? Mọi người đều nghĩ về những chuyện trong quá khứ và tương lai, và đối xử với chúng như thể chúng hiện hữu. Chúng ta nghĩ về một cái gì đó đã xảy ra trong quá khứ, hoặc sẽ xảy ra vào ngày mai, và chúng ta có thể tức giận hay vui buồn. Tuy nhiên điều này chỉ là suy nghĩ, bởi vì bạn không thể hiển thị bất kỳ những điều này, ngay bây giờ. Hiện tại cũng như vậy. Mọi người đều nghĩ rằng ít nhất là hiện tại vẫn đang còn có mặt, còn quá khứ và vị lai thì không. Nhưng tôi hỏi bạn, nó ở đâu? Nếu bạn nói "hiện tại" tức thì nó đãđi qua. Bởi khi bạn nói, "hiện tại"một lần nữa, nó cũng trở thành quá khứ. Bạn không có hiện tại !

Suy nghĩ của chúng ta tạo ra hiện tại, chỉ vì nó tạo ra quá khứ và tương lai. Nếu bạn đang suy nghĩ, bạn có thời gian và không gian, và sau đó luôn luôn di chuyển, không ngừng. Nhưng thời gian đến từ đâu, và nó đi đâu? Nó chỉ đến từ suy nghĩ. Thời gian không tồn tại ngoài tâm suy nghĩ của chúng ta.

Chúng ta chỉ có sát na này. Cuộc sống của chúng ta diễn tiến từng sát na, từng sát na. Sát na này là thời gian vô cùng và không gian vô tận, mà chỉ là một cách khác để nói rằng nó không có thời gian hoặc không gian. Đây là cách mà tất cả chư Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai đồng thời đạt được giác ngộ. [Đánh gậy thiền xuống bàn].Đó là tâm sát na. Trong một sát na có quá khứ, hiện tại và vị lai, có nghĩa là không có thời gian và không có

không gian. Không có thời gian và không có không gian nghĩa là thời gian vô cùng và không gian vô tận. Trong một sát na có tất cả mọi thứ. [Đánh gậy thiền xuống bàn]. Vì vậy, nếu bạn liễu đạt sát na này, bạn đạt được tất cả mọi thứ. Bạn là sát na và sát na là bạn.

Nhưng dòng tiếp theo đây thật rất thú vị: “Tất cả mười hạng chúng sanh trong pháp giới cùng một ngày nhập Niết bàn”. Mười hạng chỉ là một biểu tượng đại diện của tất cả chúng sanh trong pháp giới. Vì vậy nó chỉ cho kích thước của không gian. Trong thế giới quan Phật giáo, có mười hạng chúng sanh trong pháp giới, từ chư Phật đến Duyên giác (Bích chi), Bồ tát, A-la-hán, trời, A tu la, người, bàng sanh, ngạ quỷ, và địa ngục. Trên thực tế, mười hạng không phải là mười cấp bậc. Mười hạng được tạo ra hoàn toàn bằng suy nghĩ của chúng ta. Bên trong tâm thức chúng ta có khả năng biến thành một chúng sanh trong địa ngục, một ngạ quỷ, một bàng sanh, hoặc biến thành một con người, một thần A tu la, một Thanh văn (Tỳ Khưu), A la hán, Bồ tát, Bích Chi Phật và một vị Phật. Mười hạng đó ở trong tâm của mọi người. Mười hạng đó cũng ở trong tâm của mỗi vị Phật! Mỗi vị Phật đều có địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh cũng như mỗi chúng sanh khác. Mọi người đều có cùng mười hạng pháp giới như nhau.

Vậy thì trong chúng ta có bao nhiêu người có tâm Phật? Bao nhiêu người có tâm thú vật? Bao nhiêu người có hành động như một con quỷ đói trong cuộc sống của chúng ta? Đó là điểm rất quan trọng. Nếu bạn nhìn vào thế giới này, bạn sẽ thấy rằng loại ngôn ngữ này không chỉ là một số ý tưởng của Phật giáo. Hãy lội bộ xuống các đường phố và nhìn vào những khuôn mặt mà bạn gặp qua. Tất cả mọi người đều có các tính năng của con người, nhưng tiềm ẩn bên trong khuôn mặt nhiều người ngày nay có một số ý thức động vật. Nếu tâm của bạn sáng suốt rõ ràng, bạn có thể dễ dàng nhận thấy điều đó. Đây không chỉ là một phép ẩn dụ. Hình thức bên ngoài của họ tuy là người, nhưng bên trong tiềm thức của họ bị chi phối bởi một số ý thức động vật. Có thể họ chỉ có hai mươi phần trăm là “chất” người và tám mươi phần trăm là “chất” thú, như sư tử, cọp, sói, chó, rắn, rít, bò cạp v.v... Một số người có tâm thức địa ngục rất mạnh, vì vậy hành động của họ luôn luôn tạo ra một số trải nghiệm địa ngục cho chính mình và những người khác trong thế giới này. Thí dụ có người manh động khủng bố, làm công việc tra tấn, hoặc những chuyện như giết người, cướp của khiến họ phải vào tù. Một số người chỉ có tâm thức hiền thiện như trời, hay tâm thức Từ bi như Bồ tát. Bạn có bao nhiêu

tâm Phật và bao nhiêu tâm địa ngục? Một số người có 50 tâm "Tôi ham muốn một cái gì đó" và tâm Phật chỉ có một phần trăm trong tiềm thức của họ. Những loại tâm nào để bạn có thể giữ an vui lâu dài hơn: Tâm Phật, tâm Bồ tát, tâm A La Hán, hoặc tâm người, tâm động vật, tâm địa ngục? Điều này tạo ra cuộc sống của bạn ngay hôm nay trong mỗi sát na hiện tiền và cũng như trong những đời sau. Vì vậy, mười hạng như chúng ta có thể thấy, tất cả chỉ xuất phát từ tâm của chúng ta.

Tất cả chúng sanh trong mười hạng này nhập Niết bàn cùng một lúc. Chư Phật và chúng sanh địa ngục, Bồ Tát và ngạ quỷ, con người và các loài động vật nhập Niết bàn trong cùng một thời điểm. [Đánh gậy thiền xuống bàn]. Thời gian và không gian biến mất, toàn bộ vũ trụ trở thành một. Bạn trở lại tâm hiện tiền, ngay bây giờ [Đánh gậy thiền xuống bàn], thời điểm này. Tên và hình thức, thời gian và không gian, nhân và quả tất cả trở thành một. ‖[Đánh gậy thiền xuống bàn].Tất cả các pháp trở về sát na này. Tất cả chư Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai (thời gian) và mười hạng pháp giới hoàn toàn trở thành một trong sát na này. [Đánh gậy thiền xuống bàn]. Nó rất rõ ràng!

Tất cả mọi người có hiểu nghĩa này là gì không? Như bài thơ diễn tả, "Nếu bạn không hiểu, kiểm tra như sau: Tượng đá mắt nhìn, rơi lệ thảm. Trẻ thơ không nói, thở than đêm."

Một khi bạn thấu đạt thời gian và không gian hoàn toàn rỗng không, và chúng không tồn tại – một khi bạn thấu đạt được sát na – bạn phải quay trở lại đúng vị trí của tâm sát na này, đó là không có gì khác với hành động Từ bi ban cho những chúng sanh khổ đau.

Chúng ta đã nói về 270o trên Vòng tròn Thiền. Nếu bạn muốn hoàn toàn đạt được vị trí chính xác về điều này [Đánh gậy thiền xuống bàn], trước tiên bạn phải đạt được các lĩnh vực tư duy thần thông. Vì vậy, có người nghe những câu chuyện về một ai đó nhìn thấy các vị Bồ tát xuất hiện trước mặt họ. –Ồ! Tôi đã trì chú và tụng kinh, thấy Bồ tát Quan Thế Âm xuất hiện trước mặt, dạy tôi phải làm điều này và điều này. ‖

Trải nghiệm như thế là đến từ lãnh vực của 270o. Nếu bạn tin sâu vào Bồ tát Quan Thế Âm, Bồ tát Quan Thế Âm sẽ xuất hiện trước mắt bạn. Ai đó nghĩ là tôi cần sự giúp đỡ của Bồ tát Quan Thế Âm! Tôi muốn nhìn thấy Bồ tát Quan Thế Âm! Tôi muốn gặp Bồ tát! Rồi họ thành tâm đãnh lễ và tụng niệm, họ cũng đọc rất nhiều thần chú Bồ tát Quan Thế Âm. Sau một thời gian, họ thấy Bồ tát Quan Thế Âm xuất hiện trước mặt họ. –A! Bồ tát Quan Thế Âm đã cảm ứng! Sự kiện này xuất phát từ tâm của họ.

Và điều này không chỉ giới hạn trong Phật giáo. Có rất nhiều câu chuyện ngày nay về Chúa Giê-su hay Đức mẹ Maria hiện ra trước mọi người và cho họ những mặc khải đặc biệt. Có thể là một pho tượng Chúa Giê-su dường như chảy máu, hoặc tượng Đức mẹ trông giống như đang khóc. Sau đó có rất nhiều người nghe lời đồn đãi đi du lịch từ khắp nơi về chỗ đó để xem cho rõ hư thật chuyện hiển linh này. Và như thế nó không xảy ra một lần nữa, nhưng trong khi đó nhiều người được chữa khỏi bệnh. Mặc dù họ không nhận ra phép lạ gì xuất hiện trước đó, nhưng tất cả các phương pháp chữa trị

thần kỳ liên quan

đến các trang web, nó chỉ đơn giản là do tâm thức cảm nhận của họ. Họ có ý thức tha thiết tôi muốn nhìn thấy đức Mẹ Maria, và sức tín tâm mạnh mẽ, vì vậy những phép lạ có thể xảy ra và họ nhận được. Chẳng hạn, ý thức của tôi mong muốn nhìn thấy một phép lạ, muốn được chữa lành bệnh. Và một số trải nghiệm xuất hiện trong ý thức suy nghĩ của họ có thể giúp họ một chút hiện tượng phép lạ có thật. Đây là lĩnh vực "tư duy thần thông", lĩnh vực hoàn toàn tự do suy nghĩ. "Tượng đá mắt nhìn rơi lệ thảm". Dòng chữ này chỉ ra trải nghiệm đó. Nếu bạn đạt được sự trải nghiệm đó, bạn sẽ hiểu được kỹ thuật giảng dạy này. Nhưng đạt đến đây không phải là vị trí hoàn toàn: nó chỉ là một kỹ thuật. Nếu bạn chấp trước, hoặc dính mắc với kỹ thuật này, nó sẽ trở thành "Ma nghiệp"(Karma demon). Thêm một bước nữa là cần thiết.

Vị trí đúng của thời điểm này là gì? Làm thế nào để bạn ứng dụng thời điểm này tạo ra cuộc sống chính xác cho bạn? Đầu tiên, chúng ta hiểu rằng, chư Phật quá khứ đã đi như thế này. Chư Phật hiện tại đi như thế này. Tôi đi như thế này. Bạn cũng đi như thế này. Nó có quá khứ, hiện tại và vị lai. Nó có –"Tôi" và –"Bạn". ‖Những dòng chữ này đại diện cho 90o trên Vòng tròn Thiền. Điểm tiếp theo là – "Vật gì mà không phá vỡ được? Ai mãi mãi không thể bị phá hủy? Bạn có hiểu không?" Sau đó, cây gậy Thiền này sẽ đánh. [Đánh gậy thiền xuống bàn]. Điểm này không có tên gọi và không có hình thức, và trở về chúng ta với bản thể của các pháp.

Điều đó thay cho 180o trên Vòng tròn Thiền. Sau đó, trong ba thời gian, tất cả chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai đồng thời cùng Giác ngộ. Trên mười hạng pháp giới chúng sanh cùng một ngày nhập Niết bàn. Nếu bạn lãnh hội ngay điểm này [Đánh gậy thiền xuống bàn] , tất cả Danh và Sắc biến mất. Quá khứ, hiện tại và vị lai chư Phật thành tựu Giác ngộ cùng một lúc, có nghĩa là cùng kích thước của thời gian. Tất cả chúng sanh trong mười hạng là chỉ cho mức độ kích thước của không gian. Những dòng này hiển thị như thế nào về thời gian và không gian không tồn tại?

Từ 0o đến 180o có thời gian và không gian. Nhưng nếu bạn vượt qua 180o, bạn có được trải nghiệm rằng thực sự không có thời gian và không gian. Đó là thế giới tuyệt đối. Giữ điểm đó trong thời gian dài, bạn thấu đạt điều mà "Tượng đá mắt nhìn rơi lệ thảm". Đây là 270o trên Vòng tròn Thiền, lĩnh vực thần thông và phép lạ.

"Trẻ thơ không nói, thở than đêm". Đó là điểm 360o trên Vòng tròn Thiền. Làm thế nào thực hiện chức năng Tâm hiện tiền? Nếu một người đói xuất hiện trước mặt bạn, bạn sẽ làm gì? Nếu một người khát nước đến với bạn, bạn đáp ứng ra sao? Khi tâm bạn sáng suốt, rõ ràng, nó có thể hoạt động để giúp đỡ người khác trong từng khoảnh khắc. Đó là

Đại Từ, Đại Bi và Đại Bồ tát Đạo. Giúp đỡ người khác là công việc Giác ngộ của. "–Trẻ thơ không nói, thở than đêm". Khi chúng ta nhìn thấy một người đau khổ hay nghe ai đó đang đau khổ, lòng Từ bi của chúng ta một cách tự nhiên kết nối và muốn giúp đỡ họ.

Vì vậy, giáo lý này bắt đầu từ 0o, và vượt qua 90o đến 180o. Ở 180o, không có lời nói và chữ nghĩa. Bạn mở miệng đã là một sai lầm. Sau đó, chúng ta tiến đến 270o, nơi mà bất kỳ loại ngôn từ nào cũng đều xuất hiện, "Tượng đá mắt nhìn rơi lệ thảm".

Khi bạn tiếp tục thực hành và tiêu hóa thực nghiệm này, bạn tiến thêm một bước nữa, đó là 360o, nơi mà cảnh giới của các pháp như chúng đang là. Nó cũng giống như 0o. Tại thời điểm này, tất cả các cung độ biến mất, và vòng tròn cũng biến mất. Vòng tròn chỉ có nghĩa là bầu trời là bầu trời, và cây cối là cây cối. Nhưng một bậc minh sư có mắt tinh nhuệ sẽ khuyến khích bạn hãy tiến thêm một bước nữa, điểm đó nơi mà không còn bất kỳ loại hình tròn hoặc điểm dẫn giải nào.

Sau đó trời xanh. Cây xanh. Chó sủa: "Gâu! Gâu!" Đường ngọt, muối mặn. Khi bạn thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm, và nghĩ tưởng, tất cả mọi thứ, chỉ là như vậy, hoàn toàn. Vào thời điểm này, không có chủ thể, không có đối tượng. Cũng không có bên trong và bên ngoài. Tất cả mọi thứ hoàn toàn trở thành Một, mọi hành động của bạn là chỉ vì những người khác. –Cuộc sống của tôi là chỉ vì tất cả chúng sanh.‖Đây là Đại Bồ tát Đạo.

Ba cổng của Thiền sư Đâu Suất

Thiền sư Tùng Duyệt tọa chủ Chùa Đâu Suất có ba cổng:

1) Cắt cỏ vô minh (Cạo tóc xuất gia) và tham thiền là muốn thấu rõ Chân tánh. Vậy Chân tánh của bạn bây giờ ở đâu?

2) Như bạn đã liễu ngộ chân tánh và vượt thoát sanh tử. Vậy khi bạn chết, làm thế nào bạn sẽ được tái sinh?

3) Như bạn đã giải thoát vòng sanh tử, và cũng hiểu rõ nơi mà bạn quay về. Vậy khi tứ đại phân tán, bạn đi nơi nào?

Cách đây khá lâu, ở Trung Quốc, Thiền sư Tùng Duyệt tọa chủ chùa Đâu Suất đã sử dụng ba cổng để kiểm tra tất cả các môn sinh của mình với ba câu hỏi. Cắt cỏ vô minh có nghĩa là cạo đầu để trở thành nhà sư. Trong Phật giáo chúng ta gọi vô minh như tóc, như cỏ, bởi vì nó tiêu biểu cho sự dính mắc đang có mặt, đó là sự dính mắc với thân vô thường này. Khi bạn cạo tóc tức là bạn cắt bỏ những ý tưởng vô minh của bạn, mà cái thân vô thường này là một cái gì đó vẫn đáng giá kéo theo sau mọi đau khổ không cần thiết. Đó là lý do tại sao các vị Tăng ni cạo đầu. "Tôi không muốn chạy theo nghiệp lực của tôi". "Tôi muốn hiểu Chân tánh của tôi và giúp đỡ thế giới này". Chúng tôi đã nói tất cả các pháp là bản chất thật sự của bạn. [Đánh gậy thiền xuống bàn]. Điều này không có gì đặc biệt. Vì vậy, nếu tôi hỏi bạn: "Chân tánh của bạn bây giờ ở đâu?"Bạn trả lời như thế nào? Nếu bạn có thể trả lời được điều này, tức là bạn hiểu Chân tánh của bạn và bạn được tự do tự tại trong sanh tử. Đó là cổng thứ nhất.

Nếu bạn vượt qua cổng này rồi, sau đó bạn đến cổng thứ hai. "Khi bạn chết, làm thế nào sẽ được tái sinh?" Con người thật của bạn vốn không sanh, không tử. Nó cũng chưa từng đến và chưa từng đi. Dĩ nhiên, cơ thể của bạn có sống, có chết. Đây là tay tôi,đó là đầu tôi, cái này là thân tôi. Nhưng thực sự đó không phải của tôi. Con người thật của

bạn là gì? Con người thật của bạn chỉ là điểm đó. [Đánh gậy thiền xuống bàn] Trong điểm đó, toàn thể vũ trụ và bạn trở thành một. Điểm đó không có sanh hay tử. [Đánh gậy thiền

xuống bàn].Vậy thì, tôi hỏi bạn một lần nữa, khi bạn chết, làm thế nào bạn được tái sinh? Nhưng hãy cẩn thận! Nếu bạn dính mắc với những lời này, bạn sẽ không có khả năng để trả lời. Còn như bạn suy nghĩ và chỉ suy nghĩ. "Có nghĩa là bạn không sanh không tử ư? Có thể như thế không? Bây giờ tôi không còn sống phải không? Làm thế nào tôi sẽ tái sinh?" Nhưng tất cả điều đó không quan trọng. Nếu bạn giữ cho tâm này [Đánh gậy thiền xuống bàn], sau đó cho dù cơ thể của bạn hủy diệt hay không nó không quan trọng.

Ví dụ, bạn có một chiếc xe ô tô, khi lái về đến nhà, bạn phải ra khỏi xe của bạn. Sáng hôm sau, bạn lại vào trong xe của bạn một lần nữa và lái xe đi đâu đó. Bạn bước ra ngoài một lần nữa, tại văn phòng làm việc chẳng hạn. Sau đó bạn lại vào trong xe và lái đi về nhà. Hàng ngày bạn cũng làm y như vậy. Bạn lái xe qua lại, đến đi, luôn luôn làm việc đủ thứ. Rồi một ngày nào đó có kẻ đột nhập đập phá xe bạn tan nát. Nó hoàn toàn hủy hoại và bạn không thể sử dụng được nữa. Ngay khi chiếc xe này hoàn toàn bị phá hủy, nhưng bạn không chết. Trước khi xe bị tai nạn, bạn đã làm việc chăm chỉ và trả tiền bảo hiểm tốt. Vì vậy, bạn thay đổi một chiếc xe mới do chính bạn mua một lần nữa! Ha ha ha! Trước đây, xe của bạn đã được sử dụng trở nên cũ kỹ hao mòn đủ thứ, nhưng bây giờ một chiếc xe hoàn toàn mới xuất hiện, bạn có thể lái nó đi khắp mọi nơi.

Vì vậy, chiếc xe mà tất cả các bạn lái bây giờ đã là một chiếc xe cũ. Chiếc xe đó là cơ thể bạn. Có thể nó đãđược chế tạo ở Mỹ, hay Nga. Xe của tôi đã được chế tạo tại Hàn Quốc. Nhưng có thể chiếc xe sau này của bạn sẽ được chế tạo ở Trung Quốc, hoặc Hàn Quốc, hoặc Đức. Lần sau, khi bạn muốn mang một cái "nhãn hiệu" cho xe mới, bạn có thể nhận được một chiếc xe hơi của Pháp, của Tây Ban Nha, hoặc xe sản xuất tại Sri Lanka. Điều quan trọng nhất là, người điều khiển chiếc xe này là ai? Bạn phải tìm ra đáp án đó. Khi nào đúng lúc bạn có thể nhận được một chiếc xe mới và loại xe nào mà bạn sẽ nhận được? Đây là những gì cổng thứ hai yêu cầu. Một ngày nào đó bạn sẽ phải trả lời câu hỏi này với cuộc sống của chính bạn.

Tuy nhiên, chiếc xe này còn hay mất nó không quan trọng. Tài xế của bạn là ai? Bạn có hiểu tài xế của bạn không? [Đánh gậy thiền xuống bàn]. Đó là tài xế của bạn. Vũ trụ và bạn chung về một điểm – tài xế của bạn thật sự xuất hiện rất rõ ràng.

Khi chết, chúng ta về đâu? Chúng ta đã thấy như thế nào về cơ thể có sanh có diệt, nhưng con người thật của chúng ta không sanh không diệt, không đến, không đi. Vì vậy, cơ thể của chúng ta gồm có bốn yếu tố (tứ đại): đất, nước, gió và lửa,. Khi thân này chấm dứt sự sống thì bốn yếu tố trên đều phân tán. Sau đó, ông chủ của bạn – tức là vật điều khiển cơ thể của bạn – đi đâu? Hãy nhớ rằng, vật đó không đến, không đi, và không trụ. Bản thể

vũ trụ và bản thể của bạn luôn luôn trở thành một . [Đánh gậy thiền xuống bàn]. Lời nói và chữ nghĩa không thể diễn tả điểm này. Chỉ biểu hiện, hoặc chứng minh để bày tỏ

nó. Nếu bạn đạt đến điểm đó, nó luôn luôn có thể giữ [Đánh] tâm này. Vì vậy, bạn phải thực hành ít nhất mười phút mỗi ngày. “Ta là gì?” Không biết…“Đâu là Chân tánh của tôi?” Không biết ... “Làm thế nào tôi sẽ được tái sinh?” Không biết... “Khi tứ đại tan rã, tôi sẽ đi đâu?” “Không biết”. Đó là cách trả lời rõ ràng cho những câu này và bạn có thể đi qua cổng cuối cùng trong Ba Cổng của Thiền sư Tùng Duyệt chùa Đâu Suất mà không có chướng ngại gì.

Câu nào trong bài kệ sau đây Nói lên tự do tự tại trong sanh tử?

“ Hải để nê ngưu hàm nguyệt tẩu.
Nham tiền thạch hổ bảo nhi miên.
Thiết xà toản nhập kim cương nhãn.
Côn lôn kị tượng lộ tư khiên.”
Đáy biển trâu bùn chạy nuốt trăng.
Đầu non cọp đá ngủ ôm con.
Mắt kim cương, rắn sắt khoan phủng.
Cò trắng kéo voi chở núi Côn .
Ở Trung Quốc có rất nhiều Đạo sĩ và thậm chí các nhà Nho tạo ra lối ẩn tu khổ luyện nơi thâm sơn cùng cốc và phát ra năng lượng đặc biệt. Họ có thể bay trên hư không, hoặc biến cơ thể của họ thành con hổ, hoặc với hai bàn tay không làm thành điếu thuốc và những thứ khác. Đây chỉ là huyễn thuật (magic). Nếu bạn luyện tập thật chăm chỉ, sau đó năng lượng vũ trụ và năng lượng của bạn trở thành một. Năng lượng trong con người chúng ta được gọi theo tiếng Trung-Hàn là Nguyên khí (Won gi). Mỗi ngày chúng ta tập luyện hít vào và thở ra; hít vào và thở ra được gọi là Khí công (Konggi). Còn năng lượng của mặt trời và mặt trăng, quỹ đạo của các hành tinh, các ngôi sao hoặc năng lượng vũ trụ được gọi là Hiệp khí (Hap gi). Nếu năng lượng của bạn (Nguyên khí), kết nối hơi thở (Khí công) và năng lượng vũ trụ (Hiệp khí) trở thành một, sau đó bạn sẽ có được Đại khí (Dae gi), hay năng lượng vĩ đại tuyệt vời. Với năng lượng này có thể làm bất cứ điều gì. Bạn có thể biến đổi cơ thể của bạn. Bạn có thể vọt lên không trung, hoặc bay trên bầu trời. Bạn có thể thi triển thần thông và phép lạ. Nhưng điều quan trọng nhất là hoàn toàn diệt trừ bản ngã “cái tôi, của tôi, thuộc về tôi” trong tâm bạn. Nếu bạn có tôi, của tôi, thuộc về tôi, thì bạn không thể có được năng lượng của một con người mạnh mẽ, bạn không thể kết nối với năng lượng không gian và không thể đạt được năng lượng tuyệt vời. Khi không có tôi, của tôi, thuộc về tôi, điều duy nhất là chỉ tiếp tục luyện tập và luyện tập. Tuy nhiên, sau đó năng lượng vĩ đại, năng lượng không gian, năng lượng của chính bạn – BÙM! – trở thành một. Đạt được điểm này, bạn có thể trải nghiệm lãnh vực của thần thông và hoàn toàn tự do tự tại.

Tất cả bốn dòng kệ này chỉ đến lãnh vực đó. Nó nằm ở 270o trên Vòng tròn thiền. Mỗi dòng có một số loại ý nghĩa phía sau không thể hiểu được, trừ khi bạn đã thực sự thân chứng cảnh giới của sự tồn tại tuyệt đối. “Đáy biển trâu bùn chạy nuốt trăng.” Đây là những từ ngữ rất điên rồ, phải không? Làm thế nào một con trâu bùn có thể nuốt mặt trăng? Tuy nhiên, tất cả mọi người đã hiểu điều gì đó về điểm này. Tất cả chúng ta đã xem phim hoạt hình của trẻ em, các loài động vật nói chuyện, cười, ca hát và nhảy múa

hoặc bay qua không gian. Tất cả trẻ em hiểu được điểm này, nhưng người lớn không nhận được nó. Vì vậy, điều đó có nghĩa là khi chúng ta luống tuổi, tâm chúng ta chất chứa và trở nên dính mắc chặt chẽ với ý tưởng cố định về danh và sắc. Nhưng ở lãnh vực 270o này thì "danh và sắc tự do." Đó là suy nghĩ tự do. "Đầu non cọp đá ngủ ôm con." Có thể cọp đá ôm con ngủ không? "Mắt kim cương, rắn sắt khoan phủng". Kim cương là loại cứng hơn sắt thép, như thế làm sao có thể rắn sắt khoan sâu vào một viên kim cương? "Cò trắng kéo voi chở núi Côn". Núi Côn lôn là ngọn núi lớn nhất ở Trung Quốc. Làm sao mà ngọn núi khổng lồ này được cưỡi trên lưng của một con voi, và con voi đang được kéo bởi một con cò nhỏ? Tất cả trẻ em đã hiểu rằng lãnh vực tự do luôn luôn tồn tại trong tâm của chúng ta. Nếu bạn luyện tập chăm chỉ, bạn cũng có thể đạt được nó.

Mặt Thật Xưa Nay

"Sơn đường tịnh dạ tọa vô ngôn.
Tịch tịch liêu liêu bổn tự nhiên.
Hà sự Tây phong động lâm dã?
Nhứt thanh hàn lộ lệ trường thiên"
Chùa núi đêm khuya, ngồi lắng yên.
Mênh mông lặng lẽ, thể uyên nguyên.
Gió Tây sao thổi rừng khua động?
Tiếng vạc kêu sương lạnh khắp miền.
Đây là một ẩn dụ rất hay của bài thơ Thiền tiêu biểu. Nó được viết từ mấy trăm năm trước do Tổ sư Hổ Nham–Thể Tịnh, người Hàn Quốc, nối pháp đời thứ 68 từ Đức Thích Ca. Nó được hô vang hằng ngày trong những ngôi chùa ở Hàn Quốc. Bài thơ Thiền thật sự là bài thơ không trang trí kiểu cách. Mục đích không phải chỉ là một số ngôn ngữ tao nhã vì lợi ích của nghệ thuật, mà đây là một bài thơ Thiền đã sử dụng từ ngữ và lời nói,để chỉđến một sự trải nghiệm không thể diễn tả bằng lời. Chúng luôn luôn làm mục tiêu giáo hóa, thường thể hiện sự tỏ ngộ của môn sinh.

Có nhiều bài thơ Thiền mang một hình thức nhất định được sử dụng để nâng cao nhận thức tâm của người đọc từ lãnh vực Danh và Sắc, xem tất cả các pháp như chúng đang hiện hữu. Sự giáo hóa được hiển lộ từng bước. Mỗi dòng có "công năng" đặc biệt theo hình thức này. Hai dòng đầu chỉ ra thế nào là Sắc tức không, Không tức sắc. Chúng giải thích bản thể chúng ta. Chúng nói lên nguyên điểm: "Chùa núi đêm khuya, ngồi lắng yên. Mênh mông lặng lẽ, thể uyên nguyên."

Ngồi im lặng trong một ngôi chùa núi trong đêm yên tĩnh. Cực kỳ yên lặng và tĩnh mịch đó là bản thể uyên nguyên của chúng ta. Những dòng này được sử dụng đối lập suy nghĩ để diễn tả một cảm quan tri giác đối lập, nhị nguyên.

Dòng thứ ba diễn tả: "Gió Tây sao thổi rừng khua động?" Tại sao, gió từ phương Tây thổi tới làm khua động cây rừng? Bạn phải đạt được thể tánh của bạn. Giải thích là điều không cần thiết. Tóm lại, ba dòng này cung cấp cho bạn một số câu hỏi, để dẫn bạn đến

trực tiếp trải nghiệm Tâm không-biết. Có một bài thơ khác nói, " Vũ trụ này hoàn toàn im lặng. Nhật nguyệt, tinh tú đến từ đâu?" Nhưng nếu bạn thật sự tĩnh lặng hoàn toàn, thì nơi nào mặt trời, mặt trăng và tinh tú có thể từ đâu xuất hiện? Đó là lối đối lập suy nghĩ tạo ra một Đại Nghi Tình, một Câu hỏi lớn. Các dòng chữ đó tạo ra một điểm chung nhất tại phần này qua bài thơ của chúng tôi.

Cực kỳ yên lặng và tĩnh mịch đó là bản thể uyên nguyên của chúng ta. Tại sao gió thổi tới và làm rung động những thứ xung quanh, nó tạo ra âm thanh xào xạc và làm ảnh hưởng đến sự yên tĩnh? Gió đến từ đâu? Tại sao nó xuất hiện? Điều này giúp cho bạn có một Đại nghi tình, một Câu hỏi lớn.

Nếu bạn lãnh hội Câu hỏi lớn từ nơi bạn, sau đó tâm của bạn sáng suốt và rõ ràng như hư không. Giữ tâm bạn rõ ràng như hư không có nghĩa là tâm bạn như một tấm gương trong sáng. Tất cả mọi thứ được phản ánh, chỉ vì nó đang hiện hữu. Những âm thanh của một con chim bay qua không trung, tiếng vỗ cánh của nó và tiếng kêu –Gaa! Gaa! Gaa! –Đó là thể tánh của bạn. Chỉ lóng nghe là Phật tánh. Chỉ cần nhìn rõ là Phật tánh. "Tiếng vạc kêu sương lạnh khắp miền".Chính-như-vậy là Chân lý. Tất cả mọi thứ hoàn toàn.

Vì vậy, đây là cách một bài thơ Thiền thông thường được giảng dạy. Mặc dù số lượng các dòng chữ có thể thay đổi, nhưng sự sắp xếp này luôn giống nhau. Hai dòng đầu tiên, diễn tả một số quan điểm hoặc ý tưởng đối lập, để rồi tiếp theo cho một câu hỏi lớn, hoặc đôi khi nói rõ ra một vài điểm tĩnh lặng. Dòng thứ ba trong nhiều bài thơ Thiền diễn tả quan điểm của lãnh vực thần thông và phép lạ, những gì chúng tôi ám chỉ vào 270o. Nhưng không có trong số những quan điểm này là Chân lý tối hậu. Đó là lý do tại sao câu cuối cùng là câu "Chính-thật-như-vậy". Nó mang đến cho người đọc trở lại cảnh giới chính như chúng đang hiện hữu.

Ba Cổng của Thiền Sư Cao Phong (Nguyên Diệu)

1. Mặt trời chiếu sáng khắp mọi nơi. Tại sao có đám mây che lấp nó?

2. Mọi người đều có cái bóng theo mình. Làm thế nào bạn không dẫm bước lên bóng?

3. Tất cả ba cõi (Dục, Sắc, Vô sắc) là nhà lửa. Loại thiền định nào giúp bạn vượt khỏi thiêu đốt ?

Thuở xưa tại Trung quốc, Thiền sư Cao Phong tạo ra ba Cổng làm thành ba Công án cho môn sinh của mình vượt qua. Cổng đầu tiên là:"Mặt trời chiếu ánh nắng khắp mọi nơi. Tại sao có đám mây che lấp nó ?" Vì vậy, bạn phải thấu hiểu điểm này: Tại sao một đám mây che phủ mặt trời? Đây là một vấn đề. Khi đám mây xuất hiện và che lấp mặt trời, sau đó mặt trời không còn tỏa sáng chỗ đó. Tại sao đám mây xuất hiện và che khuất ánh nắng mặt trời? Nếu bạn nghĩ về nó, bạn sẽ không hiểu. Nhưng nếu bạn hoàn toàn cắt đứt mọi suy nghĩ, sau đó bạn sẽ thấu rõ.

Có lẽ điều này sẽ giúp bạn: Chúng ta có hai mắt, hai lỗ mũi và hai tai. Tại sao chúng ta chỉ có một cái miệng? Có hai của mỗi thứ khác mở ra trên khuôn mặt của chúng ta, vì vậy đáng lẽ cũng có hai miệng là cần thiết. Đó là tự nhiên! Nếu bạn chỉ có một miệng,

bạn luôn luôn có vấn đề lớn. Hai tai của bạn chỉ có một công việc. Hai mắt của bạn chỉ có một công việc. Hai Lỗ mũi của bạn chỉ có một công việc khá dễ dàng. Nó rất đơn giản: hai tai của bạn chỉ nghe, hai mắt chỉ nhìn thấy, và hai lỗ mũi chỉ ngửi mùi. Nhưng một cái miệng này có bốn công việc quan trọng, nó phải nói, nếm, thở, và ăn. Đó là một tình huống rất phức tạp. Nếu như bạn có một miệng phía trước mặt và một miệng ở phía sau đầu, nó sẽ được dễ dàng hơn nhiều phải không? Miệng trước có thể ăn, trong khi miệng sau có thể nói. Miệng phía trước có thể thở, miệng sau có thể nếm. Thế nhưng chúng ta chỉ có một miệng, vì vậy nó luôn luôn rất bận rộn. Và cái miệng này còn có một vấn đề khác: Nó tạo ra rất nhiều nghiệp chướng và đau khổ cho chúng ta. Nó tạo ra lời nói xấu về người khác, nó khao khát thực phẩm ngon, và đôi khi nó có quá nhiều ham muốn, do đó bạn sẽ tham ăn quá nhiều và bị bệnh. Nếu bạn có hai miệng, có thể nó sẽ là một vấn đề lớn hơn. Vì vậy, đây là lý do tại sao Chúa và Phật chỉ bày cho nhân loại chúng sanh có một miệng mà thôi: một cái miệng để học ăn, học nói, học gói, học mở….

Đó là bản thể của chúng ta. Đó là con đường của mọi hiện tượng sự vật. Mặt trời trên hư không, có một đám mây xuất hiện rồi bay qua. Tại sao vậy? Đó là những gì Công án này hỏi. Đó là bản chất. Chúng ta có hai mắt, hai tai, hai lỗ mũi, và chỉ có một miệng. Đó là bản chất. Nhưng bạn có hiểu được bản chất này không?

Cổng thứ hai hỏi, “Làm thế nào bạn có thể không dẫm bước lên bóng của bạn?” Mặt trời chiếu sáng, vì vậy bạn có một cái bóng theo bạn, tất cả mọi lúc, mọi nơi. Nhưng làm sao bạn không dẫm bước lên bóng của bạn? Thiền có nghĩa là không kiểm tra bất cứ điều gì. Như chúng tôi đã trình bày trước đây, nếu dính mắc với lời nói và chữ nghĩa thì bạn luôn luôn có vấn đề. Nếu bạn đang suy nghĩ về một số đáp án cho câu hỏi này, Chân lý sẽ cách xabạn ngàn dặm.

Cuối cùng, Cổng thứ ba:“Tất cả ba cõi (Dục, Sắc, Vô sắc) là nhà lửa. Loại thiền định nào giúp bạn vượt khỏi thiêu đốt ?”

Thiền định có nghĩa là giữ tâm thật sâu lắng trong tỉnh giác. Nhưng quan trọng hơn, nó là tâm không loạn động trong mọi tình huống. Nhiều người có những ý tưởng đặc biệt về Thiền nói chung và Định nói riêng. Mọi người cố gắng để đạt được một số thiền định đặc biệt, để họ có thể được sức mạnh đặc biệt. Nhưng khi cả thế giới là một biển lửa, loại thực hành thiền định nào sẽ giữ cho bạn được sống còn? Đây là một đầu mối: Thiền có nghĩa là khi bạn đang làm một cái gì đó, bạn chỉ cần làm ngay điều đó. Khi đói thì ăn. Khi mệt thì ngủ. Khi khát, thì uống. Nó rất rõ ràng, rất sáng suốt.

Tức Như Như Phật (Just-Like-This Is Buddha)

“Linh quang độc diệu. Hồi thoát căn trần.
Thể lộ chân thường. Bất câu văn tự.
Chân tính vô nhiễm. Bổn tự viên thành.
Đãn ly vọng duyên. Tức như như Phật.”
Linh quang độc chiếu, vượt thoát căn trần.
Thể lộ chân thường, chẳng vương chữ nghĩa.

Chân Tánh không nhiễm, vốn tự đủ đầy.
Chỉ lìa vọng duyên, Tức Như Như Phật.
“Tứ đại các ly như mộng trung.
Lục trần tâm thức bổn lai không.
Dục thức Phật Tổ hồi quang xứ :
Nhựt lạc Tây sơn, nguyệt xuất Đông.”
Bốn đại tách rời như giấc mộng.
Sáu trần tâm thức vốn là không.
Muốn tường Phật Tổ về nơi ấy:
Trời lặn núi Tây, trăng hiện Đông.
Đây là một bài thơ Thiền rất nổi tiếng của Tổ Bách Trượng – Hoài Hải. Thuở xưa tại Trung Quốc, có một nhà sư tên là Shin Chang. Khi ông còn rất trẻ, ông bắt đầu học tập Kinh điển tại một ngôi chùa rất nổi tiếng. Sau ba năm miệt mài giáo lý đạo Phật, và vẫn chỉ là một chú tiểu, Shin Chang đã vượt qua tất cả các kỳ thi cao nhất trong trường Phật học. Chú được coi là một trong những môn sinh xuất sắc đứng sau Kye Hyon, vị Pháp sư Viện trưởng của chùa. Chú cũng là thủ khoa trong hằng trăm tu sĩ được truyền giới bởi Sư phụ Viện trưởng Kye Hyon, vì vậy Shin Chang rất đặc biệt. Sư phụ của chú không mấy quan tâm đến thiền, ông ta đã truyền dạy cho Shin Chang chỉ những Kinh điển và mong đợi vị tu sĩ trẻ này một ngày nào đó sẽ trở thành một bậc Pháp sư lỗi lạc tuyệt vời và nối nghiệp ông

lâu dài. Trong vài năm sau đó, người ta nói rằng chú tiểu Shin Chang thậm chí đã vượt qua sư phụ của mình và bắt đầu trở thành một học giả vĩ đại với một tương lai đầy hứa hẹn. Pháp sư viện trưởng Kye Hyon rất kỳ vọng tươi sáng về Shin Chang! Tuy nhiên, Shin Chang càng đọc kinh điển, thì càng nhận ra rằng mình không hiểu được chính mình. Dần dần tâm của chú đã nhen nhúm vào việc nghiên cứu về Thiền.

Một hôm, vào ngày các Tăng sinh tốt nghiệp mãn khóa, viện trưởng Kye Hyon chọn ba Tăng sinh giỏi nhất của mình và cho đi du khảo. Ông cung cấp tiền bạc cho họ để tiến hành nghiên cứu trong thời gian ba năm. Họ có thể học tập bất cứ điều gì họ muốn, và đi bất cứ nơi nào trên đất nước Trung Hoa. Sau ba năm, họ sẽ quay lại và báo cáo về những gì họ đã học hỏi được. Sau đó Kye Hyon sẽ cho mỗi người trong ba Tăng sinh này trở về nối nghiệp giảng dạy trong trường Phật học của mình. Tăng sinh đầu tiên nhận tiền và hứa sẽ nghiên cứu Nho giáo. Tăng sinh thứ hai hứa sẽ nghiên cứu Đạo giáo. Cuối cùng đến lượt chú Shin Chang. Mặc dù nổi tiếng là một Tăng sinh trẻ xuất sắc nhất trong lớp, nhưng Shin Chang chờ đợi đến lượt mình lãnh tiền cuối cùng mới bộc bạch: –Thưa Sư phụ, con không thích học nữa. Con không muốn tham học bất cứ điều gì. ‖ Vị thầy sửng sốt bởi những lời nói của người đệ tử: –Cái gì? Điều gì ngăn cản con như thế. Con đã thông thuộc kinh điển. Ta cầu mong con theo đuổi việc học hiệu quả hơn và tiếp nối sự nghiệp giáo dục của ta... ‖ Nhưng Shin Chang cũng rất quyết tâm: –Con xin lỗi, thưa Sư phụ. Nhưng thực ra con không muốn học bất cứ điều gì. Con sẽ chỉ chấp nhận kỳ nghỉ để đi du lịch ba năm mà thầy ban cho, thay vì du khảo, nếu thầy đồng ý. ‖ Lão sư viện trưởng, tỏ vẻ buồn buồn, nhưng vẫn phải chấp thuận cho

Shin Chang vì đã được tuyển chọn và cho chú một số tiền để đi du lịch. Ông nói: –Mặc dù đây không phải là sự mong muốn của ta, nhưng con có thể đi nghỉ mát và cố gắng học một cái gì đó mà con có thể mang lại để dạy cho người khác. ‖ –Vâng, thưa Sư phụ, Shin Chang nói. Con sẽ không để cho thầy thất vọng. ‖ Shin Chang sớm tìm đến Thiền viện của Đại Thiền sư Bách trượng (Pai Chang). Chú đã tu tập rất chăm chỉ, làu thông kinh điển. Bây giờ chú chỉ giữ Tâm không–biết với quyết chí một trăm phần trăm. Sau ba năm hành thiền tinh tiến cả ngày lẫn đêm, Shin Chang cuối cùng đã tỏ ngộ. Mặc dù có lời khuyên chú ở lại Thiền viện của ngài Bách Trượng, nhưng chú nhớ là mình mắc nợ đã hứa với Sư phụ viện trưởng, người đã chăm sóc và giáo dưỡng cho chú từ khi còn nhỏ. Chú cũng nhớ rằng hai người bạn đồng môn của chú sẽ trở lại trường, để trình bày trải nghiệm công việc du khảo của họ, như họ đều đã đồng thuận với Sư phụ viện trưởng. Do đó chú cũng khăn gói lên đường về chùa thầy mình.

Tất cả ba Tăng sinh trở lại vào ngày đã ấn định. Sau khi gặp lại họ với những lãnh vực kiến thức riêng tư của mỗi người, Vị Pháp sư viện trưởng bắt đầu hỏi từng học trò của ông. Ông hỏi Tăng sinh đầu tiên: –Con nghiên cứu Nho giáo phải không? ‖ –Bạch Sư phụ, dạ phải! ‖ –Con đã học được những gì từ cửa Khổng sân Trình? ‖ –Con đã học cách luôn luôn giữ mối quan hệ đúng với những người khác. Chẳng hạn về đạo vua tôi, về nghĩa thầy trò, về tình cha mẹ và cả thế giới này. ‖ –Ồ, thật là tuyệt vời ! Viện trưởng nói. Xin chúc mừng sự nghiên cứu của con. Sau đó, ông yêu cầu Tăng sinh thứ hai trình bày sở học của mình: –Con nghiên cứu Đạo giáo phải không? –Dạ bạch Sư phụ, đúng như vậy. ‖ –Con đã học được từ Đạo giáo những gì? ‖ –Thưa Sư phụ, con đã học về pháp Vô vi, bản thể của toàn thể vũ trụ. ‖ –Thế thật là tuyệt vời ! Xin chúc mừng sự nghiên cứu học tập của con. ‖ Sau đó, đến lượt Shin Chang, viện trưởng hỏi: –Trong ba năm qua con du phương, đã học được những gì? ‖ –Thưa Sư phụ, bổn nguyên không có gì, vì vậy con cũng không có bất cứ điều gì. ‖ –Cái gì? Viện trưởng hét lên. Con có điên không? Con đã làm gì ba năm qua, trong khi hai người anh em của con nghiên cứu học tập chăm chỉ như vậy? ‖ –Dạ, đối với con thì... khi mệt, con ngủ. Khi đói, con ăn. ‖ Sư phụ của chú hét lên: –Ngươi không tốt! Hai người anh em của ngươi đã miệt mài học hỏi, cho nên họ sẽ trở thành giáo thọ sư gương mẫu. Còn ngươi chẳng làm nên tích sự gì cả, chỉ lãng phí tiền bạc của ta. Vì vậy, ngươi phải làm thị giả để hầu hạ ta! ‖ –Vâng, thưa Sư phụ. Shin Chang trả lời. Con xin tạ lỗi, và nguyện y giáo phụng hành lời phán bảo của Sư phụ. ‖ Mỗi ngày, Shin Chang làm việc quét dọn sạch sẽ phòng ốc của Sư phụ. Thầy chuẩn bị thức ăn, giặt giũ quần áo và làm rất nhiều công việc nặng nhọc. Thầy luôn luôn mệt mỏi khi đêm đến gần, nhưng thầy vẫn dồn năng lượng để hành thiền thật lâu vào ban đêm. Một ngày nọ, Sư phụ ra lệnh cho Shin Chang chuẩn bị tắm cho ông, và bảo thầy chà lưng. Trong khi Shin Chang chà lưng cho Sư phụ, thầy lẩm bẩm một mình: “Cảnh chùa thì tuyệt vời, nhưng Phật không được sáng suốt, rõ ràng lắm...” ‖ Nghe những lời này, Sư phụ của thầy từ từ quay đầu lại, nhìn vào Shin Chang. Thấy vậy, Shin Chang tiếp tục nói: –Phật không rõ ràng, nhưng Ngài chắc chắn phát ra ánh sáng!

‖ Với những lời này, viện trưởng cảm thấy một cái gì đó tấn công sâu vào trái tim của ông, và ông nhận ra lờ mờ rằng Shin Chang không còn là một Tăng sinh bình thường.

Một cái gì đó trong nhà sư trẻ này đã thay đổi ...

Vào buổi sáng, vài ngày sau đó, viện trưởng đang ở nơi phương trượng, chăm chú nghiên cứu một bài kinh. Shin Chang lặng lẽ quét sàn nhà phía sân sau, cẩn thận không để gây ra bất kỳ tiếng ồn nào vì sợ mình làm phiền Sư phụ. Đột nhiên có một con ong bay vào phòng. Nó bắt đầu lớn tiếng vo ve cố tung vào cánh cửa sổ bằng giấy bỗi trắng bên cạnh bàn Sư phụ, nó cố gắng tìm đường ra ngoài, mặc dù kề bên nó một cánh cửa đã được mở rộng. Nhìn thấy công việc của con ong, Shin Chang tự nghĩ: "Thế giới bên cạnh rất rộng lớn bao la, tại sao mi chỉ thích khoan vào mặt giấy này nhỉ ?" Trong giây lát, thầy cảm tác một bài thơ rồi đọc lớn tiếng:

"Ô, này con ong ngu ngốc!
Tại sao mi dùng hết năng lượng của mình.
Để cố chọc thủng cánh cửa ngăn bằng giấy?
Trong khi bên cạnh được mở toang,
Mi dễ dàng bay ra ngoài ung dung tự tại.
Cho dù một trăm năm, mi cố miệt mài như thế mãi,
Nhưng sẽ không bao giờ được ra khỏi khổ hải trầm luân ."
Cúi xuống nhìn trang Kinh của mình, vị viện trưởng nghe những lời này càng thêm thấm thía, khiến ông trở nên bất động. Ông từ từ xếp quyển kinh để lại trên bàn, kế bên bồn tắm của mình. Đôi mắt ông bắt gặp ánh mắt Shin Chang. Thầy và trò vẫn nhìn nhau thân thiết trong im lặng vô ngôn. Sau những giây phút trôi qua, Viện trưởng nói: –Ở đây, thầy tưởng rằng con chỉ thích rong chơi lãng phí ba năm ... nhưng trong thời gian con du phương, đã nghiên cứu được điều gì. Hãy nói cho thầy nghe thử? ‖ Shin Chang cúi đầu nhìn xuống, khẻ nói: –Bạch Sư phụ, xin thầy tha thứ. Con xin lỗi, vì vừa rồi vô tình thốt ra lời không được tốt đẹp cho lắm. Trong thực tế, con đã học tập với Đại Thiền sư Bá Trượng – Hoài Hải, con được chút duyên phần. Sau khi trở về, con cảm thấy thương tiếc cho thầy mãi cặm cuội hăng say với công việc tầm chương trích cú trên từng trang giấy, lặn hụp trong chữ nghĩa ngôn từ, không quan tâm đến vấn đề trọng đại sanh tử. Con biết thầy sẽ không nghe lời khuyên của con, vì vậy con quyết định khơi dậy sự tỉnh thức và ước mong thầy được tỏ ngộ, nên mới mạo muội thốt ra những lời thô thiển như thế. Xin thầy vui lòng tha thứ cho.

–Không đâu con, thực ra thầy đã nhầm lẫn, viện trưởng trả lời. Mặc dù trong nhiều năm con là một học Tăng bé bỏng của thầy, nhưng bây giờ con là một giáo thọ sư chững chạc dạy lại thầy trong việc thực hành Phật Pháp chính xác. Từ bây giờ con hãy chỉ bày cho ta những gì con đã trải nghiệm được.

Vị viện trưởng thốt ra lời yêu cầu này như một cử chỉ cầu mong tha thiết. Ông ra lệnh gióng chuông lớn để triệu tập Tăng chúng tất cả tại Chánh điện cho một cuộc nói chuyện. Lúc bấy giờ Shin Chang bước lên tòa cao. Tất cả các nhà sư lớn tuổi và những Tăng sinh đều cúi đầu đãnh lễ thầy ba lần, và sau đó lắng nghe thầy thuyết giáo:

– Kính bạch sư phụ. Thưa các vị đồng môn, và cùng toàn thể đại chúng. Thiền sư Bách Trượng đã từng dạy những lời như vầy:

“Linh quang độc chiếu, vượt thoát căn trần.
Thể lộ chân thường, chẳng vương chữ nghĩa.
Chân Tánh chẳng nhiễm, vốn tự đủ đầy.
Chỉ lìa vọng duyên, Tức Như Như Phật.”
Và ngài lại khai thị:

“Bốn đại tách rời như giấc mộng.
Sáu trần tâm thức vốn là không.
Muốn tường Phật Tổ về nơi ấy:
Trời lặn núi Tây, trăng hiện Đông”.
Nghe xong những lời này, vị viện trưởng liền tỏ ngộ. Với những giọt nước mắt cảm xúc, ông cúi đầu làm lễ học trò mình, và cho việc giáo hóa rất sâu sắc mà ông đã nhận được từ hôm nay, khi ở vào độ tuổi về chiều như vậy.

Bài thơ quan trọng này của Đại thiền sư Bách Trượng, ban đầu được giảng dạy ở Trung Quốc. Ông nói, “Chơn tánh vẫn rõ ràng và tươi sáng. Vượt thoát Sáu căn (giác quan) và Sáu trần (đối tượng nhận thức). Những dòng này mô tả rõ sự trải nghiệm về tánh Không, bản thể uyên nguyên của chúng ta. “Không mắt, không tai, không mũi, không lưỡi, không thân, không ý”.

Những dòng tiếp theo “đánh động ” sự học tập kinh điển và tất cả các kiến thức học thuật: “Chân thể vẫn sáng suốt và thường tại. Chữ nghĩa và lời nói không thể cản trở ngăn

ngại nó được.” Sự hiểu biết khôn ngoan chưa đủ, bạn phải tìm bản thểuyên nguyên của bạn, chân tánh của bạn, nó vẫn hiển hiện rõ ràng và mãi mãi, nó không sanh tử. Nếu bạn thấu đạt sự trải nghiệm tánh không này, sau đó bạn thấy rằng tất cả mọi thứ đãđược hoàn toàn. Do đó, chân tánh không có mùi hôi bất tịnh và không có một không khí ô nhiễm. Không có vấn đề gì chúng ta tạo tác – tốt hay xấu. Bản thể uyên nguyên của chúng ta luôn luôn hoàn toàn tự do bất nhiễm và đầy đủ. Không có điều gì ở đây như là tội tổ tông. Giống như một khối cầu hoàn hảo, Chân tánh của chúng ta vốn không có khởi đầu và không có kết thúc (vô thỉ, vô chung). Tại thời điểm này, bạn sẽ thấy mọi thứ chính xác như chúng đang hiện hữu. Vì vậy, “Xa lìa vọng duyên, không dính mắc bất kỳ suy nghĩ, Chính thật như vậy là Phật.” ‖

Phần thứ hai của bài thơ này rất thú vị. Nó bao gồm toàn bộ giáo lý của Phật giáo Tiểu thừa, Phật giáo Đại thừa và Thiền. Nó cũng giống như phong cách những bài thơ Thiền mà chúng tôi vừa nêu trước đây. Dòng đầu tiên cho biết, “ Tứ đại gồm đất, nước, không khí, và lửa phân tán như một giấc mơ ”. Lối giảng dạy này là Tiểu thừa Phật giáo. Chúng ta đang sống trong thế giới khổ đau, một nỗi đau khổ như giấc mơ. Nếu bạn đạt được Tánh không, hay Niết bàn, tất cả mọi nổi khổ niềm đau của bạn sẽ biến mất.

Dòng tiếp theo thể hiện xương tủy của giáo lý Đại thừa Phật giáo: “Sáu căn (giác quan), Sáu trần (đối tượng nhận thức), xưa nay vốn không thật có”. Tất cả các pháp do tâm tạo. Tất cả mọi thứ xuất phát từ tâm bạn, đó là nền tảng căn bản của Không và không

có tự tánh. Trong khi đó, Phật giáo Tiểu thừa dừng lại tại thời điểm "Không" này, hoặc thể hiện Niết bàn. "Tánh Không" là nơi giáo lý Đại Thừa bắt đầu. Mọi thứ đều rỗng không. Tất cả mọi thứ không có tự tánh. Tất cả mọi thứ xuất hiện từ tâm bạn. Hai dòng đầu tiên chỉ là một lời giải thích đơn thuần về điểm này.

Dòng thứ ba là một câu hỏi quan trọng. Nó có thể được diễn đạt cách "Muốn biết nơi nào mà chư Phật và chư Tổ trở về? Khi bạn khởi nghi tình để hỏi câu hỏi này một cách sâu sắc mãnh liệt, bạn sẽ có được "tâm không-biết". Trải nghiệm của tâm bạn trước khi suy nghĩ là nơi mà các Đức Phật và các vị Tổ sư trở về! Nó không phải là một nơi nào khác hơn tâm của bạn.

Sau cùng, dòng cuối thể hiện quan điểm hoàn toàn sự thật, chân lý hiển bày, chỉ vì nó đang là. Mặt trời lặn trên vùng núi phía tây. Và mặt trăng mọc ở hướng đông. Sự thật là như thế. Đó là tất cả. Nếu tâm bạn hoàn toàn rỗng không, nó giống như một tấm gương trong sáng. Chỉ phản ánh mặt trời và mặt trăng. Bởi chỉ cần phản ánh, bạn đạt đến "sát na– vũ trụ", mà Chân lý rất đơn giản, chỉ phản ánh. Đôi mắt bạn phản ánh thế giới này như nó

đang hiện hữu. Đó là lời dạy của Đức Phật. Đó là Chân ngã của chúng ta. Đó là Chân lý, Chánh đạo, và Sự sống chính xác.

Toàn bộ bài thơ này giải bày Chân tánh chúng ta, Nguyên điểm của chúng ta. [Đánh gậy Thiền xuống bàn.] Chân tánh của chúng ta có nghĩa là Phật tánh. Tuy nhiên, đó chỉ là một tên gọi tạm thời cho một cái gì đó mà không có tên. Chúng ta có thể thay đổi những lời này khá dễ dàng. Khi tôi hướng dẫn khóa thiền cho các Linh mục, giáo sĩ Thiên chúa giáo tại tu viện Gethsemani rất nổi tiếng tại Trappist, bang Kentucky.Tôi không bao giờ đề cập đến tên Phật. Vậy tại sao chúng ta chỉ nói về Phật?

Trong những cuộc tham vấn công án với các vị giáo sĩ ở đó, tôi luôn luôn đọc bài thơ này "Tức như như là thể tánh Chúa". Chúng tôi đã thay đổi từ ngữ. Những dòng: Chân tánh không nhiễm... đã trở thành Chân Chúa vô nhiễm ... Và dòng cuối cùng, trong đó nói rằng, "Không dính mắc suy nghĩ, Chính như như vậy là Phật, đã trở thành ... Chính như như vậy là thể tánh Chúa. Các Linh mục, Giáo sĩ tại tu viện Gethsemani rất hoan hỷ và hạnh phúc.

Như vậy tất cả chúng ta có thể kết nối với nhau trong sự hội thông. Bởi vì điểm này [Đánh gậy thiền xuống bàn] không phụ thuộc vào những lời nói như vậy, chúng ta có thể thay đổi chúng. Do đó, những lời này chỉ là một sự giải thích của một cái gì đó mà không thể giải thích với bất kỳ lời nói hoặc chữ nghĩa.

KẾT LUẬN Chỉ đi thẳng – Không biết

Có rất nhiều, rất nhiều ngôn ngữ giảng dạy trong cuốn sách này. Có ngôn ngữ Tiểu thừa, ngôn ngữ Đại thừa và ngôn ngữ Thiền. Có những từ ngữ Phật giáo và Thiên chúa giáo. Chúng tôi sử dụng tiếng Mỹ, tiếng Ba Lan, Hàn Quốc, Trung Quốc, và tiếng Nhật! Nhưng tất cả những ngôn ngữ này không cần thiết. Lời nói và chữ nghĩa chỉ suy nghĩ qua trí óc, và chính suy nghĩ làm cho đau khổ. Bạn phải ném tất cả vào thùng rác! Bởi

vì bản chất thật sự của chúng ta không phụ thuộc vào sự hiểu biết. Đây là lý do tại sao tôi chỉ dạy "Không biết". Sự giảng dạy này không có Đông hay Tây, Hàn Quốc hay Nhật hoặc Mỹ. KHÔNG BIẾT không phải là Phật giáo hoặc Ki-tô giáo hay Thiền, hoặc bất cứ thứ gì.

Vài năm trước đây, sau khi tôi đã đi giảng dạy ở phương Tây một thời gian, những môn sinh người Mỹ của tôi đã có một cuộc họp để thảo luận về việc sử dụng cách thực hành thống nhất trong các Trường Thiền Quan Âm do tôi lãnh đạo. Trong cuộc họp này, một cô trong những Thiền sinh hỏi tôi:

–Nếu tất cả mọi hiện tượng sự vật (các pháp) là Một, tại sao thầy phải dạy kiểu Phật giáo châu Á, tại sao thầy dạy phong cách Đại thừa và Thiền. Cách giảng như vậy chúng giống nhau hay khác nhau?

Đây là một câu hỏi rất thú vị. Tôi trả lời: – Vâng, tôi không dạy tiếng Hàn hoặc Đại thừa hay Thiền. Thậm chí tôi không dạy Phật giáo. Tôi chỉ dạy không biết. Sự giảng dạy năm mươi năm của tôi ở cõi đời này chỉ không biết. Vì vậy, chỉ không biết, được chứ? "Chỉ không biết" luôn luôn và ở khắp mọi nơi. "Tâm không biết" có thể làm bất cứ điều gì.

Vì vậy, chúng ta đã nói rất nhiều về Phật giáo Tiểu thừa, Phật giáo Đại thừa và Thiền. Chúng ta đã thấy tất cả đều có phương pháp Thiền khác nhau và có những phong cách giáo lý khác nhau. Tuy nhiên, trong các bài giảng và lời nói có thể khác nhau, nhưng tất cả cùng xương tủy như nhau: Làm thế nào để chúng ta tỉnh thức và giúp đỡ thế giới này ngay bây giờ? Không có vấn đề gì thuộc truyền thống. Yếu điểm của bất kỳ thực hành thiền là giúp bạn nhận ra thể tánh uyên nguyên của bạn, để bạn có thể giúp tất cả chúng sanh vượt khỏi khổ đau. Thiền không phải là tạo ra một cái gì đóđặc biệt giống như phép lạ. Nó chỉ là một số trải nghiệm thật bình an, tĩnh lặng và hạnh phúc. Vâng, có thể trải nghiệm

điều này đôi khi mang lại trong lúc ngồi thiền. Nhưng Ta là gì? Khi bạn được sinh ra, bạn từ đâu tới? Khi bạn chết rồi, bạn sẽ về đâu? Bạn có thể cho tôi biết chăng?

Con người hầu hết không thể trả lời những câu hỏi cơ bản này. Thay vào đó, họ dành tất cả năng lực chạy theo vọng thức của tham, sân và si. Ngày này qua ngày khác, họ ôm giữ những thứ vô thường, duyên sanh như huyễn. Họ trở nên dính mắc với sự vật bên ngoài, muốn trở nên nổi tiếng và thụ hưởng. Khi những sự việc này thay đổi hoặc biến mất, khiến họ đau khổ, và sau đó đau khổ này tiếp tục kéo dài, chồng chất như một kho tàng tích lũy. Con người là hạng cao nhất của các loài động vật. Nhưng thay vào đó, họ dành toàn bộ cuộc sống của họ lang thang quanh quẩn trong đại dương đau khổ. Đó không phải là phương cách, là con đường chính xác cho loài người.

Vì vậy, nếu bạn không kiểm soát nghiệp của bạn, bạn không thể làm bất cứ điều gì có ích trong cuộc sống này. Sau đó, khi bạn chết, cơ thể của bạn sẽ tan hoại. Bạn có thể làm gì? Nghiệp lực của bạn sẽ kéo bạn ở đâu đó. Nơi bạn đi, bạn không hiểu. Có thể bạn sẽ tái sanh ở một nơi đau khổ, hoặc mang những thân hình mà bạn không biết được. Chỉ khi nào bạn hoàn toàn cắt đứt tất cả mọi suy nghĩ, vọng tưởng đảo điên, trở lại với thể tánh uyên nguyên của bạn, vượt thoát vòng sanh tử. Tên điểm đó là không-biết.

Điều rất quan trọng là thành tựu Đạo nghiệp rồi mới cứu giúp được thế giới này. Sau đó sống và chết không thể chạm vào bạn, hoặc không ảnh hưởng đến. Đây là lý do tại sao tham thiền rất là quan trọng.

Thuở xưa, có một vị Thiền sư sống trên một ngọn núi nhỏ. Hằng ngày, sư chỉ ở trong thảo am của mình, luôn luôn thực hành thiền. Như thường lệ, các đệ tử xa gần của sư đã cung cấp thực phẩm, thuốc men và quần áo. Đôi khi sư được mời xuống làng ở dưới núi để ban truyền Giáo pháp. Sư không muốn rời khỏi núi của mình, nhưng các Phật tử muốn sư giảng dạy, vì vậy, thỉnh thoảng sư mới xuống núi hành hoạt. Vào cuối buổi pháp thoại, họ đã chuẩn bị cúng dường một bữa ngọ chay cho sư. Họ bày ra cơm canh, đậu hũ và rau luộc. Mặc dù đời sống dân nghèo, nhưng những người tín chủ đơn giản cũng lo chu đáo cơm ăn áo mặc cho thầy của họ.

Thiền sư này không bao giờ uống rượu – ông luôn luôn giữ tâm trí sáng suốt và rõ ràng. Nhưng dân làng đã làm rất nhiều rượu vang ngâm thuốc đặc biệt, hôm đó họ muốn dâng rượu thuốc đặc biệt này cho sư, bởi vì họ nói rằng nó sẽ giúp cho máu huyết trong cơ thể được lưu thông và ngăn ngừa một số bệnh tật. Khi họ yêu cầu sư uống rượu, nể tình, sư nâng ly nếm thử chút đỉnh, nó có mùi rất nồng nặc! Sư không bị bệnh, không muốn uống bất kỳ loại thuốc gì, kể cả rượu thuốc. Tuy nhiên, vì phương tiện độ đời, sư không

muốn làm dân làng buồn, sư đã thử uống một ly nhưng rồi lại được bồi tiếp thêm một ly nữa…cho đến khi say khướt và họ cầm sư ở lại qua đêm, lúc đó dân làng tỏ ra rất hỷ hạ vui mừng vì được đón tiếp sư một cách nhiệt tình trọng hậu.

Nhưng sau đó, Thiền sư lên đường quay về nơi ẩn dật của mình lúc trời chiều buông xuống, sư bước lên con đường mòn dốc núi, đi qua một nghĩa trang khá cũ. Đêm đó, mặt trăng tròn đầy sáng rỡ, có thể nhìn thấy các tấm bia mộ ghi tên tuổi rõ ràng người đã mất dưới ánh trăng trong. Những nấm mồ nhô lên như những con sóng chập chùng trong một biển núi nhỏ. Như thường lệ, Thiền sư dừng lại tại phía trước cổng sắt của ngôi đền thờ vong trong nghĩa trang, chấp tay bái xá đến tổ tiên và những người đã khuất được chôn cất tại đây,rồi quay ra tiếp tục trên con đường về của mình. Rượu thuốc này rất mạnh, vì vậy đầu sư vẫn còn chút cảm giác lâng lâng đặc biệt.

Đột nhiên, có âm thanh rất lớn phát ra làm mặt đất rung chuyển. BA-BÙM! Thiền sư nhìn lên, một bóng đen khổng lồ đáng sợ khủng khiếp, lướt nhẹ trên sư và vượt cao khỏi cây cối, đó là thần ma trang phục quần áo trông giống như là một tướng binh ra trận, với một bộ ngực nở nang và tay cầm một thanh đao thật lớn, thần quát: –Này, nhà sư già! Ta không ưa nhà ngươi. Thần ma hung tợn ầm ầm sà xuống trên đầu sư, tỏ ra rất tức giận. Nhưng năng lực trung tâm vị sư già này vốn bất động. Chỉ nhìn thần ma và nói: –Bạn không thích tôi ư? Thần ma không tỏ thiện chí vui vẻ, cứ vờn qua vờn lại, đôi mắt nhìn trợn trừng. –Vâng, ta rất ghét ngươi! ‖ –Ồ! Thật là đáng tiếc. Tôi không bao giờ làm điều gì cho bạn oán ghét. Tại sao bạn lại không thích tôi? ‖ –Ngươi là một tu sĩ tồi tệ! Mỗi tuần ngươi đi xuống làng và uống rượu say sưa. Sau đó trở về, ngươi đi qua đây để lại một mùi hôi xú uế! Đức Phật đã ban hành giới cấm các tu sĩ không được

uống rượu, nhưng tại sao ngươi lại đi uống rượu? Ta không thích những hạng tu sĩ xấu xa như ngươi. Do đó ta rất ghét ngươi! ‖ –Vậy tôi xin hỏi bạn: Bạn là ai? ‖ –Ta vốn là một tướng lãnh cai quản trong vùng đất này. Ta trung thành phục vụ nhà vua, gìn giữ giang sơn xã tắc. Ta ra trận đã giết chết rất nhiều kẻ thù trong chiến tranh, vì vậy khi ta qua đời, ta làm thần ma. Bây giờ ta sẽ giết ngươi, bởi vì ngươi là một nhà sư phá giới tội lỗi ! – Được, được. Thiền sư nói một cách hoàn toàn không sợ. Bạn muốn giết chết tôi không thành vấn đề. Nhưng bạn là một con người vĩ đại như vậy, sanh vi tướng, tử vi thần, tại sao lại chỉ đòi giết tôi? Điều đó quá dễ dàng! Tôi xin góp một ý tưởng tốt hơn.

–Ý tưởng tốt hơn ư? Sao ngươi dám mạo phạm ta? ‖ Thiền sư tiếp tục: –Chúng ta thử đặt cược. Tôi sẽ tự giấu mình ba lần. Nếu bạn có thể tìm thấy tôi trong lần thứ ba, tôi sẽ làm nô lệ cho bạn suốt đời. Nếu bạn không tìm thấy được tôi, sau đó bạn phải trở thành đệ tử thị giả của tôi. ‖

Thần ma đã cai quản nơi đây. Nhà sư này tin tưởng vào bản thân mình quá nhiều! Thần ma nghĩ: “Có lẽ ông sư già này điên”. Nhưng thần ma nhận ra rằng Thiền sư đã hoàn toàn không sợ sệt. Tâm Thiền sư không lay động. Có điều gì đó thú vị về vị sư già này. –Được rồi ! Tiếng trống giục ầm ầm từ các hồn ma trong đền vang lên. –Ngươi có thể cố gắng che giấu! Ta sẽ tìm ra ngươi bất cứ nơi nào, dù trên thiên đường hay ở dưới địa ngục, ngươi không thể trốn lánh được ta đâu! ‖ –Thế thì hay lắm! Thiền sư nói. Bạn chắc chắn là một người đàn ông siêu tuyệt. Bây giờ, bạn phải nhắm mắt lại và đếm ba hơi thở thật sâu, rồi sau đó bạn có thể mở mắt để cố gắng tìm tôi nhé! ‖

Vị Thiền sư già này đã tu tập trong nhiều năm và đã thấy tánh, vì vậy Sư cũng có năng lực thần thông đặc biệt, tùy duyên độ đời. Sư có thể biến đổi cơ thể của mình vào bất kỳ loại hình thức động vật theo ý thích, hiện ra rồi biến mất, hoặc đi du lịch khắp nơi trong chớp mắt. Vì vậy, khi thần ma nhắm mắt, thiền sư đột nhiên biến đi vào thiền đường của một ngôi Thiền viện ở vùng núi phía Nam. Đáp xuống trên sàn nhà và nhanh chóng bắt chéo hai chân trong tư thế hoa sen, Sư đặt tất cả năng lượng mạnh mẽ vào trung tâm hara của mình. Sau đó, Sư đề khởi công án Vô. Với quyết tâm lớn, tập trung một trăm phần trăm trên Vô, vị Sư già đi sâu vào Chánh định Vô... Tất cả mọi thứ hoàn toàn trở thành– Vôôôô. ‖ Đột nhiên, một âm thanh chói tai làm tan vỡ định lực vị Sư già. –A ha! Ta đã phát hiện ra ngươi rồi ! ‖ Thiền sư nhìn lên, thấy thần ma nghiêng đầu vào thiền đường, bước xuyên qua mái ngói làm bể nát một vài nơi như một món đồ chơi nho nhỏ. –Ngươi không thể ẩn thân được, ngươi là nhà sư già quá tồi. Ha ha ha! ‖ –Ô, bạn đã tìm ra tôi, vị Sư già nói. Bạn chắc chắn là một viên tướng tài ba, một vị thần linh hiển. Nhưng tôi chỉ thử nghiệm bạn. Hãy nhắm mắt lại một lần nữa đi, và tôi sẽ cố gắng thêm. ‖ Khi thần ma nhắm mắt lại, Thiền sư ngay lập tức biến mình thành một con hổ hoang dã. Không chỉ như vậy, sư ngồi sâu trong một hang động ở phía trên ngọn núi tuyết xa xôi nhất của Trung Quốc, giáp giới với Tây Tạng. Sư phát ra năng lượng cao hơn dòng điện từ

trên đám mây, mà ngay cả cỏ cây không thể sống được, chắc chắn không ai có thể nghĩ rằng bất kỳ sinh vật nào có thể hiện hữu ở đó!

Nhưng trong vòng một phút, có tiếng sấm sét lớn từ phía sau hang động vang lên. –Ha ha ha! Lão sư ngu ngốc kia ! Một lần nữa, ta đã nhìn thấy ngươi rồi! Thần ma chui đầu ra khỏi bóng tối, và ngay lập tức con hổ đã trở thành Thiền sư như cũ. –Ồ! Bạn là một thần ma cao cấp, Thiền sư nói. Hầu như bất cứ nơi nào bạn cũng tìm thấy được tôi nhỉ ! ‖ –Vâng! Đúng thế. Dù khắp chân trời góc biển, nơi nào trong toàn thể vũ trụ, không chỗ nào để ngươi có thể ẩn thân này. Chẳng bao lâu ngươi sẽ là nô lệ của ta. Ha ha ha! ‖ –Đó là ý tưởng của bạn, Thiền sư nói. Bây giờ bạn hãy nhắm mắt lại, và chúng ta cố gắng một lần cuối cùng này. Thần ma lấy tay bịt đôi mắt của mình, và bắt đầu thở vào và thở ra từ từ.

Thay vì làm phép ẩn thân hoặc biến hóa một lần nữa, Thiền sư bước ra đằng sau một gốc cây gần đó, và chỉ đơn giản là cắt đứt mọi suy nghĩ của trí não. Ông trở lại hoàn toàn Tâm không-biết. Tâm này không khởi tưởng, là tâm trước khi suy nghĩ phát sanh. Nó là tâm ban đầu, rỗng không, tự nhiên, sáng suốt trong mỗi chúng ta.

Thần ma ngừng đếm và bỏ tay ra khỏi mắt truy tìm nhưng không biết Thiền sư ẩn nấp nơi nào. Thần ma nhìn khắp mọi nơi, cũng không thể tìm thấy vị Thiền sư già. Từ trên tầng trời cao nhất và nơi chốn địa ngục sâu thẳm nhất, khắp mọi nơi trong vũ trụ. Thần ma nhìn qua những đám mây và xuyên xuống dưới núi, trong những hang động, vẫn không thể tìm thấy Thiền sư bất cứ nơi nào! Không những chỉ có vậy, viên tướng lãnh này đã chết hiển thần, vì vậy ông không còn bị ràng buộc bởi thời gian và không gian. Ông có khả năng thông suốt ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai; Có thể tìm kiếm khắp ba cõi: Dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Nhưng không thể phát hiện vị Sư già này ở đâu! Điều này rất lạ, bởi vì loài thần ma cao cấp có thể nhìn thấy bất cứ điều gì, bất cứ nơi nào. Tuy nhiên, khi Thiền sư hoàn toàn giữ Tâm không-biết, nên thần ma không thể phát hiện được. Thần ma lúng túng thốt lên: –Ô!, Thiền sư! Bây giờ thật sự con không thể tìm ra thầy! Thần ma đổi cách xưng hô. Chắc chắn thầy có phép ẩn thân vi diệu, ngài là một vị Sư phụ tuyệt vời. Xin vui lòng hiện ra để con có thể quy y trước mặt thầy và xin được làm đệ tử thị giả của thầy. ‖

Thiền sư bước ra từ phía sau gốc cây thốt lên: “Có ta đây!” Con ma quỳ xuống đảnh lễ Thiền sư ba lạy đầy đủ oai nghi. Sư nói:

–Trước kia ngươi là một thần tướng, tuy có “thần thông” quảng đại, nhưng không hiểu được “Tâm thông” của ta. Bây giờ ngươi là đệ tử thị giả của ta rồi. Từ đây, ngươi không sợ bất cứ ai. Chỉ giúp đỡ người khác. Được chứ? ‖ –Thưa vâng! Con đã nghĩ và nói xấu nhiều về thầy. Cho con xin sám hối. Kể từ bây giờ con xin vâng theo thầy. Từ ngày đó trở đi, Thần ma là thị giả của Thiền sư .

Qua câu chuyện này cho chúng ta thấy một cái gì đó về Tâm không-biết. Nếu bạn giữ Tâm không-biết một trăm phần trăm, sau đó con ma của bạn không thể tìm thấy được bạn. Đau khổ không thể tìm thấy bạn. Nghiệp, cuộc sống, cái chết, đến và đi, tốt và xấu, không có gì liên hệ đến bạn khi bạn chỉ giữ tâm không–biết. Tâm không–biết này là kho báu quan trọng nhất của bạn, nó có thể làm bất cứ điều gì. Nó không phụ thuộc vào Chúa hay Phật, Tiểu thừa, Đại thừa hay Thiền. Nó không phụ thuộc vào sanh tử.

Nếu bạn muốn ra khỏi đại dương đau khổ, chỉ có một la bàn là cần thiết: đó là “La- bàn Không-biết”. Nó luôn luôn bên trong bạn. Khi bạn sử dụng la bàn này, sau đó bạn thấy rằng hướng đi đúng đắn của bạn luôn luôn xuất hiện rõ ràng trước mắt bạn trong từng khoảnh khắc.

Vì vậy, tôi hy vọng từ nay trong mỗi sát na, bạn chỉ đi thẳng, không biết, thật rõ ràng sáng suốt như hư không. Cố gắng, cố gắng, cố gắng mười ngàn năm không ngừng nghỉ, được giác ngộ, và cứu độ tất cả chúng sanh thoát khỏi khổ đau.

Thiền sư Sùng Sơn

PHỤ LỤC MƯỜI CỔNG: Bữa Ăn Tâm

Có một số lớn Công án trong bộ sưu tập dành cho Thiền sinh. Trong trường phái Thiền Lâm Tế, các Thiền sư đã chọn ra một trăm Công án, hoặc "tắc" để sử dụng, đó là Bích Nham Lục. Trường phái Thiền Tào Động cũng sử dụng một trăm tắc. Bộ sưu tập này được gọi là Shoyo Roku. Bộ sưu tập phái Lâm Tế là bộ sưu tập lựa chọn Công án rất phức tạp, trong khi trường phái Thiền Tào Động có một bộ sưu tập rất đơn giản. Thiền sư Vân Môn đã chọn bốn mươi tám Công án thiết yếu và gọi là Vô Môn Quan, một số cũng dịch là “Cổng Không Cửa”, hoặc "Cửa kiểm tra” (Gate Checkpoint). Bất kỳ Trường phái Thiền nào cũng sử dụng bộ sưu tập đó .

Sau cùng, Dòng Thiền Tào Khê (Chogye) của Phật giáo Hàn Quốc đã phát triển một bộ sưu tập lớn gồm 1.700 Công án quan trọng. Tất cả những sưu tập Công án, khi cùng nhận được liên tục, cho thấy một sự sắp xếp trình bày có phần khó khăn của Công án mà mỗi Thiền sinh cần phải nắm vững. Vì vậy, trong Trường Thiền Quan Âm, chúng tôi đã chắt lọc sự thông hiểu của những Công án quan trọng nhất vào Mười Cổng .

Mười Cổng là một tập dữ liệu cô đọng mười Công án đại diện cho các thời điểm khai thị trọng yếu, hoặc "phong cách" đã đề cập đến bởi tất cả các Công án chính trong bộ sưu tập. Đi qua mỗi cổng, tương đương với sự trải nghiệm ở một mức độ thích ứng thực hành Công án, được bao gồm trong bộ sưu tập lớn. Tất nhiên, những Thiền sinh thống thuộc trong dòng Thiền thực hành nhiều hơn là Mười cổng Công án. Tuy vậy, nếu bạn qua được Mười cổng, bạn hiểu sự tự nhiên của tất cả thực hành Công án. Nếu bạn thấu rõ những gì là một Công án, bạn hiểu những gì tích cực hành trì chính xác. Nhưng sự hiểu biết của trí óc thì chưa đủ. Bạn không thể cảm nhận được tính bén nhạy bên trong của mỗi Công án nếu chỉ đơn thuần là tư duy khái niệm. Bạn phải thấu đạt những Công án. Đây là những gì chúng tôi cho là bởi "hiểu biết."

Một số người có thể vượt qua nhiều Công án mà không tỏ ngộ. Chúng tôi gọi là khả năng nhận thức khô. Cũng có một số người, dù họ có thể vượt qua một số Công án, vẫn không năng nỗ trong sự thực hành của họ. Nếu bạn không cố gắng, nếu bạn không thường xuyên quán chiếu chính mình và nếu bạn không tiêu hóa ý nghĩa của những Công án này thì chúng không trở thành của bạn. Nó chỉ là nhận thức khô khan. Vì vậy, những Công án này sẽ cung cấp cho bạn phương hướng để thực hành một cách chính xác. Phương hướng

đó được gọi là "Không biết". Trả lời Công án là chưa đủ, bạn phải hoàn toàn thực hiện “Không biết” và sau đó bạn đạt được Tuệ giác của Công án này.

Chúng tôi thí dụ ai đó bảo bạn: "Nếu đi về phía Nam mười dặm, bạn sẽ đến một ngọn núi lớn, trên chóp đỉnh giống như đầu một con đại bàng. Đi lên phía Nam và tìm thấy thung lũng với dòng suối trong đó. Một dặm phía trên thung lũng, có một hang động. Bên trong hang động, có một hũ vàng. Bạn phải đi qua đómới lấy được vàng. Bạn có thể hiểu những hướng dẫn này. Bạn có thể biết vàng nằm ở đâu, nhưng không có vấn đề là bạn thấu rõđược địa điểm này bao xa, ngõ ngách như thế nào, nếu bạn không tự mình đi đến đó, và bạn không thể lấy được vàng. Hầu như tất cả mọi người đều nói, "Vâng, tôi biết chỗ giấu vàng này. Mười dặm về phía Nam có một ngọn núi với chóp đỉnh hình dạng giống như đầu của một con đại bàng. Tôi hiểu điều đó. Nếu đi lên phía Nam, bạn có thể tìm thấy một thung lũng với một dòng suối trong đó. Tôi hiểu điều đó, tôi cũng hiểu rằng một dặm phía trên thung lũng có một hang động, bên trong hang động có một hủ vàng. Tôi hiểu tất cả rất chính xác." Nhưng nếu bạn chỉ hiểu như vậy, mà không đi thì không lấy được vàng, do đó bạn không thể cóđược số vàng này. Bạn chỉ hiểu được vị trí của vàng. Cũng vậy, sự hiểu biết về tiền và thực sự có một số tiền trong túi hoặc trong ngân hàngcủa bạn là hoàn toàn khác nhau, phải không? Điều này cũng đúng với những Công án: Nếu chỉ hiểu biết về Công án thì không thể giúp bạn. Nhiều người có những đáp án tốt trong các cuộc tham vấn, nhưng cuộc sống hằng ngày của họ không phải là một câu trả lời tốt. Cũng như người ngồi phía sau tài xế luôn luôn kiểm soát lái xe. Khi bạn thực sự đạt được Công án, thì các Công án trở thành của bạn .

Sự hiểu biết những Công án chưa phải là Ngộ. Cho dù câu trả lời về những Công án của bạn là đúng hay sai, điều đó không quan trọng,mà quan trọng nhất là cuộc sống hàng ngày của bạn. Nếu cuộc sống của bạn rõ ràng và chính xác trong từng giây phút thực tại, sau đó tất cả Công án không phải là một vấn đề lớn. Đó là trọng điểm. Trong một số Thiền đường, thực hành Công án được lập thành một sự trải nghiệm quá ư đặc biệt. Nó rất khó để kết nối sự tu tập với những tình huống thực tế hàng ngày trong cuộc sống. Các Thiền sinh được dạy chỉ tuân theo Công án VÔ này rất mãnh liệt, với phong cách rất kỳ lạ. Hằng ngày, mỗi cử chỉ động tác, họ chỉ thực hiện " Vôôô! " Nhưng làm thế nào VÔ kết nối tâm của bạn trước khi suy nghĩ với cuộc sống hàng ngày trong một thế giới phức tạp? Điểm giảng dạy này hiếm khi được thực hiện rõ ràng .

Trong Trường Thiền Quan Âm, truyền thống thực hành Công án trong cả hai phía Đông và Tây đã trải qua một cuộc cách mạng. Quan điểm thực hành Công án là hướng dẫn bạn làm thế nào để kết nối Tâm không-biết của bạn với cuộc sống hàng ngày .

Làm thế nào để sự tọa thiền của bạn trên các đệm ngồi (bồ đoàn) khám phá đúng chức năng của nó, từng khoảnh khắc, để giúp đỡ người khác? Ngày nay, thế giới này đang chuyển động cực kỳ nhanh chóng, và luôn luôn có những tình huống mới xuất hiện. Trong đó bạn phải hành hoạt rõ ràng và hết sức cẩn thận để giúp đỡ người khác. Nếu bạn chỉ giữ cho VÔ, dính mắc vào những bình luận cũ rích đầy thi vị, và làm cho một số kinh nghiệm đặc biệt ra khỏi thực hành Thiền, thì bạn sẽ đánh mất phương hướng của bạn. Khi bạn bước ra ngoài đường giữ công án "Vôôô", có thể bạn sẽ bị đụng xe, bởi

vì bạn chỉ chấp giữ Nhất Tâm. Tuy nhiên, phương cách những Công án của chúng tôi là sử dụng những Công án, cũng như thực hành ngay lập tức để thể nhận được tình huống chính xác. Tất cả ba điểm – BÙM! – ngay lập tức và bằng trực giác trở thành Một. Sau đó, bạn có thể cứu giúp tất cả chúng sanh. Đây là hướng đi đúng đắn của chúng tôi: Sử dụng thiền định một cách tự nhiên tại đây và ngay bây giờ, chỉ để giúp đỡ người khác.

Một khía cạnh quan trọng đối với những Công án trong truyền thống này là tất cả chúng đều có những câu hỏi. Các câu hỏi cung cấp Công án với hướng cơ bản của nó. Chúng chỉ ra sự nhận biết tâm ban đầu của bạn, và làm thế nào nó có chức năng ngay bây giờ. Hầu hết các bậc thầy khác, những người sử dụng các Công án không cung cấp câu hỏi này, môn sinh không thể tìm thấy hướng đi của họ với Công án. Vì vậy, Công án không nối kết với cuộc sống hàng ngày. Nó sẽ không giúp môn sinh trở thành độc lập, tự chủ.

Mười Cổng còn có một tên khác gọi là "Bữa Ăn Tâm". Điều này có nghĩa là nếu bạn nghiên cứu tu tập những Công án này, tâm của bạn tự có đủ lương thực. Khi tâm bạn đầy đủ, thì không có quá nhiều ham muốn và suy nghĩ xuất hiện, tâm bạn vẫn sáng suốt. Chỉ bằng cách này nó có thể hoạt động rõ ràng trong từng sát na và từ tình huống này sang tình huống khác để phụng sự cho tất cả chúng sanh .

Cổng Thứ Nhất: Con Chó của Triệu Châu

Có lần vị Tăng hỏi Thiền sư Triệu Châu: "Con chó có Phật tánh không? " Sư đáp "Vô ! "

1 . Đức Phật dạy rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Triệu Châu nói rằng con chó không có Phật tánh. Điều nào chính xác ? 2 . Triệu Châu nói: " VÔ " nghĩa này là gì? 3 . Vì vậy, tôi hỏi bạn: Con chó có Phật tánh không ?

Đây là một Công án rất thú vị. Đức Phật dạy rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Mặt trời, mặt trăng, núi sông và tất cả các bạn cũng như tôi có cùng một bản thể. Vì vậy, Phật tánh không có gì đặc biệt. Bản thể của bạn, bản thể của tôi, và bản thể của một con chó tất cả đều như nhau. Tên gọi Phật tánh là bản thể. Đức Phật dạy rằng tất cả chúng sanh đều có bản thể phổ quát này, mặc dù ngay cả tên và hình thức của tất cả mọi thứ khác nhau.

Nhưng có lần vị Tăng hỏi Thiền sư Triệu Châu: "Con chó có Phật tánh không?" Sư đáp "Vô!" Mọi người đều biết VÔ theo tiếng Trung Quốc dịch ra là “Không có" hoặc "Không gì". Phật tánh là “Tánh không” khởi thủy và hoàn toàn hư vô. Vì vậy, con chó có Phật tánh không? "Không có gì". Đức Phật có Phật tánh không ? "Không có gì ". "Không có gì" là câu trả lời chính xác, nhưng điều này vẫn chỉ là lời nói kiểu siêu thực. Nó chỉ là sự giải thích của một vài điểm và là một loại trừu tượng cho nhiều thứ. Tuy nhiên, nếu bạn muốn bày tỏ quan điểm đúng, điều quan trọng là thực hiện một số biểu hiện cụ thể. Ví dụ : Đây là một chiếc đồng hồ. Bây giờ tôi hỏi bạn: “Chiếc đồng hồ này có Phật tánh không?” Nếu bạn chỉ cần trả lời "Lớn " hay " Nặng " hay "Màu vàng ", như thế chưa trọn vẹn. Có thể những câu trả lời đó chỉ ra sự thật – chúng có thể trình bày một số sự thật của một phần đồng hồ, nhưng chúng vẫn không phải là câu trả lời đúng.

Trong khi sự thật trong một vài phương cách, chúng không phải là câu trả lời hoàn chỉnh. Nếu bạn trả lời "Trời xanh, cây xanh", bạn cũng thực hiện một tuyên bố sự thật hợp lệ, nhưng điều đó cũng không đầy đủ .

Những đáp án là những gì chúng ta gọi là câu trả lời theo kiểu siêu thực. Vậy thì, một sự biểu hiện cụ thể về Phật tánh của chiếc đồng hồ này là gì? (Chỉ cầm đồng hồ lên xem và đọc:) “Bây giờ là 7 giờ 30 phút sáng”. Tình huống chính xác của bạn đối với đồng hồ là gì ? Sau đó, mối quan hệ chính xác của bạn với nó là gì? Và chức năng chính xác của

đồng hồ này là gì? Đó là cuộc sống hàng ngày của bạn. Mỗi Công án chứng tỏ điều đó. Nó rất rõ ràng, và không quá đặc biệt như người tạo ra cho nó.

Thiền dạy chúng ta làm thế nào để có một cuộc sống đúng trong thời điểm này. Vì vậy, Tăng hỏi Triệu Châu: "Con chó có Phật tánh không?" Sư đáp: "VÔ". Câu trả lời là một sai lầm lớn. Nhưng đôi khi Thiền sư sử dụng "lời nói sai lầm" để dạy môn sinh của họ, bởi vì Thiền dạy tầm quan trọng là phải quét sạch mọi dính mắc suy nghĩ. Nghĩa là cắt đứt sự phụ thuộc vào lời nói và chữ nghĩa. Nó cho thấy cách nói, lời nói, ý tưởng, tư duy và hiểu biết chỉ là tạm thời và không tự nhiên. Vì vậy, một Thiền sư sử dụng ngôn ngữ một cách tự do, bởi vì ông không bị dính mắc cho dù đó là "đúng" hay "sai”.

Đây là một ví dụ: Trong thời gian Nhật chiếm đóng Hàn Quốc, những người cai trị thuộc địa này muốn củng cố địa vị cao cả của họ trong xã hội Hàn Quốc. Họ đã có những ngôi nhà thật sang trọng và quần áo thật đẹp. Khi ăn trái cây, họ thường bóc vỏ bỏ đi, chỉ ăn phần bên trong trái. Điều này được coi là lối sống thượng lưu. Nó sẽ không được gọi là tốt khi bạn ăn trái cây vẫn còn vỏ. Vào cuối Chiến tranh Thế giới Thứ hai, Nhật Bản đầu hàng, và quân đội Nhật đã phải rút quân về nước. Đối với một số người Nhật vẫn ở Hàn Quốc, cuộc sống của họ trở nên cực kỳ khó khăn. Họ đã bị gỡ bỏ khỏi vị trí thượng lưu. Họ mất hầu hết tài sản, công việc và sự giàu có của họ. Người dân Nhật bị mất quyền sở hữu cao quý, kể cả trang phục quần áo và nhà cửa đẹp đẽ của họ. Quân đội Nga thì có tính cá biệt nghiêm khắc về người Nhật. Nhiều người Nhật không có thức ăn để ăn và phải tìm kiếm trong những đống rác để tồn tại.

Sau chiến tranh, nhiều người dân cũng như quân đội Nga và Mỹ cũng gọt trái cây ăn và bỏ vỏ và người Nhật lại đi tìm lượm những vỏ đó ăn và nói: "Ồ! Đây là thực phẩm tuyệt vời !" Họ nhặt vỏ, rửa sạch bụi đất rồi ăn chúng. Tại sao điều này xảy ra làm đảo lộn cuộc sống của họ? Bởi vì tình huống người dân Nhật ở Hàn Quốc đã thay đổi, cho nên tư duy của họ cũng phải thay đổi. Tư duy không cố định, trong tình huống mới, tất cả các ý tưởng của họ về tốt và xấu trước đó tưởng chừng là cố định và vĩnh viễn – nhưng nay hoàn toàn đảo ngược do luật nhân quả bù trừ. Bây giờ họ chỉ nhìn thấy những vỏ trái cây, mà trước kia cho là rác, thì "đây là thực phẩm ngon lành!" Họ chỉ tin vào “tâm đói” và không có thói quen xa xỉ như trước đây của họ về những gì là đúng hoặc không đúng. Trong tình huống mới, chính xác và không chính xác không còn quan trọng nữa. Điều này cũng giống như Công án VÔ mà vị Tăng đã thắc mắc với Thiền sư Triệu Châu là không biết con chó có Phật tánh không. Cho nên đã có rất nhiều suy nghĩ về tư tưởng Phật giáo khác nhau. Vị Tăng nghĩ đến những lời Phật dạy về Phật tánh. Ông cho rằng

con chó có bản thể tương tự như ông, cũng là một con người. Nếu con chó có Phật tánh, thì chúng cũng có thể tỏ ngộ được

chứ? Chả lẽ Đức Phật sai ư? Hay là Thiền sư Triệu Châu có một lối giảng dạy khác với Phật? Và chả lẽ sau đó con chó có thể tỏ ngộ mà không phải thực hành thiền định gì cả ư?

Vị Tăng đã có rất nhiều và rất nhiều suy nghĩ vây quanh trong đầu. Vì vậy, làm thế nào để bạn cắt đứt suy nghĩ của vị Tăng này ? Triệu Châu trả lời " Vô" bởi vì trong tình huống đó, lời nói "sai" này của ngài Triệu Châu hoàn toàn có thể cắt đứt suy nghĩ của vị Tăng kia. Chỉ một chút VÔ này sẽ làm cắt đứt toàn bộ tâm khái niệm của vị Tăng! Đây là lý do tại sao công án "Vô" rất quan trọng. Đây là một trường hợp tuyệt vời của một số Thiền sư sử dụng lời nói và chữ nghĩa, cho dù đúng hay sai, nhằm mục đích quét sạch tâm suy nghĩ của môn sinh và cho họ Một Đại Nghi Tình (Một Câu Hỏi Lớn) . "Hum ! Tại sao Triệu Châu nói VÔ? Mọi thứ đều có Phật tính. Nhưng con chó sao lại không có Phật tánh... Thật là lạ..."Một câu hỏi lớn xuất hiện.

Nhưng kể từ khi ngài Triệu Châu mở miệng, một số truyền thống Thiền đã trở nên quá gắn bó với phương thuốc của Triệu Châu. Phải nói rằng chỉ cần sử dụng VÔ để đạt được một vài trạng thái “Tâm định” thì không phải là cách sử dụng đúng Công án này. Nhiều người sử dụng VÔ trong Thiền đường bởi vì họ đã được dạy rằng bạn phải giữ VÔ này rất mãnh liệt và sẽ đạt được một loại Thiền định nào đó. Vị thầy đó nói: "Bạn phải luôn luôn giữ VÔ trong trung tâm hara của bạn và ở khắp mọi nơi. Được chứ ?” Người học trò hét, " VÔôôô ! " Thầy bảo: – Mạnh hơn nữa ! – VÔÔÔÔÔÔ! – Được. Tốt lắm! Đây là phương pháp thiền tập trung năng lực, nó không phải lối thực hành Chánh pháp Thiền. Chánh Thiền nghĩa là giữ nhất tâm sáng suốt, rõ ràng trong từng sát na giống như tấm gương trong, khi màu đỏ đến, gương hiện màu đỏ, màu trắng đến, hiện trắng. Bạn phản ánh vũ trụ một cách chính xác như nó đang hiện hữu. Nhưng thiền tập trung năng lực VÔ chỉ là làm cho tất cả mọi thứ trong tâm bạn trở nên VÔ. Khi màu đỏ đến trước gương tâm của bạn chỉ có VÔ, khi trắng đến, chỉ có VÔ. Sau đó, nếu một người đói đến, chỉ có VÔ. Nếu một người khát nước đến, chỉ có VÔ. Đây là sự chấp trước và dính mắc với loại thực hành thiềnđặc biệt, không thể hoạt động rõ ràng để giúp đỡ người khác. Nó là một loại thiền bệnh rất xấu. Trên thực tế, thực hành Chánh thiền không phải là cứ mãi quan tâm đến an định ở khắp mọi nơi. Vâng, có thể bạn được định, nhưng bạn không nên dính mắc với nó. Thiền luôn luôn giữ tâm sáng suốt rõ ràng, từng sát na, từng khoảnh khắc.

Nhiều người thích kết hợp Thiền với một số thực hành tâm lý trị liệu, cho nên họ sử dụng các loại Thiền định để tạo ra một số cảm giác tốt cho những người thử nghiệm nó. Vì

vậy đối với những vấn đề trải qua trong thời kỳ đau khổ của họ, tất cả dường như đã biến mất. "Ôi ! Thiền định! Thật tuyệt vời !" Nhưng điều này cũng giống như thuốc phiện, bạn chỉ muốn có thêm nhiều hơn. Và khi bạn thực hành theo cách này, hằng ngày tâm trí không còn cảm thấy thú vị gì nữa. Tất cả điều bạn muốn là tiếp tục trải

nghiệm thiền định tuyệt vời của bạn. Bạn đang tạo ra một trải nghiệm đặc biệt đó là sự tách rời từ cuộc sống với tâm thường nhật. Nếu bạn chỉ tu tập định, hoặc chỉ thực hành thiền với Công án VÔ, tức là bạn tạo ra một loại Thiền "đặc biệt". Bạn đang tiến về phía Đông trong khi bạn lại muốn đi về phía Tây. Vậy thì khi nào bạn mới được tỏ ngộ? Vì Thiền thì không phải là thứ gì đặc biệt. Từng khoảnh khắc, bạn phải thấu rõ đang làm gì bây giờ? Đây mới thực sự là Tâm Thiền.

Vì vậy, với Công án này, chúng tôi đã và đang thử nghiệm phương cách rõ ràng cho môn sinh khám phá được bản thể, sự thật và chức năng chính xác của họ. Câu hỏi đầu tiên trong Công án này cho thấy bản thể uyên nguyên của chúng ta. Ví dụ, đây là một số vàng. Bạn có thể tạo ra nhiều thứ khác nhau từ số vàng này, như là bông tai, dây chuyền, nhẫn, lắc, đồng hồ và gọng kính v.v... Các hình thức đều khác nhau. Do vậy chức năng của mỗi thứ cũng khác nhau. Nhưng tất cả cùng bản chất như nhau, vẫn là vàng. Cũng thế, trời mây, núi, sông, con người, máy bay, chư Phật, thánh thần, ma quỷ và địa ngục đều có tên và hình thức khác nhau, chức năng cũng khác nhau. Nhưng bản chất của tất cả là hoàn toàn như nhau. Sử dụng đúng Công án này tức là chứng minh thời điểm đó bạn làm thế nào để thể hiện bản chất tất cả mọi thứ? Bước tiếp theo là, làm thế nào để bạn thể hiện Chân lý? Và cuối cùng, chức năng chính xác của bản chất phổ quát và sự thật trong mỗi thứ cá biệt đó là gì?

Đức Phật dạy rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Vì vậy, Phật và con chó có bản thể phổ quát giống nhau, nhưng hình thức và chức năng hoàn toàn khác nhau. Tượng Phật thếp vàng và ngồi trên bàn thờ, con chó có màu trắng và sống trong một cái chuồng nhỏ. Đây là hình thức của mỗi thứ và sự thật của mỗi thứ, nhưng chức năng khác nhau. Với tượng Phật được nhiều người cúi đầu lễ bái, còn con chó chỉ ở ngoài sân, khi người quen đến, nó vẫy đuôi mừng; khi kẻ xấu hay người lạ đến, nó sủa "Gâu! Gâu!"

Do vậy, nếu bạn chỉ thực hành Thiền “VÔ”, bạn không thể cảm nhận được chức năng khác nhau này rõ ràng. Vì thế bạn cũng có thể không nhận thức được chức năng chính xác của bạn và chức năng chính xác của tất cả mọi thứ trong vũ trụ này. Bạn không thể giúp đỡ người khác trong những tình huống khác nhau theo nhu cầu cụ thể của họ. Vì bạn nhìn thấy chỉ có VÔ .

Trong Công án này, chúng tôi kiểm tra trình độ của một môn sinh về sự thấu đạt bản thể, chân lý, và chức năng. Câu hỏi đầu tiên là: "Đức Phật nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Nhưng Thiền sư Triệu Châu cho biết con chó không có Phật tánh. Câu nào đúng? Có Phật tánh hay không có Phật tánh?” Nếu chỉ suy nghĩ có Phật tánh hoặc không có Phật tánh thì không chính xác. Thực ra, có hay không có Phật tánh không quan trọng.Triệu Châu đã chứng minh thời điểm đó khi ngài trả lời "VÔ". Thay vào đó, ngay bây giờ bạn tự hỏi Phật tánh là gì ? Buông suy nghĩ của bạn xuống, và không chấp vào lời nói và chữ nghĩa. Bạn chỉ cần thấu đạt được bản thể của bạn. Đó là chỉ điểm của câu hỏi đầu tiên: Bản thể của bạn là gì ? Nếu bạn đạt được bản thể của bạn thì mọi thứ đều không có vấn đề. Đó là ý nghĩa đằng sau câu hỏi đầu tiên này .

Câu hỏi thứ hai: “Triệu Châu nói: ‘VÔ’.Vô này nghĩa là gì ? " Nếu bạn hoàn toàn cắt đứt tất cả suy tưởng trong tâm bạn, sau đó ý nghĩa của câu hỏi này rất rõ ràng. Tất cả mọi thứ được phản ánh, chỉ vì nó đang là. Màu đỏ đến, gương hiện đỏ , màu trắng đến, gương hiện trắng. Đây là sự thật. Hãy nhớ rằng: VÔ không có ý nghĩa gì đặc biệt. Một số người tạo ra VÔ đặc biệt, nhưng ban đầu nó không có gì đặc biệt. Vì vậy, có người đã từng hỏi Tổ sư Mãn Không: “Ý nghĩa VÔ của của Triệu Châu là gì?” Mãn Không trả lời: "Hãy đi ra khu vườn trồng cãi phía sau thiền viện. Ở đó bạn sẽ tìm thấy nhiều Vô”. Trong thuật ngữ tiếng Hàn gọi VÔ (mu) là củ cãi. Như vậy làm thế nào để phản ánh sự thật? Điều đó rất quan trọng.

Câu hỏi thứ ba: “Con chó có Phật tánh không?" Câu hỏi này rất rõ ràng. Nếu bạn trực nhận một cách chính xác, sau đó bạn cũng thấy sai lầm lớn của sư Triệu Châu. Câu hỏi cuối cùng này kiểm tra tâm thức của bạn về chức năng chính xác. Nếu bạn muốn trả lời tất cả những câu hỏi này, điều quan trọng nhất bạn nên làm là không chấp giữ "sai lầm" của sư Triệu Châu. Bạn phải tìm hiểu những chức năng chính xác "sai lầm" của Triệu Châu và sau đó bạn có thể học cách sử dụng nó để giúp đỡ người khác. Bản thể, sự thật, và chức năng chính xác của chúng: đó là Công án VÔ .

Cổng Thứ Hai: Triệu Châu – Rửa Bát

Có lần Tăng hỏi Thiền Sư Triệu Châu:
– Bạch sư phụ, con đã vào tu viện khá lâu. Xin ngài dạy cho con Phật Pháp.
Triệu Châu hỏi: " Ông đã ăn sáng chưa? "
Tăng đáp : "Dạ rồi ".
Sau đó, Triệu Châu nói: "Hãy rửa bát đi."
Tăng nghe liền tỏ ngộ .
1 . Vị Tăng đã đạt được điều gì ? 2 . Nếu bạn là ông Tăng, Triệu Châu bảo "Hãy rửa bát đi", bạn có thể nói gì?

Công án này dạy chúng ta rằng tâm thường nhật là sự thật. Tâm thường nhật rất quan trọng, nhưng nó không phải đặc biệt. Tâm thường nhật là phương cách chính xác, là sự thật, và sự sống đúng. Vì vậy, Tăng thưa Thiền sư Triệu Châu : "Xin dạy cho con Phật pháp”. Triệu Châu hỏi: "Ông đã ăn sáng chưa?" Tăng đáp : "Dạ rồi ". Sau đó, Triệu Châu nói: "Hãy rửa bát đi." Tăng nghe rồi liền tỏ ngộ. Điều này có nghĩa ông đạt được tâm thường nhật một cách chính xác.

Nhưng nếu chúng ta kiểm tra Công án này chặt chẽ hơn một chút, chúng ta thấy một cái gì đó xảy ra rất thú vị. Thiền sư Triệu Châu đôi khi đánh học sinh của mình một cách rất tế nhị: "Ông ăn sáng chưa?" –"Dạ rồi !" Nếu chúng ta dừng lại ở đây, chúng ta có thể thấy rằng ăn sáng đã xong từ lâu, Triệu Châu nói "hãy rửa bát đi" thì điều này không đúng. Bữa ăn sáng đã hoàn tất từ lâu, tại sao ngài lại bảo rửa bát? Nhưng đó là phong cách của Triệu Châu, ông sử dụng câu nói đó để nắm bắt tâm học trò của mình. Cho dù lời nói đó có đúng hay sai, nó không quan trọng, điều quan trọng là làm thế nào để đánh thức tâm của môn sinh.

Vì vậy, Triệu Châu luôn luôn kiểm tra môn sinh của mình, ông không mong đợi câu trả lời được chấp nhận như một số sự thật sau cùng. Nếu bạn đang ở vào thời điểm đó, bạn sẽ trả lời Triệu Châu ra sao? Rửa bát sau khi ăn sáng quả thực là tâm chính xác, nhưng

trong trường hợp này bữa ăn sáng đã xong từ lâu, và bát đâu có một lần nữa để rửa? Nếu tâm bạn rõ ràng, bạn phải đáp trả với Thiền sư. Vì vậy, với môn sinh mới bắt đầu, một đáp án rất đơn giản là có thể. Nhưng khi bạn tiến bộ trong sự tu tập tham Thiền, bạn có thể hỏi và đánh trả lại sư Triệu Châu. Bạn phải giữ tâm sáng suốt, sau đó bạn có thể cảm nhận được phong cách nói chuyện của Triệu Châu.

Thiền có nghĩa là trong từng sát na, trực giác nhận thức như thế nào để giữ vị trí đúng, quan hệ đúng và hành động đúng. Bất kỳ loại ngôn từ nào của các Thiền sư nói ra không quan trọng. Bạn phải tiêu hóa ngôn từ của Thiền sư và thực hiện nó chính xác trong từng khoảnh khắc. Thực hiện là việc của bạn, chính đó là sự khôn lanh bén nhạy của trí giác. Nhưng điều quan trọng nhất là bạn không nên để mình trở nên dính mắc với bất kỳ ngôn từ nào của Thiền sư .

Cổng Thứ Ba: Thụy Nham gọi “Ông chủ”

Thiền sư Thụy Nham thường ngồi trong nhà giảng, đối mặt với núi xanh, mỗi ngày có thói quen tự gọi : “Ông chủ!” Rồi tự đáp : “Dạ !”
– Tỉnh táo nhé!
– Dạ!
– Đừng bao giờ để bị lường gạt nhé !
– Dạ, dạ!
Thụy Nham Ngạn sử dụng tiếng gọi để gọi Ông Chủ chính mình và tự trả lời, như vậy có hai tâm, hai ông chủ. Vậy cái nào là Ông Chủ đích thực?

Bạn thường thấy trẻ con ít nói chuyện với nhau trong khi chúng chơi đùa. Chúng suy nghĩ rất đơn giản. Chúng ôm giữ một con búp bê nhỏ và giả ra một giọng nói khác: "Ồ! bạn thích tôi không? Tôi thích bạn lắm." Chúng tạo ra chút hát ru. "Ồ! ho, ho, ho, la, la, la!" Vâng, đồ chơi này không thể trả lời hoặc nói bất cứ điều gì, đôi khi nó chỉ được gắn cái máy nhỏ phát ra tiếng cười hoặc khóc. Nhưng trẻ con cứ nói một mình như thể chúng đang nói chuyện với nhau. "Ồ! bạn thích tôi không?”“Tôi thích bạn lắm! La-lee, la-la-la!" Trẻ nhỏ này có một tâm hoặc hai tâm? Thiền sư Thụy Nham cũng giống như những đứa trẻ nhỏ. Ông có một cái tâm rất đơn giản và tinh khiết. Trong quan hệ Trung–Hàn, chúng tôi gọi đó là “Yu ji sam mae”(Du hí Tam muội). Tôi tạo ra hai nhân vật, và vui chơi nhau.

Công án này Thiền sư Thụy Nham thực hiện Ông chủ – gọi và Ông chủ – trả lời. Nó đòi hỏi về Một ông chủ chính xác. Bạn có thể tìm thấy nó không? Bạn phải tìm Ông chủ thực sự của bạn. Đây là một gợi ý: Nếu bạn giữ một Tâm sáng suốt như hư không, sau đó tất cả mọi thứ là Ông chủ của bạn. Bầu trời là Ông chủ của bạn. Cây cỏ là Ông chủ của bạn. Chó sủa là Ông chủ của bạn. Tất cả mọi thứ là Ông chủ của bạn, bởi vì Ông chủ của bạn luôn luôn ngay trước mặt bạn. Đó là điểm rất quan trọng.

Tuy nhiên, đây chỉ là một câu trả lời theo kiểu siêu thực. “Ông chủ thật của bạn luôn luôn ở phía trước mắt bạn." Đó chỉ là một loại giải thích. Bạn phải tiêu hóa sự trải nghiệm của bạn và tạo nó ra cho bạn. Sau đó Ông chủ của bạn xuất hiện rất rõ ràng trước mắt bạn. Làm thế nào để bạn khám phá ra Ông chủ cụ thể của bạn? Thấu đạt điều đó, tức thì bạn có thể trả lời Công án này.

Cổng Thứ Tư: Bồ Đề Đạt Ma Không Râu

Thiền sư Hoặc Am hỏi môn sinh của mình: – Tại sao Bồ-đề-đạt-ma không râu?

1. Mặt thật Bồ-đề-đạt-ma là gì? 2. Tại sao Bồ-đề-đạt-ma không râu?

Có một người ngủ trưa, ông mơ thấy ai đó cắt cổ ông, và khi vừa tỉnh dậy ông toát mồ hôi lạnh. Ông bèn nói: "Đầu tôi đâu? Đầu tôi đâu?” Ông không tìm thấy đầu của mình bất cứ nơi nào! Vì vậy ông chạy loanh quanh tìm kiếm cái đầu mình. Ông nhìn vào tủ quần áo và dưới gầm bàn vẫn nghĩ: "Đầu tôi đâu? Ai đó đã lấy mất đầu của tôi rồi !?" Ông mở cửa và la lên: "Đầu tôi đâu? Xin ai đó giúp tôi tìm thấy đầu của tôi!" Rồi ông đóng sầm cửa lại. Ông tiếp tục tìm kiếm và mở cửa sổ, la lên: "Ai đó hãy giúp tôi tìm thấy đầu của tôi! " Bất chợt có người bạn của ông xuất hiện và nói: –Này, này! Bình tỉnh lại. Bạn đang tìm kiếm gì thế? –Đầu tôi ở đâu? Tôi vừa ngủ trưa, thấy ai đó lấy dao cắt đầu của tôi. Ôi! Trời ơi! Bây giờ đầu của tôi đã biến mất đâu rồi ! Sau đó người bạn đánh vào đầu ông ta thật mạnh: “Bốp” –Đầu của bạn đó! (Cả thính đường cười vang) Đây là một loại Công án tấn công. Điều này có nghĩa là nếu ai đó đánh tôi, tôi phải tấn công và phòng thủ. Thiền dạy không tạo tác bất cứ điều gì trong tâm bạn. Nhưng Thiền sư Hoặc Am tạo ra một cái gì đó với câu hỏi này. "Tại sao Bồ Đề Đạt Ma không râu?" Nếu bạn muốn đạt được câu hỏi này, trước tiên bạn phải hoàn toàn đạt được Bồ Đề Đạt Ma thực sự. Bồ Đề Đạt Ma thực sự là gì? Là Bồ Đề Đạt Ma không mắt, không tai, không mũi, không lưỡi, không thân và không ý. Vì vậy ông cũng không có râu. Đó mới là chính xác. Bạn phải đạt được điểm này, và sau đó bạn đạt được câu hỏi đầu tiên. Nếu bạn không dính mắc với danh (tên gọi) và sắc (hình thể), bất cứ điều gì là có thể. Đó là khóa học đầu tiên .

Khóa học tiếp theo là nếu hình thể xuất hiện, bạn phải nhận thức được chức năng chính xác của hình thể. Một số người vẫn còn ở dạng thiền định này giống như đứng trên sân khấu và tuyên bố: "Tôi không biết hình sắc. Tôi không bận tâm với danh."Nếu bạn giữ tâm này, bạn đãrơi vào tánh Không. Bạn bị dính mắc vào trống rỗng, và thậm chí cả Đức

Phật không thể giúp bạn. Do đó, không dính mắc với tên và hình thể, và không cố gắng để lấy đi tên và hình thể. Nếu tên và hình thể xuất hiện, làm thế nào để bạn sử dụng chúng một cách chính xác? Chức năng đúng của chúng là gì ? Nếu bạn khám phá chức năng chính xác của danh xưng và hình thể, sau đó có thể có một bộ râu. Điều nào bạn thích?

Vì vậy, một số Thiền sư sẽ hỏi: "Tại sao Bồ Đề Đạt Ma không râu ?" Sau đó, nếu môn sinh của họ cho một từ “VÔ” mạnh mẽ,họ rất hoan hỷ. Cách dạy này không chỉ ra được chức năng chính xác của danh xưng và hình thể. Một số môn sinh sẽ nói: "Râu của tôi

tuyệt đẹp!" Đáp án loại đó khá hơn, nhưng nó vẫn không phải là đáp án hoàn chỉnh. Đây rõ ràng là một Công án tấn công, vì vậy nếu bạn không tấn công trở lại, bạn không thể nhận thức vấn đề thực sự câu hỏi của Thiền sư Hoặc Am .

Có lẽ câu chuyện sau đây sẽ giúp sáng tỏ thêm: Ở Bắc Hàn có một ngọn núi rất nổi tiếng gọi là núi Kim Cương. Trên đầu ngọn núi là Trung tâm Thiền Maha Yon, nơi có đến cả ngàn tu sĩ thực hành thiền cùng một lúc. Ở dưới núi là một ngôi Chùa Phật học gọi là Chùa Du Hổ. Nằm ở lưng chừng núi Kim Cương có một suối nước nóng rất nổi tiếng. Người quản lý là một nữ cư sĩ Phật tử thuần thành, thường cho các nhà sư tắm nước nóng miễn phí.

Một ngày nọ, Pháp sư Tuyết Huệ (Sol Hae) ở chùa Phật học Du Hổ đến tắm suối. Ông là vị Pháp sư khá nổi tiếng tại Hàn Quốc. Sau khi ông tắm xong, bà quản lý hỏi: –Ồ! Thưa Pháp sư, thầy cảm thấy thế nào? –Thưa bà, rất tuyệt vời! Suối nước nóng này thuộc hạng nhất trong cả nước. Thùng tắm cũng khá tốt. Sau đó, bà quản lý lại nói: –Thưa Pháp sư, tôi xin có một câu hỏi, thầy lấy nước nóng trong thùng để tắm rửa sạch thân, còn thầy lấy gì để tẩy sạch tâm? Pháp sư Tuyết Huệ không thể trả lời được.

Đó là một câu hỏi rất quan trọng, là một câu hỏi tấn công: “Làm thế nào để bạn tẩy sạch tâm bạn?" Nếu bạn có tâm, bạn phải làm sạch nó tất cả mọi lúc. Nhưng nếu bạn không có tâm thì khỏi cần tẩy sạch. Đó là quan điểm của Công án này. Nếu bạn nói bạn có tâm, tôi sẽ đánh bạn ba mươi hèo. Nếu bạn nói không tâm, tôi cũng sẽ đánh bạn ba mươi hèo. Bạn có thể làm gì? Đó cũng là quan điểm của câu hỏi Thiền sư Hoặc Am .

Cổng Thứ Năm: Người Trên Cây của Hương Nghiêm

Thiền sư Hương Nghiêm nói: –"Ví như một người đàn ông bị bắt buộc phải dùng hai hàm răng của ông cắn chặt vào một cành cây cao bên vách núi. Đôi tay và đôi chân của ông ta bị bó lại không thể bám vào đâu được; ông ta bị treo lơ lửng như thế. Có một người khác đứng dưới gốc cây hỏi: 'Tại sao Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Quốc?’ Nếu ông ta không trả lời, thì phụ lòng người hỏi, trốn tránh nhiệm vụ của mình và ông ta sẽ bị giết chết. Còn như ông ta há miệng trả lời, tức sẽ bị rơi xuống đá núi tan thân mất mạng.”

Câu hỏi: Nếu bạn bị treo trên cây như vậy, làm thế nào để bạn được sống còn?"

Điều này được biết đến như một Công án “Kyon jol mun” Không–cửa–ra, không lối thoát. Nếu mở miệng, bạn sẽ chết. Còn như im lặng, bạn cũng chết. Có người từng hỏi Thiền sư Triệu Châu, "Tại sao Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Quốc?" Đây là một cách hỏi khác: "Chân lý là gì? Giáo lý của Phật giáo là gì?" Vì vậy, Triệu Châu trả lời: "Cây bách trước sân." Nhưng nếu bạn đang ngậm cành cây trên cao như vậy, bạn không thể làm bất cứ điều gì, hoặc cách nào khác, bạn cũng sẽ chết. Vậy thì làm thế nào để bạn được sống còn?

Nếu bạn hoàn toàn cắt đứt tất cả mọi suy nghĩ, đạt được Tâm không-biết. Đây là thời điểm trước khi suy nghĩ, không có sống và chết. Tâm Không-biết được giải thoát khỏi sống và chết. Nếu bạn nghĩ rằng "sống", bạn có sự sống; bạn nghĩ rằng "chết", bạn có cái chết. Nhưng khi bạn không nghĩ bất cứ điều gì, bạn đã vượt qua điểm sống chết đó.

Vì vậy, trong Công án này, nếu bạn muốn lưu lại cuộc sống, tức bạn sẽ chết. Tại thời điểm đó, bị treo trên cây, tình huống chính xác của bạn là gì ? Mối quan hệ chính xác của bạn với tình huống đó là gì? Và sau đó chức năng chính xác của bạn là gì ? Buông xuống tất cả, tức thì chúng xuất hiện rất rõ ràng ngay trước mặt bạn .

Cổng Thứ Sáu: Rơi Tro Trên Thân Phật

Có một gã đàn ông vào Trung tâm Thiền hút thuốc, phà khói vào mặt tượng Phật và khảy tro trên thân Phật.

Câu hỏi: Nếu bạn có mặt vào lúc đó, bạn làm gì?

Đây là một Công án chỉ dạy rất quan trọng. Đức Phật bảo: “Tất cả mọi thứ đều có tánh Phật”. Ở Hàn Quốc và Trung Quốc, chúng tôi thường treo các bảng có câu đối theo chiều dọc với các ký tự Trung Quốc chạm khắc và sơn thếp tỉ mỉ trên các cột của nhà chùa. Một cụm từ nổi tiếng mà nhiều người đã biết, "Thân Phật bao la khắp thái hư." Đây là giáo lý rất tuyệt vời. Thân Phật ở khắp mọi nơi, cái gì không phải là thân Phật? Vì vậy, một người đàn ông đi vào Trung tâm Thiền hút thuốc. Ông đến bức tượng Phật rồi phà khói thuốc vào mặt Phật và khảy tro trên thân Phật. Vị trú trì chạy đến la: "Ông điên hả! Tại sao khảy tro trên thân Phật?" Nhưng người đàn ông chỉ lên tấm bảng treo với các ký tự Trung Quốc và nói:

–Nó được viết ở đây. 'Thân Phật bao la khắp thái hư.’ Tất cả mọi nơi đều có Phật. Vậy thì nơi nào mà tôi có thể vứt bỏ tro của tàn thuốc này? Những đống tro tàn cũng có Phật tánh. Mọi thứ đều có tánh Phật. Làm thế nào tôi có thể vứt đi mà không có Phật ?

Người đàn ông này chấp chặt vào một bên gọi là biên kiến. Ông hiểu giáo lý chỉ một chiều, nhưng ông không hiểu hai. Và ông tin rằng, "Tôi đã giác ngộ. Tôi hiểu tất cả mọi thứ." Ông ấy bị dính mắc với quan điểm của chính mình .

Có một Công án chỉ rõ điểm này: Một nữ tín chủ hết lòng ngưỡng mộ đạo Phật, bà hỗ trợ cho một nhà sư tu Thiền trong suốt ba năm qua. Bà ấy lập một am tranh trên triền núi phía sau nhà cho sư và cúng dường thực phẩm, quần áo và thuốc men.

Ở Á đông có một câu nói: “Nhứt niên tu Phật hiện tiền. Tam niên chứng quả Tây thiên”. Nghĩa là nếu bạn tu hành chăm chỉ như năm đầu phát khởi sơ tâm, thì ba năm sau, chắc chắn bạn sẽ lãnh hội được một cái gì đó. Nếu bạn không thể thành tựu được bất cứ điều gì, thì đó là do bạn đã không thực hành một cách chính xác. Vì vậy, sau ba năm, nữ thí chủ này muốn biết sự tu thiền tiến bộ của nhà sư mà mình ủng hộ ra sao. Bà có một cô con

gái còn rất trẻ và khá đẹp. Hai mẹ con đều là Thiền sinh, đệ tử của một Thiền sư nổi tiếng. Bà bảo cô con gái của mình rằng: “Hôm nay là ngày ra thất của nhà sư ẩn tu, con nên ăn mặc lịch sự, mang thực phẩm và y áo mới này vào cúng dường sư. Sau đó, con ôm hôn ông ấy thắm thiết rồi hỏi ông ta, Thầy cảm thấy thế nào? Coi thử kết quả tu hành của ông ta ra sao và nói những gì, rồi về mách cho mẹ biết.” Cô con gái vâng lời và mang thức ăn đến thảo am. Khi đến nơi, cô gõ cửa rồi bước vào đặt tất cả các thức ăn ngon và y áo mới trước mặt nhà sư, là người phát nguyện nhập thất trong ba năm

để tu thiền với quyết tâm mãnh liệt. Cô gái chấp tay thưa: “Bạch thầy, thầy đã nhập thất tu thiền trong ba năm qua, thật là tuyệt vời ! Vì vậy hôm nay là ngày thầy ra thất, mẹ con xin cúng dường thức ăn và y áo mới cho thầy."

Nhà sư đáp: "Ồ! Mẹ con là một vị Bồ tát lớn. Xin cảm ơn hai mẹ con thật nhiều”. Ngay lúc đó, cô gái thình lình bước tới ôm chặt nhà sư và hôn lên má ông ta rồi hỏi: "Thầy cảm thấy thế nào ạ ? " Nhà sư hoàn toàn vô cảm. Ông nói: –Khô mộc ỷ hàn nham, Tam đông vô noãn khí. Nghĩa là: Cây khô trên núi ẩn mình, Đông sang ba bận nên tình lạnh tanh.

Cô con gái tỏ lòng ngưỡng mộ không xiết: "Ôi ! Thầy là một bậc chơn tu tuyệt vời ! Tâm thầy chẳng động rất mạnh mẽ." Cô cúi chào sư và quay về nhà, trong lòng dâng lên niềm hạnh phúc.

Khi cô gái trở về, mẹ cô hỏi: "Này con, nhà sư đã nói gì với con?" –Ồ, thưa mẹ! Thầy ấy quả thật là một vị chân tu thánh thiện. Tâm ông không hề xao xuyến. Khi con ôm hôn, ông đứng im như cây khô. Sắc mặt ông không hề thay đổi, ông không tỏ thái độ gì ! –Ta không quan tâm đến chuyện ông chả có động thái gì. Tất cả điều mà ta muốn biết là ông ấy đã nói gì với con? –Dạ, thầy nói: Cây khô trên núi ẩn mình, Đông sang ba bận nên tình lạnh tanh.

Nghe những lời này, bà thí chủ nổi cơn giận dữ. Bà lấy một cây gậy và chạy thẳng lên núi, vào trong thất đánh nhà sư túi bụi và nói: " Ông hãy rời khỏi nơi đây! Suốt ba năm qua, ta chỉ phụng sự một con quỷ vô tâm, vô cảm! Hãy đi đi, ông tu thành quỷ rồi !" Bà đuổi nhà sư đi ra và nổi lửa đốt am tranh cháy rụi.

Chuyện gì xảy ra ở đây? Sự sai lầm của nhà sư ở chỗ nào? Nhà sư này cũng giống như người đàn ông hút thuốc lá trong Công án “Rơi Tro Trên Thân Phật”. Ông bị dính mắc

với ý tưởng của mình. Ông bị dính mắc với kinh nghiệm thực hành của mình. Ông muốn một cái tâm không lay động, thật yên tĩnh và an bình. Ở Mỹ có rất nhiều người dạy loại thực hành Thiền như vậy. Người hành Thiền cần có được sự yên tĩnh, thanh bình, tâm không chuyển động để họ có thể nhận một số cảm giác tốt. Nhưng đâu là Trí tuệ trong việc giảng dạy như vậy? Làm thế nào để trí tuệ của bạn thêm lớn hơn, nếu bạn chỉ giữ một tâm yên lặng? Nếu bạn thực hành theo cách này, trí tuệ của bạn sẽ không tăng trưởng tốt, và bạn sẽ không thể nhận được vị trí đúng, mối quan hệ đúng, và chức năng đúng trong cuộc sống của bạn từng khoảnh khắc. Vị trí đúng của nhà sư này là một tu sĩ, vì vậy tình huống chính xác của ông là tình huống của nhà sư. Mối quan hệ chính xác của ông là giữa người tu sĩ với con gái của người phụ nữ này. Vì vậy, chức năng chính xác của ông là gì ? Nếu bạn là một nhà sư, chức năng chính xác của bạn là sáng suốt dạy cho lòng Từ với cô gái trẻ này. Điều đó rất rõ ràng.

Vì vậy, người đàn ông đến với trung tâm Thiền hút thuốc, phà khói thuốc vào mặt tượng Phật và khảy tro trên thân Ngài. Ông ấy không hiểu được Chân lý. Ông ấy không hiểu được bản chất thực sự của vị trí hiện tại của mình, hoặc mối quan hệ chính xác của mình với vị trí đó. Do đó, ông không hiểu đúng chức năng của mình ở vào thời điểm đó. Làm thế nào để giáo hóa ông ta? Làm thế nào để bạn khắc phục tâm mình?

Hãy cẩn thận! Người đàn ông này rất mạnh mẽ, và không có vấn đề gì để bạn cãi lộn với ông ta. Và nếu bạn chỉ cần khiêu khích, ông ta sẽ đánh bạn càng nặng hơn .

Cổng Thứ Bảy: Ba Cổng Của Cao Phong (Nguyên Diệu)

1. Mặt trời chiếu sáng khắp nơi. Tại sao có một áng mây che khuất? 2. Ai cũng có một cái bóng theo mình.Làm thế nào để không giẫm bước lên bóng của bạn? 3. Toàn thể ba cõi (dục giới, sắc giới và vô sắc giới) đang rực lửa. Bạn sử dụng loại thiền định nào để khỏi bị đốt cháy ?

Đây là một Công án hành động hoàn toàn. Không kiểm tra bất cứ điều gì và chỉ làm điều đó. Trong thời điểm sát na đó, vị trí của bạn đúng, mối quan hệ của bạn đúng với vị trí và chức năng chính xác của bạn là gì? Nếu bạn chủ đích làm ngay-nó (just do it), Công án này sẽ không thành vấn đề .

Có một Công án giống như vầy: Tăng hỏi Thiền sư Động Sơn Lương Giới:
–Khi lạnh hoặc nóng đến, làm thế nào có thể tránh được chúng?
Động Sơn trả lời:
–Tại sao ông không đi đến nơi không lạnh, không nóng?
Tăng hỏi:
–Nơi không lạnh, không nóng là gì?
Động Sơn nói:
–Khi lạnh, lạnh giết ông. Khi nóng, nóng giết ông.(*)
Điều đó có nghĩa gì? Nếu bạn kiểm tra những từ này. Bạn sẽ có một vấn đề lớn.
Công án này tương tự như Ba Cổng của Cao Phong .
"Mặt trời chiếu sáng khắp mọi nơi. Tại sao một đám mây che khuất nó ?" Vào thời điểm đó, tình huống chính xác của bạn là gì? Và sau đó mối quan hệ chính xác của bạn với tình huốngđó là gì? Làm thế nào để bạn kết nối tình huống của bạn với ánh nắng mặt trời và đám mây? Chức năng của bạn là gì? Tất cả đến với nhau trong Công án này . _____ (*) Theo thiển ý của dịch giả có thể trả lời: “Khi lạnh đến, lạnh không thể giết ông. Khi nóng đến, nóng không thể giết ông” sẽ dễ hiểu hơn.

"Ai cũng có một cái bóng theo mình. Làm thế nào để không giẫm bước lên bóng?"

Tình huống của bạn đúng, mối quan hệ và chức năng chính xác liên quan đến bóng của bạn là gì? Nếu bạn kiểm tra xem nó, bạn sẽ mất nó .

"Toàn thể ba cõi đang rực lửa. Bạn sử dụng loại thiền định nào để khỏi bị đốt cháy?" Khi ngọn lửa nhấn chìm toàn bộ vũ trụ, làm thế nào để bạn thể hiện nó chính xác? Vị trí của bạn đúng, quan hệ của bạn đúng, và hành động đúng của bạn là gì? Khi bạn muốn một cái gì đó sợ hãi tăng lên, và nếu bạn sợ một cái gì đó, bạn bị đóng băng và không thể làm bất cứ điều gì. Bất cứ khi nào bạn có "Cái tôi, của tôi, thuộc về tôi," tức có sự sợ hãi và hoang mang. Nhưng khi "Tôi, của tôi, thuộc về tôi" biến mất, chúngđược coi như rỗng không, sau đó không còn bất kỳ tình huống hay điều kiện. Tôi không có tự ngã, vì vậy bên trong và bên ngoài trở thành Một. Đó là quan điểm của Công án “Chỉ làm điều đó” (Only- do-it) .

Có một câu chuyện thú vị này sẽ giúp bạn: Nhiều năm trước đây tại Nhật Bản có một nam diễn viên nổi tiếng với vai diễn của mình là dũng sĩ (samurai).Nam diễn viên thuộc hạng thứ bảy trong Kiếm đạo, anh đã được đào tạo suốt hai mươi năm, trước khi anh trở thành một diễn viên điện ảnh. Anh ta nhiều lần đã chiến thắng tất cả các cuộc thi đấu kiếm lớn tại Nhật Bản, vì vậy tất cả mọi người đều biết anh là người tài giỏi nhất. Anh ấy rất đẹp trai và diễn xuất cũng khá hay. Là một diễn viên rất xuất sắc và được mến chuộng ở Nhật. Anh cũng đã được chọn là ngôi sao điện ảnh của một bộ phim Sử Thi Võ Sĩ Đạo, với đạo diễn tên tuổi lớn nhất tại Nhật Bản.

Họ được hỗ trợ bởi một công ty điện ảnh tầm cỡ trong cả nước. Công ty không tiếc chi phí trong việc cùng nhau dựng lên bộ phim này, từ người quay phim, chuyên viên âm thanh, kỹ thuật dàn dựng,chiếu sáng, thiết kế trang phục, âm nhạc cho đến đạo diễn tất cả đều thuộc loại siêu hạng.

Giống như tất cả các phim võ sĩ đạo, những câu chuyện thường rất đơn giản: Khi những người đàn ông xấu xuất hiện, diễn viên chính trong phim thuộc phe tốt sẽ chống lại họ. Không phải là một bộ phim phức tạp gì cả! Anh ta đã đóng vai chính trong nhiều bộ phim võ sĩ đạo, vì vậy vai diễn này sẽ không có vấn đề. Một vài tuần, công việc đóng phim khá dễ dàng, và nó sẽ tiếp diễn sang phần khác. Nam diễn viên này đã tự hào mình thuộc hạng xuất sắc, là ngôi sao điện ảnh, hành động thật chính xác. Không ai có thể thế vai diễn và đóng phim giỏi hơn anh, đạo diễn cũng đã hiểu rõ tâm anh ta như vậy.

Sau đó, cảnh chiến đấu đầu tiên đã được sắp xếp dàn dựng. Đạo diễn đã kiểm tra mọi thứ cẩn thận xong rồi, ông nói: "Ánh sáng chuẩn bị ! Quay phim chuẩn bị ! Hành động!" Những chiếc máy quay bắt đầu chạy ro ro ! Vào lúc đó, người đàn ông xấu xuất hiện từ phía sau một tảng đá, và nam ngôi sao điện ảnh thủ vai chính nhảy lên, vung lưỡi kiếm vòng quanh trong không khí, và giết ngay kẻ xấu. Nhưng đạo diễn hét lên: "Cắt! Không tốt! Chưa đạt!"

Ngôi sao điện ảnh này có một cái nhìn kỳ lạ vào mặt đạo diễn rồi nói: "Hừ!... Chưa có ai từng nói là sự diễn xuất của tôi 'không tốt'. Tôi là người xuất sắc nhất từ trước tới giờ. Anh làm như thế là có ý gì ?"

Nam diễn viên có một chút cảm giác tự tôn kỳ lạ. Nhưng trong khi đó phim trường đã được làm lại, và tất cả mọi thứ đã được chuẩn bị cẩn thận. Đạo diễn nói: "Ánh sáng, máy quay chuẩn bị–Hành động!" Những chiếc máy quay lại bắt đầu chạy – ro ro ! Và người đàn ông xấu nhảy ra từ phía sau tảng đá. Diễn viên chính nhảy lên, vung thanh kiếm của mình trong không khí hoàn hảo, và đã giết được kẻ xấu. –Cắt ! Chưa đạt! Chưa đạt! Đạo diễn lại nói. Diễn viên ngôi sao rất tức giận hỏi: –Tại sao chưa đạt? Ai đã từng nói với tôi rằng chỉ diễn một lần không có tái diễn hai lần hoặc nhiều hơn? Điều này thật là vô lý. Tâm tức giận của diễn viên ngôi sao xuất hiện. Đạo diễn nói: –Chúng ta vẫn phải làm lại một lần nữa! Những chiếc máy quay lại chuẩn bị bấm nút, và tất cả cũng đã chuẩn bị tín hiệu. Mặc dù rất tức giận, nam diễn viên chính này hít một hơi thật sâu, bình tĩnh lại và chỉ hoàn toàn tập trung tâm trí, anh tự nghĩ. "Có thể ông ấy

đúng. Có thể có một số sai lầm mà mình đang diễn xuất. Nếu vậy, lần này sẽ không để tái phạm lỗi nữa."

Mọi người đều im lặng trên các vị trí. "Ánh sáng, máy quay chuẩn bị – Hành động!" Tiếng đạo diễn ra lệnh. Những chiếc máy quay thu từng thước phim–ro ro ! Người đàn ông xấu xuất hiện, và diễn viên chánh nhảy lên vừa đúng lúc. Anh vung kiếm loang loáng với mức độ chính xác hơn mà anh từng thực hiện, nó giống như phép thần thông. Anh đã bay qua không gian và giết chết người đàn ông xấu hoàn toàn. Rồi hai chân anh đáp xuống nhẹ nhàng đúng vị trí đối diện vào ống kính máy quay . –Cắt. Cắt! Chưa đạt. Chưa đạt! Đạo diễn lại thốt lên lần nữa. Ngôi sao điện ảnh nghe những lời này và thực sự lên cơn thịnh nộ dữ dội. Anh chưa bao giờ tỏ ra giận dữ như thế trong suốt cuộc đời, anh nói lớn:

–Tôi là một ngôi sao điện ảnh, một võ sĩ có tầm cỡ tại Nhật Bản! Tôi cũng thuộc hàng thứ bảy trong Kiếm thuật. Không ai nói với tôi "Chưa đạt" đến ba lần. Thậm chí hai lần là quá nhiều. Tại sao ông lại chê tôi đóng vai chưa đạt? Tâm anh ta rất tức giận. Anh trừng mắt nhìn đạo diễn, một người đàn ông mập và thấp khoảng nửa kích thước của anh ta. Đạo diễn thấy rõ, nhưng tâm ông chẳng động. Ông đã hiểu một cái gì đó. Các máy quay đã được chuẩn bị sẵn sàng một lần nữa. Ánh sáng tiếp tục, và người phụ trách âm thanh xem tần thu của họ. Đạo diễn lại ra lệnh:"Ánh sáng, máy quay chuẩn bị – Hành động!" Các máy quay–ro ro! Và người đàn ông xấu xuất hiện đúng lúc, tay vung thanh kiếm của mình, nam diễn viên chánh nhảy lên và ngay lập tức chạy vào chỗ đạo diễn ngồi, anh hét: "Yaaahhhhh! Tao sẽ giết mày!" Anh ta lật đổ chiếc ghế đạo diễn và tóm lấy ông rồi bóp cổ họng, đè xuống đất.

Nhưng đạo diễn không một chút sợ sệt. Ông cười lên và hét: "Đúng! Khá lắm! Hành động như vậy là tuyệt vời !" Ha ha ha ! Ông rất hạnh phúc vì tâm ngôi sao điện ảnh này hoàn toàn đạt được cực điểm “chỉ làm như thế.” Khi nhận ra điều này, ngôi sao điện ảnh ngay lập tức hiểu rõ. Anh ta nâng đạo diễn đứng lên rồi lắng giọng xuống: –Ồ! Tôi xin lỗi ! Tôi xin lỗi ! Cảm ơn bạn rất nhiều cho việc giảng dạy này. –Ồ, không sao cả! Đạo diễn nói và tươi cười. Họ quay cảnh trên một lần nữa và tất cả các cảnh sau đó đã được thực hiện chỉ trong một hoặc hai lần. Diễn viên ngôi sao điện ảnh này hành động với tâm chỉ làm như thế, không kiểm tra danh tiếng của mình hoặc cảm giác hay ý tưởng của mình. Bộ phim đó sau này trở thành số một tại Nhật Bản, vì những cảnh hành động quá hoàn toàn sống động như thật với mọi người.

Đây là một người đạo diễn có mắt rất tinh nhuệ. Ông đã hiểu tâm của diễn viên mình. Ông biết rằng ngôi sao điện ảnh này quá tự tin cho mình là số một. "Tôi giỏi nhất! Không ai có thể chạm vào tôi !” Loại tâm này có một vấn đề. Đó là tâm kiểm tra, vì vậy ngay cả khi làm việc gì, hành động luôn luôn không đầy đủ trọn vẹn. Cho nên bằng cách đẩy diễn viên ngôi sao của mìnhđến cực điểm trong vai diễn, đạo diễn buộc anh ta phải hành động một trăm phần trăm của Tâm “chỉ làm như thế” để xuất hiện. "Yaaahhh ! Tao sẽ giết mày! " Vì thế, khi bạn đang làm một cái gì, chỉ dốc tâm làm điều đó. Sau đó, bạn và toàn thể vũ trụ này hoàn toàn trở thành một. Đó là bản chất của Cao Phong: Ba Cổng.

Cổng Thứ Tám: Đức Sơn Ôm Bát

Một hôm, Thiền sư Đức Sơn ôm bát đến Pháp đường. Tuyết Phong thấy vậy hỏi: – Lão sư, chuông chưa gióng, trống chưa đánh, mà ôm bát đi đâu thế ? Sư liền lui về phương trượng. Tuyết Phong bèn đem chuyện này kể lại với thủ tọa Nham Đầu Toàn Khoát. Nham Đầu nói : – Đường đường là Đại sư Đức Sơn mà không hiểu lời cuối. Đức Sơn nghe được, sai thị giả gọi Nham Đầu vào hỏi : – Ông không chấp nhận Lão Tăng phải không ? Nham Đầu kề tai Sư nói nhỏ ý mình, Sư bảo: Thôi được, đi đi. Hôm sau, Sư thăng tòa khai thị, quả nhiên với động thái khác hẳn hơn trước. Nham Đầu ra trước chúng, vỗ tay cười lớn, nói : – Vui thay! Lão sư đã hiểu được lời cuối. Về sau người trong thiên hạ không ai dám làm gì nỗi với lão nữa."

1. Thiền sư Đức Sơn không hiểu lời cuối. Vậy lời cuối là gì? 2. Nham Đầu thì thầm điều gì bên tai Lão sư Đức Sơn? 3. Động thái của Lão sư thế nào mà khác hơn trước kia? 4. Nếu bạn là Đức Sơn, và Tuyết Phong nói với bạn rằng chuông chưa gióng, trống chưa đánh, mà ôm bát đi đâu thế ? Bạn có thể nói gì với Tuyết Phong ?

Đây là Công án rất quan trọng và khó. Nhưng nếu bạn giữ tâm sáng suốt, rõ ràng, nó thực sự không mấy gì khó. Nó dạy cho chúng ta cách thấu đạt tình huống đúng, quan hệ đúng và tác dụng đúng.

"Lời cuối ” hoặc lời tối hậu, chỉ là một thuật ngữ cho tình huống đúng, quan hệ đúng và tác dụng đúng. Câu hỏi đầu tiên hỏi về việc này: Họ chưa rung chuông và chưa đánh trống để báo hiệu sự khởi đầu của bữa ăn trưa. Tuy nhiên, Thiền sư Đức Sơn lại mang bình bát đi vào trai đường để thọ thực. Vị trị nhựt nấu bếp trông thấy điều đó, và hỏi Sư, nhưng Sư chỉ quay lại và trở về phương trượng mà không giải thích bất cứ điều gì. Đó là điều rất lạ, bạn biết không? Vì vậy, trị nhựt bèn đem chuyện này nói cho Thủ tọa quản chúng Nham Đầu nghe, Nham Đầu trả lời, "Thiền sư của chúng ta không hiểu được lời cuối." Đây là cách khác để nói rằng, "Thầy của chúng ta không hiểu tình huống đúng, quan hệ đúng và tác dụng đúng." Bởi vì ông ấy hành động chưa đúng lúc. Ông không giữ đúng vị trí của mình.

Đó là ý nghĩa của những lời này. Vì vậy, vào thời điểm đó, lời cuối là gì? Vị trí chính xác, quan hệ chính xác, và tác dụng chính xác của Lão Đại sư là gì ? Đó là câu hỏi đầu tiên .

Câu hỏi tiếp theo: “Nham Đầu thì thầm bên tai Lão sư điều gì?" Khi Nham Đầu nghe vị trị nhựt báo cáo như thế, ông nói về Sư phụ của mình "Lão sư Đức Sơn không hiểu lời cuối !" Vì vậy khi nghe điều này, Sư trở nên khó chịu, bởi vì thủ tọa phải luôn luôn vâng lời và tôn kính Thiền sư. Tại sao Thủ tọa nói lời khiếm nhã về Sư phụ của mình? Do đó, Đức Sơn cho thị giả gọi Nham Đầu vào phương trượng để tra vấn: " Này Thủ tọa! Tại sao ông lại nói xấu về tôi? Ông không chấp nhận tôi ư ?" Nham Đầu thì thầm điều gì đó vào tai Thiền sư Đức Sơn, và Sư cảm thấy rất vui "Thôi được. Tôi hoan hỷ, đi đi”. Nó giống như một người vợ nhiễm thói càu nhàu với chồng và đem một số chuyện xấu về anh ta nói thèo lẽo với những người khác: "Chồng tôi là như thế này, thế nọ v.v...”Khi ông biết được điều này liền trở nên rất tức giận: "Bà không tin tôi ư?" Nhưng người vợ

nói, "Không, không phải tôi không tin ông. Ông làm như vậy thì như vậy. Ông là chồng yêu quý của tôi mà. Sao ông lại nghi ngờ tôi, xin đừng nghĩ quấy?" Sau đó, người chồng nói: "Ồ! Bà là một người vợ tốt." Không có vấn đề gì xảy ra cả.

Đây là câu hỏi thứ hai chỉ ra điều đó. Trước hết, vấn đề giữa họ là gì? Đó là câu hỏi đầu tiên. Thiền sư tỏ ra không hài lòng về câu nói của Thủ tọa Nham Đầu, và yêu cầu đưa ra lời giải thích. Bản chất câu trả lời của Nham Đầu là gì? Ông ấy thì thầm điều gì vào tai của Sư phụ mình? Điều này chỉ ra vấn đề về tình huống đúng, quan hệ đúng, và tác dụng đúng của sư Đức Sơn. Nhưng chính xác là những gì hiện Thủ tọa Nham Đầu thì thầm vào tai của Thầy mình để xoa dịu sự không hài lòng của Sư phụ? Có một điểm thú vị được nêu ra ở đây: Công án này đòi hỏi một câu trả lời rõ ràng thể hiện sự thấu hiểu của đệ tử về tình huống chính xác, mối quan hệ chính xác, và tác dụng chính xác .

Một số trường Thiền chỉ muốn nhìn thấy bạn đáp án cho câu hỏi này bằng cách đi đến các vị thầy giáo thọ và thực hiện một âm thanh thì thầm vào tai họ: "Psss, psss , psss..." Làm như vậy không đủ. Đây chỉ là hình thức bên ngoài hoặc xuất phát từ phản ứng của Nham Đầu. Nó không rõ ràng. Một câu trả lời như thế không có xương, và nó không hiển lộ sức trí tuệ. Giống như một con rắn phun phèo phèo. Nham Đầu nói gì chính xác bên tai để làm vơi sự không hài lòng của thầy mình? Một ngày nào đó, bạn làm cho ai rất tức giận vì bạn, và nếu bạn chỉ thực hiện những âm thanh xì xào trong tai của người đó, liệu có làm dịu sự tức giận của họ ít nhất trong giây lát không? Hay là thậm chí họ sẽ càng thêm tức giận hơn và đánh bạn! Vì vậy, một Công án như thế cho chúng ta thấy, làm thế nào để nhận thức được tình huống của chúng ta đúng, mối quan hệ đúng với tình huống đó, và tác dụng chính xác trong tình huống đó. Như thế gọi là Tuệ giác .

Rồi vào ngày hôm sau, Thiền sư Đức Sơn bước lên tòa để thuyết Pháp. Động thái của Sư khác hẳn trước đây. Ngài ban cho lời Pháp thoại lý thú. Nham Đầu đứng trước giảng đường vỗ tay và cười: "Bây giờ bậc thầy vĩ đại của chúng ta hiểu được lời cuối, lời tối hậu. Từ đây không ai có thể làm gì được Lão sư." Vì vậy, câu hỏi thứ ba hỏi: "Động thái ban Pháp thoại của Lão sư Đức Sơn như thế nào mà khác hơn trước?" Nếu bạn muốn hiểu lời Pháp thoại của ngài khác hơn xưa, bạn phải hiểu lời Pháp thoại trước đây của Sư là gì....Điều đó rất quan trọng. Đó cũng là một câu hỏi rất lớn, một Đại nghi tình .

Nếu bạn trả lời được những câu hỏi này, thật là tuyệt vời ! Nhưng sau đó chúng tôi có một vài câu hỏi cho bạn. Nó như bài tập ở nhà (home-work) rất khó. Thiền sư Đức Sơn mang bình bát vào Pháp đường. Tuyết Phong làm trị nhựt nói với Sư rằng : "Kính bạch Lão sư, chuông chưa rung và trống chưa đánh, ngài mang bát đi đâu?" Nếu bạn là Thiền sư trong tình huống đó, bạn phải đáp ứng ra sao? Vì bạn đã tạo ra một sai lầm lớn ở trước mặt nhiều môn sinh. Tạo ra một sai lầm không phải là vấn đề, nhưng làm thế nào để bạn thực hiện nó chính xác hay không? Có lẽ những môn sinh của bạn sẽ nghi ngờ bạn từ bây giờ. Họ sẽ kiểm tra xem bạn và không tin tưởng trong sự giảng dạy của bạn. Thiền sư Đức Sơn tạo ra một sai lầm lớn hơn, thay vì chỉ đơn giản là đáp ứng câu trả lời của Tuyết Phong, ông lại quay gót đột ngột và trở về phòng mình. Nếu Sư mở miệng và nói điều gì đó phù hợp với Tuyết Phong, thì có lẽ Thủ tọa Nham Đầu, sẽ không

tạo ra lời nói xấu về thầy của mình. Thiền sư sẽ không có lý do để tức giận với người đệ tử đứng đầu của mình, và sẽ không cần phải có những tiếng thì thầm trong tai của Sư. Sẽ không có chuyện xấu xảy ra trong Thiền viện, bởi vì, như chúng ta thấy, tất cả các vấn đề trong Công án này đến từ sai lầm của Thiền sư Đức Sơn. Nếu Sư nói chuyện với Tuyết Phong, dù thế nào, Sư cũng phải hoàn toàn kết thúc.

Điểm của câu hỏi thứ tư này, làm thế nào Thiền sư Đức Sơn nên sửa chữa sai lầm của mình? Có một câu chuyện nổi tiếng cho thấy cách này có thể thực hiện được. Cách đây khá lâu, vào một đêm, trước khi trở thành một đại Thiền sư, Thầy của tôi là Cổ Phong, đi ra ngoài và đã uống rượu thật say. Ông trở về chùa rất muộn. Vào lúc đó, chư Tăng đã thức dậy và bắt đầu buổi công phu khuya. Nhưng Cổ Phong chỉ ở trong phòng, nằm trên giường và nói lớn tiếng những điều xấu về Sư phụ của mình là Thiền tổ Mãn Không:"Mãn Không không hiểu tí nào về Giáo Pháp! Ông ấy là hạng tồi ! Giảng dạy những điều hoàn toàn nhảm nhí ! Nà na ná na!” Hành động này đi qua trong khoảnh khắc im lặng. Tất cả các tu sĩ khác lấy làm sợ hãi, bởi vì Hòa thượng Mãn Không là vị thiền sư lớn nhất tại Hàn Quốc, ngài cũng là một người có phước đức và uy tín rất lớn trong việc trùng tu xây dựng nhiều chùa! Thiền sư Mãn Không đang trên đường đi đến Chánh điện, ngang qua phòng Cổ Phong, nghe được

những điều quở trách lớn tiếng như vậy. Ngài mở cửa bước vào hỏi:" Cổ Phong, sao ngươi lại la hét nói xấu về ta? Thật là không tốt." Một số Chư Tăng đứng xung quanh, nhìn thấy, tự hỏi điều gì sẽ xảy ra?

Lúc đó, Cổ Phong đứng thẳng trên giường, và nhận ra Sư phụ đã đến trước cửa phòng mình: Ông thực sự gặp phải rắc rối. Ông đã mắc một sai lầm lớn. Bây giờ làm thế nào để ông thực hiện hành động cho chính xác? Sư phụ của ông là bậc tôn túc, trưởng thượng rõ ràng. Tất cả chúng Tăng đang theo dõi rất chặt chẽ từ bên ngoài . Bất cứ ai khác trong tình huống này sẽ co rúm lại trong sợ hãi, có thể lắp bắp hoặc là quá xấu hổ để nói bất cứ điều gì. Nhưng không, Sư Cổ Phong đã không có gì ngần ngại. Ông chỉ đơn giản mỉm cười và nói: –Bạch sư phụ! Con đâu có nói bất kỳ lời xấu gì về thầy! Điều này đã làm cho Thiền sư Mãn Không lại càng tỏ ra không hài lòng: –Cái gì? Ngươi vừa mới la lối nói xấu về ta. Tất cả chư Tăng đều nghe! Chính ta cũng nghe như thế. –Bạch sư phụ! Không, con không hề nói bất cứ điều gì xấu về thầy. Con chỉ nói về Mãn Không chả có gì tốt mà thôi. Sau đó, Thiền sư Mãn Không nói: "Mãn Không và ta giống nhau hay khác nhau? –Katz ! Cổ Phong hét lớn. Thiền sư Mãn Không cười toe toét và bảo: –Ngươi đã uống rượu khá nhiều, Thôi bây giờ nên đi ngủ đi !

Vì vậy, cho dù bạn có tạo ra một sai lầm hay không, điều đó không quan trọng. Tất cả mọi người tạo ra những sai lầm, thậm chí như Thiền sư Đức Sơn. Điều quan trọng nhất là cách bạn lấy sự sai lầm tạo cho nó một tình huống chính xác như Thiền sư Cổ Phong thể hiện: “Con không hề nói bất cứ điều gì xấu về thầy. Con chỉ nói về Mãn Không chả có gì tốt mà thôi." Cổ Phong luôn luôn giữ một tâm sáng suốt rõ ràng từng sát na và trong mọi tình huống. Vì vậy, sai lầm của ông không phải là một sai lầm: Điều đó vẫn còn giáo hóa cho chúng ta, bởi vì ngay lập tức ông có thể chuyển nó đến một mục đích trong sáng rõ ràng. Thiền sư Đức Sơn đã làm một sai lầm, và toàn bộ chư Tăng trong

Thiền viện bị xáo trộn, nếu ngài chỉ đi trở lại phòng của mình mà không tạo ra sai lầm của mình thành chính xác. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, hoặc tâm đã thực hiện một sai lầm. Làm thế nào để ngài sửa chữa nó? Đó là điểm của câu hỏi thứ tư này .

Cổng Thứ Chín: Nam Tuyền Giết Mèo

Một hôm, Thiền sư Nam Tuyền từ nơi phương trượng nghe tiếng ồn náo, vì có con mèo rất dễ thương từ bên ngoài chạy vào thiền viện. Tăng chúng ở hai dãy nhà phía Đông và phía Tây, đua nhau tranh giành lấy nó. Thiền sư Nam Tuyền thấy vậy rất giận, tóm lấy con mèo đưa lên và nói, "Này các ông! Hãy cho ta một lời, ta sẽ tha cho con mèo này! Nếu các ông không nói được, ta sẽ giết nó". Tăng chúng im lặng, không ai dám thốt lời nào. Vì vậy Nam Tuyền liền giết chết con mèo.

Chiều tối, Triệu Châu trở về nghe Nam Tuyền kể lại sự việc. Triệu Châu liền cởi đôi giày cỏ của mình, đặt lên trên đầu và lui ra. Nam Tuyền nói: "Nếu khi sáng ông có mặt ở đó, thì có thể cứu sống được con mèo rồi. "

1 . Nam Tuyền cho biết , "Hãy cho ta một lời ! " Lúc đó bạn có thể làm gì? 2 . Triệu Châu cởi giày cỏ của mình để trên đầu. Điều này có nghĩa gì?

Đây là một Công án Đại Từ, Đại Bi. Nếu bạn có Đại Từ và Đại Bi, thì sự yêu thương và bạn hành động của bạn không có điều kiện. Tình yêu vô điều kiện nghĩa là không có quan điểm "Tôi", điều kiện "của tôi" và tình huống "thuộc về tôi". Chỉ giúp đỡ người khác. Vì vậy, làm thế nào để cứu sống con mèo này ?

Có một câu chuyện trong Kinh Thánh sẽ chỉ cho bạn nhận ra điều này. Thuở xưa vua Solomon được toàn dân ngưỡng mộ trên toàn cõi đất nước Israel về sự thông thái, khôn ngoan sâu sắc của ông. Một ngày nọ, có một sự kiện lớn, cả hai người phụ nữ đã được giải vào cung điện để nhà vua đích thân xử vụ tranh giành một đứa bé. Một bà nói: " Nó là con của tôi ! " Bà kia nói: "Không, nó là con của tôi !" –Không, con tôi! Tất cả các thẩm phán lớn trong vùng không thể giải quyết vấn đề khó khăn này, vì thời đó không có pháp y để lấy mẩu DNA, do vậy, sự việc đã được trình lên vua xử phán.

Vấn đề này thực sự là khá đơn giản, nhà vua bèn một tay nắm đứa bé và tay kia cầm thanh kiếm đưa lên rồi phán: "Kể từ khi cả hai ngươi quyết liệt tranh giành đứa bé, không ai chịu nhận sự phải trái, nay ta sẽ chặt đứa bé ra làm hai để chia cho hai ngươi. Mỗi người các ngươi sẽ nhận một nửa phần thân thể của nó, như thế không còn ai tranh chấp nữa". Vừa dứt lời, nhà vua vung gươm toan chém đứa bé. Ngay sau đó, một trong hai người phụ nữ vội vàng chạy tới quỳ tâu với nhà vua với sắc mặt đầy sợ hãi: "Muôn tâu bệ hạ! Xin tha tội chết cho đứa bé, tiện nữ xin nhường đứa bé này cho bà kia làm con." Và quay về phía người đàn bà kia nói: "Bà hãy mang đứa bé này về. Nó là con của bà đó." Nhưng nhà vua ra lệnh cho người phụ nữ vừa can vua chính là mẹ của đứa bé.

Tình huống này gần giống như tình huống mà Nam Tuyền đưa ra cho Tăng chúng của hai bên nhà Đông và Tây. Nhưng trong tình huống cụ thể của Nam Tuyền, bạn không thể đáp ứng được. Bạn không thể trả lời một cách đơn thuần như người mẹ này trả lời.

Nó đòi hỏi một sự phản ứng cẩn trọng tỉ mỉ hơn.

Có hai trăm năm mươi tu sĩ trong mỗi bên Tăng xá. Mỗi bên cho rằng con mèo là thuộc quyền sở hữu của họ. Vì vậy, Nam Tuyền nắm giữ con mèo và một con dao. Nếu có vị Tăng nào bước ra phía trước và nói: "Thôi được, các bạn cứ giữ nó," nhưng rồi sẽ có vị Tăng khác cũng tiến đến phía trước và nói : "Không! Bạn không thể cho nó được. Đó là con mèo của tôi." Và cuộc tranh giành sẽ tái diễn lại lần nữa. Như vậy, trong tình huống này chỉ thật sự phải có tình yêu thương vô điều kiện mới cứu được con mèo. Nếu bạn muốn đạt được Công án này, bạn nên đi xem phim cao bồi. Những loại phim đó chỉ dạy rất đơn giản, chủ yếu đến hai điều: Tình và Tiền. Khi nào bạn học được loại tình yêu mà họ thể hiện trong các bộ phim cao bồi, thì Công án này không có vấn đề gì cả. (Tiếng cười từ khán giả)

Có một cách khác để nhìn thấu Công án này. Chúng tôi phân tách các phương cách khác nhau của thực tế nhận thức thành bốn biểu thức: Không Như–thị, (Without like–this) Hợp–nhất Như–thị (Become One Like–this) Như–thị (Just–Like–this) và Chính-như Như–thị (Just–Like–This–Truth).

Không Như thị có nghĩa là Nguyên điểm. Điểm đó là trước khi suy nghĩ, vì vậy lời nói và chữ nghĩa không thể diễn tả nó. Nó là thời điểm hoàn toàn hư vô và tĩnh lặng, không có bất cứ thứ gì.

Hợp- nhất Như–thị có nghĩa là tất cả mọi thứ trở thành một. "Bạn từ đâu đến?" [Đánh gậy thiền xuống bàn] "Khi bạn chết rồi bạn đi đâu? " [Đánh gậy thiền xuống bàn] "Hư không có Phật tánh không?" [Đánh gậy thiền xuống bàn] Điểm này chứng minh như

thế nào cho tất cả mọi thứ trở thành một. Không thể cố gắng giải thích điểm đó, bởi vì điểm đó không thể được hiển thị bởi lời nói hoặc chữ nghĩa. Làm thế nào bạn có thể chứng minh Nguyên điểm? Làm sao tôi có thể dạy cho bạn Nguyên điểm? [Đánh gậy thiền xuống bàn] Chỉ đánh, hoặc đưa lên một ngón tay, hoặc tiếng hét Katz! Điều gì đó tương tự như vậy mà theo nghĩa đen chứng minh tất cả mọi thứ trở thành một.

Điểm tiếp theo là Như–thị. Thật là thú vị ! Nếu bạn thực sự đạt được Nguyên điểm– điểm này [Đánh gậy thiền xuống bàn]– sau đó tâm bạn như thái hư. Khi tâm bạn rõ ràng như thái hư, trong sáng như một tấm gương: đỏ đến, hiện đỏ, trắng đến, hiện trắng. Tất cả mọi thứ chỉ đơn giản là trong tâm bạn phản ánh rõ ràng như gương, như chính nó đang hiện hữu. Bạn nhận thấy trời xanh lơ. Cây xanh lá. Muối mặn. Đường ngọt. Tất cả mọi thứ đã là sự thật, như chúng đang là. Chúng tôi gọi đây là “Như–thị”, bởi vì tất cả mọi thứ “Như–thị” là sự thật.

“Như–thị” là sự thật, nhưng nó vẫn là một cách trả lời siêu thực. "Phật là gì?" –Trời xanh; "Pháp là gì?" –Bên ngoài gió thổi; "Pháp tánh là gì ?" –Bức tường màu trắng; "Chúa là gì?"–Sàn nhà màu nâu. Tất cả những đáp án này chỉ thẳng trực tiếp đến Chân lý. Nhưng chúng vẫn chỉ giải thích sự thật, vì vậy đôi khi chúng ta gọi chúng là những đáp án loại siêu thực. Những đáp án này rất rộng rãi bao la. Vì vậy, nếu bạn có một câu hỏi rộng như "Phật là gì?" Những đáp án như thế là đủ.

Tuy nhiên, nhiều lúc chúng ta đang ở trong tình huống để hỏi một câu hỏi rất cụ thể, hoặc một câu hỏi nhấn mạnh. Trường hợp đó, câu hỏi cụ thể này đòi hỏi một câu trả lời cụ thể, một cái gì đó chỉ trực tiếp vào tình huống. Mỗi ngày, chúng ta gặp phải những tình huống mà chỉ có thể được trả lời một vài điều rõ ràng, hành động trực quan: chỉ lời nói thôi không đủ. Ví dụ: Đây là cái tách. Nếu bạn gọi nó là một cái tách bạn đang dính mắc với tên và hình thức. Nếu bạn nói nó không phải là một cái tách, bạn đang dính mắc với không. Vì vậy, tôi hỏi quý vị, đây có phải là cái tách hay không? Một số người sẽ trả lời, "Trời xanh" hoặc "Cây xanh". Chứng tỏ muốn thể hiện một số sự thật, nhưng sự thật đó, nó không tiềm ẩn bên trong của chính nó, không phải là đáp án đúng cho câu hỏi này. Đáp án đó không kết nối trực tiếp bản chất thật sự của bạn và bản chất của cái tách. Vì đây là một câu hỏi nhất điểm: Đây có phải là cái tách hay không? Nếu bạn trả lời với một số sự thật, bạn không thể diễn đạt bản chất thật sự của cái tách. Bạn không thể hiện bản chất thật sự của tình huống đặc biệt này và mối quan hệ của bạn với cái tách, cũng như tác dụng chính xác của cái tách . (Có người đứng bên cạnh Thiền sư) Vì vậy, tôi hỏi bạn, đây có phải là một cái tách hay không? (Người đó nâng tách nước lên và uống nó.) Đúng! Đó là tình huống chính xác

đang ở trong bạn, giữa bạn và cái tách này. Nó thể hiện mối quan hệ chính xác của bạn với tình huống đó, và tác dụng chính xác của bạn là chỉ cần uống tách nước. Quan điểm này cho thấy cách bạn sử dụng nhận thức chân lý để hoạt động tốt, làm cho cuộc sống đúng nghĩa hơn. Làm cho cuộc sống đúng nghĩa là tác dụng. Một câu hỏi nhất điểm đòi hỏi một câu trả lời nhất điểm. Đó là Chân lý “Chỉ–như–vậy”.

Không Như–thị là không có gì, chỉ có sự tĩnh lặng. Hợp–nhất Như–thị là cắt đứt mọi suy nghĩ, sự biểu hiện của Nguyên điểm, bản thể phổ quát. [Đánh gậy thiền xuống bàn] Như thị là Chân lý: khi bạn thấy, khi bạn nghe, khi bạn ngửi, khi bạn nếm, khi bạn xúc chạm và khi bạn nghĩ tưởng, tất cả mọi thứ là Chân lý. Chỉ như vậy.

Tiếp theo, làm thế nào để nhận thức này trở thành chức năng thực tế trong cuộc sống của bạn, từ khoảnh khắc sang khoảnh khắc để giúp đỡ tất cả chúng sanh? A! Trời xanh, cây xanh. Đó là sự thật. Nhưng nếu có ai đang đau khổ trước mặt bạn, làm thế nào để bạn có nhận thức này và hoạt động rõ ràng với họ? Đó là điểm của Chỉ–như–vậy.

Thuở xưa, bất cứ lúc nào có người hỏi Triệu Châu một câu hỏi, Sư liền bảo "Đi uống trà!" –Bạch Sư phụ, con muốn hiểu Phật. Phật là gì? –Đi uống trà! –Bạch Sư phụ, con muốn hiểu giáo pháp cao nhất của tất cả các vị Tổ sư. Pháp là gì? –Đi uống trà !

Câu trả lời này rất sâu sắc. Nó bao gồm tình huống đúng, quan hệ đúng, tác dụng đúng. Đó là cuộc sống đúng. Nhưng thực sự có hai cách khác nhau để thể hiện tác dụng đúng của chúng ta, hoặc phản ứng với các tình huống xuất hiện trong cuộc đời này, tại thời điểm này. Chúng tôi tỉ mỉ phải tách riêng sự giáo huấn Chỉ–như–vậy, vì một lý do rất quan trọng, như chúng ta sẽ thấy. Đầu tiên, đó chỉ là hành động "của tôi" từng khoảnh khắc, làm thế nào tôi giữ tình huống đúng “của tôi”, quan hệ đúng, và tác dụng đúng với thế giới này. Mà chỉ hướng đến công việc của tôi là giúp đỡ tất cả chúng sanh. Hành động đúng của tôi và cuộc sống đúng có thể Chỉ–như–thế. Có vị Tăng hỏi Thiền sư Triệu

Châu, "Thưa thầy. Con vào tu viện đã lâu, xin ngài dạy cho con Phật Pháp". Triệu Châu hỏi: – Ông đã ăn sáng chưa? " Tăng đáp : –Dạ rồi . Sau đó, Triệu Châu nói:

–Hãy rửa bát đi ! Tăng nghe liền tỏ ngộ .

Ông Tăng ấy thấu rõ công việc trong cuộc sống thường ngày của mình và tâm của mình. Nghĩa là ông ấy đạt được Chủ thể Chỉ–như–vậy (Subject Just–like–this.)

Nhưng Công án về việc Thiền sư Nam Tuyền nắm con mèo đưa lên đòi hỏi một phản ứng thận trọng nhiều hơn nữa. Nó không phải là một Công án Chủ thể Chỉ–như–vậy. Nam Tuyền một tay nắm con mèo đưa lên, tay kia cầm con dao và nói: "Này các ông! Hãy cho ta một lời, ta sẽ tha cho con mèo này! Nếu các ông không nói được, ta sẽ giết nó".

Vào lúc ấy, nếu bạn ở đó, bạn có thể làm gì? Nhiều truyền thống Thiền nổi tiếng dạy rằng để trả lời Thiền sư Nam Tuyền, bạn chỉ cần "trở thành một" với con mèo, và đó là tất cả các bạn có thể làm. Thiền sư hỏi bạn câu hỏi đó và bạn nói "Meo meo ! Meo meo !" Câu trả lời đó không hay lắm. Nó không mang lại cho môn sinh thành tựu bất kỳ loại trí tuệ nào, hoặc là hành động của Bồ tát. Không có chức năng Từ bi kết nối Chân ngã của bạn với con mèo đã bị bắt trong tình huống đặc biệt đó. Giống như tiếng thì thầm mà một số vị thầy muốn bạn thực hiện trong tai Thiền sư Đức Sơn.

Thốt ra "Meo Meo" là chỉ phản ánh sự việc đúng như sự thật, nhưng không thực hiện đúng chức năng thật Từ bi đối với người khác. Đó là một câu trả lời chết (tử ngữ). Loại trả lời không rõ ràng, bởi vì nó không cứu giúp được con mèo. Đây là những gì sư Nam Tuyền tìm kiếm một người có lòng Đại từ Đại bi trên hết tất cả. Sư không muốn một số phản ánh của con mèo do sư đang nắm giữ dưới một con dao. Nam Tuyền muốn một vị Tăng tiến ra phía trước và cứu nó. Ông đang tìm kiếm một vị Bồ tát trong số Tăng chúng này. Đó là điểm rất quan trọng. Nếu Nam Tuyền hỏi bạn câu hỏi này và bạn chỉ cần nói, "Meo" tức là bạn chẳng khác gì một con vẹt. Có lẽ sư sẽ giết con mèo và luôn cả bạn! Ha, ha, ha!

Chúng ta hãy lấy phong cách của sự trả lời đó và quay trở lại tình huống với em bé. Vua Solomon nắm em bé, một tay đưa lên và tay kia cầm thanh gươm rồi nói: "Đứa bé này là con của ai? Nếu trả lời một cách chính xác, thì nó là con của các ngươi. Nếu các ngươi không thể quyết định dứt khoác, ta sẽ chém đứa bé làm hai mảnh và cung cấp cho mỗi người một nửa". Lúc đó, nếu người phụ nữ chỉ khóc như một đứa trẻ "Waaah! Waaah! Waaah" thì câu chuyện sẽ không kết thúc theo cách nó đã diễn ra. Và chắc chắn mỗi người phụ nữ sẽ nhận được một nửa phần thân thể của đứa bé. Điều đó quả thật quá bi đát! Nhưng có một người phụ nữ đã "trở thành một" với đứa bé, khác nào thuộc lãnh vực

nhiếp ảnh phản ánh sự thật của tình huống này trong bối cảnh hiện hữu là bà ta hoàn toàn kết nối với câu hỏi của nhà vua trong tình huống và điều kiện của đứa bé vào thời điểm đó. Sau đó, một câu trả lời đúng tự nhiên xuất hiện. Đây là Trí tuệ và lòng Từ bi. Điều này được gọi là Đối tượng Chỉ–như–vậy (Object Just–like–this). Vậy thì, vị trí đúng, quan hệ đúng và chức năng đúng của bạn liên quan đến đối tượng Công án này là gì ?

Đây có phải là một ly nước hay không? Chỉ có đáp án đầy đủ cho bạn chứng minh chức năng chính xác của bạn liên quan đến với cái ly. Đó là Đối tượng Chỉ–như–vậy. Nhưng nếu bạn có cái tâm Bồ tát thật sự và trực tiếp, bạn phải có khả năng sáng suốt tự động nhận thức chính xác tình huống của bạn và chức năng liên quan đến với đối tượng này.

Đó là lý do tại sao chúng tôi chia quan điểm giảng dạy này ra thành: Chủ thể Chỉ–như–vậy và Đối tượng Chỉ–như–vậy, để chứng minh làm thế nào bạn có thể hoạt dụng một cách tỉ mỉ trong mọi tình huống. Đây là cách đơn giản để thể hiện nó: Khi đói, bạn sẽ làm gì? Bạn ăn. Khi khát, bạn sẽ làm gì ? Bạn uống. Đây là Chủ thể Chỉ–như–vậy. Nó là tình huống chính xác của chủ thể khi đói, quan hệ chính xác đến người đói, và chức năng chính xác "ăn" trong tình huống đó.

Tuy nhiên một người đói đến với bạn, vậy bạn có thể làm gì? Bạn có giả vờ là mình cũng đói không? Rồi bạn ăn một cái gì đó chỉ cho riêng mình được không? Không, điều đó không giúp ích cho kẻ khác: Nên cung cấp cho họ một ít thực phẩm. Nếu một người khát nước đến với bạn, bạn hành động như bạn bị khát nước, rồi chỉ lấy cho mình một cái gì đó để uống được không? Điều đó thực sự có giúp cho người khác đỡ khát không? Không, bạn cần nên cho họ một món gì để uống. Nếu ai đó đang đau khổ, bạn có thể làm gì? Bạn phải an ủi giúp đỡ họ để giải trừ nỗi đau khổ cho họ. Đó là Đối tượng Chỉ –như–vậy.

Có những vị thầy dạy Thiền hỏi môn sinh: "Một em bé tiểu ướt ra quần của nó. Ý nghĩa sau đó của việc này là gì?" Nếu bạn đáp rằng: "Đây là tình huống của em bé đang khóc vì tã ướt". Thầy sẽ nói: "Ồ, tuyệt vời! Điều đó thật chính xác!" Vâng, một câu trả lời như thế, có thể cho một môn sinh mới bắt đầu nhập môn, nhưng từ một Thiền sinh già giặn hơn, sự nhận thức cao cấp là cần thiết. Chỉ ra tình huống em bé bị tã ướt không giúp em bé. Trong trường Thiền này, nếu bạn được hỏi như thế, thì đáp án rõ ràng là: Làm thế nào tâm bạn kết nối với em bé này trong từng khoảnh khắc, ngay thời điểm này? Bạn chỉ thay đổi tã cho bé. Đó là tâm Bồ Tát. Đó là Đối tượng Chỉ–như–vậy. Đây là quan điểm tổng thể của sự ngồi xuống để tu tập tham thiền.

Tách biệt những đường lối giảng dạy này là một cuộc cách mạng để đổi mới trong thực tập Công án Thiền. Những năm trước đây, nếu một vị Tăng chọn một Công án rồi đi vào núi hạ thủ công phu trong nhiều năm, cho đến khi tỏ ngộ. Điều đó có thể, bởi vì cuộc sống của một nhà sư không cần phải luôn luôn tham gia với thay đổi tình huống trong một thế giới bận rộn. Nhưng ngày nay nhiều người phải kết nối sự tu tập của họ với cuộc sống trong một xã hội phát triển nhanh chóng và phức tạp. Nếu bạn chỉ giữ phương thức thiền định như vậy, và phong cách "trở thành một" của việc sử dụng những Công án, bạn bị dính mắc với lối truyền thống xưa cũ và chết cứng. Sau đó Công án của bạn thực hành không có ứng dụng thực tế và tự nhiên với cuộc sống trong thế giới hiện đại. Đây là lý do tại sao Thiền tông đã mất hút ở Trung Quốc cũng như các nước lân cận. Thực hành Thiền và thực hành Công án không còn có thể kết nối với cuộc sống hằng ngày, vì vậy cả hai đều dãy chết. Thiền đã trở thành một thực thể bí truyền dựa trên thế giới bí mật và đằng sau – ẩn nghĩa. Thiền thực hành sau các triều đại nhà

Đường và Tống bị mất tất cả các hướng thực hành hạnh Bồ tát.

Phong cách Thiền của chúng tôi là trực giác nhận thức cách bạn sử dụng những Công án này để kết nối thực hành thiền định, tác dụng với hành động của Bồ tát trong một thế giới phức tạp. Đó là điểm tách biệt theo sự nhận thức thực hành Công án. Nó là một cuộc cách mạng Thiền.

Câu hỏi thứ hai trong Công án này hỏi: Triệu Châu để đôi giày lên trên đầu và quay đi. Điều này có yếu nghĩa gì? Đáp án của Triệu Châu dựa trên một truyền thống cũ của Trung Quốc và Hàn Quốc. Khi một người chết, họ thường để đôi giày cỏ, một đĩa thức ăn và trái cây ở ngoài hiên cửa trước. Đây là hành động được thể hiện khi linh hồn người chết đến thăm chơi, họ có thể ăn một cái gì đó và có một đôi giày để đi đến cõi trời. Giữ những đôi giày này bên ngoài có nghĩa là ai đó đã chết. Cách đây khá lâu, ở Hàn Quốc, theo phong tục khi vào nhà lúc làm lễ, bạn phải cởi giày và đặt chúng bên ngoài. Đó là ý nghĩa của câu hỏi này. Vào lúc đó, cái gì là bản chất của tình huống, quan hệ thích đáng, và tác dụng chính xác của bạn là gì? Tất cả ba điểm –BÙM!– Đến với nhau trong một điểm. Nó rất sáng sủa rõ ràng!

Cổng Thứ Mười: Chuột Ăn Thức Ăn Mèo

Chuột ăn thức ăn của mèo, nhưng cái bát của mèo bị vỡ bể.

–Nghĩa này là gì?

Công án này là một biểu thức hoàn toàn đạt đến Chủ thể Chỉ-như-vậy. Trong Chủ thể Chỉ-như-vậy không có đối lập, và tất cả mọi thứ hoàn toàn trở thành một. Chuột ăn thức ăn của mèo, nhưng bát mèo bị bể. Chúng ta hãy nói rằng ai đó không được tốt lắm. Cô ấy nói: "Ồ, tôi muốn mua một ít kem." Cô kiểm tra túi của mình và tìm thấy hai mươi lăm xu. "Tiệm kem ở đâu nhỉ ? A! Có một cửa hàng kem trên kia."Bảng hiệu cho biết, "Một cây kem hai mươi lăm xu". Cô ấy đặt trên tay người đàn ông hai mươi lăm xu, và người đàn ông đưa cho cô một cây kem. Kem đi vào dạ dày của bạn, và bạn cảm thấy ngon: "A! Thật tuyệt vời!" Vì vậy, chìa khóa đến với Công án này là “một phần tư đô la là hai mươi lăm xu”. Hai mươi lăm xu có thể mua kem. Kem đi vào dạ dày của bạn. "A! Tuyệt vời!"

Công án này rất cao cấp, nhưng nó lại quá dễ. Tất cả mọi người vì quá thông minh nên họ không hiểu. Nếu bạn trở nên hoàn toàn tối dạ thật thà, sau đó nó rất dễ dàng để thấu đạt Công án này. Làm thế nào chuột, thức ăn mèo, bát con mèo và kết hợp bị vỡ bể? Mọi đứa trẻ hiểu được điều này!

Ba Người Đàn Ông Đi Bộ.

Có ba người đàn ông đang đi bộ. Người đầu tiên tạo ra tiếng rít của thanh gươm, người thứ hai vẫy tay, và người thứ ba lấy trong túi đưa ra một chiếc khăn tay. Điều này có nghĩa là gì?

1. Nếu bạn đã có ở đó, chức năng chính xác của bạn là gì? 2. Quan hệ ra sao? 3. Tình huống là gì?

Đây là Công án Đối tượng Chỉ–như–vậy hoàn toàn. Nó giống như một trò chơi trên Ti-vi duy nhất. Người dẫn chương trình thông báo cho biết một vài điều và yêu cầu các thí sinh thực hiện đúng. "Được rồi, bây giờ, điều này có nghĩa là gì?"

Hoặc cũng giống như đi xem một bộ phim trong rạp chiếu bóng. Có chuyện gì đó buồn cười xảy ra trên màn hình. Trong toàn thể khán giả mỗi người cất tiếng cười thế này, người khác cười kiểu khác, và nhiều người khác vẫn cười theo mỗi cách khác nữa. Tình huống như nhau, nhưng ba người phản ứng theo những cách khác nhau. Có nghĩa là gì?

Nếu bạn hoàn thành Mười Cổng, bạn nhận được Công án này như là bài tập ở nhà đặc biệt (special home-work). Và nếu bạn vượt qua Công án này, một vị Thiền sư sẽ kiểm tra trung tâm của bạn, và bạn có thể nhận được Ấn khả./-

Tiểu sử

THIỀN SƯ SÙNG SƠN HẠNH NGUYỆN

Đại thiền sư Sùng Sơn Hạnh Nguyện, thế danh là Lý Đức Nhân (Duk In Lee) ( ), sanh ngày 04 tháng 07 năm Đinh Mẹo (01.08.1927) trong một gia đình theo đạo Cơ đốc Tân giáo (Tin Lành), tại Thành phố Seun Chun, Bình Nhưỡng, Bắc Hàn. Vào thời bấy giờ, nước Triều Tiên (Hàn Quốc) nằm dưới sự cai trị của quân đội Nhật Bản, các quyền tự do về chánh trị và văn hóa đều bị cấm đoán.

Năm 17 tuổi (1944), ngài tham gia phong trào đấu tranh đòi độc lập cho nước nhà, chưa đầy vài tháng bị cảnh sát Nhật bắt và kết án tử hình. Nhưng ngài tìm cách trốn khỏi nhà tù cùng hai người bạn, lấy một số đô-la của cha mẹ cho, vượt vòng kiểm soát gắt gao của quân biên phòng Mãn Châu, để tham gia lực lượng quân đội Hàn Quốc Tự do, nhưng cuộc mưu toan không thành. Ngài cùng các bạn trở lại học xong Trung học. Bấy giờ nước nhà biến loạn, rất nhiều gia đình chết thảm. Đất nước bị chia đôi.

Năm 1946, ngài quyết định từ bỏ quê hương miền Bắc đi vào Nam Hàn. Từ đó ngài không bao giờ gặp mặt cha mẹ nữa. Vào thời Đệ nhị Thế chiến, ngài học Triết Tây tại trường Đại học Đông Quốc (Dong Guk), tình hình Nam Hàn càng trở nên hỗn loạn... Một ngày nọ, ngài nhận ra rằng không thể giúp đỡ dân tộc mình trọn vẹn qua con đường hoạt động chánh trị hoặc học vấn. Do vậy, ngài bỏ đạo Tin Lành, quyết chí lên núi ẩn tu, nguyện không xuống núi nếu chưa tỏ ngộ Chân lý tối hậu.

Suốt ba tháng, ngài nghiên tầm Khổng giáo, và Lão giáo, nhưng không thỏa mãn. Sau đó, ngài được một Pháp hữu tu trong ngôi chùa nhỏ trên núi, trao cho quyển kinh Kim Cương, ngài bắt đầu tiếp xúc với Phật giáo. Khi đọc tới câu: “Phàm cái gì có hình tướng đều là hư dối. Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, tức thấy Như Lai”, tâm trí ngài bỗng nhiên sáng suốt lạ thường. Liên tiếp những tuần sau đó, ngài trở nên say mê trong việc tụng đọc các bộ kinh Phật. Cuối cùng ngài được nhận làm tu sĩ xuất gia và được thụ Đại giới (Tỳ khưu và Bồ tát) vào tháng 10, 1948.

Sau khi chuyên sâu và thấu rõ nghĩa lý diệu huyền các bộ kinh Phật, ngài nghĩ rằng, điều chính yếu giờ đây là phải nỗ lực tu hành. Vì thế, sau lễ thụ giới mười hôm, ngài

liền

lên núi Viên Giác và bắt đầu ẩn tu khổ hạnh đơn độc một trăm ngày. Ngài chỉ lót dạ bằng đọt tùng phơi khô tán bột, hoặc rau rừng, cà sống. Mỗi ngày trì chú Đại Bi hai mươi giờ và thường tắm trong nước giá lạnh. Thật là một lối tu quá khắc khổ. Chẳng bao lâu, trong tâm ngài những mối nghi ngờ vọng tưởng dấy khởi: Tại sao ta lại cần sống ẩn dật thế này? Tại sao phải tu khổ hạnh? Ta không xuống đồng bằng, ở một ngôi chùa nhỏ hẻo lánh nào đó, cưới vợ, sống trong mái ấm hạnh phúc gia đình và tu tập tiệm pháp như các vị Tân Tăng tại Nhật Bản có tốt hơn không?

Suốt đêm, những ý nghĩ này trở thành sức mạnh như thác lũ, lôi cuốn ngài thối chuyển muốn xách gói xuống núi. Nhưng sáng hôm sau thần trí định tỉnh, ngài kiên quyết gạt bỏ ý định ấy. Được vài hôm, tâm trạng đó lại diễn ra trong nhiều tuần lễ, ngài đã chín lần do dự và đều bị thử thách như thế.

Trải qua năm mươi ngày, thân ngài quá suy kiệt, tâm lý phức tạp. Hằng đêm hình ảnh ma quái hiện ra trong bóng tối với những cử chỉ khêu gợi lòng tham dục. Cảnh ác quỷ núp sau lưng giơ những ngón tay lạnh buốt chụp quanh cổ ngài, những con bọ hung to lớn gặm đôi chân ngài, cọp beo, rắn rít quanh quẩn trước mặt, tạo nên bao nỗi kinh hoàng không ngớt.

Hiện tượng này kéo dài suốt một tháng, rồi bắt đầu chuyển sang trạng thái hân hoan khác lạ. Đôi khi ngài thấy Đức Phật hiện ra thuyết pháp, rồi chư Bồ tát trong y phục tuyệt đẹp đến sách tấn tu tập. Có lần ngài quỳ suốt đêm, mệt mỏi rồi ngủ quên, Bồ tát Quán Âm nhẹ nhàng hiện ra đánh thức. Cuối ngày thứ 80, ngài khỏe hẳn, da thịt xanh xao như lá thông.

Một hôm, chỉ còn tuần lễ nữa là kết thúc kỳ ẩn tu, ngài ra ngoài để Thiền hành theo lối mòn nhỏ hẹp trong núi. Bỗng nhiên có hai cậu bé khoảng 11, 12 tuổi xuất hiện bên đường, cúi chào ngài rồi đi theo sau. Chúng trang phục áo quần nhiều màu sắc rực rỡ, với vẻ mặt đẹp đẽ siêu phàm. Ngài hết sức ngạc nhiên và cảm thấy có một năng lực hoàn toàn sáng suốt, tự nghĩ: Chả lẽ quỷ thần hiện ra chăng? Họ đi bộ cùng nhau trong im lặng khoảng nửa giờ, khi ngài trở lại để vào khoá lễ sám thì không thấy chúng đâu nữa. Có lần đang tụng kinh, ngài thể nhập ở cảnh giới không tịch, vẫn nghe rõ tiếng mõ lời kinh mình đang tụng. Ngài đã an trú trong trạng thái ấy một hồi lâu. Khi tâm thức trở về thân xác thì ngài nhận ra rằng, cảnh núi sông vạn vật ngài được thấy, âm thanh ngài được nghe, tất cả đều lưu xuất từ Chân tánh của mình. Chúng hiện ra trong tính Như Thật. Đêm đó ngài ngủ một giấc ngon lành.

Sáng hôm sau thức dậy, ngài trông thấy một người khách vác hành lý lên núi, vài con quạ bay ra khỏi lùm cây, liền cảm tác bài thơ như sau:

“Viên Giác Sơn hạ, phi kim lộ.
Bối khỏa hành khách, phi cổ nhơn.
Trạc! trạc ! Lý thanh quán cổ kim.
Khả! khả ! Ô thanh phi thượng thụ “.

(Đường dưới núi Viên Giác, không NAY.
Khách vác đồ lên non, không XƯA.
Chân bước suốt XƯA NAY : 'Tốc ! Tốc !'
Quạ bay lên cây kêu : 'Qua ! Qua !').
Sau khi kết thúc kỳ ẩn tu, ngài xuống núi, đến bái kiến Thiền sư Cổ Phong là vị được nối pháp từ Tổ sư Mãn Không (1872–1946). Cổ Phong là một Thiền sư rất nổi tiếng độc đáo và nghiêm khắc nhất tại Hàn Quốc .

Lúc bấy giờ, Thiền sư Cổ Phong đang giáo hóa đồ chúng tại một Thiền viện, Thiền sư nhận thấy giới tu sĩ không được nhiệt tình tu cho lắm để có những Thiền sinh ưu tú. Ngài Sùng Sơn muốn Thiền sư Cổ Phong khảo hạch sự tỏ ngộ của mình, vì thế sau khi đảnh lễ Cổ Phong, ngài cầm cái mõ và hỏi: "Bạch sư phụ, cái này là gì ?" Cổ Phong lấy cái mõ đánh vào nó và nói: "Ông hiểu rồi chứ !" Hành động này đúng như ngài mong đợi. Ngài liền thưa: – Xin cảm ơn. Bạch sư phụ, con nên thực hành Thiền như thế nào ? Cổ Phong nói : – Có lần Tăng hỏi Thiền sư Triệu Châu: 'Tại sao Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Quốc?' Triệu Châu đáp: 'Cây bách trước sân'. Nghĩa này là gì? Ngài hiểu, nhưng không biết trả lời ra sao, bèn nói: – Con không biết . Cổ Phong bảo : – Chỉ giữ lấy Tâm Không Biết. Đó là chân thực hành Thiền.

Mùa Xuân và Hè năm đó, ngài dành nhiều thời gian cho việc hành thiền. Sang Thu, ngài nhiếp niệm tĩnh tọa suốt một trăm ngày tại Thiền viện Tu Đức, đọc Ngữ lục và Pháp thoại. Qua mùa Đông, nhận thấy các tu sĩ ở Thiền viện này giải đãi trong việc tu thiền, nên ngài quyết định phải làm một điều gì để thức tỉnh họ.

Một đêm, đến phiên trực, (vì đã có vài vụ trộm trong chùa) ngài giả làm kẻ trộm vào nhà bếp lấy tất cả soong chảo xếp thành vòng tròn phía trước sân. Đêm sau, ngài xoay tượng Phật tại chánh điện, úp mặt Phật vào vách, rồi lấy chiếc lư trầm cổ, nó là báu vật của quốc gia, rồi đem treo trên cây hồng vàng trong vườn. Sáng ra, cả Thiền viện bàn tán xôn xao, mọi người cho rằng có những tên trộm liều lĩnh hoặc là những vị thần tiên trên núi xuống nhắc nhở họ trong việc tu tập.

Vào đêm thứ ba, ngài đến khu vực các sư Ni ở, lấy bảy mươi đôi dép bày ra trông giống một cửa tiệm giày dép, để trước phòng Thiền sư Đức Sơn. Nhưng lúc ấy có một cô Ni thức giấc ra ngoài. Khi thấy bị mất dép, cô Ni ấy đánh thức mọi người và họ phát hiện ra ngài đã làm chuyện kỳ lạ trên. Hôm sau, cả Thiền viện nhóm chúng lại để xử lý trường hợp của ngài. Mọi người đồng ý cho ngài ở lại nhưng với điều kiện phải sám hối với các bậc trưởng thượng nơi đây.

Trước hết, ngài đi đến đảnh lễ Thiền sư Đức Sơn, vị ấy bảo : "Hãy duy trì tu tập thật tốt". Rồi ngài đến chỗ vị Ni trưởng ngõ lời xin lỗi, bà nói: "Thanh niên như ông đã gây ra nhiều chuyện huyên náo trong Thiền viện quá lắm !" Ngài cười và nói: "Cả thế giới này đầy ắp sự huyên náo rồi, còn bà làm gì, thưa Ni trưởng ?" Bà ta không trả lời được.

Kế đó, ngài đến Thiền sư Xuân Thành, người mà có những hành động phóng khoáng và ngôn ngữ táo bạo nổi tiếng. Ngài đảnh lễ và thưa: "Con đã giết tất cả chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai. Còn ngài làm gì thưa Thiền sư ?" Xuân Thành nói: "A ha !" và nhìn sâu

vào đôi mắt ngài rồi bảo: “Ông đã thấy gì ?” Ngài đáp : “Con hiểu rồi !” Xuân Thành hỏi : “ Tất cả chỉ có thế phải không ?” Ngài đáp: “Có con chim gáy đang hót trong buội cây bên ngoài cửa sổ.”

Sau một hồi đối đáp bằng Thiền ngữ, ngài trả lời không chút khó khăn. Thiền sư Xuân Thành la lớn: “Ông đã ngộ rồi ! Ông đã ngộ rồi !” Tin này lan truyền nhanh chóng và từ đó mọi người trong Thiền viện mới chợt hiểu những gì đã xảy ra mấy bữa trước.

Vào ngày Rằm tháng giêng, trên đường đến Thủ phủ Seoul để cầu Thiền sư Cổ Phong kiểm chứng sự đạt ngộ của mình lần nữa, ngài đã tham vấn với Thiền sư Kim Phong và Kim Ngộ. Cả hai vị này đều Ấn khả cho ngài là một Thiền sinh đã đạt ngộ. Lúc đến chùa của Thiền sư Cổ Phong, ngài mặc chiếc áo vá nhiều mảnh và mang theo một túi xách cũ kỹ. Ngài đảnh lễ Thiền sư Cổ Phong và thưa :

–Bạch sư phụ, tất cả chư Phật cuộn tròn thành một bó xác chết. Làm cách nào để tổ chức một lễ tang? Cổ Phong bảo: “Hãy chứng minh !” Sùng Sơn thọc tay vào túi xách, lấy ra một con mực khô và chai rượu rồi nói: “Đây là những cặn thừa từ một phần đám tang.” Cổ Phong nói: “Thế thì cho ta chút rượu.” Sùng Sơn đáp: “ Được, xin thầy đưa ly đây.” Cổ Phong chìa lòng bàn tay ra. Sùng Sơn đưa thẳng cái chai và nói: – Không phải ly, nó là bàn tay của lão sư. Kế đó ngài đặt chai trên sàn nhà. Thiền sư Cổ Phong cười và nói : “Không tồi. Ngươi đã làm hết mọi chuyện, nhưng ta có vài câu hỏi thêm”.

Sau khi đối thoại bằng Thiền ngữ và đưa ra những Công án khó nhất trong số 1.700 Công án nổi tiếng của Thiền tông và được ngài trả lời thông suốt, Thiền sư Cổ Phong nói: – Được rồi, đây là câu hỏi cuối cùng . ‘Chuột ăn thức ăn của mèo, nhưng cái bát của mèo bị vỡ ’. Điều này có yếu nghĩa gì ? Ngài đáp: –Trời xanh, cỏ xanh. Thiền sư Cổ Phong lắc đầu nói: “Không đúng”. Ngài giật nẩy mình. Trước đây ngài đã đáp án không sai một câu nào cả. Mặt ngài đỏ dần lên, ngài liên tục trả lời câu này đến câu khác, nhưng Thiền sư Cổ Phong vẫn cứ lắc đầu. Cuối cùng ngài la lớn : – Đã có ba vị Thiền sư ấn khả cho con, sao sư phụ lại bảo con nói sai ?! Thiền sư Cổ Phong vẫn thản nhiên hỏi: – Nó có nghĩa là gì ? Hãy nói mau !

Suốt gần một giờ, Thiền sư Cổ phong và ngài ngồi đối diện nhìn chầm chập giống như hai con mèo đực gườm nhau. Với sự im lặng sấm sét, bỗng nhiên Ngài nói: “Chính Thật Như Vậy đó”. Khi nghe lời này với khuôn mặt tràn đầy hạnh phúc, Thiền sư Cổ Phong rơm rớm nước mắt, ôm chầm lấy ngài và nói: “Ngươi là bông hoa, còn ta là con ong”.

Ngày 25.1.1949, Thiền sư Cổ Phong chính thức trao truyền Chánh pháp Nhãn tạng duy nhất cho ngài vào lúc 22 tuổi. Từ đó, ngài Sùng Sơn trở thành Thiền sư nối pháp đời thứ 78, trong dòng Thiền Tào Khê tại Hàn Quốc. Sau lễ truyền pháp, Thiền sư Cổ Phong phán bảo: “Trong ba năm tới, ông phải luôn luôn im lặng. Ông đã là một người tự do tự tại, năm trăm năm sau, chúng ta sẽ gặp nhau”.

Sau đó, nhà nước ban hành lệnh tổng động viên, ngài bị bắt buộc phải gia nhập quân đội 5 năm (1952 – 1957) trong ngành Tuyên úy Phật giáo (A military chaplain) với cấp bậc Đại úy. Khi giải ngũ, ngài liền cạo tóc trở về nếp sống thiền môn, nhưng Thiền tổ Cổ Phong nhìn chằm chằm vào ngài và nói: “Không tốt, ông vẫn còn con mắt nhà binh.

Hãy tẩy trừ nó đi !" Ngài lại phải tìm nơi nỗ lực tu hành và nhập thất một trăm ngày.

Năm 1957, Thiền sư Cổ Phong lâm bệnh nặng, không thể đảm nhiệm trọng trách Viện chủ Chùa Hoa Khê và hướng dẫn đồ chúng tu học được nữa, Thiền sư họp chúng liền cử ngài làm trú trì kế thừa.

Một ngày nọ, ngài nghe đồn tại một ngôi chùa Nhật ở Seoul (Hán Thành) còn giữ năm trăm bộ hài cốt quân Nhật tử trận, vì gặp nhiều khó khăn về tài chánh, nên ngôi chùa này thuộc quyền quản lý của một số cư sĩ Phật tử Hàn Quốc. Họ không muốn giữ những bộ xương đó tại chùa, vì hình ảnh quân đội Nhật xâm lăng và thống trị Hàn Quốc, dân chúng phải chịu bao gian khổ lầm than, luôn dằn vặt tâm hồn họ. Khi nghe như thế, ngài liền đến đó và bảo với vị quản lý chùa rằng: – Dù là người Nhật hay người Hàn khi họ đã chết rồi, chẳng còn gì, chỉ còn nắm xương. Xương vẫn là xương người, tất cả như nhau. Tại sao phân biệt đối xử như thế? Rồi ngài mang tất cả những bộ xương ấy về chùa của mình. Mỗi ngày, ngài đều tụng kinh, niệm Phật, cầu nguyện cho những vong hồn bất hạnh.

Vài năm sau, Hàn Quốc và Nhật Bản tái thiết quan hệ ngoại giao, khi đó có nhiều người Nhật đến nước Hàn để tìm lại những bộ xương người thân quá cố. Cảm động trước tấm lòng vị tha cao cả của ngài, họ liền cung thỉnh ngài đến Nhật để xiển dương Chánh pháp. Từ đây (1962), Ngài bắt đầu công việc truyền bá Thiền tông ở nước ngoài. Khi hay tin ngài đến Nhật Bản, nhiều người Hàn Quốc cảm thấy tiếc nuối và than rằng: "Chỉ vì mấy bộ xương mà chúng ta đã mất đi một bậc Thiền sư vĩ đại".

Sau khi hoằng hóa tại Nhật mười năm, vào tháng 5. 1972, ngài đến Hoa Kỳ tiếp tục sự nghiệp truyền đăng của mình. Lúc đầu bỡ ngỡ, không biết tiếng Anh, nhân đi cùng chuyến bay từ Nhật sang Hoa Kỳ ngài gặp một vị giáo sư Đại học người Nhật và làm chủ một tiệm giặt ở Providence, Tiểu bang Rhode Island, có nhã ý mời ngài làm quản lý trông coi tiệm giặt. Ngài nhận lời, liền thuê phòng trọ và làm việc tại đây. Có tiền trang trải nơi ăn chốn ở, ngài dành thì giờ học tiếng Anh tại Đại học Brown, rồi viết chữ Zen to tướng trên giấy, dán tại cửa phòng mình, một số sinh viên đến tìm hiểu, ngài hướng dẫn họ tu Thiền. Một hôm, ngài được mời giảng về Phật giáo Thiền tông tại trường Đại học này bằng tiếng Nhật và chính vị giáo sư đó chuyển dịch sang Anh ngữ. Các sinh viên rất thích thú,

dần dần họ kết thân, lui tới tu học và không để ngài đi làm nữa, họ tự trả tiền phòng cho ngài. Cuối cùng họ nhập môn, làm đệ tử của ngài. Từ đó Thiền âm vang dội, ngài đã đi khắp đất nước Hoa Kỳ và nhiều nơi trên thế giới, để giảng dạy và hướng dẫn hàng vạn người tu tập Thiền tông, hàng trăm người tỏ ngộ được ngài ấn khả, và hàng chục người được truyền Tâm pháp trở thành Thiền sư. Đặc biệt, vào năm 1990, theo lời mời của ông Mikhail Gorbachev, Thiền sư Sùng Sơn bắt đầu những chuyến đi đến Liên Xô và các nước Đông Âu để dạy Thiền Đốn ngộ.

Ngài đã chứng minh thành lập hơn 120 cơ sở Phật giáo, bao gồm các Trung tâm và Trường Thiền Quan Âm tại Hàn Quốc, Nhật bản, Hồng Kông, Mã Lai, Trung Đông, Anh, Pháp, Đức, Nga, Bỉ, Israel, Hoa Kỳ, Mễ, Nam Phi và Ba lan v.v... Ngài đã cho xuất bản

một số tác phẩm về Thiền như: Rơi Tro Trên Thân Phật (Dropping Ashes On The Buddha), Thế Giới Nhất Hoa (The Whole World Is A Single Flower), Mười Cổng (Ten Gates), Chỉ Không Biết (Only Don‘t Know), Xương Hư Không (Bone of Space), Thiền Tông Chỉ Nam (The Compass of Zen)…

Là vị Thiền sư đạt ngộ và thân chứng diệu lý Thiền tông, ngài có sức cảm hóa kỳ lạ đối với các môn đồ và mọi giới. Đặc biệt là những tín hữu Cơ Đốc giáo, trong nhiều năm Ngài đã hướng dẫn họ thực hành Thiền tại Tu viện Gethsemani, Trappist của những tu sĩ dòng kín ở Tiểu bang Kentucky, Hoa Kỳ. Ngài là một Thiền sư Hàn Quốc đã đóng vai trò quan trọng trong công cuộc xiển dương Thiền tông tại phương Tây và thế giới . Nhận thấy tuổi hạc đã cao, bệnh duyên chi phối, gót chân du phương của ngài tung rải Ánh đạo vàng, đã in dấu trải dài theo bóng ngả đường chiều của cuộc đời giả hợp, sắp đến hồi kết thúc. Hạnh nguyện hoằng pháp lợi sanh cũng đã hoàn mãn, ngài bèn giao phó trách nhiệm gánh vác Phật sự khắp nơi cho các môn nhơn đệ tử kế thừa. Sau đó, ngài trở về Seoul, nơi quê hương chốn Tổ vào năm 2002, để tịnh dưỡng cuối đời và xả báo thân tịch diệt tại Tổ đình Hoa Khê, núi Viên Giác vào ngày 30 tháng 11, 2004. Nhằm ngày 19 tháng 10 năm Giáp Thân. Trụ thế 77 tuổi, Tăng lạp 56. Kế thừa Đạo nghiệp Tông phong Tổ vị 55 năm.

Pháp tử Thích Giác Nguyên tự Không Mãn Phụng soạn và dịch

Mọi sự liên lạc góp ý xin qua Email: thaikhong2002@yahoo.com

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.